

VI HỢI

DÁNG HÌNH PƠ MU

TIỂU THUYẾT



“Cách mạng muốn thành công thì phải dựa vào dân”

- Chủ tịch Hồ Chí Minh -

LỜI TỰA

Có những cuộc đời, tựa như cội pơ mu nơi đầu nguồn, rễ cắm sâu vào đá, thân cây hần bao vết đạn, nhưng vẫn đứng đó, lặng lẽ che chở cho bản làng qua bao mùa gió dữ. Vừ Chông Pao – người anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, người con dân tộc Mông ở miền biên viễn Kỳ Sơn – chính là một dáng hình như thế.

Pơ mu là loại cây quý hiếm, phổ biến trên dãy Pu Xai Lai Leng – nơi núi non trùng điệp chạy từ Kỳ Sơn đến Hà Tĩnh. Thân cây vươn cao, dáng đứng vững chãi giữa mưa gió, tỏa tán lá che chở cho bản làng, giống như con người nơi miền biên viễn: kiên cường, bất khuất, nhưng vẫn chan chứa tình người. Chính hình ảnh ấy đã truyền cảm hứng cho tôi đặt tên cuốn sách là *Dáng hình pơ mu*, để khắc họa tinh thần, phẩm chất và hành trình sống của Vừ Chông Pao – một con người bền bỉ, kiên cường, đứng thẳng giữa phong ba, mà vẫn gắn bó sâu sắc với núi rừng và bản làng nơi thượng nguồn sông Lam.

Ý tưởng viết một cuốn sách về Vừ Chông Pao nhen nhóm từ năm 2013, khi tôi cùng Đạo diễn NSUT Vi Hòa (Đài THVN) và anh Vi Tố Định – nguyên Phó Tư lệnh Bộ đội Biên phòng Nghệ An lên làm phim tài liệu về ông. Chính trong chuyến đi này, tôi được trực tiếp nhìn thấy con người, lắng nghe câu chuyện và cảm nhận rõ rệt tâm vóc, phẩm chất cũng như sức sống bền bỉ của Vừ Chông Pao. Từ đó, một mối dây riêng khó nói thành lời đã hình thành, thôi thúc tôi phải viết lại câu chuyện ấy bằng chữ.

Tháng 11 năm 2022, tôi bắt đầu cầm bút viết cuốn sách này, từng chương, từng chương một. Giữa năm 2023, khi đọc lại bản thảo, tôi thấy chưa ổn nên bỏ và bắt đầu viết lại từ đầu. Đó cũng là lý do tôi trở lại vùng đất quê ông thêm 2 lần nữa. Đến hôm nay, ngày 2-9-2025 – đúng vào dịp cả nước kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh – sau 3 năm, 1 tháng (395 ngày đêm), tôi đã hoàn thành cuốn sách này. Cảm giác cầm bút viết xong, nhìn ra núi rừng Kỳ Sơn, tôi bỗng thấy như nói được một nhịp lịch sử: nhịp của vùng đất, nhịp của con người, và nhịp của đất nước.

Cuốn sách được chia thành bốn phần chính: *Chạy giặc*, *Tiểu phi trừ gian*, *Mở đường* và *Dáng hình pơ mu*, với 18 chương – mỗi chương là một nhịp đời, một bước chân theo dấu người anh hùng và đồng đội của ông. Bốn phần ấy không chỉ là bốn giai đoạn đời của một con người, mà còn là bốn nhịp đập của vùng đất trong nửa thế kỷ biến động: từ những đêm bản làng gồng gánh nhau chạy giặc giữa mưa rừng; đến những ngày cầm súng, cầm khèn, vừa chiến đấu vừa giữ nếp; qua những trận đánh trừ gian, trừ ác; và cuối cùng, những năm cuối đời, ông như một cội pơ mu già đứng lặng bên sườn núi, dõi theo con cháu bước vào kỷ nguyên mới, để lại dấu ấn bền bỉ trong lòng đất và người.

Tôi viết cuốn tiểu thuyết này không chỉ với tư cách một người yêu mến lịch sử, mà còn bởi một sợi dây thắm kín khó gọi tên. Cha tôi – anh Chinh, Ủy viên thư ký (nhân vật trong sách), bạn thân thiết của Vừ Chông Pao – từng kể cho tôi nhiều kỷ niệm về ông. Những câu chuyện ấy, qua năm tháng, trở thành những hòn than đỏ

âm i trong lòng tôi, và tôi biết, một ngày nào đó, mình phải thổi bùng ngọn lửa ấy lên thành chữ.

Trong cuốn sách này, một số nhân vật, địa danh và chi tiết đã được hư cấu hoặc thay đổi tên nhằm phục vụ cốt truyện và nhịp văn, song vẫn dựa trên tinh thần, sự kiện và bối cảnh lịch sử có thật. Sự hư cấu ấy không nhằm thay thế sự thật, mà để làm câu chuyện thêm sống động, giúp người đọc cảm nhận rõ hơn về hành trình, tính cách và tinh thần của những con người từng sống, chiến đấu và cống hiến nơi thượng nguồn sông Lam.

Để viết về Vũ Chông Pao, tôi đã ba lần tìm đến ngôi nhà của ông. Hai lần đầu, may mắn được gặp ông – một người già cao lớn, uy nghiêm nhưng gần gũi, đôi mắt sâu như đốt lửa. Lần thứ ba, khi tôi trở lại, ông đã đi xa. Chỉ còn con cháu và những trang giấy ông để lại – vài dòng chữ ngắn gọn, chân thành như tính nết của ông. Tôi cầm chúng, bàn tay run lên, lòng như có tiếng gió rừng thổi qua. Câu chuyện vẫn đang đợi người viết lại.

Bên cạnh những tư liệu sống động từ gia đình, từ ký ức cha tôi, tôi còn lần tìm dấu vết một thời đoạn lịch sử qua những trang sách xưa: hồi ký bác Vi Chiến Thắng – nguyên Bí thư Huyện ủy Kỳ Sơn, nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An; *Đặc trưng văn hóa và truyền thống cách mạng của dân tộc ở Kỳ Sơn* (Ninh Vết Giao); *Lịch sử Đảng bộ huyện Tương Dương (1945–2010)*; *Lịch sử Đảng bộ Kỳ Sơn (1960–2005)*; *Địa chí huyện Kỳ Sơn*. Tất cả không chỉ là sử liệu, mà là những mảnh ghép giúp tôi khâu vá một bức tranh lớn: nửa thế kỷ đấu tranh, giữ đất, giữ người nơi thượng nguồn sông Lam.

Tôi không muốn dựng ông thành tượng đài khô cứng. Tôi muốn giữ ông như ông vốn là: một con người biết yêu, biết giận, biết mơ mộng, biết yếu lòng nhưng cũng biết đứng dậy. Bởi chính đời thường ấy, mới làm nên sự phi thường của một người Mông đi suốt nửa thế kỷ theo Đảng, làm cách mạng.

Viết về Vũ Chông Pao, tôi cũng viết về cha mình, về những người đã cùng ông đi qua đạn lửa. Tôi viết để tri ân những cội nguồn đã làm nên vùng biên cương kiêu hãnh, nơi mỗi tảng đá, mỗi triền dốc đều in dấu chân người xưa. Tôi không dám nói cuốn sách này hoàn toàn là lịch sử. Đây là tiểu thuyết: có sự thật và có hư cấu, nhưng hư cấu không thay thế sự thật, mà làm nó sống động hơn, để khoảng trống giữa các trang sử không còn lạnh lẽo.

Hôm nay, núi rừng đã yên tiếng súng. Các bản làng Kỳ Sơn có đường, có điện, có sóng điện thoại. Lũ trẻ đi học không còn phải cõng nhau qua suối. Nhưng trong gió sớm đầu mùa, tôi vẫn thấy bóng dáng một người già đeo túi vải, dắt ngựa đi qua lối mòn giữa rừng Pư Mu xanh thẫm. Bóng dáng ấy thôi thúc tôi viết, đề mai này, khi nhắc đến vùng đất Kỳ Sơn, người ta không chỉ nhớ đến đèo, dốc, mà còn nhớ những con người từng sống và giữ nơi này.

Và có một điều kỳ diệu: ông sinh vào mùa thu, ra đi cũng vào mùa thu. Còn tôi may mắn gặp ông vào những ngày chớm đông, lặng nghe tiếng kể chuyện qua những nếp nhăn và ánh mắt. Cuốn sách này được hoàn thành cũng vào mùa thu –

ngày 2 tháng 9 năm 2025. Mùa thu ấy như sợi dây vô hình nối quá khứ, hiện tại và tương lai; như cơn gió dịu dàng mang theo mùi lá vàng và hương núi rừng, nhắc chúng ta rằng mỗi câu chuyện, mỗi cuộc đời, đều có mùa của riêng nó, và có thể chạm đến trái tim người đọc bất cứ lúc nào.

Nếu sau khi khép lại cuốn sách, bạn thấy lòng mình lắng lại vì thương, ấm lên vì tự hào, hay chỉ đơn giản muốn ngược nhìn những cánh rừng, dãy núi với ánh mắt khác hơn một chút – thì với tôi, ngọn lửa mà tôi thắp từ ba lần gặp gỡ, từ ký ức cha mình, từ những trang sử cũ, đã truyền được một phần hơi ấm.

Xin chân thành cảm ơn những người đã đồng hành, chia sẻ tư liệu, kể chuyện và khích lệ tôi trên hành trình viết sách – từ các đồng chí, đồng đội của ông Vũ Chông Pao, con cháu và bà con Kỳ Sơn, đến những người bạn văn, bạn nghề đã lặng lẽ nâng đỡ từng trang bản thảo. Chính sự góp sức ấy đã giúp cuốn sách này thành hình, như một nhánh pơ mu nhỏ mọc lên giữa đại ngàn.

Mường Xén – Trương Dương, ngày 2-9-2025

Phần Một
CHẠY GIẶC

Chương 1

1- Con gà trống trong chuồng cất tiếng gáy, lác đác trong bản cũng có mấy con cất tiếng gáy theo. Hôm nay nhà có việc nên ông Vừ Chia Súa¹ mới đưa vài con gà trên nung về. Ngày thường, ông cũng chẳng đưa về làm gì để bọn phi cướp đi. Ông hé cái chắn, thò đầu ra, rồi đặt chân xuống đất. Ông mở cửa đi ra ngoài. Sương mù đặc quánh như sữa dê, tưởng như có thể xắn được từng miếng. Ánh trăng cuối tháng yếu ớt không thể xuyên qua màn sương dày đặc và trắng đục ấy. Ông quay vào nhà, lên giường ngủ tiếp. Nhưng nằm mãi giấc ngủ vẫn không đến, ông bắt đầu nghĩ miên man. Thế là năm nay (1915) ông đã bước vào tuổi ngoại ngũ tuần, cái tuổi không còn trẻ mà cũng chưa phải là già.

Trăng rằm rồi lại khuất sau lưng núi, thế mà đã ngót bốn mươi mùa nung ông về neo mình ở bản Mường Ai. Bà Y Nhìa theo ông về làm vợ cũng đã trải gần ba chục mùa rẫy, sinh cho ông bảy mặt con – ba trai, bốn gái, ríu rít như chim gọi nắng đầu nung.

Thực ra thì ông có hai đời vợ, người vợ đầu của ông là Y Mây, chưa kịp đẻ cho ông một đứa con đã bị giặc bắn chết. Đó là người vợ được bắt về khi nhà ông còn ở Mường Phuôn- một miền quê đẹp ở đất nước Lào. Nghĩ đến đó, ký ức năm xưa lại ùa về trong ông như ngọn gió từ dãy Pu Xai thổi ngược dòng thời gian. Năm ấy (1876), ở Mường Phuôn, Chia Súa vừa mười bốn tuổi. Cha cậu – ông Vừ Xay Chớ – người mà cả bản kính trọng như cột nhà giữ nóc – nhất quyết bắt cậu sớm yên bề gia thất. Một đêm đông gió hun hút, ông gọi Súa ngồi sát bếp lửa. Lửa nổ lép lép, khói cay mắt, giọng cha chậm rãi như than hồng ủ tro:

– Nay Chia Súa, con đã lớn rồi. Nhìn quanh xem, bạn con đứa nào chẳng có đứa bông đứa bé. Các anh, các chị của con, kể chưa kịp dựng vợ gả chồng thì bị bắt đi phu, bỏ xác ở Luông Pha Băng; người thì bị giặc Tây làm nhục mà chết. Nếu không, nhà mình giờ đã đông con cháu rồi. Nay con là trai lớn trong nhà, không thể để nếp nhà lạnh khói. Cha đã ngó thấy con Y Mò, con gái lớn của thầy mo Lý Pa Chù, mới ấy vừa tầm. Đợi ngày lành, cha sẽ nhờ người đi bắt về cho con.

– Cha à, không được đâu, dân bản ai cũng ghét, vẫn coi lão là chó săn dẫn đường cho Tây đó thôi!

– Kệ họ! Cha đã quyết rồi thì không thay đổi nữa. Mà lấy con gái thầy mo ấy, khéo con còn tránh được việc bị bắt đi phu ấy chứ.

Nghe cha nói vậy, Chia Súa chỉ cúi đầu, không dám cãi. Trong lòng cậu buồn lắm, vì từ lâu đã trao lời hẹn với Y Mây – mùa hội pao năm tới, nàng sẽ để cậu bắt về làm vợ. Nhưng nay cha lại bắt lấy con gái lão thầy mo đáng ghét, con đường tình như bị chắn ngang.

Từ hôm nghe cha sắp đặt chuyện cưới xin, Chia Súa như ngồi trên đồng lửa. Không muốn lấy Y Mò, cũng chẳng dám trái lời cha, Chia Súa đành tìm đến mấy

¹ Tên của một số nhân vật trong cuốn sách đã được hư cấu

đưa bạn thân, rủ nhau bàn cách đối phó. Đêm ấy, cậu lén sang nhà Bá Lâu, gọi thêm Bá Cờ và Lia Cha. Cả bọn nhóm một bếp lửa nhỏ bên dòng suối Nậm Giàng, gió rừng thổi hun hút mà hơi người vẫn ấm. Trong lòng Súa ngôn ngang.

– Tao không thể lấy con gái lão Pa Chù đâu – Súa nói, giọng khẽ như hơi than
– Y Mây đã hẹn rồi, mùa pao tới sẽ cho tao bắt về làm vợ. Nếu để cha ép, thì lời hẹn kia hóa thành gió mát.

Bá Lâu nhòm người, thì thầm:

– Vậy phải có mẹo. Cha mày quyết lắm, nói một là một. Chúng ta phải làm sao cho ông ấy tin là con gái Pa Chù bị người khác cướp rồi.

Bá Cờ gật gù:

– Để bọn tao lo. Hôm người ta đi bắt vợ, tao sẽ chạy ra chặn đường, bịa chuyện có người khác bắt rồi. Rồi gợi ý cho đoàn đi bắt Y Mây, còn mày thì giả vờ thuận theo.

Cả bọn nhìn nhau, nụ cười lóe lên trong ánh lửa, như vệt sáng giữa màn đêm. Kế hoạch đã xong, chỉ chờ thời cơ tới.

Đến ngày hẹn, ông Vừ Xay Chớ bảo người nhà buộc yên ngựa, gùi theo vò rượu ngô, bánh nướng, ít thịt khô làm quà đường. Lửa bếp hồng lên từ sớm, khói hương lẩn quẩn mái nhà. Lợn đã sẵn trong chuồng, gà đã cột ở góc nhà, thầy mo cũng nhẩn sang từ hôm trước. Chỉ còn chờ đưa được con Y Mò về, mọi thứ sẽ bày ra. Súa ngoài mặt lặng lẽ, mà trong bụng đã sẵn kế rồi.

Khi đoàn người vừa rời khỏi bản, thằng Lia Cha chạy đến chặn đường, thở hổn hển:

– Hồng rồi! Con gái thầy mo Lý Pa Chù bị người bản khác bắt mất rồi!

Cả đoàn sững lại, ngơ ngác như lạc lối trong sương núi. Đúng lúc ấy, Bá Lâu hát hàm về phía chân núi xa:

– Ở bản Pẹc có con Y Mây xinh lắm, đẹp nét lại giỏi làm. Hay ta xuống đó bắt?

Súa giả bộ ngập ngừng, rồi nở nụ cười kín đáo nhìn lũ bạn:

– Bắt! Hôm nay ngày tốt mà, giàng cho ta đấy. Xuống bản Pẹc thôi!

Đoàn người đổi hướng. Đến đầu bản, trời đã chạng vạng. Súa bảo:

– Các anh buộc ngựa lại đây chờ, Súa cùng mấy đứa bạn vào bản tìm.

Họ nghe theo. Khi Súa và đám bạn chạy vào trong bản thì không thấy Y Mây đâu. Cả bọn lại chạy nhanh lên nương. Gió lạnh quất qua triền cỏ, lúa ngô lay như sóng. Tới nương, thấy Y Mây đang sắp ngô vào lù cỏ, Súa lao tới, tim đập như trống hội:

– Mây à! Gấp lắm rồi. Cha cho người đi bắt con gái thầy mo Lý Pa Chù về làm vợ ta. Ta không lấy Y Mò đâu, ta chỉ muốn Mây thôi. Mây phải theo ta về ngay, không kịp thì duyên mình lỡ hết!

Y Mây hốt hoảng:

– Sao gấp vậy? Đã hẹn mùa pao năm sau mà. Cho Mây về lấy đồ đã chứ!

– Không kịp đâu. Đường xa, đồ đạc người nhà sẽ mang về sau. Giờ phải đi thôi!

Trời sập tối, sương phủ bản Mường Ải, cũng là lúc đoàn người dắt Y Mây về. Ông Vừ Xay Chớ tròn mắt, thầy mo khựng tay gõ khèn, người đi bắt vợ thì lúng túng thuật lại mọi chuyện. Nghe xong, ông chau mày, nhưng lễ đã bày, khách đã mời, đành bảo người nhà đi báo tin cho cha mẹ Y Mây. Rồi ông gật đầu ra hiệu cho thầy mo làm lễ nhận Y Mây về làm ma nhà họ Vừ. Thầy mo đưa cho Y Mây bó đuốc, còn mẹ Súa đưa ra một chậu nước: “Con hãy nhúng bó đuốc vào đây để xua đuổi tà ma đi theo con, kể từ hôm nay, con bước chân vào nhà họ Vừ, là con ma của họ Vừ rồi”. Y Mây lặng lẽ làm theo.

Thế là Y Mây trở thành vợ của Chia Súa. Mấy hôm sau, ông Vừ Xay Chớ biết mình bị thằng con trai bày mưu lừa cả nhà, nhưng việc đã rồi, Y Mây đã thành ma nhà họ Vừ. Ông không thể làm theo ý định của mình. Nhiều khi nhìn con dâu, ông lại tự nhủ: “Nó cũng là con nhà tử tế, lại khéo tay, đảm đang, thôi cũng mừng.”

Chỉ tiếc, Y Mây làm vợ Chia Súa chưa tròn mùa rẫy, chưa kịp sinh cho ông một đứa cháu, thì giặc Tây tràn tới... Nó ngã xuống khi tuổi còn xanh. Ông lặng nhìn về phía mặt trời lặn – nơi ấy, Mường Phuôn quê ông mờ trong sương núi.

2. Những năm 1870, đất Lào không yên. Bóng cờ Xiêm vẫn rợp trên các nẻo đường sông Mê Kông, sau mấy chục năm thôn tính và bắt dân cống nạp. Ở những miền núi xa xôi phía Đông, giáp biên giới Việt, người Lào, người Thái, Khơ Mú vẫn gồng mình giữ nương rẫy, đôi ngựa, đôi trâu lấy muối và sắt. Bọn thổ ty thân Xiêm chia nhau từng ngọn núi, từng con suối, trong khi từ phương Tây, người Pháp đã bắt đầu cho lính trinh sát len lỏi, mang theo những bản đồ lạ và những lời hứa về một thời cuộc khác. Núi rừng mịt mù sương, nhưng dưới lớp sương ấy là âm i của những cuộc đời bản, những khúc hát cầu mùa xen lẫn tiếng vó ngựa phi cướp.

Trong khói sương của những biến động lịch sử. Những đoàn thương nhân Xiêm, Việt, Miến vẫn qua lại, trao đổi sản vật núi rừng, khi bóng cờ của thực dân Pháp đã thấp thoáng nơi biên giới. Nương rẫy còn phụ thuộc mùa mưa, bản mường sống dựa vào sức ngựa, trâu và những khu rừng ngút ngàn pơ mu, sa mu. Tiếng trống hội đôi khi vang lên cùng tiếng chiêng cầu mùa, lẫn trong tiếng vó ngựa của các toán phi, bọn thổ ty tranh giành ảnh hưởng.

Trên triền núi cao, Mường Phuôn nép mình dưới những rặng pơ mu già xanh thẫm. Những mái nhà tường vàng ấm, mái lợp bằng tấm gỗ pơ mu xếp chồng khít nhau như vảy cá, bạc màu theo năm tháng, nhưng vẫn thoảng hương thơm dịu của gỗ núi. Sương sớm quấn lấy từng mái, trôi lững lờ như muốn níu lại hồn bản. Chuồng ngựa, chuồng trâu dựng ngay bên hông nhà, thấp thoáng bóng những con vật đang thở khói trong làn hơi lạnh.

Giữa bản, bãi đất rộng – nơi thường là chỗ trẻ con chơi quay, đàn ông đánh cù, phụ nữ bày hàng thổ cẩm – nay vắng lặng lạ thường. Cửa các nếp nhà khép hờ,

nhưng bên trong là tiếng lục đục thu dọn, tiếng trẻ khóc vội bị dỗ nín, tiếng dao khua lách cách vào ống tre để cất giữ thóc giồng. Mùi khói bếp quyện cùng mùi khét của súng kíp từ đâu vọng lại, báo hiệu giặc đã không còn xa.

Những cụ già râu bạc khoác áo chàm đứng ở đầu dốc nhìn xuống khe sâu, mắt dõi về phía con đường đất đỏ dẫn vào bản. Phụ nữ địu con, quây guì chặt cứng ngô, lúa, chăn đệm. Đàn ông dắt ngựa, buộc lại dây thừng, giắt theo những khẩu súng kíp, dao quắm. Trên nền trời xám chì, tiếng khèn Mông bỗng vang lên một điệu lạ – không phải khúc hội xuân rộn ràng mà là tiếng khèn buồn như gió rít, vừa như tiễn biệt mái nhà, vừa như gọi nhau đứng vững trước giờ ly tán.

Bản Mường Phuôn của ông hôm nay không còn tiếng chó sủa rộn, tiếng cười đùa, mà chỉ còn những bước chân gấp gáp, những ánh mắt lo âu pha lẫn quyết liệt. Núi vẫn đứng đó, nhưng đường như cũng lặng đi, chờ một trận gió dữ sắp ulla qua...

Nhà ông có mười một người, cha mẹ và chín anh chị em. Ông là con thứ tám. Ngày đó giặc Tây và bọn Tá Xéng, châu mừng, châu bản, châu cốc và binh lính còn nhiều hơn dân bản. Ngày nào cũng vậy, mặt trời vừa ló lên đỉnh núi Pu Pì là bọn giặc Tây và tay sai đã tràn vào bản, lũng sục khắp nơi. Chúng cướp của, bắt người đi phu, hãm hiếp phụ nữ, trẻ em gái. Ba anh trai của Chia Súa bị bắt đi phu ở tận Luâng Pha Bang rồi không trở về nữa, còn ba chị thì bị giặc hãm hiếp cho đến chết. Cho tận bây giờ ông không sao quên được những ngày kinh hoàng ở Mường Phuôn.

Một ngày giữa năm 1877, hôm đó, trời vẫn còn mờ sương, cả nhà đang quây quần bên mâm cơm chuẩn bị ăn sáng thì bọn Tây ập đến đầu ngõ. Cha buông cái thìa cơm hét lên “chạy đi”. Khi đó ông và Y Mây chỉ kịp kéo đứa em còn nhỏ ra cửa sau, rồi chạy thẳng vào rừng. Để vợ và em gái ở trong hang đá, ông quay lại tìm cha mẹ và các chị. Bọn giặc đã đi, nhưng cha mẹ anh không thấy đâu, còn bốn chị mỗi người một góc nhà, không có một tấm vải che thân, máu ướm đỏ nền nhà. Chúng đã thay nhau hãm hiếp các chị rồi bắn chết.

Sau khi cùng dân bản chôn cất người chết, ông về nhà dọn dẹp đồ đạc, rồi vào rừng để đón vợ và em gái về. Đến nơi thấy cha và mẹ đang nướng sắn cho đứa em. Ông mừng quá chạy đến ôm lấy cha mẹ “Giàng ơi, con tưởng bọn Tây bắt cha mẹ đi rồi”. Rồi ông kể toàn bộ sự việc cho cha mẹ nghe. Nghe xong mẹ ông gào lên rồi ngất lịm...

Nỗi đau mất của, mất người thân chưa nguôi ngoai thì giặc Tây lại ập đến giết người, đốt sạch bản Mường Phuôn.

Hôm đó, gà mới gáy canh ba, Y Mây đã thức dậy nhen lửa cho đồ lò. Bóng Mây in hình lên vách nhà. Bếp đã đun lửa, Mây đứng dậy lấy mấy cái ống bương bỏ vào lù cỡ định xuống suối lấy nước thì Chia Súa chạy đến ngăn lại.

- Mây à, bụng Mây đang có con, để đó Súa đi lấy nước cho. Hôm nay ăn sáng xong Súa cùng cha mẹ lên nương gặt lúa, Mây và em ở nhà nhớ phải cận thận, nghe bà con hô hoán giặc Tây đến phải trốn ngay nhé.

- Ừ, Mây biết rồi.

Hôm đó, sau khi ăn sáng xong, Súa lấy cơm nắm bỏ vào lù cỏ rồi cùng cha mẹ lên nương. Mây theo ra tận sân, sau khi cha mẹ và Súa đã đi khuất, Mây quay vào nhà cài chặt cửa.

Súa không thể ngờ rằng đó là buổi sáng cuối cùng ông được ăn cơm cùng Mây, được nghe tiếng Mây cười.

Buổi sáng định mệnh ấy, mây đen kéo sát xuống đỉnh núi Pu Pì. Từ phía khe sâu, tiếng vó ngựa dồn dập xen lẫn tiếng súng nổ chát chúa. Giặc Tây đã tràn vào bản. Chúng xông vào từng nhà, đá tung cửa, tiếng quát tháo lẫn tiếng kêu gào vang lên khắp nơi. Lũ lính súng dài, dao nhọn, mắt đỏ ngầu, vừa cướp bạc, thóc gạo, vừa giằng giật áo váy của đàn bà, xô đẩy các cô gái trẻ. Tiếng khóc của trẻ con lẫn trong tiếng rên của người bị thương, nghe như dao cắt vào tim.

Ngựa của chúng buộc ngang bãi đất giữa bản, bên cạnh đồng chăn màn, gùi thóc, váy áo thổ cẩm vừa bị cướp. Khói bốc lên từ những mái nhà gỗ sơ mu bị chúng phóng lửa, mùi gỗ cháy quyện với mùi thịt khét của gia súc bị giết. Cả bản đã chìm trong lửa đỏ.

Mặt trời lặn, Súa cùng cha mẹ và những người đi nương trở về thì bản Mường Phuôn đã thành tro bụi. Súa chạy về nhà, Mây và em gái đã hóa thành than. Anh đau sót ôm ghì xác vợ. Chỉ còn một mùa trăng nữa thôi là Súa và Mây sẽ đón đưa con đầu lòng. Vậy mà sống với nhau chưa hết mùa rẫy, giặc Tây đã cướp đi người vợ mà Súa yêu thương nhất. Súa nằm đó, ôm xác vợ khóc ba ngày, ba đêm.

Cha mẹ xót thương con dâu và đưa con gái nhỏ, thương Súa cũng không nhìn được nước mắt. Cố gắng lắm ông Xay Chớ mới nói được với Súa.

- Con à, Mây đã về với giàng rồi, con có khóc nó cũng không trở lại đâu. Hãy đem nó đi chôn để cho ma của nó được yên. Cha đã nói với dân bản rồi, Mường Phuôn này không thể ở được nữa, ngày mai cả bản sẽ đi tìm nơi ở mới, nơi mà giặc Tây và lũ chó săn không thể tìm thấy.

Nghe lời cha, Súa ôm xác Mây lên chôn ở đỉnh Pu Pì khi mặt trời đã bắt đầu xuống núi.

Đêm ấy, cả Mường Phuôn chỉ còn lại tro tàn và tiếng gió hú. Không thể sống mãi dưới họng súng của kẻ thù. Trong ánh lửa lập lòe, ông Xay Chớ đứng giữa nhóm người còn lại, giọng nghẹn nhưng dứt khoát:

- Chúng ta phải rời bản thôi. Nhưng một ngày nào đó...hết giặc Tây ta sẽ trở về.

Một bà mẹ thì thâm, lo lắng:

- Chúng ta có thể vào hang ở gần khe suối không, có đủ chỗ cho mọi người không?

Một cậu thanh niên khề gật, đề xuất:

- Hay chạy theo khe đá, bám vào rừng già, giấu mình cho an toàn?

Lúc này, giọng ông Xay Chớ kiên quyết hơn:

- Không được đâu, Mường Phuôn này giặc Tây và lũ chó săn của chúng đã bén hơi rồi, ở đâu cũng không an toàn nữa.

Một cậu bé khóc nức:

- Ông Xay Chớ! Cho chúng con đi theo ông chứ?

Ông Xay Chớ xoa đầu cậu bé, rồi khẽ bồng nó lên trong vòng ta. Trong đêm tối, mắt ông hướng về phía mặt trời mọc:

- Tất cả hãy theo ta, phía bên kia chắc bọn Tây sẽ không tới được

Đêm ấy, không ai chợp mắt. Trời vừa tang tảng sáng, sương mù còn đặc quánh như tấm khăn bạc phủ lên núi Pu Pì. Đoàn người lầm lũi rời Mường Phuôn, vượt qua khe đá, theo con đường mòn dốc đứng đi về hướng mặt trời mọc. Những đôi chân trần bám đầy bùn đất, bước lên những phiến đá trơn trượt, tiếng thở gấp hòa lẫn tiếng tim đập dồn dập.

Phụ nữ địu con trên lưng, quây gùi quần áo; đàn ông vác súng kíp, dao quắm, gùi lương thực. Người già run rẩy chống gậy, mắt vẫn cố nhìn về phía trước. Trẻ con không còn nghịch ngợm, chỉ ôm chặt lưng mẹ, đôi mắt tròn xoe mở to vì sợ hãi. Tất cả đều im lặng, chỉ nghe tiếng gió rít qua tán lá và tiếng chim rừng thảng thốt bay đi.

Có đoạn, họ phải men qua vách đá dựng đứng, dưới chân là vực sâu hun hút. Có đoạn lại phải lội qua suối, nước lạnh buốt đến tê cả da thịt. Thỉnh thoảng, từ xa vọng lại tiếng súng giặc, như những mũi dao xuyên qua lòng người, thúc giục bước chân phải nhanh hơn. Đi đầu đoàn, Súa luôn nhớ lời cha dặn. Khi lạc trong rừng già, mắt chẳng thấy trời, cậu phải trèo lên ngọn cây cao, dò tìm hướng mà dẫn đường cho mọi người.

Mặt trời bắt đầu nhô lên khỏi rặng núi phía đông, ánh sáng đỏ hồng rải trên những tấm lưng còng vì gùi nặng. Chia Súa đi đầu, mắt dán vào vết sáng ấy như tìm thấy phương hướng. Trong lòng cậu như có con sáo nhảy múa. Ở tuổi trăng tròn, nhưng Súa cao lớn như một chàng trai hai mươi tuổi. Bước chân anh đi trên vách đá cứ thoăn thoắt như con sóc trèo cành. Anh biết, chỉ cần đi mãi về phía mặt trời mọc, sẽ ra khỏi vùng truy lùng của giặc, sẽ tìm được một nơi an toàn để dân bản dừng chân.

Đoàn người cứ thế lầm lũi bước, bỏ lại sau lưng tiếng khóc, tro tàn và mùi khói cháy. Trước mặt họ là những dãy núi nối tiếp nhau, nhưng đâu đó trong lòng mỗi người vẫn giữ một tia hy vọng - rằng sẽ có ngày quay trở lại, khi Mường Phuôn lại vang tiếng khèn và khói bếp bay lên từ những mái pơ mu bình yên.

Chia Súa vừa bước vừa ngoái lại nhìn, phía sau là cả một đoàn người đang bám cúi theo bước chân mình. Ánh mắt của những cụ già chất chứa niềm tin lẫn nỗi lo, những gùi nặng trĩu trên lưng phụ nữ, những đứa trẻ mặt lấm lem nhưng vẫn cố níu chặt tay mẹ. Mỗi hình ảnh ấy như khắc sâu vào tâm khảm Súa, đè nặng lên vai anh hơn cả sức nặng của khẩu súng kíp đang mang.

Trong đầu anh chập chờn hình ảnh mái nhà gỗ phơi mu của cha mẹ, bãi đất nơi trai bản từng đánh cù, tiếng khèn gọi bạn tình đêm hội xuân... tất cả giờ đã chìm trong lửa đỏ. Nỗi đau như muối xát, nhưng trong lòng Súa lại dâng lên một ý chí rắn như đá núi: *Phải sống. Phải bảo vệ họ. Phải tìm cách giết sạch bọn Tây.*

Mỗi bước chân của anh là một lời hứa thề với đất bản. Mỗi vệt sáng hồng từ phía mặt trời mọc rọi vào mắt, lại như một ngọn lửa nhỏ thắp lên trong tim, đẩy anh đi tiếp. Anh biết, đường phía trước còn nhiều rừng sâu, núi cao, đói rét và hiểm nguy. Nhưng Súa tin, khi con người còn giữ được nhau, còn giữ được tiếng khèn, tiếng hát, thì bản Mông sẽ không bao giờ mất.

Không nhớ nổi là đã qua bao nhiêu con suối, vượt bao nhiêu đỉnh núi. Chỉ biết rằng, bàn chân ai cũng rớm máu, đôi vai rát bỏng vì gùi nặng. Đến ngày thứ bảy, khi mặt trời xuống núi, họ mới đặt chân lên đỉnh Pu Xai. Nơi đây cao ngất, mây trắng trôi ngang tầm mắt, bốn phía rừng bạt ngàn. Từ đỉnh Pu Xai nhìn xuống, dãy núi trải dài cơ man nào là đỉnh cao, triền thấp, nối tiếp nhau như những lớp sóng xanh bất tận. Dưới chân núi, những quả đồi nhấp nhô trùng điệp rồi dần mở ra một thung lũng dài, xanh thẫm như lòng chảo khổng lồ, nơi có dòng suối bạc uốn lượn mềm mại như dải lụa vắt ngang giữa miền đất rộng lớn.

Đàn ông nhanh chóng chia nhau dựng lán tạm bằng cột tre, vách nứa chặt trong rừng, lợp tạm mái lá mây, lá vầu. Phụ nữ nhóm bếp, nấu cơm từ phần gạo, ngô còn sót lại; một số khác xuống khe suối rửa rau rừng, vo gạo, bắt ốc, mò cá suối. Mùi khói bếp thơm ngai ngái quyện cùng mùi lá rừng, mùi thịt khô nướng, khiến lũ trẻ dù mệt mỏi vẫn tít tít ngồi quanh bếp.

Ngày hôm sau, ông Xay Chớ và Súa dẫn mấy thanh niên tản ra các hướng để tìm đất bằng, nguồn nước và thế núi thuận lợi cho việc dựng bản mới. Người già ở lại trông trẻ, đan thêm phen nứa, sửa mái lán chống sương gió đêm. Một vài đàn ông thì săn chim, bẫy dúi; phụ nữ hái măng, hái rau dớn, đào củ nâu, củ mài. Đêm đến, mọi người quây quần bên bếp lửa, ăn cơm nóng, uống nước lã, chuyện trò bằng giọng khê, sợ tiếng vọng ra xa lọt vào tai quân giặc.

Những ngày trên đỉnh Pu Xai, gian khổ bủa vây: mưa rừng bắt chọt trút xuống, sương đêm thấm lạnh đến tận xương, thức ăn cạn dần. Ngô đã hết, gạo cũng voi chỉ còn lại ít thóc giống, ông Xay Chớ dặn đi dặn lại, không ai được đụng vào. Nhưng chính ở nơi rừng cao ấy, mọi người nương tựa vào nhau nhiều hơn, ai cũng sẵn lòng sẻ bát cơm, nhường tấm chăn. Trong ánh lửa bập bùng, Súa ngồi lặng lẽ, mắt hướng về thung lũng phía đông. Anh tin, đâu đó dưới kia sẽ có mảnh đất đủ để dân bản an cư, và từ đó một ngày kia họ sẽ trở lại bản cũ, trả thù cho những người đã mất.

Đêm thứ tư ở trên đỉnh Pu Xai, mưa rừng ào xuống một chập rồi tạnh hẳn, để lại hơi đất ẩm nồng. Có lẽ do mệt mỏi sau những ngày dài vượt núi băng rừng, lại trèo lội suối đi tìm đất ở nên mọi người ngủ mê man cho đến khi trời đã hừng sáng. Chỉ có Súa – chàng trai lực lưỡng, nhanh nhẹn nhất bản – là dậy sớm. Anh lặng lẽ khoác chiếc áo, xách khâu súng kíp lên vai, bước vào rừng sau lưng lán.

Rừng sớm tinh mơ còn ướt đầm sương, lá vầu, lá mây quấn quanh chân, đường mòn lẫn trong cỏ dại. Súa bước nhẹ như con hổ, tai lắng nghe từng tiếng động khẽ. Một hồi lâu, anh bắt gặp dấu chân mới toang hoác trên nền đất mềm, kèm theo vết cào sâu của móng guốc. Tim anh đập nhanh hơn - lợn lòi! Anh nín thở, men theo dấu vết đến một khoảng trống giữa rừng, nơi con lợn lòi to tướng đang cắm mõm ủi đất tìm củ mài.

Súa quỳ xuống, ngắm thật kỹ, rồi bóp cò. Tiếng súng nổ chát chúa vang vọng khắp núi. Con lợn lòi giãy mấy cái rồi gục hẳn. Anh mừng rỡ, buộc chặt bốn chân con lợn, chặt lấy cái đuôi chạy về lán. Đến nơi, anh vừa đặt đuôi con lợn xuống đất, vừa thở hồn hên báo:

- Dạy đi mọi người ơi. Súa bắn được con lợn rừng, nhưng nó to quá không đưa về được.

Nghe tiếng, mọi người liền thức giấc, cùng nhau chạy đến lán của cha con Súa. Anh lướt mắt xuống cái đuôi lợn rừng dưới đất rồi chỉ về đầu con suối.

- Nó ở trên kia, to lắm, ai còn khỏe thì đi theo Súa lên đó đem nó về.

Tiếng nói của Súa đánh thức cả lán. Đám thanh niên bật dậy, cười vang, xách dao, gùi lao vào rừng. Một lát sau, con lợn được mang về, rửa sạch bên suối. Khói bếp lại bập bùng, mùi thịt nướng thơm lừng bay khắp đỉnh núi, xua bớt cái giá lạnh của buổi sớm.

Sau bữa sáng no nê hiếm hoi, ông Xay Chớ đứng lên dặn dò:

- Hôm nay chúng ta lại tiếp tục chia nhau đi tìm đất. Mỗi nhóm một hướng. Nhớ để ý nguồn nước, đất trồng ngô, trồng lúa, và cả thế núi để phòng giặc.

Thế là, những người đàn bà ở lại trông coi lán, còn đàn ông chia thành từng tốp khoác gùi, mang theo dao rựa, còm nắm, men theo các lối mòn tỏa xuống các triền núi, lòng rộn lên một hy vọng mới: tìm được nơi để dựng bản, để khói bếp lại một ngày bay lên bình yên.

Gần trưa, khi nắng đã bắt đầu rọi xuống xuyên qua những tán lá, nhóm của Súa lần theo một lối mòn hẹp thì bất ngờ thấy trước mặt mở ra một khoảnh rẫy rộng. Cỏ còn chưa kịp mọc kín, dấu chân người và vết dao phát cỏ còn mới. Trên nương, những bông lúa đã tước hết hạt, chúng tỏ chủ vừa gặt xong.

Súa đảo mắt quan sát, rồi chỉ tay về một góc rẫy. Ở đó, mấy quả dưa gang vàng óng còn sót lại, nằm lẫn lóc trên đất. Con đói và khát mấy giờ liền vượt núi chợt ùa đến. Anh và mấy người bạn nhanh chóng hái dưa, bổ đôi. Nước dưa ngọt mát tràn ra, cả nhóm vừa ăn vừa cảm nhận vị thanh mát như thấm xuống tận cổ họng khô cháy.

Ăn xong, Súa ngược nhìn quanh rồi leo tót lên một cây tấu cao ở rìa rẫy. Từ đó, anh lấy tay chụm miệng, hú mấy tiếng dài, vang vọng qua sườn núi, để gọi các tốp khác đang tìm đất gần đây. Tiếng hú chưa dứt thì từ bụi rậm phía bên kia rẫy, vài bóng người hiện ra. Họ mặc áo đen, lưng đeo súng, ánh mắt cảnh giác.

Chỉ trong nháy mắt, mấy họng súng đen ngòm đã chĩa thẳng về phía Súa và các bạn. Không gian như chùng xuống, chỉ còn tiếng lá rừng xào xạc. Nhóm của Súa đứng khựng lại, tay vẫn cầm nửa quả dưa, ánh mắt đan xen giữa bất ngờ và cảnh giác.

Một giọng đàn ông trầm và rần vang lên từ nhóm người lạ:

– Các anh là ai? Vào đất này làm gì?

Súa khẽ nuốt nước bọt, tay nắm chặt báng súng kíp, nhưng vẫn giữ giọng bình tĩnh... Anh vừa ra hiệu cho anh em giơ tay ôm sau gáy, rồi hít một hơi thật sâu, cố giữ ánh mắt không chạm vào những nòng súng đang chĩa thẳng:

– Chúng tôi là người Mông... ở bản bên kia dãy núi. Giặc Tây đã đốt bản, giết người thân. Mấy hôm nay phải chạy sang đây, tìm đất mới để dựng nhà.

Những người lạ vẫn im lặng, chỉ liếc nhau, ánh mắt không còn gay gắt như lúc đầu. Người đàn ông vừa hỏi bước lên một bước, khẩu súng vẫn đề ngang bụng, giọng nghiêm nhưng chậm hơn:

– Đất này là của chúng tôi. Các anh đến, chúng tôi phải biết rõ.

Súa gật đầu, chỉ tay về phía rừng sau:

– Dân bản tôi còn ở trên đỉnh Pu Xai. Chúng tôi không muốn gây sự, chỉ xin tìm chỗ để sống. Nếu không được, chúng tôi sẽ đi xa hơn, không ở gần đất của các anh.

Người đàn ông lạ im lặng một lát, rồi đưa mắt ra hiệu cho đồng bạn hạ súng. Một người trẻ hơn tiến lên, nhìn nhóm Súa từ đầu đến chân, rồi nói:

– Các anh ăn dưa của chúng tôi... coi như đã uống nước, ăn cơm ở đất này. Giờ theo chúng tôi về bản, già bản sẽ hỏi chuyện.

Nghe thế, Súa quay xuống báo cho mấy người bạn, ánh mắt vẫn giữ vẻ cảnh giác. Anh biết, đây có thể là cơ hội để thương lượng, nhưng cũng có thể là bước vào vòng nguy hiểm. Dù vậy, ở trong rừng lạ, gặp người lạ mà tránh mãi thì chẳng tìm được đất đâu.

- Chúng tôi còn mấy người nữa, chờ họ đến rồi đi luôn.

Anh đeo lại súng, ra hiệu cả cho nhóm làm theo chỉ dẫn của những người lạ, lòng thầm nghĩ: *Chỉ mong đây là những người biết nghe lẽ phải...*

Nghe Súa nói vậy những người kia hạ súng và bảo Súa cùng các bạn ngồi xuống. Họ dựng súng vào một góc cây đã cháy khô rồi cùng ngồi xuống nói chuyện làm quen. Một người trong số họ có tên là Thò Pá Tra, nhìn Súa cất tiếng:

- Mày đưa mọi người xuống bản gặp già làng Lầu Chá Hòa.

Súa nói với Pá Tra:

- Xin các anh chờ mấy người đến đủ rồi cùng xuống luôn.

Mặt trời đứng bóng thấy cha và mọi người đã đến đầy đủ, Súa nhờ Pá Tra dẫn đường về gặp già bản.

Tối hôm qua, già bản Chá Húa mơ thấy một con rùa vàng bò vào nhà, báo điềm lành cho bản. Sáng nay, khi nghe tin thắng Pá Tra, dẫn Súa và những người khách lạ về, thấy ứng với giấc mơ tối qua, ông vội chạy ra đón họ từ đầu bản, lòng rộn ràng như có hội.

Đón cha con Súa và những người Mường Phuôn vào nhà, ông Chá Húa bảo người nhà rót nước. Ông kể lại những ngày tháng lội suối, băng rừng chạy giặc đi tìm nơi ở. Người già, trẻ nhỏ chết đói, chết khát dọc đường nhiều lắm.

- Hồi đó – tức là khoảng những năm 1870 gì đấy, từ phương bắc xuống, chúng tôi cũng định ở lại Mường Phuôn, nhưng thấy giặc Xiêm quá dã man. Chúng thường xuyên cướp giết, cưỡng hiếp phụ nữ, cướp bóc tài sản, bắt di cư về Xiêm, chém giết không tha người già, trẻ nhỏ vì vậy già đưa dân bản tiếp tục trốn chạy sang tận bên này. Về đây đã hơn hai mươi mùa rẫy rồi, đất đai rộng, lại tươi tốt, có hang động làm nơi trú ẩn khi có giặc sang.

Già bản Chá Húa vừa kể xong thì ông Xay Chớ lên tiếng.

- Bây giờ giặc Tây đã đuổi giặc Xiêm đi rồi, nhưng giặc Tây còn độc ác hơn cả giặc Xiêm. Bản Mường Phuôn đã ba lần bị chúng đốt cháy. Lần này thì chúng đốt bản, giết chết người già, trẻ nhỏ, cả phụ nữ có thai. Chúng tôi là những người còn sống sót, không còn người thân chạy về đây, ơn giàng cho gặp già Chá Húa và dân bản, được dân bản thương cho ăn cơm, cho uống nước. Hôm nay, chúng xin già cho chúng tôi ở cùng với dân bản.

Nói xong ông Xay Chớ gập đầu lạy ba lạy.

Già bản Chá Húa đỡ ông Xay Chớ dậy, nhìn mọi người rồi nói tiếp.

- Cũng là người Mông, cũng từ phía Bắc về, cùng cảnh chạy giặc, anh em cứ về đây ở, đất đai rộng lớn tha hồ làm nương trồng ngô, lúa, trồng thuốc phiện, nuôi ngựa, nuôi trâu, bò... Trong bản chủ yếu là họ Lâu và họ Thò. Họ Lâu là đông nhất.

Nghe già bản Chá Húa nói vậy, mọi người vui lắm, một lần nữa ông Xay Chớ lại chấp tay cúi đầu cảm ơn già làng và dân bản.

Ngày hôm sau, già Chá Húa dẫn ông Xay Chớ và mọi người đi chỉ chỗ làm nhà. Súa cùng mấy người bạn lên đón phụ nữ, trẻ con xuống núi đến nơi ở mới. Những ngày đầu dân bản cho họ ở nhờ trong nhà. Lúa nương đã gặt xong, nhà nào cũng rảnh việc nên cả bản đã xúm tay giúp cha con Súa và những người Mường Phuôn dựng nhà.

Nờ sự giúp đỡ của già Chá Húa và dân bản, chỉ hơn một tháng sau, cha con Súa cùng bà con Mường Phuôn đã có mái nhà mới. Những ngày ấy, tiếng búa, tiếng rìu chặt gỗ vang rộn cả một vùng núi. Đàn ông chặt gỗ phơi mu, nứa, vầu từ rừng sâu, kéo về; phụ nữ bó lá mây, tước lạt. Bọn trẻ thì chạy lon ton, phụ giúp nhặt củi, lấy nước suối.

Già bản Lầu Chá Hòa – người đã cưu mang họ từ ngày đầu – luôn có mặt giúp mọi người dựng nhà. Ông chống gậy, chỉ tay đo từng khoảng đất, chọn hướng nhà quay về phía mặt trời mọc để sớm mai đón ánh sáng. Những người đàn ông khỏe nhất bản cùng nhau dựng khung, lợp mái, chêm vách. Khi một căn nhà hoàn thành, mọi người lại cười vang, rồi kéo sang giúp dựng căn tiếp theo, không phân biệt của ai.

Chẳng bao lâu, trên mảnh đất mới, những ngôi nhà gỗ sơ sơ thơm mùi nhựa mới đã nối nhau thành một dãy, khói bếp bắt đầu bay lên giữa làn sương sớm. Nhân dịp này, ông Chá Hòa còn biểu cho cha con ông Xay Chớ và người Mường Phuôn một con bò mộng làm thịt dọn mâm vào nhà mới. Trong bữa cơm, ông cười hiền:

– Hỡi bà con! Bây giờ cha con Xay Chớ và người Mường Phuôn đã là anh em ta, giờ họ còn khó khăn, nên già xin mọi người, ai có lợn giúp lợn, ai có gà giúp gà, ai có ngô, có lúa cho họ làm giống, ai có điều kiện thì góp thêm bò... Bà con Mường Ải mình sống chết có nhau!

Một người đàn ông trong bản gật gù:

– Chá Hòa nói đúng, bữa nay ai cũng là anh em, cùng nhau dựng nhà, cùng nhau ăn cơm. Tôi góp 2 con lợn, 10 con gà.

Một bà lão khác cười khúc khích, bung bát cơm đầy:

– Thôi, cơm nóng rồi, ăn đi kéo nguội, mai còn giúp lên nương nữa! Nhà tôi cho nửa kho lúa.

Tiếng cười, tiếng chạm bát, tiếng trò chuyện rộn rã vang giữa núi rừng, âm áp như nắng sớm chiếu qua mái nhà gỗ mới dựng.

Đêm đến, cả bản quây quần quanh bếp lửa nhà già Chá Hòa, uống bát rượu ngô, nghe ông kể chuyện xưa. Tiếng đàn môi của lũ trai bản ngân lên lẫn trong tiếng cười của bọn trẻ, khiến bao mối mệt của những ngày chạy giặc tan biến.

Khi nhà cửa đã yên, dân bản bắt đầu vào rừng tìm đất làm nương. Súa cùng cha và mấy thanh niên trai tráng vác dao rựa, men theo các triền núi phát cỏ, đốt nương. Phụ nữ mang gùi hạt giống – ngô, lúa nương, đậu tương – chuẩn bị cho vụ gieo sấp tới. Mỗi khi gặp con suối, cả nhóm lại dừng lại uống nước, rửa mặt, rồi tiếp tục công việc.

Cuộc sống, tựa như mầm xanh sau cơn bão đang dần hồi sinh. Buổi sáng, khói bếp quán trong nắng sớm; ban ngày tiếng chày giã gạo vọng từ sân nhà ai đó; chiều về, trẻ con nô đùa trên bãi đất trước bản. Dù trong lòng vẫn còn day dứt với mảnh đất cũ bị giặc tàn phá, nhưng ở nơi này, Súa và cha biết rằng dân Mường Phuôn đã có một chốn để bắt đầu lại – nơi khói bếp sẽ không bao giờ tắt và tiếng cười sẽ vang mãi.

Chương 2

1. Mường Ải – bản rộng lớn như mái nhà chung của người Mường Phuôn – nằm trên đỉnh Tà Khum, giữa dãy Pu Xai hùng vĩ. Bốn bề là núi non trùng điệp, nối tiếp sang những bản Mông, bản Khơ Mú xa gần; dưới thung lũng thấp thoáng bản làng của người Hàng Tổng, Tày Khăng quần tụ bên nương rẫy xanh ngời. Giữa đại ngàn, hai dòng suối Nặm Hắng và Nặm Khum từ thượng nguồn đổ về, uốn lượn qua chân núi, ôm trọn lấy bản. Có lúc róc rách, có khi thâm thì như tiếng đàn môi ngân nga bên sườn đá; rồi bất chợt tung bọt trắng xóa giữa ghềnh thác, để lại âm vang ngân dài trong vòm rừng sâu thẳm. Xuống đến chân núi, hai con suối hòa vào nhau, hóa thành Nặm Luông lững lờ trôi giữa thung lũng Tà Khum, trước khi đổ ra dòng Nặm Mộ xanh ngút ngàn.

Dãy Pu Xai sừng sững như tấm lưng khổng lồ chạy dài từ biên giới Lào đổ xuống dòng Nặm Mộ. Từ trên những mỏm núi cao nhìn xuống, Mường Ải hiện ra như hòn ngọc xanh giữa ngàn mây trắng. Sáng sớm, sương mù quấn quýt, núi non như lạc trong cõi mộng; chiều về, nắng tắt sau lưng núi, khói bếp từ mái nhà sàn quyện cùng mây tím bảng lảng. Từ nơi đây, tầm mắt như được thả cánh bay theo mây gió, vượt qua tầng mây trắng để nhìn thấy những bản làng người Mông, người Thái, Khơ Mú của huyện Kỳ Sơn ẩn hiện giữa núi rừng trùng điệp; xa hơn nữa, thấp thoáng những mái nhà đất đỏ bên kia biên giới Lào, như những dấu son mờ trên bức tranh biên viễn huyền thoại.

Xung quanh bản, nương rẫy trải dài theo sườn núi. Mùa xuân, hoa mạn, hoa đào nở trắng hồng rực rỡ. Mùa hạ, nương ngô xanh ngút ngàn, bắp mập trĩu hạt. Thu về, lúa vàng óng ánh như tấm thảm, gió thổi rì rào như khúc hát của mẹ đất. Đông sang, nếp nhà sàn ấm lửa bập bùng, mùi khói hương ngô, hương thịt gác bếp quyện trong từng nếp áo. Người Mông ở đây biết trồng ngô, trồng lúa nương, nuôi lợn, nuôi gà, dệt vải lanh, làm khèn, làm sáo. Mỗi mùa, bản đều có lễ hội, có tiếng khèn gọi bạn, có điệu múa vòng xòe quanh bếp lửa.

Mường Ải không chỉ đẹp ở núi non trùng điệp, ở hoa trái ngọt lành, mà còn đẹp ở tình người. Bà con nơi đây coi nhau như anh em ruột thịt. Khi ai đi nương, người khác trông trẻ. Khi ai làm nhà, cả bản cùng đến góp sức, trai giúp chặt tre, đẵn gỗ, gái giúp dệt tấm vải, nấu nồi xôi. Mỗi bận mùa màng, bà con rủ nhau đi gặt, đi tuốt lúa, tiếng cười xen lẫn tiếng gà gáy, tiếng chó sủa. Những ngày phi từ bên kia tràn sang, dân bản lại cùng nhau giấu thóc, giấu ngô, cất giữ tài sản trong các hang động ven núi – những hang đá sâu lạnh, nơi mùi đất, mùi thời gian quyện vào nhau. Hang động ấy vừa là kho, vừa là pháo đài của dân bản.

Chính trong không gian ấy, gia đình ông cùng bà con ở Mường Phuôn tìm đến. Sau những tháng ngày chạy giặc, dắt díu nhau vượt rừng vượt núi, đôi chân chai sạn của ông Súa đã dừng lại ở Mường Ải. Ông cùng cha dựng căn nhà nhỏ trên núi Tà Khum, nép mình bên dãy Pu Xai. Đêm đầu tiên ngủ nhà mới, hai cha con nghe tiếng gió lượn qua vách nứa, tiếng suối róc rách như lời ru.

Người Mường Ải đón họ như đón người thân từ xa về. Già bản Chá Hòa cho mượn trâu, cho giống ngô, giống lúa. Phụ nữ trong bản giúp dọn nhà, góp chăn đệm, dằm chiếu bát, cái nồi. Mấy trai tráng thì đón gổ, xếp gùi, chỉ trong một mùa trắng, nhà của ông Súa đã khang trang.

Từ đó, gia đình ông Súa hòa vào nhịp sống của Mường Ải. Sáng sáng, tiếng gà gáy, tiếng mõ trâu gọi người ra nương. Chiều về, cả bản quây quần bên bếp lửa, kể chuyện đời, hát những khúc dân ca buồn vui. Trong vòng tay chở che của núi rừng và tình làng nghĩa bản, các con của ông Súa lần lượt chào đời. Chúng lớn lên từng ngày, như mầm ngô vươn khỏi đất, như búp măng xòe tán dưới rừng già. Những đứa con gái lớn lần lượt theo chồng về ở bản xa.

Từ ngày già làng Chá Hòa khuất núi, bà con Mường Ải đồng lòng suy tôn ông Xay Chớ lên thay. Ông vốn người từng trải, từng dắt díu cả bản Mường Phuôn đi tránh giặc, vượt bao dốc núi, băng qua bao thung lũng hiểm trở mới dừng lại ở đây. Người Mông trong bản tin ở cái uy tín, sự từng trải, còn người Thái, Khơ Mú lân cận thì quý cái tình, cái nghĩa ở ông. Giọng nói của ông điềm đạm, câu nào cũng như có sức nặng của đá núi, lại có sự ấm áp như khói bếp mùa đông.

Trong những năm làm già bản, ông Xay Chớ chăm lo cho đời sống bà con từ cái nương, cái rẫy đến bữa cơm, ngọn lửa trong từng nếp nhà. Ông dạy trai bản biết cách chọn giống ngô, giống lúa, dạy họ đào nương dẫn nước từ khe suối về nương, để mùa màng khỏi cảnh khô hạn. Ông cũng thường ngồi cùng mấy già bản khác, bàn chuyện giữ rừng, giữ nguồn nước, bàn cách chống lại bọn phi rình mò. Hễ nhà nào có việc làm nhà, dựng vợ gả chồng, ông đều có mặt, lời chúc phúc của ông như cây gậy chống, để người ta vững lòng hơn trong đời sống.

Một chiều cuối hạ, dưới gốc cây đa già trước nhà, các trai tráng trong bản kéo nhau đến. Xay Chớ ngồi tựa gậy, mắt nhìn từng người:

– Này, Pá Tra, cậu xem nương ngô nhà cậu ra sao? Ngô năm nay mọc đều chưa?

Pá Tra vội đáp:

– Dạ, già ạ, lúa ngô lên tốt, nhưng phần đất trên ò khô quá, sợ mùa này hạn.

Xay Chớ gật gù, nhắc cây gậy, chỉ tay về hướng khe:

– Nghe già, cậu đào thêm một cái rãnh nhỏ dẫn nước từ khe vào nương, cẩn thận đừng để sạt bờ. Nước không chỉ cứu mùa này, mà còn nuôi rừng phía trên nữa. Cậu đừng chỉ lo ngô, mà quên cả rừng và suối. Giữ nước là giữ mạng sống cho bản mình. Nếu thấy khó thì gọi Súa đến giúp.

Pá Tra gật đầu, ánh mắt vừa lo vừa mừng:

– Dạ, già nói đúng. Con sẽ làm ngay.

Một cụ già, bông cháu đứng bên cạnh, nghe hết câu chuyện, cười hóm hỉnh:

– Già Xay Chớ, sao ông biết mọi chuyện trong bản như thế? Nghe già nói, dân bản thấy yên tâm hẳn.

Xay Chó gõ gậy xuống đất, cười hiền:

– Cụ ơi, tôi sống với bản làng, ăn với nương rẫy, ngủ với gió suối, hỏi ai mà không biết chuyện đâu. Già lo cho bản, bản mới no đủ, vui vẻ. Không ai giúp bản thì bản tự bơi trong khó khăn thôi.

Lát sau, bà con mang từng nắm hạt giống, hạt ngô, hạt lúa đến hỏi ông cách chọn:

– Già ơi, mùa này hạt nào tốt cho nương cạn?

– Hạt này, đừng lấy hạt lúa năm ngoái, mảy nhưng dễ sâu bệnh. Nên chọn hạt đỏ, chắc, nảy mầm tốt. Ngô thì lấy những bắp chín già, hạt đều, khi gieo sẽ bám đất, chống hạn dễ hơn.

Không chỉ trai tráng, phụ nữ bản cũng tìm đến, nhờ ông hướng dẫn cách trồng khoai, sắn, cách giữ rau lâu ngày. Xay Chó đều cẩn thận chỉ từng bước:

- Đất này phải bón tro rừng, đào rãnh thoát nước, sắn trồng sau ngô, khoai trồng chỗ nắng ít, để khỏi héo...

Khi có gia đình dựng nhà mới, ông cũng thường ghé:

– Người dựng nhà phải chắc tay, cột kèo đừng khập khiễng. Nhà là nơi che mưa, che nắng, che cho con cháu, nên dựng phải vững. Khi dựng xong, già chúc gia chủ vui vẻ, no đủ, cây cột nhà đứng thẳng như người thật thà.

Trong các buổi họp bản, Xay Chó thường ngồi giữa vòng tròn, bản chuyện giữ rừng, ngăn bọn phi rình mò:

– Rừng là lương thực, là gạo, là thuốc, là nước. Nếu để mất rừng, mất nước, bản sẽ chết trước cả giặc thù. Mỗi người một tay, ai thấy chuyện lạ thì báo già. Giữ rừng là giữ cuộc sống của mình.

Có hôm, khi lửa sưởi chiều, trẻ con vây quanh, Xay Chó kể chuyện xưa, dạy về mùa màng, về suối, rừng, về nghĩa vụ với bản làng. Giọng ông trầm, ấm:

– Người sống với núi rừng, núi rừng cũng dạy mình. Không ai khỏe hơn núi, nhưng ai chăm bản, bản sẽ khỏe. Các con hiểu không?

Trẻ con gật gù, mắt sáng rực niềm tin. Bà con nghe xong, vỗ vai nhau, thấy trong lòng ấm áp: một già bản, một cây gậy, mà cả bản mừng vững lòng trước nắng gió và mùa màng.

Thế nhưng, tuổi già và bao nắng gió của núi rừng khiến ông lâm bệnh. Ban đầu chỉ là những cơn ho khan, sau nặng dần, đêm nằm thở hổn hển. Bà con thương già làng, người đem lá thuốc, người mời thầy mo đến cúng vía, gọi hồn cho ông trở lại. Trong căn nhà mờ ánh lửa, tiếng khèn mo trầm bổng vang lên, hương rượu, hương lá nghi ngút quyện vào không gian. Người ta tin rằng linh hồn có thể đi lạc, phải gọi về, phải níu giữ. Con trai lo cơm nước, lo đốt than hồng cho cha ấm. Nhưng rồi, một sáng mùa đông, khi sương còn phủ kín lưng núi, ông Xay Chó nhẹ nhàng nhắm mắt, như một chiếc lá vàng lìa cành, để lại bao xót thương cho bản mừng.

Đám tang của ông Xay Chớ rộn ràng như tết. Đó là ngày Chia Súa và bà con dân bản Mường Ải tiễn đưa ông lên với giàng. Ngay khi ông vừa tắt thở, con cháu thay áo mới cho ông, đặt ông nằm trên tấm ván gỗ tốt nhất trong nhà. Tiếng khèn đưa ma nổi lên, ai oán mà da diết, gọi hồn người đã khuất về cùng con cháu lần cuối. Trong bản, trai tráng mổ trâu, mổ bò, gái trong bản đến giúp giã bánh dày, đồ xôi, nấu rượu. Một cụ già chống gậy, nói với mấy người giúp việc: “Người chết phải có cơm ăn, rượu uống, có khèn đưa đường mới tìm được lối về với tổ tiên.”

Trong những ngày ấy, nhà ông Súa đông kín bà con. Người ta đến chia buồn, đến phụ giúp, kẻ chẻ củi, người dựng rạp, người đan vòng tre làm tang vật. Đêm xuống, tiếng khèn, tiếng trống tang xen lẫn tiếng khóc, tiếng hát tiễn đưa, làm cả thung lũng Tà Khum như rung động. Lễ đưa tang được tổ chức linh đình. Chiếc quan tài gỗ được chạm khắc những hoa văn truyền thống, được buộc bằng những sợi dây lanh bện chặt. Các chàng trai khỏe mạnh gửi quan tài, đi đầu là thầy mo cầm khèn, vừa thổi vừa hát, chỉ đường cho linh hồn người chết vượt qua bao núi cao, suối sâu để về với tổ tiên.

Chia Súa nhờ thầy mo tìm khoảng đất ở lưng chừng núi, nơi đất cao ráo, gần với trời, để linh hồn cha dễ bay về trời xanh. Hôm ấy, cả bản tiễn ông Xay Chớ lên triền núi phía tây Mường Ải. Họ để đầu ông quay về hướng đông để đôi mắt ông nhìn về phía tây – nơi ấy có Mường Phuôn.

Gió rừng thổi vi vút, khói hương bảng lảng bay theo từng bước chân người đi. Khi nắm đất cuối cùng được thả xuống, Súa òa khóc như đứa trẻ, trong tiếng khèn ngân dài như tiếng gọi của núi rừng.

Sau lễ tang, theo tục lệ, Súa làm lễ “tạ ơn” – mời bà con ăn bữa cơm tạ ơn sự giúp đỡ. Nhà Súa, dù đau thương, vẫn gắng lo chu toàn, từ miếng thịt, chén rượu, đến lời cảm ơn gửi tới từng người. Tang ma kết thúc, nỗi đau vẫn còn, nhưng người ta tin rằng linh hồn ông Xay Chớ đã trở về cùng tổ tiên, phù hộ cho bản mường bình an, mùa màng no đủ.

Từ đó, Súa gánh vác việc nhà, thay cha lo việc họ hàng, cho cả bản. Trong bếp lửa đêm đông, tiếng ông Xay Chớ như vẫn còn vọng lại: “Phải thương nhau như anh em ruột, có thể bản mường mới vững...”

Sau ngày cha mất, căn nhà dưới giữa thung lũng Tà Khum như trống trải hơn bao giờ. Ngọn lửa bập bùng nơi bếp vẫn cháy, nhưng tiếng nói trầm ấm của ông Xay Chớ đã hóa thành khoảng lặng. Súa, bây giờ không chỉ là trụ cột gia đình mà là cả bản Mường Ải. Anh thay cha quán xuyến việc nhà, việc bản. Bàn tay trai bản vốn quen cầm cuốc, cầm dao đi rẫy, nay còn phải biết gánh vác cả những công việc lớn của gia đình, của bản.

Mỗi sáng, tiếng gà gáy gọi Súa dậy sớm hơn, đôi vai rắn chắc gửi ngô, gửi lúa, bước chân anh in trên những con dốc cao. Đêm về, sau khi cơm nước xong xuôi, anh lại ngồi bên bếp lửa, nghe mẹ dặn dò, nghe các già bản kể chuyện tổ tiên, chuyện giữ bản giữ mường. Lời cha ngày trước như vẫn lần khuất trong khói bếp: “Phải sống cho ngay thẳng, phải thương người, phải giữ rừng giữ núi...”

Cũng từ dạo ấy, trai bản nhìn Súa bằng con mắt khác. Người già thì nhắc: “Thằng Súa có dáng cha nó rồi đấy.” Đám bạn cùng lứa thì tìm đến, rủ nhau bàn việc chống phi, việc bảo vệ mùa màng. Cái tang cha vừa là nỗi đau, vừa là bước trưởng thành của Súa. Anh không còn chỉ nghĩ cho riêng mình, mà bắt đầu thấy trên vai mình có cả bản mường, cả dòng họ.

Những năm tháng ấy, tin giặc, tin phi đội về không ngớt. Dân bản sống trong cảnh lo âu, ban ngày đi rầy, ban đêm phải cử người canh gác. Súa dần trở thành chỗ dựa của bà con. Anh hăng hái cùng trai bản tập bắn nỏ, tập rèn dao, lại có khi gửi ngô, giấu thóc lên hang đá theo kinh nghiệm cha để lại. Bà con nói với nhau: “Có nó, bản mình vững lòng hơn.”

Trong khói lửa thời cuộc, trong tiếng khèn đưa cha vào cõi vĩnh hằng, một chàng trai Mông ở Mường Ải đã bước qua ngưỡng tuổi trưởng thành – Súa bắt đầu hành trình của người đàn ông gắn đời mình với núi rừng và với vận mệnh bản mường.

2. Ông Súa vốn là thợ săn giỏi, biết tìm thú rừng theo dấu chân, biết canh giờ để đặt bẫy. Bà Y Nhìa đảm đang, vải bà dệt chắc, hoa văn khéo, ai cũng khen. Nhà còn mỗi một cậu con trai út – Vả Tổng – khôi ngô, khỏe mạnh, bắn nỏ nhanh như cha, đi đường rừng chẳng thua người lớn.

Sáng sớm ở Mường Ải, sương núi trắng đục quán quanh những nóc nhà lợp bằng ván pơmu. Con suối đầu bản róc rách chảy, tiếng nước hòa với tiếng gà gáy, tiếng mõ trâu lóc cóc vọng ra từ cuối nương. Từ phía rừng già, ông Vừ Chia Súa gửi bé ngô về, vai còn vương bụi sương, tay xách mấy con sóc rừng lông còn mềm ẩm. Ông đặt bé xuống nền đất nện, treo khẩu súng kíp lên vách gỗ rồi ngòi phịch xuống chiếc ghế kê cạnh bếp.

Ngoài sân, bà Y Nhìa lom khom bụng máng cho đàn lợn ăn, tiếng lợn ụt ịt chen lẫn mùi ngô đồ thơm phức. Không thấy bóng cậu con trai đâu, ông Súa cất tiếng gọi:

- Vả Tổng! Vả Tổng à dậy đi chứ, mặt trời đã dậy lâu rồi kìa. Dậy đi, nhà có nhiều việc đấy.

Vẫn không thấy tiếng trả lời. Ông Súa liền hỏi bà Y Nhìa.

- Tối qua thằng Vả Tổng say rượu hả bà?

- Say đâu mà say, có khi nào ông thấy thằng Vả Tổng say rượu chưa? Nó cũng như ông, trốn đi phu Cửa Rào mới từ rừng về tối qua mà. Ông cho nó ngủ thêm một tí đi.

Bà Y Nhìa nói vậy chứ bà có biết đâu tối qua Vả Tổng không ngủ nhà. Nghe vợ nói vậy, ông Súa lâu bầu.

- Bao giờ cho hết giặc để người dân bớt khổ.

Vả Tổng là con trai út của ông Chia Súa và bà Y Nhìa. Ông và bà Y Nhìa đến với nhau trong cảnh góa bụa. Năm đó (1892), ông Súa tròn 30 tuổi, tức là sau mười lăm năm kể từ khi Y Mẩy bị giặc Tây giết chết ông mới nghĩ đến chuyện lấy vợ.

Ông gặp bà Y Nhì trong một lần đi nương về. Qua đèo Tà Khum thì nghe tiếng kêu cứu dưới vực. Ông đi xuống thì thấy Y Nhì quần áo tả tơi, máu me be bét. Y Nhì đi nương về chẳng may trượt chân ngã xuống vực. Chồng Y Nhì là Lầu Pá Chò cũng là người Mường Ải, lấy nhau được ba năm, có hai đứa con thì Pá Chò bị bắt đi phu làm đường ở Cửa Rào, bọn cai đánh đập rồi chết luôn ở dưới đó.

Súa đưa Y Nhì về nhà đắp thuốc, đến khi Y Nhì khỏe mới cho về nhà chồng. Bố mẹ chồng bắt Y Nhì lấy em của Chò, nhưng Y Nhì không chịu định ăn lá ngón tự vẫn may mà Súa nhìn thấy vội ngăn lại. Súa nói với Y Nhì.

- Tội gì phải chết, nhà Súa chỉ có một mình, cha mẹ Súa mất rồi. Nếu Y Nhì không chê thì Súa mang lễ sang xin Y Nhì về ở với Súa.

Y Nhì nhìn Súa chảy nước mắt. Y Nhì đồng ý về ở chung với Súa. Năm đó Y Nhì tròn mười bảy, kém Súa mười ba tuổi. Họ có với nhau bảy người con.

Vả Tổng sinh đúng cái ngày phi ập vào bản cướp của, đốt nhà. Khi đó bà Y Nhì đang trở dạ, cực chẳng đã, ông cùng các con công bà chạy vào rừng, đến bờ suối thì bà Y Nhì đau bụng dữ dội. Bà nói với ông là tôi sắp đẻ đấy. Thế là ông bảo các con đưa mẹ vào một bụi rậm. Một lúc sau thì bà đẻ ra một thằng con trai. Cũng may hôm đó bọn phi không đuổi theo dân bản.

Cứ nghĩ đến chuyện các anh chị của Vả Tổng đã lấy vợ, lấy chồng cả rồi, chỉ còn mình Vả Tổng chưa chịu lấy vợ. Ông Súa nhìn bà Y Nhì than thở.

- Mười ba, mười bốn tuổi anh chị nó đã lấy vợ, lấy chồng rồi, vậy mà nó vẫn cứ lông nhông.

Từ ngoài sân, bà Y Nhì nói vọng vào.

- Nó được ông chứ được ai, chứ ông chẳng kể ông bắt bà Y Mây về làm vợ năm ông mấy tuổi, ông không nhớ à?

Nghe vợ nói vậy, ông Súa buột miệng.

- Hồi đó nếu không lo chạy Tây, trốn đi phu thì tôi bắt bà Y Mây lâu rồi. Mà tôi lấy vợ từ khi mười lăm mà.

- Thì bây giờ cũng có khác gì ngày xưa, ngày lụi trên nương, trên rừng, đêm về chúng ta nào có được yên giấc ngủ, nhiều khi đang ăn cơm cũng đành bỏ bữa mà chạy giặc đó sao. Thằng Vả Tổng nó to khỏe, lại chăm chỉ, khối đứa con gái mê nó, ông lo gì.

Suy đi tính lại trong bụng ông Súa không hề vui. Đã gần hai mươi mùa rẫy rồi mà Vả Tổng chưa chịu lấy vợ làm ông đứng ngồi không yên. Vừa lúc đó Vả Tổng đi chơi về, nó cúi đầu chào cha rồi vớ lấy quần áo chạy ra suối tắm làm cho ông Súa chưa kịp mở mồm.

Hôm đó, sau bữa cơm sáng, ngồi bên bếp lửa, ông Súa gọi thằng con trai đến ngồi xuống bên cạnh mình.

- Hôm nay nhà ta có đầy đủ người, có cha, có mẹ. Cha quyết định bắt vợ cho con.

Nghe cha nói vậy, Vả Tổng giãy nảy như con gà bị cắt tiết.

- Cha định bắt ai? Con xin cha đừng bắt con lấy người con không thương.

- Cha thấy Y Địa con gái ông Xông Pá Cha ở bản Pù Pép cũng được người, được nét, người như nó là mấn đẽ lắm. Con trai bản Mường Ải này đũa nào cùng thềm bắt được Y Địa đây.

- Nhưng không phải là người con thương, nên con không thể sống chung được. Lấy người mà mình không thương thì sau này khổ mình, khổ vợ.

Nghe con trai nói vậy, lại nghĩ đến mình ngày xưa cũng như nó bây giờ, ông Súa cười phá lên.

- Ha ha, con trai của ta lớn thật rồi, cái bụng của mày cũng biết nghĩ như bụng người lớn rồi. Mày nói thế, tức là trong bụng mày đã có đũa con gái khác rồi đúng không.

Nói đến đó, ông đặt tay lên vai con, nhìn vào đôi mắt của nó.

- Nào bây giờ con nói xem, con thương, con nhớ ai nói cho cha nghe để cha đi bắt về cho.

Vả Tổng đưa tay lên gãi đầu.

- Nhưng con không biết họ có thương, có nhớ con không. Nhớ người đó thương người khác rồi thì sao. Bắt về làm vợ mình cũng khổ họ mà thôi.

- Không sao cả, cứ bắt về ở với nhau rồi sẽ thương nhau thôi mà.

Vả Tổng im lặng.

Thực ra trong lòng Vả Tổng đã thương nhớ một người con gái. Những lần đi chơi với chúng bạn, Vả Tổng đã để ý đến người con gái tên là Thò Y Xia. Hội pao nào Vả Tổng cũng đứng đối diện Y Xia. Quả pao của Vả Tổng chỉ ném về phía Y Xia. Cô ấy cũng chỉ bắt pao của Vả Tổng thôi. Ngày nào không thấy Y Xia là Vả Tổng buồn. Mỗi khi buồn Vả Tổng chỉ biết ngồi một mình hái lá đặt lên miệng thổi cho tan cái buồn, cho vui nỗi nhớ. Vả Tổng biết Y Xia cũng thích mình, nhưng cả hai chưa có dịp thổ lộ tâm tình.

Y Xia hơn Vả Tổng hai tuổi, là người con gái đẹp, đôi mắt tinh anh, đôi tay khéo, cái miệng như con chim khiêu, cười nói suốt cả ngày. Nhà Y Xia có truyền thống buôn bán, thường xuyên được cha cho đi theo để học cách buôn bán. Chính vì thế mà Y Xia được đi khắp nơi, ra Mường Xén, nhiều khi sang cả Lào cho nên Y Xia thông thạo nhiều thứ tiếng kể cả tiếng Lào và tiếng Kinh. Cha mẹ còn mời thầy về dạy chữ cho Y Xia, thậm chí còn dạy cho Y Xia cả cách xem tướng số, học các bài thuốc quý...

Tuy còn trẻ mà Y Xia thông thạo chữ Nho, chữ quốc ngữ, giỏi xem tướng số, biết xem lịch theo ngày trăng và bắt mạch đoán bệnh, biết cất thuốc. Trong mắt Vả Tổng, Y Xia là người con gái tuyệt vời nhất. Nhưng vì chưa được cầm tay, chưa được nói chuyện tâm tình với Y Xia cho nên Vả Tổng chưa thừa chuyện với cha mẹ mình. Nhiều lần Y Xia cũng cho Vả Tổng cùng đi làm nương, cùng thờ hàng đi bán.

Những đêm trăng sáng, khi nghe tiếng kèn môi nỉ non của anh, Y Xia đã mở cửa rồi theo anh ra bờ suối.

Thầy Vả Tổng không nói gì, người cha lên tiếng.

- Thế nhé, chờ ngày tốt cha cho người đi bắt Y Địa về.

- Không được cha à, con ...con thích Y Xia, con của ông Thò Lia Cha.

Nghe con nói vậy người cha liền nói.

- Được con Y Xia thì tốt quá, nhưng nhà họ giàu, họ buôn bán có phù hợp với nhà mình không. Con nghĩ lại đi.

- Ông Lia Cha tốt lắm mà, Y Xia cũng thích con. Ông Lia Cha thường hay nhờ con làm việc, có khi còn bảo con ăn cơm chung.

- Thế thì chần chừ gì nữa, bắt Y Xia về thôi. Trưa nay, các bác trong họ sẽ đến nhà bàn việc. Con nhớ phụ giúp mẹ lo cơm nước cho đàn hoàng.

Nói xong ông Súa vươn vai đứng dậy đi vào buồng ngủ. Niềm vui đưa ông chìm vào giấc ngủ từ khi nào không hay.

Trưa hôm ấy, nắng thu trải vàng trên sườn núi Tà Khum, gió mang theo mùi ngô đồ thơm lừng từ sân nhà ông Chia Súa. Ông đã cho mổ lợn, làm thịt gà, bày mấy mâm cơm rượu ra gian giữa, mời trưởng họ Giông Nênh và mấy người cao niên thạo việc cưới xin bàn chuyện hôn sự cho thằng út Vả Tổng. Khói bếp vờn quanh mái nhà, tiếng trẻ con nô đùa ngoài sân, tiếng chó sủa ăng ăng hòa với tiếng bát đĩa lách cách làm bản Mường Ải bỗng nhộn nhịp hẳn. Trưởng họ Giông Nênh ngồi ở mâm trên, chòm râu bạc như cước, tay nâng bát rượu, vừa nhấp vừa nhìn quanh, chậm rãi nói:

- Chà... cái nhà ông Súa nay có việc vui to rồi đây. Đàn ông Mông ta, con trai út lấy vợ là phải mổ lợn mời họ hàng, cho dòng họ biết, cho tô tiên trên bàn thờ mừng. Thế chú Súa định bắt con gái nhà ai?

Ông Súa rót rượu đầy bát, đặt trước mặt trưởng họ:

- Em cũng đang nhờ bác Nênh xem giúp. Cái bụng cháu thì thương Y Xia, con gái ông Thò Lia Cha ở Pù Pép. Con bé được người, được nét, lại có cái đầu lanh lợi. Nhưng nhà họ Lia Cha giàu có, sợ họ không ưng bụng mình.

Giông Nênh vuốt râu, gật gù:

- Của cải không quan trọng, cái chính là hai đứa có thương nhau không. Con trai út của chú Súa khỏe mạnh, bản nỏ giỏi, đi rừng thạo, lại không say rượu như đám trai bản, con gái nhà nào chẳng muốn. Nhưng cái tục bắt vợ là chuyện dòng họ, phải có họ giúp mới nên.

Một người họ hàng bên cạnh chen vào:

- Đúng đấy, phải chọn ngày tốt, phải có người đi cùng. Bắt vợ mà sai ngày, giàng quở, ma bám về theo thì vợ chồng không ở lâu đâu.

Ông Súa chống tay vào đầu gối, mắt nhìn từng người:

– Thế bác Nênh xem, ngày hội pao sắp tới có được không? Mùa này trăng sáng, người trong bản cũng đông. Em muốn bắt luôn trong hội, cho vui cả bản.

Giông Nênh đặt bát rượu xuống, nghiêm giọng:

– Được chứ! Nhưng nhớ phải có lễ ra mắt họ bên gái, rượu một ché, thịt một mâm, lời lẽ phải khéo. Con gái nhà Lia Cha không dễ đâu. Chú phải dặn Vả Tổng, đừng có rượu say rồi cười hênh hếch, người ta chê cười cho.

Cả mâm cười ồ, rượu rót thêm, tiếng khèn ở đâu đó ngoài sân cũng nổi lên réo rất như hòa theo câu chuyện. Ông Súa nghe xong, gật đầu:

– Em đội ơn bác Nênh. Việc này nhờ bác đứng ra thay mặt dòng họ. Con trai út nhà em, đã đến lúc phải có vợ, có con để yên bụng tổ tiên rồi.

Mấy ông bậc cao niên khẽ gật, chén rượu chuyển tay. Ngoài hiên, nắng đã ngả về đầu núi. Trong bụng ông Súa, một ngọn lửa vui nhen lên – cái vui của người cha thấy dòng họ sắp thêm dâu mới, cái vui của người đã trải qua bao dâu bể, nay vẫn còn kịp sắp đặt tương lai cho đứa con út.

3. Thế là hội pao năm sau (1916) Y Xia chính thức trở thành vợ của Vả Tổng. Ngày cưới, bản Mường Ải rộn ràng. Khèn réo gọi bạn, tiếng trống chiêng vang vọng từ sườn núi này sang sườn núi kia. Rượu ngô rót đầy bát, trai gái trong bản vừa uống vừa hát đối, không khí vui như Tết.

Sau hai mùa rẫy họ có với nhau đứa con gái đầu tiên. Họ đặt tên cho con gái là Vừ Y Mái - đó là mùa đông năm 1918.

Mặc cho thiên hạ tiếng to, tiếng nhỏ, Vả Tổng không hề buồn vì vợ không sinh con trai. Bởi anh nghĩ con gái mà được như Y Xia còn hơn khối đứa con trai. Nhìn thấy mặt vợ không vui, anh liền an ủi vợ.

- Không sao Y Xia à, con gái hay con trai cũng là con mình mà. Đừng nghĩ ngợi làm gì.

Y Xia nhìn vào khuôn mặt của đứa con gái, rồi lại nhìn chồng.

- Nhưng khuôn mặt đứa con này nó mách bảo, Y Xia khó sinh con trai.

- Không có con trai thì ta có con gái, có con gái là ta có con rể, con rể cũng là con trai mà.

- Nhưng mình có con trai vẫn hơn chứ. Nhà họ Vừ ta mà không có người nối dõi thì khổ. Cái số của Y Xia nó bảo muốn có con trai thì vợ chồng ta phải tìm một đứa con nuôi.

- Vậy thì chúng ta tìm con nuôi, trong họ Vừ có khối nhà có con trai, ta chỉ cần lên tiếng là anh em trong họ hàng sẵn sàng cho ngay.

- Nhưng chúng ta không thể lấy con trong họ mà phải lấy nơi khác về nuôi. Y Xia thấy có một thằng bé người Khơ mú ở bản Huồi Kép, nó kháu khinh lắm. Nhiều hơn con Y Mái nhà mình hai tuổi.

Vì rất yêu và tin tưởng cái tài xem tướng số của vợ, cho nên Y Xia nói sao thì Vả Tổng nghe theo vậy. Nhưng đến khi hai vợ chồng đem việc này ra bàn trong gia đình thì ông Súa và các anh của Vả Tổng phản đối vì nó trái với tập quán của người Mông, của dòng họ. Y Xia cố thuyết phục mãi cuối cùng gia đình bên chồng cũng chịu nghe theo.

Mùa đông năm 1920, Vừ Y Mái tròn 2 tuổi, đúng ngày lành tháng tốt, hai vợ chồng Vả Tổng đem lễ đến xin đưa bé về nhập làm ma họ Vừ và đặt tên là Vừ Bá Đà. Thành bé bốn tuổi, da đen như gỗ mun, tóc xoăn, mắt trắng, tay chân nó như trẻ lên mười.

Có con gái, con trai, Y Xia lại bàn với ông Vả Tổng.

- Ông à, bây giờ chúng ta đã có con gái, con trai. Tôi nghĩ thế này, chúng ta khoan đã sinh thêm con, vợ chồng mình vừa làm nương, vừa buôn bán khi nào nhà mình có của ăn, của để kha khá thì mới sinh thêm con cũng chưa muộn, ông thấy thế nào?

Ông Vả Tổng gật đầu. Hai vợ chồng vừa chăm con, vừa làm nương, vừa buôn bán nhỏ. Dần dần công việc buôn bán của gia đình thuận lợi, ông Vả Tổng bàn với vợ.

- Bây giờ việc buôn bán tôi giao cho bà, còn tôi lo việc trên nương, bà thấy thế nào?

Bà Y Xia biết chồng thương mình, nên gật đầu nghe theo sự sắp đặt của chồng. Nhưng ông Vả Tổng lại bảo.

- Nghề buôn bán phải đi lại nhiều và đi nhiều nơi nên bà phải hết sức cẩn thận, phải luôn đề phòng bọn thổ phỉ, dạo này chúng lùng xục, cướp bóc khắp nơi, thấy phụ nữ là chúng hãm hiếp.

- Ông yên tâm, tôi đã có cách, bây giờ mình chịu khó đi lại, sau này có mối làm ăn rồi, ta sẽ mở cửa hàng nhỏ tại nhà, khi đó chẳng phải đi đâu nữa.

Ông Súa cùng vợ con sống trong niềm vui chưa được bao lâu thì tang tóc, đau thương lại đổ xuống nhà ông và bản Mường Ải.

Trong một lần phi vào bản cần quét, ông Súa đem vợ và các con chạy vào rừng. Chẳng may, lần đó bà Y Nhìa bị trúng đạn của bọn phỉ. Ông Súa và các con đưa bà vào một cái hang, tìm thuốc về đắp, nhưng máu chảy quá nhiều, nên bà đã nhắm mắt về với giàng. Năm đó con Y Mái lên bảy và thành Bá Đà lên chín.

Khi lũ phỉ đã đi hết, cả nhà lại trở về, nhưng cả bản chỉ còn là đồng tro tàn. Ông Súa cùng Vả Tổng lại lên rừng chặt gỗ về dựng nhà mới.

Ở nhà mới chưa được bao lâu, sức già lại quá nhớ thương nhớ vợ, ông Súa ngã bệnh, thuốc thang đủ thứ, các con còn mời cả thầy mo về cúng ma nhưng vẫn không khỏi. Rồi một ngày trời trở rét, mưa phùn phủ thắm mái nhà, hai người vợ đã đón ông về với giàng.

Việc ma chay cho cha đã lo xong, nỗi đau dần nguôi ngoai, Vả Tổng lại cùng các con lên nương. Ôn giảng và nhờ tổ tiên phù hộ việc làm ăn của vợ chồng ông thuận lợi, bò, ngựa, lợn, gà cứ thế sinh sôi, ngô lúa năm nào cũng đầy kho. Bà Y Xia buôn bán cũng có lãi.

Bây giờ thì Y Mái cũng đã lớn phổng phao, đêm đêm đã có tiếng kèn môi nỉ non ở ngoài nhà. Vừ Bá Đà cũng đã lấy vợ và có con trai đầu lòng. Ông Vả Tổng không phải canh cửa buồng con gái nữa. Bà Y Xia cũng đã mở một cửa hàng tạp hóa tại nhà. Hàng ngày người giúp việc, người đến mua bán trao đổi hàng hóa tấp nập, có hôm còn có cả người thì đến xin miếng com, bát gạo... Nhìn những người đến xin ăn không phải người Mường Ai, họ ở bản xa nhưng bà Y Xia không hề chật bụng, ai xin gì bà cũng cho.

Một hôm, bà Y Xia thủ thủ với chồng.

- Ông Vả Tổng à, hàng họ nhà mình cũng khá nhiều, cứ khi nào bọn phi vào bản là mình lại gồng gánh trốn chạy tôi thấy vất vả lắm. Hay ta đào cái hầm ở cái núi sau nhà để khi nào có động là chúng ta dấu đồ đạc ở trong đó.

Thấy vợ nói có lý, thế là ông Vả Tổng nhờ anh em họ hàng cùng con cháu trong nhà đào một cái hầm rộng bằng hai sải tay, sâu vài chục sải, ở được hơn chục người. Trong hầm bà Y Xia cất hàng hóa, ngoài miệng hầm ông Vả Tổng tấp củi che kín không ai biết phía sau có một cái hầm.

Thấy vợ chồng Vả Tổng làm như vậy, cả bản cũng làm theo. Cả bản giúp nhau đào hầm cất giữ đồ đạc.

Một buổi chiều, ông Vả Tổng đi nương về thấy bà Y Xia đang nói chuyện với hai người đàn ông lạ mặt. Họ nói với nhau bằng tiếng gì đó ông không hiểu. Tối về ông liền hỏi vợ.

- Khi chiều hai người khách nói gì với bà đấy?

- À, họ nói lần sau họ đưa muối, dầu hỏa lên đổi lấy sa nhân và một số loại thuốc ta. Họ nói dạo này bọn phi bên Lào thường xuyên sang quấy phá, họ khuyên tôi không sang Lào buôn bán nữa. Họ còn khuyên tôi và dân bản nên đào hầm dấu của cải; bò, ngựa, lợn gà, ngô, lúa nên để trên nương. Tôi nói với họ là dân bản đã làm rồi. Họ còn nói tôi nên bán thêm vải tơ tằm, nếu đồng ý thì họ giới thiệu người đưa lên cho. Tôi nghĩ có vải tơ tằm bán thì tốt quá.

- Họ là ai bà có biết không?

- Tôi chỉ biết họ là người Kinh ở xuôi lên, không biết họ làm gì, hình như họ cũng chỉ là người đi buôn thôi. Họ không phải là người xấu. Mà khuya rồi, ông ngủ đi, mai còn đi sớm. Tôi dự định mai nhờ thêm mấy người đưa hàng xuống Mường Xén, có khi lần này phải đi mấy ngày.

- Ừ, từ đây xuống Mường Xén cũng mất gần ba ngày, bà đi đường cẩn thận đấy, bán hết hàng nhớ về sớm.

- Ừ tôi biết rồi, nhưng mà tôi định bán hết hàng sẽ xuống bản Mác hỏi mua vải tơ tằm với người Thái ở dưới đó, theo ông có nên đi không?

- Thôi đừng đi, nhỡ đi đường bị bắt đi phu thì thế nào.
- Tôi định đi đường rừng.
- Tôi không an tâm, bán hết hàng thì bà về với tôi và con cháu.

Bà Y Xia im lặng không nói gì.

Chiều ấy, sau chuyến đi chợ Mường Xén, bà Y Xia trở về Mường Ải cùng một người phụ nữ lạ. Người ấy trạc ngoài ba mươi, nước da trắng hồng, gương mặt tươi như hoa ban đầu mùa. Khi vừa đặt gùi xuống thêm, Y Xia liền giới thiệu:

– Ông Vả Tổng này, đây là chị Bún Hồng, người bản Mác dưới Thạch Giám. Chị dệt vải tơ tằm có tiếng lắm, cả Phủ Tương ai cũng biết.

Ông Vả Tổng chào khách, rót bát nước mời. Bà Bún Hồng cười duyên, giọng Thái mềm như lụa:

– Lâu nay nghe danh chị Y Xia ở Mường Ải làm ăn phát đạt, hôm nay mới có dịp theo Y Xia lên thăm. Bản Mác chúng tôi thì khác, ở ven sông Lam, đất bãi màu mỡ, ngô lúa quanh năm xanh tốt. Người Thái chúng tôi sống yên lành bên sông, chưa mấy khi vương loạn phi.

Nói rồi, bà kể rành rẽ về quê mình. Bản Mác nằm nép mình dưới chân núi Pu Đẳng, trước mặt là dòng Lam xanh biếc, sau lưng là đồi sim tím rục mùa hạ. Tiếng mái chèo khua nước sông, tiếng khung cửi gõ lách cách vang trong mỗi nếp nhà. Ở đó, bà Bún Hồng dựng cả một xưởng dệt với gần hai chục khung cửi, ngày đêm đỏ lửa. Hơn chục chị em trong bản thay phiên nhau se tơ, nhuộm chỉ, dệt thổ cẩm. Những tấm vải hoa văn uốn lượn như sóng sông, rục rờ như cánh bướm rừng.

– Nhà tôi còn có một đội người chuyên gùi vải, muối đi xa bán – bà tiếp lời – Họ đi sang tận Na Ngoi, Pù Quạc. Tôi thì ít khi ra khỏi bản, chỉ những phiên chợ lớn như Mường Xén mới đi. Mỗi lần lên Mường Xén phải luôn rừng, không dám đi đường lớn, vì qua Cửa Rào nguy hiểm lắm, dễ bị bọn quan bắt đi phu.

Nghe vậy, Vả Tổng gật gù:

– Quả thật, đường xuống xuôi không dễ dàng. Nhưng chị có xưởng dệt lớn như thế thì tốt quá, dân Mường Ải cần vải tơ tằm để mặc trong lễ tết, chắc nhờ chị nhiều.

Bà Y Xia chen vào, mắt ánh niềm vui:

– Tôi nghĩ từ nay ta nên buôn bán lâu dài với chị Hồng. Vải tơ tằm của chị đẹp, lại bền. Tôi có mối dưới Mường Xén, rồi sẽ mang vải ấy đi đổi muối, dầu hỏa. Như thế cả hai bên đều lợi.

Bún Hồng cười hiền:

– Tôi cũng mong vậy. Người Thái bản Mác và người Mông Mường Ải dù ở hai ngã núi sông, nhưng có vải, có muối thì đâu cũng là anh em.

Cuộc trò chuyện hôm ấy kéo dài đến khi trời sẩm tối. Ngoài sân, lũ trẻ riu rít đùa chơi, tiếng ngựa hí vọng từ nương xa. Trong ngôi nhà gỗ thơm mùi khói bếp, ba

con người ngồi quây quanh bếp lửa, chia sẻ câu chuyện về nương rẫy, về dòng sông Lam, về những tấm vải thổ cẩm đang nối dài nhịp sống giữa các bản làng.

Một sáng chợ phiên Mường Xén, Y Xia gửi hàng xuống đồi lấy muối và dầu hỏa. Phiên chợ đông nghịt người: người Thái, người Mông, cả người Kinh từ xuôi lên. Tiếng gọi í ới, tiếng ngựa hí, tiếng khèn, tiếng sáo chen lẫn nhau như một bản hòa ca nơi núi rừng. Giữa đám đông, bà bắt gặp lại hai người đàn ông Kinh từng ghé Mường Ải. Họ vẫn dáng vẻ của kẻ buôn, lưng cồng gửi hàng, tay xách vải vóc, miệng cười xởi lởi.

Lần này, ngoài muối, dầu hỏa và vải, họ còn đưa cho bà thêm mấy cuộn chỉ màu, bảo rằng “ở dưới xuôi mới có, đem lên đây thì dân bản thích lắm”. Rồi họ nhỏ giọng nói với bà:

– Đạo này phi lộng hành, bà con phải cảnh giác, đừng để chúng cướp của cải. Nếu cần, đào hầm giấu lương thực. Và... nhớ giữ kín chuyện chúng tôi đến đây.

Y Xia gật đầu, không hỏi thêm, nhưng trong lòng dấy lên sự tò mò. Bà cảm nhận được hai người này không chỉ đơn thuần là kẻ đi buôn. Những lời họ dặn dò, ánh mắt họ nhìn bà – vừa tin tưởng, vừa gửi gắm – khiến bà thấy có một sợi dây vô hình nối mình với họ. Bà mở miệng:

- Nhà tôi đã đào hầm để giấu hàng rồi, bà con cũng đã làm theo. Chúng tôi còn có vài tổ canh người lạ.

Một người nói:

- Tốt lắm! Bà làm sao đi vận động bà con các bản khác cũng làm như Mường Ải.

Từ đó, mỗi chuyến xuống Mường Xén, bà đều tìm gặp họ. Có lần, họ đưa cho bà vài gói nhỏ và bảo:

- Khi nào, trong bản có người sốt, hay đau bụng đi ngoài thì cho họ uống những thứ này sẽ khỏi.

Rồi họ đưa tiếp mấy gói khác nữa, bên ngoài giống hết nhưng gói ban này, một người ghé tai bà nói nhỏ:

- Đây không phải là thuốc chữa bệnh, hãy đưa cho ông nhà, sẽ có lúc cần đến.

Y Xia không nói gì thêm, chỉ lặng lẽ cất vào gùi. Với bà, việc đó cũng như buôn bán bình thường, nhưng trong tim lại rộn lên một niềm tin mơ hồ rằng mình đang làm điều có ích cho dân bản.

Trở về Mường Ải, Y Xia kể với chồng. Và Tổng chỉ lặng lẽ gật gù:

– Bà làm gì thì làm, nhưng phải cẩn thận. Lỡ rơi vào tay phi thì mất cả mạng.

Bà cười, giọng nhẹ mà chắc:

– Tôi biết. Nhưng ông ạ, không phải hàng nào cũng chỉ để bán mua...

Câu nói ấy, bà giữ cho riêng mình. Trong mắt dân bản, Y Xia vẫn chỉ là người đàn bà tháo vát, khéo buôn bán. Nhưng thật ra, qua đôi vai gầy của bà, từng bao

muối, từng xấp vải, từng giọt dầu hỏa, thuốc chữa bệnh – và cả những thỏi thuốc súng – đã lặng lẽ mở đường cho cách mạng bén rễ giữa núi rừng Mường Ải.

Chương 3

1. Mùa thu năm 1930, bản Mường Ai ngập trong sương núi, cả thung lũng Tà Khum như tấm khăn bạc quấn quanh dãy núi trùng điệp. Hôm ấy gia đình ông Vả Tổng đón tin vui. Sau mười năm chờ đợi, cuối cùng bà Y Xia sinh được một cậu con trai. Cả bản rộn ràng, từ cụ già đến đám trẻ nhỏ đều xôn xao nhắc đến, bởi gia đình ông Vả Tổng từ bao đời đã là chỗ dựa, tiếng nói tin cậy của bản Mường Ai và cả vùng Tà Khum.

Sáng hôm đó bà Y Xia chuyên dạ, lưng đau mỏi, bụng bắt đầu râm ran khó chịu. Ông Vả Tổng nói với các con:

- Bá Đà, Y Mái cùng nhau lên nương nhé, cha phải ở lại trông mẹ chúng mày.

Sau khi các con đã đi hết, ông đóng cửa, cẩn thận bẻ cành cây cài ngoài cánh cửa phòng bắt trộm.

Gần trưa, cơn đau của bà Y Xia dữ dội hơn. Trời đang nắng bỗng chuyển mưa giông, sấm chớp liên hồi vạch những đường ngoằn ngoèo xuống đỉnh Pu Xai. Trời đất như dính chặt vào nhau, tối sầm.

Biết vợ sắp đẻ, ông Vả Tổng vội vàng chạy đi gọi bà đỡ. Thấy vậy bà Y Xia gọi lại:

- Mưa to, gió lớn thế này ông đi làm gì, không cần bà đỡ đâu.

Ông Vả Tổng quay lại bên bếp lửa. Bà Y Xia rặn từng cơn, mồ hôi ướt đầm gối, miệng thều thào nhắc ông trải chiếu, chuẩn bị nước ấm và túi đồ đỡ đẻ.

Ông vừa động viên bà, vừa lẩm bẩm cầu khẩn:

- Con à, dù là trai hay gái con cũng ra đi. Giàng thương, đưa nước xuống tắm cho con kìa.

Bà Y Xia hai tay búi chặt tấm chiếu, hít sâu một hơi rồi dùng hết sức rặn. Bỗng ông reo lên.

- Ra rồi, cái đầu nó kìa, nhưng có cái dây rốn cuộn cổ.

Ông cẩn thận cắt dây rốn, đưa bé cất tiếng oe oe. Ông vui sướng reo lên:

- Con trai! Con trai bà ơi!

Bà Y Xia thở phào, rồi nhắm mắt thiếp đi. Trời tạnh mưa, sấm cũng ngưng. Ông lấy khăn nhúng vào chậu nước ấm, vắt khô rồi lau cho đứa bé, đặt nó nằm cạnh mẹ. Sau đó, ông lấy tờ giấy bản gói dây rốn cẩn thận rồi đem chôn ngay cạnh chân cột chính của nhà. Ông làm thế là hy vọng sau này thằng bé sẽ là trụ cột của gia đình.

Bên ngoài, trời bắt đầu hửng nắng.

Nghe tin con gái vừa sinh, bà Y Hòa bỏ việc buôn bán, tay xách con gà mái tơ, lưng gùi cái lù cỡ đựng đầy gạo trắng đến thăm. Bà dặn con gái:

- Mày phải ăn nhiều cơm trắng, canh gà, uống nhiều nước suối đun sôi để có nhiều sữa cho con.

Rồi bà nhìn sang con rể:

- Chọn ngày tốt rồi mời thầy mo đến làm lễ gọi hồn, đặt tên cho thằng bé.

Ngày lành đến, ông Vả Tổng đi sang Khau Khắt mời được thầy mo giỏi nhất vùng Tà Khum đến làm lễ đặt tên cho con.

Hôm ấy, sau khi bàn bạc, cả họ đặt tên cho đứa bé là Vừ Lầu Pó, với mong muốn hai họ Vừ và Lầu đoàn kết. Khi hai họ đoàn kết rồi các họ khác cũng sẽ hợp sức, bản Mường Ái sẽ mạnh mẽ hơn. Thầy mo đặt mâm lễ lên cái bàn đặt trước cửa ra vào. Ông thắp hương, tung quẻ, bảo rằng hồn thằng bé đã về, tổ tiên đã đồng ý.

Trưởng họ Vừ Giống Nênh nhờ thầy mo bấm quẻ, xem vận mệnh của thằng bé. Thầy mo ghé sát, nhìn kỹ từng đường nét non nớt trên khuôn mặt đỏ hồng của đứa bé, rồi khẽ nâng bàn tay nhỏ xíu đặt vào lòng bàn tay mình. Ông cau mày trầm ngâm giây lát, sau đó giơ bàn tay trái lên, miệng lầm bầm, rồi quay lại phía gia đình:

- Thằng Pó có số mệnh khác người, tướng nó thông minh, nhưng sinh vào ngày trời động, trong ba năm không được ra ngoài, không tiếp xúc người lạ, sau này sẽ làm rạng danh dòng họ, bản làng.

Nghe thầy mo nói vậy, mọi người vừa mừng, vừa lo. Bà Y Xia nhìn khuôn mặt con rồi động viên mọi người.

- Không sao đâu, với cái tướng này thì khó khăn không cản bước, kẻ ác không thể hại được nó đâu.

Ông Vả Tổng vui mừng đi vào rừng tìm những loại lá thuốc quý nhất về nấu nước cho vợ tắm. Bước chân ra khỏi nhà, ông không quên đóng cửa và dắt vào đó một cành cây. Một hôm, đang say sưa, bỗng ông thấy đàn gà rừng tao tác bay lên cao. Linh tính mách bảo ông có người lạ đến. Ông trèo lên ngọn cây cao nhìn xuống dưới chân núi thì thấy một toán phi đang vượt qua con suối. Ông chạy một mạch về bản báo tin cho bà con biết bọn phi đã đến.

Báo tin cho dân bản xong, ông vội về nhà đưa đồ đặc dẫu vào hầm, cẩn thận tấp mấy bó củi lên miệng hầm rồi bồng thằng Pó, dắt tay vợ chạy vào rừng. Ngày hôm sau, bọn phi đã đi hết, bản Mường Ái lại hóa thành tro.

2 - Tuổi thơ Pó những năm đầu là chuỗi ngày quần quanh trong ngôi nhà gỗ, nghe tiếng gà gáy, tiếng ngựa hí ngoài sân, mùi ngô bung trong bếp, tiếng cối giã gạo lách cách. Dù bị cấm không ra ngoài gặp người lạ, nhưng Pó chẳng vì thế mà buồn. Cậu có cả một thế giới trong ngôi nhà: những bó ngô treo đầy gác bếp, những cái chum sành chứa nước suối trong vắt, những mảnh vải lanh mẹ dệt vương đầy màu sắc, tiếng khèn của cha lúc đêm khuya, hay câu chuyện cổ tích mẹ kể về Giàng, về chim ưng và hổ trắng. Đôi mắt tròn xoe của Pó nhìn đâu cũng thấy lạ lẫm.

Từ nhỏ Pó đã tỏ ra khác thường. Mới hơn một tuổi đã nói sõi, nhận biết được đồ vật. Lên hai thì em gái Y Ia chào đời. Từ ngày có em, Pó càng tỏ ra ngoan ngoãn. Khi mẹ bận chăm em, cậu tự lấy cơm ăn, tự ngồi nghịch que củi hay lấy hòn sỏi làm

đồ chơi. Lúc la ngu, mẹ tranh thủ dạy Pó học chữ. Những con chữ cái a, b, c lạ lẫm được viết bằng que than trên tấm ván, Pó chăm chú nhìn, học một lần là nhớ. Chỉ sau mấy tháng, cậu đã biết đọc, biết ghép vần. Có lần bạn hàng người Kinh của mẹ ghé chơi, nghe Pó đánh vần mà ngạc nhiên lắc đầu, khen “thằng bé này trí nhớ đặc biệt, đầu óc sáng lắm”.

Lên bốn tuổi, lời thầy mo dặn đã hết hạn, Lâu Pó được cha mẹ cho ra ngoài chơi. Nó như con chim xỏ lồng, chạy tung tăng khắp sân nhà. Chạy nhảy chán chê rồi nó vào nhà dắt tay em Ia đi chơi khắp bản. Phải nói là Mường Ai đẹp, đó là một thung lũng nhỏ như dải khăn nhiều màu sắc vắt ngang chân núi Pu Xai. Núi non trùng điệp, sáng chiều sương giăng trắng bản, hoa trái đầy nương. Khi em trai Vừ Bá Thò ra đời. Gia đình mời thầy giáo người Kinh dạy học cho Pó.

Thầy dạy học cho Pó không ai khác đó là hai người lạ thường lên mua bán với bà Y Xia. Tháng nào họ cũng đưa hàng lên, rồi ở lại năm, sáu ngày, có khi nửa tháng. Họ dạy cho Pó tập đọc, tập viết và làm phép tính. Họ ngạc nhiên khi thấy Pó tiếp thu rất nhanh và nhất là khi cậu hỏi những câu mà người lớn cũng khó trả lời. Có lần nó chỉ lên trời hỏi:

- Sao trên trời lại có nhiều bông như vậy?

Thầy bảo đó không phải là bông mà là những đám mây.

Nó lại hỏi:

- Mây là gì?

Thầy nói:

- Mây là hơi nước tụ lại.

Nó tròn mắt:

- Sao nước lại bay được...

Thầy không biết giải thích thế nào cho thằng bé hiểu, liền nói:

- Cái này thì lớn lên, đi học con sẽ hiểu.

Nghe nó hỏi, cả nhà ai cũng bật cười. Cũng có khi Pó lại hỏi mẹ Y Xia: “Sao mây có lúc trắng, lúc đen? Sao trời lúc thì xanh, lúc thì xám xịt? Sao trời đang nắng lại đổ mưa? Sao lại có gió...?”

Mẹ Y Xia bí quá đành giỡ:

- Pó ngoan, mau ăn chóng lớn. Khi nào Pó ăn hết 10 kho lúa, 10 chuồng gà sẽ biết.

Những lúc như vậy, thầy người Kinh dạy học cho Pó nói với bà Y Xia rằng: thằng bé rất thông minh, sau này trưởng thành sẽ làm được việc lớn. Bà nhìn con thầm mừng trong bụng.

Rồi một ngày, cha mẹ cho Pó được đi chơi cùng lũ bạn. Từ hôm ấy, cả thế giới như mở rộng trước mắt cậu. Trời xanh cao vợi vợi, mây trắng bồng bênh trên đỉnh Pu Xai, nắng thu vàng trải rực trên những nương ngô. Pó ùa ra bãi đất ven suối, tung

tăng chạy nhảy, tiếng cười vang giòn như chim non lần đầu rời tổ. Cậu vốc nước suối trong vắt tấp lên mặt, reo to như vừa tìm thấy kho báu.

Niềm hân hoan ấy còn lan sang cả Ia. Hai anh em nắm tay nhau chạy khắp bản rồi trèo cả lên ngọn đồi sau nhà. Pó chỉ cho em:

– Kia là nhà ông trưởng họ Vừ Giống Nênh, còn chỗ lửa đỏ kia là lò rèn của bác Vừ Nhia Xừ.

Rồi cậu dang rộng hai cánh tay, hồn nhiên khoe:

– Còn đây là bản của mình!

Từ ngày ấy, tuổi thơ của Pó mới thực sự mở ra. Trong bản Mưòng Ải, đám trẻ con đông vui, mỗi chiều lại rủ nhau chơi khăng, đánh cù, ném pao... Pó nhanh chóng có bạn thân: thằng Vừ Bá Chia con trưởng họ Vừ Giống Nênh, con Y Hơ con ông Lầu Vả Chổng, rồi thằng Vừ A Sính con bác Vừ Nhia Xừ mắt sáng như chim chích. Tụi nó thường tụ tập trên bãi đất đầu bản, dùng hòn sỏi làm bi, lấy que củi làm gươm, hò hét giả làm tướng quân xông trận. Pó bao giờ cũng xông xáo nhất, bày trò dẫn dắt bọn bạn trèo đồi, lội suối. Có hôm chúng đuôi bắt bướm vàng tận bãi nương, có hôm lại chui vào hang đá gần bản chơi trò trốn tìm, tiếng cười vang vọng cả thung lũng.

Bản Mưòng Ải những ngày ấy như một bức tranh vừa yên bình vừa rộn ràng sức sống. Sáng sớm, khói bếp từ những mái nhà gỗ bay lên, quyện vào làn sương mỏng. Trên nương, đàn ông hò nhau chọc lỗ tra ngô, đàn bà theo sau bỏ hạt, tay thoăn thoắt, miệng hát vang. Trẻ con thì lừa trâu bò ra bãi, tiếng mõ leng keng xen lẫn tiếng khèn diu dặt. Chiều về, con đường đất đỏ in đầy dấu chân người và vó ngựa. Giữa bức tranh ấy, tuổi thơ Pó lớn lên như hạt ngô nảy mầm, khỏe khoắn, tươi sáng.

3. Lên năm tuổi, Pó đã khác hẳn một cậu bé vụng về ngày nào. Thân hình cậu săn chắc nhờ những buổi cùng lũ bạn leo đồi, băng suối. Đôi mắt đen láy, lúc nào cũng sáng lấp lánh, nhìn đâu cũng tò mò. Ông Vả Tông bắt đầu dạy Pó cầm nỏ. Cánh nỏ ông tự tay vót từ gốc tre già, thân nỏ bằng gỗ pơ mu chắc nịch, dây làm bằng sợi lanh căng như lò xo. Ban đầu Pó vụng về, kéo mãi không nổi, mũi tên bắn chệch sang bụi rậm. Nhưng cậu không nản. Chiều nào cũng cùng anh trai Vừ Bá Đà ra bãi cỏ tập, bắn đi bắn lại đến khi mũi tên cắm phập vào thân gỗ mới thôi. Anh trai khen: “Em có tay lắm, sau này sẽ bắn được chim bay giữa trời”. Pó cười rạng rỡ, ánh mắt tự tin như muốn nói: “Em sẽ bắn giỏi hơn cả anh”.

Ngoài giờ tập nỏ, Pó bắt đầu theo mẹ xuống chợ phiên. Chợ Mưòng Xén họp dưới thung lũng, gần khúc sông Nặm Mộ. Ngày chợ, từ sáng tinh mơ, ngựa thồ, người gùi đã ríu rít nối nhau xuống đường. Mùi mèn mèn thơm lừng, mùi rượu ngô, mùi quả chín, tất cả hòa quyện trong không khí rộn ràng. Đám trẻ con theo mẹ xuống chợ chỉ mong được ăn bánh ngô, kẹo lạc. Pó thích nhất là những lần được mẹ dắt đi, đứng xem người Kinh bán sách, bán bút, được nghe tiếng Việt lơ lớ. Từ ấy cậu càng say mê học chữ, tối nào cũng nài mẹ bày chữ để đánh vần. Có khi lửa bếp đã tàn mà Pó vẫn cặm cụi ê a, mắt sáng dưới ánh đom đóm bay quanh.

Tình bạn của Pó với bọn trẻ trong bản ngày càng gắn bó. Mùa xuân, chúng rủ nhau hái hoa ban trắng phủ kín sườn núi, kết thành vòng đội đầu. Mùa hạ, cả bọn ủa ra suối, ngụp lặn trong làn nước xanh mát, tiếng cười vang vọng. Pó bơi khỏe nhất, cứ như cá suối. Thằng Chia thì giỏi bắt cá tay không, còn con Y Hơ thì khéo tết vòng cỏ. Chiều xuống, cả bọn nằm dài trên bãi cỏ, ngược lên trời nghe tiếng chim hót, để mặc gió núi thổi mát rượi. Nhiều hôm trăng sáng, chúng rủ nhau chơi ném còn, bóng còn đỏ rực bay vút lên, xuyên qua vòng treo cao trên cột. Tiếng hò reo làm bản làng náo động.

Đêm nào không trăng, tụi nó ngồi quây bên bếp lửa nghe người già kể chuyện. Những chuyện về Nù Dáo lấy con trời, sự tích cây nêu, sự tích chim khuyên hay chuyện về các anh hùng Mông chống giặc phương Bắc, về những con hổ thần trấn giữ rừng sâu. Pó say mê nhất là những câu chuyện ấy. Lúc bạn bè đã ngáp ngủ, Pó vẫn chống tay nhìn vào lửa, ánh mắt xa xăm. Trong lòng cậu đã gieo những hạt mầm khác thường, không chỉ ước ao được chơi đùa, mà còn ước được làm người đứng đầu, cầm nỏ đi đầu trong mọi cuộc săn bắt hay trò giả trận.

Năm lên sáu, Pó vẫn được những bạn hàng người Kinh của mẹ dạy học mỗi lần lên trao đổi hàng hóa. Lúc này các “thầy” không chỉ dạy cho Pó mà còn dạy cho cả bọn trẻ con Mường Ải. Lũ trẻ Mông vốn quen chạy nhảy, ít ai chịu ngồi yên. Thầy Kinh nghiêm khắc, gõ thước chan chát trên bàn. Vậy mà Pó lại học say mê. Chữ cái, con số cứ hiện lên rõ ràng trong đầu cậu. Chẳng bao lâu, Pó đã đọc thông những trang sách mỏng, viết được những dòng chữ ngay ngắn trên giấy bản. Thầy ngạc nhiên lắm, thường khen trước lớp: “Pó có trí thông minh khác người, cố gắng thì sau này sẽ thành tài”. Câu nói ấy khiến ngực Pó phập phồng tự hào, bọn bạn nhìn cậu bằng ánh mắt nể phục.

Nhưng Pó không vì thế mà xa bạn. Ngược lại, cậu càng gắn bó. Sau những buổi học với thầy người Kinh, cậu vẫn cùng Chia, Sính vào rừng bắt chim non, vẫn cùng bọn trẻ chăn trâu, ngựa trên bãi cỏ. Những buổi trưa hè oi ả, chúng nằm dưới bóng cây pơ mu, nghe tiếng ve kêu râm rân, lấy lá ngón khô làm kèn thổi véo von. Pó bao giờ cũng nghĩ ra trò mới: lấy đất nặn thành con trâu, dựng bằng que tre thành hàng rào, giả làm cả một bản làng thu nhỏ. Bọn trẻ nhập cuộc say sưa, ai cũng coi Pó như “ông trưởng bản con nít”.

Trong những ngày thơ ấu ấy, Mường Ải đẹp như một bức tranh sống động. Núi xanh nối núi xanh, sáng chiều sương phủ, hoa rừng nở rộ. Tiếng mõ trâu, tiếng khèn, tiếng cười trẻ nhỏ hòa vào nhau thành bản nhạc rộn rã. Pó lớn lên giữa khung cảnh ấy, vừa hồn nhiên, vừa bắt đầu chớm trong lòng những suy nghĩ vượt hơn tuổi.

4. Đến khi lên bảy, Pó chẳng còn là cậu bé lon ton chạy theo mẹ như trước. Thân hình cậu đã cao lớn hơn hẳn bọn trẻ cùng lứa, đôi mắt sáng, bước chân nhanh nhẹn. Trong mỗi cuộc chơi, Pó bao giờ cũng là đứa bày trò, dẫn dắt cả nhóm. Đám trẻ trong bản bắt đầu gọi cậu bằng cái tên thân mật: “Pó thủ lĩnh”.

Một chiều đầu hạ, khi những đôi ngô xanh muốt trải dài khắp thung lũng, Pó lôi cả đám ra bãi đất trống ven suối. Cậu gom những cành cây khô, buộc lại thành hình nỏ, chia bọn trẻ thành hai phe, một bên giả làm quân giữ bản, một bên giả làm

giặc cướp. Chia và Sính hăng hái theo Pó, còn bọn kia thì do Hơ cầm đầu. Trận giả bắt đầu, tiếng hò hét vang động cả bờ suối, từng “mũi tên” bằng que củi vun vút bay. Pó nhanh trí bày kế đánh vòng, dẫn phe mình vượt qua gò đất, bất ngờ tập kích sau lưng đối thủ. Lũ bạn reo ầm, “thủ lĩnh Pó” giành phần thắng. Từ ấy, trò “giữ bản” thành trò chơi quen thuộc, lũ trẻ say mê không chán, coi như luyện tập thật sự. Người lớn trong bản đi qua, thấy bọn nhỏ hò hét, chỉ cười hiền: “Đám con trai lớn lên sẽ thành người lính giỏi, biết đâu sau này bảo vệ cả bản làng thật”.

Những buổi trưa hè oi nồng, sau khi chăn trâu, cả bọn lại tụ tập dưới tán cây pơ mu, nghe Pó bày chuyện. Có lần cậu bảo:

- Nếu sau này phi sang, chúng ta sẽ dùng hang đá Tà Khum làm kho lương. Còn bãi đất kia sẽ đào hố chôn bấy phi.

Chia tròn mắt:

- Như người lớn đánh giặc ấy à?

Pó gật đầu, giọng chắc nịch:

- Ừ, chúng ta phải chuẩn bị từ nhỏ. Bản Mường Ải này không để ai cướp mất.

Lũ bạn nhìn nhau, ánh mắt long lanh, cảm giác trò chơi bỗng mang dáng dấp thật sự.

Song tuổi thơ đâu chỉ có tập trận. Pó còn có những buổi lặng lẽ riêng mình. Cậu thích trèo lên ngọn đồi sau bản, ngồi hàng giờ ngắm thung lũng trải dài, nghe tiếng gió hú qua rừng lau, tiếng nước Nặm Mộ reo ầm ầm phía xa. Có lần trời chiều rực đỏ, mây như bầy ngựa phi ngang trời, Pó bỗng thốt: “Ước gì mình cũng có đôi cánh để bay qua núi, nhìn hết các bản của người Mông mình”. Ước mơ ấy trong sáng nhưng chất chứa khát vọng vượt khỏi giới hạn bản nhỏ.

Tuổi bảy cũng là tuổi Pó bắt đầu biết giữ bí mật riêng. Cậu thân nhất với Sính, nhiều khi hai đứa rủ nhau lên vào rừng sâu, tìm tổ ong mật, hái quả rừng. Có hôm cả hai tình cờ thấy một vết chân hổ in trên đất ẩm. Sính run rẩy, nhưng Pó cúi xuống ngắm thật lâu, bàn tay khế đặt lên dấu chân, ánh mắt bừng sáng: “Sau này mình sẽ săn được nó”. Cậu nói ấy làm Sính toát mồ hôi, nhưng cũng khiến nó nể phục vô cùng.

Ở tuổi ấy, Pó cũng bắt đầu cảm nhận sự khác biệt trong tình bạn. Con Y Hơ, cô bạn gái nhỏ cùng chơi từ bé, bỗng được Pó chú ý nhiều hơn. Mỗi lần đi hái hoa ban hay xuống suối, Pó thường kín đáo nhường phần trò chơi vui nhất cho Y Hơ, hoặc lén giấu một bông hoa rừng tặng bạn. Y Hơ đỏ mặt, cười khúc khích, làm cả đám bạn reo ầm lên. Nhưng trong lòng Pó lại có cảm giác khó tả, vừa ngại ngùng, vừa ảm áp. Những rung động non nớt ấy, như ngọn gió nhẹ khẽ lay hồn tuổi thơ.

Dù nghịch ngợm, nhưng đến giờ Pó vẫn chăm chỉ học chữ. Mỗi tối, khi bếp lửa đỏ rực, cậu ngồi cạnh cha, tay cầm bút than viết lên tấm gỗ. Cha nhìn con, vừa tự hào vừa trầm ngâm. Ông hiểu rằng đứa trẻ này sẽ không chỉ sống một đời bình thường, mà sớm muộn cũng gánh vác trách nhiệm lớn lao. Ông thường kể cho con nghe chuyện về ông bà từng vượt núi chạy giặc, chuyện những người Mông không

chịu khuất phục trước bọn cướp phi. Mỗi câu chuyện như ngọn lửa thắp trong lòng Pó, khiến cậu càng thêm tin rằng con đường trước mặt mình sẽ không chỉ có vui chơi.

Mùa thu năm ấy, cả bản tổ chức lễ hội Gầu Tào. Cờ màu, khèn, trống rộn ràng. Lũ trẻ cũng nhập hội, Pó dẫn bạn bè chơi ném còn, trèo cột lấy giải. Trong tiếng reo hò, Pó leo nhanh như sóc, tay chạm được chiếc khăn đỏ buộc trên ngọn cột tre cao ngất. Người lớn vỗ tay khen ngợi, gọi: “Con nhà họ Vừ đúng là giỏi giang, mạnh mẽ!”. Pó cầm khăn chạy về, ngực căng phồng tự hào. Hình ảnh ấy in sâu vào lòng lũ bạn, càng củng cố vai trò thủ lĩnh tự nhiên của cậu giữa bọn trẻ.

Tuổi thơ của Pó ở Mường Ải là vậy: hồn nhiên, rộn ràng tiếng cười, nhưng đã thắp thoảng những mầm mống khác thường. Trong ánh mắt đen láy ấy không chỉ có niềm vui trẻ con, mà còn có khát vọng lớn lao, một khát vọng vươn ra khỏi thung lũng mờ sương để chạm tới những đỉnh núi xa hơn.

5. Khi Pó tròn chín tuổi, vóc dáng cậu đã cao hơn bạn bè cùng lứa cả cái đầu. Bờ vai rắn rỏi, bước chân dẻo dai như con sơn dương trên vách núi. Người lớn trong bản bắt đầu tin tưởng giao cho Pó những việc nặng nề hơn: khi thì dắt ngựa thò ra nương, khi thì gửi ngô xuống chợ. Pó làm tất cả với vẻ hăng hái, chẳng bao giờ than mệt. Cậu luôn miệng bảo: “Con trai Mông phải khỏe, mới giữ được núi, giữ được bản”.

Một buổi chiều mùa đông, mây phủ mịt mờ, Pó cùng Chia dắt trâu về bản thì chợt nghe tiếng người kêu thất thanh từ con dốc. Cả hai rón rén tiến lại, thấy một bác trong bản ngã ngựa, bao ngô văng tung tóe. Đúng lúc ấy, từ phía sườn núi, mây tên phi xuất hiện, mắt láo liên, miệng hò hét đòi cướp. Pó run lên, biết nếu lộ mặt thì cả ba sẽ mất mạng. Cậu thì thầm bảo Chia giữ trâu, rồi nhanh trí bò men lên vách đá, nhặt một hòn đá to ném xuống bụi rậm phía xa. Tiếng động khiến bọn phi giật mình, tưởng có người phục kích, chúng chửi rủa, chĩa súng về phía đó mà dậm dạp. Nhân lúc chúng xao nhãng, bác nông dân gượng đứng dậy, kéo bao ngô lẩn vào lối mòn. Pó cũng trườn xuống, ra hiệu cho Chia mau theo về bản. Khi cả ba đã thoát, bọn phi mới nhận ra chẳng có ai, chúng tức tối gào thét rồi bỏ đi.

Tối ấy, cả bản xôn xao, ai cũng khen: “Thằng Pó lanh trí lắm, sau này sẽ thành người bảo vệ bản làng.” Pó chỉ cúi đầu, nhưng trong lòng bùng lên một niềm tự hào xen lẫn cảm giác trách nhiệm mơ hồ.

Cũng từ năm ấy, Pó bắt đầu tham gia nhiều hơn vào những công việc của người lớn. Cậu theo cha lên rẫy phát nương, cùng anh trai đào hố chông bẫy thú. Có khi cả gia đình đi rừng nhiều ngày, Pó đi đầu, mắt tinh như mắt chim, luôn phát hiện dấu vết thú rừng hay đường mòn mới. Người lớn nhận ra cậu không chỉ nhanh nhẹn mà còn có trí nhớ dai, chỉ cần đi một lần là nhớ từng khúc cua, từng khe suối. Nhiều lần, cả nhóm đi lẫn lạc đường, chính Pó đã chỉ lối về.

Trong những chuyến ấy, Pó càng thêm gắn bó với thiên nhiên. Cậu học cách lắng nghe tiếng rừng: tiếng gió rít là dấu hiệu mưa lớn, tiếng chim kêu dồn dập báo có thú dữ quanh đây, mùi đất ngai ngái báo hiệu mùa gieo hạt sắp về. Những điều

đó thấm vào máu, khiến Pó trở thành đứa bé dường như sinh ra để sống hòa với núi rừng.

Tình bạn của Pó và đám trẻ cũng ngày một bền chặt. Giờ đây, những trò chơi tập trận không chỉ là giải trí, mà đã trở thành “luyện tập thật sự”. Pó chế thêm nhiều “vũ khí” từ tre nứa: gậy, giáo, khiên... Cậu phân công từng đứa giữ vai trò khác nhau, tổ chức canh gác giả, chia nhóm đi tuần quanh bản. Người lớn thấy vậy chỉ cười, nhưng nhiều cụ già thì lắc đầu: “Thằng bé này có cái chí hơn người, không yên ngồi như lũ khác đâu”.

Một lần khác, cả bọn đi chơi sâu trong rừng, bất ngờ gặp một con lợn rừng khổng lồ. Lũ trẻ hoảng sợ, bỏ chạy tán loạn. Pó thì nhanh trí trèo lên cây, rồi ném đá liên hồi để đánh lạc hướng, giúp bạn bè thoát. Khi con thú bỏ đi, Pó tụt xuống, thở hồng hển nhưng cười: “Phải gan thì mới cứu được bạn, sau này gặp giặc cũng thế thôi”. Chia ôm lấy vai Pó, mắt lấp lánh: “Pó đúng là thủ lĩnh của chúng ta”.

Cùng với sức mạnh thể chất, tâm hồn Pó cũng lớn dần. Cậu bắt đầu suy nghĩ nhiều về những câu chuyện nghe từ cha và người già: chuyện những ngày cả họ Vừ vượt biên chạy giặc, chuyện người Mông bị áp bức. Có lần ngồi bên bếp lửa, Pó lặng lẽ hỏi cha:

- Cha, sao người Mông mình cứ phải bỏ bản này sang bản khác? Sao bọn phi cứ cướp phá mãi?

Ông Vả Tổng nhìn con, trầm ngâm:

- Vì mình còn yếu, con ạ. Nhưng rồi sẽ có ngày người Mông đứng lên, tự làm chủ núi rừng của mình.

Câu trả lời ấy như mũi tên cắm sâu vào lòng Pó. Từ đó, mỗi khi chơi “giữ bản”, cậu càng say sưa, dồn hết sức để chỉ huy bạn bè.

Lên mười tuổi, Pó tham gia lễ trưởng thành của bản. Cậu mặc áo thêu mới, đứng nghiêm bên bàn thờ tổ tiên. Thầy mo làm lễ, cột sợi chỉ đỏ vào cổ tay, khấn rằng: “Từ hôm nay, Pó đã là trai bản thực thụ, được thần núi chứng giám”. Cả bản chúc mừng, tiếng khèn đập diu, tiếng trống vang xa. Trong lòng Pó dâng tràn cảm giác thiêng liêng, như một bước ngoặt lớn. Cậu thấy mình không còn là đứa trẻ nữa, mà là người có trách nhiệm với gia đình, với bản mường.

Mùa xuân năm ấy, bản Mường Ải tổ chức hội ném còn lớn nhất từ trước tới nay. Các bản lân cận đều kéo đến. Pó cùng bạn bè tham gia với khí thế sôi nổi. Trong tiếng reo hò, Pó ném quả còn bay vút lên, xuyên trúng vòng tròn cao ngất. Tiếng hò reo vang dậy cả thung lũng. Người già gật gù: “Thằng bé này sau sẽ là cột đá của bản, chống được bão giông”.

Tuổi thơ của Pó, như thế, không chỉ còn là những ngày rong chơi hồn nhiên. Những va chạm đầu đời - cuộc chạm trán bọn phi, lần cứu bạn khỏi lợn rừng, những đêm lửa hồng nghe cha kể chuyện - đã tôi luyện cậu. Trong ánh mắt cậu bé mười tuổi đã lóe lên nét cứng cỏi khác thường, như một mầm cây non đã cắm rễ sâu vào lòng đất đá Mường Ải, sẵn sàng vươn lên thành cây đại thụ trước gió bão mai sau.

6. Mười một tuổi, Pó đã không còn là thằng bé đen nhẻm, tóc rối lúc nào cũng mãi mê nô đùa bên lũ bạn nữa. Cậu dần cao lớn, đôi chân rắn chắc, cánh tay rắn rỏi như thanh gỗ lim non. Người lớn trong bản đã quen giao cho Pó những việc mà chỉ trai trưởng thành mới làm: chăn trâu cả ngày trên núi cao, gùi ngô nặng vượt suối, thậm chí có lần theo cha vào rừng săn lợn rừng. Ở đâu có việc nặng nhọc, Pó đều xung phong, ánh mắt sáng và kiên nghị như lửa hồng trong bếp.

Bạn bè vẫn coi Pó là “thủ lĩnh nhỏ”. Chia, Sinh, Y Hơ... đều nghe lời Pó khi bày trò chơi hay tập trận. Nhưng những trò chơi ấy giờ không còn chỉ là trẻ con đánh giả nữa. Pó bắt đầu nghĩ xa hơn: “Nếu một ngày bản ta thật sự bị phi tấn công, chúng mình phải làm gì?”. Câu hỏi ấy ám ảnh cậu mỗi lần nhìn thấy cột khói lạ bốc lên từ phía bên kia biên giới. Vì thế, mỗi trò chơi của Pó đều có ẩn ý: tập bắn nỏ chuẩn hơn, chia đội gác bản vào ban đêm, đào những hố cạn giả để đặt bẫy. Bạn bè còn ngây thơ, chỉ thấy thú vị. Nhưng trong tim Pó, ý thức giữ bản đã cháy âm ỉ.

Một lần, trong chuyến đi săn cùng cha và anh trai, cả nhóm bất ngờ bị đàn khỉ hoang tấn công ở bìa rừng. Chúng đông và dữ, lao xuống giành trái cây. Một con to lớn vung tay định vồ lấy Pó. Cậu không sợ hãi mà nhanh như chớp kéo nỏ, bắn thẳng vào thân cây bên cạnh, tiếng mũi tên “phập” khiến bày khỉ chững lại, rồi rút dần vào rừng sâu. Ông Vả Tổng nhìn con trai, ánh mắt không nói nhưng lấp lánh niềm tự hào. Lần đầu tiên ông thấy trong cậu bé ấy thấp thoáng bóng dáng của một chiến binh thực thụ.

Không chỉ gan dạ, Pó còn có trí tò mò mạnh mẽ. Mỗi khi có dịp xuống chợ, cậu thường chen vào nghe những người Kinh kể chuyện dưới xuôi. Có lần, một thầy giáo đem lên vài cuốn sách cũ, trong đó có chuyện về Hai Bà Trưng, về Trần Hưng Đạo đánh giặc. Pó nghe họ đọc đến quên cả thở, trong lòng dậy lên một khát khao: “Người Kinh có anh hùng thì người Mông cũng phải có. Mai này ta sẽ là người ấy cho bản mình”. Câu nghĩ thầm ấy, Pó chưa bao giờ dám nói ra, nhưng nó cháy âm ỉ như ngọn đuốc nhỏ trong tim.

Năm Pó mười hai tuổi, một biến cố đã in dấu sâu sắc trong tâm hồn cậu. Hôm ấy, vào cuối vụ gặt, bọn phi từ bên kia biên giới bất ngờ kéo sang, lén đốt mấy kho lúa của bản bên cạnh. Tin dữ lan nhanh đến Mường Ải. Cả bản nháo nhác, người lớn lo củng cố hầm chứa, phụ nữ trẻ con gùi đồ chạy lên hang núi. Lũ trẻ cũng sợ hãi, chỉ muốn trốn. Nhưng Pó lại khác. Cậu tụ tập bạn bè, bàn:

- Nếu phi tới, chúng ta cũng phải giúp cha mẹ chuyển lúa, ngô vào hang không để chúng dễ dàng lấy đi.

Cả bọn im lặng, rồi đồng loạt gật đầu. Đêm ấy, lần đầu tiên, lũ trẻ Mường Ải chia ca gác thật sự. Pó dẫn nhóm đi vòng quanh bản, tay cầm nỏ, mắt căng như mèo rình mồi. Trăng mờ, gió thổi lạnh buốt, nhưng trong lòng Pó lại nóng rực. Cậu cảm thấy mình đã lớn thật rồi, đang gánh trách nhiệm không chỉ cho gia đình mà cho cả dân bản.

May mắn thay, bọn phi không kéo sang. Nhưng từ hôm ấy, Pó không còn vô tư như trước. Cậu nhận ra hiểm nguy luôn rình rập, và nếu người Mông chỉ biết trốn,

thì sớm muộn gì bản cũng chẳng còn bình yên. Trong mắt Pó, nỗi lo đã thay chỗ cho sự ngây thơ, và một quyết tâm cứng cõi bắt đầu hiện hình.

Tuy vậy, Pó vẫn là một thiếu niên, vẫn còn những buổi rong chơi. Cậu vẫn cùng bạn bè chạy nhảy trên nương hoa tam giác mạch, vẫn mê mẩn tiếng khèn ngân nga mỗi dịp hội xuân. Nhưng ngay cả trong những ngày vui ấy, Pó vẫn như người lính trẻ tập sự, luôn lắng nghe, luôn quan sát, như thể bất kỳ lúc nào cũng sẵn sàng bảo vệ bản mường.

Một buổi chiều, khi lũ trẻ chơi ném còn, Y Hơ bỗng ngã xuống suối sâu. Dòng nước cuốn phăng đi, mọi người hoảng hốt kêu gào. Pó không do dự, lao mình xuống dòng nước xiết. Cậu bơi mạnh mẽ, túm lấy tay Y Hơ, rồi gồng mình kéo bạn lên bờ. Khi Y Hơ được cứu, cả bọn òa khóc, ôm chầm lấy Pó. Từ hôm ấy, Y Hơ hay nhìn Pó với ánh mắt khác lạ — vừa biết ơn, vừa kính phục. Pó thì chỉ cười, nhưng trong lòng lại thấy một cảm giác mới mẻ, vừa ấm áp, vừa lạ lẫm, như một nốt nhạc đầu đời của tình bạn và tình cảm trong sáng.

Những ngày tuổi mười hai của Pó trôi đi như thế: vừa hồn nhiên, vừa trui rèn trong thử thách. Bản Mường Ải vẫn yên bình trong khói bếp lam chiều, trong tiếng khèn, tiếng khua cối giã ngô, nhưng dưới lớp bình yên ấy, trong lòng một cậu bé người Mông đã chớm hình thành khát vọng lớn: một ngày nào đó, không chỉ bảo vệ bản làng, mà còn gánh vác cả núi rừng, đứng lên cùng dân tộc mình chống lại mọi thế lực áp bức.

7. Cuộc sống tưởng chừng sẽ thanh bình mãi mãi, bỗng một sớm mai, bầu trời Mường Ải như sầm xuống, tiếng chó sủa liên hồi vọng dọc triền núi. Rồi từ phía khe Nặm Hắng, những đóm khói bốc cao, loang nhanh như vệt dầu loang trên mặt suối. Tin phỉ tràn bản truyền đi vùn vụt, tiếng tù và báo động rúc lên dồn dập. Người già, trẻ nhỏ, đàn bà đang phơi ngô, giã gạo bỗng bỏ cả, vội vã túm lấy nắm xôi, gửi con lên lưng, dắt nhau lao vào rừng. Tiếng khóc trẻ con chen lẫn tiếng gọi í ới, tiếng người đàn ông hò nhau gỡ trâu, lừa bò chạy trước khi bọn phỉ kịp tràn đến. Khói lửa đã đỏ rực mái gianh đầu bản, rồi thứ mùi khét lẹt của tre cháy, gỗ cháy tấp vào mũi, khiến Pó nhói buốt tận óc.

Cậu chạy theo mẹ, tay nắm chặt vạt áo, đầu ngoái nhìn lại: những ngôi nhà sàn thân quen sầm xuống như những con thú bị chém gục. Tiếng thét của người bị bắt, tiếng khóc lạc giọng của mấy bà mẹ mất con, tất cả hòa vào nhau thành một thứ âm thanh hỗn độn khiến ngực Pó nhói đau. Trên nương, đàn bà gồng gánh, lưng còng xuống, vai hằn vết dây gùi; đàn ông cầm chông, cầm nỏ đi sau chặn đường. Một vài cụ già yếu quá, chân run rẩy, được mấy đứa cháu dìu lên dốc. Con đường mòn dẫn vào rừng bỗng chốc đông nghịt người, rối như mắc cửi, ai cũng chỉ kịp mang theo ít đồ, vài nắm thóc, ít muối trắng, còn lại phó mặc cho lửa.

Pó nghe rõ tiếng tim mình đập thành thịch, chân đá phải cành khô mà vẫn không thấy đau. Cậu chưa bao giờ thấy bản Mường Ải hỗn loạn đến thế. Mới hôm qua thôi, khói lam còn thông dong vắt ngang lưng núi, trẻ con đùa nhau bắt chuồn chuồn ớt bên bờ suối. Thế mà giờ đây, mọi thứ bị cuốn đi như con lũ quét. Bóng

những người gùi đồ lom khom giữa rừng cây cỏ thụ trông như những chiếc lá nhỏ bé cố bám lại giữa giông gió.

Trong khoảnh khắc ấy, Pó nhận ra có những khuôn mặt chưa kịp già đã nhăn nhúm vì sợ hãi, có những đôi mắt trẻ con ráo hoảnh nước mắt vì khóc quá lâu. Đêm đó, cả bản ngủ co cụm dưới tán rừng già, tiếng côn trùng rả rích hòa vào tiếng thở dài nặng trĩu. Lần đầu tiên Pó cảm thấy, chiến tranh không phải là những câu chuyện kể xa xôi nữa, mà là ngọn lửa đang cháy đỏ phía chân trời, là nỗi đói rét đang rình rập trong đêm rừng lạnh buốt.

Mấy ngày sau, khi tiếng súng đã lịm dần sau dãy núi xa, dân bản lục tục dắt díu nhau trở về. Cả Mường Ải chỉ còn lại tro than ngổn ngang, cột cháy đen dựng xiêu vẹo như những cánh tay cụt. Khói vẫn còn vương mùi khét, mưa đêm chưa kịp rửa hết dấu máu trên bậc cầu thang nhà sàn. Mọi người lặng lẽ đi gom nhặt xác người, đào những huyệt đất cạn bên bìa nương, chôn cất trong tiếng khản run run. Rồi từng tốp, từng tốp góp công dựng lại mái nhà, kê chẻ gỗ, người đan phen, trẻ con cũng lom khom nhặt tre, gùi tranh. Trong gian khó, tình bản làng lại càng quấn chặt như sợi mây rừng, ai có gì góp nấy, cùng nhau thấp lên một ngọn lửa mới giữa tro tàn.

Những năm tháng sau biến cố tang thương, bản Mường Ải vẫn chưa khi nào yên bình. Bóng dáng bọn phi như cơn gió độc, lúc nào cũng có thể tràn đến, gieo rắc máu và nước mắt. Nhưng chính trong gian khó ấy, những đứa trẻ lớn lên nhanh hơn, gan góc hơn.

Pó càng ngày càng quấn quýt bên anh Bá Đà – một người anh vừa nghiêm khắc, vừa dịu dàng, lúc nào cũng che chở. Có lẽ chính vì từng chịu cảnh chạy giặc, Bá Đà sớm mang trong mình một sự từng trải hơn tuổi, ánh mắt lúc nào cũng ánh lên vẻ cương nghị. Pó rất thích đi theo anh, lắng nghe những câu chuyện anh kể về rừng xanh, về thú dữ, về những cuộc phục kích của dân bản chống bọn phi. Trong tâm trí non nớt, hình ảnh anh Bá Đà giống như một người hùng thực sự.

Thấy em trai ngày một lớn, Bá Đà bắt đầu dạy cho Pó những việc của đàn ông trong bản. Đầu tiên là cách vót tên, cách lên dây nỏ. Pó say mê đến mức quên ăn, quên ngủ. Bàn tay nhỏ bé tập tành cầm dao chuốt từng mũi tre, có lúc đứt cả tay, máu chảy ra nhưng cậu vẫn mím môi, nhất quyết không kêu. Bá Đà xoa vết thương, vừa thương em, vừa tự hào. Anh biết trong cái dáng người nhỏ bé ấy ẩn giấu một nghị lực cứng cỏi lạ thường.

Những buổi chiều, khi mặt trời đỏ quạch xuống thung lũng Tà Khưm, hai anh em mang nỏ ra bìa rừng tập bắn. Ban đầu, Pó chỉ giương được dây nỏ yếu, mũi tên bay chao chát rồi rơi ngay trước chân. Nhưng chẳng bao lâu, nhờ rèn luyện bền bỉ và sức vóc lớn nhanh như thổi, cậu đã bắn trúng hồng tâm trên thân cây. Tiếng reo vui của Pó vang vọng cả triền nương. Bá Đà vỗ vai em, ánh mắt rực lên niềm tin, như thể anh nhìn thấy trong tương lai một người chiến binh sẽ đứng lên bảo vệ bản mường.

Ngoài cách bắn nỏ, Bá Đà còn chỉ dạy cho Pó biết nhận dấu vết trong rừng, phân biệt tiếng thú rừng với tiếng động lạ, biết đâu là tổ chim, đâu là ổ sóc, biết cách chặt cây dựng lán, cách châm lửa từ đá. Pó theo anh, học từng chút một, trí nhớ nhanh đến mức khiến cả nhà ngạc nhiên. Nhiều khi, hai anh em lặn lội cả ngày trong rừng, đến tối về, Pó lưng đeo đầy túi chim sóc, mặt lấm lem đất nhưng mắt sáng rõ. Cậu thấy mình đã trưởng thành hơn một chút, không còn là đứa bé chỉ biết chạy lon ton quanh sân nữa.

Tình anh em giữa Pó và Bá Đà ngày càng thắm thiết. Trong mắt Pó, anh Đà không chỉ là anh trai, mà còn như một người thầy, một hình mẫu để noi theo. Còn trong lòng Bá Đà, Pó không chỉ là cậu em bé bỏng, mà còn là niềm hy vọng của cả gia đình, là hạt giống quý mà trời đất gửi xuống. Nhiều đêm nằm bên bếp lửa, Bá Đà thủ thỉ:

- Em Pó à, sau này lớn lên, em phải mạnh mẽ, phải khôn ngoan để lo cho cha mẹ, cho bản làng. Anh có thể ngã xuống, nhưng em thì không được phép đâu. Pó tròn mắt nhìn anh, tim rộn ràng như có lửa cháy. Cậu gật đầu, đôi môi non nớt thốt ra câu nói chắc nịch:

- Em sẽ làm được, anh Đà ạ.

Thời gian trôi, cái bóng của anh Bá Đà ngày càng in đậm trong tuổi thơ Pó. Từng bài học bắn nỏ, từng bước chân trên rẫy, từng lời căn dặn đều trở thành ký ức khắc sâu, nuôi dưỡng trong Pó niềm khát khao trở thành người đàn ông thực thụ. Và cũng từ những tháng ngày ấy, trong lòng cậu bé mười tuổi đã le lói một ước mơ lớn lao: phải lớn thật nhanh, để có thể đứng bên anh Đà, cùng anh bảo vệ bản Mường Ai khỏi lửa giặc và bóng đêm phi loạn.

Đêm xuống, bếp lửa bập bùng hắt ánh sáng lên gương mặt non trẻ của Pó và nét rắn rỏi của Bá Đà. Ngoài kia, rừng Tà Khum vẫn rì rào, như khúc nhạc của núi rừng hòa cùng hơi thở của tuổi thơ. Chính giữa những ngày tháng bình dị mà dữ dội ấy, tuổi thơ của Pó được tôi luyện, không chỉ bằng lời ru êm ả của mẹ, mà còn bằng bàn tay rắn chắc và trái tim nồng hậu của người anh nuôi. Và từ đó, trong sâu thẳm tâm hồn cậu bé, ngọn lửa căm thù phi và khát vọng chiến đấu đã bùng lên, âm ỉ cháy, sẵn sàng bùng nổ khi thời cơ đến.

Một buổi sáng Pó được anh Bá Đà cho đi theo lên nương. Mỗi người mang theo một cái nỏ, lù cở và dao. Thấy anh Bá Đà có hai cái ống đựng tên hai màu đen và trắng. Pó liền hỏi.

- Sao anh có hai ống đựng tên đen và trắng?
- À, ống màu trắng là tên thường, còn ống màu đen đựng tên độc.
- Tên độc để làm gì?
- Để bắn thú dữ, bắn bọn phi.

Nói xong anh Bá Đà nhìn Pó nói.

- Sau này lớn lên em sẽ biết, bây giờ ta đi thôi kẻo muộn.

Pó im lặng không nói gì, bước ra khỏi nhà, lẻo đẻo theo anh lên nương. Sương sớm phủ trắng bản, phủ lên cả đỉnh Tong Chinh. Khói bếp hòa cùng với khói sương tạo nên một vẻ đẹp hư ảo.

Bên đường, những giọt sương đọng trên bờ cỏ xanh, vương trắng trên những tấm mạng mà những chú nhện vừa chăng ra. Pó thích thú vừa đi vừa ngắm nhìn những giọt sương lung linh khi mặt trời bắt đầu hắt những tia nắng xuống.

Hai anh em đi đến nương, thấy khói nghi ngút, Bá Đà hô hoàng: phi đã đốt phá hết kho lúa và lán của dân bản. Anh định chạy đi tìm vợ và các con thì nghe tiếng kêu dưới suối. Hai anh em chạy xuống thấy năm tên phi đang thay nhau hãm hiếp một bé gái. Bá Đà nuốt căm hận, lấy hết sức kéo dây nỏ, anh lấp mũi tên độc bắn chết hai tên, cứu bé gái. Ba tên còn lại xả súng vào con bé rồi bỏ chạy. Bé gái đó chính là con Y Nu của anh. Hai anh em đưa xác Y Nu chôn bên gốc cây gần bờ suối, rồi trở lại nương tìm vợ và hai con trai.

Pó chứng kiến tất cả, lòng căm phẫn bọn phi sôi sục, chỉ ước lớn thật nhanh để cầm súng trả thù cho bản làng. Tuổi thơ của cậu không chỉ được nuôi dưỡng trong hơi ấm gia đình, mà còn bị tôi rèn giữa lửa đạn, in hằn khát vọng chiến đấu và sức mạnh của một trái tim không biết khuất phục.

8. Mười lăm tuổi, Pó đã cảm nhận hết sự tàn bạo của bọn phi. Những lần chứng kiến chúng cướp bóc, chém giết, lòng cậu quặn lại như lửa đốt. Trong giấc ngủ chập chờn, bao lần Pó mơ thấy cảnh mình vai khoác súng, đứng hiên ngang chặn ngang con đường mòn, quát lũ phi phải trả thù cho bản mường. Nhưng tỉnh dậy, Pó lại thấy bàn tay mình vẫn còn gầy guộc, súng đạn chỉ là ước mơ xa vời. Cậu biết, với sức vóc tuổi thiếu niên, mình không thể lao ra đối mặt. Thế nhưng, chẳng lẽ lại ngồi yên nhìn bản làng bị tàn phá?

Một đêm, Pó nhóm bạn thân lại dưới gốc pơ mu đầu bản. Trăng thượng tuần sáng nhòa nhạt, soi rõ những gương mặt r ám nắng. Pó hạ giọng:

– Chúng mình nhỏ, chưa cầm súng được. Nhưng ta có thể làm mắt, làm tai cho bản. Bọn phi thường rình rập từ phía núi cao, vậy thì ta dựng chòi canh, hễ thấy động thì chạy báo.

Chia, thằng bạn chí cốt, tròn mắt:

– Nhưng nếu chúng thấy thì sao? Chúng bắn đấy!

– Ta phải khéo. Canh từ xa, giấu mình kỹ. Không đánh, chỉ báo tin. Nhờ vậy mà người lớn kịp tránh, giữ được lúa ngô, trâu bò. – Pó quả quyết, ánh mắt sáng rực.

Mấy đứa khác nhìn nhau, rồi gật đầu. Sáng hôm sau, cả nhóm lén vác tre, chặt nửa kéo lên sườn núi. Tiếng dao bỗ chạn chát, tiếng trẻ con ríu rít làm rộn cả khu rừng. Chòi canh đầu tiên được dựng trên mỏm đá nhìn xuống lối mòn, nơi bọn phi thường qua. Pó đứng lên, lau mồ hôi, cười hể hả:

– Từ đây, ta nhìn thấy hết. Nếu có phi, sẽ báo ngay cho bản!

Những ngày sau, từng tốp bạn thay phiên nhau lên chòi. Gió núi hun hút, sương lạnh phủ mờ, nhưng bọn trẻ vẫn kiên nhẫn. Có hôm, chúng kịp báo tin đàn

trâu của bản sắp bị dắt đi, bà con ủa ra chặn lại. Có lần, nhờ lời cảnh báo sớm mà cả bản kịp dời lúa ngô vào hầm, thoát khỏi một trận cướp. Người già trong bản nhìn lũ trẻ, lắc đầu nhưng ánh mắt chan chứa thương yêu: “Chúng nó còn nhỏ mà đã biết nghĩ cho bản làng.”

Một buổi tối, mẹ Pó gọi con lại, giọng run run:

– Con ơi, việc này nguy hiểm lắm, nhỡ phi bắt gặp thì làm sao?

Pó nắm bàn tay mẹ, khẽ đáp:

– Con biết sợ chứ, nhưng nếu không làm, bản mình mất hết. Con không chịu nổi khi nhìn bà con khổ. Con còn nhỏ, không đánh được, thì con làm việc nhỏ thôi, miễn là có ích.

Bà Y Xia im lặng, nước mắt rung rung. Trong ánh lửa bập bùng, gương mặt Pó non trẻ mà ánh lên vẻ cứng cỏi. Cả tuổi thơ của cậu không còn chỉ là trò ném cò, đánh cù, mà là những bước chân rần rỏi trên lối mòn tuần tra. Những chòi canh do Pó và bạn bè dựng lên đã thành vành mắt, vành tai của bản mừng. Từ những chòi canh ấy, niềm tin được giữ, người và tài sản được bảo toàn.

Và trong trái tim tuổi mười lăm, khát vọng lớn lên để thực sự cầm súng bảo vệ bản làng càng cháy bỏng hơn bao giờ hết.

Một hôm, theo mẹ xuống chợ Mường Xén, Pó thấy có mấy người buôn từ miền xuôi lên. Họ nói với mẹ bằng giọng nhỏ nhẹ, pha lẫn những ánh nhìn dè dặt. Pó chỉ nghe loáng thoáng mấy tiếng: “*Cách mạng thành công rồi...*” Rồi một người phụ nữ Thái có khuôn mặt quen quen nhanh tay trao cho mẹ một tấm vải màu đỏ tươi, ở giữa in ngôi sao vàng rực rỡ.

Mẹ vội giấu tấm vải vào thúng vải, nét mặt thoáng rạng sáng, nhưng ánh mắt lại nghiêm trang lạ lùng. Suốt đường về, Pó còn cào muốn hỏi, nhưng mẹ chỉ im lặng, đôi mắt nhìn xa xăm theo những vệt nắng hanh vàng. Nhiều lần cậu khẽ cất tiếng:

– Mẹ ơi, người ta nói gì với mẹ thế?

Mẹ mỉm cười, lại lặng đi:

– Ừ, chuyện người lớn thôi con. Con lo chăn trâu, chẻ củi cho cha mẹ là được rồi.

Pó lại hỏi tiếp:

- Người phụ nữ Thái đưa tấm vải đỏ ho mẹ là ai?

Mẹ vừa kéo Pó ra khỏi chợ vừa nói:

- Một người bạn buôn, ở bản Mác. Bác ấy đã lên nhà ta rồi đấy.

Pó à khẽ: “Thảo nào mình thấy quen quen”. Rồi cậu theo mẹ đi về.

Tấm vải đỏ có ngôi sao vàng ấy, từ đó trở thành bí mật trong ngôi nhà. Pó nhiều lần lén mở ra, bàn tay run run sờ lên từng thớ vải, trong lòng rộn lên một cảm

giác vừa thiêng liêng, vừa bồi rối. Cậu chưa hiểu hết “cách mạng” là gì, nhưng linh cảm đó là một sức mạnh mới, một niềm tin mới, đang dần đến với bản Mường Ải.

Từ hôm ấy, ngọn lửa khát vọng trong Pó càng cháy mạnh hơn. Những chòi canh trên núi cao, những bước chân tuần tra cùng lũ bạn, bỗng mang thêm một ý nghĩa khác: chúng không chỉ chống lại phi, mà còn là cách giữ cho bản làng đứng vững, chờ ngày ánh sáng cách mạng soi rọi tới từng mái nhà.

Một tối cuối đông, gió từ khe núi thổi hun hút. Cả nhà quây quần bên bếp lửa, lửa reo lách tách trong tiếng củi cháy đỏ hồng. Pó ngồi sát bên cha, đôi mắt mở to, rồi chợt hỏi:

– Cha ơi, người Mông mình biết săn hươu nai, lợn rừng..., biết làm bẫy chông, biết vót tên tằm độc để bắt thú dữ ... sao không đem ra đánh bọn phi? Sao không làm bẫy ở những lối chúng hay đi?

Ông Vả Tổng nhìn con, ngọn lửa hắt lên gương mặt r ám nắng, vừa nghiêm nghị vừa hiền từ. Ông chậm rãi đáp:

– Con nghĩ phải. Nhưng nỏ, súng kíp của mình sao đưa được súng Tây.

Pó im lặng, ngọn lửa hắt vào mắt, soi rõ quyết tâm vừa bùng lên. Cậu khẽ cất lời:

– Nhưng chúng giết bà con, cướp của dân bản. Nếu mình không đánh lại thì bao giờ mới hết khổ?

Ông đặt bàn tay chai sần lên vai con, giọng trầm đục:

– Đúng là phải đánh, nhưng đánh phi khác săn thú, không thể nóng ruột. Phải giữ bản, giữ dân, biết chờ thời, biết chọn cách. Chông bẫy có thể làm chúng ngã, nhưng muốn thắng thì cần thêm sức, thêm người, thêm kế. Rồi sẽ có ngày, con hiểu, người Mông, người Thái, người Khơ Mú, người Kinh... tất cả sẽ cùng nhau đứng lên, có ngọn cờ dẫn đường. Khi đó, đánh phi không chỉ là trả thù, mà là giữ đất, giữ bản cho con cháu mai sau.

Pó nghe cha, lòng bồn chồn như lửa trong bếp, nhưng đôi mắt sáng lên một niềm tin mơ hồ. Bên ngoài, gió núi hú dài, hun đúc thêm ý chí trong lòng cậu bé – một ý chí đang chờ ngày lớn lên cùng ánh sáng của ngôi sao vàng trong tấm vải đỏ mà mẹ cất giữ.

Phần Hai:
TIỂU PHẨM, TRÙ GIAN

Chương 4

1. Đầu năm 1947, thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào, dựng quân chiếm giữ các vị trí then chốt giáp biên giới các huyện Tương Dương, Quỳnh Châu. Chúng âm mưu chia rẽ các dân tộc, dung túng bọn thổ phi tràn vào nội địa. Tháng 7 năm 1947, Mường Xén, Mường Na, Mường Dương bị tấn công. Sang năm 1948, chúng tiến hành những cuộc khủng bố trắng dã man, biến các vùng Nậm Cắn, Phà Đảnh, Na Loì, Đoạc Mạy, Keng Đu, Huồi Tụ, Mường Lống thành vùng trắng: không cán bộ, không dân. Không ít cán bộ nhu nhược sa ngã, trở thành tay sai cho giặc.

Giữa cơn binh lửa ấy, gió từ dãy Pu Xai vẫn lồng lộng thổi về, mang theo mùi thơm dịu ngọt của nương ngô vừa trổ bắp, ngan ngát khắp triền núi. Thung lũng Mường Ải vào cuối mùa hạ năm ấy (1948) vẫn xanh trong, như tấm gương soi thấu cả tâm can người đứng dưới. Vừ Lầu Pó, khi ấy vừa tròn mười tám, dáng người rắn rỏi, ánh mắt sáng rực, đang bước đi như nuột đường.

Trong đầu Pó, những lời của mấy người Kinh từ dưới xuôi lên trao đổi hàng hóa với mẹ vẫn còn văng vẳng. Họ không chỉ mang muối, vải vóc, dao cuốc lên trao đổi, mà còn mang theo một ngọn lửa mới. *“cách mạng đã thành công, nước nhà đã độc lập, Bác Hồ ở Hà Nội đã đọc Tuyên ngôn độc lập”*. Rồi họ nói rằng *“Bác bảo toàn dân ta phải đem hết sức lực, của cải và tính mạng của mình để bảo vệ nước nhà, bảo vệ nền độc lập”*. Pó còn nghe họ nói với mẹ là: *“người Kinh, Hàng Tổng, người Mông, người Khơ mú hay Tày Khăng đều là một, phải đoàn kết lại để cùng đánh phi”*. Những câu nói ấy như ngấm vào từng thớ thịt, từng mạch máu của Pó. Anh nghe, tim đập thình thịch, như có tiếng trống hội nào vang lên trong ngực mình. Lúc đó anh chưa hiểu cách mạng là gì, anh chỉ biết muốn đánh phi thì đoàn kết các dân tộc.

Pó lại nghĩ: *“Nếu nước đã độc lập, sao dân bản Mường Ải vẫn phải lo sợ từng đêm, phải nghe tiếng súng phi, phải thấy chúng về cướp ngô, cướp thóc, bắt phụ nữ đi? Không! Phải có người đứng ra, phải có anh em cùng nhau lập một đội quân để chống lại chúng. Không ai khác, chính mình phải làm.”*

Nghĩ là làm. Chiều hôm ấy, Pó đi khắp bản, từ nương ngô ven suối lên tận dốc đá, tìm từng người bạn. Anh gặp Vừ A Sính, bạn chơi từ thuở nhỏ, đang gùi củi về. Pó đặt tay lên vai bạn, nói bằng giọng chắc nịch:

– Sính à, mày có sợ phi không?

Sính nhìn bạn, thở dài:

– Ai mà không sợ, Pó. Chúng như loài quạ đen, bắt thần bay tới, chẳng biết lúc nào. Bỏ tao còn bị chúng đánh gãy tay vì không nộp đủ gạo.

– Vậy có muốn đánh phi không? – Pó nhìn thẳng vào mắt Sính.

Sính ngập ngừng, rồi gật đầu, nhưng vẫn hỏi:

– Đánh bằng gì? Chúng có súng dài, có lựu đạn. Mà có gì ngoài cái nỏ, cái súng kíp cũ của cha mày?

Pó cười, nhưng nụ cười không hề hơi hợt.

– Cắm thù thì phải tìm cách. Không có súng to thì mình dùng súng kíp, dùng nỏ, dùng bẫy đá, bẫy tên. Quan trọng là anh em mình đoàn kết, thề sông chết có nhau. Hiện nay, Vừ Giông Chư và Lầu Lĩa Tu đã đồng ý cùng tao đánh phi rồi.

Ánh mắt sáng rực của Pó khiến tim Sính bùng lên. Cậu siết chặt bàn tay bạn, như để truyền thêm sức mạnh.

– Tao theo mày.

Mấy hôm sau, Pó rủ A Sính và Bá Chia, Giông Chư và Lĩa Tu vào rừng. Cả bọn chọn lối mòn bọn phi hay đi, rồi đưa đào hổ, đưa vót chông, tầm độc, đưa thì kéo căng cần bẫy, lắp mũi tên độc. Cả bọn dựng chòi canh trên cây cao, thay phiên nhau quan sát, chờ đợi. Ngày nối ngày, chỉ có tiếng nai tác, gấu gầm, khiến lũ trẻ càng háo hức, lòng nóng như lửa.

Rồi một buổi sớm, bọn phi gần chục tên vượt qua biên giới đi về phía Mường Ải. Chúng đi hàng ba, hàng bốn, cười hô hô. Một tên bất ngờ rơi thụp xuống hố, gào lên thảm thiết. Hai tên khác cuống cuống nhảy né, lại sa luôn vào hố chông bên cạnh, những đứa còn lại chạy tán loạn, một thằng sa bẫy, mũi tên cắm thẳng vào bụng. Tiếng la hét vang động cả thung lũng, máu nhuộm đỏ đất rừng. Khi giặc đã chạy hết, cả nhóm ùa xuống, gậy gộc trong tay, kết liễu ba tên phi trong khoảnh khắc thu lấy súng. Pó lấy khẩu carbine, còn hai khẩu súng trường Pó chia cho Sính và Chia.

Tin Pó và các bạn giết chết 3 tên phi, thu được súng lan nhanh khắp Mường Ải. Người già, trẻ nhỏ đều thì thầm: “Con cháu bản ta đã giết được phi rồi!”. Trong mắt trai bản, ngọn lửa mới rực sáng – ta cũng có thể đánh phi.

Sau trận đó, Pó bàn với Chia và Sính: phải nhân đà này mà tập hợp anh em. Ba đứa phân công nhau đi từng ngõ, gặp từng trai bản, thuyết phục họ cùng đứng lên. Người có gậy dùng gậy, người có nỏ dùng nỏ, miễn là chung một lòng.

Tin Pó muốn lập đội quân đánh phi lan ra nhanh như lửa bén lá khô. mấy hôm sau, anh em họ Vừ, họ Lầu kéo đến nhà Pó. Người đi chân đất, người còn tay dính nhựa ngô, nhưng ai cũng háo hức. Pó nhìn quanh, thấy gương mặt nào cũng có ánh lửa căm hờn. Anh bỗng nhớ lại những đêm bản bị phi vây, tiếng trẻ khóc, tiếng phụ nữ kêu la, khói lửa bốc mù mịt. Anh siết chặt bàn tay rồi nói to:

– Các anh em, có căm thù phi không?

– Căm thù! – Tiếng trả lời vang rền, như muốn dội vào cả núi rừng Tà Khum.

– Có muốn đánh phi không?

– Muốn! – Những nắm tay siết chặt, giơ lên trời.

Pó hít một hơi dài, giọng vang vọng:

– Vậy thì từ hôm nay, chúng ta sẽ tập hợp lại. Không chỉ anh em họ Vừ, họ Lầu, mà cả họ Hạ, họ Xông, họ Mùa, cả người Khơ Mú, người Tày Khăng. Chúng ta phải đoàn kết. Căm thù phi thì phải quyết tâm đánh phi. Đánh không chỉ cho bản này, mà cho cả vùng này được yên. Ai dám sống chết có nhau?

Lần lượt Chư, Tu, Sính, Chia, Y Dênh... và tất cả mọi người đứng dậy. Pó lại nói:

- Dù khó khăn đến mấy cũng không nản lòng, chùn bước, có làm được không?

Tất cả đồng thanh:

– Được!

Đêm ấy, ngôi nhà gỗ của Pó sáng rực ánh đuốc. Người trong bản ngồi vòng tròn, nghe Pó nói chuyện. Anh kể chuyện làm bảy giết chết 3 tên phi. Tiếp đến anh kể lại lời những người Kinh mang từ dưới xuôi lên, về Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập. Lần đầu tiên bà con nghe những lời ấy, nhiều người ngồi lặng đi. Có cụ già rung rung nước mắt, bảo:

- Bác Hồ là ai?

Pó chạy vào nhà lấy ra bức ảnh, mà mấy người Kinh đi buôn đưa cho mẹ.

- Đây Bác Hồ đây. Bác là cha của người Mông, người Kinh, người Khơ Mú...- Pó nhắc lại câu mà cậu nghe được khi mấy người bạn hàng nói với mẹ.

– Thế là người Mông, người Khơ Mú cũng có phần trong nước độc lập sao?

Pó gật mạnh:

– Có chứ! Bác Hồ nói vậy mà. Không phân biệt ai. Ai cũng là con của Bác, của đất nước này nên cũng được hưởng độc lập.

Tiếng bàn tán rì rầm, rồi dần dần, những cái gật đầu, những ánh mắt tin tưởng hướng cả vào Pó. Từ hôm đó, mỗi khi Pó bước vào một nương, đi dọc con suối, người ta lại thì thầm: *“Thằng Pó, nó nói đúng. Phải có đội quân mới được.”*

2. Từ sau ngày nghe những người Kinh nói rằng nước đã giành độc lập, trong lòng Pó như có ngọn lửa bùng cháy. Anh mang lời ấy đi khắp các nẻo đường Mường Ải, Khau Khát, Pù Pép... kể lại cho từng bạn bè, cho cả những ông già ngồi quanh bếp lửa. Nhiều người nghe xong còn ngỡ ngàng, có người nghi hoặc, nhưng hầu hết đều rung rung, như được thắp lên niềm hy vọng.

Những hôm đi rẫy, Pó không quản đường xa, cứ hễ gặp thanh niên nào là anh lại thủ thỉ:

– Anh em mình có chịu cảnh phi vào bản cướp ngựa, cướp lúa mãi không?

Họ lắc đầu, ánh mắt căm tức.

– Vậy thì phải đoàn kết lại, phải tự lập thành đội quân của mình, chứ không thể trông chờ ai khác.

Cứ thế, Pó gieo từng lời, từng ý tưởng vào lòng trai trẻ trong bản. Chỉ một thời gian ngắn, anh đã tập hợp được hơn chục người thân tín. Họ đều là bạn cùng

chăn trâu, cùng săn thú trên nương từ thuở nhỏ. Vừ A Sính, Vừ Bá Chĩa, Lầu Lĩa Tu, Lầu Xia Chớ, Lầu Vả Dénh, Vừ Giông Chư, Y Dênh... nghe Pó nói thì gật đầu cái rụp:

– Phải rồi, không thì vợ con mình cũng chẳng yên với phi.

Ban đầu chỉ là những buổi tụ tập lén lút dưới chân đồi, sau dần thành những cuộc bàn bạc thật sự. Pó luôn nhắc anh em rằng phải giữ kín, bởi bọn phi cũng có tai mắt trong bản. Nhưng càng gặp nhau, càng thấy máu nóng dâng trào, ai cũng mong đến ngày cầm dao, cầm nỏ mà đánh trả.

Một hôm, Pó mạnh dạn đưa ra ý kiến:

– Hôm nay, chúng ta mới chỉ có mấy anh em họ Vừ, họ Lầu. Nếu các họ khác không đoàn kết lại thì đội quân sẽ không mạnh, mà dễ bị bọn phi lợi dụng chia rẽ. Anh em có đồng ý đoàn kết với họ Hạ, họ Xông, họ Mùa... với người Khơ Mú, Tày Khăng không?

- Có!

Rồi khi Pó nói phải đi vận động, phải có nhiều người đồng thuận, thề sòng chết có nhau. Mọi ánh mắt đều rực sáng. Từ đó, hạt giống của đội quân nhỏ đã nảy mầm.

Tin ấy nhanh chóng lan sang các họ khác. Không cần Pó và các bạn anh nói nữa mà người họ Hạ, họ Xông, họ Mùa nghe tin thì kéo đến xin góp sức. Họ bảo:

– Chúng tôi cũng mất người thân vì phi. Nếu các anh dám đứng lên, chúng tôi nguyện đi cùng.

Sức mạnh dần tụ lại. Từ vài người ban đầu, chẳng mấy chốc thành hàng chục trai bản sẵn sàng vác súng, vác nỏ. Ngay cả phụ nữ, trẻ con cũng góp phần: người vót chông, người gùi củi, người phơi ngô giã gạo, người khỏe mạnh thì gùi đá lên núi. Không khí hừng hực như ngày hội lớn.

Nhưng để thành đội quân thật sự, cần có lương thực, có vũ khí. Biết điều đó, Pó về nhà thưa với cha mẹ. Cha anh trầm ngâm nhưng không ngăn cản. Còn mẹ Y Xia thì vừa nghe xong đã gật đầu dứt khoát:

– Con làm việc nghĩa, mẹ ủng hộ. Lúa, ngô, muối, thịt khô trong nhà, con cứ lấy. Cần thêm, mẹ sẽ đi vận động bà con.

Nói là làm, bà Y Xia chẳng quản đường xa, lặn lội sang tận các bản bên, thuyết phục người thì góp một bát gạo, kẻ dăm cân muối, người có súng kíp thì đem súng, có thuốc nỏ thì góp thuốc. Bà không những lấy tiền nhà đi mua lại những khẩu kíp cũ từ thương lái mà còn thuê được những thợ súng giỏi nhất trong vùng Tà Khum sang Mường Ải chế súng cho đội quân của Pó. Chính bà là chỗ dựa để Pó có thể biến ước mơ thành hiện thực.

Trong sâu thẳm núi rừng Mường Ải, một đội quân du kích đang hình thành – từ niềm tin, từ máu nóng và từ khát vọng tự do của dân bản. Và ở giữa đội ngũ ấy,

Vừ Lầu Pó – chàng trai mới mười bảy tuổi – dần hiện lên như thủ lĩnh, người được cả bản ngưỡng mộ, tin cậy.

3. Sau cuộc gặp gỡ với anh em Mường Ái, Pó không để thời gian trôi đi vô ích. Anh hiểu, nếu chỉ có người trong họ, trong bản thì chưa đủ mạnh để chống lại lũ phi. Muốn bản làng yên, muốn phong trào đứng vững, phải có thêm người của các họ khác, phải lôi kéo được cả những dân tộc khác cùng chung sức. Nghĩ vậy, sáng hôm sau, Pó đeo chiếc súng kíp cũ, buộc con dao nhọn bên hông, rồi cùng Lĩa Tu đi dọc theo triền núi tìm đến những bản khác trong thung lũng Tà Khum.

Đường đi quanh co, lội qua suối, leo dốc đá, mồ hôi ướt đầm lưng áo, nhưng Pó không hề mệt. Trong lòng anh, ngọn lửa căm thù và quyết tâm đang cháy bỏng. Đến bản Pù Ninh, anh gặp Hạ Cha Nênh – một chàng trai Mông cao lớn, nổi tiếng bản nỏ giỏi. Hai người vốn quen nhau từ những lần cùng đi chợ phiên.

– Nênh này, mày có nhớ đêm mùa đông năm ngoái, phi kéo đến bản mày không? – Pó mở lời.

Mặt Nênh sầm lại, đôi mắt đỏ ngầu:

– Nhớ chứ, sao quên được. Chúng đốt cháy cả chuồng trâu, bắt chị và em tao. Đến giờ vẫn chưa thấy về.

– Thế thì mày có chịu ngồi yên mãi không? – Pó hỏi, giọng rắn rỏi.

Nênh nghiêng răng, nói như gằm:

– Không! Nhưng... một mình tao thì làm được gì?

Pó đặt tay lên vai bạn, nhìn thẳng vào mắt:

– Không phải một mình mày. Cả bản Mường Ái của tao và Pù Ninh của mày, người nào căm thù phi đều phải đứng lên. Tao đang tập hợp anh em thành đội đánh phi. Tao muốn mày và các bạn của mày đi cùng.

Nênh im lặng một lát. Bàn tay to bè của anh siết chặt chuôi dao. Cuối cùng, anh nói gọn lỏn:

– Được. Tao theo mày.

Tin Hạ Nênh nhận lời lan nhanh khắp Pù Ninh. Vài ngày sau, Nênh kéo mấy chàng trai họ Hạ, Mùa... cũng đến tìm Pó, ngỏ ý muốn góp sức. Họ nói: “Nghe mày hô một tiếng, chúng tao đã thấy máu nóng trong người sôi lên rồi. Mày giết được phi, bọn tao cũng giết được”

Không dừng lại ở đó, Pó tiếp tục tìm đến bản Huồi Hin, ở đây chủ yếu là người họ Xông. Ở đâu anh cũng hỏi cùng một câu: “*Có căm thù phi không?*” Và câu trả lời bao giờ cũng là: “*Có!*” Nhưng khi hỏi: “*Có muốn đánh không?*” thì nhiều người còn ngập ngừng, bởi sợ súng ống, sợ sức mạnh tàn bạo của bọn phi. Pó lại kiên nhẫn giải thích:

– Chúng ta nghèo, nhưng rừng cho ta đá, cho ta gỗ, cho ta tre nứa, cho ta mật ong và thuốc độc để làm mũi tên. Một người không làm nổi, nhưng trăm người thì

khác. Phi có súng dài, nhưng chúng không biết hết từng khe suối, từng hốc đá, từng vách rừng như anh em mình. Nếu biết đoàn kết, ta sẽ thắng.

Lời lẽ ấy, cùng ánh mắt sáng ngời của Pó, dần chinh phục được trái tim mọi người. Lần lượt, trai bản Mường Ải, Huồi Hin, Pù Ninh... gật đầu nhập đội. Có cả mấy cô gái cũng xin đi theo, nói: *“Nếu không được cầm súng, thì chúng tôi nấu cơm, giã gạo, vót tên.”*

Đặc biệt, Pó còn tìm đến người Khơ Mú ở Khâu Khắt và Tày Khăng ở Hín Lấp... Trước đây, giữa người Mông và họ có khi còn e dè, chưa thật gần gũi. Nhưng lần này, khi nghe Pó nhắc đến lời Bác Hồ: *“Nước ta là nước độc lập, ai cũng phải cùng nhau bảo vệ,”* bà con như được tiếp thêm niềm tin. Một già làng người Khơ Mú đứng lên, nói đồng thanh:

– Phi không chừa ai. Chúng cướp ngô của người Mông thì cũng cướp lúa của người Khơ Mú. Chúng bắt con gái Tày Khăng thì cũng bắt con gái Khơ Mú. Nếu đã vậy, thì chúng ta là một. Người nào có sức, đem sức. Người nào có của, đem của. Người nào có nỏ, đem nỏ. Người nào chỉ có đôi tay, thì cũng có thể gửi đá để ném vào đầu phi.

Tiếng nói ấy như khắc vào đá núi. Từ hôm ấy, không chỉ trai trẻ, mà cả phụ nữ, người già Khơ Mú, Tày Khăng đều nguyện góp sức. Có người mang mấy đấu gạo, có người tháo cả đôi vòng bạc để đổi lấy thuốc súng.

Về đến nhà, Pó kể lại tất cả cho mẹ nghe. Bà Y Xia ngồi bên bếp lửa, đôi mắt sáng rực như ánh than hồng. Bà im lặng hồi lâu, rồi chậm rãi nói:

– Con trai à, thóc, lợn, gà, thuốc súng nhà mình đầy. Con cứ lấy hết mà dùng. Mẹ cũng sẽ đi nói với bà con, ai có gì góp nấy. Đánh phi là giữ lấy cái nương, giữ lấy cái bản, giữ lấy mạng sống của mình thôi.

Nghe mẹ nói, mắt Pó cay xè. Anh quỳ xuống, nắm chặt lấy bàn tay gầy guộc, chai sạn của mẹ. Anh biết, không chỉ mình, mà cả mẹ, cả bản, cả núi rừng này đều đang gửi gắm niềm tin vào anh.

Những ngày tiếp đó, cả bản Mường Ải khi ấy như biến thành một công xưởng. Tiếng búa, tiếng dao, tiếng trẻ con cười vang hòa vào nhau. Người đàn ông thì mài lưỡi dao, sửa súng kíp; phụ nữ dệt dây thừng, giã gạo; già làng ngồi bên bếp lửa, khấn Giàng phù hộ. Trong đêm, ánh lửa từ các nhà trình Mông, nhà sàn Khơ Mú, Tày Khăng lập lòe như sao rơi, báo hiệu một sự đổi thay đang đến gần.

Pó đi khắp nơi, vừa tập hợp, vừa động viên. Anh cảm thấy một sức mạnh vô hình đang lớn dần, lan từ bản này sang bản khác, từ người này sang người kia. Đó không còn chỉ là ý chí của riêng anh nữa, mà đã thành quyết tâm của cả cộng đồng.

Đêm trước ngày hội lớn, trời đổ mưa rừng lất phất. Trên mái nhà, giọt nước nhỏ tong tong, hòa cùng tiếng côn trùng rì rào. Trong căn nhà rộng của họ Vừ, ngọn lửa bập bùng soi rõ gương mặt từng người. Sáu người bạn đại diện các họ, các bản – linh hồn của đội quân đánh phi ngồi quay quàn quanh Pó. Không khí căng như dây cung, nhưng ánh mắt ai cũng sáng rực.

Pó đứng dậy, giọng rắn rỏi:

– Anh em à, ngày mai chúng ta sẽ tuyên bố thành lập Đội du kích Mường Ải. Đội này không phải của riêng họ Vừ, họ Lầu, mà của tất cả người Mông, người Kơ Mú, người Tày Khăng, người Hàng Tổng. Chúng ta cùng thề sống chết có nhau, quyết không để phi dày xéo bản làng thêm nữa. Anh em chúng ta có mặt ở đây sẽ là trụ cột của đội nên phải quyết tâm gắng sức nhiều hơn, đoàn kết cùng nhau nhiều hơn.

Cả căn nhà vang lên tiếng hô “Quyết tâm!” khiến mấy đứa trẻ bên ngoài cũng chạy ùa vào, mắt tròn xoe ngơ ngác, rồi cũng phụ họa theo.

Sáng hôm sau, mưa ngớt, sương núi dày đặc. Cả bản Mường Ải như dậy sớm hơn thường lệ. Dưới gốc cây pơ mu già ở đầu bản, một cái bàn gỗ thô sơ được dựng lên. Trên bàn, bà Y Xia bày một cái chậu đồng đầy rượu, cạnh đó là con gà trống có bộ lông màu đỏ và một cái mâm đựng đầy lễ vật.

Thầy mo trong bộ áo chàm đen cũ bước ra, đầu quấn khăn đen, tay cầm bó hương nghi ngút khói. Ông ngồi xuống trước bàn lễ, đôi mắt nhắm hờ, giọng khản cất lên trầm bổng. Tiếng khản lảm rảm như gió lùa qua khe núi, khi ngân dài như suối reo, khi dồn dập như tiếng trống vọng về từ xa xăm: “Xin các thần núi, thần sông, thần rừng, thần suối... chúng giám cho lòng thành của dân bản Mường Ải. Xin tổ tiên các dòng họ Vừ, Lầu, Xông, Mùa, Hạ, Lô, Lương, Lữ, Vi, Moong... hãy về đây mà phù hộ. Cho bản làng yên ổn, cơm đầy chum, lúa đầy bồ, trẻ con mạnh khỏe, người già bình an. Và xin độ trì cho đội quân của Pó – những trai bản đang gánh lấy việc lớn. Cầu cho bước chân họ vững vàng như gốc pơ mu, trí dũng sáng như lửa than hồng, tay cầm súng, cầm nỏ không run, lòng hướng về bản làng không đổi. Xin thần linh hãy che chở, để họ thắng giặc dữ, đem lại bình yên cho núi rừng này.”

Khấn xong, thầy mo đưa con dao nhỏ sáng loáng cắt cổ gà, lấy máu bôi lên sợi dây đen trắng treo từ ngọn cây nêu. Ông nắm lấy dây nêu, chạy vòng quanh bàn lễ, vừa chạy vừa lảm rảm khấn gọi: “Xin thần linh chúng giám, cho dân bản mạnh mẽ như hổ, bền bỉ như đá, xin phù hộ cho đội quân trai bản đánh đâu thắng đó, bảo vệ núi rừng này...”

Tiếng khấn lẫn trong tiếng bước chân vòng quanh, hòa cùng mùi khói hương quấn trong sương sớm. Dân bản nín thở dõi theo, mắt sáng rực niềm tin. Thầy mo đặt con gà lên bàn thờ, ông bắt đầu gieo que. Sau ba lần tung que, mắt ông sáng rực, miệng nở nụ cười hân hoan: “Giàng đã thuận ý, tổ tiên đã đồng lòng, ra quân chắc sẽ thắng”.

Khi thầy mo vừa dừng lời, Pó, Chia và Sính đồng loạt giương súng, mỗi người bắn một phát chỉ thiên. Ba tiếng nổ dội vào vách núi, vang vọng khắp bản, như lời thề của trai bản Mường Ải gửi lên trời xanh, hẹn một ngày trở về trong khải hoàn ca.

Bà Y Xia từ từ bước ra. Bà rút từ trong túi ra một tấm vải đỏ tươi, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh và tấm ảnh Bác Hồ. Tấm vải này cùng ảnh Bác bà vẫn giữ

gìn cẩn thận từ bà Bún Hồng và mấy người Kinh đã tin cậy gửi lại. Tất cả như nín thở khi bà trao cho Pó.

Pó quàng tấm vải đỏ sao vàng qua vai, đặt tấm ảnh Bác Hồ trước ngực, gương mặt anh sáng lên như được tiếp thêm sức mạnh của đất trời. Anh cầm con dao nhỏ, cắt nhẹ vào ngón tay, để từng giọt máu rơi xuống chậu rượu máu gà trước bàn lễ. Lần lượt, Chia, Sính và từng trai bản trong đội du kích Mường Ải cũng bước lên, nghiêm trang đưa tay cắt máu, nhỏ từng giọt hòa chung. Chậu rượu như bùng đỏ, quện máu và rượu thành một dòng kết ước thiêng liêng.

Khi tất cả đã dâng máu mình, Pó nâng bát rượu ấy, ngửa mặt lên trời, đồng dục:

– Con, Vừ Lầu Pó, xin thề trước Giàng, trước núi rừng của người Hàng Tổng, người Mông, người Khơ Mú, người Tày Khăng. Con thề sẽ không sợ khổ, không sợ chết, cùng anh em đoàn kết đánh đuổi bọn phi, giữ yên bản làng, bảo vệ sự độc lập mà Bác Hồ đã đem về cho dân ta. Nếu ai trong chúng con phản bội lời thề, xin núi rừng, sông suối nguyện rửa, không cho mùa màng tốt tươi.

Anh dứt lời, nâng bát rượu uống cạn. Rồi từng người một, từ Vừ Giông Chư, Lầu Lía Tu, Vừ A Sinh, Vừ Bá Chia, Lầu Vả Dính, Mùa A Chứ, Hạ Bá Nênh cho đến các trai bản Khơ Mú, Tày Khăng, Hàng Tổng, đều lần lượt bước lên, đặt tay lên ngực, thề nguyện trước trời đất và uống cạn bát rượu. Tiếng hô “Quyết tâm!” vang vọng khắp thung lũng Tà Khum, lan đi như tiếng sấm.

Từ giây phút đó, Đội du kích Mường Ải chính thức ra đời. Người ta không đếm chính xác có bao nhiêu, chỉ biết trai bản, gái bản, cả già cả trẻ đều hướng về đội. Ai có sức thì tập luyện, ai không thì tiếp tế, ai yếu hơn thì làm tai mắt, đưa tin.

Ngay sau lễ thề, Pó họp đội lần đầu tiên dưới bóng cây pơ mu cổ thụ. Toàn đội có hơn ba chục đội viên. Pó làm đội trưởng, Vừ Giông Chư làm đội phó, còn Lầu Lía Tu làm liên lạc. Pó cũng chia đội ra làm bốn tổ và phân công Vừ A Sính, Vừ Bá Chia, Hạ Bá Nênh và Lữ Mẫn phụ trách. Đứng trước toàn đội, giọng anh đồng dục, rõ ràng, như khắc vào từng tâm khảm:

– Đội du kích Mường Ải của chúng ta có năm việc phải làm. Thứ nhất, bảo vệ gia đình, anh em, bà con bản làng. Thứ hai, trừ gian, không cho chúng hoành hành. Thứ ba, tuyên truyền cho bà con biết cất giấu lương thực, của cải, không để phi cướp. Thứ tư, vận động bà con đoàn kết, quyết không sang Lào đi phu, đi lính cho Pháp. Thứ năm, khi phi kéo đến, phải đưa bà con đi tản cư an toàn, đồng thời dẫn chúng vào bẫy đá, bẫy tên của ta để tiêu diệt.

Mỗi lời anh nói, cả đội đều đồng thanh “Nhất trí!” như sóng cuộn. Không ai còn là một cá thể riêng lẻ, tất cả đã thành một khối, một sức mạnh.

Tối hôm ấy, cả bản Mường Ải không ngủ. Tiếng dao mài, tiếng búa đập, tiếng vót chông rộn ràng. Phụ nữ xay ngô, giã gạo, hong thịt khô. Trẻ nhỏ cầm đuốc chạy đi chạy lại, nhặt từng viên đá tròn như hòn bi. Cụ già ngồi bên bếp lửa, vừa tết dây thừng, vừa khe khẽ hát những điệu khèn cổ vũ con cháu.

Giữa rừng núi mịt mù, một lực lượng mới đã hình thành – lực lượng không súng đại bác, không áo giáp, nhưng có lòng căm thù, có tình đoàn kết, có niềm tin vào lời dặn của Bác Hồ. Và trên vai người thanh niên mới mười tám tuổi – Vừ Lầu Pó – tấm vải đỏ sao vàng tung bay trong gió, như lá cờ của cả Mường Ải đang vẫy gọi ngày mai.

Pó đứng giữa vòng lửa, tấm vải đỏ sao vàng trong tay phả lên những đốm lửa nhảy múa; ánh sao như soi thẳng vào đôi mắt đã cứng rắn. Mười tám tuổi, người vẫn còn non, nhưng trong tim cậu một quyết tâm vừa chớm đã thành lửa. Pó biết rõ con đường trước mắt sẽ đầy gai góc: những đêm thức trắng canh chòi, những ngày gùi gạo chạy qua lối mòn, cái đói, cái rét, những vết thương chưa kịp dờ và những tiếng khóc nín giữa rừng già. Nhưng cậu đã nhìn thấy mắt bà con; đã nghe tiếng trẻ con hỏi: “Bao giờ mẹ khỏi sợ phi?” — và cậu trả lời duy nhất có thể cho Pó là đứng lên làm gì đó, dù nhỏ, dù mỏng manh, để bảo vệ từng mái nhà.

Pó nghĩ đến những người đã mất, đến những bàn tay bị chém ngang, những bò ngô bị vứt lại trên đường; nghĩ đến mẹ cậu ngày trước lặng lẽ giấu tấm vải đỏ vào thúng như giấu một niềm hy vọng. “Nếu chết đi cũng được, miễn bản mình yên” — lời thâm thì ấy không phải là mưu mô của tuổi trẻ háo thắng, mà là lời giao ước với cội nguồn, với những người thân ẩn trong những mái nhà tối. Cậu biết chết có thể đến bất cứ khi nào — khi phi phát hiện chòi canh, khi mũi tên huyệt, khi viên đạn vô tình — nhưng Pó đã chọn: thà ngã xuống để bản làng còn sống, hơn là sống mà thấy mái nhà lần lượt bị cướp bóc.

Sáng hôm sau, Pó triệu tập toàn đội, có những bạn đồng lứa, có cả những chàng trai khỏe hơn, những phụ nữ can đảm. Họ ngồi vòng tròn trên đất, nghe Pó kể lại những đêm nhìn thấy ánh mắt phi, nghe cậu nói bằng giọng có lúc run nhưng kiên định:

- Ta không có súng lớn, không có áo giáp. Nhưng ta có đất này, có rừng này, có đường mòn mà bọn phi phải qua. Ta biết bẫy, biết dấu đường, biết đặt chòi canh. Nếu mỗi người làm một việc, ta sẽ có sức mạnh. Cuộc chiến đấu này có thể chúng ta phải chết... Các bạn đã sẵn sàng chưa?

Những đôi tay giơ lên, có lúc run, có lúc rắn, nhưng đều đồng thanh: “Sẵn sàng!” Bà con giàu kinh nghiệm rỉ tai dặn dò: cách đặt bẫy sao cho an toàn, cách báo hiệu bằng tấm tre, cách kéo người bị thương về nhà mà không lộ tung tích. Pó lắng nghe, hứng lấy từng mảnh kinh nghiệm như hứng từng giọt nước giữa mùa khô. Cậu phân công: ai canh chòi, ai lo tiếp tế, ai lo liên lạc giữa các bản. Họ tập luyện lặng lẽ, lèo tèo trên đỉnh đồi; tập di chuyển không tiếng động, tập rải tin bằng những dấu hiệu giản dị mà chỉ họ mới hiểu.

Có lúc đứng nhìn bạn bè ngủ vùi dưới tán rừng, Pó lẩm bẫm một mình: “Mình còn trẻ, mình sợ lắm chứ. Nhưng mình sợ hơn nếu bỏ mặc bà con.” Nỗi sợ không biến mất mà được chuyển hóa thành can đảm. Cậu học cách nhìn thẳm thía cái giá của tự do — một cái giá có thể là hy sinh, mất mát, nhưng cũng là con đường để bảo tồn danh dự của một mường. Mỗi lần nhìn tấm vải đỏ phấp phới, Pó thấy không chỉ là lá vải mà là lời hẹn, là niềm tin của cả Mường Ải.

Đêm trước khi nhóm du kích ra sát biên giới dựng trại luyện tập - chỉ là một cuộc ra đi để giữ đất - Pó vòng tay ôm lấy mẹ. Mẹ nhìn con bằng cái nhìn vừa lo lắng vừa tin tưởng, nói khẽ:

- Đi cho khôn, nhớ về mẹ.

Pó gật, giọng nghèn:

- Con về mà mẹ. Nếu con chết mà bản làng được bình yên, con xin trăm lần chịu chết.

Lời ấy không phải phô trương; nó là khắc ghi vào gió núi, thành một lời thề. Và khi đoàn du kích nhỏ bé lặng lẽ rời bờ treo, mang theo tấm vải sao vàng, họ không chỉ mang theo lao cụ và thớt nứa; họ mang theo tình yêu của cả mừng, mang theo ý chí kiên định: dù gian nan, dù đối mặt cái chết, họ sẽ đứng để giữ lấy ngày mai cho những mái nhà sàn, cho những tiếng khèn còn vọng trong bản.

4. Sau đêm thề dưới cờ đỏ sao vàng, đội du kích Mường Ải bước vào những ngày đầu đầy thử thách. Căn cứ được chọn là một thung lũng hẹp, sát biên giới, có rừng già che kín, chỉ có một lối mòn độc đạo dẫn vào. Bên ngoài, suối Nậm Hắng chảy xiết quanh năm, như tấm lá chắn tự nhiên ngăn chân kẻ thù. Trong mắt người dân, nơi ấy chính là lòng bàn tay của Giàng, ôm ấp và che chở cho con cháu.

Pó phân công anh em nhanh chóng dựng lán trại. Chỉ trong vài ngày, những mái lều lợp lá cọ, lá nứa đã mọc lên, san sát bên nhau như một bản nhỏ. Trong lán của Pó anh treo lá cờ đỏ sao vàng và ảnh Bác Hồ. Lửa bếp đỏ rực suốt đêm ngày, khói tỏa mù giữa rừng, mùi cơm ngô, mùi canh rau rừng làm lòng người thêm ấm. Anh em trong đội ai cũng như được tiếp thêm sức mạnh, thấy mình không còn đơn độc, mà đã thành một phần của tập thể.

Bà Y Xia chẳng quản tuổi già, lặn lội khắp các bản. Bà bảo: “Con trai tao đã đứng lên, ai thương con cháu mình thì hãy góp một chút mà giúp”. Thế là những gùi gạo, những con gà, con lợn được bà con lặng lẽ mang đến. Có người chẳng có gì ngoài nắm muối trắng, cũng gói ghém dâng cho đội quân. Có cụ già móc trong hòm gỗ cũ ra hai thỏi thuốc nổ còn giữ từ thời đi làm thuê cho phu mỏ, đặt vào tay Pó, mắt sáng long lanh: “Lấy mà đánh phi đi, con ạ”. Những thợ súng, thợ rèn giỏi nhất cũng kéo về Mường Ải chế súng, rèn dao cho đội du kích.

Khó khăn nhất là chuyện vũ khí. Đội chỉ có dăm khẩu súng kíp cũ kỹ, phần lớn vẫn phải dựa vào dao quắm, nỏ tên, bẫy đá. Nhưng Pó không nản. Anh bảo: – Trước mắt, có cái gì dùng cái đó. Quan trọng là đầu óc phải tỉnh táo, tay chân phải dẻo dai. Giàng cho ta núi rừng, ta biết dựa vào núi rừng thì bọn phi có súng Tây cũng chẳng làm gì được.

Có lần, anh giơ khẩu carbine – chiến lợi phẩm của trận đánh đầu đời khi tuổi mới mười lăm:

- Không có súng chúng ta càng quyết tâm đánh thắng, rồi lấy súng địch đánh địch.

Thế là những buổi tập luyện bắt đầu. Ban ngày, thanh niên rủ nhau vào rừng học cách mai phục, đặt bẫy. Họ chia nhau thành từng tốp, người biết đặt bẫy đá thì dạy, người biết vót tên tằm nhựa độc thì chỉ, ai giỏi leo núi, đi rừng thì dẫn đồng đội qua khe suối, lối mòn. Đêm xuống, dưới ánh lửa bập bùng, họ tập đội hình, tập xung phong, tập kêu hò cho thật vang, thật đều. Những tiếng hô “Hò dô ta!” vang dội cả núi rừng, làm thú rừng cũng hoảng hốt chạy xa.

Anh Bá Đà – người anh hơn Pó mười hai tuổi – trở thành cánh tay phải đắc lực. Từ nhỏ, Bá Đà đã quen đi săn, nên việc rình rập, mai phục với anh chẳng có gì xa lạ. Anh kiên nhẫn dạy từng đưa em cầm nỏ, chỉnh thế đứng khi bắn, dạy cách nín thở để mũi tên đi thẳng. Có hôm anh lấy lá cây làm bia, treo trên cành cao, rồi bảo: “Ai bắn trúng thì tối nay được chia thêm bát canh măng!”. Cả đám trai bản phấn khích, thi nhau kéo dây, tiếng dây nỏ bật “phập phập” nghe giòn như ngô nổ, mũi tên vun vút lao đi, cắm sâu vào bia lá.

Không chỉ trai bản, nhiều thiếu nữ theo cũng tìm đến góp sức. Họ không trực tiếp cầm vũ khí, nhưng ngày nào cũng gửi lương thực, vót tên, tằm độc, dệt dây thừng, bện gùi. Có cô gái hát điệu cữ xia ngân vang bên lán, làm tinh thần anh em thêm phấn chấn. Đêm nào vắng tiếng hát, ai cũng thấy như thiếu đi một phần sức mạnh.

Cứ thế, chỉ trong mấy tháng, từ một nhóm trai bản tản mát, đội du kích Mường Ải đã dần trở thành một tập thể gắn bó, có tổ chức, có kỷ luật. Mỗi khi nhắc lại lời thề dưới lá cờ đỏ sao vàng, mắt ai cũng sáng rực, lòng tràn đầy quyết tâm. Họ biết, những ngày khó khăn và những trận chiến khốc liệt đang chờ phía trước, nhưng niềm tin vào Giàng, vào núi rừng, vào sự đoàn kết đã biến sợ hãi thành sức mạnh.

Trong buổi tập cuối cùng trước khi bước vào những trận đánh đầu tiên, Pó nhìn quanh anh em, giọng trầm hẳn xuống:

– Chúng ta không chỉ đánh phi cho riêng mình. Mỗi mũi tên, mỗi con dao vung lên là để giữ lấy yên vui cho cha mẹ, cho vợ con, cho cả ùng Tà Khum này. Hãy nhớ lấy, anh em!

Lời nói ấy lắng xuống trong lòng từng người như một ngọn lửa bền bỉ, để rồi mai này, khi bước vào những trận đánh thật sự, họ sẽ không hề nao núng.

5. Sau những tháng ngày rèn luyện giữa đại ngàn, đội du kích Mường Ải đã dần hình thành dáng dấp của một đội quân thực thụ. Dù vũ khí thô sơ, lán trại tạm bợ, nhưng tinh thần đoàn kết thì bền chặt như đá núi. Mỗi khi Pó nhắc lại lời thề trước Giàng, ánh mắt anh em lại rực sáng như than hồng.

Những ngày đầu ấy, nhiệm vụ của đội chưa phải là đánh lớn, mà trước hết là bảo vệ gia đình, bảo vệ bản làng. Có đêm phi mò về sát bia rừng, định đốt nhà cướp của, du kích đã kịp báo động cho cả bản tản vào khe núi. Người già, trẻ nhỏ được dẫn đi an toàn, lương thực, thóc ngô, gùi muối, gùi vải đều được giấu kín trong hang đá, khiến phi chỉ còn biết chửi rủa mà quay về tay trắng. Bà con nhìn thấy cảnh đó, càng thêm tin vào đội du kích, gọi Pó là “đôi mắt của bản”.

Không dừng lại ở việc bảo vệ, Pó còn dặn anh em phải biết tiểu phi, trừ gian. Mỗi khi nghe tin kẻ nào trong bản lén lút tiếp tay cho phi, bán gạo, chỉ đường, đội lập tức tìm đến. Nhưng Pó không bao giờ nóng vội. Anh đến từng nhà, kiên nhẫn nói cho họ hiểu: “Cho phi một gùi gạo là hại cả bản, hại cả chính con cháu mình”. Lời nói ấy thấm dần, khiến nhiều kẻ vốn run sợ trước súng đạn phi nay dám quay lưng lại, đứng về phía anh em du kích.

Bên cạnh đó, nhiệm vụ quan trọng không kém là tuyên truyền và vận động. Ban ngày Pó cùng Bá Đà đi khắp các bản Mông, Khơ Mú, Tày Khăng, tối lại đến các nhà người Hàng Tổng đang dựng bên suối, mang theo những điều nghe được từ cán bộ dưới xuôi. Anh kể cho bà con nghe rằng nước đã độc lập, Bác Hồ đã đọc Tuyên ngôn, và rằng dân tộc nào cũng là con một nhà, phải nắm tay nhau mà giữ lấy đất trời này. Tiếng nói của Pó vang vang trong gian nhà sàn khói bếp, trong những đêm lửa cháy rừng rực giữa thung lũng. Người già gật gù, trai gái nắm chặt tay nhau, trong lòng rực lên một niềm tin mới mẻ.

Nhiều khi, Pó còn phải đứng ra ngăn thanh niên bỏ bản sang Lào đi phu, đi lính cho Pháp. Anh bảo: “Đi theo chúng là quay súng bắn dân bản thậm chí bắn cha mẹ, vợ con mình, là chết nơi đất lạ, xương cốt không tìm về. Ở lại đây, cùng anh em giữ núi giữ rừng, dù chết cũng được Giàng đón về bên tổ tiên”. Lời ấy vang dội, như một nhát dao chém đứt nỗi băn khoăn trong lòng trai bản. Thế là nhiều người bỏ ý định sang Lào, quyết ở lại đi theo Pó, biến lo sợ thành sức mạnh.

Những đêm trời mưa, lửa tắt, rừng tối om, du kích vẫn chia nhau gác, mắt dõng ra phía con đường mòn nơi phi thường lên vào. Bẫy đá, bẫy chông giăng đầy những khe hiểm yếu. Có hôm, bọn phi lọt đứng ở mai phục, đá từ trên núi lăn xuống, tên bắn vun vút, tiếng hô rung chuyển cả thung lũng, khiến chúng khiếp vía bỏ chạy. Đêm ấy, bà con Mường Ải không ai ngủ, họ ngồi quây quần quanh bếp lửa, giã ngô rang thành bột, vót thêm chông, gùi thêm gạo để gửi vào rừng. Niềm tin vào đội du kích từ đó lớn như ngọn núi sau bản.

Đội du kích Mường Ải, từ những ngày đầu chỉ có vài chục thanh niên, nay đã trở thành điểm tựa cho cả vùng. Họ không chỉ là những người cầm súng kíp, cầm nỏ, mà còn là người truyền lửa, giữ niềm tin, khơi dậy ý chí đoàn kết. Trong đôi mắt sáng của Pó, trong giọng nói sang sảng của Bá Đà, bà con cảm nhận được rằng mùa xuân mới đã đến với Mường Ải – mùa xuân của sức mạnh đồng lòng.

Cuối mùa mưa năm 1948, khi lửa bếp rừng vẫn còn vương khói, Pó ngồi bên anh em, nhìn ra thung lũng chìm trong sương. Anh biết, những trận đánh thật sự đang ở ngay trước mắt. Nhưng lòng anh không hề run sợ. Anh siết chặt con dao quắm trong tay, khẽ thì thầm: “Giàng ơi, xin phù hộ cho chúng con. Lần này, người Mông, người Khơ Mú, người Tày Khăng, người Hàng Tổng sẽ đứng lên, không bao giờ cúi đầu trước phi nữa”.

Trong ánh lửa bập bùng, những gương mặt trẻ căng tràn quyết tâm. Đội du kích Mường Ải đã sẵn sàng cho những trận đánh mở đầu.

Chương 5

1. Sáng sớm, núi rừng Tà Khum như khoác lên mình một tấm áo sương dày đặc, trắng đục như sữa. Làn mây trôi là là trên những triền đá xám, khi ẩn khi hiện, khiến cả dãy núi cao vời kia như đang thở, chậm rãi và bí ẩn. Dưới chân núi, dòng Nậm Mộ cuộn cuộn chảy, tiếng nước vỗ vào ghềnh đá hòa cùng tiếng gió rít trong lùm cây, nghe như bản hùng ca bất tận của đất trời. Vừ Lầu Pó đứng trên một mỏm đá cao, mắt nhìn về phía biên giới. Đầu năm 1949, từ bên kia biên giới, phi đã bắt đầu lăm le kéo sang, mang theo súng, ý đồ bắn giết cán bộ, nhân dân và cướp bóc. Tin báo từ các chốt canh về dồn dập: “Phi đông lắm, chúng đang tụ tập ở triền dốc bản Mường Ải, có cả súng dài, súng ngắn...”.

Mường Ải – mảnh đất biên cương heo hút, nằm như chiếc then cài của cả một vùng rộng lớn. Muốn tràn xuống cướp phá Pù Ninh, Huồi Hin, Khâu Khất và những bản nội địa khác, phi nhất định phải vượt qua cửa ải này. Con đường mòn duy nhất xuyên qua núi Pu Xai như một chiếc cổ chai hẹp, ai giữ được nó thì giữ được cả một vùng đất. Bởi thế, Mường Ải không chỉ là bản làng của những mái nhà nép bên sườn núi, mà còn là tấm lá chắn, là bức bình phong vững chãi che chở cho bao bản mường phía sau.

Pó siết chặt bàn tay chai sạn. Anh biết, nếu không kịp thời tổ chức chặn đánh, chỉ ít ngày nữa chúng sẽ tràn xuống Mường Ải, đốt sạch lúa ngô, bắt phụ nữ, giết đàn ông, gieo kinh hoàng lên từng bản làng. Trong lòng anh, ngọn lửa căm thù và quyết tâm rực cháy. “Không thể để chúng giày xéo quê mình thêm nữa!” – Pó nghĩ thầm.

Chiều hôm đó, tại sân của trại huấn luyện, tiếng tù và thay cho hiệu lệnh. Toàn đội tập hợp đông đủ. Những gương mặt sạm nắng, đôi mắt sáng rực trong ánh lửa bập bùng. Vừ Lầu Pó đứng giữa, giọng trầm chắc như gốc pơ mu:

– Tất cả anh em! Phi đã kéo sang, nhưng núi rừng này là của ta, lúa ngô này là của ta, suối cá này là của ta. Nếu để chúng lấy đi, thì con cháu ta còn gì để sống? Hôm nay, tôi xin cùng anh em quyết tâm chiến đấu giữ Mường Ải đến cùng!

Tiếng hô “Quyết tâm!” vang vọng cả núi rừng. Ánh trăng non vừa nhú khỏi lưng núi, soi rõ dáng người làm lũ lên đường. Ba mũi du kích tỏa đi ba hướng: khe Nậm Phong, Nậm Hắng, Nậm Chèng. Tiếng chân khẽ lướt trên lá ướt, hơi thở hòa cùng gió ngàn. Đêm ấy, đội du kích Mường Ải xuất quân – mở đầu một bản hùng ca giữa rừng Tà Khum.

Họ không có nhiều súng ống hiện đại. Chỉ vài khẩu súng kíp cũ kỹ, còn lại là nỏ, chông tre, bẫy đá, bẫy tên tầm độc. Nhưng trong mắt họ, đó chính là vũ khí thần kỳ, bởi họ có lòng dân, có núi rừng che chở, và trên hết là có ý chí không khuất phục.

Ba ngày sau, tin báo phi đã xuất hiện ở đầu nguồn Nậm Hắng, men theo lối mòn định đánh úp xuống Mường Ải. Vừ Lầu Pó cùng đội du kích chia nhau bố trí trận địa. Những hố chông được đào vội trong đêm, trên miệng phủ lá khô ngụy trang.

Những tảng đá to được cài nêi gỗ, chỉ cần giạt dây là sẽ lăn ầm xuống chặn lối đi, nhưn bầy chông teo trên ngọn cây, chỉ cần buông tay là những con nhím khổng lồ lao xuống. Nổ đã giương sẵn, mũi tên vót nhọn, tâm độc đã sẵn sàng.

Chiều buông xuống, rừng Tà Khum im ắng lạ thường. Chỉ có tiếng côn trùng rả rích, tiếng gió thổi qua khe đá. Du kích ém quân sau lùm cây, nín thở. Vừ Lầu Pó leo lên cây pơ mu, mắt căng ra nhìn. Và rồi – từ xa vang vọng tiếng bước chân, tiếng người nói cười bằng thứ tiếng lơ lơ. Dần dần, những bóng đen lồ nhố hiện ra. Bọn phi đông đến vài chục tên, áo chàm, áo nâu, tay lăm lăm súng.

Chúng đi thành hàng, lấn sâu vào đất Mường Ải. Khi toán đi đầu lọt vào hẻm núi hẹp, Pó ra hiệu. Một tiếng hú dài vang lên. Tức thì, hàng trăm tảng đá lớn từ trên cao ầm ầm lăn xuống, chặn lối, thẳng vỡ đầu, thẳng gãy chân. Những mũi tên nổ vun vút xé gió lao đi, găm thẳng vào ngực phi. Tiếng la hét vang dậy. Phi hoảng loạn, chưa kịp định thần thì những bầy chông trên ngọn cây lao xuống, phi hoảng loạn xả súng vu vơ rồi tháo chạy.

Vừ Lầu Pó hô to:

– Anh em! Xông lên!

Du kích từ hai bên sườn núi đổ ra, vừa bắn súng, bắn nổ, vừa hò reo lừa bọn phi chạy về khu rừng đã đặt sẵn hố chông và bầy tên tâm độc. Cuộc chiến diễn ra ngắn ngủi nhưng dữ dội. Chỉ trong khoảnh khắc, phi chết la liệt, số còn lại tháo chạy toán loạn về bên kia dốc núi.

Khi khói súng tan đi, dưới thung lũng chỉ còn tiếng suối chảy rì rầm. Trên mặt đất, vương vãi những khẩu súng của phi. Du kích Mường Ải đã thắng trận đầu tiên. Họ hò reo, tiếng gọi vang vọng cả núi rừng. Người dân kéo ra, tay nắm chặt tay, mắt rung rung. Họ chưa từng tin với chỉ những thứ vũ khí thô sơ, lại có thể đánh tan được toán phi hung hãn.

Già bản Vừ Giồng Nênh run run nắm lấy tay Pó:

– Tổ tiên phù hộ, bản mình có anh hùng rồi!

Đêm ấy, lửa trại sáng rực thung lũng Tà Khum, dưới chân núi Pu Xai. Thịt lợn, thịt gà được mang ra, rượu ngô rót đầy bát. Tiếng khèn, tiếng sáo hòa cùng tiếng hò reo chiến thắng. Những cô gái bản nhảy múa bên ánh lửa, vòng tay nối vòng tay, như dải lụa mềm quấn lấy ngọn lửa bập bùng. Vừ Lầu Pó ngồi trầm lặng, mắt nhìn ra xa. Anh biết, đây mới chỉ là khởi đầu. Phi sẽ còn quay lại, ác liệt hơn, đông hơn. Nhưng trong lòng, anh tin: một khi lòng dân đã thành đá, thì chẳng có thể lực nào phá nổi.

2. Sau chiến thắng đầu tiên ở suối Nặm Hắng, đội du kích Mường Ải bỗng trở thành niềm tin của dân bản. Mỗi buổi tối, bên bếp lửa, người già kể chuyện Vừ Lầu Pó như kể chuyện một vị anh hùng. Bọn trẻ ngồi há hốc miệng nghe, mắt sáng lấp lánh. Nhưng Pó hiểu rõ: chiến thắng kia chỉ mới là bước đầu. Kẻ thù sẽ không chịu bỏ qua, chúng sẽ trở lại, đông hơn, dữ tợn hơn.

Tối hôm ấy, sương núi rơi dày như tấm chăn bông, Pó nhóm lại các tổ du kích trong lán chỉ huy. Ngọn đèn dầu lập lòe hắt bóng người lên vách nứa. Ngoài kia, tiếng côn trùng rả rích hòa với tiếng suối Nậm Hắng vẫn rì rào chảy. Pó ngồi đầu mâm tre, trái bản đồ thô vẽ bằng than lên mặt sàn.

– Các anh em! – Pó mở lời, giọng trầm nhưng vang. – Trận vừa rồi, chúng ta thắng vì biết tận dụng địa hình khe sâu, rừng rậm và lòng dân. Nhưng kẻ địch chưa chịu thua đâu. Lần sau, chúng sẽ không đi lẻ như thế. Chúng sẽ đông hơn, có thể mang theo cả hỏa lực mạnh. Vì vậy, phải rút kinh nghiệm ngay.

Mọi người ngồi vòng quanh: Giống Chur, A Sính, Lầu Sứ, Thò Dế, Hạ Nênh, Lữ Mẫn... cả cậu bé Lia Tu cũng có mặt với vai trò liên lạc viên. Pó dùng đầu dao nhọn khoanh một vòng trên tấm bản đồ:

– Điểm mạnh của chúng: có súng Tây, đường tiếp tế từ Mường Lạp xuống nhanh, bọn tay sai dẫn đường rành lối. Nhưng chúng cũng có điểm yếu: ý quân số, đi hàng dọc, ít chịu nghe ngóng dân bản, và nhất là ngại rừng đêm.

Lầu Sứ gãi đầu:

– Bọn nó toàn đi giữa khe, mang nhiều súng, mình chặn đầu không thì khó thoát lắm.

Pó gật:

– Đúng. Vì vậy ta không đánh chặn đầu, mà phải đánh “vào xương sống”, khiến chúng hoang mang. Trận Nậm Hắng vừa rồi, ta chỉ cắt được một đoạn nhỏ. Lần tới, ta bố trí ba mũi: chặn đầu ở khúc hẹp, quấy rối giữa lưng, rồi đánh đuôi để chúng rối loạn.

Anh rút từ túi áo ra một nhánh nứa, vạch trên đất:

– Đây là khe Nậm Bó, một suối nhỏ chảy vào Nậm Hắng. Theo tin trinh sát, tuần sau có toán lính Pháp hơn hai chục tên sẽ qua đây, định gom thóc của dân bản. Đường này có ba chỗ hiểm: một dốc đá dựng, một cầu gỗ mục, một bãi cỏ lau rậm rạp. Ta chia ba tổ. Tổ một do tôi chỉ huy, ém quân ở dốc đá. Tổ hai của Giống Chur, bố trí kíp nổ và chông tre ở cầu gỗ. Tổ ba – Lữ Mẫn dẫn – nấp trong lau, đánh tạt ngang khi bọn chúng rời. Tổ bốn – Chia Lầu phục kích đánh khi chúng rút quân. Còn Bá Cờ và Ka Dênh thì lên chòi quan sát. Khi thấy địch đã vào chỗ quân ta mai phục thì cất tiếng chim cú lợn 3 tiếng.

Cả đội nhao nhao góp ý. Lia Tu nhanh nhẩu:

– Đêm qua em nghe mấy bà đi rừng về bảo, ở bên kia bọn địch tụ tập đông lắm. Nếu chúng đông hơn hai chục thì sao?

Pó trầm ngâm một lát, ánh mắt đượm lửa:

– Nếu đông, ta càng phải chia nhỏ lực lượng chúng. Dân bản sẽ giúp. Mỗi nhà đặt một đồng khổi giả, làm chúng tưởng chỗ nào cũng có du kích. Nhớ nhé: không đánh khi chúng mạnh, chỉ đánh khi chúng sơ hở.

Cuộc họp kéo dài tới khuya. Gió núi thổi qua khe cửa, mang theo mùi lá mục ẩm ngai ngái. Khi mọi ý kiến đã thống nhất, Pó đứng dậy, giọng nghiêm nghị:
– Ngày mai, mỗi tổ đi kiểm tra trận địa. Cần đào thêm hầm công, chuẩn bị sẵn đá lăn, củi khô để đốt khói. Anh em không được chủ quan. Chiến thắng nhỏ rồi, nhưng đừng kiêu. Còn cả chặng đường dài.

Sáng sớm hôm sau, sương phủ trắng triền núi. Tổ của Pó men theo lối mòn lên dốc đá. Đây là nơi đá xếp chồng lên nhau như bậc thang trời, hai bên là vách dựng đứng. Pó chỉ tay:

– Tối nay, đào hố ở đây. Chặt cây nguy trang. Nếu chúng đi qua, ta đẩy đá xuống. Đừng giết nhiều, chỉ cần chúng hoảng, chạy tán loạn là được.

Chia Lầu cùng mấy đội viên gùi cuốc, dao, tay thoăn thoắt dọn lối. Tiếng chim gù trên ngọn pơ mu vọng xuống như tiếng thúc giục.

Ở hướng khác, tổ của Giồng Chư tới cầu gỗ. Cầu này bắc qua khe Nặm Bó, mưa nhiều mùa trước làm mục nát, chỉ còn mấy thanh bương mục chống đỡ. Họ giăng thêm dây lạt, dẫu thuốc nổ tự chế trong khe. Lữ Mẫn cùng anh em lội qua bãi lau, đánh dấu những gốc cây to có thể làm chỗ bắn tạt ngang.

Lia Tu chạy khắp bản, nhắc các mẹ, các chị giấu thóc, dùi trâu bò vào rừng sâu, đồng thời đặt bếp khói giả theo kế hoạch Pó đã dặn.

Chiều muộn, đội du kích trở về. Trên hiên lán trại, những đôi chân còn bám bùn, mùi mồ hôi quyện với mùi khói bếp thơm ngai ngái. Pó ngồi thu bản đồ lại, giọng khê nhưng rắn rỏi:

– Anh em đã làm tốt. Chỉ còn việc chờ địch. Đêm nay, ngủ ít thôi. Sáng mai, mỗi tổ về vị trí. Khi nghe tiếng chim cú lợn ba hồi, đó là hiệu lệnh nổ súng.

Mọi ánh mắt hướng về Pó, ánh lên niềm tin. Ngoài kia, đêm núi như đặc quánh lại, trăng non lặn khuất sau lưng dãy Pu Xai, chuẩn bị chứng kiến trận đánh mới của những người con Mường Ải.

Đúng như Pó đoán. Một tuần sau, khi lúa trên nương vừa bắt đầu chín sữa, người đi rừng báo tin: “Phi đang tập hợp ở bãi đá Nặm Bó, chúng đông gấp ba lần trước, súng ống nhiều lắm!”. Tin ấy truyền về, dân bản ai cũng lo lắng. Nhiều người đàn bà ôm con khóc thút thít, người già thở dài. Nhưng Vừ Lầu Pó thì khác. Anh không để nỗi sợ lan ra. Buổi tối, anh triệu tập đội du kích.

Ngọn đuốc đỏ rực soi rõ từng gương mặt. Những đôi mắt trẻ trai bản sáng rực lên, nhưng sâu trong đó vẫn thấp thoáng lo âu. Pó bước lên, giọng vang như tiếng chiêng:

– Anh em! Bọn phi đông, súng chúng mạnh, nhưng chúng là kẻ cướp, không có lòng dân. Còn chúng ta, phía sau là bản làng, là cha mẹ, vợ con. Chúng ta có núi rừng, có suối nguồn, có niềm tin của bà con. Thung lũng Tà Khum sẽ là thành lũy của ta. Nhất định ta sẽ thắng!

Tiếng hô “Nhất định thắng!” đồng loạt vang lên, át cả tiếng gió đêm.

Đêm đó, cả bản Mường Ải lại rộn ràng như một đại công trường. Đàn ông đào hố chông, đàn bà vót chông, trẻ con thì ngồi bóc măng rừng, nấu cơm nắm để tiếp tế. Những bàn tay chai sần, những ánh mắt sáng bùng. Tiếng rìu bổ vào thân cây, tiếng dao nứa xoèn xoẹt, tất cả như một bản hòa ca của quyết tâm.

Vừ Lầu Pó cùng vài thanh niên thân tín trèo lên vách núi, đặt bẫy đá liên hoàn. Những tảng đá to được kê chèn khéo léo, chỉ cần giật dây là cả dãy đá sẽ ào xuống, chặn đứng lối đi. Dưới chân núi, những hàng chông nhọn dựng đứng, mũi bôi than và nhựa độc.

Rạng sáng ngày thứ ba, tiếng chim rừng báo hiệu: phi đã tới. Chúng xuất hiện từ phía khe Năm Bó, súng kíp, súng trường lăm lăm. Chúng đông đến mấy chục tên, mặt mày hung dữ, vừa đi vừa la hét. Tiếng bước chân của chúng làm rung chuyển cả triền dốc.

Vừ Lầu Pó nằm phục sau một bụi cây rậm. Tim anh đập mạnh, nhưng ánh mắt không run sợ. Anh giơ tay ra hiệu cho du kích. Mọi người căng mắt nhìn, tay đặt sẵn cò súng, nỏ đã giương, dây đã chực bật.

Khi bọn phi lọt vào con dốc hẹp, Pó khẽ gật đầu. Một tiếng hú dài vang vọng. Lập tức, loạt đá từ trên cao ầm ầm đổ xuống. Đất rung chuyển, cây lá rụng ào ào. Toán phi đi đầu vỡ đội hình, kẻ gãy chân, kẻ bị đá đè. Tiếng la hét vang trời.

Ngay sau đó, tiếng súng nổ ù ù ào ào, những mũi tên từ hai bên sườn núi bay tới, vun vút, vun vút, như mưa rơi. Lính Pháp, phi ngã gục, máu đỏ loang đất. Nhưng lần này, chúng đông và liều lĩnh hơn. Đội phía sau lập tức dựng súng bắn trả. Tiếng nổ chát chúa vang lên, khói súng khét lẹt. Nhiều cây cỏ thụ bị đạn găm thủng, mảnh vỏ bay tung tóe.

Một du kích trẻ, Lầu Vả Dênh, trúng đạn vào vai, ngã gục. Pó lao tới, diu anh vào bụi cây. Máu chảy đỏ cả áo chàm. Dênh nguyền rủa:

– Pó... cứ để mặc em, anh em phải giữ lối đi...

Pó siết chặt tay đồng đội, rồi quay lại trận địa. Anh hét lớn:

– Anh em! Lấy núi rừng làm đồng minh! Tiến lên!

Tiếng hô dậy vang. Du kích đồng loạt xông ra. Người lao xuống đâm chém, người từ trên cao bắn tên, người giật dây thả chông.

Cuộc chiến giằng co. Tiếng súng, tiếng nổ, tiếng dao, tiếng người hò hét hòa thành một khúc ca dữ dội. Phi dù đông nhưng gặp bẫy rừng liên tiếp, kẻ sa hố chông, kẻ trúng tên độc, đội hình loạn. Dù vậy, chúng vẫn bắn trả dữ dội. Khói súng mù mịt. Nhiều du kích bị thương, máu chảy đỏ cả triền dốc.

Giữa lúc nguy cấp, Pó nghĩ ra kế. Anh lệnh cho một tốp thanh niên trèo lên đỉnh núi, giả làm một toán quân lớn, hò hét vang trời, ném đá lăn ầm ầm. Tiếng động dữ dội làm bọn phi tưởng rằng phía sau còn một đạo quân phục kích. Chúng hoang mang, rối loạn.

Pó chớp thời cơ, xông thẳng vào tên cầm đầu. Dao quắm lóe sáng. Chỉ một đường chém, hấn ngã vật xuống đất. Thấy thủ lĩnh gục ngã, bọn phi rưng rờ, tháo chạy tán loạn, bỏ lại súng ống, xác chết la liệt.

Trận chiến kết thúc khi mặt trời đã lên cao. Trên triền núi, khói súng còn vương. Nhiều người dân bản chạy lên, dìu những chiến sĩ du kích bị thương. Tiếng khóc, tiếng cười hòa lẫn.

Pó ngồi bệt xuống đất, áo chàm đầm máu đồng đội. Anh thở dốc, mắt nhìn ra xa. Núi Pu Xai sừng sững, đứng đó như chứng giám. Chiến thắng thứ hai đã giữ được bản làng, nhưng cũng để lại nhiều mất mát. Mồ hôi, máu, nước mắt đã đổ xuống mảnh đất này.

Buổi chiều, bản Mường Ải làm lễ cúng tổ tiên, khấn hồn những người đã ngã xuống. Già bản nâng chén rượu ngô, giọng nghẹn ngào:

– Tổ tiên phù hộ! Người Mường Ải quyết không cúi đầu trước phi. Núi rừng này, bản làng này sẽ còn mãi...

Trong ánh hoàng hôn đỏ rực, tiếng khèn, tiếng trống nổi lên, nhưng lần này không chỉ để vui mừng mà còn để tưởng nhớ những người đã ngã xuống. Vừ Lâu Pó lặng lẽ ngồi bên, tay siết chặt khẩu súng. Anh biết, đây mới chỉ là khởi đầu. Những trận đánh tiếp theo còn dữ dội hơn đang chờ phía trước.

Gió núi lùa qua mái tóc, thổi cái lạnh buốt xuống tận da thịt. Pó đưa mắt nhìn quanh, những gương mặt đồng đội sạm đi trong ánh lửa chiều. Có người cười, có người nhai vội bát cơm độn ngô, nhưng trong ánh mắt ai cũng ánh lên nỗi lo âu khó giấu. Đội du kích Mường Ải vừa trải qua trận đầu, thắng lợi nhưng cũng hao tổn không ít sức lực. Pó hiểu, chiến thắng này như ngọn lửa vừa nhóm, nếu không giữ vững ý chí, nó sẽ tắt lịm giữa gió núi.

Trong đầu anh lướt qua những nỗi lo lắng: súng đạn ít ỏi, đạn súng trường cũ kỹ đã dùng gần hết, thuốc súng cũng chỉ còn một nắm. Vài cây nỏ, vài con dao quắm – tất cả liệu có chống nổi quân địch với súng máy, đại liên, lựu đạn? Rồi những bản làng dọc Nậm Hắng, Nậm Phong, Nậm Khum, liệu có chịu đựng nổi những trận càn quét khốc liệt? Pó nhớ lại những lời già bản căn dặn: “Làm cách mạng phải như người trồng lúa nương, gieo mạ trong mưa đá, bão gió, nhưng kiên nhẫn mới mong gặt ngày mai.”

Pó thở dài. Đêm rừng sắp buông xuống, cùng bóng tối là sự bất trắc. Kẻ địch đông, lại có hậu cần, đường tiếp tế rõ ràng, còn họ – những người du kích – sống nhờ vào hạt thóc dân bản chia sẻ, nắm muối đổi bằng gùi măng rừng, miếng thịt lợn khô chia làm ba bốn phần. Có những đêm cả đội nằm võng co ro trong rừng, sương lạnh thấm vai, bụng đói còn cào, nhưng sáng ra vẫn phải đi trinh sát, đặt bẫy, bàn kế hoạch phục kích.

Trong sâu thẳm, Pó hiểu rằng khó khăn ấy không chỉ thử sức trai bản mà còn thử lửa cả một niềm tin. Niềm tin vào con đường mà họ đã chọn – con đường giành lại núi rừng cho dân Mường, giành lại tiếng khèn tự do trên những bản làng khói sương. Pó khẽ vuốt nòng súng, ánh mắt ánh lên một tia cứng rắn: “Dù có đói rét,

thiếu thôn, mình cũng phải dẫn anh em đi tới cùng. Núi rừng này đã bao đời nuôi sống ta, nay ta phải giữ cho đời sau.”

Tiếng khèn lại vang lên đâu đó phía chân núi, hòa lẫn tiếng trống dội vào vách đá. Pó đứng dậy, ngược nhìn bầu trời đang sẫm dần. Một đêm dài nữa lại đến, và anh biết, từ đêm này sang đêm khác, họ sẽ phải gánh cả gian nan lẫn hy vọng trên vai, để một ngày tiếng khèn không còn vang lên cho người đã khuất, mà vang giữa hội xuân yên bình.

3. Sau trận phản công ở khe Nậm Bó, tuy bị thiệt hại nặng nề nhưng bọn phi chưa chịu từ bỏ. Tin báo dồn dập từ các người đi rừng trở về: chúng gom lại quân, kéo cả súng ống từ bên kia biên giới, quyết chiếm cho bằng được Mường Ải để làm căn cứ. Nếu Mường Ải thất thủ, cả vùng Tà Khum sẽ rơi vào tay phi.

Trong lán trại đơn sơ, ngọn đèn dầu hắt ánh sáng vàng mờ. Vừ Lâu Pó ngồi bên, quanh anh là đồng đội, gương mặt ai cũng hốc hác sau những ngày chiến đấu liên miên. Pó chậm rãi nói, giọng anh dứt khoát như tiếng đá rơi xuống vực:

– Đây sẽ là trận chiến quyết định. Nếu giữ được Tà Khum, ta giữ được bản. Nếu để mất, dân ta sẽ trôi dạt, nhà cửa thành tro. Anh em có dám cùng tôi đánh trận này không?

– Dám! – Tiếng hô đồng thanh, rền vang cả căn nhà.

Ba ngày liền, bản Mường Ải như một pháo đài sống. Đàn ông dẫn cây, ghép gỗ dựng chướng ngại. Đàn bà gửi đá lên núi, vót chông, nấu cơm nắm. Trẻ con nhặt đá nhỏ, xếp thành đống để ném. Không một bàn tay nào nghỉ ngơi. Núi Pu Xai trở thành bức tường thành vững chắc, từng hốc đá, từng gốc cây đều được biến thành trận địa.

Đêm, gió hun hút thổi qua, trời lấp lánh sao. Vừ Lâu Pó đi dọc chiến hào, mắt quét từng khuôn mặt trai trẻ. Họ mệt mỏi, nhưng ánh mắt sáng rực. Nhiều người buộc sẵn tấm vải đỏ trên đầu – dấu hiệu thề quyết tử. Một bà mẹ lặng lẽ đến, đưa cho Pó một khẩu súng kíp đã cũ:

– Súng này cha nó để lại, nay tôi gửi cho anh. Hãy dùng mà giữ bản, giữ con cháu chúng tôi.

Pó nghẹn ngào, siết chặt khẩu súng, gật đầu.

Rạng sáng ngày thứ tư, thung lũng Tà Khum rung chuyển. Từ bên kia dốc, phi tràn lên như đàn ong vỡ tổ. Chúng đông đến cả trăm tên, súng ống loang loáng. Tiếng trống, tiếng tù và inh ỏi. Chúng hò hét, khí thế ngùn ngụt.

Trên đỉnh núi, Vừ Lâu Pó giơ khẩu súng, hô to:

– Anh em! Núi rừng là nhà, Tà Khum là thành lũy! Quyết không cho một tên nào lọt qua!

Tiếng “Quyết chiến!” vang dậy. Ngay lập tức, bầy đá từ trên cao được thả xuống. Hàng trăm tảng đá lăn ầm ầm, quét qua đội hình phi. Tiếng la hét rợn người.

Cùng lúc đó, mũi tên từ nỏ bay ra như mưa, xuyên thủng lớp áo dày. Chông cài dưới đất bật lên, xiên vào chân, vào ngực bọn phi.

Nhưng phi cũng hung hãn vô cùng. Chúng bắn trả dữ dội. Súng trường, súng kíp nổ đin đai. Đạn xé rách lá cây, đục thủng gỗ chắn. Một du kích trẻ ngã xuống, máu loang đỏ đất. Tiếng khóc bật lên, nhưng ngay lập tức hòa trong tiếng hô xung phong.

Trận chiến giằng co từ sườn núi thấp lên tới đỉnh. Mồ hôi, máu, tiếng la hét hòa lẫn. Du kích dùng hết mưu trí: bẫy tên nỏ tung, chông tre bật ra, bẫy đá thả xuống như mưa. Những cô gái bản tay không cũng lao vào trận địa, chuyên từng giỏ đá, từng ống nước suối. Có cô cầm gậy tre vọt thẳng vào đầu kẻ thù trước lúc ngã xuống.

Giữa lúc hỗn loạn, Vừ Lầu Pó nhận ra tên cầm đầu phi đang dẫn một toán lùn lên lối mòn bên sườn. Nếu chúng chiếm được đỉnh, tất cả sẽ nguy. Anh gầm lên, dẫn một tốp du kích xông tới chặn. Súng, nỏ bắn liên hồi. Cuộc đấu tay đôi dữ dội.

Tên cầm đầu cao lớn, tay lăm lăm súng ngắn. Hắn bắn, đạn sượt qua tai Pó. Không kịp nghĩ, Pó vun tay, con dao xe gió bay tới. Súng văng ra, hắn gầm rú, rồi ngã gục. Pó lao tới, di súng vào đầu hắn, bóp cò. Tiếng hò reo nổ vang như sấm.

Thấy thủ lĩnh đã chết, bọn phi rúng rời, đội hình vỡ nát. Du kích đồng loạt xông lên, tiếng hô át cả tiếng súng. Bọn phi tháo chạy, kẻ rơi xuống vực, kẻ bỏ lại súng ống. Núi rừng Tà Khum rung lên bởi tiếng chiến thắng.

Khi chiều buông xuống, trận địa tan khói lửa. Dưới chân núi, xác phi nằm rải rác. Du kích thu được nhiều súng trường, đạn dược. Nhưng cái giá cũng không nhỏ: nhiều trai bản ngã xuống, nằm lại trên sườn núi. Bên cạnh họ, những cánh tay, tấm vải đỏ vẫn còn nắm chặt, như minh chứng lời thề giữ bản.

Dân bản lên núi, khóc than bên xác người thân. Những bà mẹ ngồi ôm con trai đã hy sinh, mắt ráo hoảnh, chỉ có nước mắt chảy ngược vào tim. Tiếng khèn cất lên, náo nê mà hùng tráng, tiễn đưa những người con anh dũng.

Vừ Lầu Pó đứng lặng, gương mặt rớm máu và khói súng. Anh nhìn về phía biên giới, nơi hoàng hôn đang nhuộm đỏ chân trời. Tà Khum đã giữ được. Bản làng vẫn còn. Trong lòng anh, niềm tin như lửa cháy: một ngày nào đó, không chỉ Tà Khum, không chỉ Mường Ải, mà cả núi rừng này sẽ được tự do, thanh bình mãi mãi.

4. Khói súng tan dần, thung lũng Tà Khum trở lại vẻ tĩnh lặng vốn có. Nhưng trên triền núi, dấu tích trận đánh vẫn còn: vết máu loang đỏ, những hố chông lấp vôi, súng ống vương vãi, thân cây gãy đổ ngang dọc. Không gian trĩu nặng mùi khét, mùi máu tanh, và cả hơi ẩm từ những thân thể vừa ngã xuống.

Dân bản Mường Ải kéo nhau lên núi. Người thì gùi thuốc lá rừng, người gùi nước suối, người mang cơm nắm, thịt muối. Họ vừa tìm người bị thương, vừa dựng chông tre để đưa đồng đội về bản. Có những bà mẹ lặng lẽ ôm xác con trai, mắt ráo hoảnh, không khóc nổi. Có những người vợ trẻ gục xuống vai chồng đã hy sinh, tiếng khóc xé ruột gan.

Buổi chiều hôm ấy, cả bản Mường Ải hóa thành một lễ tang tập thể. Trước sân trại du kích, những thân thể được đặt thành hàng, phủ tấm vải chàm. Khói hương nghi ngút bay lên, quyện cùng tiếng khèn, tiếng trống tang. Trẻ con ôm nhau khóc nức, đàn bà ngồi thành vòng, vừa hát tiễn đưa, vừa khóc. Tiếng hát nghẹn ngào nhưng ngân dài, như tiếng núi rừng than khóc cho những người con trung dũng.

Vừ Lầu Pó ngồi quỳ bên, lưng thẳng, ánh mắt đỏ ngầu. Anh không khóc, nhưng lòng như có ngàn mũi dao cắt. Bên tai anh vẫn văng vẳng tiếng hò reo, tiếng gào thét, tiếng dao va chạm chan chát. Những gương mặt trai bản đã nằm xuống như hiện lên trong làn khói hương, mỉm cười mà nhắn nhủ: *“Hãy sống tiếp, hãy giữ bản thay chúng tôi.”*

Đêm xuống. Sau lễ tiễn, cả bản tập trung quanh bếp lửa lớn giữa sân. Lửa cháy bập bùng, soi sáng gương mặt người già, trai trẻ, đàn bà con gái. Không khí vừa bi thương vừa kiêu hãnh. Già bản chậm rãi bước ra, chống gậy, cất giọng trầm hùng:

– Tổ tiên đã chứng giám. Con cháu Mường Ải quyết không lùi bước. Hôm nay, chúng ta đã giữ được Tà Khum. Ngày mai, còn nhiều trận đánh khác. Nhưng còn có lòng dân, có ý chí, thì không thế lực nào dập tắt được.

Tiếng hô “Quyết không lùi bước!” vang lên đồng loạt, dội vào vách núi, vọng xa sang tận bên kia biên giới.

Những ngày sau đó, Đội du kích Mường Ải ngày càng đông thêm. Những chàng trai từ bản xa tìm đến, mang theo nỏ, dao, chông tre, xin gia nhập. Có cả những người đàn bà xin góp sức, làm tiếp tế, yểm trợ. Đội du kích không chỉ là một toán quân nhỏ nữa, mà đã trở thành niềm tin, thành biểu tượng của cả vùng núi.

Chiến thắng Tà Khum lan đi khắp bản mường, tựa như lửa cháy lan khô. Những bản lân cận nghe tin cũng phấn khởi, gửi lương thực, thuốc men, người trai khỏe mạnh đến giúp. Lần đầu tiên, dân bản cảm thấy: mình không cô độc, có thể đứng lên chống lại phi, có thể tự giữ lấy bản làng.

Một buổi chiều, khi Pó đang cùng anh em tu sửa lại chòi canh trên núi, một cụ già chống gậy đến, đưa cho anh một chiếc tù và bằng sừng trâu, nói:

– Đây là tù và tổ tiên để lại. Từ nay, khi Đội du kích Mường Ải cần triệu tập dân bản, hãy thổi nó. Âm vang của nó sẽ gọi dậy sức mạnh cả núi rừng.

Pó hai tay nâng tù và, cúi đầu. Trong ánh hoàng hôn, chiếc sừng trâu ánh lên sắc đỏ, như ngọn lửa của truyền thống đang truyền lại cho thế hệ hôm nay.

Đêm, Pó ngồi một mình trên mỏm đá cao, nhìn xuống cả bản. Từ xa, ánh lửa từ những mái nhà sàn hắt lên, lấp lánh như sao rơi trên mặt đất. Gió núi thổi mát lạnh, nhưng trong lòng anh, ngọn lửa quyết tâm cháy rực.

Anh biết rõ: phi chưa hết, kẻ thù còn nhiều. Con đường phía trước còn dài, còn hiểm nguy. Nhưng sau ba trận chiến ở Tà Khum, anh đã thấy rõ sức mạnh thật sự: sức mạnh ấy không chỉ ở súng ống, không chỉ ở dao nỏ, mà ở lòng dân, ở niềm tin của bản mường vào chính mình.

Vừ Lầu Pó siết chặt khẩu súng, rồi đưa mắt nhìn về phía chân trời. Ở nơi xa ấy, vẫn còn nhiều mảnh đất chưa được yên bình. Và anh, cùng đội quân nhỏ bé của mình, sẽ bước tiếp, để biến núi rừng thành bức thành đồng vĩnh viễn.

Trong đêm yên tĩnh, tiếng tù và vang lên, trầm hùng, lan xa. Âm thanh ấy không chỉ gọi dân bản Mường Ai, Khâu Khắt, Huồi Hin... mà như gọi dậy cả núi rừng Tà Khum, báo hiệu một lực lượng mới đã ra đời – Đội du kích Mường Ai, do Vừ Lầu Pó dẫn dắt, đã chính thức trưởng thành sau máu lửa Tà Khum.

5. Trong ánh sáng sớm mờ đục, khi sương còn phủ trắng cả lối mòn dẫn ra biên giới, Vừ Lầu Pó đứng trên gò đất cao, mắt dõi về những rặng núi xa hun hút. Con đường ấy đã in dấu bao bước chân của anh và đội du kích, những lần rời bản ra trận, những lần trở về giữa lửa đạn và khói bếp. Trận đã qua, tiếng súng tạm lắng, nhưng trong lòng Pó vẫn là những cơn sóng ngầm không yên. Đêm trước, gió lạnh rít qua khe cửa, anh ngồi bên chót gác, ngọn lửa bập bùng soi gương mặt đồng đội còn vương bụi khói thuốc súng. Giờ đây, sương mai thấm lạnh đôi vai, anh biết mình phải đưa ra quyết định: giữ biên giới không chỉ bằng súng, mà còn bằng hạt ngô, bát gạo, bằng sức người.

Buổi sáng hôm ấy, mặt trời nghiêng về phía núi đá, ánh sáng đỏ loang như máu còn vương lại trên triền cỏ. Sau trận đánh đêm qua, đội du kích tập hợp bên bãi đất gần bìa rừng. Vừ Lầu Pó nhìn quanh, những khuôn mặt sạm đen khói súng, mắt vẫn ánh lên vẻ mệt mỏi xen lẫn quyết tâm. Anh nói, giọng trầm mà rắn rỏi:

– Chúng ta đã giữ được Mường Ai đêm qua, nhưng kẻ địch chưa chịu dừng. Chúng sẽ còn tìm cách len qua biên giới. Từ nay, phải chia người: một nhóm ở lại canh gác, nắm tình hình, còn lại về bản làm nương, tích lúa, nuôi trâu bò, chuẩn bị cho những ngày tới.

Mọi người gật đầu. Pó chọn 5 anh em ở lại, dựng lán trong rừng, số còn lại theo anh về bản.

- A Sính và bốn anh em ở lại canh nhé, hễ có động tĩnh gì từ bọn phi thì phải cho liên lạc về báo ngay. Cứ ba ngày chúng ta thay phiên một lần.

- Pó và mọi người yên tâm, chúng tôi sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Pó đặt tay lên vai, rồi nhìn vào đôi mắt người bạn thân từ hồi nhỏ với niềm tin tuyệt đối. Anh quay lại mọi người, giọng khàn nhưng dứt khoát:

– Nghe đây, anh em! Mường Ai này là then cửa. Phi có sang cũng phải qua đây. Nhưng giữ đất đầu phải chỉ ngày đêm vác súng. Đạn ta không mọc từ đá, gạo ta không rơi từ trời. Nhóm của Sính ở lại, thay nhau canh gác, còn lại về bản cùng gia đình làm nương, cấy lúa, nuôi trâu bò, tích trữ cho mùa tới. Khi có lệnh, lại lên đường.

Lầu Xía háng giọng, gãi đầu:

– Thế là ta vừa là du kích vừa nông dân, Pó nhỉ? Đêm bắn súng, ngày cầm cày.

Hạ Nênh bật cười:

– Chúng ta là nông dân thực sự mà. Làm nương, đánh phi việc gì cũng làm được, miễn là cuối ngày có bát cơm nóng, chén rượu ngô, thế nào cũng chịu được.

Pó cũng cười, nhưng trong đáy mắt lộ nét lo lắng. Anh nhìn những khuôn mặt đen sạm, mồ hôi khói súng chưa kịp khô, chợt thấy thương họ hơn bao giờ hết. Phía trước còn bao nhiêu trận đánh? Địch đông, súng đạn mình ít, thuốc men chẳng đủ cho vài vết thương. Nhưng không thể lùi.

Đêm xuống, lửa sưởi bập bùng, mùi khói gỗ thông quện mùi thịt khô. Vài người ngồi rít thuốc, bàn chuyện giống ngô, giống lúa.

Hôm sau, Vừ Lâu Pó cũng theo con đường dốc đá tai mèo, trên vai vẫn đeo khẩu súng, tay cầm cái cuốc. Đường về nhà lỏn nhỏn đá, mây bãng lảng như khói bếp.

Nhà Pó cỏ mọc ngập lối, đàn gà đói kêu lanh lảnh. Mí Lử – chị dâu Pó – đang lom khom dọn đám nương cũ, đưa con nhỏ chơi bên gốc pơ mu khô. Pó đặt súng dựa vách, xách ống nứa ra khe mức nước. Suối mùa này cạn, dòng nước chỉ còn mỏng như sợi chỉ. Pó khẽ chau mày.

Những ngày sau trận đánh, việc đầu tiên của anh luôn là: dựng lại hàng rào, dọn nương, phát bớt cỏ, đốt những gốc cây còn trơ để đất mềm ra. Nương mà khô cằn, ngô không lớn được, bụng dân không no, sức đâu mà đánh giặc?

Đêm ấy, bên bếp lửa hồng, chị Mí Lử đặt bát ngô luộc. Pó ngồi trầm ngâm, tiếng súng trận vẫn lẩn khuất đâu đây. Anh nghĩ: *Minh cầm súng là để bản còn ngô, còn lúa, trẻ con còn chạy chân đất trên nương ấm khói.* Nhưng giờ nương khô, suối cạn...

Thấy Pó trầm ngâm, chị Mí Lử cất lời:

– Vụ này mà trời thương, mưa thuận, ngô đầy bờ, lúa đầy thúng, du kích ăn chắc đánh lâu dài được. Nhưng trời chưa mưa. Mấy ngày liền, nắng hanh khô, gió núi thổi nóng rát. Đất trên ruộng bậc thang nứt ra từng đường, mạ héo rũ như cọng cỏ bỏ quên. Người già lo lắng, trẻ con khát nước, trâu bò lơ mơ.

Trưa hôm sau, mấy người già trong bản tìm đến chỗ Pó đang kiểm tra đồng lúa giống:

– Ôi có trông cũng chết khô thôi, Pó ạ. Nếu không có nước, cả vụ này mất trắng.

Pó ngược nhìn triền ruộng, lòng như có lửa. Anh lại tập hợp đội du kích:

– Anh em lấy dao, lấy cuốc, theo tôi lên núi. Ta phải tìm nước.

Chiều đó, gàn chục người gùi sau lưng, mang dây rừng, leo lên dãy đá tai mèo. Đường rừng chằng chịt, gai cào rát tay. Họ lần theo con khe cạn, qua những vạt cỏ lau cao quá đầu người, mãi đến khi ánh nắng đã ngả vàng mới nghe tiếng róc rách từ vách núi rêu phong. Một mạch nước nhỏ rỉ ra, lách qua lòng tay. Pó cúi xuống, vốc một ngụm, mắt sáng lên:

– Đây rồi, nước của bản mình đây.

Họ hạ trại ngay bên bờ khe, chặt tre, đẽo nứa làm máng. Đêm xuống, lửa bập bùng, cả bọn thức trắng, ghép từng ống tre, buộc dây mây, lấy lá chuối bịt khe hở. Pó đi lại, kiểm tra từng chỗ nối, tay sờ từng mạch nước như sợ nó trôi mất.

Sáng ngày thứ năm, nước theo máng tre dẫn về tới bậc ruộng đầu tiên. Giọt đầu tiên rơi tong tong xuống đất khô nẻ. Một đứa trẻ chạy chân trần tới, reo ầm:

– Nước về rồi! Nước về rồi!

Cả bản đổ ra, người gùi gàu, người dọn nước, tiếng gọi nhau vang cả thung lũng. Mạ như hồi sinh, trâu lại rống, mùi đất ẩm bốc lên ngai ngái. Pó ngồi bệt xuống bờ ruộng, mồ hôi ướt lưng áo, nhưng mắt cười:

– Có nước, có lúa. Có lúa, có quân.

Bản trên, bản dưới lại rộn rã. Người ra đồng, kẻ vào rừng chặt cỏ, cắt nứa làm kho. Các đội viên du kích thay nhau vừa canh gác vừa giúp dân sản xuất. Họ cùng dân bản mở lối nước, đắp bờ nương, xếp lại những tảng đá tai mèo vương khắp lối. Tay vẫn súng, nhưng chân vẫn bám nương. Đêm về, Pó lại cùng anh em tập luyện.

Trong lòng Pó, chiến tranh không chỉ là đánh và thắng. Đó còn là giữ rẫy xanh, giữ lửa bếp, giữ cả tiếng cười con trẻ. Mỗi lần thấy người thân ngủ yên, anh lại nghe tiếng nước chảy ngoài khe như âm hơn. Và anh hiểu: sau mỗi trận đánh, phải làm cho nương lại mọc xanh – đó mới là thắng lợi thật sự.

Một buổi tối, bếp lửa đỏ hồng, khói len lõi qua mái gianh. Mọi người quây quanh bữa cơm độn khoai. Lầu Xía vừa nhai, vừa nói:

– Pó này, ta cày hết thế này, mai kia giặc sang, ai gặt?

Pó lật con cá trên than, chậm rãi:

– Cứ gieo đi đã. Đất bỏ hoang là giặc nó mừng. Có lúa có ngô thì mới no bụng, mới có sức đánh phi.

A Chênh - đội viên trẻ nhất:

– Bọn chúng ngày một đông, lại có súng tốt. Còn ta thì có gì ngoài mấy khẩu súng cũ, thuốc súng cũng vơi nhiều.

Pó ngẩng lên, mắt ánh lửa:

– Thuốc súng có thể thiếu, nhưng người thì không thiếu. Gạo còn, ngô còn, lòng còn.

Tiếng củi nổ tí tách, gió lạnh luồn qua khe cửa. Ngoài kia, trăng đầu tháng lên cao, ánh bạc trải khắp sân. Hương khói, mùi sắn nướng, tiếng trẻ cười vọng từ nhà bên – tất cả như ôm trọn lấy lòng người đội trưởng.

Mùa nổi mùa, đội du kích cứ thế thay phiên: một nhóm ở biên, một nhóm về bản. Pó chạy đi chạy lại, khi thì dẫn người xuống chợ đổi muối, khi thì kiểm tra kho lúa, lúc lại đỡ tay cày cho một góa phụ có chồng hy sinh trận trước. Có lần, anh đứng trên dốc Pha Bàng, nhìn ruộng lúa dưới chân loang nước, thấy bóng người cấy lúa lấm lem. Đó là mẹ của đồng đội đêm nay đang gác chốt, là vợ của đội viên ngã

xuống, là đứa trẻ đang nhỏ cở để đổi lấy bát cơm nuôi quân. Anh cắn chặt môi, tay nắm khẩu súng, tự nhủ: “Họ không bỏ, mình quyết không chùn bước.”

Trong những đêm dài mưa rừng, Pó nằm co bên bếp than, nghe tiếng lá rừng vỗ rào rào. Nghĩ đến kho thuốc súng vơi dần, nghĩ đến mấy chum muối cạn nửa, nghĩ đến con trâu mới mua đang bị ốm. Mệt mỏi có, lo lắng có, nhưng không để lộ ra mặt. Sáng hôm sau, anh vẫn cười, vẫn động viên:

– Đánh giặc phải no bụng đã. Không ai cầm súng được với cái dạ rỗng.

Một lần, có cậu con trai mới lớn năn nỉ:

– Anh Pó, cho em đi gác với. Em cũng biết bắn rồi!

Pó xoa đầu:

– Đi gác rồi ai làm nương? Việc nào cũng là giữ đất, giữ bản. Mà cứ làm tốt ở nương, là đã giữ đất, giữ bản rồi.

Cuối thu, trời đổi gió, rừng lau ngả trắng bờ khe. Pó trở lại chốt biên giới. Mấy anh em ra đón, báo cáo:

– Yên ả, chúng chưa có động tĩnh gì.

Anh gật đầu:

– Đừng coi thường yên ả. Chúng hay rình lúc ta sơ hở.

Đêm đó, trăng mười lăm sáng như đổ bạc. Pó ngồi một mình trên tảng đá, súng đặt ngang đùi, mắt nhìn về bên kia đường biên. Lửa chòi gác lập lòe, tiếng côn trùng rả rích như đệm cho dòng suy nghĩ bất tận. Anh nghĩ đến những luống ngô xanh vừa đâm chồi, những chum muối mới đổi về, những con trâu đang rục rịch mùa kéo cày. Nghĩ đến từng bát cơm độn khoai, từng hạt gạo góp lại nuôi quân, từng giọt mồ hôi đổ xuống để mai kia cầm súng không run tay.

Anh nhớ những người đã ngã xuống. Máu họ vẫn còn vương trên lối mòn qua Khâu Khắt. Đêm hôm đó, tiếng khèn nổi lên, nhưng không chỉ để vui, mà để tiễn đưa. Giờ đây, giữa không gian mênh mênh, anh lại nghe như vang đâu đó tiếng khèn ấy, lẫn trong tiếng gió rừng. Pó siết chặt báng súng, khẽ thì thầm:

– Còn ta, còn anh em, còn Tà Khum này, chúng không qua được đâu.

Sương khuya trĩu nặng, phủ đầy vai áo. Xa xa, ánh lửa từ bản tháp thoáng, tiếng chó sủa vọng lên theo nhịp gió. Pó đứng dậy, kéo cao cổ áo, bước chậm về chòi gác. Anh không biết ngày mai có tiếng súng nữa không, nhưng anh biết, dưới kia, những luống lúa sẽ vẫn trở đòng, những bắp ngô sẽ vẫn vàng, những chum muối sẽ vẫn đầy dần. Đó mới chính là thành lũy của Mường Ải, không phải bằng đá, mà bằng sức người, bằng cái ăn, cái mặc, bằng sự sống thường ngày.

Và thế là, sau mỗi trận đánh, lại một mùa gieo trồng. Sau mỗi hồi tù và, lại một mùa gặt hái. Đội du kích không chỉ giữ đất bằng báng súng, mà bằng cả cái cuốc, cái cày, bằng hơi thở ấm của bếp lửa quê. Mường Ải vì thế mà chưa bao giờ tắt khói.

Chương 6:

1- Những năm Pó vừa mười ba, mười bốn tuổi, trong bản có một cô gái cùng lứa tên là Y Hơ. Hai đứa lớn lên bên nhau từ tám bé, từng cùng chăn trâu trên bãi cỏ, cùng lội suối bắt cá. Khi còn nhỏ, Pó coi Y Hơ như anh em. Nhưng dạo gần đây, mỗi lần gặp, tim Pó lại đập nhanh lạ thường.

Y Hơ có đôi mắt trong veo như dòng Nặm Khum, nụ cười sáng như nắng sớm. Mỗi mùa hội, Y Hơ mặc váy lanh hoa, cài chiếc khăn đỏ mẹ thêu, đứng trong vòng pao. Giữa tiếng khèn rộn rã, Pó cứ lúng túng, bàn chân dậm nhịp sai, chỉ để mắt dõi theo dáng Y Hơ xoay tròn bên ngọn lửa hội. Dưới ánh trăng non như dát bạc trên triền núi, Y Hơ khẽ nghiêng mình, váy hoa bung nở theo mỗi vòng xoay. Tiếng khèn ngân dài, dồn dập như tiếng gọi của mùa xuân, dẫn lối cho đôi bàn chân cô nhún nhảy nhẹ trên bãi cỏ. Mỗi bước quay, váy xoắn tròn, sắc thổ cẩm rực rỡ hòa cùng ánh lửa đêm hội. Mái tóc vắt khăn sắc sỡ, vòng bạc khẽ rung lên lanh canh. Trong nụ cười e ấp, đôi mắt mà đôi mắt vẫn lấp lánh gửi theo tiếng khèn bao điều chưa nói.

Chiều chiều, khi theo cha lên nương, Pó thường giả vờ chậm bước, mong bắt gặp bóng Y Hơ gùi củi đi ngang. Nhiều khi hai đứa chỉ kịp trao nhau một nụ cười, một câu chào vội, vậy mà lòng Pó rộn ràng cả ngày. Có lúc, Pó nhặt được một bông hoa mạn rơi, ngập ngừng định đưa cho Y Hơ, nhưng rồi lại giấu kín trong túi áo, về nhà đặt lên đầu giường, ngắm mãi không thôi.

Đêm về, bên bếp lửa, nghe tiếng khèn của trai bản gọi bạn tình, Pó thấy bâng khuâng. Cậu chưa biết nói gì với Y Hơ, chỉ thấy một niềm vui âm thầm, như chồi non lặng lẽ nhú sau cơn mưa xuân.

Một buổi chiều u ám, mây đen kéo ngang đỉnh Pù Xai, gió hun hút thổi như báo trước điềm dữ. Khi Pó còn đang ở nương cùng cha, tiếng súng bất ngờ dội về từ bản. Tiếng chó sủa, tiếng trẻ khóc, tiếng người kêu thất thanh xé toang không gian vốn yên bình. Phi đã tràn vào Mường Ái.

Chúng cướp thóc ngô, giật lấy từng con trâu, con lợn. Nhà cửa cháy rừng rực, khói đen cuộn cuộn như nuốt chửng cả bản. Người già, trẻ nhỏ hoảng loạn chạy vào rừng. Trong cơn hỗn loạn ấy, Y Hơ – cô gái mà Pó thương nhớ từng ngày – bị chúng lôi đi. Tiếng khóc xé lòng của nàng vang lên rồi vụt tắt giữa tiếng cười man rợ của bọn phi. Khi Pó cùng dân bản chạy về, tất cả đã muộn. Y Hơ nằm bất động trên đất, chiếc váy lanh rách nát, gương mặt hồng hào ngày nào giờ tái nhợt như tro tàn.

Pó quy xuống bên xác nàng. Đôi bàn tay non trẻ run rẩy chạm vào mái tóc rối bời của Y Hơ, nước mắt chan hòa rơi xuống đôi má đã lạnh giá. Nỗi đau xé toang lồng ngực, nghẹn lại nơi cổ họng. Bao nhiêu điều chưa kịp nói, bao nhiêu ước mơ tuổi trẻ chưa kịp gửi trao, tất cả bỗng hóa thành hư vô.

Đêm ấy, Pó ngồi lặng bên bếp tro tàn của bản, nhìn ngọn lửa le lói trong gió lạnh, lòng như nát vụn. Tình yêu đầu đời – trong sáng như giọt sương trên lá mạn – đã bị giẫm nát phũ phàng. Y Hơ ra đi, mang theo cả một phần hồn của Pó.

Từ nỗi đau mắt mắt ấy, trong trái tim non nớt của cậu thiếu niên mười bốn tuổi, ngọn lửa căm thù bắt đầu cháy rực. Pó thảm nguyện, có một ngày sẽ đứng lên cùng dân bản, để không còn Y Hơ nào nữa phải chết dưới tay bọn phi man rợ.

Những ngày sau khi Y Hơ mất, Pó như người mất hồn. Cậu làm lũi theo cha ra nương, mắt vô hồn nhìn về phía rừng sâu – nơi kỷ niệm tuổi thơ với Y Hơ cứ hiện về day dứt. Đêm xuống, bên bếp lửa, Pó lặng im, chẳng buồn ăn, chỉ ngồi ôm khèn, nhưng khèn cũng lạc nhịp, giai điệu vỡ vụn theo tiếng nấc nghẹn.

Trong những ngày ấy, Y Dênh – cô gái cùng bản, hơn Pó 4 tuổi, vẫn lặng lẽ đến bên. Y Dênh ít nói, chỉ ngồi gần Pó, thi thoảng dúm cho cậu bát cơm nóng, hay lặng lẽ thay mẹ nhóm thêm củi vào bếp. Đôi mắt Y Dênh ánh lên sự thương cảm dịu dàng, nhưng không ép buộc, không lời than trách.

Pó lúc ấy chẳng nhận ra, trong tim Dênh đã ấp ủ tình cảm dành cho cậu từ lâu. Dênh thương Pó chân chất, chăm làm, thương cả những lúc Pó vụng dại theo chân trai bản học thổi khèn dưới gốc đào. Nhưng Dênh chưa thể cất lời vì trong lòng Pó đã có Y Hơ. Và giờ đây, khi thấy Pó đau khổ, Dênh chỉ muốn ở cạnh, như bóng cây rừng che chở một mầm non đang run rẩy trong gió bão.

2- Mường Ải bước sang mùa xuân, núi rừng như được khoác lên tấm áo mới. Tuyết trắng trên đỉnh Pu Xai đã tan, dòng suối Nậm Khum lại róc rách tuôn tràn, mang theo hơi thở tươi mát. Trên những nương ngô còn vương sương, mầm non xanh mướt bật lên, run rẩy đón nắng đầu ngày. Hoa mận, hoa đào, hoa cải đua nhau nở, phủ trắng, phủ hồng, rắc vàng khắp các triền núi, làm cho cả Mường Ải rực sáng như một bức thỏ cảm khổng lồ.

Đây là lúc người Mông hân hoan nhất trong năm. Sau một mùa lao động vất vả, ai cũng mong chờ hội xuân – nơi không chỉ có tiếng khèn, tiếng sáo, những trò vui rộn ràng, mà còn là nơi trai gái gặp gỡ, kết đôi. Người già nói: *“Nếu không có hội xuân, thì chẳng biết bao nhiêu đôi vợ chồng có tìm thấy nhau không.”*

Chiều hôm ấy, sân bản Mường Ải đông nghịt người. Dòng người từ bản Pẹc, Chèng, Khâu Khắt, Huồi Hin, Pù Ninh cũng đổ về. Trẻ con ríu rít nô đùa, người lớn khoác trên vai những tấm áo chàm mới, còn trai gái thì váy áo sắc sỡ, bạc trắng lấp lánh. Khắp không gian vang vọng tiếng khèn, tiếng sáo diu dặt như gọi mời. Quả pao từ tay này sang tay khác, bay lên cao rồi rơi xuống trong tiếng cười rộn ràng.

Trong đám đông ấy, Y Dênh nổi bật như bông hoa đào mới nở. Nàng vừa tròn mười lăm tuổi, dáng người mảnh dẻ nhưng gương mặt sáng bừng sức sống. Đôi mắt nàng đen láy, vừa hồn nhiên vừa e ấp. Nụ cười khẽ nở, để lộ hàm răng trắng đều, khiến không ít trai bản phải ngoái nhìn. Y Dênh mặc váy thêu hoa văn đỏ, áo chàm ôm sát, trên ngực đeo vòng bạc của mẹ để lại. Mỗi khi bước đi, chuỗi vòng bạc leng keng theo nhịp, càng làm nàng thêm duyên dáng. Khi nắm quả pao ném lên cao, Dênh khẽ nghiêng đầu cười với Pó – nụ cười giản dị mà ấm áp, khác hẳn với những tiếng cười rộn ràng chung quanh.

Vừ Lầu Pó đứng ở mép sân, lặng lẽ quan sát. Anh cũng mười lăm tuổi, cao hơn chúng bạn một cái đầu, vai rộng, mắt sáng và nét mặt rắn rỏi. Trong tay anh là

chiếc khèn tre được trao truyền từ đời ông. Nhưng hôm nay, Pó chưa vội thổi khèn. Ánh mắt anh chỉ dõi theo bóng dáng Y Dênh giữa đám đông. Lần đầu tiên, Pó thấy trái tim mình rung lên một nhịp khác. Trong khoảnh khắc ấy, cậu nhận ra, bên cạnh nỗi đau còn có một bàn tay âm thầm đưa ra, một ánh mắt luôn dõi theo. Y Dênh – cô gái lặng lẽ bên cạnh suốt những ngày u tối – bỗng trở thành ngọn lửa sưởi ấm, làm tan dần lớp băng lạnh trong lòng Pó.

Lần đầu tiên ánh mắt họ chạm nhau là khi quả pao bất ngờ rơi về phía Pó. Anh vội chìa tay đón lấy. Y Dênh ngẩng lên, đôi má ửng hồng. Pó mỉm cười, ném trả quả pao cho nàng. Nụ cười ấy, ánh nhìn ấy, khiến tim Y Dênh đập loạn nhịp. Nàng vờ quay đi, nhưng quả pao lần nữa lại bay về phía Pó. Và thế là trò chơi giữa họ bắt đầu – quả pao cứ chuyền đi chuyền lại, như một sợi chỉ vô hình buộc chặt hai tâm hồn trẻ. Pó bỗng thấy mình không còn đơn độc. Và trong nỗi nhớ Y Hơ chưa nguôi, trái tim cậu khẽ gọi tên Y Dênh – như một lời hẹn thắm lặng của tuổi trẻ.

Dưới nắng xuân rự rờ, giữa núi rừng xanh thắm, tiếng khèn của Pó bỗng vang lên, loi cuốn tất cả. Âm điệu khi khoan thai, khi dồn dập, khi réo rắt như nước suối, khi mạnh mẽ như gió núi. Người ngoài chỉ nghe một bản khèn du xuân, nhưng Y Dênh lại cảm nhận được lời tỏ tình trong từng nhịp khèn: *“Anh thương em từ buổi pao rơi vào tay. Anh nhớ em từ khi mắt chạm vào mắt.”* Gió xuân luồn qua mái tóc, mùi rượu ngô men nồng quện vào tiếng khèn, làm rộn rã cả một góc trời cao nguyên. Có những khoảnh khắc, khèn ngân dài, nhòe cả vào sương, tưởng như tiếng núi rừng gọi nhau về sum vầy, để trai gái quần quýt, để bản làng thâu đêm không ngủ.

Y Dênh cúi đầu, vành tai nóng bừng. Nàng chưa từng nghe ai thổi khèn hay đến thế, cũng chưa từng thấy ánh mắt nào nồng nàn đến vậy. Trong lòng thiếu nữ mười lăm tuổi, một niềm vui băng khuâng dậy lên như sóng.

Sau hội xuân, Pó không bỏ lỡ cơ hội. Đêm đêm, khi trăng lên, anh đứng chờ ở con dốc dẫn ra nương. Tiếng chó sủa xa xa, tiếng gió rì rào qua rừng thông, tiếng côn trùng rả rích... tất cả hòa vào nỗi hồi hộp của tuổi mới lớn. Y Dênh thường lén mẹ đi ra, váy áo khẽ rung trong gió. Lần nào cũng thấy Pó đứng chờ, nụ cười sáng trên môi, ánh mắt ấm áp.

Họ gặp nhau dưới gốc đào cổ thụ. Ánh trăng soi sáng khuôn mặt còn non trẻ mà đã răn ròi của Pó, soi cả đôi mắt lấp lánh của Y Dênh. Pó nắm lấy tay nàng, bàn tay anh thô ráp vì lao động nương rẫy, nhưng lại ấm áp lạ thường.

– Y Dênh... – giọng Pó khẽ run – Nếu một ngày nào đó anh phải đi xa, lên núi, xuống bản, em có chờ anh không?

Y Dênh lặng im, cúi đầu. Rồi nàng ngẩng lên, mắt sáng như sao:

– Em chờ. Dù ngô chín hay ngô héo, dù hoa mạn nở hay tàn, em vẫn chờ.

Pó siết chặt bàn tay ấy, như muốn khắc sâu lời hứa.

Đêm khác, họ hẹn nhau lên nương ngô. Trăng sáng tràn ngập khắp triền đồi, rơi xuống những luống ngô non đang lớn. Y Dênh khẽ nói:

– Pó à, tình yêu của chúng mình giản dị thôi. Chỉ cần hai người thương nhau thật lòng, thì nương ngô cũng thành nhà, bếp lửa cũng thành chỗ sum vầy.

Pó gật đầu, ánh mắt rục rịch:

– Anh hứa, từ nay đến hết đời, trái tim này chỉ có em. Dù mai sau có giông bão, anh vẫn không rời xa.

Y Dênh mỉm cười, đôi mắt rung rung:

– Nếu một ngày anh đi đánh giặc, em vẫn chờ. Chờ đến khi tiếng khèn anh lại vang trong bản.

Trên nương mờ sương, họ lặng lẽ thề nguyện. Không giấy bút, không chứng nhân, chỉ có trời cao, ánh trăng và núi rừng Mường Ải làm minh chứng.

Từ đó, tình yêu của họ lớn dần theo từng mùa. Khi Pó lên nương phát cỏ, Y Dênh tìm cơ đi lấy củi ngang qua, để trao nhau cái nhìn. Khi Y Dênh giặt áo dưới suối, Pó ngồi trên bờ gảy khèn, tiếng khèn vờ cho cả núi nghe, mà thật ra chỉ gửi cho một người.

Người già trong bản nhìn thấy, chỉ cười hiền: “*Đôi chim non đã tìm được nhau rồi.*” Bọn trẻ thì trêu: “*Pó ơi, có Y Dênh rồi thì khèn không còn réo cho ai nữa nhé!*” Pó chỉ cười, còn Y Dênh đỏ mặt chạy đi, nhưng lòng lại rộn rã.

Đêm xuân, họ thường rủ nhau đi xem trai gái hát giao duyên. Tiếng hát vang vọng giữa thung lũng, khi đối đáp dí dỏm, khi sâu lắng tình tứ. Y Dênh nhiều lần ngưng ngừng, nhưng Pó thì mạnh dạn, đáp lời bằng câu hát Mông mọt mà. Dân bản khen: “*Pó có tài, Y Dênh có sắc, trời sinh một đôi rồi!*”

Có những đêm, họ chỉ ngồi bên nhau bên bếp lửa, không nói nhiều, chỉ nghe tiếng củi cháy lách tách. Nhưng trong im lặng ấy, cả hai đều biết: trái tim mình đã có nơi nương tựa.

Tình yêu ấy giản dị, nhưng sâu nặng. Nó như dòng suối nhỏ len lõi qua khe đá, chẳng ồn ào nhưng ngày một dạt dào, nuôi dưỡng cả núi rừng. Nó như cây ngô mọc trên nương, chịu sương, chịu gió, nhưng vẫn xanh tươi, vẫn ra bắp, ra hạt, nuôi sống cả đời người.

Mối tình của Pó và Y Dênh cứ thế lớn lên cùng tiếng khèn, cùng quả pao bay trong nắng xuân, cùng những đêm trăng sáng ngập ngời trên nương ngô. Họ không cần thề nguyện hoa mỹ, không cần vàng bạc châu báu. Họ chỉ cần ánh mắt dành cho nhau, nụ cười bên nhau, và niềm tin rằng: mai này, dù có bão tố, họ vẫn sẽ nắm tay nhau, cùng đi trọn con đường.

3. Trong mùa ngô chín vàng trên những triền núi, khi những làn gió đầu đông bắt đầu lùa qua khe đá, tin vui lan ra khắp bản Mường Ải: Vừ Lầu Pó sẽ cưới Y Dênh. Tin ấy giống như một khúc khèn vui rộn ràng, len lõi vào từng nếp nhà, từng bếp lửa. Ai cũng bảo: đôi ấy xứng như đôi chim chào mào, như ngọn gió và áng mây, sinh ra là để tìm thấy nhau. Mấy năm qua, từ ngày hội pao đầu tiên, từ những đêm hò hẹn dưới trăng, họ đã như đôi nương ngô liền ruộng, như hai dòng suối cùng chảy về một con thác. Và giờ, lời thề trên nương hoa lan đã thành sự thật.

Tin Vừ Lầu Pó sẽ cưới Y Dênh đến với bản Mường Ai, Khâu Khắt, Huồi Hin, Pù Ninh... như cơn gió xuân thổi qua triền núi, khiến hoa đào hoa mận nở sớm, khiến người già cũng cười, trẻ con thì ríu rít chạy ra đường. Ai cũng bảo: “Hai đứa nó sinh ra là để thành vợ chồng, trời đất se duyên từ thuở còn cầm pao ném ngoài bãi hội rồi.”

Đêm ấy, sau ngày hội cuối mùa, trăng sáng như gương treo giữa núi, Pó và mấy người bạn lặng lẽ “kéo vợ”. Khi bạn bè giữ tay Y Dênh dẫn về nhà trai, Pó vừa đi vừa hồi hộp nhìn nàng. Y Dênh không kêu, không chống cự, chỉ cúi đầu, đôi má ửng hồng như hoa ban. Anh trắng phủ xuống mái tóc nàng, long lanh như sương.

Khi đã yên chỗ trong gian nhà gỗ, lửa bập bùng cháy, bạn bè trêu Pó:

– Ê Pó, từ nay phải bỏ khèn để ôm vợ thôi nhé!

Cả đám cười ồm lên, tiếng cười lan ra cả sân.

Pó gãi đầu, mặt đỏ bừng:

– Các cậu cứ nói mãi. Người ta còn chưa là vợ chính thức...

Y Dênh cúi mặt, bím tóc rủ xuống che nụ cười e thẹn. Trong ánh sáng bếp lửa, nàng chỉ khẽ nói một câu, giọng nhỏ như hơi gió:

– Em không sợ. Em tin anh.

Nghe vậy, tim Pó như có tiếng khèn ngân lên. Anh không đáp, chỉ ném thêm củi vào bếp, ánh mắt nhìn sang đây biết ơn.

Sáng hôm sau, mẹ Pó gọi con trai lại, giọng bà vừa nghiêm vừa ấm:

– Lầu Pó à, lấy vợ là chuyện lớn. Con phải biết thương nó, như cha con ngày xưa thương mẹ. Con đừng để nó phải tủi thân trong gian bếp lạnh, nghe chưa?

Pó gật đầu chắc nịch:

– Con hứa, mẹ ạ. Y Dênh sẽ không bao giờ phải khóc một mình.

Bà mẹ nhìn sang Y Dênh, khẽ cầm tay nàng:

– Con gái, từ nay đã thành dâu họ Vừ, con hãy thương chồng, kính cha mẹ chồng. Nhà ta không giàu, nhưng chỉ cần vợ chồng biết thương nhau, thì núi cũng hóa mềm.

Y Dênh rung rung gật đầu:

– Con hiểu, mẹ ạ.

Mấy ngày sau, đoàn mỗi nhà trai gửi rượu, thịt gà, thịt lợn và tấm vải lanh mẹ Pó đã dệt mấy mùa đông, lên đường đến nhà gái. Ông mới hát vang:

– Người từ núi khác sang bản, chẳng mang gió, chẳng mang mây, chỉ mang tấm lòng, mang duyên đất trời, xin cha mẹ cho đôi trẻ nên vợ nên chồng.

Nhà gái đáp lại bằng câu hát giao duyên, rồi rót rượu, thử thách ông mới, nhưng rượu vừa rót đã cạn, tiếng cười át cả tiếng hát. Cha mẹ Y Dênh trong lòng từ

lâu đã ung, chỉ làm lễ cho trọn phong tục. Cuối cùng, ngày cưới được định, cả bản háo hức đợi chờ.

Ngày ấy, trời như cũng vui, nắng dát vàng trên những triền ngô, tiếng khèn vang dậy từ sáng tinh mơ. Nhà trai mỗ lợn, nấu rượu, bày cỗ ê hề. Nhà gái cũng chuẩn bị chu đáo để tiễn con gái về nhà chồng.

Đoàn rước dâu đi trong tiếng sáo, tiếng khèn. Pó đi đầu, vai đeo túi vải, ánh mắt sáng rỡ. Đến sân nhà gái, mẹ Y Dênh dặt tay con ra, nước mắt chảy mà miệng vẫn cười:

– Con à, từ nay về nhà người ta, phải biết thương chồng, biết giữ lửa bếp nhà. Ở đâu cũng có khó, nhưng lòng người mới là chốn ở.

Y Dênh ôm chặt lấy mẹ, giọng nghẹn:

– Con nhớ lời mẹ. Nhưng mẹ ơi, con tin Pó, anh ấy sẽ không để con khổ.

Nghe thế, Pó bước lại, chấp tay cúi đầu trước mẹ vợ, nói thật rành rọt:

– Con xin hứa, sẽ thương Y Dênh cả đời, như thương chính mạng sống mình.

Cha Y Dênh gật đầu, giọng trầm:

– Được thế thì ta yên lòng gả con gái. Núi cao không ngăn được lòng người. Từ nay, hai đứa là một.

Đoàn rước dâu trở về trong tiếng hát, tiếng chúc mừng. Dọc đường, trai gái bản khác chặn lại, hát đối, đòi rượu, đòi quà. Bạn Pó cười khanh khách:

– Nay Pó, có nhớ mấy năm trước chính anh cũng chặn người ta để lấy rượu không? Giờ đến lượt bị chặn đấy!

Pó cười to:

– Được, hôm nay ta mời hết! Ai muốn uống cứ uống cho say, miễn đừng say hơn chú rẻ này thôi!

Tiếng cười lại rộ lên, hòa vào tiếng khèn réo rắt.

Về đến nhà trai, lễ vào tổ tiên được cử hành. Ông thầy cúng khấn:

– Hôm nay, nhà họ Vừ rước dâu mới, xin tổ tiên chứng giám, cho đôi trẻ thuận hòa, con cháu đầy đàn.

Pó và Y Dênh cùng nâng chén rượu giao bôi. Pó nhìn vào mắt nàng, thì thầm:

– Từ nay em là vợ anh. Dù bão tố hay nắng hạn, anh cũng che chở cho em.

Y Dênh đáp khẽ, mắt trong veo như suối:

– Chỉ cần có anh, cơm chấm muối cũng thành ngọt, áo vá vai cũng thành ấm.

Tiệc cưới mở ra rộn ràng, bạn bè chúc tụng, người già nâng chén, trẻ con chạy đùa. Một người bạn của Pó lại ghé tai anh trêu:

– Từ mai, Pó không còn là trai bản đi ném pao nữa đâu. Khèn chắc cũng ít thổi thổi, để lo già ngô cho vợ đấy!

Pó bật cười, đưa mắt nhìn Y Dênh:

– Khèn ta vẫn thổi, nhưng chỉ thổi cho một người nghe thôi.

Nghe vậy, Y Dênh bẽn lễn quay đi, nhưng khóe môi khẽ cong lên.

Đêm xuống, nhà yên ắng. Trăng sáng trải bạc qua khe cửa, chiếu lên tấm chăn lạnh mới dệt. Pó ngồi xuống bên Y Dênh, bàn tay run rẩy nắm lấy bàn tay mềm ấm.

Anh nói nhỏ, giọng chân thành đến mức chính mình cũng xúc động:

– Em à, đời anh chưa bao giờ có gì quý hơn khèn, hơn súng. Nhưng từ nay, thứ quý nhất là em.

Y Dênh ngược nhìn anh, mắt long lanh như giọt sương đầu ngọn cỏ:

– Còn em, từ khi mười lăm tuổi, lòng em đã có anh rồi. Giờ thì chẳng còn gì phải chờ nữa.

Ngoài kia, gió núi thổi qua mái nhà, mang theo hương ngô chín. Trong gian nhà nhỏ, hai trái tim hoà cùng một nhịp, hạnh phúc bình dị mà ngọt ngào như tiếng khèn vang vọng giữa đêm trăng núi rừng.

4. Những ngày sau đám cưới, căn nhà nhỏ của Vừ Lâu Pó rộn ràng tiếng chày giã ngô, tiếng cười trong veo của Y Dênh. Gian bếp luôn đỏ lửa, mùi cơm ngô quyện hương khói gỗ phơi thơm nồng. Mỗi buổi sáng, Y Dênh dậy sớm nhóm bếp, nấu bữa ăn cho cả nhà, rồi cùng mẹ chồng ra nương. Pó, sau khi ăn cơm, thường khoác súng kíp lên vai, dắt dao vào lưng, đi họp với du kích hoặc tuần tra biên giới. Nhưng đầu bận đến mấy, sáng nào anh cũng dành một lúc ngồi bên vợ, uống bát nước nóng, dặn dò vài câu vụn vặt.

– Em nhớ coi chừng cái nương ngô đầu bản nhé, – Pó nói, tay vuốt nhẹ bím tóc vợ, – bọn phi thỉnh thoảng vẫn lảng vảng, thấy không có ai chúng nó hay cắt trộm ngô non.

Y Dênh nhìn chồng, ánh mắt dịu dàng nhưng kiên quyết:

– Anh đừng lo. Em giữ được nương ngô mà. Anh chỉ cần đánh cho bọn phi không dám bén mảng tới bản là em yên lòng rồi.

Câu nói của Y Dênh như tiếp sức, để mỗi lần Pó ra đi, lòng anh không vương bận. Nhưng Pó vẫn nhớ, đêm nào trở về, thấy ngọn đèn dầu hồng soi sáng cửa sổ, bóng dáng vợ thấp thoáng bên khung cửa, tim anh lại run lên, vừa hạnh phúc vừa xót xa.

Cuộc sống mới trôi đi trong ấm áp. Nhưng niềm vui vợ chồng son chưa dài, bóng dáng phi đã lờn vờn ngoài biên giới. Chúng núp trong rừng, tìm cách quấy phá bản làng, cướp gà, bắt lợn, thậm chí giết cả người đi rẫy. Những tin dữ dội dập vào bản như cơn gió chướng. Đêm họp du kích, Pó đứng lên, ánh mắt sáng bừng trong ngọn đuốc:

– Chúng ta không thể để phi hoành hành. Đây là đất của ông cha ta, là nương ngô, nương lúa của vợ con ta. Nếu ta không đứng lên, mai này con cháu sẽ chỉ còn núi trọc và nước mắt.

Anh em du kích siết chặt tay nhau, hứa cùng nhau chiến đấu. Thế nhưng sau những cuộc họp rộn rã, khi về nhà, Pó lại thấy đôi mắt Y Dênh đỏ hoe. Nàng không khóc trước mặt chồng, nhưng đôi khi, khi anh bước vào, còn thấy vội lau nước mắt.

– Em lại khóc à? – Pó khẽ hỏi, giọng đầy thương mến.

– Không đâu, – Y Dênh cố cười, – em chỉ sợ... một ngày nào đó anh đi mãi không về.

Pó siết chặt tay vợ, ánh mắt nghiêm nghị mà dịu dàng:

– Em nghe này, nếu một ngày anh ngã xuống, thì anh cũng ngã xuống để bảo vệ em, bảo vệ bản này. Nhưng anh tin, khi đánh cho chính nghĩa, đất trời sẽ phù hộ. Em phải tin anh.

Y Dênh nép vào ngực chồng, nghe tiếng tim đập rộn ràng. Nàng biết không thể giữ Pó ở nhà, bởi tình yêu với bản làng đã ăn vào máu anh như dòng suối ngầm vào lòng núi.

Những trận đánh đầu tiên diễn ra trên dãy Tà Khum. Du kích trong tay chỉ có súng kíp, dao, nỏ, chông tre và bẫy đá, nhưng lòng người thì vững như vách đá. Pó dẫn đầu, chọn chỗ hiểm đặt bẫy. Đêm xuống, cả đội nằm phục dưới lùm cây, nghe tiếng chân phi lạo xạo. Một viên du kích thì thào:

– Anh Pó, chúng nó đông quá...

Pó đặt tay lên vai bạn, giọng thì thầm mà chắc nịch:

– Đông cũng thế thôi. Đây là đất của ta, núi này che chở ta. Đợi hiệu lệnh, ta đánh.

Cuộc phục kích kết thúc trong tiếng nổ bật, tiếng đá lăn ào ào, tiếng hò reo vang động núi rừng. Bọn phi hoảng loạn bỏ chạy, để lại súng đạn rơi rớt. Khi anh em gom chiến lợi phẩm về, cả bản ùa ra đón, reo vui như ngày hội.

Tối ấy, Pó về nhà, thấy Y Dênh ngồi chờ bên bếp. Nàng chạy đến, ôm lấy chồng, đôi tay run rẩy:

– Em nghe tiếng súng, em cứ tưởng... em mất anh rồi.

Pó mỉm cười, lau giọt mồ hôi còn sót trên trán:

– Em thấy không, anh vẫn về đây, vẫn ngồi cạnh bếp lửa với em. Ngày nào anh còn thở, thì em còn có chồng.

Mẹ Pó lúc ấy cũng lại gần, chậm rãi nói:

– Các con à, đánh giặc thì phải đánh, nhưng cũng phải biết giữ mình. Nhà này cần các con, bản này cần các con, đất này cũng cần các con.

Những ngày tiếp theo, cuộc sống cứ đan xen giữa bình dị và hiểm nguy. Ban ngày Y Dênh lên nương, dệt vải, chuẩn bị cơm cho chồng và du kích. Đêm xuống, khi Pó đi tuần, nàng ngồi bên khung cửi, nghe tiếng gió ngoài cửa, lòng dấy lên trăm mối lo âu. Nhưng mỗi lần nghe tiếng bước chân anh trở về, nghe tiếng khèn khe khẽ ngân ngoài ngõ, nàng lại chạy ra, nụ cười nở bừng.

Có hôm, sau trận đánh mệt lả, Pó nằm xuống bên vợ, giọng thủ thủ:

– Em à, anh chẳng có gì quý để tặng em. Chỉ có khèn và khẩu súng. Nhưng khèn thì anh thôi cho em nghe, súng thì anh cầm để giữ yên cho em.

Y Dênh khẽ cười, vuốt mái tóc ướt mồ hôi của chồng:

– Em chỉ cần anh trở về mỗi đêm, gõ cửa gọi tên em, thế là đủ.

Trong gian nhà nhỏ, hạnh phúc thật giản dị. Một bữa cơm có thêm bát canh rau rừng cũng thành quý. Một buổi tối hai vợ chồng ngồi giặt vải dưới ánh trăng cũng hóa thơ. Nhưng chính trong những điều bình dị ấy, niềm tin càng thêm bền chặt.

Một lần khác, bạn du kích đến chơi, vừa bước vào đã cười to:

– Pó ơi, từ ngày lấy vợ, anh béo lên rồi đấy nhé. Vợ nấu cơm ngon quá chứ gì?

Pó cũng cười, đưa mắt sang Y Dênh:

– Ừ, nhờ có cơm ngon mà anh có sức đánh giặc.

Y Dênh đỏ mặt, mắng yêu:

– Các anh chỉ biết trêu thôi. Nhưng cơm có ngon cũng nhờ anh mang ngô về chứ!

Tiếng cười vang khắp gian nhà gỗ. Ngoài kia, gió núi vẫn thổi, nhưng trong nhà ấm áp như mùa xuân.

Và thế, giữa những ngày khói súng, Pó và Y Dênh vẫn giữ được hạnh phúc bình dị. Nó không phải là vàng bạc, cũng chẳng phải lễ vật xa hoa, mà chỉ là ánh mắt chờ đợi, bàn tay nắm lấy bàn tay, lời hẹn ước thì thào bên bếp lửa. Chính hạnh phúc ấy làm cho Pó thêm quyết tâm, làm cho Y Dênh thêm kiên cường, và làm cho bản Mường Ải, dù gian khó, vẫn sáng bừng niềm tin vào ngày mai.

5. Sáng sớm vùng cao, sương phủ trắng khắp các triền đồi như tấm chăn mỏng. Từ mái nhà trình tường, khói bếp vất vẻo bay lên trời rồi tan dần trong gió. Y Dênh ngồi bên khung cửi, đôi tay thoăn thoắt luồn sợi lanh qua các thanh trục gỗ. Bụng cô đã tròn như quả bí già treo gác bếp, mỗi lần cúi người là thấy nặng trĩu. Pó đi biên cương đã hơn bốn tháng, tin tức khi có khi không. Chỉ biết rằng nơi đó, gió lạnh như dao, phỉ còn lẫn khuất, trai bản ngày đêm phục kích giữ đất.

– “Con ơi, nghỉ tay đi, ăn chút gì cho đỡ mệt.”

Bà Y Xia bước vào, tay còn lấm khói than. Giọng bà vừa nghiêm vừa thương, như người đã trải qua mấy chục năm sương gió rêu cao.

– “Mẹ, con quen rồi. Không làm gì lại thấy bồn chồn. Cái khung này, Pó gọt từng thanh trước khi đi đó.”

Bà ngồi xuống, đưa tay sờ bụng dâu:

– “Con còn ít ngày nữa là tới. Phải giữ sức, đừng ham việc. Con trai nhà này về thấy vợ héo hon thì xót.”

Y Dênh cười khẽ, nhưng mắt hơi đỏ. Từ ngày cưới về làm dâu, cô chỉ mong có một mái nhà yên ổn. Cái đám cưới ma năm ấy như một đoạn dây mơ hồ nối phận người với phận ma, nhưng rồi bằng sự kiên định của Pó, họ đã có nhau thật sự. Nay lại thêm mầm sống, lẽ ra phải tròn đầy, chỉ tiếc bóng chồng mịt mù nơi xa.

Đêm đến, gió rít qua khe vách, tiếng cú đêm vọng về từ đầu bản. Y Dênh trở mình không ngủ được. Đứa con trong bụng đập khẽ như biết mẹ đang buồn. Cô vỗ về:

– “Cha con đi đánh phi, giỏi lắm. Con ngoan, đừng ra sớm, chờ cha về nhé...”

Ngày chuyển dạ đến trong một buổi chiều nhiều mây. Bản vừa nhóm lửa ăn cơm, Y Dênh bỗng đau bụng dữ dội. Bà Y Xia chạy vội sang nhà hàng xóm mượn dây lanh đỏ, nồi nước nóng, ít lá thuốc. Cả bản Mông quen chuyện này, nhưng lần nào cũng hồi hộp như mới. Đàn ông bị đuổi ra ngoài, chỉ còn phụ nữ quay cuồng bên sản phụ.

– “Ráng lên, con. Hít sâu, nắm chặt dây lanh, đừng buông!” – bà Xia động ven con dâu.

– “Mẹ... con sợ... đêm dài quá.”

– “Để xong là vui, nhớ nghĩ đến Pó, nhớ nghĩ đến con trai con!”

Tiếng mưa rơi lộp độp trên mái gỗ. Gió lạnh lùa qua khe cửa, mang theo mùi đất rừng ngai ngái. Đêm ấy dài như cả mùa. Khi gà rừng gáy canh đầu, một tiếng khóc vỡ òa. Bé trai đỏ hỏn, da còn nhăn, tay bé bằng hai ngón út. Bà Xia đón lấy, nước mắt rung rung:

– “Là cháu trai rồi! Tổ tiên chứng cho nhà này có đích tôn!”

Y Dênh mệt lả, cố nở nụ cười:

– “Pó ơi, con của anh... ra đời rồi!”

Ba ngày đầy cữ, bà Xia mổ gà đen, nấu rượu ngô, thắp hương tổ tiên. Bản đến chúc, kẻ mang trứng, người mang mật ong, ai cũng tâm tặc:

– “Giống cha như in, mũi cao, trán rộng. Chỉ thiếu cha thôi!”

Đứa bé chưa có tên, mọi người tạm gọi Nho Tỏ – nghĩa là “đợi chờ”. Y Dênh bế con, ngón tay lướt qua má nó, lòng vừa hân hoan vừa se lại.

Còn ở nơi biên cương, Pó cầm súng phục kích suốt đêm. Gió quất như roi, bông lau cắt mặt. Anh mang theo miếng vải lanh vợ dệt, mỗi đêm nằm đều lôi ra ngắm, khẽ thì thầm:

– “Không biết Y Dênh giờ này ra sao rồi...”

Bạn chiến đấu bảo:

– “Xong trận này, phi tan, về nhà đi. Con mày giờ chắc đã ra rồi!”

Cuộc giao tranh cuối cùng diễn ra dưới chân núi Phá Khao nằm sát ngay đường biên giới. Đạn nổ, khói bụi mù, nhưng rồi quân phi bị đẩy lùi. Pó trầy trụa khắp người, nhưng mắt sáng như lửa:

– “Đợt này quân mình không bị hao anh em lấy hết súng đạn của bọn chúng đưa về trại!”

- Tất cả được 7 khẩu anh ạ.

- Tốt! Lần này, Hạ Nênh cùng 4 cậu nữa ở lại chốt nhé. Nhớ phải hết sức cảnh giác, rất có thể bọn phi sẽ quay lại báo thù.

Hôm sau Pó về, trời xuân quang đãng, sương giăng nhẹ như khói. Từ dốc bản, tiếng trẻ con reo:

– “Anh Pó về! Anh Pó về rồi!”

Y Dênh đang hong tã vải, nghe tiếng, tim đập loạn. Cô vợ ôm Nho Tô, chạy ra đầu ngõ. Bà Xia lẽo đẽo theo sau, vừa khóc vừa cười. Pó gửi súng, mặt sạm nắng, vết sẹo dài bên vai. Thấy vợ con, anh sững lại, rồi bước dài tới.

– “Y Dênh! Con ta đây ư?”

– “Anh... nó là con trai, giống anh lắm.”

Họ ôm nhau giữa sân, khói bếp từ nhà hàng xóm lan tới, quyện với mùi đất ẩm, mùi sữa trẻ thơ. Đám trai bản cười ầm:

– “Thôi thôi, để bố nó bế con đã!”

Pó đỡ con, bàn tay thô ráp run run. Thằng bé mở mắt nhìn cha, miệng ư ừ. Anh bật khóc:

– “Cha về rồi, con trai của cha...”

Đêm đoàn tụ, bếp lửa cháy hồng. Bà Xia bung ra bát cháo gừng, nồi rượu ngô bốc hơi.

– “Pó, con uống đi. Đêm nay nhà mình đủ rồi: vợ, chồng, con.”

Y Dênh ngồi bên, tay đan lấy tay chồng.

– “Anh có biết em sợ thế nào không? Có đêm em tưởng mình không chờ được...”

– “Anh cũng sợ chứ. Mỗi lần nghe súng, anh chỉ nghĩ: phải sống, còn vợ, còn con chưa kịp gặp.”

Bà Xia cười, nhưng giọng lặng lẽ:

– “Khó mấy cũng qua. Đứa trẻ này là quả ngọt của hai con. Chăm nó, rồi bản này sẽ có tiếng cười.”

Pó gật đầu, nhìn con ngủ trong vòng tay:

– “Tên nó, ta đặt là Páo Lử – nghĩa là trời quang sau bão. Được không?”

Y Dênh khẽ gật, mắt uơn ướt:

– *“Em thích. Bởi vì chúng ta đã qua bão, mới có ngày hôm nay.”*

Từ hôm đó, tiếng khèn của Pó lại vang lên, nhưng không còn réo rắt gọi đôi lứa như trước. Tiếng khèn giờ ngắn, trầm, như lời ru con ngủ, như khúc tâm sự gửi về phía rừng biên còn đầy bóng phi. Mỗi khi hoàng hôn trườn qua dãy núi, Pó chỉ thổi vài nốt lặng, rồi dừng, tai vẫn ngóng tiếng động lạ ngoài ngõ. Páo Lử nghe rồi ngủ say trong chăn bông cũ, Y Dênh ngồi se lanh bên bếp, bà Xia hong mấy bắp ngô khô, cả nhà gói mình trong khói ấm mà lòng chẳng lúc nào yên.

Ngoài kia, bản xa vẫn vọng về tiếng tù và báo động. Lúa nương mới bén rễ, trâu bò vừa đưa lên rẫy cao, trai bản luôn thủ sẵn súng kíp, gùi đạn dự phòng. Đêm gió lùa, Y Dênh ghi chặt con, mắt nhìn ra khoảng tối:

– *“Anh này, đêm nay nghe tiếng chó sủa xa quá...”*

Pó khẽ gật, đặt khèn xuống, tay vô thức rà lại nòng súng:

– *“Ngủ đi, có gì anh dậy trước. Phi chưa tan đâu.”*

Bình yên đến với họ, nhưng chỉ như lớp sương mỏng phủ trên rừng đá tai mèo: ẩn sau đó, gió vẫn rình rập, mây vẫn lẩn quẩn trên đóc biên. Ba con người trong gian nhà trình tường nhỏ ấy không dám mơ lễ hội, chỉ mong ngày mai trời còn lặng, ruộng còn nguyên, đường còn yên cho khèn lại vang giữa nắng.

Bỗng từ ngoài sân, tiếng liên lạc viên vọng khản:

– *“Pó ơi! Phi vừa vượt mốc đá!”*

Khói bếp còn vương, Pó vội buông thẳng bé, vươn người lấy khẩu súng, tay vẫn thơm mùi sữa con. Anh nhìn Y Dênh – mái tóc rối bời, vòng tay ghi chặt tay con, mắt chực ướt nhưng môi mím chặt.

– *“Anh... lại đi sao?”* – Y Dênh khẽ buông, giọng như gió đêm lùa qua vách.

Pó bước lại, bàn tay thô ráp đặt lên vai vợ:

– *“Anh đi, để ngày mai bản này còn khói, còn lúa, còn tiếng con khóc. Nếu ta giữ được biên, ta giữ được tất cả.”*

Bà Xia bước ra, tay cầm con dao nhỏ đã quen theo chàng trai từ thuở mới lập đội:

– *“Cận thân đấy con”*

Pó không nói thêm, khoác súng ngang vai, bước ra hiên. Tay anh nâng tù và bằng sừng trâu, áp lên môi. Một luồng hơi dài xé màn sương, bay qua vách núi, vọng vào các bản bên - tiếng gọi của núi rừng, tiếng gọi của người giữ đất.

Trong nhà, Y Dênh ghi con vào lòng, lửa bếp đỏ quạch mà lạnh hơn sương đầu núi. Cô biết, mỗi tiếng tù và như vậy là mỗi lần chồng mình xa hơn, nhưng cũng là mỗi lần bản làng thêm một ngày yên. Đứa trẻ ngủ im, không biết cha vừa rời hiên nhà, để lại khèn còn ấm bên vách.

Chương 7

1. Năm 1950, sau khi Tiểu đoàn 265 đóng quân ở Na Ngoi rút quân về Nghi Lộc huấn luyện, vùng biên giới như con thú bị thương, đầy mùi máu và khói. Đường mòn từ Mường Xén đi Mường Ải, Na Ngoi, Mường Lống, Mỹ Lý, Hữu Kiềm bỗng thưa tiếng người. Những căn lều nửa trồng hoác, không một bóng người. Gió đầu đông lùa qua rừng đá tai mèo, buốt như lưỡi dao cứa vào da thịt.

Bọn phi nắm được tin bộ đội chủ lực đã rút, liền ồ ạt tràn sang biên giới, đi theo lối mòn, lối sương, bủa vây khắp các bản. Chúng mang theo súng trường, lựu đạn, cả những bao vải nhồi đầy muối trắng, vải thổ cẩm, và những lời hứa đầy nọc độc: “Về với Vàng Pao, bản sẽ no, nương sẽ xanh, tha hồ vải, muối. Theo cộng sản, chỉ có đói, chỉ có chết.” Những lời ấy, nhiều đêm, vang trên gió, lẫn vào tiếng chó sủa, làm bà con mất ngủ.

Có những người yếu lòng, sợ máu đổ trên ngưỡng cửa, sợ hũ thóc cạn đáy, nên chạy sang phía bên kia. Có người không chạy, nhưng mắt lấm lét, cửa chỉ khép nửa. Trong đêm, bọn phi tìm đến, dúm vào tay một gói muối, một nắm bạc trắng. Rồi hôm sau, chính kẻ ấy chỉ đường cho chúng. Tin dữ lan đi: Chủ tịch xã Vũ Phay Chia bỏ bản, mang cả con cháu xã Mường Lống theo phi. Máy cán bộ Hữu Kiềm, Mỹ Lý cũng nổi gót. Bản làng rối ren, chính quyền một số nơi như tê liệt.

Đội du kích Mường Ải chao đảo như con thuyền mất chèo giữa dòng lũ. Lương thực khô cạn. Những bao gạo ít ỏi từ vụ mùa vừa qua không còn gùi ra được nữa. Bà con muốn giúp, nhưng lưng ai cũng đeo gánh nặng: phi đốt phá, chúng rình rập từng nẻo đường. Thóc chưa kịp khô, đã phải chôn xuống hầm để khỏi bị vơ vét. Đêm xuống, lửa nương không dám cháy, sợ lộ khói.

Pó ngồi trên tảng đá trong hang núi, ánh đuốc lập lòe hắt lên khuôn mặt rần rỏi, đôi mắt hần tia máu. Mới mùa trước, anh còn ôm đứa con trai đầu lòng, nghe tiếng khèn như tiếng ru. Giờ, khèn lặng, tù và treo bên vách, mà tai chỉ nghe tiếng bước chân giặc, tiếng rừng rên.

– Anh em không thể trụ giữa Mường Ải nữa – Pó nói, giọng trầm nhưng dứt khoát.

– Nếu còn nần ná, chúng ta bị vây cả ba bề. Phải rút về Huồi Pà. Ở đó, núi cao, khe sâu, đường hiểm, bản còn chưa lộ. Từ đó, ta mới giữ được lửa.

Mấy đội viên nhìn nhau, có người gật, có người còn lưỡng lự. Vũ Giống Chư, gầy như cành lau, hỏi khê:

– Rút, bà con ở lại ai giữ? Họ lại đổ sang bên kia hết thì sao?

Pó nắm chặt tay nó:

– Chính vì thế mà rút, để còn làm được việc. Vừa rút, vừa quay lại, làm tai, làm mắt, làm lời nói cho bà con. Phi có súng, ta có lòng người. Mất lòng người, súng

bao nhiêu cũng thua. Ta tin ở bà con Mường Ải, họ không cúi đầu, họ không đi theo giặc, thà chết cũng bám bản.

Đêm đó, cả đội rời Mường Ải. Họ gửi trên vai không chỉ mấy bao gạo, mấy hòm đạn, mà còn những câu hẹn chưa kịp nói với vợ con. Pó quay lưng khỏi lối về bản, ánh lửa lụi sau lưng, Y Dên và con trai Páo Lữ còn ngủ say. Bà Xia chắc vẫn hong ngô bên bếp. Anh siết quai súng, nuốt tiếng thở dài.

Đường lên Huồi Pà gió quẩn như ma rùng. Dốc dựng đứng, đá sắc như răng cộp. Có nơi phải bò, có nơi phải lội qua khe nước lạnh buốt đến tận tim. Nhưng Pó đi đầu, vai sừng trâu đeo tù và, lưng áo ướt mồ hôi, không ngoảnh lại.

Ba ngày sau, đội tới được Huồi Pà. Bản nằm nép dưới chân núi đá vôi, bốn bề là khe sâu, lối vào chỉ một con đường độc đạo. Dân ở đây còn giữ được mái nhà, còn tin, nhưng ánh mắt cũng đã vẫn đục lo âu. Bọn phi chưa mò tới, nhưng tiếng của chúng đã lọt qua gió: “Đừng chứa cộng sản, họ chỉ đem tai họa về bản.”

Ngày hôm đầu, Pó tập hợp toàn đội, vẽ kế hoạch.

– Một nửa anh em do Giống Chư dựng lán, đào hầm, giữ căn cứ. Một nửa do tôi và Lia Tu phụ trách chia nhau xuống các bản: giúp bà con vá mái, phát nương, dựng lại hàng rào. Không chỉ giúp bằng tay, mà bằng miệng. Hơn lúc nào hết, anh em ta phải hiểu rằng: ai nuôi chúng ta bây giờ? Là dân. Ai giữ đất này? Là dân. Dân bỏ, chúng ta cũng chỉ là lá khô. Vì vậy, bằng mọi giá phải giữ dân. Phải nói cho bà con hiểu, không nghe, không tin, không theo phi.

Từ hôm ấy, những đội viên Đội du kích Mường Ải thành những người đi bản, tay cầm cuốc, tay cầm khèn, vai đeo súng. Sáng sớm, họ xuống khe, gửi nước giúp bà mẹ góa chồng. Trưa, họ vào rẫy, đỡ lúa ngã. Chiều, họ nhóm bếp cùng trai bản, kể chuyện bộ đội chủ lực đang ở Na Ngoi, hứa hẹn ngày trở lại. Ban đêm, Pó cùng các đội viên đi từng nhà, ngồi bên bếp, nói với những người già:

– Phi cho muối, nhưng chúng cướp lúa. Phi hứa sống, nhưng chúng bán cả trẻ con. Ai giữ bản này nếu không phải là ta?

Có người im lặng. Có người hỏi vặn:

– Thế bộ đội đâu? Sao họ bỏ dân mà đi? Chúng tôi chỉ thấy các anh gầy như lá ngô.

Pó rót chén nước, uống một hớp, giọng trầm:

– Bộ đội còn. Họ đang đi huấn luyện, lấy thêm súng, đạn, sắp lên rồi. Cờ Tổ quốc còn đây, ở trong ngực chúng ta. Đất này còn, ngày mai cờ lại bay. Du kích không sợ phi, về đây giữ bản, giữ dân.

Dần dần, bản Huồi Pà lại có tiếng khèn trong đêm. Nhưng không phải tiếng khèn hội như những mùa trước, mà là tiếng khèn gọi nhớ: nhớ ruộng chưa gặt, nhớ con chưa thôi nô, nhớ đất chưa yên.

Trong căn lán mới dựng, Pó mở túi vải, lấy ra chiếc khăn vải lanh Y Dên gửi theo Lia Tu. Chữ thêu xiêu vẹo: “*Anh giữ núi, em giữ nhà.*” Bên cạnh, Lia Tu thì

thào:

– Vợ anh khéo tay quá. Bà Xia bảo anh về sớm, lúa năm nay lên tốt.

Pó mỉm cười, vuốt nhẹ chiếc khăn, rồi gấp lại, cài vào túi ngực. Ánh đuốc bên ngoài hắt vào khe lán, gió rít qua khe đá, mang theo tiếng tù và xa lác của một bản khác đang báo động. Anh quay ra, nhấc súng, giọng lạc đi:

– Mai chúng ta đi Khâu Khất, nghe nói dân đi theo phi nhiều. Đêm nay, ai mệt thì ngủ. Ngày mai, không chỉ đi đánh, mà đi giữ dân.

2. Đêm Huồi Pà buông xuống sớm hơn vùng Mường Ai. Rừng núi trùm bóng tối như tấm chăn ấm, sương từ khe bò lên đặc quánh. Trong gian nhà sàn của già bản Pòn Luống, bếp lửa bập bùng, khói cay xè. Pó ngồi trên chiếc ghế gỗ nhỏ, khẩu súng dựng bên cạnh, chiếc tù và đặt sát mép cửa. Anh nói, giọng khàn nhưng chắc:

– Chúng ta không mang vàng, không mang muối đến. Chỉ mang lưng áo và đôi tay. Nhưng lưng áo này gửi lúa về cho bản, đôi tay này sẽ vác súng giữ rẫy. Ai ở lại, ai bỏ đi, bà con tự chọn.

Già bản Pòn Luống hít một hơi thuốc, gõ cái tẩu xuống thanh củi, khói phụt ra như sương mỏng:

– Lời anh Pó nói tôi nghe xuôi tai. Nhưng bọn kia, chúng có muối, có tiền. Chúng hứa ai theo chúng, không phải đi phu, không phải nộp thóc. Anh bảo tôi già rồi, giữ đất này làm gì nếu mai nó cháy?

Pó ngược nhìn già bản, đôi mắt mờ nhưng sáng:

– Giữ cho con, giữ cho cháu. Nếu đất này mất, muối kia cũng thành đắng. Phi hứa no, nhưng no trên xương máu ai? Trẻ con bản Mỹ Lý đó, chúng giết không chừa đây.

Cạnh cửa, một người đàn ông trẻ, mặt đỏ hoa, chen vào:

– Pó nói hay. Nhưng bộ đội đâu? Súng đâu? Chúng tôi thấy phi có súng, có lựu đạn. Các anh chỉ có vài khẩu súng cũ, vài cái nỏ. Lỡ chúng kéo lên, các anh bỏ chạy nữa thì sao?

Câu hỏi như mũi giáo quất thẳng vào lòng Pó. Anh đứng lên, gạt than, để ánh lửa hắt vào mặt:

– Chúng tôi không chạy. Nếu chạy, đã không dựng lán ở Huồi Pà này. Bộ đội sẽ lên, nhưng chưa phải lúc. Muốn bộ đội có đường về, phải giữ lửa ở đây. Lửa tắt, rừng lạnh, cò cũng bay mất. Bộ đội không biết đường tìm về.

Một lát im lặng nặng nề. Gió luôn khe cửa, khói dạt ra ngoài. Rồi bà Phấn, vợ già Pòn Luống, đặt chỗ xôi ra giữa sàn cùng với bát chèo mắc khén:

– Ăn đi đã. Người có bụng no mới giữ được bản.

Từ đêm đó, Pó và mấy đội viên thay phiên nhau đi từng nóc nhà. Có nhà im im không mở cửa, chỉ có tiếng trẻ khóc. Có nhà mời vào, nhóm bếp, chia nhau bát ngô bung. Có đêm, họ đi về đến lán, mưa ngấm lạnh đến xương, nhưng sáng sớm lại

vác cuốc ra nương. Họ giúp bà con đắp lại bờ ruộng bị lũ xói, vá chuồng lợn, gùi ngô về kho. Mồ hôi thấm xuống đất, thay cho lời hứa.

Ở bản Chèng, có chàng trai tên Lý Mũa Chò, trước từng theo Pó, khi bị thương Pó đã từng công nó về lán, nay bị phi dụ dỗ. Hắn đem muối về chia cho bản, miệng rêu rao:

– Theo phi, không thiếu ăn. Theo Pó, chỉ có đói và chết.

Pó nghe tin, lập tức tìm Chò. Gặp nhau ở ven khe, Pó không giận, chỉ hỏi:

– Muối ngon không?

Chò cười nhạt:

– Ngon. Mặn như máu người chết vì anh.

Pó trầm giọng:

– Máu ấy, mày cũng đang mang trên tay. Nhưng máu ấy không đỏ, thì đất này mất. Chò, mày ăn muối hôm nay, mai chúng nó bắt mày nộp chị gái, bắt em trai mày đi phu, mày có chịu được không? Cha mẹ mày và bị bọn chúng bắn chết trên nương đấy. Mày không hận sao?

Chò im lặng, cúi đầu. Nước khe chảy róc rách giữa hai người. Pó không nói thêm, chỉ gùi bó củi về lán. Vài hôm sau, Chò đem bao muối ra suối, đứng giữa bản nói to:

– Giàng ơi, con sai rồi, con trả muối cho phi. Con theo Pó quyết giữ đất.

Cái tin ấy lan đi như lửa bén cỏ khô. Có người vững lòng lại, có người vẫn còn ngờ vực, nhưng không ai dám nói công khai ủng hộ phi nữa.

Trong những đêm rảnh hiêm hoi, Pó lại ngồi một mình, lấy ra mảnh vải lanh Y Dênh thêu chữ. Lửa bập bùng hắt bóng lên vách, gió rừng hú trên đỉnh. Anh viết dở một bức thư bằng than: “*Dênh à, núi lạnh lắm. Con ngủ chưa? Anh về chậm, nhưng sẽ về.*” Viết xong, giấy cháy rụi, anh không gửi đi, sợ lộ dấu, sợ vợ mong.

Bà con Huồi Pà bắt đầu tin hơn. Những đứa trẻ theo chân du kích ra bờ suối, nhạt cười. Những bà mẹ nấu thêm nồi cháo, bảo:

– Ăn đi, người giữ bản phải có cái bụng no.

Đội du kích tranh thủ mọi cơ hội để làm dân vận: họ thôi khèn ở đầu bản, không phải gọi hội, mà gọi lòng. Tiếng khèn cũ, nhưng điệu khác: chậm, trầm, như kể chuyện bản mình, rầy mình, máu mình đổ để đất còn. Đêm ấy, có cụ già rung rung:

– Nghe như tiếng gọi người chết về.

Pó đáp:

– Không, đó là tiếng gọi người sống đứng dậy.

Công việc chưa hết gian nan. Đầu tháng sau, bọn phi rải truyền đơn: “*Ai chứa du kích, chúng tao chém cả nhà.*” Một số người sợ, lén lút dắt trâu bò sang bên kia.

Nhưng nhiều người lại càng ghét, càng giữ:

– Chúng cướp con tôi, tôi theo du kích quyết giữ nương tôi.

Những hạt giống của niềm tin bắt đầu nảy giữa đất đá. Huồi Pà trở thành hạt nhân. Pó báo cáo ra huyện:

– Bản này giữ được, cả dải biên sẽ còn.

Tối ấy, anh ra bãi cỏ, nhìn về hướng Mường Ải. Gió từ bên kia biên thổi qua, mang theo mùi khói lạ. Anh nghĩ tới Y Dênh, tới Páo Lử. Lúc đó, dưới sân, Lia Tu – cậu liên lạc gan dạ và xông xáo nhất hỏi:

– Đội trưởng, bao giờ thì đánh lại?

Pó chỉ vào ngực:

– Khi dân không còn sợ nữa. Đánh mà dân sợ, là thua.

3. Sáng đó, màn sương còn giăng kín dốc đá, rừng Tà Khum như một biển khói bạc lặng im. Chỉ có tiếng gió rờn rợn luôn qua tán pơ mu và hơi đất ẩm ngai ngái báo hiệu một ngày chẳng lành. Liên vin Lầu Lia Tu hốt hải vào lán:

– Anh Pó! Chúng đến rồi! Khói từ khe Pà!

Tiếng tù và được Pó chụm tay thổi dài, vang qua dốc, dội xuống khe. Từng hồi như xé rách màn sương. Từ các lều lán, đội viên nhảy ra, áo còn vương khói bếp. Ai nấy cảm sùng, nổ, có người chỉ có dao quắm, gậy tre.

Toàn đội đã chỉnh tề, Pó giõng dục, tay chỉ hướng đầu nguồn khe Pà:

– Theo lối đèo Khâu Khất! Chặn ngay từ hẻm vào, không cho chúng tràn lên nương!

Họ chạy theo triền đá, luôn dưới rặng pơ mu. Từ xa, cột khói đen bốc lên, mùi thuốc súng hăng hắc. Phi chia ba ngã, vừa bắn chỉ thiên vừa bắc loa gọi:

– Ai ra hàng, ai nộp lúa, nộp muối sẽ được tha!

Bà con tản vào hang, Pó đứng chặn đầu bản. Anh ra hiệu, ba người trẻ đốt đồng cỏ khô ở bìa nương, khói cuộn cuộn, che đường dốc. Súng kíp nổ đoàng, tiếng đá lăn đổ ầm. Phi bắn loạn, nhưng không thấy người.

Ở lưng chừng núi bên kia, Giống Chư cùng ba du kích khác đặt bẫy đá. Khi tốp phi đầu tiên hẻm dưới chân núi, dây kéo bật, đá như thác trút xuống. Tiếng la hét vang cả khe. Pó thổi tù và một lần nữa: tín hiệu rút vòng ngoài.

Dưới khe suối hẹp, Lữ Mẫn cùng năm đội viên khác đã chuẩn bị sẵn bẫy chông tằm độc treo trên ngọn cây và một bãi chông được ngụy kín dưới lớp lá rừng. Gàn chục tên phi men theo dòng suối làm lũ tiến vào, chẳng hề hay biết chúng đang lọt trọn vào trận địa mai phục. Khi bọn phi vừa bước tới khúc quanh, tiếng lầy tre bật khê như tiếng sóc rừng vỡ cành. Từ trên cao, những bẫy chông ngụy trang sẵn trên ngọn cây bất ngờ lao xuống vun vút, như đàn nhím rừng xô lông. Tiếng thét xé tan màn sương đặc quánh, vãi tên gục ngã, máu loang đỏ cả bờ đá. Đám còn lại hoảng loạn dẫm đạp lên nhau, càng vùng vẫy càng mắc sâu vào bãi chông giăng kín.

Đêm buông. Bản Huồi Pà chỉ còn tro bếp âm ỉ. Pó gọi già Pòn Luống:

– Chuyển người già và trẻ con vào hang Thẩm Sứa. Đêm nay chúng tôi ở lại giữ bản. Có thể bọn phi sẽ trở lại đông hơn.

Già bản Pòn Luống gật, tay run run:

– Chỉ sợ mai chúng lại về.

Pó cười khan:

– Còn người còn đất. Còn anh em du kích chúng không thể vào bản.

Trận càn kéo dài ba ngày. Phi mang thêm quân, nhưng vướng địa hình. Ban ngày chúng quấy rối, ban đêm chúng đốt lửa, bắn súng thị uy. Đội du kích vừa chiến vừa lui, không đối đầu trực diện. Họ dùng tiếng tù và làm mồi nhử: cứ nghe tù và vang bên đông, phi kéo qua, thì bên tây Pó đã rút dân an toàn.

Ngày thứ tư, mưa đổ. Đường dốc sinh lầy, phi đói khát đành rút quân qua biên giới. Tiếng tù và bình yên cất lên trong gió. Bà con về lại nhà, nhìn ruộng nương còn nguyên, ai nấy lặng im. Rồi tiếng trẻ khóc đầu đó vang lên, như tiếng đất thổ dài.

Pó đứng trên mỏm đá, mắt đỏ vì mất ngủ. Gió từ Na Ngoi thổi qua, mang hơi nước lạnh. Anh rút tù và, thổi một hồi dài: lần này không gọi đánh, mà gọi về. Các đội viên từ khe, từ rừng, lác đác trở lại. Mặt ai cũng xám tro, nhưng tay vẫn cầm chặt súng.

Pó nhìn anh em:

– Giữ được lần một, sẽ giữ được lần hai. Nhưng không được chủ quan. Đất này chưa yên. Người còn lung lay.

Đêm ấy, anh ngồi một mình bên bếp, lấy túi vải có mảnh lanh Y Dênh ra. Trong bóng lửa, anh thì thầm:

– Y Dênh à, Páo Lử... hôm nay cha còn sống. Núi còn. Mai cha lại đi. Hôm nào hết phi cha về.

Thấy Pó ngồi trầm ngâm mãi bên bếp, mắt dờ vào đóm lửa như đang trò chuyện với chính mình, cậu liên lạc Lầu Lia Tu rón rén bước vào. Mái tóc ướt mưa còn nhỏ giọt xuống bờ vai, đôi mắt sáng ánh lên vẻ tò mò và thân tình.

– Anh Pó, – Lia Tu khẽ hỏi – hết phi rồi, anh sẽ làm gì?

Ngọn lửa hồng bập bùng soi rõ khuôn mặt gầy rám nắng của Pó. Anh khẽ mỉm cười, rồi đặt mảnh vải lanh của Y Dênh lại vào túi, giọng trầm nhưng ấm như lời thì thầm giữa núi rừng:

– Hết phi, anh sẽ đi khắp bản làng Kỳ Sơn này, Lia Tu ạ. Anh muốn cùng bà con dựng lại nương rẫy, mở đường, dẫn nước về bản. Mùa nào cũng có thóc, có ngô, không ai còn chịu đói rét. Anh còn ước, con trẻ trong bản sẽ được đến lớp, có thầy, có sách, chứ không mù chữ như chúng ta. Núi rừng phải có ngày sáng lên tiếng cười học trò, tiếng chiêng gọi hội, tiếng khèn gọi bạn tình, không còn tiếng súng nữa.

Lia Tu nghe xong, mắt long lanh như có lửa cháy trong tim. Cậu ngồi xuống cạnh anh, đưa hai bàn tay lên hong lửa, nói như reo:

– Còn em... em sẽ lấy vợ. Em sẽ làm nương cho nhiều lúa, nhiều bắp, chăn nhiều trâu, bò, ngựa. Có của ăn của để rồi, em sẽ giúp những nhà nghèo trong bản có thóc giống, có ngô giống, mùa nào cũng gieo được lúa. Nhà nào thiếu, em sẽ cho mượn trâu cày. Như thế, nhà nghèo sẽ không còn phải vay mượn, không còn bữa đói bữa no. Trẻ con thì em sẽ góp sức cùng bản dựng lớp, dựng trường, để chúng có sách vở đến học, không còn mù chữ như đời cha ông mình. Như thế, bản mình sẽ yên vui.

Tiếng cười của hai người vang lên trong gian bếp nhỏ, át cả tiếng mưa đang xối xả ngoài hiên. Đêm mưa Huồi Pà bỗng trở nên ấm lạ thường. Lời ước nguyện của họ, dù đơn sơ, nhưng sáng trong như ánh lửa bập bùng – ánh lửa của niềm tin, của một ngày mai không còn bóng phi, không còn khô đau, chỉ có sự no ấm và tiếng cười hồn hậu của núi rừng Kỳ Sơn.

Ngoài trời, mưa quét trên mái lá. Lá cờ đỏ sao vàng vẫn kiêu hãnh tung bay trong gió mưa.

4. Sau trận càn, rừng Huồi Pà lại ẩm ướt mùi lá mục. Nhà cháy rồi lại dựng, nhưng ánh mắt người còn đầy tro. Có người lẳng lặng gửi gạo xuống khe, nói là thăm họ hàng, nhưng mấy hôm sau mới thấy quay về. Có nhà bỏ trống, chỉ còn khói bếp tắt ngúm.

Pó hiểu: thắng một trận không bằng giữ được lòng người. Anh gọi các đội viên lại bên bếp.

– Đêm nay, nhóm Lữ Mẫn tiếp tục phục kích. Số còn lại, chúng ta chia nhau xuống các bản: Chèng, Khâu Khắt, Huồi Hin, Pù Ninh. Nói với bà con: phi dọa chỉ nhất thời. Người bỏ ruộng, phi mới thắng. Người giữ ruộng, đất còn. Phi thua.

Vừ Giồng Chư lo lắng:

– Họ bảo chúng ta không đủ đạn, chỉ có vài khẩu kíp, gạo, muối đã cạn. Nhiều cán bộ đã bỏ đi. Bà con sợ cũng phải.

Pó gật:

– Vì thế mới phải xuống bản. Cầm súng chỉ giữ được ngày, giữ lòng mới giữ được năm.

Đêm xuống, đoàn du kích chia nhau, mỗi tốp ba người, vai mang ít muối, ít ngô khô, thêm dao phát. Họ không mang tù và, không mang cờ, chỉ mang câu chuyện. Pó và Lia Tu dẫn một nhóm về Huồi Hin, nơi có mười nóc nhà vừa bỏ trống.

Trong căn nhà sàn còn mùi khói, anh tìm thấy bà mẹ trẻ ngồi ôm con bên bếp. Ánh mắt chị như lửa âm ỉ:

– Các anh cứ bảo ở lại, lỡ phi nó kéo lên thì ai chịu chết đây? Nhà tôi cháy mất nửa mái rồi!

Pó ngồi xuống, gỡ nón:

– Cháy nửa mái còn hơn cháy cả rừng. Bà con bỏ đi, ruộng ai gặt? Rừng ai giữ? Phỉ nó không mang lúa đâu. Nó chỉ mang súng. Chị yên tâm, phỉ đến có du kích đây chết cho dân bản sống.

Chị im lặng. Đứa bé trên tay khóc khàn giọng, Pó đưa tay đỡ lấy, khe khẽ hát nựng thằng bé. Tiếng hát trầm, khói bếp quán lầy. Đêm ấy, chị không đi nữa.

Ở bản Pec, bọn phỉ vừa rải truyền đơn: ai mang trâu xuống khe sẽ được bạc trắng, ai chỉ chỗ giấu gạo sẽ được tha.

Du kích tới, không mắng, không dọa, chỉ cùng bà con đắp bờ, sửa nương, mang muối ướp măng. Già bản Cáng Xén nói nhỏ với Pó:

– Họ thấy anh gửi muối, họ mới tin. Trước giờ họ chưa thấy cán bộ gửi gạo cho dân bao giờ.

Mấy hôm sau, mưa ngớt, lúa nảy mầm, nương lại khói lam. Tiếng tù và của Pó không thổi gọi lên chốt, mà gọi hội dân bản: mỗi người mang một ít gạo, một nhúm muối, một tay dao, tay cuốc. Họ họp ở đầu suối, bàn chuyện gửi lương, bàn chuyện cất giấu thóc không để phỉ cướp.

Đêm cuối, Pó trở về lán. Y Dênh đã nhờ người gửi túi lanh mới se, bên trong có mấy bắp ngô non. Tờ giấy nhỏ kẹp giữa: *“Bản còn, con chờ. Đừng để đất lở mất nhà. Đừng để máu đổ giữa bản.”* Anh đọc, không nói gì, chỉ siết chặt nắm tay.

Sáng sớm, gió từ Na Ngoi về, mang theo tiếng gà xa. Pó gọi các đội viên:

– Dân đã trở lại. Giờ tìm đường liên lạc với bộ đội. Đất này không giữ được một mình. Ai đi với ta sang Na Ngoi?

Chục cánh tay giơ lên: Tu, Chia, Sính, Mần, Dênh,...đồng thanh “Có chúng tôi đây!”

Tiếng tù và cất lên lần nữa, không dội núi, mà lẫn vào tiếng chày giã ngô của bản làng. Hậu phương đã thôi rạn, nhưng bão còn ngoài kia.

5. Bình minh vừa rót những tia sáng mỏng manh xuống các triền núi, Pó đã lặng lẽ rời khỏi bản Huồi Pà. Suong còn đọng trên lá rừng, từng giọt như những hạt ngọc lạnh, khiến đôi chân anh trơn trượt trên đá ẩm. Trong lòng, anh biết rằng con đường phía trước không hề thênh thang; bọn phỉ rình rập khắp nơi, nhưng nhiệm vụ của anh – nối lại liên lạc với bộ đội chủ lực đóng quân ở Na Ngoi – không cho phép chần chừ. Anh cầm chắc khẩu súng, trên vai vắt túi lương thực khô, đôi mắt tinh tường quét dọc triền núi như dò tìm mọi dấu hiệu nguy hiểm. Theo anh là Lĩa Tu và 3 đội viên du kích tinh nhuệ nhất.

Mỗi bước chân trên con đường mòn đầy đá tai mèo là một thử thách. Tiếng côn trùng rừng rì rào, tiếng suối chảy xiết phía dưới khe sâu, xen lẫn với âm thanh thỉnh thoảng vang lên của chim rừng – tất cả trở thành nhịp trống báo nguy cho anh. Pó không hề đi một mình; tâm trí anh dính chặt đến dân bản, đến những gia đình đang trông chờ du kích bảo vệ. Mỗi bước đi là mỗi nỗi lo âu: liệu lương thực có đủ cho anh em, liệu dân bản có bị bọn phỉ khống chế, liệu con trai đầu lòng và Y Dênh có yên ổn...

Đêm thứ hai, khi ánh trăng tròn soi xuống mặt đất ẩm ướt, có tiếng động lạ, Pó và anh em mai phục bên khe suối hẹp. Bọn phi đi tuần tra không biết có sự hiện diện của anh. Một nhóm hai tên phi đi trước, gọn gàng, tay cầm súng chĩa xuống khe.

Pó hít một hơi thật sâu, thâm thì với đồng đội:

– Một trận nhỏ, đủ để cảnh cáo, không làm lộ mình.

Anh nghiêng đầu, mắt lóe lên ánh quyết đoán, rồi chỉ tay về phía bọn phi:

– Mỗi người một tên, ngắm cho chắc, không thể bắn trượt.

Lia Tu cùng ba đội viên siết chặt cò súng. Tiếng nổ khô gọn vang lên, bốn bóng đen ngã quỵ ngay tức khắc. Cùng lúc ấy, Pó lia khẩu súng, bắn hai phát tía chính xác, hạ gọn thêm từng tên, rồi lập tức biến mất vào màn đêm dày đặc.

Tiếng súng dội qua thung lũng, vọng vào vách đá nghe rền như sấm, như lời nhắc nhở: “Đừng quấy rối dân bản!”

Bọn phi còn lại rối loạn, la hét tháo chạy, bỏ lại đồng bọn nằm sõng soài giữa ánh trăng lạnh. Bên khe suối, năm chiến sĩ ghìm hơi thở, ánh mắt chạm nhau trong im lặng, lòng dâng lên một niềm tin sắt đá: dân bản sẽ được yên bình.

Sáng hôm sau, khi ánh nắng đầu ngày lọt qua tán lá, Pó cùng đồng đội lại rút lui vào bụi rậm, tạm nghỉ. Anh gỡ đôi giày ướt, lau mồ hôi. Trong những khoảnh khắc ngắn ngủi này, Pó vẫn suy nghĩ về Y Dênh và con trai. Anh nhớ tiếng con khóc trong đêm, nhớ ánh mắt Y Dênh khi cô ngồi bên khung cửa, dõi theo anh. Nỗi nhớ khiến tim anh quặn lại, nhưng cũng biến thành quyết tâm sắt đá: phải nối lại liên lạc với bộ đội chủ lực, bảo vệ dân bản, bảo vệ gia đình, không để hạnh phúc mong manh bị phá vỡ.

Chiều hôm đó, khi rẽ vào một khe núi hiểm, các anh gặp một nhóm dân bản bị bọn phi đe dọa. Người già run rẩy, trẻ con khóc thét. Không suy nghĩ lâu, Pó hạ khẩu súng, hướng dẫn họ trốn vào các hốc đá, bắc cầu tạm từ cây gỗ đổ để che chắn. Anh dùng giọng trầm, dứt khoát để xoa tan nỗi sợ hãi trong mắt họ:

- Không được chạy lung tung, cứ nghe chúng tôi, bà con sẽ an toàn.

Trong lúc dân bản núp, Pó cho các đội viên cầm mìn tạm thời để đánh lạc hướng bọn phi, tạo điều kiện cho họ an toàn rút vào rừng. Một trận phục kích nhỏ nhưng hiệu quả, khiến anh vừa giữ được bà con dân bản, vừa tạo điều kiện cho mình tiếp tục hành trình.

Chính trong khoảnh khắc ấy, người ta mới thấy hết dáng dấp của một thủ lĩnh thật sự nơi Pó: vừa biết lo đường quân, vừa lo đường dân, vừa làm chỗ dựa vững vàng, là tiếng nói yên lòng cho bản làng giữa những ngày khốn khó.

Những ngày tiếp theo, anh và đồng đội phải lườn lách qua những ngọn núi cao, khe suối hiểm, vừa tránh mai phục, vừa liên tục dò la tình hình. Mỗi lần gặp dân bản, anh lại dùng những lời khuyên, những câu chuyện ngắn về tình đoàn kết, về tinh thần chống phi để củng cố niềm tin. “Không được sợ hãi, không được rời bỏ

bản mừng. Nếu mất niềm tin, chúng ta sẽ mất cả bản và gia đình,” Pó nói, giọng dứt khoát, ánh mắt rực lửa, khiến mọi người tin rằng dù có bao nhiêu giông bão, vẫn có một bàn tay dẫn lối.

Một buổi chiều, khi mưa rừng trút xuống dồn dập, các anh phải dừng chân bên một hốc đá nhỏ để tránh lộ. Anh trèo lên ngọn cây cao, dò tìm hướng tới Na Ngoi – nơi có bộ đội đang đóng quân. Mưa làm đường trơn, suối dâng cao, nhưng các anh không thể bỏ dở. Anh nhớ đến Y Dênh và con trai, nhớ đến ánh mắt của những người dân bản đang tin cậy mình. Mỗi bước trượt trên đá ướt, mỗi lần vượt khe sâu đều là thử thách về thể lực và trí lực, nhưng cũng là minh chứng cho ý chí không khuất phục.

Đêm đó, Pó và đồng đội lại gặp một nhóm phi đang lùng sục trên đường mòn. Anh quan sát, rồi quyết định tổ chức mai phục. Trong màn tối dày đặc, các anh cử từng động tác chuẩn xác: đặt mìn, chọn vị trí bắn tỉa, rồi len lén di chuyển để dẫn dụ bọn phi vào bẫy. Khi tiếng súng vang lên, bọn phi bị bất ngờ, mất phương hướng, phải tháo lui. Một đánh nhỏ nhưng đã cản phi vào bản, giữ được sinh mạng bà con và bảo vệ lương thực cho dân.

Một buổi sáng khác, khi ánh nắng xuyên qua tán lá rừng, từng vệt sáng rơi lốm đốm xuống mặt đất ẩm ướt, Pó cùng anh em men theo triền dốc, tiến gần một bản làng bị bọn phi chiếm đóng. Để nắm chắc tình hình, Lia Tu tình nguyện cải trang. Cậu khoác tấm áo nâu sờn rách, đội chiếc mũ vải cũ, tay xách gùi giả làm người đi đổi muối, lặng lẽ len lỏi vào bản.

Dưới dáng vẻ một kẻ nhà nghèo, Lia Tu chậm rãi bước, thỉnh thoảng cúi xuống giả vờ nhặt củi khô. Nhưng tim cậu đập dồn khi chợt nghe tiếng quát:

– Ê, thằng kia, đi đâu?

Một tên phi, mắt đỏ ngầu vì rượu, chĩa súng nhìn cậu. Lia Tu nén hơi, cúi đầu lễ phép:

– Dạ... em ở bản bên, mang ít măng khô sang đổi muối, gạo. Nhà đói quá rồi.

Hắn lờ mắt nhìn cái gùi, rồi bật cười khẩy:

– Thôi đi, biến nhanh. Hôm nay tao không cần măng.

Nói rồi, hắn hất hàm bỏ đi. Lia Tu vội bước nhanh ra ngoài, lòng thầm cảm ơn trời đất đã phù hộ.

Ra khỏi bản, cậu hít một hơi thật sâu, mồ hôi thấm ướt lưng áo. Khi về đến chỗ mai phục, Lia Tu báo cáo rành rọt với Pó:

– Chúng giam bà con trong căn nhà cột tre cuối bản, canh gác sơ sài. Lương thực cất trong kho sát góc đá. Ban đêm, lính phi hay tụ tập uống rượu, chỉ vài tên đứng gác ngoài. Đây là cơ hội của ta, anh Pó ạ.

Pó gật đầu, mắt ánh lên niềm tin. Tối đến, anh em du kích chia nhau thành ba mũi, lặng lẽ tiến vào như những chiếc bóng. Khi hiệu lệnh vang lên, họ bất ngờ nổ súng. Bọn phi bị đánh bất ngờ, chưa kịp trở tay đã loạng choạng tháo chạy.

Trong cơn hỗn loạn, Lia Tu lập tức chọn vị trí cao, mắt sáng rực như lửa. Năm phát súng dứt khoát của cậu đã hạ liền năm tên, khiến quân phi càng rối loạn. Nhờ vậy, Pó và anh em nhanh chóng cướp lại bao thóc, bao ngô và giải thoát được mấy gia đình dân bản. Rồi tất cả rút lui an toàn vào rừng trước khi quân địch kịp phản ứng.

Khi cả đội đã rút vào sâu trong rừng, Pó vỗ mạnh vai Lia Tu, giọng trầm nhưng đầy tự hào:

– Lia Tu, đêm nay em gan dạ lắm! Chính phát súng mở lối của em đã khiến bọn phi hoảng loạn, tạo thời cơ cho cả đội xông vào cứu dân. Bà con ở đây sẽ còn nhắc đến cái tên Lia Tu như một chàng trai dũng cảm của núi rừng này.

Lia Tu đỏ bừng mặt, đôi mắt vẫn sáng rực, ngượng nghịu đáp:

– Em chỉ làm theo lời của trái tim thôi. Miễn là dân bản được bình yên, thì có hy sinh mấy em cũng không sợ.

Trận đánh không dài, nhưng dư âm của nó như tiếng chiêng vọng khắp núi rừng. Vừa giữ được nguồn lương thực, vừa củng cố niềm tin trong dân bản: giữa những ngày gian khó, vẫn có những người con sẵn sàng sống chết để bảo vệ bản làng.

Cuối cùng, sau nhiều ngày vượt núi, băng rừng, Pó và đồng đội cũng đến được chỗ bộ đội đóng quân. Pó lặng lẽ quan sát, lòng vừa mừng vừa căng thẳng. Anh biết rằng, chỉ cần một sơ suất, toàn bộ công sức và hy vọng lẻ loi của dân bản sẽ tan biến. Nhưng giờ đây, ánh sáng cuối đường hầm đã lộ rạng, và niềm hy vọng bền bỉ trong lòng Pó trở thành động lực để anh tiếp tục dẫn dắt đội du kích, bảo vệ dân bản, và giữ gìn hạnh phúc mong manh mà anh vừa mới được ném trái bên Y Dênh và con trai.

Khi ánh nắng đầu ngày rọi qua khe núi, Pó đứng trên mỏm đá cao, nhìn xuống Na Ngoi. Núi rừng vẫn hiểm trở, bọn phi vẫn rình rập, nhưng trong lòng anh có một niềm hy vọng lẻ loi, kiên định. Anh biết rằng, để bảo vệ hạnh phúc, bảo vệ dân bản, bảo vệ tương lai, anh sẽ tiếp tục đi qua những con đường hiểm trở, đối mặt với những trận đánh, và dùng cả trái tim và trí tuệ để nối lại liên lạc, để đưa niềm tin trở lại với những người đang trông chờ.

Và Pó bước đi, giữa rừng đá tai mèo, tiếng tù và vang xa như một lời hẹn: dù gian nan, dù cô đơn, niềm hy vọng vẫn không bao giờ tắt.

Chương 8:

1. Sương sớm Na Ngoi buông trắng những vạt lau bên bờ suối. Mặt nước loáng lạnh, chỉ cần quét nhẹ bàn tay cũng thấy rất buốt. Pó dừng lại dưới tán cây pơ mu già, thở một hơi dài như vừa trút khỏi lưng tất cả mệt nhọc của chuyến đi. Trước mắt anh, những mái lán lợp lá cọ xếp san sát, khói bếp quyện sương bay nghi ngút. Lá cờ đỏ sao vàng căng mình trong gió sớm, giữa khung cảnh núi rừng biên ải càng thêm nổi bật.

Bộ đội chủ lực đã về đây từ mấy tháng trước. Họ dựng trại ở ven suối, vừa để tiện nước sinh hoạt, vừa gần đường mòn sang Tà Khưm. Pó thấy một góc doanh trại đang rộn ràng nhịp sống. Dưới bãi đất ven suối, mấy tốp bộ đội tập bắn, tiếng khẩu lệnh dứt khoát vang vọng lên vách núi. Bên bãi bồi, nhóm khác lom khom chăm luống rau xanh còn đẫm sương, hàng cải non và mấy luống hành tỏi đang thì tốt lá. Xa hơn, mấy con gà đã quen lối, lạch bạch quanh sân, bới đất tìm thóc rơi. Trong căn bếp đã chiến, mấy anh nuôi quân đang chuẩn bị bữa trưa, khói lam quyện cùng mùi cơm mới bốc lên thơm lừng.

Cảnh ấy vừa quen vừa lạ: nơi đây vẫn đầy súng đạn, vẫn lo đánh giặc, nhưng giữa hiểm trở núi rừng, sự sống không bị bóp nghẹt. Pó bất giác nhớ về Tà Khưm – nơi dân bản gồng mình trong đói rét, nương bỏ không, chuồng gà chỉ còn tro tàn, tiếng trẻ con khóc đêm nhiều hơn tiếng chó sủa. Còn ở đây, rau vẫn lên, gà vẫn chạy, lửa vẫn cháy trong bếp, tiếng cười hòa cùng tiếng súng, nghe như khẳng định: đất này không khuất phục.

Cái ám áp của đơn vị bộ đội khiến Pó thấy lòng mình như được chèn thêm đá, vững dạ hơn bao giờ hết. Từ Mường Ải băng qua mấy ngày đường, bao phen phải tránh đám phi lản khuất, giờ này mới dám tin: mình đã tới được nơi cần tới.

Lưng áo Pó vẫn đẫm mồ hôi, vệt bùn khô bám cả ống quần. Anh siết lại sợi dây đeo khẩu carbine, tay kia giữ chắc túi tài liệu, trong đó toàn những báo cáo về tình hình phi, danh sách mấy tay chỉ điểm và cả thư của bà con gửi bộ đội. Từng bước chân trên đất Na Ngoi như bước vào một khởi đầu mới, nơi những dự định, những hy vọng từ vùng Tà Khưm sẽ có người lắng nghe và chung tay.

Vừa đặt chân xuống bờ suối, Pó gặp một chiến sĩ mặc áo xanh lá cây, súng trường CKC đeo chéo lưng, đang gánh hai thùng nước. Thấy người lạ, anh lính ngược nhìn, hơi cảnh giác:

– Các anh đi đâu sớm thế này?

Pó chấp tay chào, giọng khàn khàn vì đường xa:

– Tôi là Vừ Lầu Pó, du kích Mường Ải. Có chuyện khẩn muốn gặp chỉ huy các anh.

Nghe đến cái tên Vừ Lầu Pó và Mường Ải, ánh mắt người lính dụi hắt:

– Ở đó đang lộn xộn lắm phải không? Máy hôm trước có tin phi quấy rối. Các anh theo tôi, để tôi báo thủ trưởng.

Đọc đường, mấy người lính khác kéo đến, kẻ gùi cơm, người vác cọc, người xách can dầu. Họ hỏi thăm dồn dập:

– Bên bản giờ thế nào?

– Dân còn bám nương không?

– Phi nhiều không, súng đạn chúng lấy ở đâu?

Pó vừa đi vừa trả lời, nét mặt trĩu lo:

– Dân thì còn, nhưng lo lắm. Phi tụ về đông, chúng được Tây cấp súng. Anh em tôi phải tản ra, giữ dân là chính.

Họ băng qua một lối mòn ven suối, rồi dừng trước một căn lán lớn hơn, phía trước cắm tấm biển tre: "Sở chỉ huy Na Ngoi". Người lính đưa tay vén cửa đi vào, ít phút sau anh quay ra:

– Mời các anh vào, chỉ huy đang họp trong này.

Pó gật đầu, hít một hơi thật sâu. Cái lạnh của sương sớm vẫn còn vương nơi gáy, nhưng phía trong căn lán kia, anh biết, sẽ là nơi quyết định những bước đi tiếp theo của cả đội du kích Mường Ải.

2. Trong lán họp, ánh mặt trời len qua khe hẹp hắt sáng lên tấm bản đồ rừng núi chi chít nét đỏ. Gió rừng lùa qua khe cửa, khói bếp vẫn vương trên mái nứa. Pó đứng ngoài mấy nhịp, tay siết chặt quai túi, đến khi nghe tiếng gọi:

– Mời đồng chí Pó vào.

Bên trong, mấy người lính đang ngồi quanh bàn tre, súng dựng vào vách, quần áo chỉnh tề. Một người đàn ông tầm hơn bốn mươi, mặt xương, trán rộng, mắt nhìn thẳng mà ấm, bước ra đón:

– Tôi là Thắng, chính trị viên tiểu đoàn. Nghe danh đội du kích Mường Ải đã lâu, nay mới gặp. Mời đồng chí và các anh em ngồi, nói rõ cho chúng tôi nghe tình hình bên ấy.

Pó đặt túi tài liệu xuống, tháo mũ, nhìn quanh:

– Tà Khum có tới 5 bản, dân khổ lắm, thưa các anh. Bản cháy, nương bỏ, đêem chúng rình, ngày chúng lùng. Mấy tháng nay phi tụ lại đông hơn, lại có súng Tây. Chúng tôi chỉ có chông tre, nỏ và vài khẩu kíp.

Thắng khẽ gật, tay gõ nhịp trên bìa sổ:

– Còn dân? Giữ được không?

– Cố mà giữ. Chúng tôi chia nhóm, cho bà con di chuyển liên tục. Suốt tháng qua cả Đội phải gồng mình chống những đợt xâm nhập của phi, quyết không để chúng đi vào nội địa. Nên vẫn giữ được dân. Nhưng... – Pó ngừng một nhịp, mắt nhìn vào ánh đèn, giọng khàn hẳn – ... Lù Páo ngã ngay bìa rừng hôm ấy, tay còn

nắm chặt dây bẫy chưa kịp buông. Còn Mùa Chở, mảnh đạn phá nát bờ vai, giờ vẫn nằm lại ở Chèng, chưa đưa về được.

Lia Tu, băng tay còn rịn máu, xen vào:

– Đạn chẳng còn bao nhiêu, súng cũng ít. Anh em phải bắn cầm chừng. Cốt là ngang chân chung không vào bản.

Pó gật, mắt sẫm lại:

– Nhưng còn dân. Họ gửi lúa theo mình, nhường áo cho trẻ con, còn mình thì lấy nắm muối chia nhau. Đêm nằm nghe gió qua mái tranh, ai cũng sợ sáng ra không còn bản.

Không khí trong lán lặng đi. Chỉ nghe tiếng mưa lộp độp trên mái nứa. Thắng ngồi thẳng người, tay nắm chặt mép bàn:

– Bộ đội chúng tôi cũng không nhiều, lại phải tản đi nhiều nơi để giữ đất, nhưng nghe các anh nói, tôi hiểu: đất ấy mà mất dân, là mất hết.

Anh nhìn Pó, giọng như khắc thành từng chữ:

– Đồng chí Pó, các anh có sẵn lòng cùng chúng tôi gây dựng lực lượng ở đây không? Có súng, có huấn luyện, có chỗ dựa, rồi từ đây mới đánh ngược về Tà Khum.

Pó ngẩng lên, mắt ánh như lửa gặp gió:

– Tôi vượt đường này không phải để lùi. Bà con còn bám, thì chúng tôi còn đánh. Chỉ mong có người chung tay.

Một người cán bộ trẻ hơn, vai còn đeo băng đỏ, bổ sung:

– Chúng tôi sẽ cung cấp súng, đạn cho du kích và tiến hành huấn luyện. Đồng chí Pó cho toàn bộ du kích Mường Ải về đây. Chúng tôi sẽ tập hợp thêm nhiều đội viên mới ở Na Ngoi bổ sung cho các anh.

Pó nhìn Chính trị viên Thắng, băn khoăn:

- Nhưng còn dân, còn bản ai giữ.

- Chúng tôi sẽ cử một trung đội sang bên đó – anh Thắng nói. Bây giờ chúng tôi cần các anh cung cấp thông tin chi tiết tình hình phi, đường đi lối lại của chúng và chỉ tên một số Việt gian.

Pó mở túi, lấy ra gói giấy dầu, đặt lên bàn:

– Đây, đường chúng thường qua, cả chỗ chứa đạn, và danh sách mấy thằng bán bản, bán dân. Bà con còn gửi thư nhờ các anh giúp.

Thắng cầm gói tài liệu, ánh mắt dừng lâu ở nét chữ nhòe nước:

– Đồng chí Pó, tôi hiểu rồi. Các anh đã làm phần việc đáng lẽ của chúng tôi phải làm sớm hơn. Từ giờ, sẽ khác.

Trong lán, ánh sáng ban mai lách qua vách nứa, hắt lên khóe mắt đã hằn nếp của Thắng, lên gò má sạm nắng của Pó. Một bước khởi đầu mới đang hình thành, giữa tiếng mưa rừng vẫn rả rích ngoài kia.

Trưa đó, sau buổi họp, Pó và đồng đội được mời ngồi ăn cơm cùng anh Thắng, anh Hùng và mấy cán bộ Ban chỉ huy bộ đội Na Ngoi. Bữa cơm đơn sơ mà sao ấm lạ. Trên chiếc mâm tre là bát canh rau cải xanh ngắt, đĩa thịt lợn bản kho rim thơm nức, bát muối vừng vàng óng, thêm bầu rượu truyền tay nhau. Chưa bao giờ Pó và anh em du kích được ăn một bữa ngon và đủ đầy đến thế, sau bao tháng ngày chỉ sống bằng ngô bung, sắn nướng.

Anh Hùng – Tiểu đoàn trưởng còn rất trẻ, mặt rạm nắng – cười xởi lởi:

– Thịt này là của bộ đội chăn nuôi, còn giống thì dân bản góp cho bộ đội đấy. Bà con nói: “Cho các chú bộ đội khỏe, còn có sức giữ bản, giữ rừng.”

Nghe câu ấy, Pó bắt giặc siết chặt bát cơm, mắt sẫm lại nhưng long lanh niềm xúc động. Lia Tu, bàn tay còn băng máu, vừa nhai cơm vừa cười:

– Mai mốt em mà nuôi được nhiều trâu bò, cũng xin góp cho bộ đội vài con. Có sức ăn, mới có sức đánh.

Cả bàn cơm bật cười, tiếng cười vang giữa lán nứa, át cả tiếng mưa còn lộp độp ngoài hiên. Pó ngược mắt nhìn, giọng lắng xuống:

– Ở Tà Khum, bà con phải bẻ củ chuối, đào củ nâu thay cơm. Có ngày nắm muối chia cho nhau cũng chẳng đủ. Nhưng bà con vẫn dành gạo gửi cho chúng tôi, dặn rằng: “Còn hạt nào thì giữ lấy hạt ấy mà giữ bản, giữ đất.”

Anh Thắng đặt chén xuống, ánh mắt như lắng lại từng lời:

– Nghe mà thấy xót thương đồng bào, thương các đồng chí quá. Từ nay, chúng tôi sẽ chia gạo, chia muối sang Mường Ai. Dân không trụ nổi thì chẳng có ai giữ đất hộ ta.

Rồi anh lại nở nụ cười, chậm rãi nâng chén rượu, giọng trầm hẳn:

– Nào, hãy uống chén này, để hứa với nhau: từ hôm nay, bộ đội với du kích, Na Ngoi với Mường Ai, là một nhà. Cùng giữ dân, giữ đất.

Pó cầm lấy chén rượu, mắt nhìn thẳng, bàn tay chai sần run nhẹ vì xúc động:

– Dạ, chúng tôi xin hứa. Bao giờ còn sức, còn dân, còn rừng, thì còn chiến đấu.

Trong bữa cơm ấy, những câu chuyện xen lẫn tiếng cười, tiếng thở dài, có cả những phút lặng đi khi nhắc tên người đã ngã xuống. Nhưng trên hết là một niềm tin mới, lan tỏa từ mâm cơm giản dị: niềm tin rằng cuộc chiến giữ bản, giữ núi rừng này sẽ không còn đơn độc nữa.

3. Những ngày ở Na Ngoi trôi qua vội vã mà dồn dập. Sau cuộc gặp, Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Hùng cấp cho Đội du kích của Pó mười khẩu CKC, năm tiểu liên AK, mấy thùng đạn cùng nhiều bao thuốc nổ, kíp mìn. Bên bếp lửa, Pó nhận từng khẩu súng, ngón tay vuốt dọc nòng lạnh, lòng rung rung: cả đời cầm dao phóng, nay mới thấy súng thực sự.

Lâu Pó, Lia Tu và ba đội viên cùng đi lấy súng, đạn bỏ vào gùi, lấy quần áo cũ của bộ đội trùm kín. Số còn lại anh nhờ đơn vị cất giữ. Pó trở về Huồi Pà khi

sương chiều còn giăng lối. Bước chân lấm bùn, vai sệt xuống vì đường xa, nhưng trong mắt anh ánh lên lửa mới.

Tới nơi, chưa kịp rửa mặt, Pó đặt chiếc gùi xuống hiên nhà, hơi thở còn đôn dập. Máy đội viên ùa tới, ai nấy mặt đỏ hồng vì háo hức:

– Thế nào rồi, Pó? Có mang được nhiều không? – Giồng Chư sốt ruột hỏi, mắt vẫn dán chặt vào chiếc gùi.

– Bọn mình giờ có súng mới thật hả? – Vừ A Sính chen lời, tay chạm nhẹ vào báng súng cũ đang treo trên vách như thể sợ mất phần.

Pó bật cười, gương mặt nhẽ nhại mồ hôi nhưng ánh lên niềm tin:

– Ủ, vũ khí đã nhận rồi, không nhiều nhưng đủ bắn. Tôi đưa súng về rồi, còn một số đạn thuốc nổ đang gửi bên kia. Đơn vị bộ đội nhận giữ cẩn thận. Chúng ta phải sang bên đó huấn luyện, bổ sung thêm quân cho mạnh. Khi cần, họ sẽ chuyển thêm súng đạn cho ta.

Một đội viên, con góa phụ ở Huồi Pà, gầy nhẳng, má còn thơm mùi sữa, mới xin vào đội làm liên lạc, lên tiếng:

– Chú Pó ơi, thế chừng nào bọn mình tập bắn?

Pó xoa đầu nó:

– Sớm thôi. Nhưng phải giữ kín. Chuyện này chỉ người đội mình biết, gió đừng để lọt qua khe đá.

Mấy người nhìn nhau, tiếng suối ngoài kia róc rách như nhắc khế lời thề. Lầu Chư nhún vai, giọng trầm xuống:

– Pó à, bao năm nay bọn tao chỉ biết cuốc nương, đợi mưa. Nay có súng, có đạn, tao thấy lưng mình cứng như đá núi rồi đấy.

Pó nheo mắt nhìn khói lam chiều cuộn lên từ mái nhà xa xa:

– Cứng lưng để đứng thẳng, nhưng phải có cái đầu nóng và trái tim mềm, anh em nhớ nhé. Ta đánh giặc, chứ không phải đốt núi, không phải gieo sợ hãi cho bản mình đâu.

Tiếng “ừ” đồng thanh bật ra, lan trong gian nhà sàn như hơi lửa bén vào bó củi khô. Đêm ấy, bản Huồi Pà chưa ngủ. Giọng A Sính còn thoảng trong gió:

- Nay Pó, mày kể chuyện gặp bộ đội tao nghe.

– Tôi đã gặp được anh Thắng - Chính trị viên và các anh chỉ huy bộ đội ở Na Ngoi – Pó nói, giọng khàn nhưng rắn rỏi – Họ sẵn sàng giúp ta huấn luyện, bổ sung thêm quân. Những ngày ta sang bên đó huấn luyện, các anh ấy cử một trung đội sang bên này giữ dân, giữ bản. Họ cũng sang rồi đấy. Có lẽ các anh ấy sẽ lên Mường Ải điểm tựa tiền tiêu của Tà Khưm.

Mắt A Sính sáng rỡ:

– Có thật không anh? Bộ đội chủ lực hẳn có nhiều súng đạn?

– Có cả CKC, tiêu liên AK, lựu đạn, mìn... và cả khẩu súng có đạn to giống hệt bắp chuối – Pó kể, ngón tay khẽ gõ vào báng carbine.

Một tràng cười khẽ vang lên. Cậu bé liên lạc nắm chặt đôi bàn tay Pó:

– Thế thì mai đi luôn! Còn chờ gì nữa!

Lửa bập bùng, bóng những khuôn mặt r ám nắng in lên vách đất. Nổi mệt mỏi bao ngày như được gỡ bỏ, thay bằng một niềm phấn chấn lạ lùng.

Tôi đó, Pó đến nhà già bản Pòn Luống. Già đang ngồi trước hiên, chẻ tre đan nia. Nghe chuyện Pó kể, già gật gù, nhưng mắt vẫn lộ chút đăm chiêu:

– Bộ đội chủ lực thì quý thật. Nhưng các anh đi hết, ai ở lại giữ bản? Dân mình mấy mùa này bị phi vật, con gái ra suối cũng phải đi đôi, giờ lại không có du kích, ta lo lắm.

Pó ngồi xuống, tay vẫn đan chặt chuôi dao:

– Già yên tâm. Bộ đội về đây rồi, họ có súng tốt, lại bắn giỏi hơn du kích. Tôi không bỏ bản đâu. Đi để về, chứ không phải để chạy.

Già nhìn lên, ánh lửa hắt vào những nếp nhăn sâu hoắm:

– Lời anh nói, tôi tin. Nhưng bà con ấy, họ nghe tin là sợ. Mất du kích, người ta ngỡ như mất nắm cơm trong tay.

Sáng hôm sau, cả bản xôn xao. Tin đội du kích sẽ sang Na Ngoi học quân sự lan nhanh khắp các lối mòn, len vào từng góc nương. Người bán tén, kẻ bán nghi.

Có người lảng lạng buộc gùi, giấu đồ quý. Có kẻ giận dữ:

– Họ bỏ mình rồi! Bọn phi về thì sao?

Nhưng khi mặt trời đứng bóng, một trung đội bộ đội từ Na Ngoi về, cờ đỏ sao vàng phấp phới, súng sáng loáng trên vai, tiếng chân đều bước trên con dốc đá, cả bản như dừng thở. Mấy đứa trẻ chạy theo hò reo. Đám thanh niên ngẩn ra, rồi cười.

Già bản Pòn Luống gật đầu, khói thuốc缭绕 quanh râu:

– Thật rồi. Lần này thằng Pó không nói suông.

Chỉ khi ấy, Pó mới thấy vai mình nhẹ hơn. Anh tập hợp anh em, chuẩn bị gùi súng, gùi gạo, lên đường sang Na Ngoi, lòng mang theo lời hứa đã trót thốt với bà con: "Đi để về, về cho vững."

4. Sáng tinh mơ, sương còn giăng đầy lối, đội du kích xếp hàng dưới gốc pơ mu đầu bản. Mười lăm gùi ngô, mấy bao gạo bà con gửi sang làm quà, súng khoác chéo vai. Pó đi đầu, tay siết chặt khẩu AK, mắt lia về phía rừng Tà Khum còn mờ hơi sương.

– Lên đường! – anh đồng dục hô.

Cả đội bước đều trên con đường rừng trơn lá mục. Tiếng chân lẫn trong tiếng suối róc rách, chỉ có tiếng chim rừng giạt mình bay lên. Họ vừa đi vừa giữ vững đội hình, mỗi khúc cua lại có hai người trinh sát đi trước. Niềm phấn chấn lộ rõ:

– Lần này sang Na Ngoi, có thêm súng mới mang về! – một đội viên thì thầm.

– Phải học cho giỏi, để về giữ bản chứ! – người khác đáp lại, mắt vẫn lia bụi rậm bên vệ đường.

Vui nhất là thằng bé liên lạc, nó được anh Lầu Pó tặng cho khẩu carbine. Đây là chiến lợi phẩm trong trận phục kích đầu nguồn khe Nậm Hắng. Nó đã theo anh Pó suốt mấy năm, bắn chết hàng chục tên phi. Nó tự hào vì được anh Pó tin tưởng giao súng.

- Em sẽ luyện tập chăm chỉ, học bắn giỏi như anh Pó – vừa đi thằng bé vừa nói với mọi người.

Không ai cười to, không ai đùa bỡn. Cả đoàn như một dải thắt lưng khéo giấu giữa rừng, tránh mọi dấu vết, quyết không để phi đánh hơi.

Na Ngoi đón đội du kích Mường Ải bằng mùi khói lam và tiếng gà vỗ cánh. Những ngày đầu trôi nhanh mà dòn dập. Những đội viên không có súng, tiếp tục được bộ đội cấp cho những khẩu CKC còn mới toanh. Bên bếp lửa, Pó cầm từng khẩu súng, ngón tay vuốt dọc nòng lạnh. Cả đời cầm dao phóng, bắn nỏ, nay mới thấy súng có đủ hơi nóng chiến trường. Trong ánh mắt anh, ánh lên một niềm thèm khát: giá như đồng bào Tà Khum cũng có được chũng này từ sớm, bao máu xương đã không phải đổ oan.

Những ngày ở Na Ngoi bắt đầu bằng tiếng kèn báo thức vang lên trong màn sương mỏng, hòa với tiếng gà rừng khan cô bên nương sắn. Bộ đội chủ lực chia giờ rèn luyện: sáng bãi tập, chiều tăng gia, tối sinh hoạt.

Bãi tập ven suối, cỏ non còn ướt sương. Sáng đầu tiên, từng đội viên du kích bỏ ngõ cầm khẩu CKC, AK mới, tay vụng về như cầm dao phay ngày gặt lúa. Pó cũng nhập hàng, khẩu carbine quen thuộc giờ nằm cạnh thằng bé liên lạc, tay sờ vào báng súng mới mà lòng lạ lẫm.

– Bóp cò, đừng giật! – huấn luyện viên hướng dẫn, tay đặt nhẹ lên bả vai Pó. Tiếng súng nổ, đạn ghim đứng vòng tròn đen. Một tràng vỗ tay bật lên. Pó bật cười, mồ hôi rịn trên trán:

– Ủ, súng bộ đội bắn cũng êm như khèn thổi chỗ người thương nghe.

Đám du kích rộ cười. Mấy hôm sau, họ tập cài mìn ven đường, học cách giấu kíp, cách gài dây nổ mà không lộ dấu chân. Đêm xuống, cả đội lợi suối, tập trình sát trong bóng tối, vạch từng bụi lau, nghe từng tiếng chim rừng để phân biệt phi đi hay nai lẫn.

Chiều xuống, trên vườn rau lại rộn ràng. Tốp bộ đội cuốc đất, tưới cải, bên kia mấy con gà mổ thóc rơi, đám du kích giúp anh nuôi thái rau chuối cho lợn. Tiếng dao, tiếng búa xen tiếng cười. Một chị dân bản gửi ngô qua, đổi lấy ít muối. Không khí vừa nghiêm, vừa như ngày hội, súng dựng bên vách mà lòng người vẫn ấm.

Pó đứng nhìn, nhớ đêm bản cũ ngồi canh bếp lửa, com vắt bằng nắm ngón tay. Anh nói với Lia Tu:

– Phải học lấy. Học cho chắc, rồi về còn dạy dân mình.

Ba tuần trôi, tay bắn đã quen, bước đi đã dẻo, mắt nhìn xa hơn, đầu tính sâu hơn. Một buổi chiều, toàn đội được triệu tập về sân lớn trước lán chỉ huy. Lá cờ đỏ sao vàng bay phấp phật trên cột tre mới dựng.

Anh Nguyễn Hùng, Tiểu đoàn trưởng bước lên, giọng vang:

– Hôm nay, theo quyết định, Đội du kích Mường Ải chính thức đổi tên thành Đội du kích Na Ngoi, biên chế một đại đội gồm bốn trung đội. Đồng chí Vừ Lầu Pó là Đại đội trưởng, đồng chí Vừ Giồng Chư là Đại đội phó, còn đồng chí Lầu Lía Tu làm trợ lý. Từ giờ, các đồng chí không chỉ giữ bản, mà còn giữ cả dải biên giới này!

Tiếng vỗ tay vang khắp lán. Pó đứng giữa hàng quân, ngực căng, ánh mắt không rời lá cờ. Anh nhớ lại từng trận đánh, từng đêm gùi cơm lên dốc, từng giọt máu đổ xuống Tà Khum. Giờ đây, một bước mới mở ra – chắc chắn hơn, mạnh mẽ hơn.

Lời tuyên thệ vang trong đêm, hòa cùng lửa bập bùng:

– Quyết giữ đất này, giữ dân này!

– Quyết không để phi cướp bản, đốt nhà!

Bộ đội, du kích cùng nắm tay nhau. Trong khoảnh khắc ấy, Pó thấy rõ: đội của anh không còn là một nhóm tản mạn, mà đã là một lực lượng thực sự, có súng, có người, có niềm tin.

5. Đầu năm 1951, rừng biên giới xào xạc lá khô, mây mù vẫn phủ dày những lèn đá Pu Xai. Đội du kích Na Ngoi vừa hoàn tất huấn luyện chưa đầy tháng, súng còn thơm mùi dầu bảo quản, áo chàm chưa kịp bạc màu, thì tin phi lòng sục trở lại các bản ven biên đã truyền về.

Pó họp khẩn các trung đội, bàn phương án hợp đồng tác chiến cùng bộ đội chủ lực. Lần này, không phải chỉ giữ bản, mà là ra tay trước – đánh phủ đầu – bảo vệ vùng đệm Na Ngoi.

Đêm xuống, đại đội du kích chia làm ba mũi: Trung đội Già Thò Tu chặn hướng Pu Xai, nơi bọn phi thường ẩn náu. Trung đội Xồng Chư Chò mai phục ở bản Ka Dươi. Còn Lầu Pó, Giồng Chư, Lía Tu tổng chỉ huy các trung đội còn lại phối hợp với bộ đội Pathet Lào, tạo thế kìm giữ con đường rừng dẫn sang Tà Khum.

Lửa bếp tắt sớm, cơm nắm gói lá dong, mìn gài, súng lau lần cuối. Tiếng khèn vợ tiễn chồng chỉ còn vang trong lòng, không ai dám thổi lên thành tiếng.

* * *

Đêm biên giới tối dày như mực. Sương từ khe tụ lại, đọng trắng cả triền đồi. Thò Tu ngồi bên bờ suối nhỏ, ngón tay mân mê sợi dây đeo khẩu AK, mắt dõi lên mỏm đá bên sườn núi Pu Xai. Chỗ đó, mấy hôm nay, bà con báo có bóng người lạ rình rập – phi từ bên kia lèn tràn qua.

– Già Thò Tu, bãi mìn anh em đã cài xong chưa? – Và Chénh, trung đội phó hỏi khẽ.

Già Thò Tu gật đầu, giọng như hơi gió:

– Xong rồi. Đá lót kín, chỉ cần chúng đặt chân xuống, cả ổ sẽ nổ tung.

Cả trung đội hơn ba mươi người, chia thành ba tiểu đội. Người mai phục dưới bụi lau, kẻ nằm dọc lối mòn. Không ai nói lớn tiếng, chỉ nghe tiếng thở lẩn trong mùi lá mục. Trên tay mỗi người là khẩu súng vừa được bộ đội Na Ngoi cấp – có khẩu CKC, có khẩu trường, carbine cũ được lau dầu bóng loáng.

Gần nửa đêm, tiếng chó tru vọng lại từ bản xa. Một đội viên áp sát Tu, thì thầm:

– Chúng tới! Năm... sáu... không, phải gần mấy chục thằng.

Thò Tu nín thở, bàn tay khẽ nắm chặt. Bóng phi lô nhỏ hiện ra, lưng gùi, tay lăm lăm súng, có đũa còn buộc cả xích trâu cướp được sau lưng. Chúng đi thành hàng, bước thận trọng nhưng không biết rằng mỗi bước đang dẫm lên tấm lưới du kích giăng sẵn.

Đột nhiên – “ầm!” – một quả mìn bẫy bật tung, đất đá hất lên, khói bụi cuộn thành mảng. Tiếng la thất thanh. Thò Tu vung tay:

– Bắn!

Cả triển đội sáng lóe. Tiếng CKC nổ từng hồi khô khốc. Phi rối loạn, đũa ngã quỵ, đũa bỏ chạy lao xuống khe. Già Thò Tu hô:

– Xông lên!

Mấy thanh niên dùng dây rừng chặn lối, lưới mây thít chặt, ba tên phi sa vào vùng hỏa lực, không còn lối thoát. Cuộc đọ súng chỉ kéo dài chưa đầy một tiếng, nhưng cả khu rừng như rung chuyển.

Khi khói tan, du kích thu được mấy khẩu súng, mấy bao gạo. Thò Tu bước đến, đá nhẹ một chiếc gùi: thóc lẩn cả áo trẻ con. Anh nuốt nước bọt, mắt dõi về phía bản xa – nơi đêm nay bếp lửa chắc vẫn cháy, trẻ con vẫn ngủ yên.

– Thu quân! – Thò Tu ra lệnh. – Không được truy quá xa, còn phải giữ bí mật.

Trăng muện nhô khỏi dãy núi, ánh bạc phủ lên những khuôn mặt lấm lem khói súng. Ai cũng mệt, nhưng trong mắt họ ánh lên một niềm tin: trận đầu đã thắng.

Trời về khuya, gió từ dãy lên rít từng hồi lạnh buốt. Đội du kích lặng lẽ rút khỏi khu mai phục, không ai nói một lời lớn. Tiếng bước chân lẩn vào sương, như chưa từng có trận đánh nào vừa nổ ra.

Về tới bìa bản, họ không vào ngay mà quây tròn bên bếp lửa nhỏ, mỗi người nhăm nháp bát nước nóng. Mùi khói ám vào áo, vào tóc. Già Thò Tu trải tấm bản đồ cũ, dùng dao khắc vài dấu mới:

– Lối này, ta cần đổi bẫy. Lối kia, phải dọn cành khô, đêm nay chúng nghe nổ, mai thế nào cũng dò lại.

Vả Chénh ngồi lặng, mắt nhìn mấy khẩu súng mới vương vết máu chưa kịp lau. Trong đầu anh vẫn hiện lên hình ảnh những chiếc gùi đựng áo trẻ con, nắm thóc lẫn đất cát. Đó không chỉ là chiến lợi phẩm, mà là bằng chứng của nỗi khổ người dân nơi phi càn qua.

Một đội viên trẻ rụt rè:

– Đêm nay thắng to, mai bà con mừng lắm đấy, anh Tu nhỉ?

Thò Tu gật:

– Thắng là để bản làng yên. Nhưng đừng mừng sớm, phi nó ranh lắm. Mai ta lại phải sửa bẫy, rải mìn, giữ đường.

Đêm ấy, cả đội không ai ngủ sâu. Súng đặt cạnh gối, người ngồi tựa vách, mắt vẫn dõi ra khe núi tối om, chỉ nghe tiếng côn trùng rả rích. Trong cái mệt nhoài, có một niềm tin âm ỉ: trận đầu đã mở lối, nhưng con đường còn dài lắm.

Trên tuyến Ka Dươi, mưa dầm suốt ba ngày, rừng ướt lạnh như ngâm trong sương. Dưới chân núi là con suối nhỏ, nước đục lờ lững cuốn đầy lá mục. Xa xa, những mái nhà bản lẩn khuất giữa bụi cây, khói bếp buổi chiều loe loét trong mưa như ngọn đèn lạc lõng.

Xông Chư Chò, trung đội trưởng chỉ huy trận đánh ngồi trên tảng đá rêu trơn, đưa tay quét nước mưa lấm trên trán. Đội du kích tản ra quanh khe, mỗi người một góc, tay vuốt lại dây đeo súng, mắt nhìn về phía con đường mòn nối sang bản Ka Dươi.

– Chúng sẽ mò vào giờ cơm – Chò khẽ nói.

– Mưa thế này, chúng càng tưởng mình lánh xa – Kha Panh đáp, giọng trầm, mắt vẫn dõi theo khe suối cuộn cuộn.

Đội chia làm ba mũi: một mũi ém ở đầu bản, một mũi chặn lối khe, còn lại men theo bờ suối. Lá ngụy trang ướt sũng, bùn dính đầy ống quần, nhưng không ai rên rỉ. Trong ánh mưa nhờ nhờ, đôi mắt nào cũng lấp lánh: trận này, phải giữ bằng được Ka Dươi, nơi có cả lúa giống vừa gieo và bầy trẻ mới qua cơn sốt rét.

Chiều muộn, tiếng chó sủa dồn dập. Từ phía bìa rừng, bóng đen ló nhô xuất hiện: chừng hơn chục tên phi, súng gác vai, tay còn lăm lăm xà gạc. Chúng cười hô hô, vừa đi vừa đá tung hàng rào tre.

Xông Chư Chò giơ tay ra hiệu. Những cái bóng ẩn mình trong lùm cây chợt chuyển động, như cỏ rừng run lên theo mưa. Panh nín thở, tay đặt sẵn vào cò súng, tai căng ra nghe từng nhịp chân chúng giẫm trên bùn.

– Ném! – tiếng Chò rít khẽ.

Một loạt lựu đạn bật chót, rơi xuống ngay giữa toán phi. Tiếng nổ chát chúa dội vào vách núi, mảnh đá tung lên cùng khói súng. Phi hô hoảng, chưa kịp định thần đã thấy lưới du kích từ hai phía quét tới.

– Bắn! – Panh hô, giọng lẫn trong mưa.

Tiếng CKC, tiếng súng trường, tiếng thét hòa làm một. Ba tên phi ngã gục bên gốc chuối, mấy tên còn lại cắm đầu chạy về phía khe thì gặp mũi chặn đầu. Trận đánh kéo dài chưa đầy hai chục phút, nhưng đất Ka Dươi rung chuyển, cây rừng rung như bị gió bão.

Mưa vẫn rơi, nhưng bản Ka Dươi sáng lửa trở lại. Bà con ùa ra, mắt đỏ hoe nhưng nụ cười nở trên môi: lúa vẫn còn, người vẫn còn. Chò tháo mũ, nước mưa lăn dài theo tóc, khế nói với Panh:

– Lần này bản giữ được, nhưng chúng sẽ còn quay lại. Phải chuẩn bị nhiều hơn nữa...Không biết đội anh Pó thế nào?

Đêm ấy, trung đội du kích của Chò không về Na Ngoi, họ ngủ nhà người dân, súng đặt dưới gối, ngoài sân động tiếng mưa và mùi khói rạ nồng nồng.

Sáng hôm sau, sương vẫn còn đọng trên cỏ. Mùi thuốc súng vương vất trong gió sớm, lẫn với mùi khói bếp lả lẫm. Chò cùng mấy đội viên đi dọc khe suối, nhặt từng vỏ đạn, gom những mảnh gỗ gãy, đẩy những thân cây ngã chắn lối để bà con còn ra nương.

Giữa sân bản, mấy người đàn ông lặng lẽ đào huyết nông chôn xác bọn phi. Không ai reo hò, không ai khinh bỉ; chỉ có ánh mắt mệt mỏi của người dân vùng biên, đã quá quen với máu và trả thù. Bà mẹ già lấy mo cau che mặt bọn chúng, khế lảm nhảm mấy câu cúng, như để hồn vía khỏi vất vưởng làm hại bản làng.

Chò ngồi bên bậc cửa, tay xoa xoa nòng súng còn ướt mưa. Kha Panh mang ra cho anh bát cơm nếp nóng, nói khế:

– Bản này chưa hết khô đầu. Nhưng đêm qua... ít ra trẻ con còn ngủ được một giấc.

Chò nhìn những vết máu loang trên đất, khói lam bảng lảng, tiếng trẻ gọi nhau í ới ngoài vườn, lòng anh như trĩu thêm một nỗi nặng: mỗi trận đánh giữ được đất, nhưng cũng để lại vết hằn cho cả người sống và người chết. Anh đứng dậy, nói với toàn đội.

- Ngày mai chúng ta hành quân hỗ trợ đội quân của Pó.

Ở một hướng khác, Pó dẫn gần bốn chục du kích Na Ngoi vượt dốc, mang theo chỉ thị phối hợp với bộ đội Pa Thét Lào phục kích đánh phi xâm nhập địa bàn hai bản Pù Quạc và Thẩm Hin. Lâu Nhia Vừ – người chỉ huy phía bạn – đội bên bờ suối Nậm Kiên, mắt ánh lên niềm vui xen chút lo toan. Hai bàn tay nắm chặt, trong ánh nhìn cả hai đều hiểu: trận này không chỉ để quét phi, mà còn để mở lối yên bình cho cả hai vùng biên.

Trong túi vải Pó đeo trước ngực, ngoài tám bản đồ còn có lá thư bà con gửi nhờ: "*Nhấn du kích về giữ bản, mùa rẫy này không ai dám ra nương...*". Anh biết, mỗi con chữ đó là cả tiếng khóc nuốt vào bụng.

Họ hành quân xuyên ba ngày rừng. Trời mưa lất phất, khe suối lạnh buốt. Bọn phi tú tập đông, hơn trăm tên, đang lùng sục các bản Lào nằm sát biên giới và rập ranh xuống Na Ngoi chuẩn xâm nhập vào địa bàn Pù Quạc và Thăm Hin. Giữa lúc ấy, tin thắng lợi từ Già Thò Tu và Xông Chư Chò báo về liên tục: nhiều toán phi nhỏ bị phục kích tan rã, đám tàn binh hoang mang tháo chạy. Nghe xong, lòng Pó vui không tả nổi, mắt sáng rực, anh quay sang Giống Chư và Lia Tu:

– Như vậy là hướng Pu Xai do Già Thò Tu chỉ huy và Ka Dươi do Xông Chư Chò chỉ huy đều giành thắng lợi. Bà con mình, bộ đội mình, đều một lòng cả! Trận này, chắc chắn ta thắng. Anh em gắng lên, đánh cho bọn phi biết núi rừng này không phải chỗ chúng muốn đến thì đến, muốn đi thì đi!

Giống Chư siết chặt báng súng, nghiêng răng nói như thề:

– Máu bà con ta đổ, không thể uống! Làn này phải quét sạch chúng!

Lia Tu ghì chặt lấy vai Pó, giọng chắc nịch:

– Có Pó đi đầu, chúng tôi chiến đấu tới cùng!

Lời thề hòa vào tiếng gió rừng hun hút. Đột nhiên, cả toán du kích đồng loạt hô vang:

– Quyết thắng! Quyết thắng!

Tiếng hô bật ra từ lồng ngực căng tràn sức sống, vọng lan khắp núi. Tiếng suối Nặm Kiên như dâng lên ào ào hưởng ứng, mưa rơi trên tán lá cũng rào rạt như nhịp trống giục trận. Những thân cây pơ mu sừng sững đứng nghe, như những chứng nhân bất tử. Trái tim mỗi người đập dồn dập, hòa cùng tiếng vọng “Quyết thắng” vang vọng, khiến cả núi rừng rung lên, hệt như có ngàn bàn chân đang bước ra trận.

Trời mưa lất phất, khe suối lạnh buốt. Bọn phi tú tập đông, hơn trăm tên, đang lùng sục các bản Lào nằm sát biên giới và rập ranh xuống Na Ngoi chuẩn xâm nhập vào địa bàn Pu Quạc và Thăm Hin.

Dưới tán cây đa cổ thụ, ba mũi quân vạch kế hoạch:

– Du kích Na Ngoi chặn hướng đông nam không cho địch xâm nhập bản Thăm Hin, – Vừ Lầu Pó chỉ vào tấm bản đồ đặt trên đất – Pa Thét Lào đánh thốc theo hướng từ Lào sang. Còn Giống Chư giữ mỏm Pu Quạc, không cho chúng vào bản. Lia Tu chỉ huy một nhóm phối hợp cùng quân của Nhia Vừ vừa đánh cắt đường tiếp viện vừa chặn đường rút lui của chúng. Chúng ta tạo thế trận bao vây, cô lập, quyết tâm quét sạch cụm phi tại biên giới, không để cho chúng quấy nhiễu dân bản.

Trong ráng chiều chạng vạng, ba bàn tay chai sần siết chặt đến rất bóng. Những gân xanh nổi hằn trên mu bàn tay, mồ hôi rịn ra ướt cả những vết sẹo cũ của năm tháng trận mạc. Vừ Lầu Pó nhìn thẳng vào mắt Lầu Nhia Vừ rồi xoay sang Giống Tu, giọng khàn mà chắc nịch:

– Làn này, tuy chúng đông quân hơn, nhưng chúng ta phải quyết tâm đánh thắng! Núi rừng này là máu thịt của mình, từng khe suối, từng nếp nhà sàn đều có

bóng dáng tổ tiên. Nếu chúng còn quấy nhiễu, dân bản lại phải gồng gánh đói khát, bỏ nương bỏ rẫy chạy loạn.

Lầu Nhia Vừ gật đầu, đôi mắt sâu như vực núi, ánh lên tia sáng lạnh:

– Bộ đội Pa Thét Lào đã sẵn sàng thực hiện theo chỉ lệnh của tổng chỉ huy, đầu phải đổ máu cũng không để lọt một tên.

Giống Chur, tay vẫn đặt trên chuôi súng, nghiêng răng ken két:

– Cắt đường tiếp viện rồi, bọn chúng như con cọp gãy chân. Trận này, không phải chỉ để thắng, mà là để chúng nhớ: đất này không có chỗ cho phi!

Gió núi ùa vào, tấm bản đồ khẽ rung. Ngoài xa, sương chiều đã quánh đặc, che mờ những dãy núi trùng điệp nơi biên giới. Bốn người vẫn nắm chặt tay nhau, như truyền lửa qua từng thớ thịt. Trong lòng mỗi người, một lời thề âm thầm bật lên: *dù phải ngã xuống, cũng phải giữ cho núi rừng này được bình yên.*

Đêm đó, Pó nằm nghiêng bên đống lửa, tay mân mê bức thư của già bản, ánh mắt xa xăm: phải thắng trận này, để dân không viết thư cầu cứu nữa, mà viết thư báo tin mừng.

Rạng sáng ngày thứ tư, tiếng súng nổ như sấm. Phi hoảng loạn, tràn về lối khe đá đúng nơi Pó đặt mìn. Lửa bùng lên, đá văng tung tóe. Du kích hô vang:

– Quyết sống mãi với phi, quyết giữ đất! Giữ bản!

Ba ngày đêm, rừng Pu Xai rung chuyển. Tiếng gió hú lẫn tiếng đạn xé rừng. Đội viên trẻ – Bá Ca – trúng mảnh đạn găm vào bả vai, răng cắn chặt:

– Em còn thở là còn bắn được, anh Pó cứ yên tâm mà đánh!

Cuối cùng, bọn phi tan rã, đứ đờ chết nằm lại, đứ chạy sang biên kia bị quân đội Pa Thét Lào của Lầu Nhia Vừ bắt sống. Rừng ngổn ngang cành lá, suối đỏ ngầu.

Trong niềm vui chiến thắng, Lia Tu chạy đến bên Pó, tay vẫn ôm chặt khẩu AK còn nóng. Anh cười hể hả, đôi mắt sáng rực:

– Pó ơi, súng này bắn sướng thật! Em vừa quật ngã gần chục thằng, mà băng đạn vẫn chưa hết. Không như khẩu súng kíp ngày trước, nhồi thuốc xong chưa kịp bắn đã thấy phi lao tới. Cái này mới đúng là vũ khí của dân mình, của du kích mình!

Nói rồi, anh đưa khẩu súng lên cao, hãnh diện như vừa cầm trong tay sức mạnh mới của núi rừng. Cả toán du kích cười vang, tiếng cười hòa vào tiếng suối rào rạt, như khúc khải hoàn ca sau trận đánh dữ dội.

Ngày thứ năm, trời hửng nắng. Pó cùng Lầu Nhia Vừ đi dọc khe đá, nhặt vũ khí, dựng lại mấy túp lều cháy dở. Dân bản Pu Quạc, Thăm Hin lác đác trở về, tay dắt con, mắt hoe đỏ. Một cụ bà níu tay Pó:

– Nhờ các anh, bà con được trở về bản.

Đêm đó, hai đội ngồi bên bếp lửa. Họ chia nhau từng vắt xôi, nắm chèo ớt, tiếng cười chen tiếng thở dài. Lầu Nhia Vừ rót cho Pó một cốc nước nóng:

– Người như các anh, giữ được dân, giữ được lòng. Trận này, không chỉ thắng phi, mà thắng cả niềm tin.

Vẻ mặt còn nổi tiếc, Lầu Nhia Vừ nói tiếp:

- Chỉ tiếc phát đạn cuối cùng của mình lại bị tịt, nếu không thắng cầm đầu không thể thoát được.

Pó vỗ vai Lầu Nhia Vừ:

- Chúng còn đến ta còn đánh, thế nào thắng cầm đầu ấy cũng không tránh được đạn của ta, anh đừng tiếc nữa. Trận sau nó không thoát đâu.

Pó nhìn ánh lửa hắt lên những khẩu súng Pháp mới thu được từ địch, lòng chột nhẹ đi: con đường này còn dài, nhưng đã bớt đơn độc. Bất chột anh nhìn sang Lầu Nhia Vừ:

- Chiến lợi phẩm này dành tất cả để tặng các bạn Pa Thet Lào đấy!

Mấy hôm sau, đoàn du kích Na Ngoi trở về trong ánh chiều nghiêng của vùng biên. Đường rừng còn sặc mùi khói súng, nhưng tiếng chim đã riu ran trở lại. Pó đi đầu, vai còn vết xước của những ngày chiến trận, theo sau là những gói vũ khí thu được, những băng cá nhân dính máu đã khô cứng.

Dân bản ùa ra đón, không phải bằng công chiêng linh đình, mà bằng những bàn tay gầy xoa nhẹ lên báng súng, những tiếng thì thào “các anh về rồi”. Một bà mẹ trẻ bồng con sà đến bên Bá Ca – đội viên trẻ lần đầu ra trận, trên vai còn băng vải trắng:

– Cháu bị đau à?

– Dạ không, vết xước thôi ạ, – Ca cười, răng trắng hếu, nhưng tay khẽ xoa chỗ băng.

– Lần đầu đi xa, đánh trận lớn, sợ chứ... mà đánh xong lại thấy muốn đánh tiếp.

Tối ấy, cả bản đốt lửa lớn. Gà được bắt ra, cơm mới dẻo thơm. Già bản nâng chén rượu ngô, mắt ánh lên:

– Từ trận này, phi sẽ không còn dám bén mảng nhiều nữa. Nhờ các anh, dân bản yên dạ làm nương.

Pó ngồi lặng nghe. Trong ánh lửa, anh thấy gương mặt Ca sáng lên giữa vòng người: chàng trai ấy, mới ngày nào còn vác cày, nay đã thành du kích thực thụ, dám nằm bò ngủ bụi vì bản làng.

Đêm khuya, Bá Ca nằm ngoài hiên sàn, gói đầu lên chiếc balô con, tay ôm chặt khẩu carbine, mắt nhìn trăng mỏng vắt ngang đỉnh núi. Trong lòng cậu vừa sợ, vừa tự hào: sợ những xác phi còn nằm lại trong khe đá, nhưng tự hào vì lần đầu bắn súng thật, lần đầu nghe đồng đội gọi mình bằng tiếng "anh em".

Cậu khẽ quay sang Pó:

– Anh Pó này, sau này mà có thêm súng, thêm người... mình đánh tới đâu, bản mình yên tới đó nhỉ?

Pó mỉm cười, đưa tay xoa đầu cậu như một người anh:

– Phải thế chứ. Đánh cho tụi nó sợ mà dân mình còn được sống làm người.

6. Na Ngoi, một sáng mùa hè năm 1951, sương mỏng như khói lam vất ngang rặng núi Pu Xai. Trụ sở xã Na Ngoi còn mùi gỗ mới, cột cờ dựng tạm bằng thân tre già, lá cờ đỏ sao vàng phấp phật bay giữa gió heo may.

Pó đứng giữa sân, tay cầm tờ quyết định bổ nhiệm Trưởng Công an xã. Gió lùa qua làm vạt áo chàm phập phồng. Lưng anh vẫn in vết quai súng, ống quần còn vương bùn khe đá. Trong khoảnh khắc ấy, tiếng gà bản gáy lẫn tiếng suối róc rách nghe như lời nhắc: đất này giờ đã có người đứng mũi chịu sào.

Bên cạnh, Lâu Lia Tu vỗ nhẹ vai Pó:

– Giờ thì dân bản có chỗ dựa rồi, anh Pó ạ. Không còn cảnh phải muốn vào bản là vào nữa.

Vừ Giống Chư – người từng vào sinh ra tử cùng Pó, nhăn nhó cười:

– Hồi trước tôi tưởng anh chỉ biết vác súng, không ngờ nay còn cầm được cả con dáo. Từ nay làm lớn, nhớ vẫn phải ra rầy với bọn tôi đây nhé!

Tiếng cười khẽ vang giữa sân, nhẹ mà ấm. Vài người dân bản đứng quanh, ánh mắt lấp lánh. Một bà mẹ trẻ bế đứa con mới biết đi, khẽ nói với chồng:

– Thế này là yên rồi, nó lớn lên chắc không phải trốn trong hốc đá như mình nữa đâu.

Pó không cười to, chỉ khẽ gật đầu. Trong lòng anh dâng lên một nỗi xúc động khó gọi tên: không phải vui sướng riêng, mà là sự tin cậy người ta trao, sự chờ đợi lặng lẽ của bao nhiêu mái nhà sau lưng. Anh nắm chặt tờ quyết định như nắm lấy một lời hứa.

Đêm Na Ngoi như khoác lên một tấm áo mỏng mờ hơi sương. Gió từ khe núi lùa qua những rặng sa mộc, mang theo hơi lạnh và mùi đất ẩm. Trên sườn dốc, ánh lửa từ bếp bộ đội nhấp nháy như mắt cá, lúc tỏ lúc mờ. Xa xa, tiếng suối đêm róc rách hòa cùng tiếng mõ trâu lộc cộc trong bản, nghe vừa gần gũi vừa xao xác. Đèn gác thắp thoáng bóng người qua lại, chiếc đèn bão hắt một vệt sáng vàng khè lên tán cây ướt sương.

Pó ngồi tựa lưng vào hiên trụ sở, nơi vừa diễn ra buổi lễ bàn giao nhiệm vụ. Người làm Đội trưởng đội du kích thay anh không ai khác là Vừ Giống Chư. Mùi khói bếp còn vương trên áo, vị muối của mồ hôi vẫn khô lại nơi cổ. Những bước chân lính gác xa dần, để lại khoảng lặng chỉ còn tiếng rừng thì thầm. Pó ngồi lặng bên hiên trụ sở, ngọn đèn dầu chập chờn theo gió núi. Lưng áo vẫn còn vết muối khô, bàn tay chai sạn vẫn vờ sợi dây đeo túi vải đã sờn cũ – vật theo anh từ thuở đội du kích Mường Ải mới lèo tèo dăm bảy người.

Anh nhớ lại những ngày mịt mù sương gió: con đường rừng trơn như đồ mỡ, vai súng tím vì gùi gạo, đêm nằm co ro trên tảng đá lạnh mà tai vẫn căng ra nghe động rừng. Có hôm, trời chưa kịp sáng đã phải đưa bà con vượt suối, tìm nơi giấu lương ăn; có bận, chưa kịp khô áo đã phải trở ra đặt bẫy, cài mìn ngăn phi.

Bao khuôn mặt hiện lên: Giống Chur lầm lũi vác súng, Lia Tu mồ hôi nhễ nhại đào hầm, mấy anh em trẻ măng tay run vẫn cần mẫn đứng lại vị trí. Những mái nhà cháy nham nhở, tiếng con trẻ khóc ré giữa rừng... tất cả như lửa đốt ruột.

Từ một tay du kích chỉ biết bóp cò, anh đã học cách chịu đựng, cách thương dân, cách dẫn lòng mình để không bắn vợi một viên đạn nào có thể gây thêm máu. Và giờ đây, trên đất Na Ngoi, trước những dãy núi thâm nghiêm, Pó thấy như tất cả đã được gỡ ra, đã có người nghe, có người chia vai gánh vác.

Anh ngẩng nhìn bầu trời đêm, bàn tay chạm khẽ vào khẩu AK mới toanh, lòng chột nhớ tới Mường Ải, nhớ Y Dênh và Páo Lử.

- Mày nhớ nhà hay sao mà giờ vẫn chưa về nhà nghỉ - Giống Chur đến, dúi vào tay anh một nắm cơm nếp còn hơi ấm:

- Ăn đi, trường công an mà đói thì còn sức đâu mà lo cho dân!

Mấy anh em du kích đi tuần về quây lấy Pó, mặt ai cũng phân chấn. Đội trưởng Giống Chur chống cây súng lên vai, nheo mắt nhìn Pó:

- Hồi ở Mường Ải, cậu gây nhặng như cọng lau, bây giờ đứng ngang hàng với bộ đội rồi đấy. Nhưng nhớ nhé, chức to thì trách nhiệm cũng to.

Pó gật đầu, cười nhẹ:

- Em mà quên, các bác nhắc ngay chứ gì. Nhưng yên tâm, dù là gì, Pó vẫn là người dẫn anh em lên rừng, xuống suối, giữ bản như ngày nào.

Mấy anh em trẻ hơn, từng theo Pó băng rừng về Na Ngoi, rụt rè nói:

- Giờ có súng tốt, có bộ đội giúp, ta không sợ mấy thằng phi lên vào đốt bản nữa đâu anh Pó nhỉ?

- Không chỉ có súng - Pó nhìn quanh, giọng trầm xuống - còn có lòng dân. Có dân, mình mới giữ được núi rừng này.

Một cô gái trong bản mang rổ ngô non đến biếu, lí nhí:

- Chúc mừng anh Pó, có các anh giữ cho bản yên thì bọn em mới trồng được lúa, ngô mùa này.

Anh nhận rổ ngô, khẽ đặt xuống thềm nhà, đưa mắt về phía cô gái:

- Bà con tin, thì chúng tôi không được phụ.

Vừ Giống Chur ngồi xuống cạnh Pó, bàn tay chai sần vỗ nhẹ lên vai anh.

- Anh em mình cùng vượt bao mùa mưa nắng rồi, giờ cậu sang bên công an xã, gánh cũng nặng lắm đấy.

Pó gật đầu, nụ cười còn vương chút luyến tiếc. Cả hai ngồ lặng bên hiên trụ sở xã, lửa bếp nhà ai nghi ngút khói, bên ngoài tiếng suối Nặm Kiên vẫn rì rầm như chứng kiến cuộc chia tay thâm lặng.

- Đội du kích giao lại cho tôi, nhưng bước chân cậu vẫn ở đây- Giồng Chur nói, ánh mắt sâu như đá núi.

Pó nắm chặt tay anh:

- Công an xã hay du kích cũng cùng một trận tuyến, cùng giữ rừng giữ bản. Khi cần, tôi vẫn luôn ở bên các anh.

Hai người lặng im một thoáng, rồi cùng bật cười khẽ, tiếng cười tan vào sương đêm, hòa cùng tiếng suối thao thác ngoài kia.

Sáng hôm sau, Na Ngoi vẫn còn ngái ngủ dưới màn sương mỏng, những mái nhà thấp thoáng bên bờ suối. Pó đứng ngoài cửa trụ sở xã, nhìn từng bước chân dân bản đi chợ, từng đứa trẻ nô đùa trên bãi cỏ, lòng anh vừa rộn ràng vừa nặng trĩu trách nhiệm. Chức Trưởng Công an xã không chỉ là danh hiệu – nó là gánh nặng của sự bình yên, của tính mạng dân bản và của từng đồng đội từng sát cánh bên anh.

Anh đi vào phòng làm việc, nơi bàn giấy vẫn còn ngổn ngang những báo cáo từ bộ đội, danh sách dân bản, những thư khẩn cầu giúp đỡ từ vùng Tà Khum. Mỗi tờ giấy như mang theo một phần lịch sử đau thương, và đồng thời là niềm tin mà dân bản gửi gắm. Pó ngồi xuống, tay run run, nhưng ánh mắt đầy quyết tâm. Anh thầm nhủ: “Phải làm được. Dù mệt mỏi, dù nguy hiểm, Pó phải giữ gìn yên lành cho bản.”

Những ngày đầu, Pó không chỉ nắm công việc hành chính. Anh cùng Giồng Chur rà soát lại đội du kích, phân công từng người theo từng khu vực bản, bám sát dân, bảo vệ mùa màng, kiểm tra những dấu hiệu phi lén vào. Những buổi chiều, Pó vẫn nhắc Giồng Chur và Lia Tu dẫn các đội viên mới vào rừng, huấn luyện bắn súng, mai phục, cài mìn, kỹ năng trinh sát – anh nhấn mạnh: “Bí mật là mạng sống. Không ai được liêu lĩnh đôi đầu nếu chưa có thể mạnh.”

Buổi tối, khi ánh đèn dầu hắt in vách nhà, Pó ngồi một mình, nhìn bản đồ trải trên bàn, nhớ lại những ngày tháng Mừng Ái: những cuộc hành quân băng rừng, những trận chiến mưa nắng, những nụ cười và nước mắt của đồng đội. Anh thấy tim mình dâng một sự thèm khát lạ lùng – khát khao bảo vệ bản, khát khao để dân yên vui. Trong đầu, anh tưởng tượng bộ đội Na Ngoi, những khẩu tiểu liên AK, CKC, súng ngắn trên hông các anh chỉ huy... Anh thèm khát được cùng họ đứng chiến tuyến, nhưng đồng thời thấy mình đã có trách nhiệm riêng – không chỉ là người chiến sĩ, mà là người đứng mũi chịu sào cho cả xã.

Những tuần đầu trôi qua, Pó nhận ra mình phải học cách cân bằng: vừa là người lãnh đạo, vừa là đồng đội, vừa là người của dân bản. Anh dành thời gian trò chuyện với già làng, lắng nghe những câu chuyện về phi, về các đội viên đã hy sinh, về nỗi sợ hãi của bà con khi rừng sâu đầy cạm bẫy. Mỗi câu chuyện như một bài học, khiến anh thấm thía rằng quyền lực không phải để ra lệnh, mà để bảo vệ và sẻ chia.

Từ khi Na Ngoi có bộ đội, du kích, bây giờ có cả công an nên bắt đầu yên tâm. Họ thấy những chuyến tuần tra, những cuộc gặp gỡ thường nhật, những buổi sinh hoạt đoàn thể mà Pó tham gia. Họ thấy anh không chỉ là công an, mà là một phần của bản, một người mà mọi lời khẩn cầu đều được ghi nhớ và thực hiện. Những ánh mắt theo anh khi anh đi qua, những nụ cười thoáng qua, dần dần khắc sâu trong Pó một cảm giác vừa ấm áp, vừa trách nhiệm vô cùng lớn.

Ban ngày là công việc, ban đêm là hồi tưởng và suy ngẫm. Anh nhắc nhở bản thân từng bước trưởng thành: từ du kích sang công an xã, từ người dẫn đồng đội đi đánh phi sang người lãnh đạo giữ bình yên. Mỗi quyết định, mỗi chỉ huy, mỗi lời khuyên cho đồng đội đều trở thành bài học, đúc kết kinh nghiệm, và nuôi dưỡng niềm tin: anh không thể thất bại, không thể để dân bản chịu bất cứ nguy hiểm nào.

Dần dần, những bước trưởng thành ấy hiện rõ trong từng ánh mắt đồng đội, từng nụ cười bà con. Pó hiểu rằng con đường phía trước còn dài, nhưng ít nhất giờ đây, anh đứng vững – một người lãnh đạo vừa dạn dày chiến trận, vừa đầy lòng nhân ái và quyết tâm. Và Na Ngoi, với bầu trời trong veo và núi rừng bạt ngàn, trở thành nơi anh bắt đầu một chương mới: không chỉ chiến đấu cho tự do, mà còn chiến đấu để gìn giữ bình yên, để xây dựng niềm tin, để dân bản thấy an lòng.

7. Tháng 9 năm 1959, Na Ngoi bắt đầu vào mùa mưa. Khi các đồng đội đang tuần tra ở vùng núi Pu Xai, Pó nhận tin báo từ Ủy ban huyện: ông Chủ tịch huyện Trương Dương mời xuống để giao nhiệm vụ mới. Anh hồi hộp, lo âu, không biết nhiệm vụ mới là gì đây.

Từ ngoài sân anh Thắng chính trị viên đi vào và đưa cho Pó tờ điện báo có đóng dấu mật. Pó nhìn anh, cười nhẹ, tay run nhẹ khi nhận tờ giấy. Trong ngực anh, không chỉ là niềm tự hào – mà còn là sức nặng. Mỗi nét chữ trên tờ giấy ấy như gói theo cả tiếng khóc của những bản làng từng cháy, cả ánh mắt bám víu của những đứa trẻ từng nắm tay anh giữa đêm chạy giặc.

Anh Thắng nói nhỏ:

– Chúc mừng Pó nhé. Giờ là cán bộ huyện rồi đấy. Anh em tin cậy cậu lắm đấy. Không phải chỉ vì cậu đánh giỏi, mà vì cậu biết giữ dân. Cái đó quý hơn vàng.

Lời ấy, nghe giản dị mà khiến sống lưng Pó nóng ran. Giữ dân – bốn năm qua anh làm điều đó bằng cả mạng mình, và giờ nó trở thành lý do để anh tiếp tục đi xa hơn.

Ngày hôm sau, Na Ngoi vẫn còn chìm trong sương sớm, Pó lấy khẩu súng khoác lên vai, buộc chặt túi vải vào yên ngựa. Con ngựa nâu già đã theo anh từ những ngày đầu vào du kích, giờ lại cùng chủ xuống huyện nhận nhiệm vụ mới. Nó hát bồm, khịt khịt hơi lạnh, dường như cũng hiểu chuyện đi này chẳng phải dạo chơi. Anh đến chào anh Thắng và anh Hùng, rồi ghé qua báo Chủ tịch xã trước khi xuống huyện.

Con đường từ Na Ngoi về Thạch Giám uốn lượn như dải thắt lưng bạc vắt qua rừng già. Hết dốc này đến khe khác, Pó phải xuống dắt ngựa qua những quãng bùn lầy, rồi lại cầm cương leo lên yên, lưng áo sớm dẫm sương. Có lúc, đèo cao sương

trắng, vệt thắm hun hút một bên, tiếng thác Nậm Kiên gầm réo dưới chân khiến anh nắm chặt dây cương hơn.

Gần trưa, Pó dừng ở bản Xốp Kiên, ngựa cúi đầu uống nước, anh nhai vôi nắm cơm gói lá. Rồi lại tiếp tục đi, nắng xé nghiêng bóng ngựa dài như sợi khói. Đường xuống càng về gần Thạch Giám càng lắm dốc đá, những vệt trâu kéo hằn sâu vào mặt đất khô nẻ.

Khi bóng núi kéo dài xuống tận bờ sông Lam, Pó mới trông thấy mái tranh nâu sẫm của Ủy ban huyện ở bản Khe Chi. Con ngựa thở phì phò, bờm ướt đầm, nhưng ánh mắt vẫn sáng như ngày nào cùng anh qua đèo, vượt suối. Chiều ấy, Pó đặt chân tới cổng huyện, mang theo bụi đường và cả những năm tháng làm Trưởng công an xã còn vương trên vai áo.

Sân Ủy ban hành chính kháng chiến huyện Tương Dương chiều ấy phủ ánh nắng vàng nhạt, mái tranh lọt thỏm thoáng khói bếp. Con ngựa nâu già vừa dừng vó, Pó còn chưa kịp phủi bụi đường thì anh Chinh – ủy viên thư ký – đã bước ra, nụ cười rạng rỡ:

– Pó đây à! Đi đường có mệt không? Chủ tịch đang chờ cậu đấy.

Pó vừa gập đầu, tay còn giữ dây cương, thì từ hiên nhà, Chủ tịch Lang Văn Lương sải bước nhanh ra, giọng đầy vui mừng:

– Ôi, người anh hùng Mường Ải đây rồi!

Ông dang tay ôm chặt lấy Pó, cái ôm chắc nịch và ấm như hơi rừng.

– Xa thế mà về kịp, dân bản nhắc tên cậu suốt!

Sau phút chào hỏi, anh Chinh đưa Pó vào phòng làm việc. Căn phòng gỗ đơn sơ, trên bàn còn vương mùi khói giấy. Chủ tịch Lương rút từ ngăn bàn một tập giấy có dấu đỏ, đặt trước mặt Pó:

– Hôm qua, Hội đồng huyện họp và thống nhất bầu cậu làm Ủy viên Ủy ban hành chính. Hôm nay, chúng tôi quyết định điều cậu về công tác tại Ban cán sự Mường Xén, trực tiếp phụ trách xã Na Ngoi. Đây là quyết định.

Pó hai tay đón lấy, lòng dâng lên vừa tự hào vừa trăn trở. Anh khẽ đáp:

– Tôi xin nhận nhiệm vụ. Dù đường khó, tôi sẽ làm tròn trách nhiệm.

Chủ tịch Lương nhìn anh, giọng trầm mà ấm:

– Cậu là người bản, hiểu dân, hiểu rừng núi này. Làm cán bộ không chỉ là đánh giặc, còn phải dựng bản, giữ lòng người. Hãy về đó như người con của bản, không phải người trên gửi xuống.

Pó gập đầu. Ngoài kia, gió từ sông Lam lùa qua mái tranh, tiếng gà bản Khe Chi đã gáy gọi chiều.

Chiều muộn, khói bếp từ gian nhà ăn của Ủy ban huyện tỏa ra thơm mùi gạo mới. Pó được mời ở lại dùng bữa cùng cán bộ huyện. Mâm cơm đơn sơ: bát canh

rau dún xanh mướt, đĩa cá mát kho nghệ, ít thịt trâu gác bếp, măng rừng và bát rượu ngô men lá nồng cay.

– Ăn đi Pó, đường xa thế rồi, có chén rượu cho ấm bụng – anh Chinh vừa rót rượu vừa cười.

Pó nâng bát, nhìn quanh gian nhà mái tranh gió lùa, thấy ấm áp lạ. Tiếng nói, tiếng cười xen tiếng chó sủa ngoài sân, một bữa cơm kháng chiến mà như bữa cơm bản, chan chứa tình người.

Đêm ấy, Pó được xếp ngủ chung phòng với anh Chinh – ủy viên thư ký. Ánh đèn dầu lay lắt, tiếng côn trùng rả rích ngoài hiên. Câu chuyện giữa hai người như con suối nhỏ chảy dài trong đêm: chuyện nhà, chuyện Na Ngoi, chuyện biên giới, chuyện những phiên chợ vùng cao.

Pó mới hay, anh Chinh là con thứ của bà Bún Hồng – người nổi tiếng một thời với những tấm vải tơ tằm mịn như sương ở Thạch Giám, một bạn buôn thân quen của mẹ anh – bà Y Xia. Hóa ra, cái duyên bản mường đã nối hai người từ thuở nào chưa gặp mặt.

– Thế mà giờ mình mới biết! – Pó bật cười, ánh mắt rạng rỡ sau ngày đường xa.

– Đồi đây Pó ạ, đất này tuy rộng nhưng người lại gần nhau lắm – anh Chinh khẽ đáp, giọng như gió khe Khe Chi.

Từ đêm đó, hai người trở thành đôi bạn thân – một người đã lăn lộn nơi biên cương, một người gắn bó cùng huyện, cùng chung một nỗi lo giữ bản, giữ đất.

Chương 9:

1. Một buổi sáng sương dày như tấm chăn bạc trùm kín cả núi rừng, xóa nhòa ranh giới giữa trời và đất. Dây Pu Xai sừng sững như một bức tường thành khổng lồ, chạy dài tít tắp về phía biên giới Lào, những rặng pơ mu cổ thụ lưng chừng núi nghiêng ngả đón gió, lau lách xơ xác rạp xuống triền đèo như những lưỡi dao khổng lồ quét qua mùa mưa bão.

Na Ngoi khi ấy là xã hẻo lánh, khó khăn nhất huyện Tương Dương. Đường vào không phải là đường, chỉ là vết mòn của chân người, móng ngựa, trâu thồ. Mùa khô, mặt đất nứt toác, bụi đỏ au bám chặt vào da người, quần áo. Mỗi đoàn ngựa đi qua, con bụi bốc lên phủ kín cả khe núi như khói bếp. Mùa mưa, nước lũ từ Pu Xai tràn xuống, những con suối vốn hiền lành trở thành dòng thác hung hãn, xoáy sâu vào bờ, cuốn trôi cả lối mòn. Có đoạn phải leo qua vách đá dựng đứng, bên trái là núi, bên phải là vực sâu hun hút; một cái trượt chân đủ để người ngựa tan xác. Có khúc bắc cầu bằng cây rừng, chỉ cần qua một mùa nước lũ là mục ruỗng, gió núi thổi cũng rung bần bật.

Mỗi chuyến đi từ Mường Xén vào Na Ngoi là một cuộc đánh cược với trời đất. Giao liên công công vẫn, có hôm đi từ lúc gà gáy, vượt ba bốn ngọn đèo, lội qua bảy tám con suối, đến đêm vẫn còn nằm lại giữa rừng, chỉ có tiếng côn trùng rền rĩ, tiếng thú rừng rình rập.

Những bản làng Na Ngoi rải rác như hạt cườm lặn trên lòng chảo rừng xanh. Bản ven suối lợp mái tranh, vách nứa, sương trắng giăng mờ; bản lưng chừng núi sáng khói lam chiều, tiếng chó sủa vọng xuống khe sâu. Người Mông, Thái, Khơ Mú sống xen kẽ, mỗi dân tộc một nếp, nhưng cùng chịu cái đói, cái rét, cùng chia sẻ con đường hun hút ra chợ huyện. Ngày chợ phiên, bà con gửi bắp, vác gửi măng khô, vài miếng mật ong rừng đổi lấy muối, dao, ít vải thổ cẩm. Chợ tan sớm, đường về dài, mây đã phủ kín Pu Xai.

Phi ở vùng này như loài cáo rừng ranh mãnh, không đông nhưng luôn rình rập. Chúng ẩn trong bụi lau, nấp trong rừng nứa, ban ngày lẩn như bóng, ban đêm lén về bản. Có bản vừa dựng lại nhà, đêm xuống phi đốt sạch; có nhà chứa cán bộ qua đêm, sáng ra gà bị bắt, lúa bị đổ, cả bản phải bỏ nương, lánh lên rừng. Chúng không chỉ cướp bóc, mà còn rí tai bà con, gieo rắc lời dối trá, lôi kéo những ai lơ lửng giữa ranh giới tin và sợ. Ban đêm, chúng thường mò vào bản như những chiếc bóng. Chúng không ồn ào gõ cửa, không đốt đuốc rầm rập mà rình đúng lúc nhà có cán bộ ghé thăm, hay nhà ấy từng nấu bát ngô cho du kích. Chúng khẽ gõ vách nứa, lách qua cửa sau, mang theo ít muối, gói thuốc, có khi cả bọc vải thổ cẩm mua từ bên kia biên giới. Lời chúng ngọt như rượu ngô: “*Người Mông phải nghe lời người Mông, cách mạng chỉ lợi cho người Kinh thôi. Theo chúng nó rồi, có được thêm trâu không? Có bát cơm đầy không?*”

Chúng khéo nắm những cái khó của dân: thiếu muối, thiếu dao, thiếu ngựa, sợ đói. Có nhà hôm trước còn đốt lửa đãi cán bộ, hôm sau đã nghe lời dỗ ngon ngọt,

lặng lẽ đem bắp khô giấu vào rùng, không cho du kích vay. Có kẻ bị dọa: “*Cho chúng nó ăn, mai một chúng tao bắt cả nhà sang Lào làm phu.*” Dân bản vốn chất phác, thương cán bộ nhưng cũng sợ đêm tối, sợ tiếng súng sau lưng. Thế là, phi không cần bản, chỉ cần rí tai là nút ra một vết. Vừ Lầu Pó từng nghe bà con thờ dài: “*Cán bộ đi rồi, nhà tôi còn cửa nữa không?*” Cái khó của cách mạng Na Ngoi không chỉ là đường dốc, suối sâu, mà còn là những bóng người lẩn khuất trong đêm, gieo sợ hãi vào từng gian nhà.

Thông tin liên lạc trong xã dựa hết vào những bước chân làm lũi của giao liên, mà mỗi bước chân là một canh bạc với số phận. Người mang công văn phải đi từ khi gà chưa gáy, lội suối, trèo đèo, nhiều khi giữa đêm nghe tiếng nước ào ào dưới chân Pu Xai mà không biết con suối có còn lối qua. Có kẻ bị lũ cuốn, công văn ướt nát; có người ngã ngựa, thư từ vương vãi giữa rùng, đau mấy cũng cố bò lượm nhặt hết không thể để rơi vào tay kẻ xấu. Có hôm, ngã đau không thể đi tiếp phải ngủ lại trong rùng, hôm sau có người khác tìm theo vết chân mà mang đi tiếp.

Toàn xã khi ấy chỉ có tám đảng viên – tám ngọn đuốc nhỏ nhoi cắm rải rác trên bản đồ biên cương mênh mông. Sức người ít, đường đi cách trở, tin tức ra vào Na Ngoi nhiều khi chậm cả tuần, cả tháng. Cán bộ huyện muốn xuống bản phải gửi muối, gửi thóc theo, vì bà con còn chưa đủ ăn.

Vùng đất ấy không lạ với Vừ Lầu Pó. Anh đã từng làm trưởng công an xã nơi đây, đã từng cùng bà con lập đội du kích, ngồi bên bếp lửa nhà sàn nghe tiếng mưa đêm rơi trên mái tranh, từng cùng giao liên vượt qua khe Nậm Kiên, đèo Pu Lau giữa mùa đông gió rét. Pó biết rõ từng khúc cua có đá chênh vênh, từng chiếc cầu tre kêu cọt két, từng bãi lau nơi phi hay phục kích. Mỗi con suối, mỗi ngọn núi như một vết hằn trong trí nhớ.

Giờ đây, khi trở lại với tư cách cán bộ huyện, phụ trách cả vùng, Pó thấy lòng nặng như mang đá. Trước mắt anh không chỉ là những lối mòn và dốc đứng, mà là cả một trận địa lòng người cần gây dựng. Người dân Na Ngoi tin cách mạng, nhưng cái tin ấy còn non yếu; họ quý cán bộ, nhưng sự sợ hãi phi vẫn như lưỡi dao treo trên đầu. Một lời kêu gọi không đủ, một phong trào hời hợt không xong – phải làm sao để đoàn kết được các dòng họ, để thanh niên chịu nghe, để hạt giống tin tưởng bén rễ giữa rùng Pu Xai dày sương.

Pó thờ dài nhìn dãy núi chìm trong sương đặc, lòng thâm nhủ: “*Liệu mình có gặp lại tất cả không?*” Anh nhớ Giồng Chư – người đội trưởng du kích năm nào, vai vắn vắt khẩu AK, ánh mắt sắc như dao núi nhưng tiếng cười vang rùng. Nhớ bà con bản Lầu, bản Buộc, những đêm gió bắc thốc vào sàn nhà tranh, cả bản góp nắm ngô khô cho anh và đồng đội cầm hơi. Nhớ già Páo Mu, người từng lặng lẽ bắc cầu tre cho đội du kích, bộ đội qua suối, rồi vác đá lấp lối mòn để phi không lẩn ra. Còn cả những người từng che chở anh giữa vòng vây – chị Mùa Thị Súa điu con lách rùng đưa tin, hay lão Lý Văn Dền cho mượn ngựa băng đèo. Mỗi cái tên, mỗi khuôn mặt hiện về như đóm lửa lẩn trong màn sương Na Ngoi. Họ đã nâng đỡ anh, nuôi anh qua những tháng ngày khói lửa, giờ đây Pó trở lại, không phải để nhận ơn, mà để

cùng họ giữ vững mảnh đất này – giữ cho dãy Pù Xai không chỉ còn là núi, mà là thành lũy của lòng người.

Gió sớm luôn qua khe đá, đưa tiếng khèn Mông lạc lõng từ bản xa. Mùi khói bếp quện trong sương khiến Pó nhớ những đêm mùa đông đã qua: khói cay mắt, hơi ngựa còn bốc nóng, tay vẫn cầm khẩu súng cũ. Hôm nay, nhiệm vụ khác xưa, nhưng đường vẫn vậy: vẫn dốc, vẫn dài, vẫn có những con mắt trong đêm chực chờ.

2. Mùng Xén năm 1959, trời cuối thu âm âm hơi lạnh, dù nắng sớm đã rọi lên dãy Pù Xai vạt sáng vàng như mật. Sương rừng dày đến mức đứng đầu bản mà trông xuống vẫn như nhìn đáy một biển khói. Con ngựa già của Vừ Lâu Pó khẽ hắt hơi, bờm ướt đầm, mùi mồ hôi ngựa ngai ngái quện với mùi đất ẩm của rừng. Pó vượt nhẹ vào bờm nó, bàn tay chai sần như khế nhắc: “Lại về rồi, già ạ. Đường cũ đấy, nhưng việc không còn cũ nữa đâu.”

Bên cạnh anh, Nguyễn Hữu Ba đang kiểm lại đai yên. Người Cửa Rào, dáng gầy nhưng chắc, nước da ngăm hồng do sương gió miền núi. Anh vốn nổi tiếng điềm đạm, ít lời, đôi mắt dài, khóe miệng thường giữ nụ cười vừa đủ. Cả hai anh em về nhận nhiệm vụ ở Ban cán sự Mùng Xen cùng một ngày, Ba ít hơn Pó 3 tuổi. Lần này được huyện giao cùng Pó phụ trách Na Ngoi – vùng biên giới đầy gió núi, anh không nói nhiều, chỉ gật đầu nhận việc, nhưng suốt mấy đêm liền không ngủ yên. Ba nghe về Pó đã lâu: nào là người từng diệt ổ phi ở Mùng Ai, Khâu Khất..., nào là anh cán bộ dám một mình vượt suối cứu mấy đứa trẻ trong lũ, nào là chàng trai từng bị thương mà vẫn về dựng lại bản với bà con. Giờ đi cùng người ấy, lòng anh vừa tò mò vừa có chút kính nể, lại muốn xem đất Na Ngoi thực hư ra sao.

Con đường từ Mùng Xén lên Na Ngoi dài hơn ba chục cây số, nhưng với lưng ngựa và gùi đồ, phải đi cả ngày mới tới. Sáng ấy họ khởi hành từ tinh mơ, khi gà còn chưa gáy, sương phủ kín bãi cỏ ven suối. Vượt qua con dốc Phá Kháo, nơi đá vôi lởm chởm như lưỡi búa, hai người ngựa dừng lại buộc lại yên. Phía trước là đoạn đèo Pù Lau – xương sống của con đường, ngoằn ngoèo như rắn, một bên vách dựng, một bên vực thẳm hun hút. Mỗi lần gió thổi, lau lách rạp xuống che cả lối, ngựa phải chậm từng bước, móng trượt vào khe đá kêu leng keng.

Pó quen đường, nhưng mỗi lần trở lại đều thấy khác. Đường này năm trước bị lũ xé mất mấy bậc, giờ chỉ còn lối mòn như sợi chỉ vắt qua lưng núi. Ba nhìn quanh, buột miệng:

– Cán bộ Na Ngoi đi thế này mãi sao? Mưa một cái là mất đường chứ chẳng chơi.

Pó nhếch cười, khô khan:

– Đường của phi cũng thế, đâu có riêng mình ta. Chúng cũng ngã ngựa, cũng trượt chân thôi. Nhưng vì dân, mình phải đi, phải đi trước.

Qua dốc Pù Lau là đến con suối Nậm Kiên, mùa này nước chưa xiết nhưng đá phủ rêu trơn như bôi mỡ. Họ phải xuống dắt ngựa, chân lội ngập đến bắp, nước lạnh buốt chạy vào ống quần. Tiếng nước chảy rì rầm, hai bên bờ cây rậm che khuất cả trời. Ba cười, răng trắng nổi bật giữa làn sương:

– Bảo sao cán bộ ở đây chân tay rắn như rễ pơ mu. Một ngày đi thể này đủ bằng nửa tháng ở vùng xuôi.

Pó chỉ hừ khê, mắt nhìn về phía rừng bên kia suối. Nơi ấy, năm trước du kích từng đóng chốt, đêm đêm đốt lửa đuổi phi. Anh nhớ gương mặt Giồng Chư, Lia Tu, nhớ ánh mắt già Vừ Bá Chia, A Sính, nhớ cả đám trẻ hay chạy theo anh xin viên kẹo. Bao nhiêu người còn, bao nhiêu người mất? Nghĩ đến đó, tim anh thắt lại, bàn tay nắm dây cương siết chặt.

Ra khỏi Nậm Kiên, con đường bắt đầu dốc đứng, vắt qua triền núi toàn đá xám. Mây kéo thấp, từng lọn như lùa qua yên ngựa. Gió hun hút mang mùi hoa rừng ngai ngái, thỉnh thoảng vọng tiếng vượn hú từ khe sâu. Ba ngoái lại, thấy dưới chân mình cả thung lũng phủ sương trắng, con suối uốn lượn như sợi chỉ bạc. Anh chắc lưỡi:

– Đẹp thật, nhưng hiểm quá. Phi mà mai phục, một tảng đá cũng đủ mất mạng.

Pó gật, mắt không rời con dốc trước:

– Đây là Pu Tầu, dốc đứng, phải bò từng tí như rùa (tầu). Có người còn gọi đùa là dốc “ma nhai” (ngựa chơi). Vì ở lưng chừng dốc có bãi cỏ, người đi đường thường dừng chân cho ngựa ăn lấy sức. Nhưng từ khi có phi phục người ta không nghỉ nữa, mà nhanh chân ra khỏi nơi này, càng nhanh, càng tốt. Bọn phi hay rình ở chỗ khuất, đầu dốc hay đoạn rừng lau kia kia. Hồi tôi làm công an xã, đã chôn mấy đồng chí ở đó.

Lời nói của Pó làm Ba lặng đi một lúc. Con ngựa khê khịt mũi, hơi thở phả ra như khói. Trời về trưa, nắng chưa xuống được đáy rừng, chỉ có tiếng chim lẻ kêu đầu đó nghe buốt gáy.

Ra khỏi dốc “ma nhai”, cả hai dừng nghỉ ở một bãi cỏ ven khe, ăn tạm nắm cơm nắm và miếng thịt khô. Ba lau mồ hôi, ngược nhìn rặng núi Pu Xai sừng sững phía xa:

– Tôi nghe nói anh từng bám Na Ngoi lâu lắm rồi?

Pó gật:

– Hơn hai năm làm Đội trưởng du kích, gần tám năm làm trưởng công an xã. Dân bản quen mặt, nhưng không phải ai cũng đã hiểu cách mạng. Họ thương cán bộ, nhưng sợ phi hơn.

– Giờ mình về với tư cách khác rồi, có khi dễ hơn chăng? – Ba hỏi.

Pó cười nhạt:

– Chưa chắc. Cán bộ huyện mà chẳng lo được cái ăn cho dân, thì cái uy cũng mong manh như khói núi thôi.

Họ lại lên đường. Con dốc sau bãi cỏ dẫn vào rừng pơ mu, bóng cây đan kín như một chiếc lưới. Ngựa dẫm lên lớp lá mục nghe rộp rộp. Thỉnh thoảng, vài vết giày to hơn chân người in trên đất ướt – dấu của phi hoặc bọn buôn muối lậu từ bên kia biên giới. Ba cúi xuống xem, ánh mắt nghiêm lại:

– Dấu còn mới, chừng ba hôm.

Pó gật, không nói, nhưng tim đã đập mạnh hơn. Anh nhớ lời bộ đội dặn: “*Phi còn rải rác, đừng đi lẻ, đừng cắm trại bừa.*” Nhưng giờ quay lại thì không kịp, nhiệm vụ Na Ngoi đang đợi.

Đường dần thoải ra khi chiều ngả, ráng nắng cuối ngày rắc lên sườn núi màu mật ong sẫm. Xa xa, mấy mái nhà sàn hiện mờ trong khói bếp, tiếng chó sủa vọng qua khe núi. Pó ghìm ngựa, nhìn một hồi lâu, mắt bỗng nhòe đi. Đây là đất từng nâng đỡ anh, từng che chở anh trong những ngày bão đạn. Có những người mẹ Na Ngoi đã giấu anh dưới gầm sàn khi phi lưng; có những người anh, người em từng chia cho anh bát ngô cuối vụ. Giờ trở lại, anh không còn là cán bộ xã, mà là người mang chỉ thị của huyện, mang gánh nặng mở đường, gây dựng lại lòng dân.

Ba thúc ngựa đến gần, khẽ cười:

– Anh nhìn như gặp người thân lâu năm.

– Ừ... Người thân cả đấy. Dù có kẻ nằm xuống rồi. – Pó nói, giọng trầm lại.

Trong đầu anh thoáng hiện tên Vừ Giồng Chu – đội trưởng du kích năm xưa, người từng xông vào ổ phi cứu anh thoát chết. Có cả bà Xồng Y Dợ – người gói cho anh nắm cơm độ đường, Lâu Lia Tu, từ một liên lạc thông minh, gan dạ đến một trợ lý sắc sảo, Bá Ca – cậu trai trẻ đeo súng kíp đi theo anh từng bước... Những gương mặt ấy, giờ còn ai, mất ai?

Ngựa qua cầu tre vào bản, gió núi thổi ào qua mái tranh, khói bếp thơm mùi lá dong, mùi ngô non luộc. Pó hít một hơi dài, rồi khẽ nói với Ba:

– Từ hôm nay, anh em mình phải cùng gây dựng lại cả vùng này.

Ba siết dây cương, gật đầu:

– Vâng. Đường này khó, nhưng người với người cùng lòng thì không sợ núi cao.

Tiếng vó ngựa rộn lên trên con đường đất, hòa vào chiều sương Pu Xai, như báo hiệu một chặng mới bắt đầu.

3. Năm 1960 Huyện ủy Tương Dương chủ trương thành lập Hợp tác xã nông nghiệp và phát động phong trào thi đua “Đoàn kết để sản xuất”. Pó và Nguyễn Hữu Ba – một đảng viên trẻ được giao nhiệm vụ phụ trách Na Ngoi, nhưng đường đi chưa rõ, lòng còn nhiều băn khoăn: làm sao để bà con tin, để cả bản cùng chung sức?.....

Đêm Na Ngoi hun hút gió. Lửa bếp trong lán làm việc bập bùng hắt lên vách gỗ, Pó ngồi trầm ngâm nhìn khói thuốc lam vờn qua khe cửa. Hơn bốn năm rồi kể từ ngày anh theo đoàn cán bộ Nghệ An ra Hà Nội dự Quốc khánh. Ấy là mùa thu 1955, hoa sữa Thủ đô thơm nồng khắp phố, lá xà cừ vàng rơi đầy gót. Lần đầu tiên trong đời, chàng trai miền biên viễn được thấy cờ đỏ sao vàng rợp trời, được nghe tiếng trống mừng vang dậy Ba Đình. Hôm ấy, lòng Pó vừa tự hào vừa rung rung: tự hào vì núi rừng đã có ngày hòa cùng niềm vui đất nước, rung rung vì nghĩ đến những bản làng xa tít Mường Xén còn lam lũ, mây mù che lối. Giờ đây, ngồi giữa Na Ngoi

gió lạnh thảng thát, anh vẫn nhớ rõ ánh mắt Bác Hồ khi bước ra lễ đài, vẫn nghe như tiếng Bác dặn: “Miền núi phải cùng đồng bằng tiến bước, không ai bị bỏ lại phía sau.”

Pó nhớ, ngày anh nhận giấy mời, từ Mường Xén, Pó đi bộ mất 4 ngày đêm mới đến Vinh. Trong lòng anh là sự náo nức xen lẫn bồi hồi: một người con núi rừng được về gặp Bác Hồ, được chứng kiến tận mắt Thủ đô của cả nước, sau bao năm kháng chiến gian nan.

Ngày Quốc khánh, quảng trường Ba Đình rợp cờ hoa. Lá cờ đỏ sao vàng tung bay giữa trời thu xanh thắm. Khi Bác bước ra vẫy chào đồng bào, cả biển người vang lên tiếng hô “Hồ Chủ tịch muôn năm!”. Vừ Lầu Pó đứng chen giữa dòng người, tim đập dồn dập. Anh thấy dáng Bác giản dị trong bộ kaki bạc màu, mái tóc bạc phơ, nụ cười hiền hậu mà ánh mắt rực sáng niềm tin. Lần đầu tiên, một chàng trai miền núi Na Ngoi được gần Bác đến thế. Sau buổi lễ, Pó cùng đoàn cán bộ Nghệ An được vào Phủ Chủ tịch nghe Bác nói chuyện.

Bác kể về bó dưa: “Một chiếc dưa thì dễ bẻ, cả bó dưa thì khó ai bẻ nổi. Dân ta cũng vậy. Đồng bào Kinh, Thái, Mông, Khơ Mú... đoàn kết lại thì không kẻ thù nào khuất phục được”. Rồi Bác nhắc về sự đoàn kết trong họ, trong bản, trong dân tộc. Pó nghe từng lời, như suối nguồn mát lành chảy qua đá núi khô khát. Anh nhớ mãi ánh mắt Bác nhìn xuống: bao dung, hiền hậu mà kiên quyết.

Pó mân mê chiếc huy hiệu Bác tặng. Anh nghĩ: “Na Ngoi ta còn nhiều dòng họ, nhiều dân tộc. Nếu không đoàn kết được thì như những chiếc dưa rời, gió núi sẽ bẻ gãy mất”. Ý nghĩ ấy ám ảnh anh suốt cả đêm dài.

Ngày hôm sau, anh lập tức bàn với Nguyễn Hữu Ba – người bạn đã cùng anh lăn lộn suốt tháng qua: “Ta phải làm một cuộc họp lớn, mời các trưởng họ, già làng, thầy mo, những người có uy tín. Phải làm cho họ hiểu đoàn kết là gốc”.

Nguyễn Hữu Ba gật đầu, ánh mắt lóe sáng:

– Đúng! Phải làm một hội nghị “Diên Hồng của Na Ngoi”. Lúc này, lòng người còn ngổn ngang, mỗi họ một ý, mỗi bản một lòng. Nếu không kéo được họ về cùng một hướng, ta khó mà giữ yên biên giới, khó mà xây dựng bản làng.

Pó nhìn Ba:

- Đây là hội nghị tầng lớp trên, chúng ta tổ chức theo kiểu hội nghị Diên Hồng của các cụ ngày xưa chú Ba ạ.

Hai người cùng nhau vạch kế hoạch. Họ nghĩ ra khẩu hiệu ngắn gọn, dễ nhớ, dễ truyền: “*Đoàn kết các dân tộc – đoàn kết các dòng họ – đoàn kết dân bản – đoàn kết toàn dân Na Ngoi với các xã lân cận.*” Khẩu hiệu ấy sẽ treo trước nhà hội nghị, nhưng trước hết phải vận động từng người.

Và thế là những ngày gió heo may đầu đông, Pó cùng Ba khoác áo chàm, lội khắp các bản: từ Huồi Hộc, Pu Lau, Đoọc Mạy..., rồi men theo Nậm Kiên xuống tận Huồi Nọi, Huồi Khăng. Mỗi nơi đến, họ nhóm một bếp lửa, rót một chén rượu ngô, gói một nắm xôi nóng, kiên nhẫn lắng nghe và thuyết phục. Pó kể về chuyến đi

Hà Nội, kể về Bác Hồ, về bó đũa không thể bẻ gãy. Có già làng gật gù, mắt xa xăm: “Ừ, bó đũa thì khó bẻ thật. Bản ta cũng thế thôi”. Có người lại trầm ngâm: “Đoàn kết tốt, nhưng còn nợ máu, còn hận thù cũ thì sao?”. Pó không vội, chỉ lặng lẽ rót thêm rượu, chậm rãi nói: “Bác Hồ dặn, nước muốn yên, rừng muốn xanh, thì phải bỏ hận, giữ nghĩa. Nếu ai cũng ôm nợ máu, rồi con cháu ta sẽ lớn lên bằng hận thù sao?”.

Cứ thế, từ ánh mắt nghi ngại chuyển thành ánh nhìn cảm phục. Lời của Pó không hoa mỹ, nhưng có sức nặng của người từng cùng bà con qua đói kém, qua khói lửa, từng ăn mèn mén với muối trắng, từng vác từng hòm đạn, thồ từng bao gạo lên núi.

Ngày hội nghị đến. Trời Na Ngoi cuối năm se lạnh, sương trắng phủ kín mái nhà sàn. Nhà hội nghị của xã dựng trên gò đất cạnh Nậm Kiên, nằm giữa ba bản lớn. Khói bếp lam chiều quấn trên mái. Người các họ đến từ sáng: họ Vừ, họ Lầu, họ Giàng, họ Hờ, họ Lý, cả người Thái, Khơ Mú họ Lương, họ Vi, họ Lô họ Lữ... cũng cử đại diện. Mỗi người khoác tấm áo chàm, tay cầm chiếc ô giấy dầu, mang theo con gà, cân xôi, vò rượu. Tiếng ngựa hí bên bìa rừng, tiếng chó sủa rộn bên sàn.

Trong gian nhà sàn rộng, bếp lửa đỏ rực. Mùi rượu ngô thơm nồng. Mỗi người ngồi một chiếu, trước mặt là bát rượu nhỏ. Nguyễn Hữu Ba mở đầu bằng lời giản dị:

– Hôm nay ta ngồi đây không phải để phân hơn thua, cũng không phải để nhắc chuyện cũ. Ta ngồi đây để bàn cách làm cho xã ta, bản ta, họ ta, dân ta được yên, được ấm, để rừng không còn tiếng súng, nương không còn bỏ hoang.

Rồi Pó đứng lên. Ánh lửa bập bùng hắt lên gò má rúm nắng, đôi mắt anh sáng lên như bắt được lửa của Bác từ Ba Đình mang về. Anh kể lại buổi gặp Bác, kể câu chuyện bó đũa, kể ánh mắt Bác nhìn anh: “Đoàn kết là sức mạnh. Một bó đũa khó bẻ gãy. Một dân tộc đoàn kết khó khuất phục”.

Cả gian nhà lặng như tờ. Khói bếp vờn lên trần, như khói núi bám vào nỗi nghĩ suy của mỗi người. Già bản Lầu Chông Cửa – người nổi tiếng bảo thủ – gãi đầu:

– Nhưng các dòng họ ta lâu nay vẫn tranh giành đất rừng, vẫn nhìn nhau nghi ngờ. Nay bảo đoàn kết, e khó.

Pó tiến lại gần, đặt tay lên vai ông:

– Già à, ngày trước ta còn nghèo, cái ăn chưa đủ, cái mặc chưa lành. Bởi thế mà chia nhau từng đám nương, từng bãi ngô. Nay hòa bình rồi, cái khó nhất là lòng người. Nếu lòng người liền một khối, đất rừng có rộng mấy cũng hóa của chung, bản mường có nghèo mấy cũng thành giàu.

Rượu ngô rót ra, chuyển tay. Mỗi người nói một câu, góp một lời. Người thì nhắc chuyện con suối Nậm Kiên cần chung tay dẫn nước về ruộng, người thì nhắc chuyện đàn bò của bản Pu Lau hay lạc sang Đọc Mạ. Nhưng càng nói, càng thấy một điều: ai cũng muốn yên, muốn ấm, muốn rừng xanh lại, muốn con trẻ được đến trường.

Cuối hội nghị, Pó đứng dậy:

- Như vậy là các ông, các bác, các chú đã biết cái lợi của đoàn kết và cái hại của sự chia rẽ.

Rồi anh đồng dục tuyên bố:

- Vậy thì từ đây Na Ngoi ta cùng nhau thực hiện khẩu hiệu: “*Đoàn kết các dân tộc – đoàn kết các dòng họ – đoàn kết dân bản – đoàn kết toàn dân Na Ngoi với các xã lân cận!*” Muốn làm được điều đó, huyện trông chờ các bác, các anh đang ngồi ở đây.

Tiếng hô vang lên “Đoàn kết”. Mọi người cùng đứng, tay nắm tay, vòng tròn xoay quanh bếp lửa. Điệu khèn Mông réo rắt, điệu khấp Thái ngân nga hòa vào tiếng pí tom bay bổng. Khói bếp quện cùng hơi rượu, cùng hơi người, thành một mạch ấm lan đi khắp gian nhà.

Đêm ấy, gió từ Nậm Kiên thổi về lạnh buốt, nhưng lòng người Na Ngoi ấm lạ. Trên bậc cửa, Pó ngồi một mình nhìn trăng non treo lơ lửng. Nguyễn Hữu Ba đến bên, vỗ vai:

– Hạt giống đã gieo rồi, anh Pó à. Giờ là lúc nó nảy mầm.

Pó cười, hiếm hoi lắm anh mới cười như thế:

– Bác dặn: gieo rồi phải tưới, phải chăm. Chăm bằng việc làm, bằng gương mẫu của mình. Rừng Na Ngoi chưa hết gió, nhưng bó đuốt này, tôi tin sẽ không dễ bẻ gãy nữa.

Ngoài xa, tiếng chó sủa lẫn tiếng suối róc rách. Trong nhà, bếp lửa vẫn còn cháy. Hạt đoàn kết ấy đã nảy lửa, từ tay một người con của núi rừng, mang về từ ánh nhìn của Bác.

4. Sáng hôm sau, sương núi vẫn còn trắng lóa trên mái nhà sàn, từng giọt nước lạnh như kim rơi xuống mái gianh. Sau “hội nghị tầng lớp trên”, không khí xã Na Ngoi như có luồng gió mới. Tiếng chó sủa đầu bản, tiếng gà gáy giữa sương, tiếng bước chân người đi bộ qua cầu khi – tất cả đều rộn hơn, nhanh hơn. Tám đảng viên của chi bộ được phân công tỏa về tám bản lớn: Huồi Hóc, Phu Lau, Đọc Mạy, Nậm Kiên, Huồi Nọi, Huồi Khăng, Pu Quạc... Họ mang theo khẩu hiệu đoàn kết bốn tầng mà Vừ Lầu Pó đã hô vang đêm trước, nhưng không chỉ để đọc, để treo, mà để biến nó thành sức kéo trâu, thành lưỡi cuốc, thành tiếng cười rộn giữa ruộng nương.

Pó không ngồi ở xã. Anh cùng Nguyễn Hữu Ba lên đường. Vải cái túi vải bạc màu, bên trong chỉ có mấy cuộn dây thừng, vài gói muối trắng và một con dao đi rừng. “Nói phải đi cùng làm, chứ chỉ nói suông, ai tin?” – Pó nghĩ thế.

Những ngày đầu, họ đến từng hộ gia đình, nhất là những nhà còn chân chừ. Nhà Lầu Mủa Vừ có bốn con trâu nhưng rầy bỏ hoang nhiều, Pó cùng Ba lội xuống khe, giúp họ dẫn nước về ruộng. Nhà Lữ Môn có ba anh em trai, rầy rộng nhưng không biết cách chia nhau, để mặc cỏ dại mọc đầy. Pó tổ chức họ vào một tổ công, mỗi người một việc: kẻ dọn nương, người tát nước, người săn bắt chuột phá ngô. Ba lặng lẽ quan sát Pó, thấy anh nói tiếng Khơ Mú như gió núi, nói tiếng Thái như nước

chảy. Mỗi câu không chỉ là lời khuyên, mà như khói bếp quyện mùi cơm mới, người nghe thấy ấm bụng.

Các tổ công ra đời, mỗi tổ chỉ ba đến năm hộ, nhưng gắn với nhau bằng cái bắt tay chặt, bằng lời hứa trước bếp lửa: “Hôm nay giúp nhau phát nương, mai giúp nhau dựng chuồng, khi gió mưa thì cùng chống lũ, khi nắng hạn thì cùng đào giếng”. Trong mỗi tổ, có người già biết nhìn đất, có thanh niên khỏe tay cày, có phụ nữ khéo tay dệt. Bò mộng được nuôi chung ở bãi cỏ giữa ba bản, người luân phiên thả, luân phiên coi.

Bên Pu Lau, mùa ấy cỏ tranh mọc um, lũ trâu hay lạc vào phá ngô. Thanh niên bản đã lập đội tuần tra: ban ngày cuốc cỏ, tối đến lại cầm gậy tre, cầm đuốc đi một vòng bìa rừng. Lần đầu, những chàng trai mười bảy, mười tám tuổi biết đến chữ “vừa lao động, vừa giữ bản”. Họ không còn tùm ba tùm bảy ngòi thổi khèn dưới gốc đào, mà rủ nhau phát đường lên rẫy, lấp hố voi, rải đá suối. Tiếng hát giao duyên vang lên từ những nương ngô mới phát, hòa với tiếng xêng, tiếng lách cách gùi nứa.

Nguyễn Hữu Ba nhiều đêm không ngủ. Anh ra hiên, nhìn ánh lửa le lói nơi góc bản, nơi Pó vẫn ngồi kể chuyện cho thanh niên nghe. “Một người Mông mà làm được thế này...”. Ba châm điếu thuốc lào, khói thuốc cay mắt nhưng lòng âm lạ. Từ ngày lên Na Ngoi, anh từng thấy nhiều cán bộ đến rồi đi, lời nói như gió thổi qua dốc “Ma Nhai”. Nhưng Pó khác: anh ở lại, anh nói tiếng của dân, ăn bát ngô của dân, nằm võng chõng của dân, nghe từng tiếng than của người già, dỗ từng giọt nước mắt trẻ con. Cái đoàn kết mà anh gieo không chỉ bằng nghị quyết, mà bằng lửa đêm đông.

Tháng 4 năm 1960, những tổ công đầu tiên thu hoạch mùa lúa mới. Trên những sườn đồi, lúa chín vàng trải dài như thảm. Dưới bãi cỏ, đàn bò đã béo tròn, sừng nhọn cong như mũi tên. Người già ngồi trên bậc cửa nhai trầu, thấy lũ trẻ cười vang mà lòng nhẹ như mây. Lần đầu tiên sau nhiều năm, Na Ngoi có những nương không bỏ hoang, có những đàn gia súc không bị nạn trộm phá.

Pó lại bàn với Ba:

– Phải thi đua nữa chú ạ. Ai tốt thì biểu dương, ai chậm thì giúp đỡ. Thi đua để người giỏi kéo người yếu, người mạnh dìu người yếu.

Ba gật đầu:

– Ủ, nhưng thi đua không phải để hơn thua, mà để cùng tiến.

Thế là phong trào lan nhanh toàn xã, như lửa cháy cỏ tranh gặp gió. Những đêm liên hoan, bên chén rượu cần, người các bản kể tên tổ này phát cỏ nhanh, tổ kia nuôi được đàn trâu khỏe. Có tổ được bà con gọi đùa là “tổ cày như gió”, có tổ là “tổ giữ bản như sắt”. Khẩu hiệu đoàn kết bốn tầng giờ đây không chỉ treo trước nhà hội nghị, mà được treo cả trong lòng người: đoàn kết để làm ăn, đoàn kết để giữ đất, đoàn kết để không còn đói.

Nguyễn Hữu Ba thỉnh thoảng viết thư báo cáo lên huyện: “Từ sau hội nghị tầng lớp trên một sáng kiến của Lâu Pó, phong trào thi đua sản xuất ở Na Ngoi đã

có chuyên biến rõ rệt. Nhân dân tự tổ chức tổ đội công, phát nương, trồng ngô, nuôi trâu bò. Thanh niên vừa lao động vừa tuần tra giữ bản. Khí thế lao động sôi nổi, an ninh bản làng được giữ vững.”

Hôm sau, cán bộ giao liên hớn hờ bước vào trụ sở xã, dúi vào tay Ba, một tút thuốc lá và chục gói thuốc lào: “Quà huyện thưởng”.

Ba nhận, miệng nở nụ cười. Anh ngấm đi ngấm lại tút thuốc lá và mấy gói thuốc lào. Anh lại nhớ hình ảnh một đêm sương xuống dày như màn. Pó ngồi bên bếp lửa nhà Già Xia Mũa, tay cầm khèn Mông, thổi điệu cũ. Mấy đứa trẻ quây quanh, mắt sáng như sao. Già Xia Mũa rót chén rượu, giọng khàn khàn:

– Nhờ cán bộ mà anh em mình biết thương nhau, bản ta sáng lửa. Hồi trước, mỗi nhà một bếp, mỗi họ một khói. Nay khói chung, lửa chung, bát ngô cũng chung.

Pó không nói gì, chỉ cười. Ánh lửa soi gương mặt rám nắng, để lộ một vết sẹo dài nơi gò má – vết sẹo từ thời đánh giặc. Ba nhìn thấy nụ cười ấy, bỗng thấy ấm hơn mọi lời khen.

Mùa mưa tới, những lối mòn trơn trượt, nhưng tổ công vẫn rủ nhau đi sửa cầu tre, chống mái nhà cho hộ neo đơn. Thanh niên vẫn chia phiên tuần tra: đêm nào cũng có ánh đuốc vờn trong sương. Đàn bà con gái Thái hát khắp khi giã gạo: “Ngô về kho, lúa về sàn, trâu về bãi, người về đồng”.

Phong trào thi đua ấy không rình rang trống giông cò mở, nhưng như lửa than âm ỉ dưới tro, thổi lên là bùng. Từ bàn nghị sự, từ bếp lửa hội nghị tản lợp trên, giờ đây nó đã bén vào từng nương rẫy, từng gùi ngô, từng tiếng chày giã cối.

Đêm cuối tháng, trăng non treo lưng núi. Ba và Pó ngồi bên bờ suối, nghe tiếng nước róc rách. Ba buột miệng:

– Pó này, anh đã làm được điều mà nhiều người tưởng không làm nổi.

Pó nhún vai:

– Không phải tôi, là cả chú, là dân bản làm. Tôi chỉ nhắc lại lời Bác: bó đuã khó bẻ gãy.

Ba nhìn sang, trong ánh trăng, anh thấy Pó không chỉ là người cán bộ, mà như cột khói bản – lặng lẽ nhưng quy tụ hơi ấm. Và Ba biết, từ những tổ công nhỏ bé hôm nay, ngày mai Na Ngoi sẽ mọc lên những mùa vàng.

5. Giữa năm 1960, Na Ngoi như bừng tỉnh sau những ngày dài chậm rãi trườn dốc. Ruộng bậc thang xanh mướt trải dài theo triền núi, từng thửa ngô, thửa lúa no trĩu, ánh nắng chiều hắt lên như dát vàng. Đường bản bớt heo hút, từng con suối được dẫn về nương, từng chiếc cầu tre được sửa lại vững chắc, cho phép người già và trẻ nhỏ đi lại an toàn. Khói bếp quẩn quanh mái nhà sàn, mùi cơm mới và rượu ngô thơm nồng hòa vào hương đất núi, tạo thành nhịp sống mới của bản làng.

Phong trào thi đua sản xuất đã lan tỏa ra từng ngõ bản. Các tổ công 3–5 hộ không chỉ giúp nhau làm nương, chăm trâu bò, mà còn dạy nhau cách trồng bắp, gieo lúa mới, bảo vệ nguồn nước. Từ Huồi Hộc đến Nặm Kiên, tiếng cày, tiếng cuốc,

tiếng chày giã cốm vang rộn ràng như một điệu khèn, một điệu khắp gọi mùa vụ. Trẻ con theo chân người lớn, mắt sáng ngời, tay cầm gùi nhỏ, học cách trông ngô, chăm bò, và học cách đoàn kết từ những công việc giản dị nhất.

Bọn phi lén lút từng bước, nhưng khi thấy bản làng vững mạnh, dân bản khép kín lòng, họ dần bớt lộng hành. Các xã lân cận – từ Nặm Cản, Na Loi, Mường Ải, đến Hữu Lập, Hữu Kiệm, Chiêu Lưu – bắt đầu ghé Na Ngoi học mô hình tổ công, học cách vận động dân, học cách kết hợp lao động với bảo vệ bản. Khẩu hiệu “Đoàn kết các dân tộc – đoàn kết các dòng họ – đoàn kết dân bản – đoàn kết toàn dân Na Ngoi với các xã lân cận” không còn chỉ treo trên tường nhà hội nghị, mà trở thành hành động thực tế, hiện diện trong từng nếp nhà, từng nương rẫy.

Một buổi chiều, Pó đứng trên núi Pu Lau. Gió biên cương lồng lộng thổi, cuốn bay tóc, áo chàm phấp phới. Anh nhìn về phía Nặm Kiên, Huồi Hộc, từng mái nhà sàn ẩn hiện trong sương chiều. Mắt anh sáng lên một niềm tin: những gì gieo hôm trước đã bén rễ, những nụ cười trên nương, những tiếng nói rộn rã ở bếp lửa, tất cả đều là ngọn lửa bám đất biên cương, laen tỏa sức sống mới.

Nguyễn Hữu Ba đứng lặng bên cạnh. Ánh mắt anh khác hẳn mấy năm trước: không còn nghi ngờ, mà tràn đầy tin tưởng. Anh quan sát Pó, thấy cách anh nói chuyện với già làng, với thanh niên, với trẻ con. Cách anh sử dụng tiếng Mông, tiếng Thái để thuyết phục từng người; cách anh kiên nhẫn bên bếp lửa, chia sẻ miếng cơm, nhấp ngụm rượu ngô, kể chuyện Bác Hồ và bài học bó đũa. Ba thâm phục, nhận ra sức mạnh của sự kiên trì, của tấm lòng hòa vào dân, của ngọn lửa mà Pó đã truyền.

Trên triền núi, khắp các bản làng, người Thái vẫn xếp hàng lên nương theo nhịp khèn, vừa gánh nước, vừa nhịp bước theo điệu khắp. Người Mông, Khơ Mú thổi khèn môi, kêu trâu bò về chuồng, giúp nhau sửa cầu qua khe, đắp lại đường mòn. Họ cười, bàn chuyện mùa màng, bàn chuyện kết hợp lao động với bảo vệ bản làng, bàn chuyện những năm tới sẽ giữ gìn đất rừng, chăn nuôi trâu bò, gieo lúa ngô, phát triển bản làng.

Những đêm sương phủ, bếp lửa bên mái nhà sàn vẫn cháy đỏ. Pó và Ba thường ra ngồi bên suối, lắng nghe tiếng nước róc rách, tiếng côn trùng, tiếng gió rừng vờn qua lá. Pó nhắm mắt, nhớ lại buổi gặp Bác Hồ ở Hà Nội, câu chuyện bó đũa, ánh mắt Bác nhìn anh. Ngọn lửa đoàn kết hôm ấy, nay đã bén rễ sâu trong lòng Na Ngoi. Anh hiểu: nhiệm vụ của mình chưa kết thúc, nhưng bước đầu đã gieo được hạt giống bền vững.

Các tổ đôi công tiếp tục thi đua: hộ nào chăm trâu bò giỏi, trông ngô tốt, giữ nương rẫy gọn gàng thì được cả bản khen ngợi; hộ nào chậm lại được giúp đỡ, động viên. Thanh niên vừa lao động, vừa tuần tra, vừa dạy lũ trẻ những bài học về trật tự, về chia sẻ, về bảo vệ nguồn nước. Người già kể chuyện cho con cháu nghe về những ngày kháng chiến gian nan, nhấn mạnh rằng đoàn kết là sức mạnh để giữ đất biên cương, giữ nếp sống bản làng.

Một buổi chiều khác, khi gió từ Nặm Kiên thổi về lạnh lẽo nhưng trong lòng mọi người ấm áp, Pó đứng trên đỉnh dốc Pu Quai, tay chống gậy, mắt nhìn xa xăm.

Cảnh tượng trước mắt: nương rẫy xanh mượt, những bậc thang trải dài, trẻ con nô đùa, người già cười bên bếp lửa, thanh niên kiểm tra chuồng trâu, đường bản đã thông, cầu tre chắc chắn. Anh thấy rõ sức sống mới của bản làng, thấy rõ giá trị của ngọn lửa đoàn kết.

Ba đứng bên, im lặng. Anh không cần lời nào, chỉ một ánh mắt đủ nói lên tất cả: tin tưởng vào Pó, tin tưởng vào sức mạnh của dân bản, tin tưởng vào tương lai của Na Ngoi. Hai người cùng lặng nhìn hoàng hôn rót xuống những mái nhà sàn, ánh sáng đỏ như rót mật trên ruộng ngô, trên lưng trâu, trên nụ cười trẻ thơ.

Bên dưới, tiếng khèn, tiếng khắp vẫn ngân nga. Người Thái gánh nước, người Mông dẫn trâu, người Khơ Mú bê ngô, tiếng cười, tiếng nói, tiếng lao động hòa thành một bản nhạc miền núi. Ngọn lửa của hội nghị tầng lớp trên, ngọn lửa của phong trào thi đua, ngọn lửa của lòng dân, tất cả bám rễ sâu trong đất biên cương, lan tỏa ra từng con suối, từng triền núi, từng mái nhà sàn.

Vào những ngày áp Tết, Na Ngoi nhận được một tin bất ngờ: thư khen của Chủ tịch huyện, ghi nhận tinh thần đoàn kết, phong trào thi đua sản xuất, và kết quả nổi bật của các tổ công trong bản. Pó và Ba đem thư đó đến từng bản, đọc cho dân nghe. Người già ngẩng mặt, ánh mắt sáng lên; trẻ con nắm tay nhau reo vui; thanh niên gặt đầu, tự nhủ sẽ tiếp tục giữ gìn bản làng.

Ánh mắt Pó lướt qua từng gương mặt, lòng tràn ngập ấm áp và tự hào. Đây là thành quả của mọi người, của từng nụ cười, từng giọt mồ hôi trên nương rẫy, từng lời chia sẻ bên bếp lửa. Ba đứng lặng cạnh, ánh nhìn tin tưởng hơn xưa, thấy rõ sức sống của bản làng và niềm hy vọng về tương lai.

Na Ngoi đã chuyển mình. Không chỉ là màu xanh của ruộng rẫy, không chỉ là đường bản bớt heo hút, mà còn là sức sống, niềm tin, và ngọn lửa bền bỉ của đoàn kết. Từ hội nghị đến nương rẫy, từ bếp lửa đến dốc núi, từ ánh mắt trẻ thơ đến cái gặt đầu của người già, tất cả đã tạo nên một bản Na Ngoi mới – một bản Na Ngoi sẵn sàng giữ đất biên cương, sẵn sàng đón những ngày mai rực rỡ.

Chương 10:

1. Tháng bảy 1960, Na Ngoi vào độ rục rĩ của mùa hè núi rừng. Rừng già xanh mượt trải dài đến chân trời, từng sườn đồi điểm những bông hoa dại vàng, trắng, mùi cỏ non lan tỏa trong nắng sớm. Những con đường đất đỏ uốn lượn quanh bản, bụi mịn bay lên theo từng bước chân, hòa cùng tiếng nước suối róc rách, tiếng chim rừng gọi bầy. Phong trào “Đoàn kết để sản xuất” mà Pó và Ba triển khai được toàn dân hưởng ứng, nhiều tổ hợp sản xuất, tổ đội công được thành lập, Na Ngoi đã thay da đổi thịt: ruộng bậc thang xanh mơn mớn, nhà dân khang trang hơn, lớp học và trạm y tế được nâng cấp, cộng đồng dân bản thêm gắn kết và vững tin vào tương lai. Người dân tự hào vì Pó và Ba không chỉ là những người con của bản mà còn là những người dẫn đường, mang niềm tin và hy vọng đến từng mái nhà.

Sáng hôm đó, Pó đang kiểm tra sản xuất ở Pu Lau thì người nhà đến báo tin: mẹ Y Xia gọi về làm lễ trưởng thành. Nghe tin ấy, tim anh bỗng nhói lên niềm xúc động. Mười năm xa Mường Ái, những ngày tháng ở Huồi Pà, rồi Na Ngoi, từng trận đánh, từng nỗ lực gây dựng bản làng, giờ đây đều nhường chỗ cho một niềm háo hức dâng trào – trở về với cội nguồn, với những gì thiêng liêng nhất của đời mình. Pó đem chuyện này trao đổi với Ba, dù còn trẻ nhưng chú ấy là đảng viên:

- Chú Ba ạ, đây là phong tục của người Mông không thể bỏ được, nên anh phải về. Chú ở lại cùng bà con. Anh về ít ngày, xong việc anh quay lại ngay.

- Anh cứ về thôi, nhưng nhớ ra Mường Xén báo cáo với lãnh đạo nhé.

Sau khi trao đổi công việc với chú Ba, Pó ra Mường Xén gặp anh Ngân Là Tường – Trưởng ban Cán sự. Sau mấy câu chào xã giao. Anh cúi đầu trình bày:

- Anh ạ! Em xin phép về Mường Ái vài hôm để làm lễ trưởng thành theo tập quán dân tộc Mông.

Anh Ngân Là Tường nhìn Pó, ánh mắt nghiêm trang mà khoan thai:

- Công việc ở Na Ngoi cũng ổn rồi, việc gia đình cũng quan trọng, Pó à. Về lại cũng lâu rồi Pó chưa về thăm nhà đúng không.

Pó nhìn trưởng ban Ngân Là Tường với lòng biết ơn.

- Dạ! Cũng gần hai năm rồi anh ạ.

Lúc này Ngân Là Tường mới nhìn cấp dưới của mình bằng tất cả sự cảm phục.

- Pó là tấm gương cho cả huyện ta đấy. Anh ủng hộ chú, nhưng trên đường về phải cẩn thận.

Pó cúi đầu cảm ơn, bước chân trĩu nặng nhưng tâm hồn nhẹ nhõm. Con đường từ Mường Xén về Mường Ái quanh co giữa núi rừng xanh mượt. Mười năm xa nhà đã làm mọi thứ đổi thay, nhưng từng cánh rừng, con suối, từng nếp núi quen thuộc vẫn hằn sâu trong ký ức. Mỗi bước chân qua đường mòn, anh vừa háo hức vừa bồi

hồi, nhớ tiếng chim rừng buổi sáng, mùi đất ẩm sau cơn mưa, những ngày thơ chạy nhảy cùng anh em, và tiếng chiêng đầu bản vang vọng trong lễ hội xưa.

Khi đặt chân đến sân nhà, Mường Ải hiện ra trước mắt với sự yên bình nhưng cũng đầy nhộn nhịp khác thường. Sau mười năm Pó đi xa, bản làng đã đổi thay: những con đường đất đỏ được nắn chỉnh gọn gàng, nhiều ngôi nhà mới khang trang mọc lên xen giữa những mái lá cũ; những ruộng bậc thang xanh mơn mớn, mùa vụ tươi tốt hơn xưa; tiếng cười của trẻ nhỏ vang vọng khắp bản, hòa cùng tiếng chiêng từ những nhà giàu và tiếng gà gáy rộn rã. Mọi người hồi hả làm ăn, nhưng vẫn giữ được nhịp sống giản dị vốn có của Mường Ải. Pó nhận ra sức sống của phong trào thi đua “Đoàn kết để sản xuất” lan tỏa sang Mường Ải, giúp bà con nỗ lực hơn, hợp tác hơn và làm nên diện mạo mới cho bản làng – vừa cổ kính, vừa sống động với nhịp sống mới.

Mẹ anh – bà Thò Y Xia – chạy ra, giọng run run:

- Con... con thật về rồi à? Ôi, lớn khôn quá rồi, Pó ơi!

Pó cúi đầu, mắt lấp lánh:

- Mẹ... con về rồi. Con Vừ lâu Pó bằng xương bằng thịt đã về đây.

Anh ôm chầm lấy mẹ:

- Con không ngờ có ngày được trở lại nhà mẹ ơi.

Bà Y Xia nắm chặt tay Pó, nước mắt lăn dài, lòng tràn đầy niềm hạnh phúc.

Ông Vừ Và Tổng bước tới, vỗ vai con trai:

- Đã bao năm, con trai rấn ròi thế này... Cha mừng quá, Pó à. Giờ con đã có vợ, có con, giờ là chủ gia đình rồi.

Pó gật đầu, giọng trầm ấm:

- Dạ! Cũng nhờ có cha, mẹ luôn ủng hộ con. Có anh Bá Đà luôn ở bên cạnh động viên con.

Ông Vừ Và Tổng mỉm cười, ánh mắt sáng niềm tự hào:

- Con về lần này phải ở nhà lâu lâu đấy.

Anh trai Pó, Vừ Bá Đà nghe tin em về cũng chạy tới, ôm chầm em:

- Em trở về rồi! Trông em đen hơn, rấn ròi hơn Pó à.

Pó mỉm cười, nắm chặt vai anh:

- Anh Bá Đà à, lâu ngày gặp lại, em rất vui vì mọi người bình an. Những ngày đội đi xa, nhờ có anh ở lại mà bản ta vẫn yên ổn.

Vợ Pó - Y Dênh cùng con trai Páo Lử, A Dứ, con gái Y Mò, Y Xua từ trong nhà đi ra, ánh mắt ánh lên niềm vui và xúc động:

- Chồng ơi...!

Pó ôm lấy vợ, rồi cúi xuống, hôn từng đứa con:

- Y Dênh à, khổ cho em rồi. Các con của cha... cha trở về rồi.

Y Dênh, nắm tay chồng nước mắt giàn giụa:

- Khổ cũng chẳng bằng anh, ngày ngày đối mặt với máu và cái chết.

Lúc này, cậu anh cả Páo Lữ buông tay mẹ, ôm lấy cha:

- Cha Pó là người dũng cảm, kiên cường nhất!

Pó cùng các con đi khắp bản, chào từng gia đình, hỏi thăm từng người già, trẻ nhỏ. Trên con đường quen thuộc, anh dừng lại trước nhà trưởng họ Vừ Giống Nênh. Ông già đã hơn bảy mươi tuổi, tóc bạc trắng nhưng dáng vẫn rắn rỏi, mắt sáng và nụ cười hiền hậu:

- Pó... đúng là thằng Pó rồi! Trông con khác nhiều, dạn dĩ hơn xưa hẳn.

Pó cúi đầu chào ông, giọng trầm ấm:

- Con về rồi, trưởng họ ạ. Bản ta giờ đổi thay nhiều quá.

Vừa nói, ông Nênh đưa tay chỉ về những cánh đồng bậc thang:

- Con nhìn đi, ruộng bậc thang xanh tươi, đường xá nắn thẳng... Na Ngoi dẫn đầu phong trào thi đua 'Đoàn kết để sản xuất', Mường Ải cũng chịu ảnh hưởng, ai nấy đều hăng hái, hợp tác với nhau. mấy năm nay bản mình vui lắm.

Đi thêm một đoạn, Pó ghé thăm bác Vừ Nhia Xử, người vẫn miệt mài bên lò rèn: ngày trước rèn dao, kiếm, nay ông rèn lại lưỡi cày, lưỡi cuốc phục vụ bà con sản xuất. Bác Nhia Xử nhìn thấy Pó, mắt sáng lên:

- Pó, cuối cùng cũng về! Nhìn bản bây giờ mà mừng cho con. Lưỡi cày, cuốc ai cũng có, mọi người làm ăn dễ dàng hơn trước nhiều.

Pó cười, bồng con lên cao:

- Bác rèn vất vả quá. Con thấy mọi người vui vẻ, đoàn kết, nhìn bản đổi thay mà lòng ấm áp bác ạ.

Bác Nhia Xử gật đầu, giọng vừa trầm vừa xúc động:

- Phải, Pó à. Nhờ có phong trào thi đua từ Na Ngoi lan sang, bà con hăng hái, cùng nhau làm ăn. Mường Ải bây giờ đã khác hẳn, ai nấy đều tự hào. Ngoài kia phi vẫn còn, nhưng bà con không còn lo sợ nữa. Chúng đến, bà con cũng sẽ đánh.

Đi thêm vài nhà nữa, Pó vừa bồng con gái Y Xua vừa trò chuyện với những người già, với các đám thanh niên: tiếng cười vang, lời chào hỏi thân tình, và ánh mắt trìu mến của bà con khiến anh cảm nhận rõ rệt nhịp sống mới của Mường Ải – vừa cổ kính, vừa năng động, vừa hòa quyện với những giá trị truyền thống của bản làng.

Trở về nhà, mấy cha con chơi đùa bên sân. Tiếng cười của Páo Lữ, A Dú vang vọng giữa núi rừng, hòa lẫn với hương khói bếp, tiếng gà gáy, tiếng suối róc rách – một cảm giác bình yên, vừa hạnh phúc vừa dạt dào.

Bữa cơm sum họp đầu tiên diễn ra trong buổi tối âm áp, cả gia đình quây quần bên mâm cơm đầy ắp, mùi thịt nướng, gạo nếp, rau cải lan tỏa khắp gian nhà. Mọi người vừa ăn vừa trò chuyện, ánh mắt nhìn Pó đầy tự hào, kể những câu chuyện đã xảy ra khi anh vắng mặt.

Đêm xuống, sau khi các con đã ngủ, Pó và Y Dênh ngồi bên nhau trong căn nhà lặng yên. Anh lấy chiếc khăn mà Y Dênh đã thêu, dòng chữ nhỏ bằng chỉ vàng năm nào đưa cho Y Dênh, ánh mắt sâu thẳm:

- Khăn em gửi năm nào, anh vẫn giữ tận bây giờ đấy. Nhờ nó, nhờ hơi ấm của em mà anh đã vượt qua muôn trùng khó khăn.

Y Dênh mỉm cười, mắt rung rung:

- Chúng ta cùng nhau bước vào đời mới, chồng à... cùng các con chúng ta.

Bên ngoài, ánh trăng nhảy trên mái lá, ánh sáng bạc hòa cùng tiếng gió, tiếng suối rùng, chứng kiến sự trở về đầy ý nghĩa của một người con trưởng thành, kiên cường và gắn bó với cội nguồn.

2. Sáng hôm sau, sương còn giăng trên dải núi phía xa, nhà ông Vừ Và Tổng đã âm tiếng người. Pó dậy sớm, bế con ra sân hít thở khí núi, còn Y Dênh thì nhóm bếp chuẩn bị bữa sáng. Ông Và Tổng chống gậy bước ra hiên, ánh mắt hiền hậu nhìn con trai:

- Pó này, con đã trở về, vợ con đủ đầy, lại có thằng Páo Lử, A Dứ kháu khỉnh, Y Mò, Y Xua xinh gái, nét na... Con đã là người đàn ông thực sự, là trụ cột của gia đình. Cha mẹ sẽ làm lễ trưởng thành cho con – một cái lễ to nhất để báo cáo dòng họ và bà con dân bản.

Pó đặt con gái Y Xua ngồi xuống chiếc ghế tre, ngẩng đầu nhìn cha:

- Con hiểu rồi cha ạ. Cha mẹ cứ tiến hành thôi.

Bà Thò Y Xia từ trong nhà bước ra, tay cầm nắm chỉ đỏ và miếng vải lanh vừa xe xong:

- Đúng đấy con ạ. Phong tục tổ tiên là thế: đàn ông Mông phải có vợ, có con rồi mới được làm lễ trưởng thành, đặt tên mới. Nay cha mẹ định làm cho con một lễ dâng hoàng, để tổ tiên và dòng họ chúng giám, để dân bản biết nhà ta có đứa con trai trưởng thành thực thụ.

Pó trầm ngâm giây lát, rồi gật đầu:

- Con nghe lời cha mẹ. Bao năm qua con sống xa bản, nay trở về thấy mọi thứ đổi thay, con càng phải giữ lấy gốc rễ.

Ông Và Tổng cười, chòm râu bạc khẽ rung:

- Tốt. Vậy cha sẽ bảo Bá Đà đi báo cho bên ngoài, rồi mời anh em họ hàng trong bản và các bản lân cận.

Bà Y Xia thêm lời, giọng chan chứa niềm vui:

- Con chuẩn bị tinh thần đi. Ngày lễ ấy, tên mới của con sẽ là Vừ Chông Pao – như lời mẹ đã khấn từ thuở con còn đỏ hỏn trên tay.

Pó khẽ cúi đầu, bẻ con gái lên cao, ánh mắt nhìn ra núi xa mờ sương:

- Vâng, cha mẹ. Con sẽ không phụ cái tên ấy.

Trong bản, tiếng gà gáy xen lẫn tiếng cười của lũ trẻ chạy ngoài sân. Tin về lễ đặt tên trưởng thành nhà Vừ Vả Tổng nhanh chóng được lan truyền, bà con nô nức bàn tán, như một dấu mốc mới không chỉ của riêng gia đình Vả Tổng, mà của cả Mường Ải đang đổi thay từng ngày.

Ngay sáng hôm ấy, khi nắng xiên qua dãy núi, ông Vừ Vả Tổng gọi Bá Đà lại dặn dò:

- Con chuẩn bị ngựa đi mời thông gia về dự lễ trưởng thành của Pó. Nhớ đấy, lời mời phải rõ ràng, lễ này là việc trọng của cả hai bên.

Bá Đà cột chặt yên ngựa, tay cầm túi vải nhỏ, bên trong là ít rượu và tấm vải lạnh làm quà mừng sớm cho bên ngoài. Anh gật đầu:

- Cha cứ yên tâm. Đường cùng không xa, lại dễ đi hơn trước rồi.

Pó tiễn anh trai ra tận đầu bản, vừa vỗ vai vừa dặn:

- Anh Bá Đà, nhớ nói với cha mẹ Y Dênh rằng, lần này làm lễ không chỉ cho nhà mình, mà còn là dịp để hai bên sum họp. Lâu rồi chúng ta chưa ngồi với nhau.

Ngựa phi qua con đường mòn, bụi đỏ vương lên vạt áo chàm. Núi rừng cuối hạ xanh rì, tiếng chim rừng và tiếng suối hòa thành khúc nhạc quen thuộc. Bá Đà vừa đi vừa nghĩ về ngày vui sắp tới: những nồi thịt lợn bốc khói, tiếng khèn Mông vang khắp lưng chừng núi, những bát rượu men ngô thơm nồng sẽ quây quần bên bếp lửa.

Khi đến bản Tà Khum, trời đã quá trưa. Tiếng chó sủa báo khách, lũ trẻ chạy ùa ra xem. Ông Lầu Vả Dênh – cha của Y Dênh – tóc bạc nhưng dáng vẫn quắc thước, chống gậy bước ra sân:

- Bá Đà đấy à? Lâu lắm rồi mới thấy con sang.

Bá Đà cúi người chào, dâng chai rượu và tấm vải lạnh:

- Thưa bác, cha mẹ con sai con sang mời gia đình bác dự lễ đặt tên trưởng thành cho Pó. Ngày lành đã chọn, hai bác nhớ về cho đông đủ, mang cả cháu ngoại, cháu nội theo để vui cửa vui nhà.

Bà Y Mái – mẹ Y Dênh đang sàng ngô trong bếp nghe vậy, mừng rỡ chạy ra:

- Ôn trời, thế là vợ chồng nó nên nếp cả rồi! Mai ta sang sớm, không để bên thông gia phải chờ.

Câu chuyện mời lễ kết thúc bằng nồi nước sôi nghi ngút mùi ngô luộc. Bá Đà được giữ lại ăn bữa cơm. Buổi chiều lại lên đường trở về Mường Ải, lòng nhẹ nhõm như mang theo gió núi về cùng tin vui.

3. Sáng hôm ấy, sương mỏng vẫn còn vắt trên ngọn cỏ, gió núi mang theo hơi lạnh se se. Sân nhà ông Vừ Và Tổng rộn ràng như ngày hội. Từ ngã ba đầu bản, những bóng người nối nhau về, áo chàm, váy xòe, ngựa thồ chở rượu ngô, gửi đây quà. Bên thông gia bản Tà Khum đến trước tiên. Ông Và Dính chống gậy bước xuống ngựa, giọng sang sảng:

- Chào anh chị thông gia! Lâu quá mới được gặp. Hôm nay là ngày vui của cả hai nhà rồi!

Bà Y Mái bế cháu ngoại, tay kia nắm tay Y Dính cười:

- Con gái ta giờ thành dâu đảm, cháu ngoại khôn lớn thế này, mừng lắm!

Bà Thò Y Xia tắt tả ra đón, hai tay nâng vò rượu:

- Mời ông bà ngoại vào nhà! Hôm nay nhà ta bận rộn, nhưng có đông vui mới ra ngày ra hội.

Bà con họ hàng trong bản cũng lần lượt kéo đến. Bác Vừ Nhia Xừ còn mang theo một lưỡi cày mới rèn:

- Tặng Pó để khai ruộng mùa tới. Giờ ta không rèn dao kiếm như xưa nữa, rèn cái này nuôi bản, giữ rẫy.

Pó đỡ lấy, cười hiền:

- Bác vẫn khỏe như thuở nào! Con nhớ tiếng búa rèn của bác suốt những năm đi xa.

Tiếng cười, tiếng gọi nhau í ới vang khắp sân. Bọn trẻ thì vờn nhau quanh chuồng lợn, mấy bà mấy chị xúm lại bày mâm rượu đầu tiên. Khi mọi người đã quay quần đủ đầy, ông Vừ Và Tổng bước ra giữa sân, tay cầm chén rượu khê nói:

- Cảm ơn thông gia, cảm ơn bà con họ hàng gần xa đã về. Nay nhà tôi làm lễ đặt tên trưởng thành cho con trai Lầu Pó. Từ hôm nay nó sẽ mang tên mới: Vừ Chông Pao. Mời mọi người cùng chứng kiến.

Cả gian nhà im phăng phắc khi Pó bước đến trước bàn thờ. Mâm cỗ đầu đã bày: gà luộc vàng ruộm, rượu men ngô thơm nồng. Pó quỳ xuống, hai tay chấp lại, giọng thành kính:

- Kính lạy tổ tiên, kính lạy cha mẹ hai bên. Nay con đã có gia thất, có con đầu lòng, xin được đổi tên để khẳng định trách nhiệm của mình với họ Vừ, với bản làng.

Hương trầm bay nghi ngút. Ông Và Tổng khê gật đầu, bà Y Xia mắt rung rung. Khi lời khấn vừa dứt, tiếng khèn ngoài sân vang lên, trẻ con reo hò.

Ông Lầu Và Dính đặt tay lên vai con rể:

- Hôm nay có đất trời, tổ tiên và bà con dân bản, cùng hai họ nội, ngoại chứng giám, kể từ nay tên của con là: Vừ Chông Pao.

Tiếng chúc tụng nối nhau, những bàn tay vỗ lên vai Pó, những nụ cười xen lẫn giọt nước mắt. Tiếng khèn chúc phúc nổi lên, tiếng khèn báo hiệu một người đàn ông đã trưởng thành thực sự.

Khói lam bay lên từ những bếp lửa đặt quanh sân. Con lợn 50 cân đã được làm sạch, từng miếng thịt đỏ hồng bốc hơi nghi ngút đặt lên mâm gỗ. Chai rượu ngô thơm nồng chuyển từ tay người này sang người khác. Trên hàng hiên, bát chén sắp thành dãy, trẻ con ngồi lúp xúp đợi miếng lòng luộc đầu tiên.

Ông Vả Dính cầm chén rượu đứng dậy, giọng sang sảng:

- Hôm nay, bên ngoài ta vui mừng như cưới lại con gái. Từ nay, Pó không chỉ là rể mà còn là trụ cột của cả hai bên. Chén này, ta mừng cho các con, mừng cho hai họ!

Ông Vừ Vả Tổng đứng dậy đáp lễ, nâng chén:

- Cảm ơn thông gia. Nhờ có những năm tháng gian khó mà con trai tôi hiểu ra trách nhiệm của mình. Giờ nó có vợ, có con, có danh, có phận – là nhờ hai bên cùng bà con dân bản vun đắp.

Bà Thò Y Xia tay xới nôi cơm, mắt lia khắp mâm:

- Ăn đi bà con! Lâu lắm mới đông đủ như thế này. Hôm nay vừa là ngày đặt tên, vừa là ngày bản mình vui hội. Không còn nỗi lo bọn phi đến phá.

Tiếng trò chuyện rộn rã khắp nơi: bác Vừ Nhia Xừ kể chuyện lò rèn giờ chỉ nghe tiếng búa chế lưỡi cày, lưỡi cuốc chứ không còn grom giáo như xưa. Cụ Vừ Giống Nênh chóng gậy cười móm mém:

- Ngày các con còn nhỏ, bản Mường Ải chỉ toàn cỏ lau, rẫy hoang. Giờ nhờ có bộ đội biên phòng, có du kích, có phong trào đoàn kết sản xuất, ngô lên tận lưng đồi, lúa dưới ruộng đã hai vụ, lòng ta mãn nguyện lắm!

Vừ Chông Pao ngồi giữa vòng rượu, gương mặt rạng rỡ mà vẫn ánh lên sự trầm lắng. Anh lắng nghe từng lời, gật gù:

- Con đi xa mười năm, về nhà thấy bản mình thay da đổi thịt. Công sức không chỉ của riêng ai, mà là của cả bản, cả phong trào chung.

Trưởng họ Vừ Giống Nênh, nhìn Vừ Chông Pao, giọng đầy tự hào:

- Mà đúng là cán bộ huyện, nói câu nào trúng bụng tao câu đó.

Tiếng khèn vang lên, trai gái kéo nhau múa vòng ngoài sân, trăng non đầu tháng lấp ló trên rặng núi. Bữa cỗ kéo dài từ trưa đến tận khuya, rượu hết lại thêm, thịt voi lại bù, tiếng cười vang vọng xuống tận khe suối.

Đến gần sáng, nghi thức tiễn bên ngoài bắt đầu. Bốn cái chén, một túi cơm, một chai rượu, một con gà chín, đuôi lợn và đùi lợn năm cân được gói gọn trong quây tấu. Pao và Bá Đà cẩn thận buộc chặt lên lưng ngựa, dắt ra đến ngã ba đầu bản.

Ông Vừ Vả Tổng cầm chiếc thìa gỗ, múc ít thịt và cơm đặt vào, khăn khê:

- Xin thần núi, thần suối phù hộ cho bên ngoài đi đường bình an, gia đạo yên vui.

Hai bên cùng ăn miếng lộc đường, rượu thơm chuyên tay, rồi chia nhau ra hai lối: một ngã về bản Tà Khum, một ngã trở lại Mường Ải. Tiếng vó ngựa dần xa, chỉ còn lại sương sớm vương trên cỏ và tiếng chim rừng gọi ngày.

Ánh bình minh rọi qua khe núi, khói bếp vẫn còn lảng bâng trên mái nhà. Ngày đặt tên đã xong, nhưng dư âm của nó – niềm vui sum họp, lời chúc tụng, tiếng cười trẻ thơ – như còn đọng mãi nơi sân đất này. Bên hiên, Vừ Chông Pao đứng lặng nhìn theo hướng bản Cò Phạt khuất xa, nơi cha mẹ vợ và họ hàng đang trên đường trở về. Trong ngực anh, cảm giác vừa ấm áp vừa man mác, như có sợi dây vô hình nối hai gia đình, hai bản Mường lại với nhau bằng mâm cơm, chén rượu và lời thề trước tổ tiên.

Từ xa, tiếng gọi trẻ con ríu rít, thằng Páo Lử cùng các em tung tăng chạy ra, nắm tay cha lắc lắc:

– Cha ơi, mai cha còn ở nhà không?

Pao cúi xuống, xoa đầu các con, mắt nhìn khắp bản đang thức dậy. Ruộng bậc thang sáng lên trong nắng sớm, lối mòn đỏ quạch in dấu chân người, khói lam quyện giữa mái lá, đàn gà chạy lẩn vào bãi cỏ. Mường Ải hôm nay không còn là Mường Ải mười năm trước – nó mang nhịp sống mới, mang kỳ vọng mới, và cũng gửi gắm vào anh cái tên mới: Vừ Chông Pao.

Đêm qua, anh đã quỳ lạy tổ tiên, nhận lời chúc từ cha mẹ, họ hàng, vợ con. Nhưng cũng từ đêm qua, anh hiểu rõ hơn bao giờ hết: từ nay, cái tên ấy đồng nghĩa với gánh vác, với trách nhiệm, với lời hứa về một người đàn ông biết đặt bản Mường lên trước cái riêng.

Pao đưa các con vào nhà, thấy Y Dên đang gấp lại chăn gối, trên môi nàng vẫn còn nụ cười vương vất. Mẹ già bung bát nước nóng, cha đã ra sân chẻ củi, tiếng riu vang đều như nhịp tim của ngôi nhà. Pao hít một hơi thật sâu, mùi khói bếp hòa cùng hơi sương sớm, thấy lòng mình bình yên lạ thường.

Nhưng bình yên ấy không phải để ở lại. Nó là điểm tựa để anh lại bước đi. Bản làng đang cần những người biết quay về, rồi lại đi xa, đem đổi thay trở lại.

Anh nhìn ngôi nhà, nhìn căn buồng nhỏ nơi anh và Y Dên hưởng niềm hạnh phúc. Ngày mai, anh lại xa nơi này để trở về đơn vị, bước tiếp con đường mà mình đã chọn.

4. Một ngày đầu thu năm 1961, nắng rải vàng trên những triền núi, Vừ Chông Pao đang trên đường đi công tác, lòng còn tất bật với những báo cáo, những nhiệm vụ của đơn vị, bỗng nhận được tin dữ qua người đưa tin từ bản: con trai đầu của anh – Páo Lử đã mất. Tim anh như lạc nhịp, mọi hình ảnh xung quanh dường như nhòa đi. Cả cuộc đời anh – người chiến sĩ, người cha, người con – bỗng chốc tụ lại trong một phút giây đau đớn tột cùng.

Đơn vị sắp xếp để anh được về nhà lo tang lễ cho con. Những bước chân anh băng qua con đường đất sỏi quen thuộc dẫn vào bản, bỗng nặng nề như cả núi rừng trút xuống vai. Khi vừa tới cổng nhà, cảnh tượng đón anh còn kinh hoàng hơn cả

những gì anh tưởng tượng: mẹ Y Xia, vì quá đau buồn trước cái chết của đứa cháu, căn bệnh tim tái phát, đã ra đi cùng với đứa cháu yêu quý. Bà rời khỏi cõi đời như một cơn gió mùa, nhẹ nhàng mà không báo trước, để lại trong nhà một khoảng trống nặng nề, im lặng đến nghẹt thở.

Trong truyền thống của người Mông, tang lễ phải được thực hiện theo trình tự nghiêm ngặt, không thể tổ chức đồng thời cho hai người cùng một nhà. Vừ Chông Pao, vừa mất con, vừa mất mẹ, phải đưa con trai sang nhà ông chú để tổ chức lễ tang. Cả bản Mường Ai như chìm trong một nỗi u ám hiem thấy, tiếng khóc, tiếng cầu khẩn vang lên trong những căn nhà, trong bếp lửa chiều, trong con đường rải sỏi trước nhà. Đám tang không chỉ là việc chôn cất, mà còn là cách con người giữ gìn mối dây liên kết giữa sống và chết, giữa con người với cội nguồn, giữa gia đình với cộng đồng.

Những ngày tang lễ kéo dài như vô tận. Chỉ khi nào anh em họ hàng có mặt đầy đủ, được nhìn thấy mặt người mất, được gửi nắm cơm, những món ăn truyền thống để tiễn đưa, thì mới được đưa người đã khuất đi chôn cất. Mỗi buổi chiều, tiếng chiêng, tiếng kèn Mông réo rắt, hòa cùng tiếng gió rừng u u, như xé nát bầu không khí im lặng, nhắc nhở mọi người về sự mong manh của sinh mạng, về những nỗi mất mát không lời bù đắp.

Y Dênh ở bên, âm thầm nhưng luôn vững vàng. Cô lo chuẩn bị từng mâm cơm tang, nhắc nhở các cháu họ hàng, sắp xếp chỗ ngồi cho người lớn tuổi, và thỉnh thoảng nhìn sang Pó, nắm tay anh thật chặt. Chỉ một cái nhìn, nhưng sức mạnh của nó đủ để anh đứng vững. Anh cảm nhận được sự sẻ chia, sự đồng cảm vô hình nhưng mạnh mẽ, giúp anh vượt qua những phút giây tưởng chừng gục ngã.

Anh cúi mình trước linh cữu của mẹ, hít thật sâu mùi khói nhang, mùi đất, mùi hoa dại rải trên nắp quan tài. Nhớ lại những lần trò chuyện với mẹ Y Xia, ngày mẹ dạy từng con chữ, theo mẹ xuống chợ. Nhớ những lần mẹ đi khắp nơi vận động mọi người quyên góp súng, thuốc nổ, gạo cho đội du kích. Nhớ lần mẹ cười, dạy Y Dênh, động viên anh trong những ngày gian khó. Pó thấy lòng mình đau nhói. Nhưng anh vẫn phải kiềm nén, phải giữ sự bình tĩnh để lo cho tang lễ theo đúng nghi thức: chuẩn bị mâm cỗ, thấp nhang, dâng cơm cho người đã khuất, chờ đủ họ hàng để tiễn hành an táng.

Mỗi đêm, khi mọi người ngủ, Vừ Chông Pao ngồi một mình bên bếp lửa, ngắm tro tàn, nhớ về con trai, nhớ về mẹ, nhớ về những ngày tháng anh đã sống và chiến đấu. Anh nhớ lại những buổi đi tuần tra, nhớ những lời dạy của cha mẹ, nhớ những nụ cười trẻ thơ của bản làng. Nỗi đau cứ chậm rãi len lỏi, nhưng đồng thời, anh thấy rõ hơn tình yêu thương, sự gắn bó của cộng đồng. Anh nhận ra rằng, chỉ có tình người mới giúp con người vượt qua đau thương, chỉ có sự sẻ chia mới làm dịu đi nỗi mất mát khôn nguôi.

Vừ Chông Pao – người từng kiên cường, dạn dày qua những trận chiến khốc liệt, qua những ngày tháng hành quân trong mưa nắng, qua những khó khăn gian khổ để bảo vệ bản làng – giờ đây cũng không tránh khỏi sự suy sụp. Tinh thần và thể xác anh như cạn kiệt. Bàn tay từng quen cầm súng, cầm giấy bút báo cáo, giờ

nặng trĩu xuống khi phải sắp xếp tang lễ, khi phải nhìn con, nhìn mẹ lần cuối, khi tiếng khóc của người thân và dòng nước mắt của Y Dênh quán lấy anh.

Nhưng giữa nỗi đau như biển cả ấy, Vừ Chông Pao vẫn cảm nhận được sức mạnh từ những người xung quanh: gia đình, họ hàng, đồng đội, những người cùng chung mạch máu, cùng nỗi đau. Y Dênh – người vợ thủy chung, dịu dàng mà kiên cường – ở bên, cầm tay anh, vuốt tóc cho anh, nhắc nhở anh thở từng hơi, sống tiếp từng nhịp. Những lời an ủi, những cử chỉ bình dị mà ấm áp, nhờ đó anh mới có thể đứng dậy, thấp nén nhang, hoàn thành những nghi lễ cuối cùng cho mẹ và con.

Tang lễ khép lại trong nỗi xót xa vô hạn, nhưng cũng là khoảnh khắc kết nối sâu sắc tình người, sức mạnh cộng đồng. Vừ Chông Pao, người từng bước chân đi khắp núi rừng, chiến đấu bảo vệ bản làng, giờ đây lại nhận ra rằng sức mạnh lớn nhất không chỉ là can đảm trên trận chiến, mà còn là khả năng vượt qua đau thương, để tiếp tục sống, tiếp tục hành trình mà mình đã chọn. Anh tự nhủ: nỗi mất mát này sẽ không làm anh gục ngã. Chính từ đây, anh sẽ còn mạnh mẽ hơn, sống xứng đáng với những gì người thân đã dành cho anh, với lý tưởng mà anh theo đuổi.

Khi trở lại công việc, Pao mang trong tim nỗi đau khôn nguôi, nhưng từ đó cũng bừng lên một quyết tâm mới. Anh hiểu rằng, để giữ trọn ký ức về mẹ và con, anh phải tiếp tục bước đi, tiếp tục chiến đấu. Nỗi mất mát khiến anh nhận ra con người không chỉ sống cho lý tưởng, mà còn cho tình yêu thương, cho những mối dây gắn kết với gia đình và cộng đồng. Từ đây, mỗi bước chân anh trên con đường cách mạng đều được dẫn lối bởi ký ức về người thân đã khuất, bởi tình yêu và sự sẻ chia đã giúp anh đứng vững giữa đau thương. Và giống như cây Pơ Mu trên đỉnh núi, dù bão tố có thể quật gãy cành, nhưng rễ vẫn cắm sâu vào lòng đất, để cây vươn mình, hiên ngang mà lặng lẽ, che chở cho bản làng, cho núi rừng quê hương, Pao cũng sẽ tiếp tục sống như thế.

Chương 11:

1. Ngày 17 tháng 5 năm 1961, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 65-CP, chính thức chia huyện Tương Dương thành hai: Tương Dương và Kỳ Sơn. Huyện Kỳ Sơn gồm các xã: Bắc Lý, Bảo Nam, Bảo Thắng, Hín Ngộn, Huồi Giàng, Huồi Tụ, Hữu Kiệm, Mường Lống, Mường Típ, Mỹ Lý, Nậm Cắn, Phà Đánh – một dải đất miền cao, vùng núi biên giới rộng lớn, hiểm trở – nơi những con đèo đá dựng đứng nối nhau, sông Nậm Mộ, Nậm Non chằng chịt, với bao khởi đầu ngồn ngàng.

Cuối tháng Năm, Thạch Giám – trung tâm của huyện Tương Dương tấp nập như chưa từng có. Người đi người lại, ngựa thồ chất đầy bàn ghế, giấy má, hòm tủ, từ các cơ quan cũ gấp rút chuyển dần về Mường Xén. Ngoài sân trụ sở, từng tốp cán bộ tùm nãm tùm ba bàn bạc, ai cũng mang vẻ bận rộn, vừa háo hức vừa bịn rịn. Tách huyện, nghĩa là chia tay, nghĩa là những mối dây công tác quen thuộc nay mỗi người một phương.

Sáng sớm, từ Mường Xén, Vừ Chông Pao thúc con ngựa nâu đi xuống Thạch Giám. Sương còn đọng trắng trên những tán cỏ tranh, lồi mòn lấp lánh giọt sương như ai vừa rải bạc. Gió núi mát lạnh hắt qua sống lưng, nhưng ngực Pao lại nóng ran. Đây không phải chuyến công tác, không có giấy giới thiệu, không có những cuộc họp, những bản kế hoạch dày cộp. Chuyến đi này khác lắm – đó là chuyến đi chia tay. Chia tay một đoạn đời, một vùng đất, những con người từng gắn với anh như mạch máu với trái tim.

Ngựa gõ móng lóc cóc trên nền đá, tiếng như nhịp gõ của thời gian đang đếm lùi những khoảnh khắc còn lại. Pao khẽ cúi xuống, bàn tay siết chặt bõm ngựa, lòng nhói lên. Từ hôm nghe quyết định tách huyện, đêm nào anh cũng trằn trọc. Trong sương sớm, dáng Pao lom khom, bóng đổ dài xuống triền dốc như một nhánh cây khô cố níu đất quê. Anh không muốn ai nhìn thấy ánh mắt mình lúc này – cái ánh mắt mà những người đàn ông từng qua chiến trận chỉ dành cho những giờ phút khó khăn nhất: khi phải rời bỏ nơi từng coi là nhà.

Gió đầu hè thổi từ khe núi lên lành lạnh, hơi sương vẫn đọng trên những ngọn lau ven đường. Đường núi khúc khuỷu, đá tai mèo lởm chởm, nhưng trong lòng anh còn chông chênh hơn cả những dốc đá ấy. Anh vừa được Ban Thường vụ Huyện ủy hiệp thương giới thiệu giữ chức Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc huyện Kỳ Sơn khóa đầu tiên. Một vinh dự không nhỏ, nhưng cũng là gánh nặng chưa từng có. Pao từng quen bám rừng, bám dân, từng cầm súng du kích, từng làm Trưởng Công an xã, nhưng “Chủ tịch Mặt trận” là cái chức gì, bắt đầu từ đâu? Trong đầu anh lúc này còn lộn xộn như mây đèo sáng sớm.

Đặt chân xuống sân, Chinh – Bí thư Đảng ủy Thạch Giám – đã đứng chờ từ trước. Anh Chinh vốn là người từng nhiều năm theo dõi, đồng viên Pao từ ngày anh còn công tác Na Ngoi. Thấy Pao, Chinh nở nụ cười hiền:

– Pao xuống rồi à. Tôi chờ cậu từ lúc gà gáy canh ba. Nghe tin cậu xuống Thạch Giám, mình mừng lắm.

Pao bắt tay, gật đầu:

– Em xuống chào anh và các đồng chí ở huyện, rồi mai phải về Mường Xén nhận việc luôn. Mà thú thực, em chưa hình dung ra công việc Chủ tịch Mặt trận là làm những gì đâu, anh Chinh ạ.

Chinh cười khẽ, đưa tay vỗ vai:

– Ai mà hình dung nổi từ đâu, Pao ơi. Huyện mới như một tờ giấy trắng. Nhưng cậu có cái quý nhất rồi – dân tin. Ở Kỳ Sơn, người Mông, người Khơ Mú, người Tày Kháng, họ quý cán bộ nào chân thành, không khoe khoang. Cậu từ trong rừng ra, từng ăn cơm nằm ngủ lán cùng họ, cái đó hơn trăm cái chức.

Pao trầm ngâm:

– Nhưng dân Kỳ Sơn còn nhiều hủ tục, mê tín lắm. Lại thiếu thốn đủ thứ. Em sợ họ không nghe lời mình.

Chinh ngược nhìn khoảng trời mờ sương phía Mường Xén:

– Nghe chứ. Bác Hồ bảo rồi: “Muốn làm cách mạng phải dựa vào dân”. Mà muốn dân nghe, phải nói cho họ hiểu, phải đến từng bản, từng nhà. Cậu quen việc ấy hơn ai hết.

Hai người cùng lên Ủy ban hành chính kháng chiến huyện Tương Dương. Đọc đường đi, Chinh khẽ nói:

– Hôm nay Chủ tịch ở nhà, khi sáng vừa xuống Thạch Giám kiểm tra ruộng Na Phủ xong. Tôi đưa cậu lên đó, Chủ tịch cũng mong cậu lắm đấy, thấy nhắc cậu luôn.

Trong phòng, Chủ tịch huyện Lang Văn Lương – người từng nhiều năm gắn bó với Pao – đứng lên đón. Ông bắt tay thật chặt, ánh mắt vừa khích lệ vừa lo lắng:

– Vừ Chông Pao! Từ du kích Na Ngoi nay thành Chủ tịch Mặt trận Kỳ Sơn. Tôi mừng cho cậu, nhưng cũng phải nói thật: Kỳ Sơn gian nan lắm. Trụ sở chưa có, giấy bút còn thiếu, đường đi như rắn bò. Gian khổ sẽ trui rèn cán bộ đấy, cố gắng nhé.

Pao cúi đầu:

– Khô em chẳng lo, em chỉ lo lòng người. Dầu đã thành hai huyện, nhưng em mong được các anh chỉ dẫn thêm. Nơi ấy, em cũng quen núi quen rừng rồi, nhưng làm việc lớn thế này, e còn vụng về.

Chủ tịch rót bát nước chè, đẩy về phía Pao:

– Uống đi, cho ấm bụng. Tôi chỉ nhắn cậu một điều: đừng để phong trào nguội yên. Kỳ Sơn muốn lên được, phải làm cho các dân tộc tin nhau, thương nhau. Mặt trận là cầu nối, cậu nhớ nhé.

Ngồi bên cạnh, anh Chinh – Bí thư Thạch Giám – tiếp lời, giọng nhẹ nhàng mà sâu sắc:

- Cậu phải hiểu, công tác Mặt trận không chỉ là tổ chức vài cuộc họp hay làm báo cáo. Nó là chuyện làm cho người Thái tin người Mông, người Mông tin người Khơ Mú, rồi tất cả cùng tin vào Đảng, vào cách mạng. Nó là chuyện đi từng bản, ngồi bên từng bếp lửa, ăn cùng bát cơm, uống cùng chén rượu, nghe dân nói hết nỗi lòng, rồi mới lựa lời mà giải thích cho họ hiểu. Dân chưa quen thì cầm tay, chỉ việc. Mỗi khi dân đã tin, đã quen thì phong trào sẽ sống, và cách mạng mới bền lâu.

Chủ tịch Lương, chậm rãi nói thêm:

– Mặt trận quan trọng lắm, là chỗ dựa của Đảng đấy. Những năm sau thành lập, từ 1936 đến 1939, Pháp khủng bố trắng, Đảng ta phải rút vào hoạt động bí mật, chính Mặt trận đã thay Đảng ra mặt, đứng mũi chịu sào để vận động toàn dân. Nhờ có Mặt trận mà phong trào cách mạng không bị tắt lửa, mà lại bén rễ thêm sâu trong lòng dân.

Pao đưa bát chè xanh lên môi. Hơi nóng phả vào mặt, hương chè thanh mà nồng, ngai ngái như mùi lá rừng vừa ướt sương, lại thoảng chút hương khói bếp cũ. Anh hít thật sâu. Mùi ấy len qua cánh mũi, lan dần xuống cổ, ấm cả lồng ngực. Vị đầu tiên chát nhẹ nơi đầu lưỡi, rồi dịu lại thành cái ngọt hậu nơi cuống họng. Uống đến đâu, cả người như bừng lên đến đó – nhưng trong lòng lại lắng xuống, nặng như sắp phải rời xa một phần máu thịt của mình.

Chè xanh Thạch Giám là vậy: không cầu kỳ, không đượm vị hương liệu nào, chỉ có lá chè tươi hái lúc còn sương, sao trên bếp củi, rồi rót nước sôi vào ấm đất. Nhưng mỗi lần uống, người ta không chỉ nếm chè – mà còn nếm cả núi rừng, cả tình nghĩa của người ở lại.

– Vâng, em đã hiểu, em sẽ cố gắng hết sức. Cái gì chưa biết sẽ hỏi, cái gì khó sẽ cùng bàn. Chỉ mong huyện cũ vẫn nhìn về huyện mới, không bỏ mặc chúng em.

Anh Chinh cũng chen vào:

– Chúng tôi đâu có bỏ. Huyện chia, nhưng người không chia. Khi nào vượng, cứ gửi thư về, chúng tôi gỡ cho.

Ngoài kia, nắng đã đổ xuống dòng Lam, dòng sông lững lờ trôi giữa đôi bờ lau lách. Pao bước ra, nhìn lại mái trụ sở ủy ban huyện một lần nữa. Ngựa hí vang, gió từ thung lũng thổi lên, mang theo mùi đất mới chuyển mùa. Một chặng đường khác đang mở ra trước mắt anh – con đường của một người đi gieo chữ “đoàn kết” trên đất Kỳ Sơn.

Chiều muộn, khi mặt trời bắt đầu khuất sau dãy Pu Xai, Vừ Chông Pao rời Thạch Giám. Con ngựa nâu lững thững men theo con đường sỏi đá dẫn về Mường Xén. Gió chiều lùa qua những triền ngô non, hơi đất ẩm sau cơn mưa ban trưa còn ngai ngái. Phía trước, ngọn núi dựng sừng sững như tấm bình phong che chở cho vùng đất Kỳ Sơn đang chờ anh.

Trong tiếng vó ngựa đều đều, tâm trí Pao chộn rộn không yên. Từ một du kích vùng Mường Ải, rồi Trưởng Công an xã Na Ngoi, hôm nay anh chính thức bước sang một vai trò khác: Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc huyện Kỳ Sơn. Chức vụ ấy nghe

thì lớn, nhưng anh hiểu, nó không phải là chiếc ghê, mà là gánh nặng: làm sao đoàn kết được cả người Mông, Khơ Mú, Tày Khăng; làm sao giúp họ bỏ những hủ tục lạc hậu, tin vào cách mạng, vào Bác Hồ.

Gió chiều tấp lên mặt, Pao chợt nhớ lại buổi sáng sớm hôm nay ở Thạch Giám: những lời dặn của anh Chinh, ánh mắt trầm ngâm của Chủ tịch huyện, bát chè xanh thơm ngai ngái hương lá non, chất dịu đầu lưỡi, ngọt hậu nơi cổ họng, ấm lòng người ở lại, thăm tình kẻ đi xa. Mỗi lời, mỗi cử chỉ đều như gửi gắm cả niềm tin và trách nhiệm. Anh thấy trong ngực mình có một thứ gì đó vừa nặng nề vừa thôi thúc.

Ngựa lội qua một con suối, nước lạnh ngắt. Pao cúi xuống vốc nước rửa mặt, ánh chiều in rõ hình ảnh anh: gò má cao, đôi mắt đã chai sạn vì sương gió, nhưng sâu trong ấy vẫn ánh lên quyết tâm của một người từng băng rừng, vượt đèo vì cách mạng. “Minh đã đi theo Đảng gần hai mươi năm, giờ không lẽ lại nao núng?” – anh tự nhủ.

Chiều hôm ấy, Pao về đến Mường Xén. Trụ sở huyện mới chỉ là mấy gian nhà gỗ dựng tạm bên bờ Nặm Mộ, cột còn mùi nhựa, cửa còn xộc xệch. Mấy đồng chí trẻ đang sắp xếp bàn ghế, chồng hồ sơ còn buộc dây thừng nằm ngổn ngang. Họ nhìn Pao, gật đầu chào, ánh mắt đầy chờ đợi. Trong căn nhà nhỏ ấy, mọi thứ còn thiếu: giấy bút, đèn dầu, cả bữa cơm chiều cũng chỉ là nôi ngô bung với ít muối vừng. Nhưng chính nơi ấy, một huyện mới đang hình thành.

Đêm đầu tiên ngủ ở Mường Xén, Pao trở mình mãi không sao chợp mắt. Ngoài trời, tiếng dế rả rích, tiếng nước Nặm Mộ vỗ vào bờ sỏi. Anh nhớ vợ con, nhớ nếp nhà nhỏ ở Mường Ái, nhớ những tháng ngày lam lũ nhưng yên bình bên Y Dênh. Giờ đây, con đường mới bắt đầu, gập ghềnh hơn cả con dốc đá ngày nào anh đã vượt.

Anh lẩm nhẩm lời Bác Hồ mà anh Chinh nhắc lại: “Muốn làm cách mạng thì phải dựa vào dân”. Pao nhắm mắt, hình dung từng bản làng anh sẽ đến: Huồi Tụ, Mường Ái, Nặm Cản, Pù Quạc, Pù Ninh, Nặm Cản, Keng Đu... nơi nào cũng có người đang đợi nghe cán bộ nói, đợi thấy cán bộ làm. “Phải xuống dân, nói cho dân hiểu. Không có con đường nào khác.” – ý nghĩ ấy như một ngọn lửa nhỏ, sưởi ấm đêm dài nơi miền núi heo hút.

2. Mường Xén vào mùa đông năm ấy lạnh đến thấu gan ruột. Gió từ các dãy núi Pu Luông, Pu Đánh, Pu Đám... hun hút thổi về, luồn qua những kẽ cửa ván xộc xệch của trụ sở lợp tranh, khiến ngọn đèn dầu hắt bóng run rẩy lên vách nứa. Cái trụ sở mà Pao cùng mấy anh em gọi là “nhà làm việc” thực ra chỉ là căn nhà cũ của một gia đình bỏ lại khi di dân đi bản khác. Cột đã mọt, vách nứa gió lùa bốn phía, bàn ghế tạp nham, thứ nhặt từ các bản về, thứ mượn tạm của dân. Giấy bút, sổ sách đều phải xin trên huyện, mà huyện thì cũng nghèo như mình, gửi xuống chẳng được bao nhiêu. Có hôm cần soạn nghị quyết, phải xé giấy học trò ghép lại, viết hai mặt rồi gấp cẩn thận để còn lưu.

Ngày đầu nhận nhiệm vụ Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc huyện, Pao đứng lặng hồi lâu bên cửa sổ mờ sương. Con đường đất dẫn vào xã bây giờ chỉ vừa đủ lọt chân ngựa. Hai bên là lau lách cao quá đầu người. Xa xa, những mái nhà tranh của đồng

bào Khơ Mú, Tày Khăng nằm rải rác trên triền đồi, khói lam chiều vắt ngang núi như tấm khăn mỏng. Một khung cảnh vừa quen, vừa lạ. Quen bởi đây là đất mình đã bao lần đặt chân khi còn đi du kích; lạ bởi giờ mình là người đứng mũi chịu sào, phải làm cho cái vùng đất xơ xác ấy có tiếng nói, có sự đoàn kết, có niềm tin.

Nhưng đoàn kết đâu phải chuyện ngày một ngày hai. Cơ sở vật chất nghèo nàn chỉ là một chuyện; cái khó nhất là lòng người. Đồng bào các dân tộc nơi đây – Mông, Khơ Mú, Tày Khăng – sống lâu đời giữa rừng núi, quanh năm tự cung tự cấp, quen dựa vào thầy mo, tin lời thầy cúng hơn là tin vào cán bộ. Hủ tục vẫn còn như những sợi dây vô hình trói buộc: sinh con thì gọi bà đỡ, cưới xin phải xem ngày, ốm đau mời thầy mo về đuổi ma, mùa màng thất bát lại nghi ngờ nhau bỏ bùa. Thời kỳ đó, dịch sốt rét hoành hành khắp Kỳ Sơn. Bản nào cũng đầy ruồi, muỗi vo ve như khói chiều. Người lớn, trẻ nhỏ nằm la liệt trên sàn, mắt trũng, da vàng vọt, con rét run cầm cập khiến tiếng gõ chày giã gạo cũng ngưng giữa chừng. Cán bộ đi qua bản chỉ nghe tiếng ho khan và tiếng mo cúng vang vẳng trong gió núi. Pao nhớ như in buổi đầu tiên anh cùng mấy đồng chí trong Mặt trận huyện đi vận động bà con làm vệ sinh làng bản, dọn phân súc vật ra khỏi sàn, đào hố rác. Cả bản Huồi Đụn chỉ lác đác vài người chịu nghe. Một ông già rít tẩu thuốc bảo:

– Đào hố rác làm gì, thần rừng không thích đâu. Nhà nào quét sạch là thần bỏ nhà, con trâu chết, lúa lép!

Pao nghe mà ứa gan, nhưng anh không vội phản bác. Anh hiểu, niềm tin của họ như đá tảng, không thể dùng búa mà phá ngay được; phải như nước chảy, thấm dần, lâu ngày mới làm mềm.

Đêm ấy, Pao về lại trụ sở xã, ngồi một mình trước ngọn đèn dầu leo lét. Ngoài kia, gió hú dài như tiếng than. Anh lôi cuốn sổ ghi chép ra, vạch mấy dòng nguệch ngoạc: *“Cán bộ đến mà dân chưa tin. Vật chất thiếu, lòng người chưa thuận. Làm sao để họ hiểu mặt trận là của dân, do dân?”*

Anh thao thức tới gần sáng. Chức Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc – nghe qua tưởng như danh vị, nhưng thực chất lại là công việc nặng nhọc: phải kết nối, phải vận động, phải là cái cầu nối giữa chính quyền và nhân dân, giữa ý Đảng và lòng dân. Trong khi đó, anh – Vừ Chông Pao – vốn chỉ quen súng đạn, rừng núi, quen cơm nắm muối vừng và những trận phục kích, nay lại phải cầm bút, phải nói năng sao cho dân tin, dân nghe. Nhiều đêm, Pao tự hỏi: *Liệu mình có làm nổi không?* Anh lại tự trả lời: *Ồ mình còn từng nói dân không nghe theo phi, không đi theo phi rồi mà. Mình cũng từng đoàn kết dân ở Na Ngoi để tăng gia sản xuất đấy thôi.*

Có lần, anh đem bản khoản ấy nói với Nguyễn Hữu Ba – người bạn từng đồng cam cộng khổ hồi ở Na Ngoi, nay là cán bộ ban Tuyên huấn Huyện ủy:

– Tôi thấy mình như con cá vừa được thả vào chum cạn, bơi chẳng ra đâu vào đâu.

Ba cười, vỗ vai:

– Hồi tiểu phi, anh cũng đâu biết cầm súng? Rồi học dần, đánh dần mà thành. Cái chức Chủ tịch mặt trận cũng vậy. Dân mình chưa hiểu thì mình phải tìm cách để họ hiểu. Không có đường tắt đâu, Pao ạ. Hãy làm theo cách ở Na Ngoi đi.

Câu nói ấy như que củi hơ lên than ướt. Pao thấy lòng ấm lại đôi chút. Nhưng ngày hôm sau, khó khăn vẫn y nguyên.

Công việc đầu tiên của anh là lập danh sách các bản, các già làng, trưởng bản để gặp gỡ. Thế nhưng, không ít người tránh mặt. Có bản, Pao lặn lội đường rừng cả ngày, đến nơi chỉ có bọn trẻ con nhìn anh rồi cười khúc khích, người lớn đóng cửa im ỉm. Anh để lại mấy gói muối, ít chè khô, rồi lui thủi về. Mưa lầy đất, bùn bám đến tận gối. Lúc ngồi hong áo bên bếp lửa, Pao cởi tấm áo bông ướt đẫm, đưa tay che miệng ho, trong đầu vẫn văng vẳng tiếng vợ anh dặn trước khi rời nhà: *“Đi đâu cũng giữ sức, anh nhé. Bản làng còn nghèo, nhưng nếu anh nản lòng thì ai sẽ làm?”*

Khó khăn thứ hai là giấy tờ, sổ sách. Thời ấy, làm gì cũng phải có báo cáo, có biên bản. Pao chưa thạo chữ quốc ngữ lắm, chữ viết còn cứng như dao chém vào giấy. Hồi nhỏ học chữ quốc ngữ qua mấy người Kinh bạn buôn của mẹ, đâu có trường, có lớp, lớn lên một chút là đi làm du kích cho đến bây giờ. Nhiều khi anh em đùa:

– Thôi, Chủ tịch chỉ cần nói, chúng tôi viết hộ!

Pao lắc đầu:

– Không được. Cán bộ mà không biết chữ, không tự viết, thì dân họ coi thường.

Thế là ban ngày đi bản, ban đêm Pao lọ mọ học thêm ở lớp bình dân học vụ. Anh viết từng chữ, gạch từng hàng, chỗ nào chưa rõ lại đem hỏi mấy thầy giáo. Nhiều hôm trời rét, mực đông thành cục, anh phải hơ cả lọ mực trên bếp cho tan.

Ban ngày, sau mỗi buổi làm nương hay họp bàn việc vệ sinh làng bản, Pao lại ghé từng nhà, động viên bà con:

- Học chữ quốc ngữ đi, sau này đọc được giấy của Nhà nước, viết thư cho con cháu cũng không nhờ người khác nữa.

Có người nghe xong gãi đầu:

- Già rồi, học làm chi.

Có người cười xòa:

- Chữ quốc ngữ có ăn được đâu.

Pao không nản, tối về học một, sáng mai dạy lại hai; vừa học chữ, vừa gieo niềm tin: *“Chữ không ăn được, nhưng nếu có chữ thì cái đầu biết nghĩ, cái tay biết làm, cái bụng sẽ không đói”*. Dần dần, mấy đứa trẻ kéo theo bố mẹ, mấy bà mẹ lại rủ ông chồng; lớp học nơi nhà sàn sáng đèn khuya hơn cả bếp lửa bản làng. Cứ như thế phong trào “xoa mù chữ” lan rộng khắp các bản làng. Song, học chữ vốn chỉ là bước đầu; khó hơn cả là làm sao để bà con thật sự tin và nghe theo những điều mới

mẻ. Bao nhiêu lớp bình dân học vụ sáng đèn cũng không bằng một lần bà con dám gỡ bỏ sự ngờ vực bấy lâu.

Vất vả nhất vẫn là chuyện làm cho bà con tin. Ở bản Phá Đánh, một gia đình người Mông có đứa con gái ốm sốt, Pao bảo đưa xuống trạm y tế, họ không chịu, nhất quyết mời thầy mo về cúng. Pao phải ở lại hai ngày, cùng ăn ngô nướng với họ, trò chuyện, kể chuyện ở các bản khác đã bỏ cúng ma, đưa người đi chữa bệnh, giờ khỏe mạnh, ruộng tốt. Đến khi cô bé lên cơn nặng, họ mới đồng ý. Trạm y tế cứu được. Hôm tiễn Pao ra công, ông bố cầm tay anh run run:

– Cán bộ nói phải, nhưng người Mông quen sống như thế đã lâu. Từ nay, chắc phải đổi thôi.

Câu nói ấy khiến Pao nhẹ cả lòng. Anh biết, con đường vận động dân là vậy: không thể hò hét, không thể ra lệnh. Phải kiên nhẫn như gieo hạt vào đất cằn, mưa nắng đủ đầy, rồi cây sẽ mọc.

Đêm Mường Xén, những vì sao thưa thớt trên bầu trời đen như nhuộm than. Pao ngồi trước cửa, nghe tiếng côn trùng rả rích, ngửi mùi khói bếp còn vương trong tóc. Anh tự nhủ: *Mình đã từng vượt suối băng rừng, đã từng chiến đấu với kẻ thù, thì cái khó này đâu bằng. Nhưng đánh giặc hữu hình còn dễ, đánh giặc vô hình trong lòng người mới gian nan.*

Ngày lại ngày, Pao cùng anh em Mặt trận tỏa đi khắp các bản: Nặm Cản, Huồi Hin, Huồi Pặp, Ải Khe, Xốp Tụ... Họ dựng từng cột cờ, mở từng buổi họp dân, đọc từng tờ truyền đơn. Có hôm đi bộ cả chục cây số, chỉ để bà con nghe mấy câu: “Mặt trận là của dân. Chúng ta cùng nhau làm đường, cùng nhau học chữ, cùng nhau bỏ cái cũ không còn phù hợp...”

Đêm về, Pao nằm trên tấm phản tre, nghe tiếng gió rít qua mái tranh, lưng vẫn còn nhức mỏi. Nhưng anh không còn lúng túng như những ngày đầu. Những khó khăn đã chỉ mặt gọi tên: nghèo vật chất, nghèo chữ, nghèo niềm tin. Vậy thì cách khắc phục cũng rõ: cần kiệm, học hỏi, kiên trì.

Một hôm, trong sổ ghi chép, Pao viết: *“Mặt trận không phải chỉ để họp hành, mà phải trở thành cái chòi giữa bản: ai đi qua cũng ghé, ai khó cũng tìm, ai khổ cũng nhờ. Khi dân coi Mặt trận như nhà của họ, khi ấy mới nói đến chuyện đoàn kết.”*

Từ đó, anh bắt đầu cùng anh em dựng lại trụ sở: xin gỗ của dân, xin mái tranh ở huyện, tự tay cưa cắt, dựng vách. Cái trụ sở vẫn nghèo, nhưng ấm hơn, có bàn dài, có ghế mộc, có chỗ để bà con đến bàn việc chung. Anh còn đề nghị mỗi bản cử một người làm liên lạc, ai biết chữ thì càng tốt, không thì cũng để truyền tin.

Dần dần, người Mông, người Khơ Mú, Tày Khăng bắt đầu mở lòng. Họ không còn nhìn Pao như cán bộ trên trời rơi xuống, mà như người anh em trở về từ rừng, biết nói tiếng bản, biết uống bát rượu ngô, biết cùng ngồi nghe tiếng khèn đêm trăng. Mỗi khi có công việc, họ gọi anh: “Pao ơi, xuống bản chơi!” – cái tiếng gọi mộc mạc nhưng ấm áp ấy, với anh, còn hơn mọi bằng khen, mọi chức vị.

Thế nhưng, con đường phía trước vẫn còn dài. Pao hiểu, những hủ tục, những mê tín chưa thể một sớm một chiều xoá hết. Cái nghèo vẫn bám riết từng xã, từng bản, cái đói vẫn lấp ló ngoài nương rẫy. Anh vẫn còn những đêm không ngủ, vẫn viết những dòng dài trên giấy học trò, vẫn nhắc mình: *Chúc Chủ tịch Mặt trận không phải cái ghé để ngồi, mà là con đường để đi. Đi mãi, đi đến tận những chỗ cao nhất, xa nhất, nơi còn khói lam và tiếng mõ trâu chiều.*

3. Một đêm cuối đông, gió từ Pu Xai tràn xuống như lưỡi dao lạnh lẽo, Pao vẫn ngồi bên ngọn đèn dầu chập chờn, tay vuốt lại mấy tờ báo cũ đã ngả màu thời gian. Trong đó, có một mẫu giấy anh giữ từ ngày còn làm du kích – tờ truyền đơn có in lời Bác Hồ: Muốn làm cách mạng phải dựa vào dân. Dân là gốc, là rễ, là suối nguồn.

Pao nhắm mắt, lời Bác như còn vang bên tai: giọng trầm, ấm, nhưng dứt khoát. *Dựa vào dân.* Chỉ mấy chữ ấy thôi, như một ngọn lửa le lói giữa đêm rừng lạnh, soi lối cho anh. Những ngày qua, anh mãi nghĩ cách xin thêm giấy bút, cách dựng lại trụ sở, cách báo cáo với huyện... mà quên mất rằng gốc rễ không nằm ở mấy thứ ấy, gốc rễ nằm trong lòng dân. Nếu dân tin, dân góp một bó gianh, một cây tre, một ngày công thì khó khăn nào cũng vượt qua.

Anh bật dậy, khoác tấm áo bông vá chằng vá đụp, bước ra hiên. Gió rét tạt vào mặt buốt rát. Trên bầu trời, sao khuya nhấp nháy như mắt người ngoài rừng. Pao lẩm nhẩm:

– Muốn làm cách mạng phải dựa vào dân... Ừ, phải đi xuống cơ sở, phải nghe tiếng khèn, tiếng mõ của họ, mới biết họ cần gì, nghĩ gì.

Sáng hôm sau, Pao họp nhanh với mấy anh em cơ quan Mặt trận. Khi mọi người đã ngồi đầy đủ, anh nói:

– Chúng ta không thể ngồi đây mãi. Dân chưa hiểu vì chúng ta chưa xuống xã, vào bản. Phải chia nhau ra, ngày đi, đêm nghỉ bản, có khi cả tuần, cả tháng. Ai có sức đi bản xa thì nhận, bản gần để các chị em phụ trách.

Phó chủ tịch Lữ Văn Thảo gật đầu:

– Tôi nhận tuyến Hữu Kiệm, Bảo Nam, Bảo Thắng

Xông Chư xung phong:

– Tôi đi Huồi Tụ, Mỹ Lý

Xông Y Chia liếc Pao:

– Còn anh?

Pao cười:

– Tôi đi hết những chỗ chưa ai tới.

Chỉ sau mấy ngày, Pao đã khoác ba lô lên vai, theo đường mòn vào bản Huồi Hin. Đường mùa này lầy như bột, bước chân lún tới mắt cá. Có đoạn phải lội suối lạnh buốt, nước ăn rát cả da. Gió núi thổi hun hút, vắt bám đầy ống quần. Nhưng

Pao đi như người mộng du, trong đầu chỉ có một ý: *phải gặp dân, phải nói cho họ hiểu lời Bác.*

Buổi họp bản đầu tiên diễn ra trong căn nhà sàn lợp lá cọ, ánh đuốc khói cay xè mắt. Hôm nay, anh họp riêng các cụ phụ lão. Bà con ngồi thành vòng: người Mông áo chàm, người Khơ Mú váy đen, vài người Tày Khăng đội khăn trắng. Pao bước vào, chào bằng tiếng Mông, rồi tiếng Khơ Mú. Cả bản ò lên:

– Ôi, cán bộ mà nói được tiếng mình à?

Pao cười hiền:

– Tôi là người Mông, sao không nói được. Vớ lại, đã là cán bộ, phải học tiếng nhau, mới hiểu lòng nhau.

Già Xông A Páo – trưởng bản – vuột chòm râu bạc:

– Cán bộ muốn nói gì, cứ nói. Nhưng bản này nghèo, lúa chưa chín, người ốm còn nằm kia.

Pao không vội. Anh rót chén rượu ngô, đưa lên mời:

– Tôi đến không phải để bắt bản đóng góp gì. Tôi đến để kể một câu chuyện.

Cả bản im lặng. Có người ngh ngại, sao bảo đến họp lại kể chuyện? Ngọn đuốc cháy kêu lách tách. Pao lấy trong túi ra một bó đuốt tre đã chuẩn bị sẵn. Anh cầm một chiếc, bẻ đánh “*rắc*.”

– Một chiếc đuốt dễ gãy. Nhưng bó đuốt này – anh đưa cho Xông A Páo – già thử bẻ xem.

Già lấy sức, gân tay nổi lên, bó đuốt chỉ cong mà không gãy. Ông lắc đầu:

– Không gãy được.

Pao nói chậm rãi:

– Dân mình cũng vậy. Người Mông một chiếc, Khơ Mú một chiếc, Tày Khăng một chiếc, mỗi người một ý, mỗi bản một nẻo thì dễ bị gãy lắm. Gió bão, giặc dã, đói nghèo... nó bẻ từng chiếc một. Nhưng nếu buộc lại, cùng nhau làm, thì ai bẻ nổi?

Có tiếng xì xào phía cuối:

– Nói thế nghe cũng phải, nhưng người Mông với người Khơ Mú xưa nay vẫn mỗi bên một nếp, có dễ gì mà buộc.

Pao nghe rõ, anh gật đầu:

– Tôi biết. Xưa mỗi bản một lễ, mỗi dòng họ một tục. Nhưng giờ đất nước mình đã có độc lập, có Chính phủ, có Bác Hồ. Bác dạy: *Cách mạng muốn thành công thì phải dựa vào dân.* Dựa vào dân là dựa vào tất cả: Mông, Khơ Mú, Tày Khăng, ai cũng là dân, ai cũng là con cháu Bác. Muốn thắng phi, muốn no bụng thì chúng ta phải đoàn kết. Đoàn kết là sống, chia rẽ là chết. Chúng ta có bỏ phong tục

đẹp không? Không! Ta chỉ bỏ cái xấu: ma chài, bói toán, phạt vạ vô lý, không cho con gái đi học...

Già Xông A Páo trầm ngâm:

– Cán bộ nói bỏ phạt vạ, thì người già còn nghe. Nhưng mấy đứa trẻ... chúng nó bướng.

Pao cười:

– Vì vậy tôi đến đây, không chỉ nói chuyện với già, mà muốn cả bản nghe. Nếu các già làm gương, con cháu sẽ theo. Còn tôi, nếu làm sai, các già cũng được quyền phạt vạ tôi trước.

Cả bản cười ồ. Không khí bỗng nhẹ hơn. Một bà cụ Khơ Mú lên tiếng:

– Cán bộ nói thế, tức là người Khơ Mú coi người Mông, Tày Khăng như người một nhà. Cái này tôi đồng ý. Tôi sẽ về nói với con cháu như vậy.

Một cụ ông râu bạc gật gù, tay chống gậy tre đứng dậy:

– Nói thế thì rõ rồi. Chỉ có đoàn kết mới chống được cái đói, cái rét.

Pao chậm rãi gật đầu, giọng vẫn ôn tồn:

– Đúng vậy. Khi đã đồng lòng, ta không chỉ cùng nhau đánh phi, làm nương, mà còn giữ gìn sức khỏe, để ai cũng được sống lâu, sống khỏe. Bản mình dạo này nhiều trẻ con ho, mấy nhà còn để trâu bò ị khắp lối đi, nước uống không đầy nắp... Đó cũng là kẻ thù, các cụ ạ – kẻ thù mang bệnh đến.

Anh quay nhìn quanh đống lửa, ánh mắt dừng ở mấy bà mẹ trẻ bé con:

– Đoàn kết còn là cùng nhau giữ sạch suối, quét sân, đào hố rác, nhà nào có người ốm phải đưa xuống trạm y tế. Cán bộ y tế sẽ tiêm thuốc, phát thuốc, chứ không phải cúng gà cúng lợn mồi. Chúng ta thương nhau, thì phải thương cả sức khỏe của nhau.

Một bà người Tày Khăng lắc đầu, nói khẽ:

– Hôm trước tôi thấy cán bộ trạm nói chích thuốc cho con, tôi sợ nó khóc...

Pao cười hiền:

– Nó khóc một lát rồi khỏe cả đời, còn hơn để bệnh rừng nó lấy mất hơi thở.

Mọi người rì rầm bàn tán, có người gật, có người còn ngần ngại. Ngọn đuốc cháy sắp tàn, nhưng lửa trong mắt mọi người như sáng hơn lúc mới vào họp.

Trưởng ban Xông A Páo đứng dậy:

- Ngày mai tôi sẽ cho con cháu đào hố đổ rác, sẽ cho trâu bò vào chuồng, nhưng lỡ nó ốm thì sao?

Pao gật:

– Nếu trâu bò ốm, tôi chịu trách nhiệm tìm thuốc. Nhưng nếu sạch sẽ, trẻ con khỏi bệnh, bản mình vui hơn, các bà có mừng không?

– Mừng chứ! – nhiều người đồng thanh.

Vậy, hôm nay các cụ đã đồng lòng, ngày mai các cụ nói với con cháu mình cũng đồng lòng theo. Có được không?

- Được! – tất cả đồng thanh.

Từ Huồi Hin, Pao lại băng qua Pù Quạc, Huồi Đun, Ải Khe, Chèng... Mưa nắng không ngăn được anh. Có hôm trời mưa tầm tã, áo ướt sũng, anh vẫn ngồi bên bếp lửa kể chuyện bó đũa. Có hôm nắng chang chang, đường đá lỏm chỏm, anh gùi thêm cả bao muối cho bản nghèo, chân rớm máu mà vẫn cười:

– Cán bộ cũng như dân thôi, đói cùng đói, mệt cùng mệt, mới hiểu nhau.

Một lần, ở bản Pu Lau, có thanh niên tên Lý Súa đứng dậy hỏi:

– Cán bộ bảo đoàn kết để làm cách mạng. Nhưng cách mạng rồi có cho người Mông cái gì không?

Pao nhìn thẳng vào mắt cậu:

– Cho à? Có chứ. Cách mạng là để cho chúng ta tự đứng lên, tự cày ruộng mình, tự quyết định cuộc sống mình, không để người khác đến bắt nạt, không để con cháu mù chữ, phải cống thuế, phải đi phu, phải bán con, lúc khó khăn có bà con đến giúp, lúc đói có người sẻ bát cơm... Đó là cái “cho” lớn nhất.

Lý Súa im lặng, rồi khẽ gật. Đêm ấy, cậu theo Pao ra hiên, nói nhỏ:

– Nếu cần người trẻ làm việc, gọi tôi. Tôi thuộc lối đi các bản.

- Tốt lắm! Súa à, mình còn trẻ phải nghĩ xa hơn cho gia đình, cho bản, cho mọi người. Lấy niềm vui của mọi người làm niềm vui của mình.

Nói xong, Pao nở nụ cười, anh ghi ngay tên cậu vào sổ. Từng người, từng bản như thế, dần dần kết thành sợi dây dài, nối từ Mường Xén ra biên giới, từ khe suối lên đỉnh núi.

Cứ mỗi bản đi qua, Pao lại nhớ lời Bác: “*Dân là gốc.*” Ở đâu anh cũng mở đầu bằng câu chuyện bó đũa, kết bằng chén rượu ngô, và để lại lời hẹn:

– Tôi sẽ quay lại, xem bản mình có bớt ốm, bớt đói chưa. Nếu chưa, cùng tìm cách.

Đêm về, Pao lại lật tờ truyền đơn cũ, chữ đã nhòe, nhưng ánh sáng từ đó thì càng rõ: nó dẫn đường cho anh, cho những bước chân không mỏi giữa núi rừng Kỳ Sơn.

4. Mùa đông năm ấy trôi qua trong tiếng gió hun hút và những bước chân bèn bĩ. Khi xuân về, nắng vàng trải dọc các triền đồi Huồi Phong, Piêng Lâu, Cò Phạt... cũng là lúc Pao nhận ra: gió đổi chiều rồi. Người dân không còn nhìn anh bằng ánh mắt nghi ngại như những ngày đầu. Thay vào đó là cái gật đầu chào, tiếng gọi với từ xa:

– Pao ơi! Xuống bản mình đây à? Vào uống chén rượu ngô cho ấm!

Anh bước vào bản, không còn phải gõ cửa từng nhà. Bếp lửa sẵn sàng, tiếng cười râm ran. Sự thay đổi ấy không ồn ào, không rầm rộ, nhưng lan như mạch nước ngầm qua từng mùa nương.

Tại hội nghị Mặt trận huyện đầu tháng hai năm 1963, Thò Tu vui vẻ báo cáo:

– Các bản Huồi Phong, Huồi Hắng, Chèng, Piêng Lau, Cò Phạt, Púng, ái Khe, Thầm Khốp và Gia Nang ... đã đào được ba mươi hố rác, dọn sạch đường bản. Trẻ con tắm rửa đầu năm, không còn sung mắt đỏ nữa.

Xông Y Chia cảm tờ giấy rung rung:

– Bản Xốp Tụ, Huồi Hin, Pu Lau... vừa gửi danh sách xin học lớp bổ túc văn hóa. Có cả thanh niên Lý Súa, anh Pao còn nhớ chứ?

Pao gật đầu, mắt sáng lên:

– Nhớ chứ! Hồi ấy cậu ấy còn hỏi: “Cách mạng cho người Mông cái gì?” Giờ thì chính cậu ấy đi vận động người khác. Dem thư cậu biết đi cho người khác rồi.

Họ nhìn nhau cười. Trong tiếng cười ấy, có cả một chặng đường vất vả đã đi qua.

Phong trào lan tỏa nhanh hơn từ khi Pao khởi xướng đợt thi đua đoàn kết sản xuất vụ Đông Xuân 1962–1963. Anh mang theo bản đồ đất đai, từng bước cùng bà con bàn chuyện khai hoang, trồng thêm ngô giống mới. Một buổi họp ở xã Mường Lống, anh trải bản đồ ra, nói:

– Đất này lâu nay bỏ không vì sợ ma rừng. Nhưng tôi đã đi cùng già Lý Chia Chả và Bí thư Xông Gà Vừ xem, chỉ là cây cỏ thôi. Nếu ta gieo ngô vụ này, mùa tới đủ ăn cả bản.

Một người đàn ông tên Thò Pá Lư còn trẻ đứng dậy:

– Nhưng giống ở đâu? Phân ở đâu? Lâu nay chúng tôi chỉ biết tria, cỏ mọc lại bỏ.

Pao cười, chỉ vào ba lô:

– Giống tôi xin trên huyện về. Phân thì ta dùng tro bếp, phân trâu, bò, lợn, gà. Tôi không nói suông đâu, tôi cùng làm với bà con.

Mùa đông, Pao lợi ruộng, tay tê cóng vì bùn lạnh, lưng áo sũng nước. Bà con thấy cán bộ không đứng chỉ tay, mà xắn quần, nhổ cỏ, gùi phân, dần dần họ cũng xuống đồng. Thò Pá Lư lúc ấy hô:

– Đàn ông đi phát cỏ, đàn bà đi gieo hạt! Xem ai thua ai!

Tiếng cười rộ khắp triền nương.

Đến vụ mùa 1963, những nương lúa Mường Lống vàng óng, ngô trên các triền đồi bắp dài đầy hạt. Ngày gặt, Pao đi qua bản, trẻ con ùa ra nắm áo anh:

– Cán bộ Pao! Lúa nhà cháu năm nay đầy bồ rồi!

Anh ngời xuống, vuốt đầu chúng:

– Đó là công của bố mẹ cháu, của cả bản đoàn kết. Một mình cán bộ Pao làm sao được!

Già Lý Chia Chả bước ra, chống gậy, mắt nhắm nheo:

– Không có cán bộ truyền lửa, bà con còn sợ ma rừng, sợ đói, đâu dám ra phát nương. Pao là cầu nối giữa chúng tôi với huyện, với Chính phủ.

Bí thư kiêm chủ tịch xã Xông Gà Vừ, nhìn già Chia Chả nói:

- Anh Pao đã nghĩ thay, làm thay chúng ta rồi. Giờ ta phải theo anh ấy thôi.

Pao nghe, chỉ cười lặng lẽ. Trong lòng, một niềm ấm dâng lên: niềm ấm của người gieo hạt thấy mầm xanh nhú.

Mùa ấy, các bản bắt đầu thi đua: ai gặt xong sớm thì sang giúp bản khác, ai có lợn béo thì mổ liên hoan, ai biết chữ dạy thêm trẻ con.

Xông Y Chia kể:

– Tôi nào cũng có nhóm học chữ dưới ánh đèn dầu. Trẻ con đọc ê a, người già cũng ngồi nghe.

Pao bảo:

– Cứ thế mà làm, chữ nghĩa sẽ nổi bản với bản, sau này không ai còn lừa được dân mình nữa.

Có lần, huyện cử đoàn công tác xuống kiểm tra. Đồng chí trưởng đoàn ngạc nhiên:

– Tôi không ngờ vùng này chuyển biến nhanh vậy. Mặt trận làm thế nào mà dân nghe?

Pao xua tay:

– Dân nghe nhau, không phải nghe tôi. Tôi chỉ kể câu chuyện bó đũa, còn họ tự buộc lại với nhau.

Một đêm ở Pu Lau, anh ngồi trước bếp lửa, nghe tiếng ngô nổ lách tách, nghĩ đến những ngày đầu bị từ chối, cửa đóng then cài. Giờ thì bản mời mình về ăn tết, gọi mình bằng tên thân mật. Có phải vì anh tài giỏi không? Không, vì anh đi đúng lời Bác dặn: *Muốn làm cách mạng phải dựa vào dân.*

Sáng hôm sau, Lý Súa đi ngang qua, tay cầm quyền sở mới:

– Anh Pao này, vụ mùa tới ta mở rộng thêm hai khoảnh nương nữa nhé?

– Có đủ sức không? – Pao hỏi.

– Có! – Súa cười – Giờ bản mình đoàn kết rồi, ai cũng muốn làm.

Nghe câu ấy, Pao cảm giác như gió xuân thổi qua rừng già, lay động cả những gốc cây xù xì nhất.

Cuối năm 1963, tại cuộc họp quân dân chính ở huyện, Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thắng vui mừng báo tin: Phong trào thi đua sản xuất vụ Đông Xuân 1962-1963 và vụ mùa năm 1963 do huyện phát động, Mặt trận huyện vận động thuyết

phục toàn dân đã giành thắng lợi lớn. Toàn huyện đã có 12 hợp tác xã loại thấp, 9 hợp tác xã loại cao và 3 tập đoàn sản xuất, hàng trăm tổ đổi công, sản lượng lương thực đạt trên 11 ngàn tấn, trong đó lúa hơn 4 ngàn tấn. Kết quả này đã góp phần thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Kỳ Sơn khóa I, nhiệm kỳ 1962-1963 tạo niềm tin để chúng ta bước vào nhiệm kỳ mới. Khắp hội trường vang lên những tràng pháo tay rộn rã, tiếng bàn ghế xê dịch, tiếng người cười nói vang cả mái nhà sàn. Có người mắt rung rung, nhớ lại những mùa giáp hạt phải ăn măng rừng, củ nâu, nay bò thóc đã đầy, trâu bò béo tốt, nương ngô xanh mướt chân trời. Niềm vui lan từ ánh mắt người cán bộ đến gương mặt sạm nắng của già bản, như ngọn lửa ấm sưởi cả mùa đông nơi rẻo cao.

Nghe Bí thư huyện báo tin thắng lợi, Vừ Chông Pao thấy trong lồng ngực mình dâng lên một niềm vui khó tả. Những ngày cùng bà con dãi nắng dầm mưa, động viên nhau phát nương, gieo lúa, giữ bản, bảo vệ từng gốc ngô hạt thóc trước sự quấy phá của phi, nay đã hóa thành kết quả. Anh bỗng nhớ lại những buổi họp ác cụ phụ lão, họp dân những ở bản heo hút, đèn dầu chập chờn, bà con gửi gạo, vác cuốc đến dự, miệng cười mà mắt vẫn lo âu. Giờ đây, thành quả ấy được cả huyện ghi nhận, Pao thấy niềm tin vào dân càng sáng hơn bao giờ hết. Trong ánh mắt anh, mùa xuân mới đã đến sớm, mang hơi ấm của sự đoàn kết, của một chặng đường đầy hứa hẹn mà Đảng và nhân dân đang cùng nhau bước tới.

5. Kỳ Sơn tháng 2/1964 tiết trời còn hanh hao gió bắc, nhưng mây đã vén sớm để lộ những mảng trời xanh loáng thoáng. Sáng ấy, Mường Xén như khoác áo mới: nhà nào cũng nổi lửa, khói lam vất qua sườn núi, mùi ngô nếp luộc thơm lừng. Không ai nói ra, nhưng mọi người đều biết hôm nay là ngày đặc biệt.

Vừ Chông Pao dậy từ khi gà rừng còn gáy canh ba. Anh khoác chiếc áo chàm bạc màu, tay xoa vết sẹo cũ bên vai – vết đạn Pháp để lại năm 1948 – rồi lặng lẽ bước ra thềm. Gió sớm thổi hun hút, mang theo hơi lạnh buốt, nhưng lòng anh nóng như lửa. Mười chín năm, kể từ ngày theo tiếng gọi của cách mạng, vác khẩu súng kíp lên đường, đến hôm nay, bước chân anh lại run như chạm đất lần đầu.

Trên đường xuống trụ sở của Ủy ban Mặt trận, Pao gặp Nguyễn Hữu Ba, ban Tuyên huấn đang đi bộ trong sân:

- Anh Pao hôm nay dậy sớm nhỉ? – Ba hỏi, giọng khàn khàn.
- Hôm nay... là ngày lớn, anh ạ. – Pao cười, môi run run.
- Mình nghe bảo Pao được đứng vào hàng ngũ Đảng rồi?
- Vâng. Mười chín năm theo Đảng, mười chín năm chờ đợi anh ạ.

Hữu Ba khẽ gật đầu, đôi mắt đục ngầu ánh lên vẻ tự hào:

– Hồi trước nghe người ta kể Pao lập đội du kích đánh phi, mình đã bảo: “Ông này gan lì.” Những năm cùng công tác ở Na Ngoi, tôi thấy anh là người bản lĩnh. Hôm nay, vào Đảng rồi, quả công ấy thấy không uổng.

Họ bước chậm qua con suối Huồi Giảng còn đóng băng, nước trong veo như gương. Pao nhìn bóng mình lẩn trong sương, nhớ lại từng chặng đường: những đêm

đói rét nằm co trong rừng, những ngày cồng từng bát gạo cứu đồng bào khỏi chết đói; có khi bị chính bà con nghi ngờ, hắt hủi, gọi là “người của Chính phủ xuôi” chỉ biết thu thuế. Có những mùa ngô mất trắng, anh cùng đồng đội phải ăn củ mài, uống nước suối cầm hơi. Nhưng rồi, cũng chính từ những gian khổ đó, anh hiểu: cách mạng không chỉ là súng đạn, mà là niềm tin của dân.

Phòng họp hôm ấy được quét dọn sạch sẽ. Trên vách, lá cờ búa liềm treo ngay ngắn, cạnh đó là chân dung Bác Hồ in trên giấy còn thơm mực. Mọi người đến đông đủ, quần áo chỉnh tề. Hôm nay, kỷ niệm 34 năm ngày thành lập Đảng. Sau bài diễn văn truyền thống, Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thắng mặc áo ka ki, trên tay cầm bản quyết định đi đến chỗ Pao ngồi, bắt chặt tay:

– Pao, hôm nay không chỉ là ngày sinh nhật Đảng, mà còn là ngày Huyện ủy có thêm một đảng viên mới. Anh đã sẵn sàng chưa?

Pao đáp, giọng trầm:

– Tôi chờ ngày này từ khi còn cầm súng trên biên. Nhưng giờ, vẫn thấy tim đập mạnh như ngày đầu ra trận.

Buổi lễ bắt đầu bằng bài hát Quốc ca, rồi Quốc tế ca. Đồng chí Vi Chiến Thắng đọc quyết định. Pao nghe rõ từng câu: *căn cứ vào lý lịch, thành tích và sự phấn đấu liên tục của đồng chí Vừ Chông Pao suốt mười chín năm, quyết định kết nạp đồng chí vào Đảng Lao động Việt Nam.*

Tiếng vỗ tay vang dội. Pao bước lên, đặt tay lên cuốn Điều lệ Đảng, mắt không rời lá cờ. Anh đọc lời tuyên thệ, từng chữ như khắc vào vách núi:

– Tôi, Vừ Chông Pao, xin thề: Một, tuyệt đối trung thành với mục đích, lý tưởng cách mạng của Đảng, phấn đấu thực hiện cương lĩnh, đường lối, nghị quyết của Đảng; chấp hành nghiêm túc Điều lệ Đảng. Hai, đặt lợi ích của Tổ quốc, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động lên trên hết, ra sức giữ gìn sự đoàn kết thống nhất của Đảng, thường xuyên tự phê bình và phê bình. Ba, liên hệ mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chăm lo đời sống đồng bào, tuyên truyền vận động mọi người thực hiện đường lối của Đảng. Bốn, ra sức học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ mọi mặt, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, kể cả khi phải hy sinh cả tính mạng để bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc.

Khi anh dứt lời, nhiều đôi mắt ướt. Nguyễn Hữu Ba, người từng cùng anh qua bao gian khó ở Na Ngoi, vỗ vai:

– Từ nay, đồng chí Pao nhé! Không chỉ là thủ lĩnh nương rẫy nữa, mà là người dẫn lối cho cả vùng...

Già bản Xông A Páo, hôm nay được mời đến dự, đứng ra, giơ tay gầy guộc:

– Pao này, hồi trước mày dắt tao ra nương, bảo: “Già cứ trông, có đói tôi chịu trước.” Giờ tao bảo lại: “Mày đã hứa với dân, giờ thêm hứa với Đảng, đừng bao giờ quên.”

Pao nghẹn ngào, chỉ biết cúi đầu:

– Cháu không quên, già ạ. Không bao giờ quên.

Sau buổi lễ, mọi người quây quần uống rượu ngô. Lý Súa, thanh niên hay cười nhất, nghịch ngợm hỏi:

– Thế vào Đảng rồi, Pao có được chia thêm bò, thêm đất không?

Mọi người bật cười. Pao cũng cười, nhấp chén rượu cay:

– Không đâu, Súa à. Đảng không cho tôi bò, cũng không cho đất. Đảng cho tôi cái trách nhiệm lớn hơn: nếu bà con còn đói, là tôi chưa làm tròn.

Một cô gái Khơ Mú ngồi bên, mắt tròn xoe:

– Thế anh Pao sẽ làm gì đầu tiên sau khi vào Đảng?

Pao nhìn ra cửa sổ, nơi khói sương mờ giăng:

– Tôi sẽ đi từng bản, xem còn ai thiếu gạo, còn đứa trẻ nào chưa được học chữ. Tôi sẽ làm sao để câu chuyện bó đũa mà tôi kể hôm trước trở thành thật: không ai bẻ gãy được đoàn kết của vùng này.

Đêm xuống, bản lặng như tờ. Pao ngồi một mình bên bếp lửa, tay cầm cuốn sổ nhỏ đã sờn mép. Anh viết:

“Ngày 3 tháng 2 năm 1964, tôi chính thức đứng trong hàng ngũ của Đảng. Mười chín năm gian khổ, đói rét, đói mất với cái chết... đều không bằng giây phút này. Nhưng tôi biết: từ nay, con đường không bằng phẳng hơn đâu. Nó sẽ dốc hơn, đá lở hơn. Chỉ khác là tôi không còn đi một mình, mà có cả Đảng dẫn lối, cả đồng bào sau lưng.”

Lửa bập bùng. Gió núi thổi qua khe vách, mùi khói quyện mùi nếp mới. Trong tiếng gió ấy, Pao nghe như có tiếng Bác Hồ: *“Muốn làm cách mạng phải dựa vào dân.”* Anh mỉm cười. Đêm nay, lần đầu tiên sau nhiều năm, nụ cười ấy không gượng gạo, không lo toan, mà là nụ cười của người đã đứng thẳng giữa bão núi.

6. Chiều muộn, gió từ thung sâu dôn lên, mang theo mùi đất ẩm và lá mục. Trên đỉnh Pu Xai, mây đã bắt đầu nhuộm sắc vàng cuối ngày. Vừ Chông Pao đứng đó, một mình, lặng yên nhìn xuống những bản làng đang chìm dần vào sương trắng. Từ đây, mắt anh có thể quét qua những nếp nhà lợp gianh đã bốc khói bữa tối, qua những nương ngô vừa nhú mầm xanh, qua những dòng suối từng khô cạn mùa hạn nhưng giờ óng ánh như sợi chỉ bạc.

Ánh nắng cuối cùng vắt qua vai anh, làm vết sẹo cũ bên vai trái loé lên như dấu ấn của bao năm chinh chiến. Nhưng trong lòng Pao, không còn sự nặng nề của chiến khu, không còn bấp bênh như những ngày đầu làm cán bộ Mặt trận. Thay vào đó là một thứ tĩnh lặng đầy sức mạnh – thứ tĩnh lặng của người đã bước qua thử thách, đã đọc lời thề, đã chính thức trở thành đảng viên.

Anh tự nhủ: *“Mười chín năm qua, là đường dốc, là đá sắc, là đêm mịt. Nhưng từ hôm nay, con đường không phải hết gian khổ, mà chỉ vừa bắt đầu sang một dốc cao hơn.”*

Từ xa, tiếng trẻ nô đùa vang vọng lên, xen lẫn tiếng mõ trâu về chuông. Một đàn chim rừng sà xuống mé rừng, rồi vụt bay về phía tây. Pao hít sâu, mùi khói bếp lẫn mùi gió rừng thấm vào ngực. Anh nhớ lời Bí thư Huyện ủy dặn trước khi rời phòng họp:

– Vào Đảng rồi, không phải để hưởng vinh dự, mà để vác thêm gánh nặng. Từ giờ, mỗi bước anh đi, bà con nhìn theo.

Pao khẽ gật đầu với chính mình. Phía chân trời, con đường mòn dẫn về các bản xa vẫn ngoằn ngoèo, lẫn khuất trong mây. Đó sẽ là nơi anh phải đi tiếp: vận động từng hộ, xây từng lớp học, chống từng trận đói, khắc từng dòng chữ vào trí nhớ con trẻ. Không phải vì một huân chương, mà vì mảnh đất này đã nuôi anh bằng ngô non, nước suối, đã chở che anh trong những đêm trốn giặc, đã trao cho anh danh dự lớn nhất đời – danh dự của một người cộng sản.

Gió mạnh hơn, cuốn tà áo chàm phát phơ. Pao quay người lại, bước xuống dốc, mỗi bước chân như đóng vào đá núi một lời thề thảm lặng: *“Từ Mường Xén này, ta sẽ đi, đi mãi, để không còn một bản nào chìm trong đói rét, để ngọn cờ đỏ luôn bay giữa trời sương.”*

Trên cao, mây đã đổi màu sang tím than. Dưới chân núi, những đốm lửa bếp lập loè, như muôn vì sao nhỏ. Một khởi đầu mới đang chờ phía trước.

Chương 12:

1. Những năm đầu thập kỷ sáu mươi, Kỳ Sơn như một bức tranh sẫm màu khói lửa. Con đường Quốc lộ 7A ngoằn ngoèo uốn lượn qua bao dãy núi, băng qua những con suối, những bản làng heo hút, bỗng chốc trở thành huyết mạch và cũng là mục tiêu của lửa đạn. Từ phía bên kia Thái Bình Dương, những cỗ máy bay Mỹ mang theo cái chết đã bắt đầu trút xuống miền Bắc. Chúng chọn những cung đường chiến lược, những kho xăng dầu, kho vũ khí, bến bãi dọc sông Nậm Mộ, Nậm Non, như con diều hâu sà xuống đàn gà con đang lẩn quẩn bên hiên nhà.

Sáng nào cũng thế, tiếng rít của động cơ phản lực lại xé toang màn sương. Từ Mường Xén, Huồi Tụ, Nậm Cắn, cho tới tận Keng Đu, Ta Đơ, Phá Đánh..., đâu đâu cũng vang dậy tiếng bom, tiếng pháo. Những hô bom loang lổ trên sườn đèo Nậm Cắn, những cây cầu bị đánh sập, những bãi xăng dầu, kho đạn vừa dựng lên hôm trước, hôm sau đã hóa tro than. Chúng muốn cắt đứt mạch máu hậu phương, không cho đưa gạo, muối, đạn dược chi viện cho nước bạn Lào.

Lửa bom Mỹ như những đóm bệnh chấy loang, ngày này qua tháng khác. Tiếng phản lực rít xé trời, từng tốp từng tốp lao xuống, trút bom đạn lên những kho xăng dầu, bãi tập kết lương thực, đạn dược của ta. Khói đen quán nhện như nhựa rừng, bốc lên từ những dãy kho ven khe, len lỏi vào từng bản làng. Ban ngày, những cột khói bập bùng trên các sườn núi; đêm xuống, ánh chớp bom lại rạch ngang bầu trời như những lưỡi dao lạnh lẽo. Dân bản đang làm rẫy, nghe tiếng nổ mà ngẩn đầu, chỉ thấy trời rách ra những vệt lửa đỏ. Trẻ con nằm trong chăn nghe tiếng máy bay lại rúc đầu vào ngực mẹ. Người già chống gậy đi qua khe suối cũng chép miệng: “Chắc núi sắp nổi giận rồi.”

Dưới mặt đất, vết loang lổ của bom đạn còn chưa kịp nguội, thì trên tuyến biên giới, tướng phi Vàng Pao lại như con thú đói mồi, đưa quân sang đánh chiếm biên giới. Các toán biệt kích, gián điệp trang bị vũ khí của Mỹ xâm nhập vào vùng đồng bào dân tộc Mông sinh sống để kích động, lôi kéo, cướp bóc tài sản, lương thực, thực phẩm, cướp cả ngựa của đồng bào để thờ hàng sang bên kia biên giới. Chúng dùng đủ chiêu bài, vừa vỗ về, vừa đe dọa. Khi thì phát ít muối, ít thuốc phiện; khi thì khua dao, dí súng, bắt người dân phải bỏ bản chạy theo chúng sang bên kia biên giới. Chúng xúi: “Sang bên kia sung sướng hơn, có súng, có gạo, có bạc trắng”. Kẻ nào do dự, chúng cướp hết ngựa, cướp hết bạc nén, cướp cả đàn lợn nái đang chữa. Kẻ nào chống lại, lập tức bị trói gô, lôi ra bìa rừng bắn bỏ.

Lũ phi như con dịch châu chấu, chỉ qua một mùa khô, đã cướp đi hàng trăm con ngựa thồ, hàng chục tạ lúa của đồng bào Mông ở Huồi Tụ, Na Ngoi, Nậm Cắn... Mùa đó, người ta bảo: “Đêm ngủ nghe tiếng mõ ngựa, sáng dậy chỉ còn dấu dây trói trên cột”. Nhà nào giàu nhất bản cũng phải tán gia bại sản. Nhà nào nghèo cũng không yên, vì lợn, gà, mật ong, cả chum rượu để dành cưới vợ cho con cũng bị chúng khuân sạch. Cha của Vừ Chông Pao – cụ Vừ Vả Tổng, người nổi tiếng tháo vát, giỏi buôn ngựa, có của ăn của để – cũng không thoát khỏi móng vuốt phi. Một đêm đầu

đông, khi sương còn lẩn quẩn trên đỉnh Pu Xai, toán phi do tướng Lý Tủa Đà cầm đầu ập vào bản, trói cụ cùng hai đứa cháu trai. Chúng lôi đi hai con ngựa tốt nhất; lại vét sạch bạc nén. Hôm sau, cụ Vừ Vả Tổng chỉ còn biết ngồi lặng trên bậc cửa, nhìn chuồng ngựa trống trơn, tay run run lần chiếc vòng bạc đã rạn nứt.

Những ngày đó, các dân tộc Kỳ Sơn sống không một đêm yên giấc. Bom Mỹ trên đầu, phi Vàng Pao dưới chân. Đêm thì nghe tiếng động cơ ì ầm như sấm, sáng ra khói còn bám đầy ngọn lau. Bản làng nào cũng như có hai ngọn lửa cháy trong lòng: một ngọn lửa hận thù, một ngọn lửa sợ hãi. Người già thì làm rằm khấn trời khấn đất cho yên ổn mùa màng. Phụ nữ thì giặt dao nhọn vào gối, để phòng đêm phi kéo đến. Trẻ con khóc đòi ngựa, vì ngựa là của để dành, là vốn liếng của cha mẹ, mắt ngựa coi như mắt cả mùa.

Có cán bộ xã, bản, vì lo sợ quá, đêm đêm gói ghém đồ đạc, đưa vợ con lên sang bên kia, mong giữ được mạng. Có gia đình bị phi dọa giết, cả nhà chạy qua biên giới, bỏ lại ruộng ngô, bỏ lại mồ mã tổ tiên. Những bờ rào đá xám dọc triền núi trở nên lạnh lẽo, chỉ còn tiếng cú rúc mỗi chiều.

Thế nhưng, cũng chính trong những ngày tối tăm ấy, lửa cách mạng ở Kỳ Sơn lại bùng lên mạnh mẽ. Cán bộ du kích bám bản, bám dân. Bộ đội địa phương đi cùng dân đắp đường, sửa cầu, che chắn kho tàng. Các tổ dân quân Mông, Thái, Khơ Mú thay nhau gác đêm. Tiếng mõ trâu báo hiệu, tiếng kèn lá, tiếng tù và... trở thành hiệu lệnh khẩn cấp mỗi khi có phi xuất hiện.

Vừ Chông Pao khi ấy mới ngoài ba mươi, còn là đảng viên trẻ, vẫn nhớ như in những buổi họp giữa đêm, dưới ánh đuốc mỡ lợn cháy khét. Anh cùng anh em cán bộ Mặt trận huyện quần tằm áo chàm, phổ biến: “Giữ đường là giữ mạch máu. Giữ bản, giữ dân là giữ nước”. Những câu nói đó, đã được Vừ Chông Pao khắc ghi như lời thề đảng viên.

Mùa đông năm ấy, sương xuống dày như tấm chăn bông, con đường 7A chỉ còn là vệt trắng ngoằn ngoèo giữa núi. Thế nhưng, đoàn xe vẫn làm lũi vượt đèo, từng chiếc, từng chiếc nối nhau như kiến, chở gạo, chở muối, chở cả máu của hậu phương tiến ra mặt trận Lào. Máy bay Mỹ càng đánh phá dữ dội, quân dân Kỳ Sơn càng kiên cường bám trụ.

Trên những triền núi đá, những người mẹ Mông, mẹ Thái vẫn thức suốt đêm thổi lửa nấu ngô, đồ xôi, hun khói thịt khô để gửi cho bộ đội. Những ông già Khơ Mú chống gậy, len lỏi qua từng khe núi, báo tin cho du kích mỗi khi phi xuất hiện. Lũ trẻ đen nhẻm chạy chân trần, đội mưa đội gió, gùi bắp ngô, gùi bầu nước tiếp tế cho dân công trên đường mở lối.

Kỳ Sơn – vùng đất vốn đã nhiều dâu bể – nay lại oằn mình giữa hai làn đạn. Núi vẫn đứng đó, sông vẫn chảy, nhưng khói bom che mờ cả chân trời. Thế nhưng, chính trong gian nguy ấy, ý chí của những người như Pao được rèn giữa. Bom đạn có thể san phẳng kho xăng, phi có thể cướp đi ngựa thồ, nhưng không gì dập tắt được ngọn lửa cách mạng, không gì lay chuyển được quyết tâm giữ dân, giữ bản.

2. Những năm đó, giữa núi rừng Kỳ Sơn, bên cạnh tiếng bom đạn của máy bay Mỹ, bên cạnh lửa súng phi Vàng Pao, lại rộ lên một cơn lốc khác, âm thầm nhưng hiểm ác, mang tên “Châu Phà”. Người ta gọi thế, nghe như tiếng gọi thần linh, như lời thề buộc chặt cả bản làng vào một niềm tin mơ hồ. Thực chất, “Châu Phà” không phải thần, không phải thánh, càng không phải vị cứu tinh nào. Đó là Già Xia Súa – một kẻ từng mang dòng máu Mông của Mường Lống, từng ăn muối uống nước suối quê mình, nhưng đã bán linh hồn cho Vàng Pao và bọn tình báo Mỹ.

Già Xia Súa vốn không phải người có học cao hiểu rộng, chỉ là kẻ mưu mẹo, quen đường rừng lối suối, biết nói năng khéo léo. Hắn từng là thầy mo trong vùng, chuyên cúng vía gọi hồn, chữa bệnh bằng bùa lá. Được Vàng Pao dựng lên, lại có bàn tay phù phép của bọn cố vấn Mỹ, Già Xia Súa bỗng trở thành “Châu Phà” – cái tên vừa lạ vừa ma mị, khiến nhiều người nghe đã rùng mình nửa sợ, nửa tin.

Chiêu trò của “Châu Phà” cũng chẳng gì ghê gớm, nhưng lại đánh đúng vào cái nghèo, cái thiếu, cái đói của đồng bào lúc ấy. Thời đó, muối còn quý hơn bạc trắng. Một nắm muối đổi được cả rổ ngô. Dầu thắp hiếm như vàng, cả bản đêm đến chỉ lập lòe vài ngọn đèn mỡ lợn. Vải vóc may mặc càng xa xỉ. Người ta đi chợ Mường Xén, nhìn tấm vải lanh đen cũng phải đứng ngó từ xa.

“Châu Phà” bèn cho người mang muối đổ xuống suối, cho dầu loang ở đầu nguồn, cho vải treo lủng lẳng trên cây pơ mu, cây nghiêng, rồi phao tin khắp bản:
– Châu Phà đã hóa nước suối thành dầu, hóa lá rừng thành vải, hóa đá núi thành muối! Ai cúi lạy, ai tin theo, sẽ được sung sướng, nương đầy lúa, hạt lúa to bằng bắp ngô, con ngựa đẻ ra bạc trắng!

Nghe thế, cả vùng Mỹ Lý, Mường Lống xôn xao. Đêm đêm, những đoàn người lũ lượt vào rừng, kẻ cõng gùi, người dắt ngựa. Họ mon men đến những bãi suối đã được rắc muối, hít thấy mùi mặn mặn thì gật gù: “Đúng rồi, thần hiện linh rồi!”. Họ ngược lên cây thấy vải lấp ló, liền bảo nhau: “Thần rải lộc, ai đến trước lấy trước”. Có người còn vái lạy đến bật máu đầu gối, mong một tấm vải về may áo cho con gái đến tuổi cập kê.

Già Xia Súa cười khẩy trong lán ở Mường Lống, lệnh cho tay chân thu của cải. Ai tin theo thì phải nộp trâu, nộp bò, nộp cả chum rượu. Hắn bảo:

– Đem hết cho Châu Phà, mai kia Châu Phà sẽ trả lại gấp mười!

Cả tin, người ta gánh gồng từng sọt ngô, từng bao thóc, từng con ngựa mập nhất bản nộp vào lán. Nhà nào chần chừ, lập tức bị bọn phi đêm đến gõ cửa, đốt rẫy, dọa giết. Nhà nào lỡ nghe cán bộ xã vận động, hôm sau ra suối múc nước liền thấy váng dầu, tưởng mình bị thần phạt, sợ xanh mặt.

Cái đáng sợ không chỉ là chiêu trò bịp bợm, mà là thứ bóng đen “Châu Phà” phủ xuống lòng người. Nó làm cho bà con Mông vốn hiền lành, quanh năm chỉ biết gieo ngô, đốt than, bỗng trở nên nghi hoặc cả cách mạng. Có người nghe cán bộ giảng giải, nhưng rồi nghĩ: “Cán bộ hứa lâu quá, chưa thấy muối, chưa thấy dầu. Châu Phà vừa rắc muối trên suối, mình đã có muối ăn liền”. Thế là họ quay lưng lại, kéo cả nhà vào rừng theo “Châu Phà”.

Ở Mỹ Lý, có ông bà Mố Tun, vốn là thầy mo nổi tiếng. Nhà có ba đứa con, hai đứa đi dân công hỏa tuyến, còn đứa út mới mười tuổi. Một buổi sáng, người của Châu Phà đến, mang theo một bọc muối trắng tinh, đặt giữa sân, bảo:

– Đây là lộc của Châu Phà, theo Châu thì nhà không đói.

Bà Tun nhìn bọc muối, mắt sáng lên, từ đầu mùa đông tới giờ, cả nhà chỉ có một hũ muối nhỏ bằng bát con. Ông Mố Tun do dự:

– Cái này... từ đâu ra? Sao người ta lại cho không?

Người kia cười nhạt:

– Không theo Châu thì mùa tới lúa sẽ khô, trâu sẽ ngã. Người nào trái lệnh sẽ bị giết.

Câu ấy như dao cứa. Bà Tun quay sang chồng:

– Hay mình cứ lấy, có hại chi?

Ông Mố Tun lặng im. Tối ấy, ông không ngủ, nhưng sáng hôm sau, trên bàn thờ nhà ông đã có thêm một mâm rượu, một con gà luộc, khăn vụng lên Châu Phà.

Ở Mỹ Lý, có anh Vừ Pa Dí, vốn là đội viên dân quân. Anh đã từng theo Pao đi dân công tải lương. Nhưng rồi, một hôm vợ anh sinh khó, không có dầu thắp, nhà tối om. Người của Châu Phà mang đến cho một chai dầu, bảo:

– Lay ba lay, xin làm người của Châu Phà, dầu này sẽ đủ sáng cả mùa đông.

Vừ Pa Dí đắn đo, nhưng nhìn đứa con đỏ hồng, nhìn vợ xanh xao, anh thở dài:

– Đành vậy...

Từ đó, anh không còn đến đội dân quân nữa.

Nỗi sợ không chỉ đến từ sự nghèo khó, mà còn từ sự đe dọa. Có bản, chúng cắm dao lên cột nhà trường bản, nhắn: *“Ai theo cán bộ, sẽ mất đầu trước trắng non.”* Có bản, chúng rải lông gà nhuộm máu trước cửa, coi như bùa yểm. Đêm, trẻ con khóc thét vì thấy ánh đuốc lập lòe trên đồi, người lớn nằm nghiêng nghe tiếng chó sủa xa mà lòng như lửa đốt.

Cán bộ huyện Kỳ Sơn thời ấy đi bản như đi vào hang cọp, bởi ở đâu cũng có người - tai mắt của Châu Phà. Có hôm, đội công tác bốn người vừa vào đến Pù Khao, sáng ra đã thấy cầu tre bị cắt, con suối lũ dâng, đường rút không còn. Có người, vừa đặt chân tới bản, đã bị trẻ con ném đá, vì người lớn bảo: *“Đừng cho chúng đến gần, chúng mang ma xấu theo!”*

Dần dần, cái sợ lớn hơn cái tin. Người ta không còn dám hỏi: *“Muối từ đâu ra? Dầu từ đâu ra?”* nữa. Người ta chỉ biết: không theo thì mất hết, theo thì may ra yên ổn. Đó chính là cái độc của kẻ thù: biến tín ngưỡng thành sợi dây trói, biến lòng người thành chiến trường.

Châu Phà không chỉ là trò mê tín, nó còn là mũi dao của Vàng Pao đâm vào sườn Kỳ Sơn. Nó chia rẽ các bản, khiến người nghi ngờ người, họ hàng nghi ngờ

nhau. Cha răn con phải lánh cán bộ. Vợ cấm chồng đi họp dân quân. Có đêm, cả bản mười tám nóc nhà, không ai dám ngủ, vì nghe tin “Châu Phà” sắp phạt mưa đá.

Già Xia Súa càng được thể, cho người tung tin khắp nơi: “Châu Phà không sợ súng đạn, ai chống Châu Phà sẽ bị bệnh lạ, người sưng đầu, ngựa què chân, trẻ con chết lòi ruột”. Lũ trẻ con cũng sợ, mỗi lần nghe tiếng mõ báo hiệu cán bộ đến bản, chúng lại chui vào gầm giường, khóc thét:

– Không đi, Châu Phà bắt!

Một số cán bộ xã, bản khi ấy cũng nao núng. Có người bỏ việc, đêm đêm gửi đồ sang bên kia biên giới, nộp mình cho Châu Phà. Có người thì làm hai mặt, ngày họp với huyện, tối lại gửi con trai theo Châu Phà, mong giữ một chỗ đứng an toàn. Nhiều gia đình cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc, thấy Châu Phà phát cho năm muối, dăm ba tấm vải, liền coi đó là ân huệ trời ban.

Đồng bào cả tin, vì chưa quen với những thủ đoạn đó. Đói nghèo khiến người ta khát khao điều kỳ diệu, mà Châu Phà lại khéo dựng lên cái ảo ảnh ấy. Một đêm lạnh, cả bản Xốp Kha dắt díu nhau đến bãi suối Châu Phà, đem theo mấy gùi ngô làm lễ vật. Già Xia Súa ngồi giữa chiếu, đầu đội mũ lông gà, tay cầm thanh gỗ khắc chữ, đọc lầm rầm:

– Ai nộp đủ lễ, mùa sau lúa trở bông to bằng bắp ngô, ngựa đẻ ra bạc trắng, nhà có ba chum dầu...

Tiếng chiêng, tiếng khèn hòa cùng khói hương làm mê mẩn những tâm hồn khốn khó. Bà con ra về, gùi trống không, nhưng miệng vẫn cười: “Châu Phà hứa rồi, sang năm bản mình giàu!”.

Cách mạng khi đó gặp muôn vàn gian nan. Không phải vì súng Mỹ mạnh, cũng không hẳn vì phi đồng, mà vì niềm tin của dân đang bị bẻ cong. Nhiều đêm Vừ Chông Pao trần trọc: “Đi vào Mỹ Lý như đi vào bụng cọp, một lời lờ ra là cả bản quay lưng”. Nhiều đêm, các tổ công tác phải ngủ rừng, chui hốc đá, nghe tiếng hổ gầm bên khe suối, mà không dám nhóm lửa.

Già Xia Súa thì ngày càng ngạo mạn. Hấn tự xưng vua ở Mường Lông, lập căn cứ ở Phá Đánh, Phá Bún, Thăm Hang dựng cờ Vàng Pao, cờ Mỹ, tiến hành chiêu binh. Bốn phía trại đều có quân bảo vệ. Bọn Vàng Pao ở bên kia biên giới liên tục gửi người sang huấn luyện, cấp thêm đạn dược. Chúng hy vọng ngọn cờ Châu Phà sẽ chặn đứng mọi con đường của cách mạng, khiến Kỳ Sơn thành vùng trắng.

Vừ Chông Pao khi ấy, mỗi lần nghe tin về Châu Phà, lòng lại nhói lên. Anh nhớ những bản từng đón mình như người nhà, giờ dựng rào cấm lối. Nhớ những đứa trẻ từng chạy theo anh gọi “chú Pao ơi!”, giờ thấy anh đã nấp sau bờ rào đá, ánh mắt đầy nghi hoặc. Có lần, anh băng rừng tới bản Huồi Póc, mang theo vài cân muối huyện cấp, vậy mà cả bản đứng xa nhìn, không ai dám nhận. Một ông già run run nói:

– Cán bộ ơi, muối của Châu Phà còn nhiều hơn, Châu Phà không bắt chết, cán bộ về đi!

Lời nói ấy như hòn đá đập vào tim Pao. Anh hiểu, muốn phá được bùa mê Châu Phà, không chỉ cần súng, cần đạn, mà cần thời gian, cần sự kiên nhẫn như lửa bếp hồng.

3. Đêm trên rẻo cao Kỳ Sơn, gió từ Pu Xai rít qua khe đá nghe như tiếng hú ai oán. Vừ Chông Pao ngồi lặng bên bếp lửa tàn, lưng dựa vào vách lán bằng gỗ pơ mu khói bám đen sì. Ánh lửa nhấp nháy trên khuôn mặt gầy rộc, đôi mắt sâu trũng vì nhiều đêm thức trắng. Ngoài kia, tiếng mõ cảnh giới của du kích vừa dứt, chỉ còn tiếng suối Huồi Giăng vang vọng.

Anh đã mất ngủ suốt mấy tuần liền. Những bản làng từng nuôi giấu bộ đội, từng đốt nắm ngô cuối cùng để đãi cán bộ, giờ rào kín cổng, khép chặt cửa. Người ta theo “Châu Phà” như theo một ngọn gió mê hoặc. Cái gió ấy không chỉ thổi tắt bếp lửa cách mạng, mà còn dập vùi cả tình người.

Pao bút rút: *“Sao chúng làm được mà ta không làm được? Chúng cũng chỉ là bọn phỉ lừa đảo, vãi tấm vải, dấm bát muối, thế mà kéo được cả rẻo cao về phe chúng. Còn ta, bao năm đổ máu, mang chủ trương chính sách của Đảng, vậy mà dân vẫn xa cách?”*

Câu hỏi ấy lặp đi lặp lại như tiếng trống trong đầu. Một đêm, Pao lôi từ túi áo chàm cũ kỹ ra mảnh giấy đã sồn góc – đó là thư Bác Hồ ký gửi cán bộ miền núi năm nào. Dòng chữ mực nâu đã nhòe, nhưng câu ấy vẫn rõ: *“Muốn làm cách mạng, phải dựa vào dân.”*

Pao đọc mãi, ngẫm mãi, cho đến khi trời ngoài cửa sổ bắt đầu nhạt màu đen. Anh đứng lên, bàn tay nắm chặt:

– Phải dựa vào dân! Dân đã đi theo Châu Phà, thì ta cũng phải tìm cách đưa dân về. Không thể để Vàng Pao cướp lòng dân mãi được.

Sáng hôm sau, trong căn nhà của cơ quan Huyện ủy, Pao họp với Ban Thường vụ. Khói thuốc quấn quanh mái. Các đồng chí huyện ủy, công an vũ trang, dân quân đều có mặt. Sau khi nghe báo cáo tình hình “Châu phà”, Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thảng chậm rãi gác điều thuốc xuống chiếc gạt tàn đã ngập đầu mầu, bàn tay nặng nề gõ nhịp trên mặt bàn tre bóng nước. Ánh mắt ông nhìn từng người, ánh lên vẻ lo âu nhưng kiên nghị:

– Như vậy đã có trên 500 người đi theo “châu phà”, chủ yếu là thanh niên – lực lượng lao động chính của chúng ta, thậm chí có cả cán bộ xã. Tình hình này rất căng thẳng, không thể coi thường.

Ông khẽ thở dài, rồi giọng trầm hẳn xuống:

– Tôi biết bà con mình cũng vì mê muội, vì thiếu hiểu biết, lại bị chúng lợi dụng. Nhưng nếu để kéo dài, cơ sở ta tan rã, sản xuất đình trệ, an ninh không giữ nổi. Cấp trên đã chỉ rõ: kiên quyết đấu tranh, nhưng phải khôn khéo, không để đổ máu. Đây không chỉ là nhiệm vụ chính trị, mà còn là trách nhiệm trước dân.

Một đồng chí châm điều thuốc, rít một hơi rồi nói:

– Giờ dân không nghe mình nữa. Vào bản thì bị chặn đường, nói chuyện thì họ lảng tránh. Đánh thì không được, mà ngồi im thì phi nó càng lấn tới.

Vi Chiến Thắng đập nhẹ tay xuống bàn:

– Chúng ta phải tìm cách! Trước hết, giữ vững lực lượng cốt cán, tranh thủ già làng, người uy tín. Vừ Chông Pao, đồng chí là Chủ tịch Mặt trận, phải vào bản, giải thích cho dân hiểu đúng – phải kiên trì, mềm dẻo. Công an, dân quân chỉ hành động khi thực sự cần thiết, tuyệt đối không để họ kích động gây đổ máu. Đây là chỉ đạo thống nhất, chúng ta vừa làm vừa báo cáo lên tỉnh, xin thêm chủ trương hỗ trợ.

Pao khoát tay:

– Tôi tán thành ý kiến Bí thư, chúng ta không thể đánh bừa. Phải tìm cách khác. Châu Phà lừa dân bằng muối, bằng vải, bằng dầu, thì mình cũng phải dùng những thứ đó mà mở lối. Ta không lừa, ta đem thật cho dân.

Sau cuộc họp đó, Vừ Chông Pao trao đổi với Bí thư Huyện ủy, rồi anh gửi thư của Mặt trận huyện lên Tỉnh ủy, xin cấp một số vật dụng: muối, dầu hỏa, vải phin, chỉ thêu, ít đường phèn... Những thứ tưởng nhỏ bé ấy lúc đó quý như vàng. Tỉnh ủy đồng ý. Một tuần sau, mấy con ngựa gầy khua móng trên bãi đất Keng Đu, mỗi con chở một bao hàng.

Pao cùng bốn cán bộ nữa – người thì giả làm lái muối, người buôn vải, kẻ gùi dầu, kẻ đi đường phèn – cải trang thành một tốp lái buôn miền núi. Quần áo họ lấm lem, tay xách linh kính, tóc búi kiểu người Mông, người Khơ Mú, ai nhìn cũng ngỡ là dân buôn chợ rẻo cao.

Chuyến đi bắt đầu trong một buổi sớm lặng gió. Trời Kỳ Sơn mùa đó vừa nắng đã mưa, vừa sương đã bão. Con đường mòn lên Mỹ Lý ngoằn ngoèo như sợi chỉ vắt qua sườn núi. Ngựa trượt móng trên đá, nhiều đoạn phải tháo hàng xuống khiêng qua suối.

Anh Cung, người gùi dầu, nhìn Pao rồi khẽ cười:

– Chủ tịch ơi, ông cứ để tóc búi cao thế này, dân nhìn lại tưởng ông là thầy mo, chắc họ lạy trước mặt mắt.

Pao nhếch mép:

– Cũng được thôi. Miễn là họ không nghi ngờ mình là cán bộ huyện, còn thân thái thì để hành động nói lên.

Anh Phúc, người đi đường phèn, khệ nệ đeo gùi, lấm bả:

– Khó thật, đi một ngày trời mà còn phải làm ra vẻ là lái buôn, suýt nữa là tôi muốn hét lên: “Đây là đoàn công tác của huyện!”

Thiếu tá Biên – công an tỉnh, người buôn vải – hất gùi lên vai, ánh mắt nghiêm nghị:

– Im đi, Phúc. Mình càng tỏ ra dân thường, càng dễ bén mảng vào bản. Nếu lộ ra, Châu Phà sẽ bắn thẳng vào đầu. Nhớ lời Pao nói chưa? Dân là chìa khóa, phải dựa vào dân.

Pao nhìn quanh, giọng trầm mà chắc:

– Nhớ nhé, đi đâu cũng chào hỏi, mời muối, mời dầu, nhưng không được ép ai phải tin. Muốn dân theo cách mạng, phải để họ thấy sự thật, không phải sợ hãi.

Anh Cung hít một hơi, nói tiếp với giọng nửa đùa nửa nghiêm:

– Chủ tịch, nếu tôi bị dân nhìn ra, bảo tôi là cán bộ thì sao?

Pao gật đầu:

– Khi ấy, cứ nói là: “Tôi là dân buôn đi đổi muối cho các bản xa.” Họ hỏi gì, trả lời nấy. Không thêm không bớt.

Thiếu tá Biên gật theo:

– Tôi hiểu. Quan trọng là không để ai biết mình đến từ huyện hay tỉnh. Dân phải tự nguyện tin, chứ không phải bị ép.

Phúc thở dài:

– Được rồi, được rồi... Nhưng tôi lo nhất là mưa bão. Con đường này lầy lội, ngựa trượt, gùi trượt... Chúng ta có thể ngã bất cứ lúc nào.

Pao mỉm cười:

– Ngã cũng phải đứng dậy mà đi tiếp. Nếu bỏ cuộc, cách mạng sẽ mất niềm tin trong mắt dân. Nhớ câu Bác dặn chưa? “Muốn làm cách mạng phải dựa vào dân.”

Cả nhóm lặng đi một lúc, chỉ nghe tiếng suối và gió núi. Anh Cung gật đầu, vội chỉnh lại gùi:

– Thôi, đi thôi. Dân chờ mình lâu rồi.

Pao hít một hơi thật sâu, cuời ngựa đi trước, ánh mắt nhìn về phía những bản làng xa xôi, nơi bóng tối núi rừng vừa giăng mình lên mái nhà sàn. Mỗi bước đi, mỗi con ngựa vượt suối, vượt dốc, đều như thầm nhắc cả nhóm: nhiệm vụ này không chỉ là muối, dầu hay vải, mà là niềm tin của dân.

Những ngày đầu tiên, khi tốp lái buôn vừa vượt qua khe suối đầu tiên, bản Phá Đánh đã vang lên tiếng chó sủa. Người dân thò đầu ra nhìn, ánh mắt nghi ngại. Một cụ già Mông bước ra, tay chống gậy, nhìn Pao từ đầu đến chân:

– Lạ thật, lũ người này từ đâu ra, mang muối, dầu, vải tới tận bản? Sao rẻ vậy, mà lại không hề mặc cả?

Thiếu tá Biên bước tới, quàng chiếc khăn chàm che nửa mặt, giọng nhẹ nhàng:

– Chúng tôi là dân buôn. Có người đổi ngô, có người đổi mật ong, có người trả bạc trắng. Không ai bắt buộc, chỉ cần bà con thấy thuận thì đổi, không thì thôi. Nhà nào nghèo khó thì chúng tôi biếu, chẳng lấy gì đâu.

Cụ già cau mày, giọng vẫn đầy ngờ vực:

– Ngày trước Châu Phà cũng hứa muối suối, dầu suối... cuối cùng toàn lừa. Giờ ông bảo muối thật, sao tin được?

Pao bấy giờ mới tháo khăn, để lộ gương mặt quen thuộc. Anh bước tới, bóc một nhúm muối đưa cho cụ già:

– Tôi là Vừ Chông Pao đây. Bà con biết tôi rồi. Không, không cần phải vái lạy hay sợ hãi. Hãy thử đi. Muối này là muối thật, hạt trắng, mặn đậm.

Cụ già nếm thử, mắt sáng lên, giọng chùng xuống:

– Ừ... mặn thật, không nhạt nhẽo như muối Châu Phà.

Một thanh niên trong bản tò mò, cầm ống dầu lên ngửi rồi châm vào bắc đèn. Ánh lửa bùng sáng, vàng rực, soi rõ cả vách gỗ đen bóng. Anh reo lên:

– Đúng là dầu thật! Thắp sáng lâu hơn, không khét mùi.

Lại có mấy người phụ nữ kéo vải ra vuốt thử, tay mân mê trên tấm thổ chàm dày dặn. Một cô gái thì thầm:

– Vải chắc, sợi bền, không rách như vải của Châu Phà.

Tiếng xì xào trong bản râm ran, sự nghi ngờ dần tan đi. Pao cất giọng trầm mà ấm:

– Bà con thấy đấy. Chúng tôi chỉ đổi ngô, thóc, mật ong, gà vịt. Nhà nào túng thiếu thì cứ nhận lấy dùng, không phải trả. Chúng tôi không buôn lời dối trá. Châu Phà lừa dân để chiếm lòng người, lấy của cải. Bà con đã mất nhiều, giờ hãy tin vào cái thật trước mắt.

Một cô gái Mông dắt ngựa tới, ánh mắt lo lắng:

– Nếu theo các ông, Châu Phà có giết chúng tôi không?

Pao lắc đầu, ánh nhìn kiên định:

– Không ai giết bà con. Sự thật thì không thể giết được. Ai muốn theo, ai không muốn, đều do bà con tự quyết.

Anh Cung len lén đưa cho một bà mẹ gói cỏ khô, áo rách rưới túi muối nhỏ:

– Đây, muối thật đấy. Ném thử đi, khác hẳn muối của Châu Phà. Ăn vào sẽ biết.

Bà mẹ cầm túi muối, ngấm nghĩa, rồi thở dài:

– Thật sao? Ngày trước, chúng tôi theo Châu Phà vì thiếu muối, thiếu dầu, chẳng còn đường nào khác...

Phúc – người đi đường phèn – mỉm cười hiền:

– Bà con cứ thử rồi biết. Muối thật thì hạt trắng, mặn đậm, không biến thành nước suối. Dầu thật thì ngửi mùi đã khác, thắp lên sáng lâu, chẳng hóa thành lá cây đậu. Nhà nào khó quá thì chúng tôi cho, còn ai có ngô, có mật ong, đổi lấy một ít cũng được.

Cứ thế, Pao cùng tổ công tác đi từ bản này qua bản khác. Ban ngày, họ giả làm lái buôn, ghé bản nào cũng bốc muối cho bà con nếm, rót dầu cho thử lửa, đổi vài lạng dầu lấy gùi ngô, bát mật ong. Cái thật tự nó lên tiếng, chẳng cần nhiều lời.

Một chiều, bên bờ con suối trong vắt, Pao bảo anh em mang muối và dầu ra. Bà con nghe vậy thì kéo tới xem đông nghịt, mặt ai cũng căng đầy nghi ngại. Pao cất giọng vang vọng:

– Trước đây, Châu Phà thả muối, dầu xuống đầu suối rồi bảo suối hóa thành muối, thành dầu. Hôm nay, bà con hãy nhìn tận mắt, thử tận tay để biết thật – giả thế nào.

Nói rồi, anh nắm một bao muối, tung xuống dòng nước. Muối tan loãng, không để lại dấu vết. Pao hỏi lớn:

– Có thấy hạt muối nào còn lại không? Bà con hãy uống thử nước đi, có mặn không?

Một cụ già cúi xuống vốc nước lên, nếm thử, rồi gật đầu:

– Vẫn chỉ là nước suối thôi, nhưng mặn hơn đôi chút.

Mấy đứa trẻ hớn hờ bắt chước, vục mặt xuống uống ngum lớn, rồi phá lên cười:

– Nước hơn thật!

Phúc lại mở ống, nhỏ mấy giọt dầu xuống mặt suối. Dầu nổi loang lổ, ánh vàng loáng trên dòng nước chảy. Anh giải thích:

– Khi đổ dầu xuống nước, nước sẽ có mùi dầu, chứ không tự nhiên nó hóa dầu, cũng không có phép màu nào biến nước suối thành dầu như châu phà nói.

Bà con xúm lại, người thì ngửi, người chাম tay vào, rồi ai nấy đều thờ dài, ánh mắt bừng tỉnh. Một bà mẹ trẻ ôm con, khẽ nói:

– Hóa ra bấy lâu chúng tôi bị hấn lừa...

Tiếng bàn tán lan khắp bờ suối. Có cụ già rung rung nước mắt:

– Suối vẫn là suối. Muối chỉ là muối. Thần thánh gì đâu, toàn lừa cả.

Pao nhìn khắp lượt, giọng trầm ấm vang lên giữa núi rừng:

– Cái thật không cần giấu. Bà con thấy bằng mắt, ngửi bằng mũi, nếm bằng lưỡi, thì tự biết đâu là lừa dối, đâu là sự thật.

Ban đêm, khi bản ngủ yên, Pao cùng đồng đội họp với những người tin cậy, lén rót từng lời giải thích:

– Châu Phà không phải thần. Đó là thầy mo Già Xia Súa bị Mỹ mua chuộc. Muối nó rắc xuống suối, vải treo trên cây chỉ để lừa bà con thôi.

Ngày qua ngày, các bản Mông, Khơ Mú, Thái dần nhận ra những dấu hiệu khác biệt. Muối huyện ngon hơn muối châu phà. Lũ trẻ theo tốp lái buôn, vừa mang gùi muối, vừa xem mọi người làm việc thật. Một cậu bé lắc đầu nói nhỏ với mẹ:

– Mẹ ơi, họ không giống Châu Phà đâu...

Bà mẹ nhú mày, nhưng ánh mắt bắt đầu mềm ra. Các cụ già thì thăm bàn tán:

– Thật ra, con người nào cũng giúp đỡ được, miễn là thật tâm...

Một hôm, khi tốp lái buôn đến bản Huồi Tụ, họ gặp một toán tay chân Châu Phà đang canh lối ra suối. Anh Cung vội thì thăm:

– Chủ tịch, nếu họ nhìn ra chúng ta, tôi sẽ bán ngay.

Pao nhú mày, suy nghĩ nhanh:

– Phải tạo sự tin tưởng trước. Hãy lấy muối mời, đặt vài gói đường, rồi để họ tự lấy. Đừng đối đầu trực tiếp.

Thiếu tá Biên làm theo, đặt từng gói muối, dầu và vải trên tảng đá ven suối. Một tay Châu Phà tò mò nhặt lên, thấy muối thật, dầu thật, trố mắt:

– Sao... sao lại thật?

Pao cười, giọng vang:

– Vì chúng tôi là dân buôn thật, mang muối, dầu, vải tới cho bà con. Ai nghèo khó thì cứ thế mà lấy, không phải mua, không phải đổi. Không ai lừa ai cả.

Người dân đứng quanh, ánh mắt nghi hoặc dần mềm ra. Từ từ, vài cụ già tiến tới, gật đầu như thăm đồng ý: *có thể tin được*. Một số người trẻ bắt đầu mang ngô, bắp, ít lợn con ra trao đổi, thử niềm tin.

Những đêm ngủ rừng, Pao cùng đồng đội lại họp bàn:

– Chúng ta đã tới gần, nhưng phải cẩn thận. Châu Phà vẫn còn cử tay chân đi dò xét.

Phúc thở dài:

– Thật là căng thẳng. Mình không ngờ dân lại tin Châu Phà đến thế...

Pao nhìn ngọn lửa, ánh mắt kiên định:

– Đúng vậy, dân mê hoặc vì đói nghèo, vì sợ chết. Nhưng nếu chúng ta kiên nhẫn, trao họ sự thật, họ sẽ tự về với cách mạng. Không vội, từng bước một.

Một tháng trôi qua, muối, dầu, vải được mang đi từng bản, từng ngõ. Dần dần, dân nhận ra Châu Phà chỉ là Già Xia Súa, một người bị mua chuộc. Họ bắt đầu trả lại của cải bị thu, đốt bùa Châu Phà, kéo cờ cách mạng lên.

Pao mỉm cười khi thấy các bản Phá Đánh, Huồi Tụ, Xốp Kha lần lượt treo cờ đỏ. Anh đồng đội, giọng đầy tự hào:

– Thấy chưa, không ai làm được điều thần kỳ cả, chỉ cần thật tâm và dựa vào dân.

Cả nhóm nở nụ cười, biết rằng từng túi muối, từng gói dầu, từng bước đi trên suối, trên đèo, đã dựng lại niềm tin cho từng nóc nhà, từng bản làng

Có đêm, mưa dầm ướt lạnh, Pao bị ngã ngựa nơi dốc Pu Ca, lưng đập vào đá, dây chằng xương sống như rách ra. Đau thấu xương, mồ hôi túa khắp người, nhưng anh cắn răng bảo:

– Không dừng được. Nếu mình nằm lại đây, ai đưa dân về?

Họ lại gù nhau đi, người dìu người, tìm lá thuốc nam đắp lên lưng Pao, qua một đêm lại cưỡi ngựa tiếp. Nhiều lần, bản lạ nghi ngờ, bọn tuần tra Châu Phà lăm lăm súng kíp. Pao phải giả giọng Mông bản địa, ngồi giữa chợ thổi khèn, kể chuyện buôn ngựa để qua mắt chúng.

Một tuần, rồi hai tuần, họ đi khắp các khe núi Mường Lống, Huồi Tụ, Xốp Tắm, Keng Đu. Ban đầu, dân chỉ dám mua muối, không dám nghe chuyện. Nhưng thấy tốp lái buôn này không lấy gì của ai, lại hay giúp sửa cầu, đắp lối, nhiều người bắt đầu mở lòng.

Ở bản Phá Đánh, bà cụ Thò Y Chừ đã kể thật:

– Mấy hôm trước Châu Phà bắt bản nộp hai con trâu, nói để cầu mưa. Mưa đâu chẳng thấy, chỉ thấy quân Châu Phà mang trâu sang bên kia biên giới.

Pao nghe, siết chặt nắm tay. Thấy thời cơ đã chín muồi, nên anh nói thật:

– Bà con mắt của, mắt cả tự do. Muối chúng tôi mang về là của Chính phủ, của cách mạng. Dầu cũng là của cách mạng. Chúng tôi không bắt bà con phải lạy lục gì hết, chỉ cần bà con biết: nước suối là của núi rừng, muối là của nhân dân, không phải của Châu Phà nào cả!

Lời nói ấy như que củi khô rơi vào đồng than ủ. Từ bản này lan sang bản kia, người ta bắt đầu rỉ tai nhau: “Có đoàn lái buôn lạ mà thật, không lừa như Châu Phà.”

Nhưng công việc đâu dễ một sớm một chiều. Có hôm, cả đoàn bị phục kích ở khe Nặm Ái. Đạn phỉ bắn ra như mưa. Ngựa hoảng hốt nhảy xuống suối, hàng vải, muối trôi theo dòng nước. Pao lặn xuống vớt cỏ, lưng đau nhói, mắt hoa lên. Đồng đội kéo anh dậy, rút vào rừng. Đêm ấy, họ không nhóm lửa, chỉ nhai hạt ngô khô, nghe tiếng thú rừng rền rĩ.

Anh em bảo:

– Hay ta rút thôi, giữ người đã.

Pao lắc đầu:

– Nếu mình bỏ, dân càng tin Châu Phà hơn. Phải quay lại.

Sáng hôm sau, họ lội ngược suối, nhật từng bao muối còn sót, xin dân giấu hộ, rồi tiếp tục hành trình.

Công việc dân vận cứ thế âm thầm nhưng bền bỉ. Một tháng, hai tháng, rồi mùa ngô trở hoa, nhiều bản bắt đầu lên gửi người ra gặp đoàn Pao. Họ hỏi:

– Nếu chúng tôi bỏ Châu Phà, Chính phủ có giết không?

Pao cười hiền:

– Không ai giết bà con. Bà con về với bản cũ, làm rẫy, nuôi ngựa, cách mạng sẽ giúp muối, giúp dầu.

Những đêm ấy, anh lại nhớ lời Bác: *“Cách mạng là công việc của lòng người, không phải của súng đạn.”*

Một sáng nọ, khi trở về từ chuyến công tác dài nhất – đi liền gần ba tháng, qua hơn hai mươi bản – Pao gục xuống sân Ủy ban huyện, lưng đau đến không đứng nổi. Tỉnh ủy nghe tin, cử người lên thăm. Họp gấp, bàn cách chữa. Cuối cùng, một con bò tốt trong rừng Tam Hợp được bắn hạ, lấy mật ngâm thuốc cho Pao. Phải mấy tháng sau anh mới khỏi hẳn, nhưng vết đau ở lưng mãi lành chậm, trời trở lạnh lại nhức.

Song đổi lại, niềm tin của dân đã dần trở về. Một số bản bắt đầu đốt bỏ bùa Châu Phà, kéo cờ cách mạng. Nhiều người trước kia theo Già Xia Súa, giờ lên đem muối của Châu Phà ra trả, xin lỗi cán bộ.

Trong cuốn sổ tay bạc màu của Pao, sau chuyến đi ấy, anh chỉ ghi mấy câu: *“Dân không phải không thương cách mạng. Chỉ vì họ sợ, vì họ đói, vì họ thiếu. Mình mang muối, mang dầu, không phải mua chuộc, mà để họ thấy cách mạng là thật, không phải ảo ảnh như Châu Phà.”*

Và từ đó, rừng Kỳ Sơn lại vang tiếng khèn, tiếng mõ của dân quân. Những con đường mòn ngày nào chỉ toàn vải giả muối giả, giờ lấp lánh những gùi muối thật, dầu thật của đoàn công tác. Từng bước một, Vừ Chông Pao và đồng đội dựng lại niềm tin như người ta dựng lại nương ngô sau cháy rẫy: gian nan, nhưng bền bỉ.

Chương 13:

1. Kỳ Sơn, mùa đông năm 1963, gió núi tràn về từ những dãy Pù Xai trập trùng. Cái lạnh se sắt lườn qua những khe núi, bám trên những cành cây còn đọng sương đêm. Trên các triền đồi, cỏ tranh khô xào xạc dưới bước chân người, suối Mường Lống vẫn chảy trong vắt, tiếng róc rách vang vọng giữa đại ngàn. Nhìn qua tường bình yên, nhưng bên dưới lớp sương mờ ấy là cả một tầng lo sợ âm ỉ: nỗi ám ảnh về “châu phả” Già Xia Súa vẫn lẩn khuất trong từng nếp nhà, từng ánh mắt của người Mông, người Khơ Mú, người Thái. Họ đi rầy vẫn liếc nhìn quanh, họ ngồi bên bếp lửa vẫn chụm đầu to nhỏ về bóng dáng bọn phi.

Nhưng lúc này, tình hình chiến sự tại Kỳ Sơn chuyển biến nhanh. Tỉnh ủy chỉ thị tăng cường lực lượng cho huyện và chỉ đạo tập trung lực lượng tấn công, truy quét phi. Một cuộc họp khẩn cấp diễn ra ngay trong đêm trước chiến dịch. Trong căn phòng họp của Huyện ủy Kỳ Sơn, ngọn đèn dầu chập chờn soi những gương mặt sạm nắng, mệt mỏi nhưng ánh mắt vẫn sáng lên quyết tâm. Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thắng – một người đàn ông tầm tuổi ngũ tuần, dáng chắc nịch, giọng trầm – đặt bản đồ Mường Lống lên bàn:

– Tình hình Mường Lống nóng ròi. Phi Già Xia Súa lôi kéo thanh niên Mông, lập lán ở các khe, đồn bốt tạm khắp vùng. Vàng Pao bên kia đã chuyển súng về, nêu đề lâu, nó bám rễ sâu, khó nhổ lắm. Đồng chí Pao, đồng chí vừa ở Mường Lống về, nói rõ thêm tình hình đi.

Vừ Chông Pao – tổ trưởng tổ công tác dân vận – đứng dậy, tay nắm chặt mép bàn, đôi mắt rực lên trong làn khói thuốc còn vương:

– Thừa các đồng chí, dân ở Mường Lống giờ vẫn nghe mình. Nhưng họ sợ phi. Đêm nào cũng nghe tiếng tù và, tiếng súng chỉ thiên. Phi hứa chia muối, phát áo, lửa bà con bỏ nương, theo chúng. Nhưng người Mông mình biết cả đấy, ai nuôi lợn, ai làm nương, ai cho gạo – là Đảng, là Nhà nước. Chỉ sợ đánh không dứt, dân hao, phi lại càng quấy!

Bí thư Thắng gật đầu, giọng đanh lại:

– Chúng ta quyết tâm đánh tan cụm phi ở Mường Lống để lấy lòng tin của nhân dân. Muốn đánh thắng ngoài việc nắm chắc tình hình địch, chúng ta cần đảm bảo lực lượng. Riêng lực lượng chiến đấu tỉnh đã tăng cường thêm. Bây giờ chúng rất cần lực lượng tiếp tế.

Vừ Chông Pao đứng dậy:

– Báo cáo đồng chí Bí thư nhìn chung, đồng bào Mông ở Mường Lống quý cán bộ lắm. Nhưng muốn họ gửi gạo, gửi muối, phải có người đi cùng, ăn cùng, ngủ cùng họ. Tôi xung phong đi trước, dẫn dân công lên trước trận.

Bí thư Thắng nhìn Vừ Chông Pao gật đầu.

- Có đồng chí Pao làm công tác dân vận thì Ban Thường vụ an tâm rồi.

Nói xong ông quay lại phía đồng chí Chỉ huy trưởng, Ban chỉ huy quân sự huyện.

– Còn lực lượng, đến giờ đã đảm bảo chắc thắng chưa?

Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện khẳng định:

– Báo cáo đồng chí Bí thư, ngoài lực lượng công an vũ trang Đoàn Mỹ Lý và lực lượng tinh tăng cường, ta huy động toàn bộ dân quân tự vệ xã Huồi Tụ, Mường Lống, cùng một đại đội bộ đội địa phương đang đóng ở Mường Xén. Vũ khí, đạn dược bảo đảm đủ cơ số.

Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thắng cảm thấy an tâm:

– Tốt! Đợt này ta đánh là để giữ dân, chứ không phải để dân chạy. Đồng chí Pao, tiếp tục làm dân vận, gắn chặt với bà con. Bộ đội và dân quân sẽ phối hợp, đánh chắc, gọn.

Cuộc họp kết thúc khi gà rừng vừa gáy canh hai. Ai nấy đều vội vã tảo đi chuẩn bị cho chiến dịch, Bí thư Vi Chiến Thắng và Chủ tịch Vi Văn Khuôn giữ Pao lại. Trong gian phòng còn vương mùi khói dầu, hai ông ngồi đối diện, giọng nói chậm rãi nhưng đầy âm áp.

Bí thư Thắng đặt bàn tay rám nắng lên vai Pao, nhìn thẳng vào mắt anh:

– Đồng chí Pao, nhiệm vụ dân vận lần này nặng nề lắm. Ban Thường vụ tin ở đồng chí, nhưng đường lên Mường Lống gian nan, phi rình rập từng lối. Nhớ ăn ở cùng bà con, bảo vệ họ như bảo vệ chính gia đình mình.

Chủ tịch Khuôn tiếp lời, giọng ôn tồn nhưng không kém phần nghiêm nghị:

– Pao này, dân cần lương thực, bộ đội cần tiếp tế, nhưng hơn hết bà con cần niềm tin. Chúng tôi gửi gắm nơi đồng chí cả sự tin yêu ấy. Đi thì đi cho chắc, nhưng nhớ giữ mình để còn trở về. Huyện, Đảng bộ và cả dân bản đang chờ đồng chí.

Pao lặng đi một lát, rồi cúi đầu:

– Thưa các đồng chí, tôi hiểu. Có khó mấy, tôi cũng quyết làm tròn. Nếu có ngã xuống, tôi mong bà con sẽ vẫn nhớ: Đảng không bao giờ bỏ dân.

Bí thư Thắng và Chủ tịch Khuôn nhìn nhau, ánh mắt vừa lo lắng vừa tin tưởng. Trong cái bắt tay thật chặt, họ trao cho Pao không chỉ là mệnh lệnh, mà còn là niềm kỳ vọng, niềm tin của cả Đảng bộ huyện nơi biên cương.

Rời khỏi phòng họp, Pao mang theo lời dặn dò ấy, hòa vào dòng người đang hối hả chuẩn bị cho chiến dịch. Từ niềm tin được gửi gắm ấy, cả chiến dịch như bừng lên sức sống. Các tuyến đường mòn xuyên rừng trở nên nhộn nhịp chưa từng thấy: những đoàn dân công, vai khoác gùi, chân lấm bùn, nối nhau vượt đèo, qua suối, mang theo lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược tiếp viện cho mặt trận Mường Lống. Gió mùa đông rét buốt, mưa phùn lất phất như kim châm, nhưng từng bao gạo, từng hòm đạn, từng túi muối vẫn đến được tay chiến sĩ.

Người dân từ già đến trẻ, từ đàn ông lực lưỡng đến phụ nữ tay bông con, ai cũng hăng hái tham gia. Trên lưng những cụ già gầy guộc vẫn là đôi quang thồ đầy

ngô khô. Đám trẻ trai tuổi mười lăm mười sáu, chân còn chưa quen dép, đã tập tễnh gùi hàng, ánh mắt sáng rực niềm háo hức. Tiếng cười, tiếng nói của họ rộn ràng lẫn vào tiếng vó ngựa, tiếng gùi linh kinh, tiếng gió hú qua những vách đá. Con đường rừng vốn vắng lặng giờ như bừng dậy sức sống, rộn ràng nhịp điệu kháng chiến.

Dân công không chỉ chờ lương thực, họ chờ cả niềm tin, chờ hy vọng của bản làng vào vai. Trong những chiếc gùi lẫn giữa gạo muối còn có mấy nắm xôi của vợ gùi, vài lát thịt khô hun khói mẹ dúi vào, gói kỹ bằng lá chuối. Họ bảo nhau: “Có đói cũng phải đưa hàng ra tiền tuyến, cho anh em mình có cái ăn, cái bắn.” Bếp lửa nơi bìa rừng sáng thâu đêm, những bàn tay nứt nẻ chia nhau bát cháo loãng, húp vội rồi lại gùi lên đường.

Đồn biên phòng Mỹ Lý lúc ấy chính là cái neo giữ biên cương, trở thành nòng cốt cho mọi hoạt động chiến đấu. Nơi đây, những người lính trẻ tuổi mặc áo xanh màu biên cương, vai khoác ba lô, chân đi giày vải đã sòn, đầu đội mũ vải mềm, tay nắm chắc khẩu súng tiểu liên. Đêm nằm võng rừng, ngày băng dốc, lội suối, gió rét cắt da, mưa phùn rất mặt, nhưng họ vẫn kiên gan bám bản, cùng dân giữ đất. Mỗi bước chân là một lần thử thách, mỗi ánh nhìn về phía dãy núi hun hút kia là một lời hẹn với quê hương: phải làm cho nơi này bình yên.

Cùng với lực lượng biên phòng, dân quân tự vệ ở các xã Huồi Tụ, Mường Lống được huy động. Những thanh niên từng quen săn bắn, bẫy thú, rành đường mòn, khe suối, trở thành tai mắt của quân ta. Họ chia nhau tuần tra các lối tiếp tế, mai phục ở đèo cao, báo tin về từng động tĩnh lạ. Những cụ già không còn sức gùi hàng thì dựng lán giữa rừng, đun nước, nấu cháo, vá áo cho bộ đội. Đêm về, cả bản như biến thành một trạm gác, mỗi tiếng chó sủa, mỗi ngọn đuốc bập bùng đều mang một tầng cảnh giác.

Rồi thời cơ đến, quân ta mở đợt tấn công chớp nhoáng vào cụm phi Mường Lống. Tiếng súng nổ ran trong sương sớm, lửa hỏa mù trùm kín rẻo núi. Bị đánh bất ngờ, bọn chúng bỏ lại lán trại, kéo nhau co cụm về Phá Bún, vừa rút chạy vừa tung tin đồn thất thiệt nhằm che giấu thất bại.

Sau khi đưa quân rút chạy về Phá Bún, Già Xia Súa cho dựng ngôi nhà chín nóc, cắm lá cờ trắng hai sọc – một thứ cờ lạ lắm pha tạp, vừa để thách thức, vừa để phô trương “chính quyền riêng”. Hấn sai Già Bá Xò, cánh tay phải của mình, mở trâu khao quân, bắn súng uy hiếp dân, tuyên bố từ đây quyết chống phá cách mạng đến cùng. Chúng kêu gọi người Mông nghe theo “châu phà” để “có trời phù hộ”. Phía bên kia biên giới, Vàng Pao không ngừng chỉ viện: từng thùng đạn, từng khẩu súng ngắn, súng trường, cả lựu đạn và thuốc nổ được bí mật chuyển sang. Chúng vạch ranh giới mới, mở rộng địa bàn sang Na Loi, Nậm Cấn, Huồi Tụ, Mường Lống, Bảo Nam, biến vùng này thành một dải đất lửa.

Phá Bún, Phá Phìa, Phùng Khen, Linh Phòng – những điểm cao chiến lược, vốn chỉ có vài chục tên phi lẫn khuất, nay đã tăng gấp đôi, gấp ba quân số. Chúng lập lán trại, đào hầm, đặt chông, gài mìn, đe dọa dân bản, cướp lương thực, bắt người gùi hàng. Thấy gái đẹp chúng bắt vào rừng hãm hiếp, rồi bắn chết. Trên những nếp

nhà sàn hiu hắt khói chiều, người mẹ ôm con nhìn ra ngõ, người cha tay lăm lăm dao phát, sẵn sàng chạy khi nghe tiếng súng.

Trên đà thắng lợi, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo Đồn biên phòng Mỹ Lý làm nòng cốt cùng lực lượng vũ trang địa phương tiếp tục tấn công tụy quét cụm phi Phá Bún.

Trước trận đánh vào xào huyết bọn phi, Đại úy Trần Thăng, Đồn trưởng đồn biên phòng Mỹ Lý quyết định cử Chuẩn úy, đồn phó Đào Văn Tiến cùng hai trinh sát và một chiến sĩ dân quân dẫn đường đi vào Phá Bún để nắm tình hình. Trước khi đi, Đồn trưởng cho gọi Tiến lên phòng mình căn dặn:

– Tiến này, trận đánh Phá Bún lần này rất quan trọng, nhưng chắc chắn sẽ khó khăn hơn ở Mường Lống, vì kẻ địch lúc này đã cảnh giác, bốn phía chúng bố trí quân cảnh giới nghiêm ngặt. Cậu đi lần này phải nắm cho rõ tình hình quân số, vũ khí, cách bố trí lực lượng của chúng; tình hình nhân dân như thế nào. Nhớ phải hết sức bí mật.

Chuẩn úy Đào Văn Tiến, dáng người rảnh rỗi nhưng ánh mắt đầy suy nghĩ, đặt tay lên bản đồ:

- Thủ trưởng yên tâm, anh em quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Ngày hôm sau Tiến và đồng đội lên đường. Họ mang theo chỉ vài ngày lương khô, nước đựng trong bi đông, hành trang gọn nhẹ để dễ bề tác chiến. Nhưng rừng núi không che nổi hết dấu vết, bọn phi phục sẵn, nổ súng từ bìa rừng. Trận giao tranh kéo dài sáu tiếng đồng hồ, đạn xé rừng như mưa rào, tiếng hò hét vang động cả khe sâu. Chiến sĩ dân quân trúng đạn ngã xuống, tay vẫn nắm chặt báng súng. Đào Văn Tiến cùng đồng đội phải phá vây, rút về căn cứ, mang theo nỗi đau của sự hy sinh nhưng cũng thu được tin tức quý giá.

Biết lực lượng ta đang chuẩn bị đánh vào Phá Bún, Già Xía Súa càng lòng lộn, càng nhờ Vàng Pao tiếp tế thêm quân và vũ khí. Những chuyến ngựa thồ chở súng từ bên kia biên giới lại rầm rập vượt rừng. Nhưng lưới đã giăng, từ Mỹ Lý đến Mường Xén, Keng Đu, các ngã đường đều có dân quân tuần thám. Từng nguồn tin báo về liên tiếp, bản đồ hành quân dần khép chặt vòng vây, thời cơ đã chín muồi. Ban chỉ huy quân sự huyện Kỳ Sơn và Đồn biên phòng Mỹ Lý mở cuộc tấn công tổng lực vào cụm phi Phá Bún.

Một ngày đầu tháng Một năm 1964, trời hôm đó rét cắt thịt, sương phủ mờ như khói súng. Tiếng tù và lệnh tiến công vang lên, cả rừng núi dội lại tiếng bước chân. Trên gò đồi cao ở phía đông bản Phá Bún, quân ta bố trí súng cối và hỏa lực mạnh sẵn sàng uy hiếp bọn phi mở đầu cho trận đánh. Tiếng loa phóng thanh vang lên: “Già Xía Súa và toàn bộ bọn phi Phá Bún nghe đây! Các người đã bị bao vây, đường rừng, lối mòn đều đã có lực lượng cách mạng kiểm soát. Các người không còn đường chạy.

Chúng tôi – lực lượng bộ đội biên phòng và dân quân Kỳ Sơn – kêu gọi các người hạ súng, đầu hàng. Ai ra hàng sẽ được khoan hồng, được trở về với bản, với vợ con. Ai tiếp tục chống lại sẽ bị tiêu diệt không khoan nhượng.

Nhân dân Mông, Khor Mú, Thái, cha mẹ, vợ con các người không muốn thêm máu đổ, không muốn thêm nương rẫy cháy. Đảng và Nhà nước đã mở đường sống cho các người – hãy dừng tay trước khi quá muộn!

Tiếng loa im bật, chỉ còn tiếng gió rít qua những đỉnh đồi và tiếng súng lẻ tẻ đáp trả từ phía Phá Bún.

Tiếng còi lệnh vang lên ba hồi ngắn, dứt khoát. Trên đỉnh đồi phía đông, khẩu súng cối 82mm rền một tràng, hỏa lực trùn xuống ngôi nhà chín nóc của bọn phi. Phía tây, trung liên RPD quạt đạn, bắn chặn các lối thoát về Huồi Tụ. Lực lượng dân quân từ phía bắc và bộ đội biên phòng từ hướng nam đồng loạt xông lên, chân đạp bùn sũng, súng chắc tay.

Chỉ huy hô lớn qua máy bộ đàm:

– Toàn đơn vị, tiến công! Xiết chặt vòng vây! Không cho một tên phi thoát!

Đạn nổ liên hồi, khói đen bốc lên từ các kho lương. Tiếng hò xung phong của dân quân vang dội giữa khe núi, hòa cùng tiếng mõ trông từ bản bên truyền sang. Cối tiếp tục nhả đạn, phá từng ụ đất, từng bờ đá mà phi ẩn nấp.

Từ bốn hướng, quân ta như những mũi tên chụm lại, khép dần vòng vây. Phía đông bắc, một tổ trinh sát dùng lựu đạn phá chướng ngại; phía nam, dân công vận tải tranh thủ băng qua suối chuyển thêm đạn. Đồn biên phòng Mỹ Lý giữ chặt vòng trong.

Khói súng quện mưa phùn, cả thung lũng Phá Bún như rung lên từng nhịp. Cuộc chiến diễn ra khốc liệt. Phi bị đánh bật khỏi lán trại, nhiều tên bỏ xác giữa rừng, vũ khí đạn dược bị thu gom chắt thành đống. Số còn sống sót bỏ chạy tán loạn về phía Lào, định theo đường Nặm Cẩn, Keng Đu thoát thân. Nhưng Tiểu khu Mường Xén đã chặn sẵn, đón lõng từng tốp, bắt sống nhiều tên, thu thêm súng đạn. Chiến dịch Mường Lống – Phá Bún kết thúc thắng lợi, mở ra khoảng trời bình yên tạm thời cho các bản làng.

Sau chiến dịch, người dân lại trở về nương rẫy. Trên nếp nhà sàn, khói bếp lại bay lên, tiếng khèn Mông, tiếng đàn tính Thái lại vang trong lễ hội. Nhưng nỗi lo chưa hẳn hết: Già Xia Súa vẫn còn, Vàng Pao bên kia biên giới vẫn rình rập. Những chiến sĩ biên phòng Mỹ Lý vẫn gác đêm, mắt dõi về cánh rừng âm u nơi biên giới, chờ một cuộc chiến mới.

2. Sau những trận truy quét ác liệt ở Mường Lống, Phá Bún, cò phi không còn pháp phối trên những đỉnh núi đá vôi lạnh lẽo như trước. Các sào huyệt lớn đã bị xóa sổ, kho muối, kho đạn cháy rục trong đêm. Nhưng chiến thắng ấy chưa đủ để núi rừng Kỳ Sơn yên tiếng khèn, tiếng mõ trâu, bởi lũ phi còn sót không chết hết: chúng rút về dọc biên giới, chui rúc trong hang đá, khe núi, trông chờ Vàng Pao viện trợ. Ban ngày ăn mình, ban đêm mò về bản cướp gà, bắt người, đốt nương. Có bản, cả trưởng bản lẫn con trai bị chúng bắt làm con tin, có bản, chúng rải lời nguyền: “Ai theo chính quyền sẽ bị giết cả họ”. Dân không biết nghe ai, kẻ theo, người sợ, người muốn yên thân nhưng bị kéo đi giữa đêm.

Rạng sáng 24 tháng 6 năm 1964, phi Già Xia Súa bất ngờ tập kích Trạm ươm cây giống của Công ty Nông nghiệp Nghệ An (thành lập năm 1962) ở Mường Lống. Từ chiều, sau khi nhận được mật báo của công an huyện, Bí thư kiêm Chủ tịch xã Mường Lống - Xông Gà Vừ triển khai lực lượng dân quân tự vệ xã và đội tự vệ của trạm mai phục, cuộc chiến giằng co kéo dài từ 2 giờ sáng đến 8 giờ, sau khi tên cầm đầu bị anh Lê Văn Toàn – công nhân của trạm bắn chết, quân phi mới chịu rút lui vào rừng. Trận đó, phía ta chết 27 người, trong đó có 20 công nhân, còn 7 người là bộ đội, dân công và cán bộ y tế.

Chính trong bối cảnh ngổn ngang ấy, Tỉnh ủy Nghệ An khẩn cấp gửi chỉ thị xuống Huyện ủy Kỳ Sơn: vừa khóa chặt biên giới, ngăn Vàng Pao xâm nhập, vừa tổ chức vận động, thuyết phục đồng bào làm lơ trở về. Đây không phải việc một ngày, mà là trận đấu lâu dài: giữ đất phải giữ dân trước.

Một buổi sáng đầu thu năm 1964, tại trụ sở Huyện ủy Kỳ Sơn, Ban Thường vụ họp khẩn. Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thắng trầm giọng nói:

– Các đồng chí, tỉnh đã chỉ đạo rõ. Nhưng thực tế Kỳ Sơn ta không dễ. Phi chưa chết, dân chưa yên, biên giới thì dài, rừng sâu. Hôm nay, ta phải quyết một phương án: vừa chặn được Vàng Pao, không để lực lượng phi trên địa bàn phát triển thêm mà vẫn giữ được lòng dân.

Không khí nặng như sương mù trên dãy Pu Xai. Mỗi người ngồi một góc, áo chàm còn vương mùi khói bếp, mắt nhìn nhau lặng lẽ.

Đồng chí Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện đứng dậy phá vỡ sự im lặng:

– Theo tôi, giờ không thể chần chừ. Bọn phi này ngoan cố, phải tiêu diệt không khoan nhượng. Ai theo phi cũng là kẻ địch. Có thể chúng và cả số người dân đang còn lưỡng lự nên theo ai mới sợ!

Đồng chí Chỉ huy trưởng Tiểu khu 50, cũng đứng dậy:

- Lực lượng công an vũ trang rất tán thành ý kiến của đồng chí Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự huyện. Chúng ta tiếp tục chiến dịch truy quét lần 2.

Một cán bộ xã Huồi Tụ phản bác:

– Đồng chí nói dễ lắm. Ở xã tôi, phi bắt cả con trai tôi đi. Vợ nó đêm nào cũng khóc. Giờ ta đánh mạnh, tiêu diệt hết, tức là bắn chết cả những người bị chúng cưỡng chế mang đi. Ai dám theo ta nữa?

Lời qua tiếng lại, cuộc họp như bếp than đang bị gió thổi. Có người đập bàn, có người chỉ gật gù.

Lúc này, đồng chí Vi Văn Khuôn – Chủ tịch huyện mới đứng dậy:

- Theo tôi tình thế lúc này rất gấp, rất căng thẳng, một trận kéo co sống mãi giữa ta và địch, để giành lại nhân dân. Tôi nghĩ lúc này chúng ta vẫn kiên quyết đánh, nhưng phải hết sức khôn khéo, vừa đánh vừa vận động, thuyết phục.

Cả hội trường im lặng, Bí thư Thắng vẻ mặt đăm chiêu...

Pao ngồi yên, tay mân mê cái huy hiệu Bác tặng hồi năm 1955, mắt nhìn ra cửa sổ. Ngoài kia, rừng chuyển màu vàng úa, gió từ biên giới Lào thổi về lạnh buốt. Trong đầu anh, những tiếng tranh cãi vang như tiếng chiêng ngày hội, nhưng lẫn vào đó là một âm vang khác – giọng nói trầm ấm, hiền từ của Bác Hồ hôm nào.

Pao nhắm mắt. Hồi ấy, mùa thu năm 1963, anh theo đoàn đại biểu miền Tây ra Hà Nội dự lễ Quốc khánh. Sân Ba Đình đông như kiến, cờ đỏ sao vàng lộng gió, Bác mặc bộ kaki bạc màu, đi giữa hàng ngàn đồng bào. Lễ kết thúc, bác gặp riêng đoàn đại biểu các dân tộc thiểu số. Tham dự buổi gặp mặt có cả đồng chí Lê Duẩn và Phạm văn Đồng.

Khi các đại biểu đã ổn định, Bác Hồ quay sang hỏi đồng chí Lê Duẩn:

- Anh Ba, ở Nghệ An, Kỳ Sơn có việc gì mới?

Đồng chí Lê Duẩn đáp:

- Dạ thưa Bác, ở Nghệ An, Kỳ Sơn nổi loạn châu phà.

Cả hội trường im lặng, Bác hỏi:

- Nổi loạn như vậy, thế các chú định làm thế nào?

Hội trường lại im lặng. Lúc này Vừ Chông Pao suy nghĩ, mình đã bao trận xông pha tiểu phi, trừ gian, vượt suối, vượt đèo xuống bản để vận động nhân dân, mà vẫn chưa tìm thấy cách nào có hiệu quả. Nghĩ như vậy, Vừ Chông Pao đứng dậy, cả hội trường hướng mắt về anh.

- Thưa Bác, loạn châu phà ở Kỳ Sơn, Nghệ An là người Mông mắc mưu địch đi nhiều nhất, người Khơ mú đi một số, người Thái và người Kinh không đi. Chúng cháu càng giáo dục thì càng đi nhiều, họ thực sự thành giặc phi, cầm súng bắn bộ đội, bắn đồng bào mình, nếu bắt được chúng thì bỏ tù hoặc tử hình.

Nghe Vừ Chông Pao nói vậy, mọi người gật đầu. Nhưng Bác xua tay.

- Không được, không được các chú ơi! Chúng ta phải xác định kẻ thù chính của ta là ai? Bạn của ta là ai? Tất cả các dân tộc đều là anh em, đều là bạn của ta, không nên đẩy bạn của ta thành địch. Nếu các chú làm như vậy thì đánh địch suốt đời cũng không hết. Ta nên kêu gọi đồng bào về với cách mạng, mang súng về càng tốt, phải cảm hóa họ, giáo dục họ, đoàn kết họ. Ta chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính của chúng ta là đế quốc Mỹ thì nhất định thắng. Các chú về nhà, mở hội nghị toàn huyện, mời già làng, trưởng họ có uy tín truyền đạt lại như vậy.

Trước lúc chia tay, Bác còn gọi Pao lại, bàn tay gầy xương đặt lên vai anh:

- Dân khổ lâu rồi, họ muốn yên để làm ăn. Địch không đáng sợ bằng mất lòng dân. Giữ đất phải giữ dân, cháu nhớ nhé. Phi bây giờ nhiều khi cũng là con cháu mình, phải kéo họ về, đừng dòn họ chết đường cùng.

Nói xong, Bác lại dặn tiếp:

- Nhớ nhé, các cháu về không được bắt ai hết, không được đánh đập ai hết, không được xử tử ai hết.

Lời dạy của Bác Hồ như thấm vào da thịt, chảy trong huyết quản soi sáng đường đi, tiếp thêm sức mạnh và nghị lực cho Vừ Chông Pao. Hôm nay, trong phòng họp, tiếng ấy lại vọng về. Pao mở mắt, đứng lên:

– Các đồng chí! Tôi xin nói...

Cả phòng quay lại. Anh chậm rãi:

– Chúng ta đều nóng ruột. Tôi cũng vậy, vì vợ tôi, con tôi vẫn còn ở bản Mường Ải, ngày nào cũng sợ phi về bắt. Nhưng nếu hôm nay ta chỉ nghĩ đánh, giết, ngày mai còn ai nghe mình nữa? Bác Hồ đã dặn tôi: “*Giữ đất phải giữ dân.*” Dân theo ta, phi tự yếu. Dân bỏ ta, phi mạnh lên.

Có người cắt ngang:

– Thế đồng chí Pao nói là tha hết?

Pao lắc đầu:

– Không! Ai ngoan cố, giết người, cướp của, phải xử! Nhưng phải phân rõ: ai bị lừa, ai bị bắt ép. Ai còn lương lự thì kéo về, ai về rồi thì khoan hồng. Ta không thể làm cái bẫy dẫy họ sang bên kia mãi mãi.

Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thắng gật gù:

– Đồng chí Pao nói đúng cái gốc. Chống phi là giữ dân. Thôi, ý kiến vậy đã rõ. Tôi đề nghị: giao đồng chí Pao phụ trách mặt trận vận động, thuyết phục. Thành lập tổ công tác, đi xuống từng bản, gặp từng họ. Ai có con theo phi, mời họ ra bàn. Ai còn ngần ngại, cùng ăn bát cơm, cùng uống bát nước lá.

Vừ Chông Pao đứng dậy nói tiếp:

- Thưa đồng chí Bí thư, việc này không chỉ riêng Kỳ Sơn mà là việc cần kíp của cả tỉnh. Tôi đề nghị Ban Thường vụ nên đề xuất với Tỉnh ủy thành lập Ban chỉ đạo chung, sau đó Huyện ủy thành lập tổ công tác xuống địa bàn.

Tất cả hướng ánh mắt về Pao, tiếng vỗ tay vang cả hội trường.

Cuộc họp kết thúc khi trời Kỳ Sơn đã xám chiều. Pao bước ra thêm nhà, gió núi luồn qua áo, hun vào lồng ngực một nỗi nặng trĩu. Phía tây, mây phủ Xốp Nhị như một vết sẹo mờ.

Bí thư Vi Chiến Thắng vỗ nhẹ lên vai:

- Pao này, chuyến đi bản lần này cũng gian nan, vất vả và nguy hiểm như những lần trước đây. Hãy cố gắng nhé, mà hết sức thận trọng đấy.

Pao nhìn Bí thư, nở nụ cười. Anh biết, việc khó nhất chưa phải là đi, mà là nói sao để dân tin, để máu không chảy thêm trên đất này.

*

* *

Mấy hôm sau, đoàn công tác do Vừ Chông Pao dẫn đầu vượt qua những con suối đầu nguồn, băng rừng đến bản Xốp Nhị – nơi được chọn làm trung tâm cho hội

nghe “tầng lớp trên” lần thứ hai. Trời đầu đông xám đặc, mây cuộn dưới chân núi như khói thuốc缭绕. Nhà sàn hội họp dựng ngay bãi đất bằng, bên phải là con suối chảy ra Nặm Mộ, bên trái là đồi nửa ngả màu vàng úa.

Thành phần hội nghị đông đủ: trưởng họ Lý, họ Vừ, họ Xông, họ Lô, họ Lữ, Lương, Vi...; mấy người có uy tín ở Mỹ Lý, Huồi Tụ, Nặm Cản, Mường Lóng, Keng Đu... và những gia đình có chồng, con, em đang theo phi. Họ ngồi thành hai hàng, đàn ông tay áo chàm vắt lên gối, đàn bà quần khăn đen, ánh mắt dè dặt.

Pao bước vào, dáng gầy rảnh rỗi, chiếc dao nhọn cài bên hông, nụ cười gượng nhưng ánh mắt quyết liệt. Anh chào mọi người bằng tiếng Thái, tiếng Mông, tiếng Khơ Mú, rồi nói bằng tiếng Kinh:

– Hôm nay ta họp không phải để đổ tội, cũng không phải để đòi máu. Ta họp để tính cho dân Kỳ Sơn mình được yên.

Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thắng liền cất giọng trầm âm nhưng dứt khoát:

– Các bác, các anh chị ở đây đều là những người có uy tín, có tiếng nói trong bản, trong họ. Tỉnh, huyện và cả nước đều trông vào bà con ta. Giữ đất này không chỉ bằng súng đạn, mà còn bằng lòng người. Đảng và Nhà nước đã có chính sách rõ ràng: kẻ cướp bóc, giết người thì phải trừng trị; còn ai làm lỡ, bị ép buộc theo phi thì phải dang tay đón về, cho họ có đường sống. Chỉ có vậy, bản làng mới hết máu rơi, nương mới thôi cháy, trẻ con mới có chỗ học hành.

Ông dừng lại, đưa mắt nhìn khắp gian nhà sàn đông người, ánh nhìn chậm rãi mà kiên định:

– Hôm nay tôi ngồi đây, nhưng tôi muốn bà con nghe nhiều hơn từ người con của núi rừng này – đồng chí Pao. Đồng chí ấy gần dân, hiểu dân, nói tiếng bà con, chắc bà con nghe sẽ thấu hơn nghe tôi.

Nói rồi, Bí thư Thắng gật đầu, nhường lời cho Pao.

Pao bắt đầu kể tình hình: “Phi đã rút về biên giới, chui rúc trong các hang động chờ Vàng Pao viện trợ, hiện chúng rất hoang mang; quân ta chặn chặt, nhưng không thể giữ từng khe núi, từng hang đá mãi. Phải có dân mới chặn được.”

Pao nói dứt lời, bàn tay siết chặt cuốn sổ. Rồi anh chậm rãi:

– Tôi đi qua bao bản, thấy nhà nào cũng còn khói hương trên bàn thờ. Mỗi cái chết đều để lại một khoảng trống. Nhưng nếu ta chỉ nhìn vào máu và nước mắt mà không nghĩ đến ngày mai, thì núi rừng này sẽ còn bao giờ yên được?

Anh ngừng lên, đảo ánh mắt khắp gian nhà, chờ đợi sự hưởng ứng. Không khí nặng trĩu, rồi một trưởng họ đứng dậy, tóc bạc như cước:

– Lời đồng chí Pao nghe nhẹ tai đây, nhưng bọn phi nó bắn con tôi rồi. Máu còn loang dưới bậc thang. Giờ đồng chí bảo tha, tôi nuốt sao nổi?

Tiếng xì xào vang lên. Một bà vợ người theo phi đứng khóc:

– Các ông đánh nữa thì chồng tôi chết! Nó bị chúng bắt đi từ mùa mưa. Nó có biết gì đâu!

Có người khác lại gần giọng:

– Nhưng không đánh, chúng về cướp nương, đốt nhà, rồi dân nào chịu được?

Không khí nóng như nồi nấu rượu. Pao lắng nghe, tay gõ nhịp lên cuốn sổ. Anh biết, mỗi người ở đây đều mang vết thương riêng: kẻ mất người thân, kẻ bị ép theo, kẻ bị nghi ngờ.

Anh đứng dậy, mắt quét khắp gian nhà:

– Tôi hiểu nỗi đau của từng người. Bản tôi cũng mất bốn người. Người thân của tôi cũng bị phi bắn chết. Nhưng các bác, các anh chị nghĩ coi: nếu nay ta giết hết, ngày mai ai sẽ gùi gạo lên rừng cho ta? Ai sẽ giữ đường biên giới cho ta? Bác Hồ dặn tôi: “*Giữ đất phải giữ dân.*” Dân Kỳ Sơn ta không phải là đá, là cây. Họ biết sợ, biết khóc, biết thương.

Một già bản trầm ngâm:

– Pao nói phải. Nhưng nói cách nào cho chúng về? Chúng có nghe đâu?

Pao bèn mở túi, lấy ra tờ giấy có dấu đỏ – thư của Tỉnh ủy:

– Đây, tỉnh đã quyết: ai về thì khoan hồng, ai còn ngoan cố, giết người, cướp của thì xử. Nhưng phải có các bác, các anh chị đứng ra gọi. Ví dụ, anh Xồng gọi con Chùa, bác Lý gọi cháu Làu. Họ nghe người nhà hơn nghe phi.

Một cuộc bàn cãi kéo dài. Người đòi đánh gấp, người sợ báo thù. Pao lắng nghe từng ý. Khi trăng non lên ngang vách núi, anh bước ra hiên, gió lạnh quất vào mặt. Trong đầu, hình ảnh Bác Hồ lại hiện: bàn tay gầy đặt trên vai anh, câu dặn “*Đừng dồn họ chết đường cùng*”.

Anh quay lại, giọng chậm nhưng rắn:

– Các bác! Chúng ta đã mất nhiều máu. Tôi không muốn máu chảy thêm. Tôi xin nhận đi trước. Tôi sẽ vào Mường Lống, Nậm Càn, Huồi Tụ, Mỹ Lý nói với họ. Nếu tôi chết, các bác hãy chôn tôi trên núi. Nhưng nếu tôi sống, tôi muốn thấy dân ta trở về.

Câu nói ấy như một cái gậy gõ xuống sàn gỗ. Cả gian nhà lặng im. Một bà mẹ có con theo phi òa khóc:

– Vậy thì tôi theo Pao. Để tôi gọi con tôi về.

Người khác nói:

– Tôi cũng vậy. Nếu chính quyền không giết, tôi gọi cháu tôi về.

Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thắng nhìn quanh, giọng cứng rắn:

– Thôi, thống nhất! Thành lập Ban vận động chống phi. Đồng chí Pao phụ trách. Từ mai, chia tổ xuống bản. Ai có họ hàng theo phi, mời họ về. Ai ngoan cố, mới xử.

Tiếng thờ dài nhẹ nhõm lan khắp gian nhà. Ngoài kia, gió bắc rít qua khe núi, nhưng lửa bếp đã cháy bùng, hơi khói quyện vào những khuôn mặt sạm đen, hốc hác – khuôn mặt của những người vừa quyết định đặt niềm tin vào một con đường khó, nhưng ít máu hơn.

Đêm ấy, Pao nằm trên tấm phản tre, mắt nhìn lên mái nhà. Anh biết, từ sáng mai, cả vùng Kỳ Sơn sẽ chuyển động: người mang gùi xuống bản, người viết thư cho con, người bí mật rẽ đường rừng tìm chồng. Phi sẽ biết, sẽ trả thù. Nhưng một ngọn lửa đã nhóm lên.

4. Mùa đông năm 1964. Kỳ Sơn chìm trong sương trắng như khói thuốc phiện cũ kỹ. Gió núi rét mướt, quất qua những triền đá tai mèo lờm chờm. Cây rừng xao xác, cỏ gianh khô vàng như tro. Từ ngày các căn cứ Mường Lống, Phá Bún bị quân ta đánh tan, bọn phi không chịu chết hẵn mà rút sâu vào biên giới, chui rúc trong hang đá, chia thành từng nhóm nhỏ, bám dai như rêu đá. Chúng vừa cướp bóc lên lút, vừa gieo rắc luận điệu độc hại: “Chính quyền bỏ đói dân Mông”, “Bọn cán bộ lấy đất của chúng mày” Nhiều gia đình hoang mang, kẻ theo phi, người lánh nạn. Đường vào bản vắng bóng ngựa thồ, những bếp lửa lạnh dần.

Trước tình hình ấy, theo đề xuất của Kỳ Sơn, Tỉnh ủy Nghệ An quyết định thành lập Ban Chỉ đạo chống phi và dẹp bạo loạn “châu phà” tại Kỳ Sơn, do đồng chí Nguyễn Hữu Phúc – Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy – làm Trưởng ban; đồng chí Vi Chiến Thắng – Bí thư Huyện ủy Kỳ Sơn – làm Phó ban. Dưới Ban, các tổ công tác được thành lập, tỏa về các bản, mang theo nhiệm vụ: không phải súng đạn trước hết, mà là lời nói, lý lẽ, và sự khoan hồng của Đảng. Các báo cáo dồn dập gửi về Ban Chỉ đạo, kèm theo những dòng chữ run run vì khẩn cấp. Trong số nhiều toán phi còn lẫn lút, có một cái tên khiến ai nghe cũng chau mày, vì vừa quen thuộc vừa gieo nỗi bất an.

Cái tên được nhắc nhiều nhất trong các báo cáo tình hình là Lý Vả Chinh. Một người Mông, tuổi ngoài ba mươi, bắn súng hai tay như gió, từng lập công cho chính quyền rồi bỏ đi theo phi. Chinh từng là đội viên Đội du kích Mường Lống, hẵn không chỉ giỏi võ nghệ, mà còn có uy tín trong nhiều bản Mông vùng Mường Lống. Hẳn dẫn theo hơn năm chục người, đóng ở khu vực hang Thảm Hạng, cạnh dốc Phá Kháo – con đường huyết mạch nối Mường Lống sang Lào. Tin báo: nhóm hẵn vừa nhận tiếp tế đạn dược từ bên kia biên giới, lại rục rịch bắt thanh niên bản đi theo.

Tin phi từ biên giới và cái tên Lý Vả Chinh ngày một dày thêm trong các bản báo cáo gửi về. Trưởng ban Nguyễn Hữu Phúc và Bí thư Vi Chiến Thắng nhiều đêm bàn bạc, lòng nặng như đá đeo. Họ hiểu, phi không chỉ đơn thuần là bọn lên rừng cướp bóc, mà đằng sau còn có bàn tay thế lực bên kia biên giới tiếp sức. Tin tức Chinh tụ tập đông người, lại dựng căn cứ ở hang Thảm Hạng – nơi hiểm yếu bậc nhất – khiến hai ông không thể ngồi yên. Nếu để mặc, cả vùng Mường Lống sẽ thành bãi chiến, thanh niên bị lôi kéo, dân bản hoang mang, biên cương chao đảo. Chính sự lo lắng ấy đã thôi thúc Trưởng ban Phúc và Bí thư Chiến quyết định: phải gấp rút triệu tập Ban Chỉ đạo để cùng nhau tìm cách đối phó.

Hôm ấy, trong cuộc họp Ban Chỉ đạo, đồng chí Phúc đăm chiêu:

– Các đồng chí ạ, tình hình phi ở Thầm Hạng ta đã rõ rồi. Nếu bây giờ mà kéo được Chinh về, cả cụm tan nát. Nhưng cái quan trọng là làm sao đừng để máu chảy. Ai có thể làm chuyện đó?

Ánh mắt mọi người dừng ở Vừ Chông Pao. Một cán bộ trẻ nhưng đã nổi tiếng khéo dân vận, từng làm nên chuyện ở các bản khó.

Bí thư Thắng khẽ gật, giọng trầm mà ấm:

– Đồng chí Pao, bà con ở đây tin đồng chí. Huyện ủy và Ban chỉ đạo cũng tin đồng chí. Hãy đi và hãy nói cho dân mình hiểu, cho dân mình nghe.

Chủ tịch Khuôn tiếp lời, bàn tay nắm chặt đầu gối:

– Giữ đất phải giữ dân. Có dân thì bản mừng mới yên, mới có ngày mai. Đồng chí Pao, chúng tôi luôn bên cạnh đồng chí, cứ mạnh dạn.

Pao im lặng một lúc rồi gật.

– Tôi đi. Không phải để bắt, mà để nói cho hẳn hiểu, và kéo hẳn về. Các đồng chí cứ yên tâm.

Hôm sau, Vừ Chông Pao và Vừ Giông Xanh lên đường. Hai người rời trụ sở huyện từ tờ mờ sáng, con đường núi hun hút gió. Pao cẩn thận giắt khẩu súng kíp sau lưng, còn Giông Xanh mang theo túi gạo, ít muối và vài lá thư của Huyện ủy gửi bà con. Đêm hôm trước, cả hai đã ngồi bên bếp lửa bàn bạc kỹ lưỡng: phải vừa đi vừa nghe ngóng, chỗ nào căng thì tránh, chỗ nào yên thì tranh thủ giải thích cho dân hiểu. Gió đầu thu hun hút quất vào mặt, mỗi bước chân đều như dẫm lên từng nhịp lo âu và quyết tâm.

Vào đến Mường Lống, Pao tìm gặp Vừ Y Lầu, vợ Chinh – Chủ tịch Hội Phụ nữ Mường Lống, cũng là đại biểu dự hội nghị tầng lớp trên lần thứ 2 ở Xốp Nhị. Chị gầy, da sạm, tay ôm đứa con trai chưa đầy hai tuổi. Đêm ấy, bên bếp lửa khói cay xè, Pao nói:

– Chỉ có chị mới chạm được lòng hẳn.

Nghe lời Vừ Chông Pao, Y Lầu vào rừng khuyên chồng. Nhưng lần đầu trở về chị im lặng, lần hai chị lắc đầu, lần ba chị bảo hẳn không về. Vừ Chông Pao nhìn chị động viên:

- Không sao! Chúng ta cứ kiên trì, lần này chưa được thì lần sau.

Vài hôm sau, Y Lầu lại vào rừng, rồi lại trở về một mình. Vừ Chông Pao liền hỏi:

- Trong đó ăn uống thế nào?

Y Lầu liền nói:

- Toàn ăn sẵn với muối trắng và rau rừng, thịt không có!

Vừ Chông Pao hỏi dồn:

- Thế Vả Chinh có biểu hiện gì không?

- Nhiều đêm hần không ngủ.

Vừ Chông Pao lúc này đã nhìn thấy chút hy vọng.

- Tốt, chúng ta hãy cứ đợi.

Nhưng đợi mãi, Vả Chinh vẫn không quay về. Vừ Chông Pao quyết định.

- Lần này tôi đi, chị viết thư cho hần.

Nghe anh nó vậy, Vừ Giông Xên liền ngăn lại:

- Nguy hiểm lắm, không được đâu chú ơi. Hay chú để tôi đi.

Lúc này Vừ Chông Pao nhắc lại lời anh nói tại hội nghị tầng lớp trên:

- Nguy hiểm tôi cũng phải đi, nếu tôi chết hãy chôn tôi trên núi, nếu tôi sống, tôi muốn đồng bào mình trở về, máu không đổ ở Mường Lống.

Nói xong, anh đọc từng câu, từng chữ cho Y Lầu chép. Nước mắt rơi xuống tay áo chàm, Y Lầu viết: *"Anh Chinh, về đi. Con đã biết gọi cha rồi. Đừng để con phải gọi người khác. Em chờ anh. Nhà nước không bắt anh"*

Tờ giấy nhàu nát những con chữ xiêu vẹo đầy nước mắt.

Hành trình bắt đầu trong mưa bụi. Pao cùng Vừ Giông Xên – cán bộ an ninh huyện, và hai dân quân bản Thăm Mọt dẫn đường. Đường núi hiểm trở, đá lởm chởm như răng cạp. Gió thốc lạnh buốt. Khi đến dốc Phá Kháo, trời vừa sập tối. Vừ Chông Pao nói mọi người ở lại chân dốc, nếu có vấn đề gì thì báo ngay cho lực lượng công an vũ trang đang chốt ở gần đây. Còn anh leo lên dốc đá dựng đứng.

Đột nhiên – “Đoàng! Đoàng!” hai phát súng vang, đá văng tóe lửa. Anh nằm rạp xuống sau mỏm đá. Đạn quét qua ngọn cỏ, chỉ thiếu gang tấc trúng Pao. Tiếng quát vọng xuống:

– Ai đây? Cán bộ à? Không qua nổi đâu!

Pao hít sâu, lấy can đảm, rút bức thư Y Lầu buộc lên cành tre, giọng cao:

– Tôi là Vừ Chông Pao! Mang lời của Y Lầu cho Chinh!

Im lặng vài phút, chỉ còn tiếng gió. Rồi từ vách đá hiện ra bóng người to lớn, râu quai nón, tay lăm lăm súng trường – Lý Vả Chinh. Hần nhìn Pao chằm chằm như nhìn thú lạ:

– Mày to gan thật. Đường này không phải chợ.

– Tao không mang quân, không mang súng, không mang còng, – Pao bình tĩnh – Tao mang lời của vợ mày.

Chinh giật lấy thư, ánh mắt thoáng run. Hần quay lưng:

– Đêm nay ở lại. Mai tính.

Đêm rừng Kỳ Sơn lạnh như dao cứa. Lửa cháy lách tách. Đám đàn em lặng lẽ lau súng, mài dao. Pao ngồi đối diện Chinh. Gió len qua khe đá, hun hút.

– Mày không sợ chết sao? – Chinh nheo mắt.

– Sợ chứ, – Pao cười – Nhưng sợ nhất là bà con mình và cả vợ mà chết thêm nữa.

– Vàng Pao hứa gạo, hứa vàng, – Chinh nhổ nước bọt – Chinh quyền thì hứa gì?

– Hứa cho con mà được đi học, – Pao đáp – Hứa không bắt mà khi mà quay đầu. Hứa cho bản này được yên.

Chinh cười khẩy:

– Nói dễ. Tao về, tụi nó mổ bụng tao.

Pao không vội, rút từ túi tấm khăn chàm Y Lầu gửi, còn vương mùi khói bếp:

– Đêm nào vợ mà cũng ôm cái này. Con mà ho khan vì lạnh. Mà nghe không?

Chinh im, tay gõ lách cách báng súng.

Một lúc sau, mấy tên lính của Chinh bung ra rõ sẵn lược. Chinh nhìn Pao:

- Ăn đi đã.

Pao nhìn Chinh cười trong sự thương hại.

- Sao, Vàng Pao chỉ cho bọn mà ăn thế này thôi à.

- Cả tháng nay rồi, bọn nó có gửi gì đâu – Chinh nói trong sự căm tức.

Lúc này, Pao lôi trong túi vải ra một gói thịt xông khói, một gói cơm to và cả một chai rượu trắng.

- Của vợ mà cả đấy. Ăn đi, lúc nào vợ mà cũng nghĩ thương mà, mong mà về với các con thôi.

Và Chinh cầm chén rượu, nuốt miếng thịt xông khói mà thấy nghẹn nơi cổ, đôi mắt cay xè. Pao liếc nhìn thấy mắt hấn đỏ, ngân ngấn nước. Anh mừng thầm.

Sáng hôm sau, khi Pao chuẩn bị rời lán, một nhóm phi khác kéo đến, súng giương lăm lăm:

– Thằng này là cán bộ! Giết!

Chúng chĩa súng, bao vây Pao. Không khí đặc quánh. Một tên dí nòng vào ngực anh. Chinh bước ra, hét:

– Lui! Đây là khách của tao. Đứa nào làm hấn chảy máu, tao bắn vỡ đầu.

Không khí như tảng đá sắp rơi. Cuối cùng, đám kia chửi đồng rồi bỏ đi. Pao thở ra, mồ hôi lạnh lưng áo.

Sáng đó, Chinh đưa Pao đi hết bìa rừng mới quay lại.

Đêm thứ hai, Pao lại tìm Chinh ở hang đá ngoài bìa rừng. Anh rót rượu, đặt cạnh đồng lửa:

– Mà biết không, cả huyện không muốn giết mà. Muốn mà trở về.

Chinh gần:

– Về rồi sóng sao? Tụi kia sẵn tao.

– Tao đứng ra, – Pao quả quyết – Có giấy của tỉnh, của huyện. Không ai dám đụng mày – Nói xong Pao đưa thư của huyện cho Vả Chinh.

– Tao mất gì? – Chinh hỏi.

– Mày chẳng mất gì, mà mày còn được vợ, được con, được gia đình. Được bản gọi là người, họ thương, họ quý.

Ánh lửa hắt vào gương mặt Chinh, mắt hấn long lanh. Hấn thì thào:

– Tao mệt rồi, Pao ạ.

- Mệt thì về thôi! Về nhà có vợ con, có dân bản.

Dưới ánh lửa lập lòe, bóng cây rừng chao nghiêng như những bóng người lặng lẽ theo dõi. Gió từ khe núi tràn về mang theo hơi ẩm của sương khuya, mùi lá mục ngai ngái, tiếng côn trùng rền rĩ như một khúc nhạc buồn. Xa xa, tiếng cú lợn rúc lên từng hồi như xoáy vào thình lặng. Đêm miền biên viễn hun hút, cả bầu trời chỉ có vài vì sao nhấp nháy sau làn mây mỏng. Lý Vả Chinh ngồi đó, lưng dựa vách đá lạnh, hai bàn tay kẹp chặt đầu gối, mắt lạc về phía tối đen hun hút của rừng già. Nhiều năm lang bạt, hấn cũng chỉ thấy đêm nào cũng giống nhau: lạnh lẽo, cô độc và đầy rình rập. Cái mệt hấn thốt ra không chỉ của đôi chân mòn trên lối mòn trơn chạy, mà còn là cái mệt của một đời người bị đẩy ra bên lề, sống giữa núi rừng nhưng lòng trống rỗng như khe đá mùa đông. Trong tiếng gió thổi, hấn thoáng nghe tiếng trẻ khóc trong ký ức, tiếng người vợ gọi tên mình khi mùa gặt đến. Tất cả như một sợi khói mỏng, tan vào bầu trời u uất đêm biên giới.

Một ngày cuối năm 1964, sương mù Mường Lống dày đặc. Trên lối mòn, Vừ Y Lầu bế con lên, áo ướt sương. Chinh bước ra. Họ nhìn nhau rất lâu.

– Anh về thôi, – Lầu nói khẽ.

Chinh buông súng, ôm con. Tiếng khóc dội giữa núi.

Chiều cùng ngày, Vừ Chông Pao và Vừ Giông Xanh đưa Lý Vả Chinh và 58 người theo hấn trở về huyện, nộp toàn bộ vũ khí, lương thực. Dân bản đón như hội.

Bí thư Vi Chiến Thắng vỗ vai Pao:

– Giỏi, cậu giỏi lắm. Không một giọt máu đỏ.

Pao nhìn lên trời, mây xám vẫn giăng, nhưng một vệt nắng lạ đã lọt qua đỉnh núi.

Tối đó, trong nhà, Y Lầu hỏi chồng:

– Anh còn nghĩ tới rừng không?

Chinh lắc đầu:

– Rừng chỉ có súng. Nhà có người.

Pao nghe câu ấy, lòng nhẹ như sương tan.

Kể từ khi Lý Vả Chinh đưa 58 thuộc hạ của hắn đem theo vũ khí ra nộp cho chính quyền. “Châu phà” Già Xia Súa bị cô lập, không còn ai tin, ai theo, không có người tiếp tế lương thực thực phẩm, không còn chỗ dựa đã bỏ trốn sang Lào. Cướp thời cơ, bộ đội chủ lực, công an vũ trang và dân quân du kích Kỳ Sơn đã mở cuộc tấn công truy quét bọn phi.

5. Mùa mưa vừa dứt, rừng Kỳ Sơn rũ bớt màu xám tro. Những vạt cỏ non lấp ló trên sườn đồi, dòng Năm Mộ trong veo như vừa được gội rửa. Sau bao nhiêu năm rình rập, “Châu phà” Già Xia Súa cùng đám phi cuối cùng cũng bị xóa sổ. Đêm tin thắng trận về đến khắp các bản làng Kỳ Sơn, dân bản đốt lửa quanh sân nhà văn hóa, khèn Mông hòa với tiếng trống Thái, trẻ con chạy vòng vòng như chim chào mùa mới. Vừ Chông Pao đứng lặng bên gốc pơ pu già, áo còn vương mùi thuốc súng, bàn tay chai sần nắm chặt cuộn sổ đã ướt mưa. Lửa hội vẫn cháy rực giữa sân. Anh ngược nhìn vòm núi mờ sương, thở dài khẽ nói: *“Từ nay, dân mình mới thực sự có thể gieo hạt mà không sợ tiếng súng đêm.”*

Khi lửa đã tàn, anh ra mé nương, ngồi dựa lưng vào bờ cỏ, nhìn về phía các mái nhà lấp lánh ánh trăng. Lần đầu tiên sau bao năm, núi rừng im tiếng súng, con suối không còn chờ về tiếng khóc đêm. Anh rút trong túi áo tấm ảnh vợ con đã nhòe góc, khẽ vuốt: *Bình yên giản dị thế này, sao đồng bào mình không được hưởng sớm hơn? Đất này nếu biết cày, biết giữ, đâu chỉ ngô với lúa... còn cả nụ cười, cả tiếng khèn không lẫn mùi thuốc súng.*

Ý nghĩ ấy lặng lẽ theo anh suốt đêm. Đến sáng hôm sau, sương núi còn giăng mờ dọc khe Năm Căn, Pao khoác gùi, siết lại dây súng, cùng anh em cán bộ huyện bước xuống con đường đất, nơi tiếng bò kéo cày đã vang lên như khúc dạo đầu của một mùa mới.

Lần này về xã không phải đi truy quét phi nữa, mà đi cắm bản, đi hướng dẫn bà con làm ăn. Các anh mang trong tim mình nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ III, nhiệm kỳ 1964 -1967: Tập trung củng cố hợp tác xã, mỗi bản là một hợp tác xã, nơi nào chưa có điều kiện thì duy trì tập đoàn sản xuất theo tổ, nhóm.

Con đường dọc khe Huồi Lăn giờ vắng tiếng bước quân, thay vào đó là tiếng bò kéo cày rúc rích. Người Thái, Tày Khăng học cách ngâm ủ giống “hai sôi ba lạnh”, tay lấm bùn nhưng miệng cười giòn như ngô rang. Người Mông, Khơ Mú bỏ dần thói quen tuốt lúa bằng tay, biết cầm liềm gặt, biết dùng chiếc cày 51 thay cho cái cày Lào cũ kỹ năm xưa. Trên các nương cao, khói bếp tỏa sớm hơn, những giàn ngô chất đầy bắp phơi vàng cả mái.

Có lần Pao cùng già Bún Phênh ở Có Mi ngồi bên nương nước mới đắp, nhìn dòng nước chảy róc rách xuống ruộng bậc thang. Già nói, giọng khàn vì thuốc:

- Ngày trước cứ sấn rừng, hết sấn thì đói. Nay có nước, có giống tốt, bà con không còn phải ăn củ mài qua mùa nữa.

Pao gật đầu, mắt nhìn về phía chân núi, nơi lũ trẻ đang chơi quanh đồng rom mới gặt:

- Ruộng này, mồ hôi bà con mà có. Ta chỉ góp một tay. Núi này nuôi được người nếu mình chịu làm.

Mỗi bản một chuyện, mỗi nhà một lo toan. Có nơi còn giữ tập tục cũ, không dám đổi lối cày, lối gặt. Pao lại kiên nhẫn đi từng ngõ, ngồi bên bếp lửa, giọng chậm rãi như nước suối:

- Ngày xưa chúng ta cày theo cha ông vì chỉ có thế. Giờ đất nhiều, người đông, mình không thay thì đói mãi. Cày 51 nặng hơn, nhưng sâu hơn. Lúa ăn sâu đất, bấp mọc chắc hạt. Ai làm trước, năm tới cho cả bản xem.

Tiếng cười lại vang lên, đôi chỗ có người gật gù. Rồi một mùa qua, thấy nhà nọ ngô đầy gác, lúa đầy sân, bản bên cũng theo. Đến cuối năm, kho thóc huyện phải dựng thêm vựa.

Đêm đông, gió núi hun hút, Pao ngồi ghi chép dưới ánh đèn dầu: *“Hôm nay bản Xốp Tự biết ngâm giống. Bản Nậm Kèo có ba gia đình gặt bằng liềm, năng suất hơn hẳn. Người Thái, người Khơ Mú đã thôi đốt nương liềm tay. Ngô lúa đầy nhà, dân phấn khởi.”* Ngoài kia, trăng non gác ngang dãy Pu Xai, ánh sáng bạc tràn qua hiên, hắt lên khuôn mặt rám nắng của anh.

Những ngày ấy, Pao không chỉ là người chỉ huy, mà như một người anh cả. Sáng sớm đi với đội khuyến nông, trưa xuống khe đo nước, chiều ghé lớp bình dân học vụ. Đêm lại bàn cùng dân quân chuyện giữ rừng, giữ suối. Ai cũng biết, núi rừng yên rồi, nhưng Vàng Pao bên kia biên giới vẫn rình rập. Chính vì vậy, Pao càng hối thúc: *“Ruộng nhiều, kho thóc đầy, mới có sức mà giữ đất.”*

Trong những bữa rượu cần đầu mùa, tiếng khèn tiếng trống hòa tiếng cười, nhiều người vỗ vai Pao: *“Không có anh, bản này chưa chắc đã còn người ở lại.”*

Pao chỉ cười, mắt lim dim như say khói bếp: *“Không có dân, tôi cũng chẳng làm được chi. Đường này, bản này, là của nhau.”*

Từ ngày ấy, khắp huyện Kỳ Sơn đã rộ lên một mùa làm mới: nương xanh hơn, kho thóc đầy hơn, chợ phiên nhiều tiếng cười hơn. Núi vẫn cao, suối vẫn sâu, nhưng lòng người đã ấm. Một năm sau Đại hội, Bí thư Huyện ủy báo tin vui: Cả huyện có 38 hợp tác xã, 100 tổ tập đoàn sản xuất từ thấp đến cao, lương thực đạt hơn 18.000 tấn, chăn nuôi đạt gần 1000 con trâu, 3000 con bò và hơn 10.000 con lợn chưa tính gà, vịt... Cả hội trường vỗ tay rào rào, tiếng trống, tiếng chiêng vang lên như gọi mùa. Những tấm khăn piêu rực rỡ tung bay theo nhịp xòe, trai gái, già trẻ ai cũng thấy mình góp một bàn tay vào con số ấy. Không khí rộn ràng như ngày hội bản, như lửa xuân lan dọc sườn núi.

*

* *

Đầu năm 1965, khi đế quốc Mỹ ồ ạt tiến hành “Chiến tranh cục bộ”, leo thang đánh phá miền Bắc, cả nước dấy lên khí thế mới: *Chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân.* Trên vùng rẻo cao Kỳ Sơn, biên giới ngày càng phức tạp.

Những đường mòn xuyên rừng không chỉ dẫn gió Lào thổi hun hút qua khe núi, mà còn len lỏi bao âm mưu đen tối. Các thế lực thù địch ngấm ngầm cài cắm tay chân, tiếp tay cho bọn phản động liên tục gây rối dọc dải biên viễn.

Tỉnh ủy lập tức thành lập Ban Miền Tây, đặt trụ sở ngay tại huyện Kỳ Sơn – mảnh đất được xem là “phên dậu” của Nghệ An. Nhiệm vụ được chỉ rõ: *Lấy sản xuất làm trọng tâm, đồng thời chủ động đối phó mọi âm mưu chống phá của địch*. Khắp các bản làng, tiếng kèn, tiếng trống hội họp vang dậy núi rừng. Huyện Kỳ Sơn phát động phong trào thi đua “Ba Thắng” và “Phát cao cờ 5 nhất trên đất Kỳ Sơn”, như một lời hiệu triệu son sắt: vừa sản xuất giỏi, vừa giữ vững biên cương, vừa sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu mới.

Sương núi dày như tấm chăn bạc phủ xuống dãy Pu Xai. Mùa đông Kỳ Sơn năm 1965, những đám mây lững lờ vắt qua đỉnh núi, con suối Nậm Giàng vỗ bờ đá lạnh buốt bàn chân người gùi. Bên kia, Xiêng Khoảng vọng về những tiếng rêu rao mới: Vàng Pao lại dựng cờ, hô hoán “Vương quốc Mông tự trị”. Tin theo gió lọt qua từng khe cửa nứa, đến tận bếp lửa của người Mông, người Khơ Mú, người Tày Khăng. Có kẻ ngả nghiêng, có kẻ lo lắng, có kẻ bòn chôn nửa đêm không ngủ.

Từ Na Ngoi, Phá Đánh đến Tà Ca, Na Loi – những bản vùng biên tưởng đã yên tiếng súng – bỗng lại ngọt ngọt. Có bản sáng còn treo cờ đỏ, đêm đã thấy mắt; có con trâu vừa kéo cày hợp tác xã, hôm sau bị chém què gân. Lời đồn từ bên kia biên giới thả vào từng bát rượu ngô: nào là sang Xiêng Khoảng sẽ được chia đất, nào là Mỹ cho gạo, cho thuốc, cho cả vải thổ cẩm mặc quanh năm. Người tin, người ngờ; nhà nghe theo, nhà sợ hãi; bạn bè bỗng trở mặt vì một túi muối, một hện thóc giống.

Trong các chợ phiên, ánh mắt người Thái, người Mông, Khơ Mú nhìn nhau dường như có vệt khói mờ. Có người lảng lạng gùi thóc về nhà, đóng cửa im im; có người lén gửi con trai qua bên kia học bắn súng, rồi trở về giả làm khách. Đêm vùng biên, chó sủa không dứt, tiếng gió qua khe đá nghe như dao cứa. Đất Kỳ Sơn vừa mới se sợi dây đoàn kết, giờ lại bị bàn tay kẻ xấu gỡ dần từng nút.

Một đêm đầu tháng Giêng, bếp lửa nhà già Xia Chư ở Na Loi cháy leo lét. Vừ Chông Pao chống tay lên đầu gối, ngồi ghé bên than đỏ, nghe tiếng củi nổ lách tách. Già Chư khẽ cời than cho lửa thêm đỏ, giọng chậm như gió qua mái nhà:

- Pao à, bên kia người ta hứa nhiều lắm. Nói sang đó có đất, có súng, không phải đóng thuế. Con cháu ta đỡ đói rét.

Pao rít một hơi thuốc, khói cay xộc lên mắt. Anh không vội trả lời, ngược nhìn dàn ngô treo gác bếp, từng trái khô sậm màu khói:

- Già ơi, ngô bên ấy không phải mình trồng. Súng bên ấy không phải để giữ lúa, mà để bắt con mình, bắn người mình. Một mai bom Mỹ trút xuống, mình chạy về đâu? Mồ mả ông bà ai giữ?

Già Chư lặng thinh, tay gãi đầu, tiếng gió xé qua khe vách như lời thì thầm của núi.

Từ sau mùa Xuân ấy (1966), Kỳ Sơn bước vào những năm tháng chông chênh. Tiếng súng dọc vùng biên khi thưa, khi dồn dập như mưa đá giữa mùa khô. Phỉ bên kia không lúc nào thôi nhăm nhe: đêm luồn rừng rải truyền đơn, ngày nấp núi rình cắt đường muối, phá kho lương. Máy bay Mỹ nhiều lần quần thảo dọc Nậm Mộ, Nậm Non, đánh sập cầu, phá bãi lúa vụ chiêm, bom napal bèn lửa vào nương ngô cháy đỏ cả triền đồi. Dân bản vừa làm vừa lo, lưng áo còn ướt mồ hôi đã nghe tin bản bị đốt, trâu bò bị dắt sang bên kia, người Na Ngoi, Huồi Tụ, Na Loi... bỏ bản chạy vào rừng.

Ấy vậy mà, giữa khói lửa, vai trò người cán bộ càng sáng lên như đuốc soi đường. Bí thư Vi Chiến Thắng nhiều lần vượt núi xuống bản, đứng ngay bên bãi nương cháy sém vì bom, giọng ông chắc như gió thổi qua đỉnh Pu Xai:

– Bom Mỹ có thể đốt lúa, phỉ có thể phá chuồng trâu, nhưng chúng không bao giờ đốt được ý chí của dân Kỳ Sơn ta. Còn người, còn đất, thì bản mường còn mùa gieo hạt.

Áo ông còn sạm khói, mồ hôi lấm tấm mà tiếng nói vẫn như rót lửa vào tim người. Cán bộ đi cùng nhìn nhau, trong ánh mắt không còn sự chao đảo, chỉ còn một niềm tin chắc nịch: càng gian nguy, càng phải bám dân, để dân tin, dân theo.

Giữa năm 1967, Đại hội Đảng bộ huyện Kỳ Sơn lần thứ IV diễn ra trong khói lửa chiến tranh, nhưng không khí vẫn nghiêm trang, rục lên một quyết tâm son sắt. Đại hội bầu đồng chí Ché Đình Hồng làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Vi Chiến Thắng giữ chức Chủ tịch huyện. Lúc này, Kỳ Sơn vừa gồng mình chống sự phá hoại của thế lực thù địch, vừa gấp rút đẩy mạnh sản xuất, dựng lại cầu đường, mở lớp học mới trên bản, chăm lo để trẻ con biết chữ. Giữa núi rừng, tiếng búa dựng nhà vang xen tiếng ê a học vắn, tiếng trâu kéo cày, báo hiệu sức sống mới đang bùng lên nơi biên viễn.

Cuối năm 1968, tại hội trường lợp tranh ở trung tâm xã Na Loi, cán bộ xã, bản từ Nậm Cẩn, Huồi Tụ, Phá Đánh gửi cơm nắm, khoác chăn chiên vượt suối, băng núi về dự hội nghị tổng kết. Gian nhà ám khói bếp sưởi, ngoài kia gió vùn vù quất ràn rạt vào vách nứa. Cán bộ xã, bản lần lượt báo cáo: bản này giữ được mùa lúa, bản kia khôi phục được chuồng trâu, bản khác vẫn còn nỗi lo kẻ xấu gieo rắc tin đồn. Không khí hội nghị vừa phấn khởi vừa trĩu nặng.

Ngồi lắng nghe, Bí thư Ché Đình Hồng gật đầu, ánh mắt chậm rãi quét khắp gian nhà. Khi mọi người dứt lời, ông đứng lên, giọng trầm nhưng rắn rỏi, vang vọng dưới mái tranh:

– Các đồng chí ạ, thắng giặc ngoài chưa đủ, ta còn phải thắng cả đói nghèo, thắng cả sợ hãi trong lòng người. Ba thắng ấy mới thật sự giữ được Kỳ Sơn.

Cả hội trường vang lên tiếng hô “Quyết thắng! Quyết thắng!” làm rung vách nứa nhà sàn.

Ông ngừng một lát, rồi tiếp lời, chậm rãi mà dứt khoát:

– Vì vậy, sang năm 1969, khi giặc ngoài chưa lui, bên trong chúng ta phải tiếp tục dựng vành đai đoàn kết, dựng lại phiên chợ vùng biên, tiếp tục mở trường, mở lớp. Giờ là lúc chúng ta “giương cao ngọn cờ 5 nhất”, toàn huyện bước vào chiến dịch mới: “Tìm đất, tìm nước”. Có đất mới có nương, có nước mới có mùa, dân bản no thì Kỳ Sơn mạnh, và Kỳ Sơn mạnh thì biên cương mới vững.

Tiếng bàn tay vỗ vào nhau chan chát, tiếng hô “Quyết tâm!” lại nổi dậy, hòa lẫn với tiếng dòng Nậm Non cuộn cuộn bên ngoài, như khẳng định ý chí của cả vùng biên cương.

Lời ông bí thư như đóm lửa thổi bùng thêm quyết tâm. Nhiều cán bộ nhìn nhau, mắt ánh lên niềm tin: không chỉ cầm cuốc, cầm gậy giữ đất, mà còn phải gieo niềm tin để dân bám ruộng, bám rẫy, để con trẻ cắp sách tới lớp.

Không khí lắng lại một thoáng. Bí thư Hồng ngồi xuống. Vừ Chông Pao chống hai tay lên gối, đứng dậy giữa gian nhà đông nghịt người. Vành khăn quàng đã sờn theo bao chuyến xuống bản, giọng anh âm áp mà kiên quyết:

– Lời Bí thư Hồng nói như ngọn lửa cho chúng ta thêm sáng. Nhưng muốn thắng được đói nghèo, thắng được sợ hãi, thì mỗi cán bộ, mỗi bản làng phải tự thắp lửa trong lòng mình trước. Người Mông, người Khơ Mú, người Thái ta từ bao đời quen chịu gió Lào, chịu rét núi, nay cũng phải quen chịu gian khó để dựng lại nương, khai thêm ruộng, đắp thêm phai, dựng lại trường. Cán bộ chúng ta đi trước, làm trước, dân bản sẽ tin theo.

Một tràng vỗ tay bật lên, xen tiếng hô “hay lắm” dồn dập của các đại biểu. Pao ngồi xuống, mắt ánh lên sự quả quyết. Anh hiểu, con đường trước mặt còn lắm thử thách, nhưng chính từ những cuộc họp thế này, sức mạnh đoàn kết đã kết lại thành dây chèo – bền chắc như sợi mây rừng.

Một ngày, Chủ tịch Vi Chiến Thắng ngồi bên bàn giấy, xếp những tài liệu chuẩn bị gửi sang Huyện ủy để chuẩn bị viết văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V. Bút nghiên, sổ sách, bản báo cáo rải ra như một bức tranh công việc thường nhật của ông. Tin vui từ các xã dồn dập báo về khiến ông dừng bút: giống lúa mới Tẻ Mèo thí điểm ở Na Lượng, Huồi Toóng đạt năng suất vượt trội; lúa Hà Nam Ninh trồng ở ruộng Chà Lăn, Noọng Đe cũng tỏ rõ sức sống mạnh mẽ; giống Chiêm Trắng nhập từ Thanh Hóa về thử nghiệm ở Na Ngua cho kết quả khả quan. Cả huyện nay có tới hai tám hợp tác xã, còn hệ thống nương phai trải khắp Na Loi, Mường Típ, Mường Ải, Na Lượng, Hữu Kiệm, Hữu Lập, Tà Cạ... vẫn duy trì nguồn nước dồi dào cho đồng ruộng. Chủ tịch Thắng khẽ mỉm cười, mắt ánh lên niềm tin và hi vọng: “Kết quả này sẽ tạo đà cho giai đoạn mới 1969–1971 nhiều bước tiến vững chắc...”

Một ngày đầu mùa mưa năm 1969, nước suối Kỳ Sơn dâng đến gối, đường trơn như mỡ, nhưng cán bộ các xã vẫn lội bộ đến dự Đại hội Đảng bộ huyện Kỳ Sơn lần thứ V, nhiệm kỳ 1969–1971. Tại Đại hội, đồng chí Chế Đình Hồng tiếp tục được tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư Huyện ủy, còn Chủ tịch Vi Chiến Thắng được điều về công tác tại tỉnh, đảm nhiệm những trọng trách mới, để lại niềm tin và kỳ vọng cho cán bộ huyện. Riêng Vừ Chông Pao, với những năm tháng công tác miệt mài ở cơ

sở, được các đồng chí lãnh đạo và đại biểu đánh giá cao, bầu giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch UBND huyện – một vị trí thể hiện rõ sự trưởng thành và uy tín của anh trong cán bộ huyện miền núi.

Đêm ấy, mưa xối xả trên mái lá, tiếng lộp bộp hòa vào nhịp thở rừng núi. Một đồng chí trẻ mang bầu rượu ngô đặt trước mặt Vừ Chông Pao, ánh mắt chứa đầy tin tưởng và kỳ vọng. Ông lặng nhìn, trong lòng vừa trầm tư vừa cảm nhận rõ trọng trách lớn trước mắt – niềm tin của đồng chí và của dân bản giờ đây đặt lên vai ông. Ông khẽ nhắc bầu rượu, nhìn ra rừng núi mờ trong mưa, ánh mắt kiên quyết và tràn đầy hi vọng. Từ những bản làng xa xôi đến những nương rẫy bạt ngàn, sức mạnh đoàn kết giờ đây được gửi gắm nơi ông, để ông dẫn dắt huyện Kỳ Sơn bước vào giai đoạn mới, vững vàng, đầy triển vọng. Giọng anh cán bộ trẻ cắt ngang dòng suy tư của ông:

- Từ giờ, huyện trông cả vào bác đấy.

Pao nhấp ngụm nhỏ, mùi rượu cay nồng nơi cuống họng:

- Trông vào một người thì núi cũng đổ. Phải trông vào dân, vào Đảng. Cán bộ chỉ là người thổi lửa thôi.

Ông đặt bầu rượu xuống, nhìn thẳng vào mắt đồng chí bên cạnh: “Mưa gió, suối sâu, rừng già... tất cả chỉ thử sức bền của chúng ta thôi. Người dân hiểu, cán bộ hiểu, thì đoàn kết sẽ giữ được mọi bản làng.” Rồi ông nhún vai: “Điều quan trọng nhất không phải là mệnh lệnh từ trên xuống, mà là niềm tin và sức chịu đựng nơi từng người. Chúng ta cùng thổi lửa, chứ không ai có thể ôm cả ngọn lửa vào mình.”

Ánh mắt ông quét qua căn nhà lá, qua bóng mưa ngoài khe núi, cảm giác trách nhiệm nặng trĩu nhưng cũng tràn đầy quyết tâm: “Huyện Kỳ Sơn sẽ đi lên, nhưng phải đi bằng sức dân, bằng trí tuệ Đảng, chứ không chỉ bằng bàn tay một người.” Anh cán bộ trẻ bên cạnh lặng nhìn ông, với sự khâm phục sâu sắc. Ông không học rộng, nhưng kinh nghiệm, sự quyết đoán và cách đối xử công bằng với dân đã khiến mọi người tin tưởng. Ông hiểu rõ bản làng, hiểu rõ cán bộ và người dân, biết lắng nghe và đưa ra quyết định đúng lúc. Nhìn vị chủ tịch mới, anh cán bộ trẻ hiểu rằng để huyện Kỳ Sơn thực sự tiến lên, không chỉ cần kiến thức hay mệnh lệnh từ trên xuống, mà phải có quyết tâm, sự hiểu biết thực tế và khả năng đưa ra quyết định đúng lúc – những phẩm chất mà ông đang thể hiện.

Ngày nối ngày, dấu chân Vừ Chông Pao in khắp các bản. Chính sách định canh định cư được triển khai: cái nương cheo leo trên núi cao dần bỏ, bà con xuống gần suối, dựng nhà liền mái, ruộng bậc thang nối từ lưng đồi xuống chân núi. Hợp tác xã mọc lên, cái sở công ghi từng buổi cày, từng ngày gặt. “Làm bao nhiêu, ghi bấy nhiêu, cuối vụ chia đều, không ai thiệt,” cán bộ giảng đi giảng lại đến khản cổ. Người Tày Khăng biết ngâm giống hai sôi ba lạnh, người Mông cầm liềm hái lúa, người Khơ Mú bỏ chiếc cày Lào cũ kỹ, dùng chiếc cày 51 vạch đất thẳng hàng như kẻ chỉ. Đêm hội gặt, trâu bò gác ngoài bìa bản, khèn Mông rúc rích bên ánh lửa, gái trai hát ví “ai làm nhiều tay rần, ai làm ít tay mềm”.

Tại hội nghị tổng kết sản xuất cuối năm 1969, Chủ tịch huyện Vũ Công Pao, báo tin vui: Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục đồng bào các dân tộc thực hiện chủ trương của Đảng, năm nay chúng ta giành thắng lợi lớn trên các mặt trận. Đặc biệt huyện ta huy động được 2 tấn gạo, 6 tạ thịt và 12 ngàn đồng bạc trắng hoa xòe cho mặt trận thượng Lào. Tỉnh ủy đã gửi thư khen ngợi chúng ta.

Khi chủ tịch Pao dứt lời, cả gian phòng vốn im phăng phắc bỗng vang dội tiếng vỗ tay, tiếng hò reo rộn rã như vỡ bờ. Nét mặt ai nấy rạng rỡ, những khuôn mặt sạm đen vì sương gió nở bừng như hoa đại trên nương. Không khí hội nghị dâng lên như bếp lửa hồng giữa mùa đông lạnh. Những ánh mắt trao nhau niềm tin, những cái bắt tay siết chặt, ai cũng thấy công sức của mình đã góp nên thành quả chung. Có người thì thầm: “Hai tấn gạo, sáu tạ thịt, mười hai ngàn bạc trắng hoa xòe... ấy là mồ hôi nước mắt của đồng bào, là từng lon gạo góp từ bát cơm chưa đầy, từng miếng thịt dành ra từ đàn lợn cỏ nuôi qua ba mùa sương.”

Chủ tịch Pao nhìn mọi người, mắt ánh lên niềm tin. Ông biết phía sau những tiếng vỗ tay kia, vẫn còn đó những bữa cơm độn sắn, nồi cháo loãng, nhưng đồng bào đã hiểu: góp gạo, góp thịt hôm nay là giữ lấy bản làng, giữ lấy mùa lúa ngày mai. Hội trường vẫn rộn rã tiếng cười, nhưng đâu đó, trong ánh nhìn của những người già, còn ẩn cả niềm lo lắng: giặc giã phía bên kia biên giới vẫn chưa yên, đường vận lương còn lắm gian nan, mùa tới lại phải cày cuốc nhiều hơn nữa.

*

* *

Được Mỹ hỗ trợ, Vàng Pao thường xuyên cho các toán biệt kích thâm nhập vào các địa bàn Na Ngoi, Phá Đánh, Tà Cạ, Na Loi để phá hoại cơ sở, gây hoang mang trong cộng đồng dân tộc Mông. Chúng không đánh lớn, nhưng phá nhỏ: đốt kho, rải truyền đơn, gieo sạ hãi như rắc hạt cỏ gianh.

Trước tình đó, Chủ tịch Pao cùng với Ban chỉ huy Tiểu khu 50 tập hợp lực lượng công an vũ trang và dân quân du kích, vừa xây dựng trận địa, vừa bao vây, phong tỏa các địa bàn bọn phi xâm nhập để tấn công tiêu diệt. Trận Phá Đánh tháng 5 năm 1970 là một vệt son đỏ trong trí nhớ. Sáng sớm, trực thăng địch vè vè như ong, nhả 23 tên biệt kích nhảy dù thám báo. Chúng định tìm cơ quan đầu não của ta, chỉ điểm cho bom ném xuống. Chủ tịch Pao đích thân ra trận. Ông đứng trên gò đất, mắt rà khắp địa hình, lắng nghe tiếng lá xào xạc và tiếng chim rừng báo động. Nhiều năm tham gia các trận đánh chống phi ở Mường Ải đã rèn luyện cho ông trí nhạy bén và kinh nghiệm trận mạc, biết rõ cách đánh lừa địch, chọn vị trí thuận lợi, bố trí lực lượng sao cho vừa uy hiếp vừa bảo vệ dân bản. Pao ra hiệu cho từng nhóm dân quân và công an vũ trang bố trí vị trí, giữ khoảng cách an toàn, sẵn sàng bọc lót nhau. Ông nhắc nhở từng chiến sĩ cẩn trọng, quan sát kỹ, phối hợp linh hoạt để tiêu diệt địch mà không gây tổn hại cho dân bản. Khi mọi thứ đã sẵn sàng, ông tập trung ánh mắt, hít một hơi dài, chuẩn bị phát lệnh. Ông ra hiệu im lặng, ngón tay chỉ hướng, súng đã giương. Khi tiếng lệnh vang khẽ, lửa từ bụi rậm bùng lên, khói và mưa rừng hòa vào nhau, làm cả không gian rung chuyển.

Trận đánh chớp nhoáng, mưa rừng ủa xuống, lá rừng rách bươm. Đến chiều, khói tan, 4 tên phi nằm lại, 19 tên bị trói tay dẫn giải. Súng thu về 17 khẩu AK, 4 cối 60, lựu đạn, mìn, súng ngắn, bộ đàm la liệt trên đất ướt. Dân bản nghe tin, gùi com lam, cá suối nướng mang ra, cả bản nhộn nhịp như chợ tết. Trưởng bản Già Múa Tủa bắt tay chủ tịch Pao, tay run run mà giọng vững:

- *Cán bộ không sợ bom, dân không sợ lạnh. Núi này còn, bản này còn.*

Chủ tịch Pao cười, khói bếp lòa mắt:

- *Đánh phi nhiều, quen rồi. Vì dân, vì bản chết có hà chi. Còn lúa, còn người, phi có đến trăm lần cũng phải về thôi.*

Sau chiến trận, lại mùa nương rẫy. Thanh niên nối nhau lên đường nhập ngũ. Mỗi đêm trăng, bên nước sáng như dát bạc, bóng trai gái tiễn nhau, khèn gọi bạn hòa tiếng mõ trâu. Những người ở lại gùi gạo, người đi dân công hỏa tuyến nối dài trên những nẻo đường biên giới, sang giải phóng thượng Lào. Vừ Chông Pao trở về phòng làm việc, dưới ánh đèn dầu leo lét, lật từng tờ danh sách: bản nào thiếu người, đội nào còn lúng cùn, ai chưa được động viên.

Có đêm khuya, trăng non mỏng như lưỡi liềm, Vừ Chông Pao ra bờ suối. Nước trong vắt chảy qua hòn đá mòn, tiếng róc rách như khèn gọi bạn mùa cũ. Ông nhặt viên sỏi, ném xuống, nghe tiếng “tôm” lan xa. *Giữ được đất rồi, giữ được người rồi. Nhưng còn giữ đến bao giờ? Bom đạn còn dài, lúa mùa có kịp chín không?* Nghĩ vậy, anh quay gót, bước qua làn sương, nơi xa xa đã đỏ bếp lửa nhà ai.

*

* *

Chiều xuống trên Mường Xén, sương núi bảng lảng phủ dọc sông Nậm Mộ. Vừ Chông Pao ngồi một mình trong căn phòng nhỏ của trụ sở huyện, bên chiếc bàn gỗ lim đã lên nước theo năm tháng. Trước mặt anh là cuốn album cũ, gáy sòn, giấy đã ố vàng mùi thời gian. Làn gió từng tấm ảnh, ký ức như dòng sông ngược chảy. Kia là bức chụp ngày anh còn khoác áo chàm, lưng còng gùi, chân bước trên lối mòn Na Ngoi – Phá Đánh, chống “châu phà” trong những ngày đầu đầy hiểm nguy. Kia là bức ảnh anh đứng bên đồng đội trong đêm đốt lửa ở rừng Phu Lau, lời thề khắc vào lòng bàn tay còn nóng hôi. Lại có bức chụp ở Hà Nội, nơi ông được gặp Bác, bắt tay lãnh đạo Trung ương, ánh mắt kiên định, vai gầy nhưng vững như cây sa mu đầu núi.

Trên kệ, một góc còn bày chiếc khăn thêu bạc màu – quà tặng của Y Dênh ngày ông còn ở Na Ngoi chỉ huy đội du kích đánh phi; bên cạnh là con dao quắm cùn, từng chém cây làm lán, từng kề bên nồi cháo sắn thời chống phi. Mỗi kỷ vật là một lát cắt của đời người, một chứng tích cho những năm tháng không chỉ chiến đấu với giặc, mà còn chống đói, chống rét, chống cả sự trì trệ của cái nghèo cái đói để dựng xây một huyện miền núi từ bùn đất đứng dậy.

Vừ Chông Pao nhắm mắt, lắng nghe tiếng gió rít ngoài khe cửa, tiếng mõ trâu từ cánh đồng xa vọng lại. Ông thấy rõ những khuôn mặt đã cùng ông đi qua tháng

ngày dữ dội: từ cán bộ xã bản sớm khuya băng rừng, đến bà mẹ gùi thóc, ông già gánh sắn, những đứa trẻ từng ngồi trên lưng mẹ nghe cán bộ giảng chữ, nay đã thành chiến sĩ, kỹ sư, giáo viên. Họ là sợi dây nối dài quá khứ với hiện tại, là niềm tin cho tương lai.

Vừ Chông Pao khẽ khép cuốn album, bàn tay chai sần vuốt nhẹ bìa cũ, như khép lại một chương đời. Ngoài kia, đèn hội trường vừa tắt, nhưng trong lòng anh, một ngọn đèn khác sáng lên: ánh sáng của đoàn kết, của khát vọng bền bỉ mà đồng bào Kỳ Sơn đang gây dựng. Ông tin, từ những bát cơm sẽ chia hôm nay, ngày mai sẽ nở ra mùa lúa mới; từ những bàn tay biết nắm chặt nhau, con đường phát triển sẽ mở ra, vững như đá núi, xanh như rừng Pơ mu, hiền như dòng Nậm Mộ chảy qua ngàn bản mường. Ông mở cuốn sổ cũ, ghi mấy dòng: *“Phong trào thi đua giương cao ngọn cờ 5 nhất giành thắng lợi. Ruộng lá, vườn rau rộng thêm, trâu bò, lợn gà nhiều thêm, mường phai được làm mới nhiều hơn, dân cơ bản no bụng. Vui nhất là xóa được nạn mù chữ. Được tặng thưởng Huân chương lao động hạng Ba. Đáng khen nhất là các xã Mỹ Lý, Mường Lóng, Hữu Kiệt”*.

Viết xong, Vừ Chông Pao gấp cuốn sổ, đứng dậy, khoác lại tấm áo dạ bạc màu, bước ra hiên. Sương đã buông đầy thung lũng, nhưng phía chân trời, những vệt sáng cuối ngày còn vắt lại như dải thổ cẩm. Ông mỉm cười, trong nụ cười ấy có cả một niềm tin tưởng: ngày mai của Kỳ Sơn, ngày mai của những bản làng biên viễn, sẽ khác.

Phần Ba:
MỞ ĐƯỜNG

Chương 14:

1- Những năm thập niên 70 (thế kỷ XX), Kỳ Sơn bước vào một chặng đường nhiều thử thách mới. Mùa đông năm ấy (1970) đến sớm, sương mù phủ kín dải Nậm Mộ, Nậm Non, những con suối biên cương dềnh lên đục ngầu sau những cơn mưa cuối mùa. Sau những năm kiên cường chống “châu phà”, huyện đã vẫn tiếng súng ở nhiều bản, song biên giới vẫn chưa yên. Bóng đen chiến tranh từ bên kia dãy Pu Xai còn hắt sang, theo từng đoàn phi len lỏi qua Na Ngoi, Phá Đánh, Tà Cạ, Mường Ải. Lúc ẩn, lúc hiện, chúng gieo tin đồn, rải truyền đơn, hăm dọa dân lành, móc nối những kẻ lười lao động, ham lợi trước mắt, toan dựng lại những ổ nhóm lẻ tẻ.

Cả vùng biên giới dường như giãn ra, căng mình giữa hai làn gió: một bên là nỗ lực xây dựng sản xuất, cứu đói, cứu rét; bên kia là âm mưu phá hoại, phá hoại cả lòng tin và bát cơm đồng bào. Những bản nằm sâu trong rừng như Huồi Tụ, Nhọt Nậm, Kèo Lặc, Mường Lóng... sáng có tiếng mõ trâu, tối lại nghe vắng tiếng kẻ lạ rao giảng. Có gia đình vừa sáng còn hứa góp gạo cho bộ đội, đêm đã lén dặt con trâu sang bên kia biên giới lánh nạn. Người đi rừng nghe tiếng súng lẻ, người ra chợ Mường Xén thấy vết chân lạ in trên bãi cát Nậm Mộ, lòng không khỏi bất an.

Thế nhưng trong gian khó ấy, Huyện ủy vẫn xác định: nông nghiệp là trọng tâm hàng đầu, thủy lợi là xương sống của nông nghiệp. Khẩu hiệu “Muôn no trông màu, muôn giàu trông được” được giăng khắp các xã. Những xã bám dọc đường 7, những địa bàn thuận nước như Đoạc Mạ, Na Loi, Nậm Cẩn... đẩy mạnh diện tích lúa nước, thâm canh tăng vụ, xen hoa màu với cây công nghiệp ngắn ngày: đậu, lạc, vừng. Các xã khó nước như Bảo Nam, Phá Đánh, Keng Đu, Mường Típ... tập trung canh tác nương rẫy, trồng bò đê, ý dĩ, đấng sâm, chăn thả cánh kiến đỏ. Riêng Mỹ Lý thì khuyến khích trồng ngô, sắn, khoai, chuối, cây dược liệu và nuôi trâu, bò, lợn. Nơi có rừng thì vừa bảo vệ, vừa khai thác lâm sản hợp lý.

Thời điểm này, đồng chí Vi Chiến Thắng trên cương vị Tỉnh ủy viên, đã trở lại trực tiếp công tác tại huyện Kỳ Sơn, đảm nhiệm vị trí đứng đầu Huyện ủy. Dù vừa trải qua những năm công tác ở tỉnh, Bí thư Vi Chiến Thắng nhanh chóng nắm bắt lại nhịp sống và công việc của huyện, từ những bản làng xa xôi đến các nương rẫy bạt ngàn. Ngoài những cuộc họp Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, ông thường xuyên trao đổi trực tiếp với Chủ tịch Pao về mọi mặt công tác, từ kế hoạch phát triển nông-lâm nghiệp, thủy lợi, xây dựng hợp tác xã đến công tác bảo vệ biên giới, an ninh trật tự. Những trao đổi ấy không chỉ là chỉ đạo công việc, mà còn là dịp để chủ tịch Pao trình bày khó khăn, đề xuất giải pháp, cùng bàn phương án cụ thể, sát thực tế từng xã, từng bản.

Mỗi lần ngồi trao đổi cùng nhau, Bí thư Vi Chiến Thắng luôn nhấn mạnh tinh thần phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ huyện, cán bộ xã và dân bản. Ông chỉ rõ: nông nghiệp là trọng tâm, nhưng phải dựa vào kinh nghiệm thực tế, phải lắng nghe tiếng nói của người dân, không áp đặt máy móc. Với những xã thuận nước như Đoạc Mạ,

Na Loi, Nậm Cắn, ông cùng Pao bàn cách mở rộng diện tích lúa nước, thâm canh tăng vụ, xen cây công nghiệp ngắn ngày; với những xã khó nước như Bảo Nam, Phá Đánh, Keng Đu, Mường Típ, ông định hướng cách quản lý nương rẫy, trồng cây dược liệu, chăn thả cánh kiến đỏ. Riêng Mỹ Lý, ông và chủ tịch Pao cùng trao đổi các mô hình trồng ngô, sắn, khoai, nuôi trâu bò, kết hợp khai thác rừng hợp lý nhưng bảo đảm an ninh biên giới.

Không chỉ trong phòng họp, nhiều quyết sách quan trọng được bàn thảo trong những lúc trò chuyện ngoài giờ. Trên hành lang văn phòng, hay khi đi khảo sát nương rẫy, Bí thư Vi Chiến Thắng trao đổi trực tiếp với chủ tịch Pao về cách bố trí cán bộ, tổ chức tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát dịch bệnh vật nuôi, hay chuẩn bị mùa vụ. Những phút giây bình dị ấy giúp hai người lãnh đạo gắn kết, tạo thành cặp đôi ăn ý, nơi Thắng đưa ra định hướng chiến lược, chủ tịch Pao hiện thực hóa bằng kinh nghiệm và uy tín với dân bản.

Qua sự chỉ đạo trực tiếp, Bí thư Vi Chiến Thắng không chỉ truyền đạt chỉ thị, mà còn củng cố sự tin tưởng lẫn nhau giữa Ban Thường vụ và Chủ tịch huyện. Những câu chuyện ngoài giờ, đôi khi chỉ là trao đổi về cách sắp xếp một con nương hay cải thiện kỹ thuật trồng lúa, lại trở thành nhịp cầu kết nối, giúp chủ tịch Pao vững vàng trong các quyết định khó khăn, từ quản lý nguồn nước đến bố trí lực lượng bảo vệ biên giới. Nhờ vậy, mọi chủ trương triển khai nhanh chóng, đúng thực tế, đồng thời giữ vững sự đoàn kết trong huyện, để Ban Thường vụ, cán bộ và dân bản cùng hướng về mục tiêu chung: phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng – an ninh, xây dựng Kỳ Sơn ổn định và vững mạnh.

Một buổi sáng, Bí thư Vi Chiến Thắng và chủ tịch Pao cùng cán bộ huyện đi khảo sát đồng ruộng tại Na Lượng. Từ ruộng lúa thẳng cánh, những nương nước được điều tiết khéo léo, tới nương ngô, sắn xen cây dược liệu, họ trao đổi kỹ lưỡng từng chi tiết: cách phối hợp giữa hợp tác xã và dân bản, kỹ thuật canh tác tăng vụ, phương án bảo vệ mùa màng trước mưa bão. Những trao đổi này không chỉ là công việc, mà còn là cách Bí thư Vi Chiến Thắng rèn luyện chủ tịch trẻ Vừ Chông Pao, củng cố sự phối hợp ăn ý giữa lãnh đạo huyện, đồng thời tạo niềm tin và sức mạnh đoàn kết nơi cán bộ và dân bản. Nhờ vậy, mọi chủ trương triển khai nhanh chóng, sát thực tế, góp phần phát triển kinh tế, bảo đảm quốc phòng – an ninh, và xây dựng Kỳ Sơn ổn định, vững mạnh.

Một ngày đầu năm 1971, Vừ Chông Pao cưỡi ngựa men dọc khe Na Loi mang theo lời dặn của Bí thư Huyện ủy. Mạ mới bén rễ, nước còn chập chờn, phai Mường Ải vừa dựng xong. Ông ghé xuống, lội bùn cùng đội thủy lợi:

– Nước về chậm một ngày là lúa khát một vụ. Đêm nay gọi bà con chèn thêm hai lớp đá, mai cho mở máng phụ, – Pao dặn, tay vốc bùn đắp kín khe rò.

Già bản Thò Bá Tủa lo lắng:

– Dân ít người, đường xa, mấy hôm nữa lũ về sớm thì toi công.

– Lũ đến thì chắn lũ, người không chịu đi thì cán bộ gửi giống mà đi trước, – Pao nheo mắt nhìn xa, giọng dứt khoát – Đất này không gieo, đói không tha ai cả.

Nói xong, ông quay sang cán bộ thủy lợi:

- Làm việc với xã, yêu cầu họ phải chủ động phương án phòng, chống lũ tiểu mãn.

Rời khỏi Na Loi, Vừ Chông Pao cùng cán bộ phòng nông nghiệp đi men theo con đường đất đỏ tới Mỹ Lý, Keng Đu. Trên triền đồi, những hàng bồ đề non xanh ngắt đang đón nắng sớm, lá vươn dài đong đưa trong gió. Dưới chân đồi, bãi ý dĩ trải dài, những cây thấp ngang hông người, hạt còn xanh non, lá lấp lánh sương đêm.

- Ý dĩ trồng thế này được, - Pao cúi xuống nhổ một cây cỏ dại, tay vỗ về từng gốc - Bà con nhớ tía cỏ, bón tro bếp, chứ để cỏ lẫn là kém hạt đấy.

Già bản gái đầu, giọng khàn đặc:

- Bà con sợ mưa sớm, ý dĩ ưa đất khô, kéo thối gốc.

Pao ngược nhìn rừng bồ đề trên lưng chừng đồi, khói bếp nhà sàn tỏa phía xa:

- Trên cao trồng bồ đề giữ đất, giữ nước. Dưới này ý dĩ cứ chăm cho tốt, đến mùa thu hái vừa bán được, vừa làm thuốc, trẻ con cũng có bột mà ăn.

Một cán bộ xã xen lời:

- Xong vụ này, huyện định nhân giống thêm xuống Phá Đánh với Bảo Nam.

Pao gật đầu:

- Được, miễn là bà con đồng lòng. Trồng riêng biệt thế này mới hợp, ý dĩ phải có gió, có nắng, không sống được trong bóng cây to đâu.

Đến Keng Đu, ông vào tận bãi sản. Cán bộ xã thưa:

- Chuối giống thiếu, trâu bò hao do rét.

- Thiếu thì sang các xã gần mà lấy. - Pao đáp ngay - Cây được liệu năm ngoài bán được, năm nay mở rộng thêm. Người có nhà, trâu bò có chuồng. Nó chết rét là mình mất cả cơ nghiệp, nên nói với dân làm chuồng, đốt lá sừa ầm ngay đi.

Sáng hôm sau, sương mù còn phủ đầy lòng Nậm Nơn, Pao cùng mấy cán bộ nông nghiệp buộc bè nứa thả trôi theo dòng. Con sông lặng lẽ như nén hơi nghe tiếng gõ mái chèo. Hai bên bờ, lau lách khẽ rạp mình, tiếng chim rừng lẫn vào tiếng nước rì rào. Gần trưa hôm sau, bè cập bến Xốp Mạt, cả đoàn vác đồ, cuộc xêng, túi giống rồi lội bộ men theo con đường đất đỏ dẫn vào Bảo Nam.

Nương ý dĩ trải ra bát ngát, cây thấp ngang hông, hạt xanh lấp lánh như chuỗi ngọc. Trên cao, rừng bồ đề non vừa khép tán, lá xanh óng trong nắng muộn.

Pao chống nạng tre, khom người xem từng luống, tay nhỏ vôi mấy cây cỏ gà:

- Được rồi, ý dĩ thế này lên đều. Nhưng nhớ làm cỏ cho sạch, bón thêm tro bếp, mới sai hạt.

Một chị phụ nữ gùi con trên lưng bần khoăn:

- Thưa bác Pao, mưa sớm năm ni, sợ hạt bị lép.

Pao ngẩng nhìn mây kéo về đầu nguồn, tay nhặt một bông ý dĩ non:

– Mưa sớm, nhưng đất đòi không lo bị úng gốc đầu. Khi hạt bắt đầu chắc, bà con gác lại việc nương, ra tuốt sớm hơn một đợt, vừa kịp phơi nắng, vừa giữ được chất.

Cán bộ xã gặt đầu:

– Huyện đã cấp thêm giống, chỉ chờ bà con đồng lòng.

Pao nhân từng tiếng:

– Không phải trông chờ. Mình phai nói cho dân thông: Đất này giàu thuốc quý, nhưng hạt ý dĩ chỉ quý khi bà con chịu khó chăm.

Vừa trở về cơ quan, Vừ Chông Pao lại nghe tin ở Na Loi, Mường Ải, Hữu Kiệm, Na Lượng nước đầu nguồn mới về lưng chừng ruộng, phai còn tạm bợ bằng đá khe, gỗ chống gãy lổn nhổn giữa lòng suối, lòng Pao không yên. Đêm ấy, ông ngồi lặng bên bếp lửa huyện lỵ, khói cay mắt, nghe tiếng gió bắc luân qua khe cửa. Mùa đông sắp xuống, nếu nước không kịp, lúa vụ tới lại đói.

– Sáng mai chuẩn bị ngựa. – Pao nói khẽ với cán bộ thủy lợi – Mình phải đi, không thể ngồi chờ báo cáo.

Sáng sớm hôm sau, Pao cùng mấy cán bộ thủy lợi len ngựa vào Na Loi. Trên ruộng, mấy người dân đang nhóm lửa hong tay. Một cán bộ xã vội đến báo:

– Phai vỡ một góc, gỗ chống hỏng mất rồi. Dân bảo lạnh quá, khó gom người.

Pao gặt đầu, tay chạm vào phiến đá lạnh buốt:

– Như vậy là chưa tốt, công tác dân vận của mình chưa thấu, cán bộ chưa chịu khó. Lạnh cũng phải làm, kéo mạ khô, lúa cháy. Cán bộ gọi dân ra, mình làm trước, dân theo sau, mọi việc ắt thành. Chỗ nào cột gãy thì chặt gỗ thay vào. Mưa tới không chờ mình đủ đầu.

Đến Mường Ải, mấy chị em lội ruộng ngược lên:

– Bác Pao ơi, nước chưa về, lúa sắp héo rồi!

Pao trấn an:

– Nước chưa về thì ta cùng nhau lên phai, chỗ nào hư ta cùng nhau sửa, nương lấp bùn, ta xắn tay áo xuống mà béc bùn, khơi cho nước chảy. Đừng ngồi chờ nước.

Hôm sau Hữu Kiệm, cụ già râu bạc chống gậy bên con nương khô nước hỏi:

– Bao giờ nương này mới đầy, Pao?

Anh chủ tịch xã mặt đỏ ửng, bối rối.

Vừ Chông Pao cười, vỗ vai cụ:

– Muốn nước đầy thì hỏi con cháu, hỏi chủ tịch xã chứ, ai lại hỏi chủ tịch huyện. Đúng không anh Huỳnh – Ông quay sang chủ tịch xã Lương Huỳnh.

Chủ tịch xã im lặng, cúi đầu nhận khuyết điểm, hứa sẽ cho tiến hành ngay.

Chiều ấy, Vừ Chông Pao cùng đoàn công tác của huyện về Na Lượng – đơn vị cuối cùng trong chuyến vi hành bảy ngày. Đứng trên bờ nương, ông ngắm dòng nước chảy lững lờ. Những thửa ruộng bậc thang loáng nước, mạ non mới bén rễ xanh mướt như tấm thảm trải dài triền nương.

Cán bộ xã đi bên ông, hỏi:

– Vụ mùa vừa rồi đạt, bà con đã yên cái bụng. Vụ Đông Xuân này, nếu giữ được nước như ri, chắc ăn lắm Chủ tịch ạ.

Ông dừng lại, nhìn khắp một lượt, ánh mắt ánh lên niềm vui hiềm hoi:

– Tốt! Ruộng no nước, mạ non đều, đó là cái gốc của cái ăn. Na Lượng năm nay làm được như ri, tôi mừng lắm. Nhưng mừng rồi vẫn phải lo. Gió Lào chưa về, rét chưa hết, con nước vẫn còn thất thường. Phải phải giữ, nương phải chắc.

Một già bản chống gậy bước ra từ bụi tre, chắp tay:

– Chủ tịch về, bà con mừng lắm. Năm ngoái nương này còn lở, phải bị gãy, cán bộ xã xuống từng bản gọi dân đi làm, nay ruộng no nước, người yên lòng cấy lúa.

Ông gật gù, giọng đầy hứng khởi:

– Vậy mới quý! Cán bộ biết lo, dân biết góp sức, thì khó mấy cũng hóa dễ. Ruộng no nước, dân no cơm, thì bản mới vui.

Cán bộ xã mỉm cười:

– Nghe Chủ tịch nói, bà con sẽ thêm sức. Vụ Đông Xuân ni mà tháng, Na Lượng sẽ tổ chức lễ mừng công đầu năm.

Chu tịch Pao vỗ vai anh:

– Vụ này tháng, vụ sau phải tính xa hơn: giữ nước mùa khô, lo mạ mùa mưa. Cái ăn không chờ, mà mình phải đi trước nó một bước. Chủ động đi với khéo léo sẽ thành công.

Sau chuyến đi thực địa trở về, Chủ tịch Vừ Chông Pao bàn với Bí thư Vi Chiến Thắng:

– Muốn nông nghiệp mạnh, phải có gốc từ chính quyền cơ sở. Nơi nào yếu thì đưa cán bộ huyện xuống kèm cặp, tăng cường một thời gian. Khi dân tin, cán bộ biết lo thì việc gì cũng xong.

Chủ trương ấy nhanh chóng thành nghị quyết của Huyện ủy. Từ cuối năm 1972 đến 1974, từng đoàn cán bộ trẻ – có người là con em bản địa, có người từ miền xuôi xung phong lên – được điều về xã. Từ đó, diện tích lúa nước tăng thêm cả trăm héc-ta, ruộng bậc thang xanh lên theo từng triền suối. Ở Na Lượng, Hữu Kiêm trồng thí điểm giống lúa Hà Nam Ninh được mùa to. Các xã Bảo Nam, Phá Đánh, Keng Đu phát triển bò đê, ý dĩ, đấng sâm – cây công nghiệp và cây dược liệu vừa cải tạo đất vừa mang về nguồn thu mới. Mỹ Lý đẩy mạnh nuôi trâu bò, kết hợp trồng sắn, chuối, ngô để làm thức ăn. Những xã có rừng già như Huồi Tụ, Tây Sơn thì khéo giữ gỗ quý, kết hợp trồng sa nhân, hà thủ ô dưới tán.

Không khí sản xuất rộn lên từng ngày. Ở bản, tiếng cười rộn mỗi buổi họp dân; trên nương, váy áo phụ nữ sặc sỡ rải khắp triền đồi; dưới nương, trai bản lội nước, đập đá, cặm phai. Mùa giáp hạt, gạo cứu đói đã bót phải ngược sông từng bao một. Trong cuộc họp tổng kết sản xuất cuối năm, Chủ tịch Pao nhìn bảng thống kê nông nghiệp treo trước mặt: “Chưa phải giàu, nhưng đã có gạo ăn, đã có giống để mùa sau không đói. Cán bộ xã biết làm, dân biết dựa nhau mà sống, thì biên giới này còn bền lắm.”

Đến năm 1973, khi Hiệp định Pa-ri ký kết, chiến tranh ở miền Nam lắng xuống phần nào, vùng biên ải Kỳ Sơn vẫn chưa thực sự yên. Phi không còn kéo từng toán lớn, nhưng rải rác vẫn có kẻ mang súng về phá cầu, đốt kho, dọa dân. Những đêm trăng đầu hạ, Chủ tịch Pao ngồi bên cửa sổ trụ sở huyện, nhìn ra dãy núi mờ xa, nhớ lại lời Bác Hồ dặn ngày nào: “*Phải giữ dân, giữ đất, giữ lòng người*”.

Mùa đông 1974, tuyết rơi trắng đóc Mường Ải. Lũ trẻ trong bản vẫn chơi đùa bên bếp lửa, đàn bà vẫn dệt vải thổ cẩm, nhưng trong mắt người già còn đó nỗi trăn trở: Bao giờ Kỳ Sơn hết giặc lén lút, đường biên vững chãi như rừng pơ mu?

Trong hội trường ủy ban huyện, bản đồ Kỳ Sơn trải rộng, những chấm đỏ đánh dấu nơi cần củng cố an ninh, những vạch nâu chỉ hướng mở đường vận lương, màu lam chỉ nơi cần làm thủy lợi. Vừ Chông Pao đứng lặng hồi lâu, tay đặt lên dải đất biên giới dài hơn trăm cây số, nơi từng in dấu chân ông và bao đồng đội. Năm năm đã qua, từ ngày chống “châu phà” đến giờ, con đường giữ đất, giữ dân chưa một ngày bót gian nan. Nhưng trong ánh nhìn ấy, không có sự lùi bước – chỉ thấy sự bền gan của một người con miền biên viễn, quyết giữ từng thước đất, từng mái nhà của Kỳ Sơn như giữ hơi thở của chính mình.

2- Ngày 1-5- 1975, tin đất nước thống nhất như cơn gió lành vượt qua những dãy núi đá vôi, len về từng bản nhỏ Kỳ Sơn. Khắp thị trấn Mường Xén, người người đổ ra đường, cờ đỏ sao vàng nổi dài từ đầu cầu Nậm Mộ tới sân vận động huyện. Tiếng chiêng, tiếng khèn, tiếng trống hội rộn rã khắp ngõ xóm. Những con đường đất đỏ thường ngày chỉ lác đác bóng người nay đông nghịt: trẻ con áo vá, tóc rối, chạy chân đất nhưng mắt rực sáng; phụ nữ Thái, Mông, Khơ Mú xúng xính váy mới, đeo vòng bạc, vôi vĩa về dự mít tinh; các cụ già râu tóc bạc phơ chống gậy ra giữa sân, lòng phấp phồng như mơ.

Buổi mít tinh mừng chiến thắng diễn ra ngay trung tâm huyện lỵ. Sân rộng ken kín bà con từ các bản Mường Lống, Na Ngoi, Tà Cạ, Xốp Thập, Huồi Giảng... Trên bục cao, tấm băng đỏ viết: “Miền Nam hoàn toàn giải phóng – Cả nước thống nhất!” Lá cờ Tổ quốc tung bay trong nắng đầu hạ, ánh đỏ soi lên những gương mặt đã từng gió sương, từng chịu đựng cơ cực chiến tranh. Nhiều người lặng rơi nước mắt khi nghe loa vang: “*Từ nay, đất nước trọn niềm vui sum họp.*”

Sau mít tinh, cả huyện như bừng tỉnh. Những con ngõ nhỏ rộn rã tiếng bước chân, bếp nhà bốc khói thơm, đàn trâu bò lững thững trở về nương. Nhưng niềm vui chưa kịp nguội đã lộ rõ nhọc nhằn: lúa rẫy thừa hạt, sản khô chát đầy hiên, trẻ nhỏ vẫn gầy nhom. Gió Lào thổi rát những con đóc xuôi về Mường Xén, hun khô cả nương ngô, rẫy lúa.

Trong phòng làm việc lợp ngói vỡ, Chủ tịch Vũ Chông Pao lặng lẽ nhìn dòng người qua cửa sổ. Niềm vui hòa bình chưa đủ làm ấm bụng, cái giặc đói, giặc đốt vẫn chực chờ. Trên tường treo tám bản đồ huyện còn lờn nhôn ký hiệu: suối chưa có mương, bản chưa có ruộng nước, đường nối bản vẫn chỉ là lối mòn ngựa thồ.

Một con số cứ ám ảnh các cuộc họp: 20.000 tấn lương thực, 340 kg mỗi người mỗi năm. Đó là chỉ tiêu tỉnh giao, nhưng với vùng núi đất đá nhiều hơn đất màu, đường đi gian nan hơn chợ xa, con số ấy như một thử thách. Vũ Chông Pao gọi cán bộ các xã về Mường Xén, giọng ông trầm khàn nhưng cương quyết:

– Muốn no ấm, phải nhất quán chủ trương định canh định cư. Muốn có lúa gạo, phải khai hoang, làm ruộng nước. Không thể cứ đốt nương rồi bỏ hoang.

Trong phòng họp, mấy chục cặp mắt nhìn nhau, vẫn còn ngần ngại. Nhiều cán bộ nhớ thời gian qua: cơm không đủ ăn, ngựa thồ gạo từ dưới xuôi lên bị lũ cuốn, đường xá lầy lội, làm sao khai hoang cho kịp? Nhưng Pao không chấp nhận lùi bước. Ông kể lại những chuyến đi Na Loi, Huồi Tụ, Xốp Nhị, Mường Lống, Tà Cạ: người dân chỉ mong có ruộng bằng để trồng lúa nước, có mương để giữ nước mưa, có hạt giống tốt để khỏi ăn cơm độn quanh năm.

Những ngày ấy, Vũ Chông Pao như con thoi giữa rẻo cao: sáng đi ngựa lên Xốp Thập, trưa ghé Mường Lống, chiều lại về họp ở Mường Xén. Ông mang theo cuốn sổ nhỏ, ghi từng con suối có thể dẫn nước, từng dải đất ven khe có thể khai hoang. Đêm về, dưới ánh đèn dầu hắt bóng dài trên vách, ông trầm trọc: phải có một kế hoạch cho cả huyện, không thể chấp vá manh mún.

Cuối thu 1975, kế hoạch đầu tiên ra đời: huy động toàn huyện khai thác đất bằng, làm ruộng nước ở những nơi có nguồn nước tự nhiên; chỗ nào đất đồi thuận lợi, sẽ khuyến khích làm ruộng bậc thang; giảm dần diện tích lúa rẫy năng suất thấp. Vũ Chông Pao đích thân xuống từng bản, giải thích cho bà con:

– Ruộng bậc thang không chỉ giữ đất, giữ nước, mà còn giữ cả cái no cái ấm. Năm tới ta sẽ đưa giống lúa mới năng suất cao về, bà con không sợ đói nữa.

Tiếng ông trầm mà ấm, không hoa mỹ, nhưng làm bà con tin. Họ thấy người cán bộ ấy không ngồi bàn giấy, mà cùng họ lội suối, cuốc đất, ăn cơm nắm giữa mưa rừng. Có hôm trời đổ đông, áo chàm ướt sũng, ông vẫn cùng thanh niên bản Huồi Giảng dựng bờ kênh, miệng nhắc: “Nước phải về đồng trước mùa cấy.”

3. Mùa đông năm 1975 trôi qua khắc nghiệt, gió hun hút từ dãy Pu Xai lại quét qua từng sườn núi. Trong gian nhà sàn ở Mường Xén, ánh đèn dầu lay lắt hắt lên khuôn mặt sạm nắng của Chủ tịch Vũ Chông Pao. Ông không còn là chàng cán bộ trẻ tuổi dạo nào dẫn dân chống phi, mà nay đã thành người đứng đầu chính quyền huyện, tóc mai điểm sợi bạc, mắt hằn nếp nhăn bởi nhiều đêm thao thức. Trên bàn gỗ cũ, tám bản đồ huyện trải rộng, những dấu mực đỏ đánh chéo các khu vực du canh du cư vẫn còn chằng chịt.

Kỳ Sơn sau chiến tranh là vùng đất vừa hồi sinh vừa hoang hoải: đồng ruộng bỏ hoang, nương rẫy bạc màu, người dân rải rác sống theo lối cũ – chặt cây, đốt nương, trồng được vài vụ rồi lại chuyển đi nơi khác. Cách làm ấy dễ cho từng nhà,

nhưng rừng kiệt, đất bạc, lúa chẳng đủ no, sản ngô cầm hơi cả năm. Chính quyền huyện đặt mục tiêu 20.000 tấn lương thực, nhưng với tập quán này, đó là giấc mơ xa xỉ.

Bước vào năm 1976, những thửa ruộng đầu tiên ở Mường Xén, Huồi Giăng, Na Ngòi lấp lánh nước, đàn trâu lại ra đồng, trẻ con rủ nhau cấy lúa. Bà con các dân tộc Thái, Mông, Khơ Mú, Kinh nhìn những mầm lúa non xanh mà gặt đầu: con đường mới đã mở rồi. Dầu biết còn nhiều khó khăn, dầu chân vẫn lội bùn, vai vẫn gùi gạo, nhưng trong ánh mắt họ đã khác – ánh mắt của người đang đi từ đói sang no, từ manh mún sang bền vững.

Vừ Chông Pao đứng trên con dốc nhìn xuống những cánh đồng vừa khai hoang, gió chiều mang hương lúa non, tóc ông điểm bạc sớm. Ông hiểu, đây mới chỉ là khởi đầu. Đường còn xa, nhưng bánh xe đã lăn. Kỳ Sơn bước vào một cuộc kiến thiết mới – cuộc chiến không có tiếng súng, nhưng cũng cần bản lĩnh của những người từng đi qua khói lửa.

Một sáng đầu xuân 1976, Vừ Chông Pao khoác áo đại cán, thắt dây lưng, đội mũ nôi, dắt con ngựa mộc lên đường. Đoàn công tác theo ông chỉ có ba người: một cán bộ phòng nông nghiệp, một cán bộ y tế và một thanh niên huyện đội. Họ vượt qua con đèo đá lởm chởm, tiến về Huồi Giăng – vùng đất được xem là "khó vận" nhất huyện, nơi dân vẫn tin nương rẫy mới là lối sống trời định.

Đường từ Mường Xén vào Huồi Giăng chỉ vừa lối ngựa đi, hai bên lau lách um tùm. Gió Lào đã bết gay gắt nhưng vẫn hun đỏ cả sườn đồi. Vừ Chông Pao vừa đi vừa dừng lại ghi vào sổ tay: chỗ nào có khe suối, chỗ nào đất còn giữ ẩm, chỗ nào có thể làm ruộng bậc thang. Ngựa mệt, ông xuống đi bộ, gùi tài liệu trên lưng. Người cán bộ đi cùng nhìn dáng ông cúi đầu dò từng bước, chép miệng:

– Ông Chủ tịch mà cứ như người mở đường.

Vừ Chông Pao chỉ cười:

– Không đi, sao biết bản mình đói từ đâu mà ra.

Chiều muộn, đoàn vào đến bản. Nhà sàn lợp lá cọ, khói bếp bay nghi ngút. Bà con đã được báo trước, tụ tập quanh sân nhà trường bản. Người già co ro trong áo chàm, phụ nữ địu con, thanh niên đứng vòng ngoài. Khi Vừ Chông Pao bước vào, mọi người khẽ nghiêng mình chào. Ông không lên bục, chỉ xin ngồi cùng chiếu với bà con.

Cuộc họp bắt đầu. Trưởng bản giới thiệu:

– Hôm nay huyện về nói chuyện làm ăn mới.

Có tiếng xì xào:

– Lại bảo bỏ nương, làm ruộng nước à? Ở đây đất dốc, nước đâu mà làm?

Một cụ già râu bạc gật gù:

– Người ta bảo thế mãi rồi, nhưng chúng tôi quen đi rẫy. Lúa nước chỉ hợp chỗ bằng, dưới Mường Xén thôi.

Vừ Chông Pao lặng nghe hết. Ông đặt cuốn sổ xuống, nhìn khắp vòng người, giọng chậm rãi:

– Tôi cũng là con dân bản, từng gùi lúa rẫy, ăn cơm độn như bà con. Nhưng rẫy mỗi năm chỉ được hai, ba gùi, hết lại đi chặt rừng. Cứ thế, rừng cạn, đất trơ, người vẫn đói. Tôi đã đi khắp huyện, thấy nhiều khe suối có thể dẫn nước, nhiều dải đất bằng có thể cấy lúa. Nếu cùng nhau làm, ta không phải tha phương.

Một thanh niên đứng dậy:

– Làm ruộng nước thì ai cho trâu, ai cho cày? Lấy sức đâu mà đào nương?

Ông mỉm cười:

– Trâu huyện hỗ trợ. Cày cũng có, ít thì mượn nhau, chung nhau mà làm. Nương nước, huyện sẽ cử cán bộ giúp thiết kế. Nhưng việc chính là ở dân bản, không ai làm thay được.

Có người cười khẩy:

– Làm rồi mất mùa thì sao?

Ông rút trong túi ra túi giống lúa mới, hạt vàng óng:

– Đây là giống lúa xuôi, đã thử ở Mường Xén, Mường Típ, năng suất hơn lúa rẫy gấp đôi. Mùa đầu có thể vất vả, nhưng mùa sau sẽ đủ ăn.

Cuộc họp kéo dài đến khuya. Nhiều người vẫn lắc đầu, nhưng cũng có ánh mắt lóe lên hy vọng. Cuối cùng, trưởng bản nói:

– Thôi thì thử. Chọn ba hộ làm trước, thành công thì cả bản theo.

Từ hôm đó, Vừ Chông Pao như con thoi giữa huyện và bản. Ngày nắng cũng như ngày mưa, ông cưỡi ngựa mang theo cán bộ nông nghiệp, dụng cụ, giống lúa. Ông không chỉ đạo từ xa mà trực tiếp cầm cuốc, vác đá cùng thanh niên bản đào nương dẫn nước. Có hôm trời rét cắt da, ông vẫn lội suối tới tận đầu nguồn, đo mực nước bằng que tre.

Thấy vị Chủ tịch huyện mặc áo đại cán, chân quần xà cạp, lưng đeo gùi, cùng dân đắp bờ, vá kênh trở thành chuyện kể khắp rẻo cao. Trẻ con chạy theo reo:

– Ông Pao đào nương! Ông Pao đắp bờ!

Ông cười hiền, tay vẫn lấm bùn:

– Đắp bờ hôm nay, mai lúa mới mọc.

Tháng Năm, nước đầu mùa đổ về, dòng nương Huồi Giăng dài cả cây số dẫn nước vào cánh đồng cỏ hoang. Bà con Mông, Thái, Khơ Mú lần đầu cấy lúa nước. Những bàn tay vốn quen cầm dao phát rẫy nay cấy từng danh mạ, cười nói rộn ràng. Vừ Chông Pao đứng trên bờ, áo ướt mồ hôi, mắt ánh lên niềm tin.

Không chỉ Huồi Giăng, các bản Xốp Thập, Mường Lóng, Chiêu Lưu cũng lần lượt hưởng ứng. Mỗi nơi ông tới, đều bắt đầu bằng họp dân, nghe hết ý kiến, phân tích thiệt hơn, rồi mới bắt tay làm. Có nơi dân phản ứng dữ, ông không giận, chỉ bảo:

– Không ai bắt bà con bỏ nương trong một ngày. Nhưng phải nghĩ cho con cháu. Rẫy hôm nay, đất trồng mai sau.

Ông còn vận động các già làng, trưởng bản, các thầy mo, người có uy tín cùng nói với dân. Nhiều buổi họp đêm đến gà gáy sáng, ông mới rời bản, ngựa lững thững trên đường sương mù.

Công cuộc định canh định cư không chỉ là khai hoang ruộng nước, mà còn là sắp xếp lại bản làng. Nơi nào nằm cheo leo núi đá, xa nguồn nước, ông đề xuất chuyển xuống thung lũng. Huyện cấp gỗ, hỗ trợ lương thực đầu mùa. Ban đầu có hộ không chịu, sợ rời nhà cũ là mất tổ tiên, ông đến từng nhà giải thích:

– Tổ tiên không bỏ con cháu vì chuyển bản. Con cháu no ấm, đó mới là điều tổ tiên mong.

Có hôm, Vừ Chông Pao ngồi bên bếp lửa cùng già Bún Khăm ở Xóp Nhị, cả đêm chỉ nói chuyện đất đai, nước nôi, con cháu. Sáng ra, già gật đầu:

– Thôi, tin ông Pao. Chuyển bản thôi.

Năm 1977, mùa lúa nước đầu tiên ở các bản mới trúng đậm. Thóc vàng đầy bờ, ngô phơi trắng sân. Bà con mang gùi lên huyện nộp nghĩa vụ, còn dư đủ ăn qua mùa đông. Những cụ già từng phản đối nhất cũng ra giữa sân họp, nói:

– Cái bụng no rồi, không còn muốn đi rẫy nữa.

Từng mùa vụ trôi qua, Kỳ Sơn dần phá thế du canh du cư, rừng thoi bị đốt bừa bãi, suối được giữ nước, đất được cải tạo. Vừ Chông Pao vẫn gắn bó với con ngựa mộc, bộ áo chàm bạc màu, không chỉ dạo trên giấy mà bước chân đến tận nơi. Mỗi cánh đồng nước xanh là một dấu mốc công sức của ông và bà con.

Đêm về Mường Xén, ông lại trải bản đồ, chấm thêm dấu đỏ: Huồi Giăng đã xong, tới lượt Na Ngoi; Xóp Thập đã ổn, Chiêu Lưu còn chờ. Gió đêm lạnh buốt, ngọn đèn dầu khẽ rung, nhưng ánh mắt ông sáng lên:

– Đất này rồi sẽ no. Rồi sẽ đủ cơm cho con cháu mình.

Ba năm sau, diện tích lúa nước tăng gấp ba, nhiều bản đã thôi du cư. Trẻ em được đến trường, thanh niên bớt cảnh tha phương, phụ nữ không còn gùi củi vượt núi đồi lấy thóc. Vừ Chông Pao đã cùng nhân dân viết nên trang mới – không bằng tiếng súng, mà bằng mồ hôi và ý chí.

Nhìn lại những năm đầu thập niên 1970, Vừ Chông Pao không khỏi bồi hồi. Huyện Kỳ Sơn khi ấy đang tất bật với chủ trương của Chính phủ và Ủy ban tỉnh, tiến hành khảo sát và quy hoạch trồng cây dược liệu quý. Ông nhớ rõ những buổi cùn Bí thư Vi Chiến Thắng đi xuống từng nương rẫy, trao đổi với dân bản về kỹ thuật trồng và chăm sóc, cùng cán bộ khảo sát từng vùng đất để xác định giống cây phù hợp. Sau ba năm thực hiện, huyện đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu tỉnh giao, mang lại niềm vui và tự hào cho cả tập thể cán bộ huyện.

Cũng trong giai đoạn này, nhà nước bắt đầu chủ trương thu mua thuốc phiện làm dược liệu. Vừ Chông Pao hồi tưởng lại những lần vận động dân bản, giải thích

chính sách, hướng dẫn họ bán sản phẩm đúng quy định. Ba năm triển khai, Kỳ Sơn đã thu được 43 tấn nhựa thuốc phiện – một con số khiến tiếng tăm huyện vang dội khắp tỉnh. Niềm vui ấy trộn lẫn với áp lực trách nhiệm, nhưng Vừ Chông Pao luôn nghĩ: tất cả những nỗ lực này đều vì dân, vì sự phát triển bền vững của huyện.

Một kỷ niệm khiến ông nhớ mãi: khi đọc báo cáo Ủy ban tỉnh gửi Chính phủ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã điện cho Chủ tịch tỉnh Nghệ An, bày tỏ mong muốn gặp Chủ tịch huyện Kỳ Sơn. Biết tin này, trái tim ông rộn lên vừa hãnh diện, vừa lo lắng – một chuyến ra Hà Nội, gặp Thủ tướng, là vinh dự nhưng cũng là trọng trách.

Nhớ lại, trước khi xuống Vinh để chuẩn bị chuyến đi, sau ki bàn bạc với Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Pao tổ chức một cuộc họp khẩn với Ủy ban huyện. Ông vừa suy nghĩ vừa trao đổi cùng các đồng chí: nên chuẩn bị món quà gì vừa thể hiện thành ý, vừa mang dấu ấn của Kỳ Sơn để biếu Thủ tướng. Trong khoảnh khắc ấy, ông thấy rõ trách nhiệm lớn lao trên vai mình, nhưng đồng thời cảm nhận niềm tự hào khi những thành quả lao động của huyện được ghi nhận. Ông nói trước hội nghị:

- Đây là vinh dự của cả huyện, được đích thân Thủ tướng mời ra Hà Nội báo cáo kết quả trồng cây dược liệu. Ta nên có quà biếu Thủ tướng, mà lấy cái chi làm quà đây? – Chủ tịch Pao nhìn mọi người ban khoăn.

Khi các Phó chủ tịch và các ủy viên ủy ban đang băn khoăn không biết lấy gì làm quà biếu thủ tướng. Vừ Chông Pao bỗng lên tiếng:

- Tôi thấy ở vùng biên ải khó khăn này, chẳng có gì là đặc sản ngoài thuốc phiện. Mà năm qua ta thu mua được hơn 43 tấn, nhất cả tỉnh, việc này Thủ tướng cũng đã biết. Hay là ta biếu thủ tướng thuốc phiện.

Nghe ông nói vậy, mọi người nhìn nhau. Người cười, người can. Rằng: “Thủ tướng đâu có dùng thuốc phiện”, rằng “trông nó ngồ ngộ thế nào ấy, ai lại vác thuốc phiện đi biếu.”

Bàn đi tính lại, cuối cùng Vừ Chông Pao quyết:

- Thôi cứ nhất trí biếu thủ tướng 4 kg thuốc phiện. Giao cho Trưởng phòng tài chính đi mua.

Hôm xe rời thị trấn Mường Xén được 200km – gần tới Vinh, thì công an và hải quan thổi còi, bắt xe dừng lại kiểm tra.

Đạo ấy, nạn buôn lậu thuốc phiện diễn ra như lái buôn đi buôn muối. Xe vừa dừng bánh, công an, hải quan vây lấy xe. Thấy trên xe có bịch thuốc phiện, họ đưa cả xe, người và bịch thuốc phiện về đồn công an.

Tại đồn công an, Vừ Chông Pao trình bày:

- Ta là Vừ Chông Pao, Chủ tịch huyện Kỳ Sơn. Đây không phải hàng của ta đâu. Quà tặng Thủ tướng đấy. Các anh giữ cũng được nhưng phải giữ cho khéo. Nếu để hao hụt là ta bắt bồi thường đấy.

Công an thấy lạ, gọi điện thoại đi nhiều nơi. Sáng hôm sau thấy công an trả cả người, cả thuốc nguyên vẹn.

Lần ấy, Vừ Chông Pao ra Hà Nội được Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp tại phòng riêng. Sau khi nhấp chén trà nóng đích thân Thủ tướng pha. Vừ Chông Pao giọng run run:

- Báo cáo Thủ tướng..., Kỳ Sơn không có gì..., chỉ có ít thuốc... biểu thủ tướng – Vừ Chông Pao, ngập ngừng mãi mới nói được nên lời.

Nghe nói đến thuốc phiện, thủ tướng cười phá lên, vỗ vai Vừ Chông Pao: “Kỳ Sơn giỏi lắm, hoàn thành vượt chỉ tiêu trồng cây dược liệu quý, dẫn đầu cả tỉnh về thu mua thuốc phiện”. Rồi Thủ tướng bảo cán bộ văn phòng gọi cho Bộ trưởng Bộ y tế Vũ Văn Cận sang nhận thuốc phiện - quà của huyện Kỳ Sơn.

Vừ Chông Pao đang ngỡ ngác thì Thủ tướng nói:

- Cảm ơn món quà quý của cán bộ và nhân dân Kỳ Sơn. Nhưng thủ tướng không dùng thuốc phiện. Chính phủ sẽ giao cho ngành y tế quản lý sử dụng hợp lý. Đây là dược liệu quý để sản xuất thuốc chữa bệnh cho nhân dân.

Lần gặp đó, Thủ tướng hỏi thăm tình hình Kỳ Sơn, về đời sống nhân dân và tình hình phi. Vừ Chông Pao báo cáo rạch ròi từng nội dung. Nghe xong, Thủ tướng ôm chặt Vừ Chông Pao, nói với ông rằng: “từ nay chúng ta là anh em kết nghĩa”.

Sau chuyến ra Hà Nội lần ấy, theo chỉ đạo của Thủ tướng, Ủy ban huyện Kỳ Sơn được cấp thêm một xe com măng ca màu xanh rêu.

5. Kỳ Sơn cuối năm 1979, mưa bụi giăng mỏng như sợi tơ nhện bám đầy lên kính chắn gió chiếc xe com măng ca màu xanh rêu, máy nổ khàn khàn trong cái lạnh ngấm xương. Trong cái rét thâm tận da thịt ấy, trước khi lên xe xuống bản, Vừ Chông Pao đứng nán lại bên khung cửa gỗ. Ngoài kia, con đường đất trước trụ sở Ủy ban loang lổ bụi đỏ, những mái nhà tranh lúp xúp nép dưới làn sương mỏng. Vài bóng người co ro trong áo chàm sần vai, gùi trên lưng gói ngô, bó củi. Tất cả gọi lại trong ông một lát cắt rõ ràng của đời sống bao cấp nơi vùng biên. Hàng hóa khan hiếm đến mức tấm vải, gói đường, điều thuốc cũng trở thành của hiếm. Vải vóc, quần áo, đường, chè, thuốc lá, dầu hỏa... tất cả đều phải đổi bằng tem phiếu. Cán bộ huyện đi công tác tỉnh, may lắm mang về được mấy mét vải phân phối, chị em trong bản nâng niu như báu vật. Áo quần trẻ con mặc chật rồi chuyề xuống cho đứa nhỏ hơn, chấp vá, bạc màu nhưng vẫn quý. Người già quen với điều thuốc Lào, nhưng đôi khi cũng thèm một hơi thuốc lá Tam Đảo, Trường Sơn, mà muốn có thì phải chắt chiu phiếu cả tháng. Đường thì ít đến nỗi mỗi khi nhà có đám cưới, đám mừng, bà con gom góp từng tem, mới đủ nấu một ấm chè xanh có vị ngọt.

Ông nhớ những phiên chợ Mường Xén, Huồi Tụ, Mường Lông, nơi người ta mang đến chỉ đôi mớ rau rừng, mấy con cá suối, đổi cho nhau hơn là bán. Có tấm chăn dày đem đổi lấy gùi ngô, có đấu gạo nếp chia cho người vừa đi nương về chưa kịp giã. Cái đói, cái rét, cái thiếu cứ lẩn quẩn trong từng bếp lửa, từng bữa cơm. Nhưng lạ thay, trong cái thiếu ấy lại sáng lên cái tình: trẻ con đến lớp chân đất, áo mỏng mà mắt vẫn sáng lấp lánh; người lớn họp bản, ngồi trên chiếc ghé ọp ẹp vẫn bàn chuyện giữ rừng, giữ đất, chuyện dựng bản, dựng làng.

Bao lần về cơ sở, ông nghe bà con hỏi: “Bao giờ chợ mình có muối, có vải bán?” Câu hỏi ấy như mũi dao cứa vào lòng. Mỗi lần tinh phân bỏ mấy tạ muối, vải xấp vải, huyện lại họp bàn để chia cho từng xã, từng bản. Ông biết, dân bản khổ cực lắm, vậy mà vẫn tin vào cái lý của cách mạng, tin vào cán bộ. Chính niềm tin ấy là thứ đã níu ông đứng vững trên cương vị Chủ tịch huyện.

Nghĩ vậy, Pao khẽ rùng mình, kéo cao cổ áo chàm, rồi bước ra xe. Lái xe Lữ đã nổ máy chờ sẵn. Ông bảo Lữ tắt bớt đèn, để lại hai dải sáng vàng nhạt rơi vào con đường đất loang lổ ổ voi. Đèo Pu Vái ngập bùn, lái xe cài số thấp, chiếc xe nhích từng đoạn. Mắt anh vẫn ghim vào những vệt bánh trâu vừa dẫm. Đằng sau, thùng xe chằng mấy bao gạo cứu đói, mấy cuộn bạt, mấy thùng thuốc còn thơm mùi phenol. Đêm ấy họ vào Huồi Bộ, nơi báo về rằng ba ngày liền trẻ con khóc thét vì đói, người lớn uống nước lá rừng cầm hơi, còn muối rừng thì dày như mây vùn. Từ cuối mùa hạ, lúa rẫy mất mùa vì nắng cháy, sâu đục thân bùng lên; ngô thì khô bắp, sắn thối rữa. Thêm vào đó, chiến sự biên giới phía Bắc và cả Tây Nam làm đường tiếp tế bị thất lại, tem phiếu thì ít, trai bản đi theo lệnh tổng động viên, bản làng vắng tiếng đàn ông. Những bếp lửa sớm tàn, những nồi cháo cám loãng như nước mắt. “Không để ai chết đói,” Pao nói với chính mình, bàn tay ông siết cứng thành tay lái đến rát cả lòng bàn tay, như thể chỉ cần buông ra là cơn đói sẽ cuốn phăng cả bản làng.

Xe trườn qua một quãng lầy, bánh quay trơn tuột, Lữ đạp ga mà chiếc xe chỉ rít lên chứ không nhích. “Xuống chèn đá,” Pao mở cửa, hơi lạnh lùa vào buồng lái. Ông và lái xe nhảy xuống, đi bì bõm trong bùn đến quá ống chân. Pó Lý – chàng trai mảnh khảnh – ôm khúc gỗ chèn dưới bánh, miệng thở khi khi:

- Bùn năm nay dày hơn năm ngoái.

Chủ tịch Pao nhìn Pó Lý, cười hiền:

- Cái bụng đói còn dày hơn, Lý à. Đẩy đi!

Họ nghiêng vai, xe rùng mình, bánh cắn được vào đất, bò qua. Đến một khúc suối cạn, Chủ tịch Pao bảo Lữ dừng, chuyển sang đi ngựa thồ hàng của xã đội vì bờ đôi diện lở dựng đứng. Ông ngồi lên yên ngựa, tay giữ một bao gạo khỏi rơi, gió tạt ướt cả vai áo đại cán, mắt ông vẫn quét vào màn đêm để tìm những ánh lửa lác đác của bản. Già Xia Chư – người bạn từ hồi làm du kích, đội mũ nồi cũ sờn, ngồi phía trước, nói như than:

- Con gái tao mang vòng bạc ra chợ đổi gạo mà không ai bán, Pao à.

Chủ tịch Pao tay chạm khe lên vai Chư, giọng trầm:

- Vòng bạc để lại cho con cháu, gạo thì huyện lo. Sáng mai, mở kho phát gạo. Nhưng nhớ: ăn dè, để lại hạt giống.

Sáng xám như tro. Huồi Bộ hiện ra nghèo xơ xác: nhà nửa vách thủng, bếp nguội, mấy đứa trẻ bụng ỏng mắt vàng khè vì sốt rét ôm nhau ngồi trước hiên. Thấy xe lạ tới, một bà mẹ Khơ Mú bé con chạy ra, mừng đến nấc:

- Có gạo không, bác Pao ơi?

Chủ tịch Pao nhảy xuống, đỡ lấy đứa bé nóng hầm hập, đặt lòng bàn tay trên trán nó, quay sang cô y tá Thảo đi cùng:

- Lấy ký ninh, hạ sốt ngay.

Ông quay ra giữa sân, gọi to:

- Bà con tập trung dưới gốc đa. Hôm nay huyện mở kho cứu đói cho Huồi Bộ. Chia theo khẩu, nhà nào thiếu cứ báo trưởng bản. Gạo này là máu người ta nhường, không bán, không đổi rượu.

Ông nói chậm, rành rẽ từng chữ. Giọng ông lùa vào những gương mặt sạm khói bếp, gây đến nhói nhói, lùa vào cả mắt trẻ con đang nhìn những bao gạo như nhìn mặt trời.

Cái phảng của già Xa Chia gõ vào mâm, tiếng kim loại mỏng như tiếng nhắc nhở. Danh sách từng nhà được đọc. Người nhận đủ, người nhận thiếu, ai cũng cúi đầu cảm ơn. Đến lượt nhà Mùa Vả, cô gái bé đưa con trai gầy nhẳng lên, hai tay run run đón bao gạo. Khi Chủ tịch Pao trao, cô bất ngờ nấc lên:

- Có Chủ tịch Pao, bản mình không chết đói!

Tiếng nói bật ra như tiếng đá rơi xuống suối, chạm vào tiếng khóc nghẹn ở nhiều cổ họng. Già bản Xa Chia lầm bầm: “Ơn trời, ơn người.”

Chủ tịch Pao xoa tay:

- Ơn bản đã bền lòng. Nhưng cứu đói chỉ là cầm hơi. Ta còn việc lớn hơn: khơi mương, giữ nước, đưa giống mới lên.

Ông chỉ về dải ruộng mấp mí chân núi:

- Mùa khô này, khơi mương từ Huồi Pật kéo qua. Mùa tới, ta bỏ bớt lúa rẫy nhiều rui ro, thử ruộng nước ở bãi bồi. Hợp tác xã nào giữ được nước cho lúa, tôi thưởng: muối, cá khô, vải chàm.

Chiều, Vừ Chông Pao dẫn một đoàn đi vào khe đá nơi dự tính đặt công dẫn nước. Anh cán bộ thủy lợi tên Khang cầm ống thủy bình, chằm chằm mực đỏ lên cọc gỗ.

- Độ dốc này được đấy, Chủ tịch. Chúng ta làm cọn nước quay, đưa nước qua sườn.

Khang nói, mắt sáng lên sau mấy đêm mất ngủ. Chủ tịch Pao gật:

- Làm cọn nước trước, mương sau, miễn cho ruộng có nước trước vụ. Giao cho Pó Lý dẫn đội thanh niên đào mương, đắp bờ. Mùa Vả tập hợp phụ nữ, lo nấu ăn, trông trẻ, quán xuyên đường gạo. Trưởng bản giữ sỏ gạo, sỏ muối, thiếu thừa phải rõ.

Ông nói như chẻ tre, việc nào cũng có tên người, tên hạn. Trong cái bản loạn của đói khát, những câu nói rạch ròi ấy như cái sườn nứa dựng lên giữa gian nhà sập đổ.

Đêm, lửa bập bùng ở sân bản. Người mệt nhưng mắt vẫn sáng. Pó Lý ngồi xem Chủ tịch Pao vẽ cọn nước trên đất bằng mũi dao:

- Quay thế nào cho mạnh hờ Chủ tịch Pao?

- Cánh cọn lớn, gàu nhiều, bờ đỡ chắc. Nước qua bờ là lúa sống. - Pao trả lời, tay gạch thêm mấy nét, miệng bảo Thảo hơ ấm tay một đĩa trẻ đang run vì sốt. Tiếng khèn Mông thổi chậm rãi, rượu ngô chuyền nhau, không ai dám uống đầy, chỉ nhấp môi cho ấm cổ họng. Chủ tịch Pao nhìn lướt qua những khuôn mặt hộc hác, nói:

- Có con ở biên thì gửi lời con: bản vẫn vững. Bảo chúng yên lòng.

Ông không nói nhiều về chiến sự, không nói về những chuyến xe phải quay đầu vì đường bị chặn, vì kho tinh đóng cửa. Ông chỉ nhắc:

- Đêm nay đừng ăn hết. Để lại thóc giống. Mai đào nương. Một dưng cọn. Bao giờ lúa lên bông, ta nhảy khèn ba đêm.

Sớm hôm sau, tiếng cuốc vang trên bờ sinh. Đám thanh niên căng dây thừng cho thẳng hàng, già Xa Chia bảo mọi người:

- Đào đến đâu, lót đến đó. Sỏi lót đáy, cỏ lót bờ.

Chủ tịch Pao lội xuống cùng, bùn ngập đến gối, cái rét như chui vào xương ống. Lũ đứng bờ, tay cầm xẻng hất đất, phì phò:

- Không ngờ lái xe cũng đào nương.

Chủ tịch Pao ngược lên cười:

- Đói thì việc nào cũng làm. Hết đói rồi, lái xe chở muối đi mời cả bản.

Mùa Vả đi ngang, đưa bầu nước cho Chủ tịch Pao, mồ hôi cô rịn ra nơi thái dương:

- Đào vậy có kịp không, Chủ tịch Pao?

- Kịp. Trời còn cho ta mấy tuần hanh. - Ông uống một ngụm, nước mát rợi như chảy thẳng vào chỗ nóng ruột.

Có những ngày mưa dầm dề, nước suối đục như mật đường, nương vừa đắp xong lại lở. Cả đội chán, Pó Lý cầm cuốc, thở dài:

- Sao trời không thương bản mình.

Chủ tịch Pao đứng im một lúc, nghe tiếng nước dội oàm oạp, rồi nói:

- Trời thương hay không do mình. Không có nương, thì đắp bờ kè, không có cọn, thì múc bằng gàu sòng. Lúa cần nước, người cần cơm. Cứ làm.

Nói xong, ông cởi áo, nhảy xuống chỗ nương vừa sạt, tay bốc từng tảng bùn, đắp lên, giọng đồng dục:

- Ai làm với tôi?

Tiếng người ồ lên, từng người xuống, từng bàn tay ngâm bùn, lạnh đến tê nhưng nóng đến lòng. Chiều tối, mương đứng vững. Đêm đó khói bếp thơm hơn, mùi sắn nướng như có thêm chút đường.

Tháng giêng năm 1980, Chủ tịch Pao tổ chức một buổi họp cán bộ cốt cán toàn huyện ở Mường Xén. Phòng họp lợp tôn, gió rít qua những khe hở như tiếng kèn ai oán. Cán bộ các xã đến, bộ đội địa phương cũng cử người nghe. Pao trải bản đồ ruộng nước, chỉ rõ từng vùng có thể chuyển:

- Bãi bồi Na Loi, chân đồi Chiêu Lưu, dải đất dọc Nậm Mộ. Ta cấy giống mới, ngắn ngày, chịu hạn khá. Ai ăn bớt hạt giống, xử phạt. Ai giữ giống tốt, nhân nhanh, thưởng.

Có người nhăn mặt:

- Giống này, nghe nói dưới xuôi đã thử, nhưng trên núi mình rễ có bám nổi đất không?

Kỹ sư Khang đáp:

- Ta sẽ thử hai ruộng mẫu, Chủ tịch sẽ ký hỗ trợ.

Chủ tịch Pao gật:

- Tôi ký ngay. Ai trồng lúa mới thất bát, huyện bù. Ai thành công, huyện nhân rộng.

Một tuần sau, hai ruộng mẫu cấy ở tận Na Ngoi. Cả bản kéo ra xem, mắt tròn xoe trước mấy hàng lúa nhỏ, rễ bám vào bùn.

- Như thế này mà ra bông được à? - một bà cụ thì thào.

Chủ tịch Pao nheo mắt nhìn nắng mỏng, nói với Khang:

- Chụp ảnh lại, gửi lên tỉnh, xin thêm giống.

Khang cười:

- Chủ tịch cũng biết làm thông tấn viên cơ à?

- Đói thì việc nào cũng làm. – Chủ tịch Pao nhắc lại câu nói đã thành quen trên môi ông.

Buổi chiều, ông quay vào Huồi Giăng, đứng trên bờ kênh nhỏ, nghe tiếng nước xuôi, bỗng thấy rõ rệt rằng nếu giữ được dòng chảy này, bà con sẽ không còn phải đổi vòng bạc lấy gạo nữa.

Nhưng đói không chỉ đến từ ruộng cạn. Nó còn đến từ tem phiếu mỏng như lá, từ cửa hàng mậu dịch đóng cửa vì hết hàng, từ những bàn tay đàn ông thiếu vắng, từ những lá thư đóng dấu đơn vị cứ ít dần rồi im hẳn. Ông không nói nhiều về chiến sự với dân bản, ông chỉ bảo Phòng Thương nghiệp huyện mở kho muối dự trữ, chia cho mỗi hộ một cân muối i-ốt mỗi tháng, ai thiếu cho viết tên. “Muối i-ốt để con mình không cảm điếc, không bị bướu cổ,” ông dặn, ánh mắt nghiêm đến mức ai cũng gật. Ông bảo Trạm xá phát màn tẩm thuốc, đi từng nhà buộc mùng, dạy bà con gài mùng trước khi khói bếp tắt. Đêm, ông ngồi trong phòng làm việc lạnh như hầm đá,

gối đầu lên tập công văn, nghe tiếng mưa gõ mái tôn, nghe tiếng bụng mình sôi vì bữa tối ăn vội một bát cháo loãng. Có lúc, mệt quá, ông mơ thấy cánh đồng lúa đồng đồng sóng sánh, rồi giật mình tỉnh dậy vì tiếng gõ cửa:

- Chủ tịch ơi, bản Phá Đánh có người vừa đẻ khó, xin xe chở ra huyện.

Ông bật dậy, chìa khóa xe đã nằm sẵn trong túi áo dạ, chiếc xe nổ máy trong ba mươi giây, đèn pha rạch đêm, thắng gấp ở từng ổ trâu. Đứa bé được đưa đến trạm xá kịp, tiếng khóc yếu ớt của nó trở thành âm thanh ngọt nhất đêm ấy.

Trên đường cứu đói, Chủ tịch Pao gặp không ít lời trách móc. Có người nói thẳng:

- Sao không xin tỉnh nhiều gạo hơn, Chủ tịch?

Ông không né:

- Tôi xin hết sức rồi. Nhưng xin mãi không bằng tự làm ra, nhiều nơi cũng như mình, tỉnh phải san sẻ. Hôm nay ăn cứu đói, ngày mai tĩa giống.

Lý luận đơn giản, rắn chắc như đá tảng ấy dần thay đổi nét mặt những người hay nghi. Bởi như Chủ tịch Pao hứa, gạo cứu đói đổ về bản dần đều, không dồn nơi, không bỏ nơi. Đội vận tải xã đội lái xe lai chạy tuyến ngày đêm, qua mỗi dốc bùn, qua mỗi cầu gỗ chòng chành. Có lần dây phanh đứt ngay đèo Cò Phạt, Lử nhảy xuống chèn đá, Chủ tịch Pao ôm vô lăng, tim đập như trống. Dừng được xe, ông ngồi thụp xuống đất, thở phào, rồi cười: “Mạng người quý hơn xe. Xe hỏng sửa được, người thiếu không bù.”

Mùa khô 1980, hai cọn nước đầu tiên của Huồi Bộ quay. Cánh cọn quét nước lên cao, đổ vào máng tre, tràn vào mương, rì rào như tiếng mưa rừng. Trẻ con chạy theo, reo:

- Ôi, ước đi trên trời!

Mùa Vả đứng sờ vào cánh cọn, mắt rung rung:

- Hồi chồng cháu còn ở nhà, anh ấy cũng mơ có nước thế này.

Pao đặt tay lên vai cô, không nói gì. Ông quay đi, nhìn mương nước trong như soi được bầu trời. Những thửa ruộng nhỏ lóm đóm như da báo đã ướt đều. Đến vụ, những bông lúa đầu tiên ở ruộng mẫu trở. Bản kéo nhau ra, xoa tay vào hạt cứng.

- Có mùi thơm, già Chư mỉm cười, răng đã rụng mấy chiếc.

Pao cầm một bông, nghiền nhẹ, hạt mảy. Ông không cười to, chỉ nói:

- Chúng ta qua được một cái dốc rồi.

Dù vậy, sốt rét vẫn lẩn như bóng ma. Một chiều, Vừ Chông Pao vào Chiêu Lưu, thấy cô giáo Mến ngồi thẫn thờ dưới góc ban trắng, mắt thâm quầng.

- Sao thế cô?

- Hôm nay bốn đứa ngất trong lớp. Cháu cho chúng ăn cháo, nhưng chúng đói quá, mắt cứ lịm...- Mến nói mà nước mắt ngấn nước vì thương trò.

Chủ tịch Pao nhìn cặp sách mỏng như không của lũ trẻ, đột ngột hỏi:

- Cô đọc cho tôi nghe một bài thơ của bọn nhỏ.

Cô Mến lục trong túi, rút ra một tờ giấy nhàu: “Con đường đất, vệt bánh xe/
Muối như sao, gạo như trắng/ Mẹ bảo: chờ Pao về/ Có cơm trắng, có tiếng khèn.”

Chủ tịch Pao gật đầu, giọng khàn đặc:

- Ngày mai tôi cho xe đến đây, phát bút giấy, sách. Cô đừng lo.

Ông nói với cô mà như nói với chính mình. Khi chiếc xe rời Chiêu Lưu, ông bảo Lữ:

- Cái bụng no mới học được chữ. Phải no trước đã.

Đầu 1981, ruộng mẫu ở Na Ngoi thêm hai thửa, ở Tà Cạ thêm một. Cả huyện có bảy cái cọn, nương nổi nương như những đường mạch mảnh khảnh. Pao phát động phong trào “hũ gạo chống đói giáp hạt”: mỗi nhà để riêng một hũ nhỏ, tháng nào cũng bốc một nắm bỏ vào. Ông đi từng bản, mở nắp hũ, khen nhà nào giữ nhiều, nhắc nhà nào lơ là. “Hũ gạo nhỏ mà lòng người lớn,” ông nói ở tất cả những nơi ông đến. Có nhà phản đối: “Nhà tôi còn chưa đủ ăn.” Ông gật: “VẬY ăn ít đi một bữa, bỏ vào hũ một nắm. Để lỡ đêm nào đó, nhà bên cạnh cạn cơm.” Lúc đầu người ta làm vì sợ, dần dần họ làm vì hiểu. Mùa giáp hạt 1981, hũ gạo mở ra ở Huồi Bộ đã cứu được ba nhà.

Có buổi trưa oi, Vừ Chông Pao ghé cửa hàng mậu dịch Mường Xén. Cửa đóng, tấm biển gỗ treo lệch: “Hết hàng.” Bên hiên, một bà già người Thái trái chiếu, tay cầm mấy thẻ phiếu mua hàng. “Bà ơi, sao không về?” – “Chờ, biết đâu có xe nào đồ hàng,” bà nói, mắt vẫn dán lên đường. Vừ Chông Pao ngồi xuống cạnh, hỏi tên, hỏi bản, rồi quay về ủy ban, ký ngay quyết định: “Mở điểm bán hàng lưu động.” Một tuần sau, chiếc xe lai chất muối, dầu hỏa, xà phòng, đỗ ở chợ phiên các bản. Người ta chen nhau, nhưng có số. “Đủ ăn, đủ sáng mới đủ sức,” Pao nhắc đi nhắc lại.

Tháng tám 1981, mưa lũ quét qua Xốp Nhị, nương vỡ ba đoạn, cọn gãy cột trụ. Đội dân công đang mệt rã rời vì gặt sớm để tránh lũ, nghe tin nương vỡ liền buông liềm chạy. Pao cũng có mặt. Ông chỉ tay:

- Kè đá chỗ này, lót tre chỗ kia. Ai biết buộc mây lại đây.

Lũ chạy đi chạt mây, Mùa Vả ôm bó tre, mồ hôi mắc thành từng sợi. Trưa, mưa nguội, nương đứng lại. Người ta ngồi bệt xuống bờ cỏ, ăn cơm nắm chấm muối. Vừ Chông Pao bốc nắm cơm, cười như trẻ:

- Có muối i-ốt, cơm mặn hơn.

Mọi người cười theo, nụ cười mỏng tang nhưng thật.

Cuối năm ấy, gạo cứu đói không còn cảnh chen lấn. Phát ở đâu, người xếp hàng ngay ngắn, già và trẻ đỡ nhau qua bậc thềm. Già Xia Chur mỗi lần nhận gạo lại nhắc đi nhắc lại:

- Có Chủ tịch Pao, bản mình không chết đói!

Vừ Chông Pao nghe, không trả lời nữa, vì ông biết dân nói để nhắc nhau, để ghi ơn nhau. Ông đi lặng, nhìn hạt gạo trắng trong lòng bàn tay những đứa trẻ, thấy nổi ám ảnh của những chiếc bụng lép đang nhẹ dần.

Mùa khô 1982, khi những bông lúa mới vàng cả một thung hẹp ở Na Ngoi, Vừ Chông Pao bảo người ta đặt một bàn thờ nhỏ giữa bờ ruộng: thắp một nén nhang cho những người đã mất vì bệnh sốt rét, vì tai nạn đói khổ, vì những năm dài bấp bênh. Ông cúi đầu, không nói gì. Gió thổi mùi lúa chín và mùi khói nhang trộn lẫn, ngọt và cay. Lát sau, ông nói với già bản Xia Chur:

- Đến lúc này, ta phải nghĩ chuyện lớn hơn. Đường.

Già bản Xia Chur nhìn hàng xe lai chở bao thóc lăn trên lối mòn, gật đầu:

- Nếu có đường, gạo đi nhanh hơn, muối lên kịp hơn, người ốm xuống huyện không phải khiêng.

Ý nghĩ ấy ở lại trong đầu Vừ Chông Pao, kết tinh từ những đêm ông ôm vô lăng vọt qua đèo lầy, từ những lúc ông đứng dưới mưa nhìn muông vờ, từ những bữa cơm nắm chấm muối i-ốt ăn vội bên bờ suối. Nhưng lúc này, ông chưa nói với ai khác. Việc trước mắt còn là hoàn tất vụ mùa, phòng cơn đói giáp hạt, đập nốt đợt sốt rét mới.

Một tối mịt mù sương, Vừ Chông Pao lại vào Huồi Bộ. Lửa nhóm giữa sân, người ngồi chật quanh, khèn Mông thổi một điệu không vui, không buồn, chỉ như nhịp thờ. Mùa Vả bé con, đứa bé giờ đã có má hồng.

- Nhờ có màn tẩm thuốc, nó không sốt nữa. - Cô nói, miệng cười tươi lần đầu kể từ ngày chồng đi. Pó Lý đem ra một túi ngô mới, khoe:

- Hạt to như răng lợn rừng.

Vừ Chông Pao nâng một bắp, ngắm nghĩa, gật gù:

- Ăn mừng bằng một chén thôi.

Ông nói, giơ bát rượu ngô:

- Đêm nay, tôi muốn nghe dân kể chuyện đói, để nhớ. Nhớ rồi thì không bao giờ cho nó quay lại nữa.

Người này kể chuyện nấu cháo cám, người kia kể chuyện chia nhau một củ khoai, người khác kể chuyện đi bộ hai ngày đói muối mà về tay không. Có người kể chuyện bán vòng bạc tổ tiên để mua gạo rồi lại mua lại sau khi được phát gạo cứu đói, cúi mặt thẹn.

Vừ Chông Pao nghe, đôi khi chen vài câu hỏi nhỏ:

- Khi đó, ai giúp bà?

- Con gái nhà bên. – bà lão ngồi bên trả lời.

- Thế khi nhà bên thiếu, bà có nhớ trả không?

- Có, bà mang gùi măng sang.

Ông gặt đầu, âm lòng vì cái dây neo vô hình giữ người với người. Rồi ông bảo:

- Ngày mai ta khơi thêm một nhánh nương. Mùa tới, mỗi nhà gieo thêm một luống khoai, trồng thêm một hàng đậu. Đậu giữ đất, khoai giữ bụng.

Mấy chị phụ nữ nhìn nhau, cười rúc rích: “Giữ chồng luôn.” Vừ Chông Pao bật cười, lửa bập bùng soi những nếp nhăn mới nơi khóe mắt ông.

Sáng sớm, tiếng gà chưa kịp gáy đã nghe tiếng cuốc. Nương mới dài chỉ mười hai sải tay, nhưng nổi được hai thửa ruộng. “Tùng chút một,” Pao nói khi ngồi nghỉ trên phiến đá, tay vuốt những hạt cát dính trên ông quần dạ. Lữ từ xa chạy lại, báo:

- Huyện gọi, tỉnh cấp thêm cho ta năm tấn muối i-ốt, hai mươi cuộn mùng, một ít thuốc sốt rét.

Vừ Chông Pao mỉm cười, ánh mắt dịu đi:

- Chở thẳng xuống Chiêu Lưu. Nhớ dặn người ta: buộc màn trước khi tắt bếp.

Ông quay sang già Xia Chur:

- Giữ sổ muối thật chặt. Muối quý hơn vàng.

Già bản Xia Chur nghiêm mặt:

- Vàng không ăn được. Muối ăn được.

Cả hai cùng cười, tiếng cười nhẹ như hơi sương.

Những ngày sau đó, Kỳ Sơn không còn là chuỗi ngày chỉ có tiếng thở dài. Ở các bản, người ta bắt đầu dựng giàn bí, đan giỏ phơi ngô, trồng hàng đậu quanh nhà. Cô giáo Mến mở lại lớp, tiếng trẻ ê a vấp vấp mà rộn. Trạm xá huyện đổi phiên trực, đèn sáng cả đêm. Những đứa trẻ bụng đỡ ỏng, da bốt vàng. Nhưng thỉnh thoảng, sốt rét lại như con thú rình rập, lao đến cào một xóm. Mỗi lần như vậy, Vừ Chông Pao lại xuất hiện, hoặc đích thân, hoặc cái bóng chiếc Comangca với thùng thuốc. Ông không hứa nhiều, chỉ hỏi: “Sốt từ khi nào? Có ăn được không?” rồi đặt một gói thuốc, một chiếc mùng, dặn mấy câu ngắn gọn. Lời dặn của ông không hoa mỹ, nhưng đọng như muối trên đầu lưỡi.

Cuối mùa mưa 1982, Vừ Chông Pao quyết định tổ chức một buổi “phát gạo mừng vụ” ngay tại Huồi Bộ – nơi lần đầu ông nghe câu “Có Chủ tịch Pao, bản mình không chết đói!”. Sân bản được quét sạch, một cây nêu bằng tre dựng lên buộc những dải vải chàm và bắp lúa mới. Già bản Xia Chur mặc áo chàm mới, đội khăn trắng, tay cầm chiếc phăng cũ. Mùa Vả bé con trai đã cứng cáp, áo nó may bằng vải chàm có thêu những đường chỉ đỏ run rẩy nhưng đẹp. Pó Lỳ đeo chiếc khèn đã mòn một lỗ vì dùng nhiều. Khi Chủ tịch Pao đến, người ta tự động tránh thành lối. Ông bước vào, nhìn quanh, rồi chậm rãi nói:

- Ba năm qua, bản qua đói, qua bệnh. Không ai bị bỏ lại. Từ hôm nay, ta phát gạo ‘mừng vụ’ – mỗi nhà một đấu, để hũ gạo không bao giờ cạn. Ai khó hơn, nhận thêm. Nhưng nhớ: để một nắm trong hũ, cho nhà bên.

Ông đưa tay nhận bát rượu ngô, uống một ngụm, cay đến ứa nước mắt mà vẫn cười:

- Rượu này ngon hơn năm trước.

Người ta cười ồ, tiếng cười như từng giọt nắng vỡ trong sương mù.

Đến phút phát gạo, ông chủ ý bảo mấy đứa trẻ lên trước. Ông cúi xuống, đặt vào tay đứa bé của Mùa Vả một túi vải nhỏ:

- Đây gọi là ‘gạo hũ’. Con giữ cho mẹ. Khi nhà bên hết, con đem sang một năm.

Đứa bé gật đầu, mắt đen láy. Pao đứng thẳng lên, giọng bỗng rắn như đá núi:

- Đất này còn nghèo. Nhưng người không nghèo tình. Cần nhất là giữ nhau. Hôm nay ta mừng vì đã đứng được trên đôi chân mình. Ngày mai ta sẽ đi xa. Con đường sẽ đi qua đây, và sẽ mở đến những bản xa hơn.

Lời ông khiến nhiều người ngơ ngác – con đường? – nhưng chưa ai hiểu hết. Chỉ có già Xia Chư nhìn xuống dải đất mới dầm bùn phẳng như con trăn nằm ngủ, khẽ gật, như thể ông thấy trước một đàn xe sẽ đi qua. Còn đêm ấy, chỉ có tiếng khèn Mông réo rắt, tiếng trống Thái điểm nhịp, tiếng chó sủa, tiếng cười và cả tiếng thờ phào dài sau những mùa đói.

Khi người đã vắng, Vừ Chông Pao ngồi lại bên khe, đốt một điếu thuốc, nhìn đóm lửa nhỏ trên đầu điếu nhảy nhót như con đom đóm lạc mùa. Lử ngồi cạnh, chân đu đưa trên mép đá, hỏi:

- Chủ tịch, sao lúc nào cũng nhìn xa?

Vừ Chông Pao dụi tàn thuốc, cười:

- Vì nếu chỉ nhìn bát cơm trước mặt, mình sẽ quên cái ruộng sau lưng. Nếu chỉ nhìn mùa này, mình sẽ quên mùa sau. Đói đến nhanh như lũ, nhưng no đến chậm như dòng mương. Phải đi trước một bước.

Lử trầm ngâm:

- Đi trước một bước thì lạnh hơn.

- Có lửa – Vừ Chông Pao nói, nhặt thêm mấy cành khô, đẩy vào đống than. Lửa bùng lên, mặt cả hai ấm lại.

Trong ánh lửa ấy, Vừ Chông Pao nhớ như in những buổi phát gạo đầu tiên: tiếng khóc, tiếng cảm ơn, những bàn tay khô như cành củi, những đôi mắt trẻ trong veo nhìn hạt gạo sáng lấp lánh. Ông nhớ cả mùi mồ hôi trong kho lúa huyện, mùi dầu máy của chiếc xe mỗi khi phải ngâm bụi bùn rồi thay lọc gió, nhớ những đêm ngủ gục trên ghế, tỉnh dậy thấy tờ phiếu xin muối dính mồ hôi bàn tay. Ông nhớ bờ mương mới kè, nhớ chiếc cọn quay như bánh xe của một vận mệnh chậm rãi mà bền bỉ. Tất cả chùng lên nhau như những lớp sương đêm, mỗi lớp một mùi, một cảm giác, không nhâm lẫn. Ông biết giai đoạn 1979–1982 sẽ còn ở lâu trong ký ức, như một vết hằn nhắc người ta phải biết sợ cái đói mà siết chặt tay nhau.

Rạng sáng, sương tan dần. Từ dãy Pu Xai, một dải nắng mới mỏng như sợi tơ vắt qua thung. Mấy con gà lục cục bới rơm bên hiên, tiếng trẻ ê a đọc bài “hũ gạo chống đói” vấp vấp mà giòn. Vừ Chông Pao đứng dậy, phúi đất trên ống quần, vỗ nhẹ vào vai Lử:

- Về huyện thôi. Còn nhiều việc.

Chiếc xe com mặng ca màu xanh rêu nổ máy, khói trắng phả ra sau, kèn nhe một tiếng như chào bản. Bánh xe lăn qua lồi mòn còn ướt, để lại hai vệt in rõ trên đất. Ở sân bản, già Xia Chur đứng chống phảng nhìn theo, miệng lầm rầm như đọc lời khấn: “Có Chủ tịch Pao, bản mình không chết đói.” Mùa Vả bế con, đưa bé vẩy bàn tay nhỏ xíu theo chiếc xe xa dần. Trên thùng xe, mấy bao gạo đã phát gần hết, chỉ còn mấy túi giống được buộc cẩn thận, rung khẽ theo ổ gà. Chúng là những hạt no của mùa tới, là lời hứa lặng lẽ của một người đàn ông ít nói.

Con đường về Mường Xén gập ghềnh nhưng sáng hơn hôm qua. Bên phải, nương nước lấp lánh như con rắn bạc chạy song song, bên trái, đám ruộng nhỏ loang lổ màu xanh non. Vừ Chông Pao mở cửa kính, để gió lạnh tạt vào mặt. Ông không cảm thấy lạnh nhiều nữa. Trong đầu ông, những công việc nối nhau như cánh cọn: nhân giống thêm ở Na Ngoi, xin thêm mùng cho Chiêu Lưu, dạy đỡ chữ cho mấy đứa trẻ hay ngát trên lớp, lập đội dự trữ muối của huyện, dựng thêm hai cọn ở Huồi Bộ, khơi thêm ba nhánh nương ở Tà Cạ, nhờ Khang vẽ thiết kế nương cao một chút để mùa lũ khỏi tràn, bảo Pó Lý đi vận động thanh niên đổi công tria ngô ngay khi mưa đầu mùa, nhắc Mùa Vả ghi tên những nhà có người đi bộ đội để trạm xá ưu tiên thăm nom. Trong tiếng máy đều đều, ông nghĩ đến một thứ nữa, cao hơn cả nương và cọn: đường. Con đường như một mạch lớn sẽ nối những mạch nhỏ đã khơi. Ông thấy rõ từng khúc cua, từng cái cầu cần bắc, từng đoạn phải phá đá, từng bản sẽ có chợ khi xe chạy tới. Ông chưa nói ra, vì còn sớm. Nhưng ánh nhìn của ông đã khác: nó không còn chỉ chăm chăm vào bát cơm tối nay, mà đã nhìn thấy cả bữa cơm của nhiều năm sau.

Chiều, ông lại ghé cửa hàng mậu dịch. Lần này, cửa mở. Trên kệ có muối i-ốt, vài bánh xà phòng, mấy chai dầu hỏa. Người bán mậu dịch cười ngượng khi thấy ông:

- Hôm nay có hàng bác ạ.

Vừ Chông Pao cười, bảo:

- Giữ lại một ít mang lên Huồi Bộ.

Rồi ông đi bộ qua sân ủy ban, nơi một bảng đen vừa viết bằng phấn: “Ba không: Không để người chết đói; Không để nhà bị bỏ hoang; Không để trẻ bỏ học.” Ông dừng chân, nhìn hàng chữ ấy thật lâu. Nó như ba cột mốc ông đã dựng được trong những năm tối tăm vừa qua. Tối, ông lại ngồi bên bàn, lật sổ, kê ô, ghi tên bản, tên người, những con số gạo, muối, mùng, thuốc. Đến dòng “Huồi Bộ – phát gạo mừng vụ”, ông chậm tay, thêm một dấu chấm. Một dấu chấm nhỏ, nhưng tròn, như hạt gạo trắng.

Khi đêm xuống, ông trở về phòng nghỉ, nằm ngửa, nhìn mái tôn mờ trong bóng tối. Ông nghĩ về những mùa lúa sau này, về tiếng khèn vào lễ mừng lúa mới, về bọn trẻ ê a đọc bài mà không còn ngắt vì đói. Ông nghĩ đến những người đang ở xa biên, sẽ có ngày trở về đi trên con đường chưa có tên mà ông đã thấy trong đầu. Ông nghĩ và mỉm cười, tay đặt trên ngực, nơi trái tim vẫn đập đều đặn như một cơn nước không mỏi. Ngoài kia, sương lại giăng, gió lại lùa, núi rừng vẫn lạnh. Nhưng lòng người đã ấm, như lửa nhóm giữa khe đá, như hũ gạo để dành, như ánh đèn của chiếc com măng ca đêm nào chẻ bóng tối mà vào bản: nhỏ nhưng bền, ít nhưng chắc, âm thầm mà dẫn đường. Và từ âm ấy, Kỳ Sơn bước qua nạn đói, bước vào mùa mới – rất chậm mà rất thật, bằng mồ hôi, bằng hạt gạo, bằng nương nước, bằng mừng tằm thuốc, bằng tiếng khèn Mông lẫn trong gió và bằng một niềm tin không cần nói lớn: “Có Chủ tịch Pao, bản mình không chết đói.”

Chương 15:

1. Đầu năm 1979, khói súng biên giới phía Bắc bốc lên ngùn ngụt. Tin chiến sự dội về dãy Pu Xai làm rung chuyển từng bản làng Kỳ Sơn. Những cuộc họp bất thường nối nhau trong trụ sở huyện. Trên bàn làm việc của Chủ tịch Vừ Chông Pao, điện khẩn đỏ dấu liên tục đặt xuống: tổng động viên toàn tỉnh, toàn huyện sẵn sàng chi viện cho mặt trận.

Chưa bao giờ Kỳ Sơn chứng kiến một đợt huy động lớn đến thế. Các ngã đường nhộn nhịp bước chân trai gái. Thanh niên người Thái, Khơ Mú, Mông, Kinh gác lại rẫy bắp, nương lúa, gác lại lớp học dở dang, khoác ba lô lên đường. Những học sinh vừa tròn mười tám, đôi mắt còn lấp lánh mộng mơ, giờ đứng thẳng hàng giữa sân Ủy ban chờ gọi tên. Bộ đội dự bị được lệnh tập kết về Keng Đu, Na Loi, Hữu Kiệm. Nhiều gia đình buổi sáng còn nghe tiếng con gọi mẹ, chiều đã thấy cờ tiến con qua bên bên xe.

Trong một cuộc họp tại Na Lượng, Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thắng nói, giọng nghẹn lại:

– Kỳ Sơn nghèo, nhưng Kỳ Sơn không thiếu người gánh việc nước. Ai đủ tuổi, đủ sức thì đi; ai ở lại thì giữ lấy hạt thóc, giữ lấy phai muông, giữ lấy bản làng.

Vừ Chông Pao gật đầu, mắt quét qua gian họp đầy khói bếp:

– Giữ biên giới không chỉ bằng súng, mà bằng cả hạt cơm no. Người đi chiến trường cần có người ở nhà làm. Một gánh nặng chia đôi, mới nhẹ.

Những ngày đó, trên khắp nẻo Kỳ Sơn, vừa là tiếng hát tiến đưa, vừa là tiếng mõ trâu gõ xuống bờ nương. Bộ đội lên đường, cán bộ xuống bản dặn dò: “Vụ này gieo sớm, giữ nước kỹ, kéo lũ về”. Phụ nữ gùi gạo, trẻ nhỏ trông trâu, người già ngồi bên bếp, chặt chiu từng gùi thóc.

Cuối năm 1979, những cơn gió mùa khô nóng lại tràn qua dãy Pu Xai, thổi dọc miền biên viễn Kỳ Sơn. Đã mười năm kể từ ngày huyện triển khai chủ trương định canh định cư, ruộng nước bắt đầu phủ xanh những thung lũng. Nhưng cái no vẫn chưa bền. Cả huyện còn phải gánh nặng lương thực, mùa mưa thì úng, mùa khô lại hạn. Bà con lắc đầu:

– Nước như con lươn, lúc thì tràn bờ, lúc khô cạn đáy.

Chính quyền huyện đã bàn nhiều lần, cuối cùng thống nhất: phải khai hoang phục hóa, đi đôi với xây dựng thủy lợi, thủy điện Huồi Giăng, để giữ nước, giữ đất, giữ cả nguồn sáng cho huyện lỵ Mường Xén.

Một ngày đầu xuân 1980 ở Kỳ Sơn mang theo hơi sương lạnh còn sót lại từ những đỉnh núi Pu Xai. Cái rét đầu mùa làm đôi bàn tay của những người thợ dựng lán, xẻ núi run run, nhưng cũng không làm giảm khí thế của cả huyện khi công trình thủy điện – thủy lợi Huồi Giăng chính thức khởi công. Từ sáng sớm, đoàn cán bộ huyện, thanh niên xung phong, dân bản từ các thôn Huồi Giăng, Xóp Thập, Mường

Lống, Mường Xén đã kéo về khu vực công trình, nơi một thung lũng rộng rợp bóng tre, nứa và lau sậy hoang dại.

Đường vào Huồi Giăng còn nhỏ, chỉ vừa đủ một chiếc ngựa đi, nhiều đoạn phải lườn qua khe đá, qua những con suối cạn mùa khô. Trước khi chính thức khởi công, Vừ Chông Pao đã đi tiên trạm nhiều lần: lội suối, leo đèo, đo đạc mực nước, khảo sát từng vạt đất để quyết định vị trí đập, kênh dẫn, khu vực nhà máy. Mỗi bước chân ông đi, cả đoàn theo sát, ghi chú từng hốc đá, từng khe nước, tay cầm cuộn sổ, đôi mắt nhạy bén quan sát mọi chuyển động của thung lũng. Dân bản theo ông vừa tò mò vừa háo hức, bọn trẻ chạy theo, tay nắm đá, chân lấm bùn, tiếng cười vang lấp cả khe núi.

Ngày khởi công, khí trời lạnh nhưng lòng người như ấm hẳn. Tiếng mõ bản vang vọng dọc sườn đồi, báo hiệu sự kiện trọng đại. Trên một bụi gỗ tạm dựng, Vừ Chông Pao đứng giữa bà con, áo chàm phai màu, vai khoác chiếc gùi mộc, tay cầm loa pin, giọng vang xa:

– Bà con mình đã có đất để làm ruộng nước, đã có giống lúa mới, nhưng nếu thiếu nước, thiếu điện, vẫn đói. Huồi Giăng sẽ giữ nước cho ruộng đồng, làm ra điện cho thị trấn Mường Xén, cho các bản. Chúng ta không chỉ khai hoang phục hóa, mà còn mở đường cho tương lai huyện Kỳ Sơn.

Tiếng vỗ tay vang lên rền cả thung lũng. Một cụ già người Thái, râu bạc, khề gật đầu:

– Hồi xưa cha tôi nói, muốn lúa tốt phải dẫn nước về. Hôm nay, huyện làm điều cha tôi chưa dám mơ.

Bà con bàn tán xôn xao: một số lo lắng đường khó, thiếu vật liệu, sợ công trình thất bại, trong khi thanh niên háo hức, tay nắm xẻng, mắt sáng ngời:

– Đi xem Huồi Giăng, lần đầu tiên mình được thấy công trình lớn như vậy!

Ngày khởi công, mọi người làm việc xuyên đêm, ánh đuốc cháy bập bùng trên bãi đất rộng, tạo thành những bóng người lom khom. Mưa xuân bắt chợt trút xuống, cát đá ướt sũng, bùn trơn lầy lội. Nhưng không ai rời chỗ. Vừ Chông Pao đứng giữa đoàn, áo chàm dính bùn, chân đi ủng cao, giơ tay chỉ dẫn:

– Dựng cột ở đây! Chuyển đá sang kia! Nước mưa không phải lý do để dừng công việc!

Lán trại cho cán bộ và công nhân dựng tạm bằng tre nứa, lợp bạt, mùi tre tươi, đất ẩm và khói bếp trộn lẫn. Vừ Chông Pao ngủ lại lán, trải chiếu, gói áo chàm, để có thể ra sớm xem dòng nước đêm qua dâng thế nào, kênh bị sạt chỗ nào. Sáng sớm, trước khi gà gáy, ông đã lội qua mấy đoạn suối, đo mực nước, kiểm tra việc vận chuyển đá và xi măng từ Mường Xén lên công trường.

Trước mắt cả huyện, Huồi Giăng là một bãi đất trống với tre nứa um tùm, nhưng trong mắt Vừ Chông Pao, nơi đây đã trở thành tấm bản đồ sống, nơi sẽ viết nên một chương mới cho Kỳ Sơn. Những sợi mây lơ mờ quấn quanh đỉnh núi như

dải lụa, ánh nắng đầu ngày phản chiếu trên mặt suối, và ông biết, từ hôm nay, từng viên đá, từng luống tre sẽ trở thành chứng tích cho quyết tâm của cả huyện.

Ông không chỉ khai mỏ, đắp bờ, đo đạc, mà còn thuyết phục dân bản tham gia:

– Cùng nhau làm, không ai bỏ cuộc, không ai đứng ngoài. Đây là công trình của mình, cho mình và con cháu.

Trẻ con chạy theo ông, học cách xách đá, bắc ghép cây, tiếng cười, tiếng hò dô của thanh niên vang lên giữa núi đồi. Một thanh niên mới mười tám, lần đầu cầm xẻng, vừa làm vừa nói với bạn:

– Nhìn ông Pao, tay nắm cuốc mà còn đi khắp công trường, mình phải cố gắng thôi!

Và thế là, dưới sương sớm, bùn đất, ánh đuốc đêm và tiếng hò reo, công trình Huồi Giăng chính thức bắt đầu. Không chỉ là thủy lợi, thủy điện, mà còn là biểu tượng ý chí, đoàn kết và sức sống mới của Kỳ Sơn, nơi người dân lần đầu nhận ra rằng, từ bùn đất, mồ hôi, và lao động tập thể, ánh sáng và mùa màng no đủ sẽ đến.

*

* *

Những ngày đầu khai công Huồi Giăng, công trường nhộn nhịp từ sáng đến tối. Ánh bình minh vừa ló rạng, từng tốp thanh niên, dân bản, bộ đội biên phòng đã có mặt, mang theo xẻng, cuốc, gùi đá và xi măng. Đường mòn quanh co dẫn từ Mường Xén lên Huồi Giăng giờ đây người, ngựa và băng treo vật liệu. Cơn mưa xuân đêm trước làm bùn trơn, đất nặng, nhưng không làm giảm nhịp bước hối hả.

Vừ Chông Pao vẫn áo chàm, đi giữa dòng người, tay cầm thước, mắt quan sát từng đoạn đường, từng luống đất. Mỗi khi phát hiện chỗ sạt, ông lại gọi nhóm thợ:

– Chỗ này đất trượt rồi, nhanh lên, đắp bờ, đầm chặt!

Đội ngựa vận chuyển đá, xi măng, tre, nứa nối nhau trên con đường đất đá, tiếng vó ngựa lộc cộc, tiếng xẻng đào, tiếng hò dô vang vọng giữa núi. Có lúc, một tốp công nhân bị mệt, dừng lại ngồi nghỉ, Vừ Chông Pao liền tiến đến, giọng vừa nghiêm vừa ân cần:

– Không ai làm thay chúng ta. Hãy đứng lên, lát nữa nghỉ cũng được, nhưng bây giờ phải đẩy nhanh!

Ngoài công việc lao động, khí thế công trường còn được nâng lên bởi những âm thanh của lời ca, tiếng hát. Huyện đã cử một đội văn nghệ đi phục vụ: vài cô gái Thái, Mông, Khơ Mú mặc váy thổ cẩm, khăn đội đầu, tay cầm chiêng, trống, đàn môi, tiếng hát hòa cùng nhịp búa, nhịp cuốc.

Buổi trưa, khi công nhân và dân công nghỉ ăn, đội văn nghệ dựng một gian nhỏ cạnh lán trại, mở đầu bằng bài “Đi lên từ núi cao”: tiếng chiêng vang vọng dọc khe suối, tiếng trống rộn rã, từng giai điệu đi vào lòng người:

– “Núi cao sông rộng, ta đi lên, dựng đập xây mương, dựng tương lai...!”

Thanh niên gục mệt cũng đứng lên theo nhịp, tay quơ cuốc, hò dô nhịp nhàng. Trẻ con vắt vẻo trên bờ kênh nhún nhảy theo tiếng hát, cười vang khắp thung lũng. Những bài ca ấy không chỉ là giải lao tinh thần, mà còn là chất keo gắn kết bà con với công việc, biến mệt mỏi thành niềm vui, biến công trường thành không gian sinh hoạt, sinh khí và đoàn kết.

Mưa xuân đôi lúc trút xuống, làm đất nặng thêm, kênh đào lầy lội, nhưng khi tiếng trống chiêng vang lên, mọi người lại hăng say. Các cụ già, dù lưng đã còng, cũng mang theo gùi cát, đá nhỏ, tay nắm cuốc, gặt gù theo nhịp hát. Một cụ già người Thái đứng nép bên bờ, nói với con cháu:

– Xem, cả bản mình hòa cùng núi rừng, tiếng hát hòa cùng lao động. Đây mới là tinh thần.

Cảnh tượng ấy làm cho Vừ Chông Pao cảm thấy ấm lòng. Ông không đứng trên bục hay phát biểu nhiều, mà tự mình hòa vào dòng người: xắn tay áo, chân dẫm bùn, hướng dẫn cách đào kênh, cách đắp đập. Có hôm, ông cùng một tốp thanh niên lội qua mấy trăm mét nước lũ để kiểm tra mương dẫn nước, vừa đi vừa hò theo nhịp hát:

– “Nước về ruộng đồng, lúa lên cao, đồng bào Kỳ Sơn không còn đói khát!”

Từ sáng đến chiều, công trường không hề tắt tiếng. Những tốp khác vẫn miệt mài mở đường vận chuyển vật liệu: ngựa kéo đá từ khe núi, thanh niên xách xi măng lên bãi, đàn bà mang cơm nắm cho công nhân. Tiếng xẻng, tiếng búa, tiếng vó ngựa, tiếng hát và tiếng hò dô đan xen, tạo thành khúc đồng ca của lao động, vang giữa sườn núi, lọt vào từng khe suối.

Một điểm nổi bật của công trường Huồi Giàng là sự đồng bộ giữa lao động và văn nghệ. Khi mệt quá, các công nhân được động viên bằng bài hát, tiếng chiêng dẫn nhịp: mọi người vừa di chuyển đá vừa nhún nhảy theo nhịp hát, biến công việc nặng nhọc thành trò chơi, tạo khí thế mạnh mẽ. Đêm đến, khi mọi người dựng lán nghỉ, đội văn nghệ vẫn biểu diễn quanh đồng lửa, kể chuyện dân gian, kể chuyện Kỳ Sơn, nhắc nhở mọi người về lý do phải lao động cực nhọc: vì nước, vì điện, vì mùa màng, vì tương lai của con cháu.

Vừ Chông Pao thường đứng bên, lặng lẽ quan sát: trẻ con theo ông học cách xách gùi, thanh niên học cách đào kênh, dân bản học cách vận chuyển vật liệu, trong khi âm nhạc và lời ca thấm vào tâm hồn họ. Mỗi đêm, ông đều ghi lại trong sổ: *"Khí thế này, niềm vui này, sẽ biến Huồi Giàng thành minh chứng sống cho sức mạnh của lao động và đoàn kết dân tộc."*

Ngay cả những lúc gặp trở ngại – mưa lũ, đất sạt, đá lở, xi măng trễ – khí thế công trường không hề giảm. Thanh niên hò dô theo nhịp hát, đàn bà chạy qua những đoạn bùn lầy đưa nước uống, trẻ con nhặt đá nhỏ bỏ vào bờ. Tiếng hò, tiếng hát, tiếng cười vang cả thung lũng, khiến những thử thách tưởng chừng ngăn cản bỗng trở nên nhẹ nhàng hơn.

Và chính từ những ngày này, Huồi Giàng không chỉ là công trình thủy lợi – thủy điện, mà còn là biểu tượng của tinh thần lao động, đoàn kết và niềm tin vào

tương lai, nơi mỗi người đều thấy vai trò của mình, và nơi Vừ Chông Pao, bằng gương mẫu và cương quyết, truyền cảm hứng để cả huyện cùng tiến bước.

*

* *

Trời Huồi Giảng tối sầm lại sớm hơn mọi hôm. Ánh trăng bị mây che khuất, chỉ còn những đóm lửa từ đồng ruộng lập lòe trên bãi đất rộng. Vừ Chông Pao tập họp cán bộ và dân bản quanh đồng lúa lớn, dựng tạm một gian lán bằng tre nứa làm chỗ họp. Mùi bùn, tre ẩm, khói củi quện vào không khí, khiến mọi người vừa rét vừa ấm áp.

Ông mở đầu cuộc họp bằng giọng trầm nhưng đầy uy lực:

– Huồi Giảng là công trình trọng đại, nước từ đây sẽ dẫn về ruộng đồng, điện sẽ thấp sáng cho thị trấn Mường Xén. Nhưng công việc sắp tới sẽ gian khổ, nhiều thử thách: mưa gió, bùn lầy, đá nặng... Nếu chúng ta không đoàn kết, không quyết tâm, sẽ thất bại.

Bà con bản Huồi Giảng lắng nghe, một số tỏ ra lo lắng:

– Dân bản quen làm nương rẫy, lúa rẫy năng suất thấp nhưng quen tay. Chuyển sang ruộng nước, ai làm cho được?

Ông Pao nhẹ nhàng nhưng kiên quyết:

– Tôi hiểu nỗi lo của các ông, các bà. Nhưng không còn cách nào khác. Chỉ khi khai hoang, dẫn nước, trồng lúa nước mới đủ ăn, mới vượt qua đói khát. Chúng ta sẽ làm từng bước, tôi sẽ đi cùng các ông, từng bản, từng nương, từng luống.

Tiếng chiêng nhẹ vang lên bên ngoài, đội văn nghệ tập trung sẵn, vừa để phục vụ vừa để nâng tinh thần:

– “Một hai ba, nước về ruộng đồng, lúa cao ngọn, đời vui tươi!”

Cả nhóm cất tiếng hò theo nhịp chiêng, tiếng hát lan vào lán họp. Người già gật gù, thanh niên nở nụ cười, trẻ con nhún nhảy theo nhịp. Những lời ca ấy như sợi dây kết nối mọi người, truyền niềm tin và năng lượng lao động.

Cuộc họp không chỉ là thảo luận kế hoạch, mà còn là lễ khởi động tinh thần, để dân bản cảm nhận ý nghĩa lao động, trách nhiệm và niềm vui đoàn kết. Ông phân công từng nhóm: một nhóm đào kênh dẫn nước từ suối vào ruộng thử, một nhóm đắp bờ đập, một nhóm vận chuyển vật liệu. Ông nhấn mạnh:

– Khi mệt, hát lên, cùng động viên nhau, đừng bỏ cuộc. Lao động và niềm vui phải đi cùng nhau.

Khi cuộc họp kết thúc, trời vẫn tối, bùn đất nhão, mưa xuân lất phất. Nhưng tinh thần mọi người bừng sáng, họ bắt đầu phân công, lội xuống nương, xách đá, dựng cột tre, mở đầu cho những đêm lao động không ngừng nghỉ, kéo dài tới bình minh.

Vừ Chông Pao đi giữa dòng người, áo chàm ướt bùn, tay cầm đèn pin, đôi mắt nhấp nháy quyết tâm. Mỗi bước chân ông trên đất trơn lầy đều khiến dân bản nề phục và hăng hái hơn. Những cột tre lớn, được chọn kỹ, được dựng lên bằng dây thừng, thanh niên kéo căng, người già giữ cân bằng. Tiếng búa, tiếng xẻng, tiếng vó ngựa vận chuyển vật liệu, hòa cùng tiếng hò dô và bài hát lao động, tạo thành khúc đồng ca sống động của lao động tập thể.

Đêm khuya, khi gió thổi mạnh, nước từ mưa xuân tràn vào kênh đào, một số đoạn sạt, công nhân la lên:

– Nước cuốn mất rồi!

Ngay lập tức, Vừ Chông Pao bước tới, tay cầm cuốc, hướng dẫn từng bước:

– Chạy theo nước, đào lại bờ, dùng đất đắp chặt, không để trôi lần nữa!

Đội văn nghệ, mặc trang phục thổ cẩm của dân tộc Thái, Mông, Khơ Mú, vẫn vừa nghỉ vừa hát:

– “Nước về ruộng đồng, lúa lên cao, đồng bào Kỳ Sơn không còn đói khát!”

Tiếng hát, tiếng lăm vang lên dẫn nhịp cho lao động, mọi người vừa đào, vừa vận chuyển vật liệu, vừa nhún nhảy theo nhịp hát. Trẻ con chạy theo, tay cầm những viên đá nhỏ, học theo người lớn. Những bài hát dân gian được chuyển thành lời hò nhịp lao động, hòa cùng tiếng búa, tiếng cuốc, tiếng vó ngựa.

Mỗi khi một đoạn kênh hoàn thành, ông Pao đứng trên bờ nhìn dòng nước đang chảy theo mương, gật gù:

– Rõ ràng, đây là dòng nước sẽ nuôi ruộng đồng cả bản.

Thanh niên mệt mỏi ngồi nghỉ cạnh đồng ruộng, nhìn ông:

– Ông Pao, ông còn làm cùng chúng tôi sao?

Ông mỉm cười, tay vẫn cầm chặt đất:

– Công trình của dân, phải đi cùng dân. Không làm cùng họ, sao biết chỗ nào khó?

Đêm dài, gió lạnh thấu xương, bùn dính vào ủng, áo chàm sũng mồ hôi, nhưng không ai rời chỗ. Tiếng hát, tiếng hò dô, tiếng cười vẫn vang vọng. Có những đêm mưa rào, nước suối tràn, mương bị cuốn, Pao cùng dân bản sửa đập, đắp bờ đến nửa đêm. Bà con lão làng, dù tuổi đã cao, vẫn mang gùi đất, đá theo nhịp hò:

– Chỉ cần đoàn kết, không gì là không thể!

Cảnh tượng ấy trở thành bức tranh sống động về tinh thần lao động và đoàn kết. Những thanh niên lần đầu làm ruộng nước, lần đầu nhìn cột tre dựng lên giữa bùn lầy, giờ học được cách phối hợp nhịp nhàng với nhau. Bà con già cũng tham gia, nhắc nhở lớp trẻ cách giữ thẳng bằng khi kéo tre, tránh té ngã.

Một đêm, khi mưa tạnh, Vừ Chông Pao cùng một tốp công nhân đi kiểm tra toàn bộ kênh dẫn nước. Mặt đất còn ướt, mùi đất mưa trộn mùi tre nứa và khói đuốc.

Ông cúi xuống, nhặt một viên đá lớn, đặt vào bờ mương:

– Chỗ này phải đảm chắc, nước không được rò rỉ. Mỗi viên đá là một hạt lúa cho năm sau.

Người thanh niên đứng cạnh ông thở hồng hộc:

– Ông Pao, bọn cháu chưa bao giờ thấy công việc nào khó và vui như vậy.

Ông gật đầu, mắt nhìn dòng nước chảy nhẹ:

– Khó khăn hôm nay sẽ thành mùa màng no đủ mai sau. Lao động là ánh sáng cho tương lai.

Đêm về sáng, ánh bình minh xuyên qua sương núi, mây sớm vương trên đỉnh, ánh sáng vàng len lỏi qua từng khe núi. Vừ Chông Pao đứng bên bờ kênh, nhìn dòng nước chảy, lặng lẽ ghi trong sổ:

"Đêm dài lao động, mưa gió, bùn đất, nhưng lòng người sáng như ánh đuốc. Huồi Giảng là minh chứng sống cho sức mạnh đoàn kết và niềm tin vào tương lai."

Cả thung lũng như rung động theo nhịp lao động, tiếng hát, tiếng lăm, tạo thành cao trào cảm xúc và khí thế của công trường Huồi Giảng, nơi mỗi người đều thấy mình là một mắt xích quan trọng trong dòng chảy của lao động, hy vọng và tương lai Kỳ Sơn.

*

* *

Công trình Huồi Giảng là một trong những dự án thủy lợi – thủy điện trọng điểm của huyện Kỳ Sơn, nhưng điều khó khăn nhất lại không phải là đào kênh hay đắp đập, mà chính là vấn đề vận chuyển vật liệu. Đường từ thị trấn Mường Xén lên Huồi Giảng quanh co, hẹp, sỏi đá lờm chờm, nhiều đoạn phải băng qua vách núi dựng đứng. Nếu không mở đường, xi măng, sắt thép, gỗ, đá – những nguyên vật liệu quan trọng – sẽ không thể đến được công trường.

Vừ Chông Pao đứng trên sườn đồi, mắt dõi theo những tốp thanh niên và cán bộ đang khảo sát tuyến đường. Bản đồ địa hình trên tay ông, từng đoạn, từng vách núi, ông đều nhớ như lòng bàn tay. Gió thổi mạnh, mang theo mùi đất ẩm và mùi tre nứa, ông hít một hơi dài, quyết tâm:

– Phải mở được tuyến đường này, nếu không Huồi Giảng sẽ không bao giờ hoàn thành đúng tiến độ.

Các nhóm lao động được chia ra: một nhóm phá núi, một nhóm đắp nền, một nhóm vận chuyển vật liệu. Nhiều vách núi phải nổ mìn, mỗi lần nổ là tiếng rền vang, bụi đất bay mù mịt, đá văng tung tóe. Thanh niên xung phong huyện và bộ đội biên phòng cũng tình nguyện về giúp, không quản mưa nắng, không sợ nguy hiểm.

Một buổi sáng, Pao cùng nhóm công binh đến một vách núi cao, nơi mìn được đặt sẵn. Ông quan sát kỹ từng vị trí, tay chỉ vào từng viên đá:

– Phải đặt mìn sao cho đá rơi theo hướng an toàn, không vỡ đường. Tất cả các bạn đứng sau dây dộc, đảm bảo an toàn!

Khi tiếng nổ vang lên, mặt đất rung lên, bụi đá bay mịt mù. Thanh niên hô vang, người che mặt, tay che tai, tim đập nhanh, nhưng ánh mắt sáng rực quyết tâm. Một tuần trôi qua, đoạn núi dài chỉ hơn trăm mét nhưng cả tuần mới phá xong, nhờ sự kiên trì và phối hợp nhịp nhàng của nhiều nhóm lao động.

Đường mở ra, xe vận tải đầu tiên chở xi măng leo lên bản cao. Cả công trường vỡ òa trong niềm vui. Bà con reo hò:

– Có xe rồi! Thép về rồi!

Trẻ con chạy theo xe, tay vẫy, miệng cười khanh khách. Người già đứng bên bờ nương, mắt rung rung, thốt lên:

– Bao năm nay, huyện ta mới thấy xe vận tải lên được Huồi Giăng!

Vừ Chông Pao đứng bên, mắt hoe hoe. Hàng năm trời, ông cùng cán bộ và dân bản đi bộ, đi ngựa lên công trường, gửi từng bao xi măng, từng bó thép. Giờ đây, chiếc xe chở đầy vật liệu từ thị trấn Mường Xén leo được lên bản cao, ông thấy bao năm lao động gian khổ như được đền đáp. Ông nhắc mũ chào thanh niên, cán bộ, bộ đội biên phòng – những người đã không quản hiểm nguy, dầm mưa dãi nắng để mở đường.

Những ngày tiếp theo, xe vận tải trở thành hình ảnh quen thuộc trên tuyến Mường Xén – Huồi Giăng. Người dân bản Huồi Giăng đứng dọc hai bên đường, vẫy tay chào, nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt lấm lem bùn đất. Tiếng cười, tiếng hò dô hòa cùng tiếng máy xe, tiếng búa đinh, tiếng cuốc xéng, tạo thành một bản nhạc lao động sống động giữa núi rừng.

Đường sá được mở ra, xi măng, thép, gỗ, đá tới công trường đúng tiến độ. Vừ Chông Pao cùng dân bản kiểm tra từng bước: nền đường, lan can tạm, dốc lên dốc xuống, mọi chi tiết đều được ông theo sát. Không chỉ là mở đường, đó còn là bài học về kỹ thuật, phối hợp, an toàn lao động, và hơn hết, là tinh thần đoàn kết, ý chí vượt khó.

Một chiều, khi ánh hoàng hôn nhuộm đỏ sườn núi, Pao đứng trên đỉnh đường mới mở, nhìn chiếc xe vận tải từ thị trấn Mường Xén leo dốc. Gió thổi, mang theo tiếng hò dô, tiếng cười, tiếng hát lao động vang vọng khắp thung lũng. Ông biết rằng, đường sá không chỉ nối thị trấn với Huồi Giăng, mà còn nối ước mơ, niềm tin và tương lai phát triển của cả huyện Kỳ Sơn.

Những đoạn đường quanh co, đá tai mèo lởm chởm, tưởng như vô vọng để vượt qua, giờ đây đã được bắc cầu bằng mồ hôi, sức lực, tinh thần xung phong và sự đồng lòng của toàn huyện. Mỗi viên đá, mỗi bao xi măng, mỗi mét đường được mở ra là một dấu mốc, chứng minh rằng ý chí con người có thể chinh phục cả núi cao, sông sâu.

Đêm xuống, ánh đuốc trên các dãy đường mấp mô, lấp lánh như những vì sao. Thanh niên và dân bản không nghỉ, họ thay phiên nhau canh xe vận tải, đắp nền, chỉnh sửa những đoạn đất vừa phá xong. Những bài hát lao động, tiếng hò nhịp điệu

vang vọng khắp sườn núi, hòa với tiếng cười và lời động viên của Pao, tạo nên khí thế không gì ngăn cản được.

Khi chiếc xe cuối cùng chở đầy vật liệu từ Mường Xén về tới Huồi Giàng, cả bản Huồi Giàng vỡ òa trong niềm vui chiến thắng. Người già ôm nhau, nắm chặt tay con cháu; trẻ con nhảy múa; thanh niên hát vang lời ca dân tộc Thái, Mông, Khơ Mú, như một lễ hội giữa núi rừng.

Vừ Chông Pao đứng lặng một lát, ánh mắt rung rung nhìn dòng xe nối dài trên con đường mới. Trong lòng ông, đây không chỉ là chiến thắng của vật liệu và kỹ thuật, mà là chiến thắng của ý chí, của sự đoàn kết, và của niềm tin vào tương lai huyện Kỳ Sơn.

Ông lặng lẽ ghi vào sổ tay:

"Đường mở ra, vật liệu đến công trường, lao động hăng say, ánh sáng hy vọng tràn ngập Huồi Giàng. Đây mới chỉ là khởi đầu cho mùa lúa no ấm và tương lai phát triển bền vững."

Đường Mường Xén – Huồi Giàng từ nay không còn là rào cản, mà là mạch máu kết nối công trình, lao động và ước mơ của đồng bào các dân tộc Kỳ Sơn, mở ra trang mới cho toàn huyện, nơi ánh sáng điện và dòng nước tưới ruộng sẽ nuôi sống dân bản, và niềm tin vào tương lai.

*

* *

Sau bốn năm ròng rã, với bao gian nan, mồ hôi và cả những đêm thức trắng giữa bùn đất và mưa gió, mùa khô năm 1982, nhà máy thủy điện Huồi Giàng chính thức hòa lưới. Tin vui lan nhanh khắp các bản làng, từ Mường Lống, Xốp Nhì đến tận Huồi Giàng. Thị trấn Mường Xén trở nên rộn rã, náo nức như một ngày hội lớn.

Cờ hoa được treo dọc con phố nhỏ, màu đỏ thắm của lá cờ hòa cùng ánh nắng cuối ngày. Trẻ con chạy rông rần theo đoàn cán bộ huyện, miệng ríu rít, mắt sáng long lanh. Người dân từ khắp các bản kéo về, một số còn bồng con nhỏ trên lưng, tay cầm đèn dầu, ánh sáng lập lòe nhảy múa trên mặt đường đất.

Trời bắt đầu tối, không khí càng trở nên hân hoan. Dòng người hướng về sân Ủy ban huyện, nơi mọi người tụ tập, đứng sát nhau, ánh mắt dõi theo công tác.

Những đôi bàn tay chai sạn, những gương mặt sạm nắng, nhăn nhúm của người già và đôi tay nhỏ bé của trẻ con đều căng thẳng, hồi hộp chờ khoảnh khắc lịch sử ấy.

Một cán bộ mở lời, mời mọi người giữ im lặng, rồi từng bước tiến đến công tác chính. Vừ Chông Pao không lên bục phát biểu. Ông đứng lặng ở một góc sân, áo chàm đã phai màu, tay đan vào nhau, ánh mắt dõi theo từng căn nhà, từng mái sà, từng con ngõ nhỏ sắp được thắp sáng.

Khi công tắc được bật, một luồng điện chạy qua toàn bộ thị trấn, bóng đèn đầu tiên lóe lên, soi rõ từng khuôn mặt đã chai sạm vì lam lũ nhưng giờ đây rạng rỡ lạ thường. Trẻ con reo vang:

– Sáng rồi! Sáng rồi!

Tiếng cười, tiếng hò dô, tiếng chạy nhảy hòa lẫn tiếng vỗ tay, vang vọng khắp các con phố, khắp những góc sân, khắp thung lũng.

Các cụ già đứng lặng, đôi mắt ngấn nước, thốt lên:

– Từ thuở cha sinh mẹ đẻ, chưa từng thấy phố mình sáng như vậy...

Người dân nhìn nhau, nắm chặt tay, ánh mắt chứa đựng niềm hân hoan pha lẫn tự hào. Một bà cụ giơ tay chỉ mái nhà mình, nơi bóng điện vừa bật:

– Ôi, năm nay ruộng nhà tôi sẽ mưa thuận gió hòa, lúa chắc đầy bồ!

Những thanh niên cùng nhau reo hò, nhảy múa, tay vỗ vào trống tự chế, hát vang những bài ca dân gian Thái, Mông, Khơ Mú, biến cả sân Ủy ban thành lễ hội rục rịch giữa núi rừng:

– “Ánh sáng lên, ánh sáng lên! Đồng bào Kỳ Sơn hân hoan!”

Vừ Chông Pao nhìn từng cảnh tượng ấy, lòng ông trào dâng một niềm vui lặng lẽ. Bao năm gùi lúa, gùi xi măng, từng viên đá, từng cây tre trên công trường Huổi Giàng, từng đêm cùng dân bản mở kênh, đào nương, vượt mưa gió, bùn lầy... tất cả giờ như được đền đáp trong ánh sáng rục rịch này. Ông khẽ thở dài, đôi mắt lấp lánh niềm xúc động.

Một nhóm thanh niên bồng những ngọn đèn dầu chạy quanh sân, chiếu sáng lên những khuôn mặt vui mừng. Trẻ con nhảy lên mái nhà, reo hò, nắm tay nhau thành vòng tròn, tiếng cười trong trẻo vang xa. Người già, dù chân tay đã yếu, vẫn mỉm cười, vỗ nhẹ vào vai thanh niên đi bên, như nói:

– Chúng ta đã làm được!

Những tia sáng điện đầu tiên soi rõ cả những con ngõ nhỏ, những mái nhà xiêu vẹo lâu năm, những bếp củi ấm áp. Nó không chỉ soi sáng vật chất mà còn soi rọi hy vọng, niềm tin và ước mơ ấm no, hạnh phúc của đồng bào các dân tộc Kỳ Sơn.

Một người mẹ bế con đứng bên đường, ánh điện phản lên gương mặt trẻ thơ:

– Con sẽ không còn thấy cha mẹ phải gùi lúa lên núi nữa. Con sẽ được học chữ, được lớn lên trong ánh sáng...

Các đội văn nghệ, áo thổ cẩm rục rịch, bắt đầu cất lên những làn điệu dân ca, hòa cùng tiếng khèn, tiếng chiêng, làm cho buổi lễ càng thêm phần sống động. Mọi người vỗ tay, reo hò, nhảy múa, cảm nhận niềm hạnh phúc chạm tới từng trái tim, từ già đến trẻ, từ cán bộ đến dân bản.

Giữa vòng xòe rộn rã, Bí thư Huyện ủy Vi Chiến Thắng với dáng người to cao, rắn rỏi, nụ cười hiền hậu, vít cần rượu cùng Chủ tịch Pao. Hai người ngả vai

bên nhau, hớp ngậm rượu thơm nồng của núi rừng mà lòng lâng lâng như uống cả niềm vui hội ngộ. Khi tiếng trống, tiếng chiêng dồn dập, tiếng gõ sạp rộn ràng, họ không ngần ngại bước vào điệu múa sạp, nhịp chân chắc khỏe, hòa cùng vòng điệu của trai gái Thái, Mông, Khơ Mú. Những chiếc áo thổ cẩm lấp lánh, những tiếng cười giòn tan, làm cho khoảng cách giữa cán bộ và dân bản như tan biến. Người lãnh đạo không chỉ chia sẻ niềm vui trên bàn nghị sự, mà còn hòa mình vào nhịp sống, vào văn hóa của đồng bào. Trong ánh lửa bập bùng, trong tiếng hò reo vang vọng, hình ảnh Bí thư Vi Chiến Thắng cùng Chủ tịch Pao say sưa múa xòe trở thành biểu tượng của sự đoàn kết: cán bộ và nhân dân như anh em một nhà, cùng nhau dựng xây bản mường no ấm, bền vững trên dòng Huồi Giăng.

Hội vừa tan, Vừ Chông Pao vẫn đứng lặng, tay đan chặt, lòng trào dâng niềm xúc động. Bao năm dầm mưa, dãi nắng, bao công trình từ khai hoang, mở mương, đắp đập, mở đường, giờ đều quy tụ vào ánh sáng đầu tiên này, soi rọi thị trấn Mường Xén, soi rọi niềm hạnh phúc của từng người dân, từng mái nhà.

Đêm ấy, ánh sáng điện không chỉ thấp sáng vật chất, mà còn thấp sáng niềm tin, khơi dậy khát vọng phát triển, ấm no và hạnh phúc lâu dài cho toàn huyện Kỳ Sơn. Người dân tụ họp thành từng nhóm, chia sẻ niềm vui, kể lại những năm tháng gian nan, ôm nhau, cười khóc lẫn lộn – một bức tranh sống động về tinh thần đoàn kết và niềm hân hoan dân tộc.

Ông đứng lặng một lúc lâu, cuối cùng mỉm cười, như nói với chính mình:

– Điện sáng lên, Huồi Giăng vận hành, Mường Xén rực rỡ... bao năm vất vả của dân bản và cán bộ, giờ đã có kết quả. Đây mới chỉ là khởi đầu, nhưng là một khởi đầu đầy ý nghĩa.

Ánh sáng rọi vào những mái nhà, con đường, bờ kênh, từng gương mặt, làm cho Mường Xén như bừng tỉnh, từ trong núi rừng trập trùng bước ra ánh sáng và tương lai mới. Đêm ấy, không một ai rời đi sớm; mọi người cùng nhau đứng dưới ánh sáng, hát, nhảy, reo hò, ăn mừng, tận hưởng niềm vui chung của một cộng đồng đã lao động và chờ đợi bấy lâu.

*

* *

Từ ngày có thủy lợi Huồi Giăng, mùa khô không còn khốc liệt, mùa mưa không còn để nước trôi tuột ra suối. Dòng nước giờ được dẫn qua từng kênh mương, tưới đều cho những thửa ruộng bậc thang, len lỏi vào từng thửa ruộng nước mới khai hoang. Lúa nước tăng gấp đôi, đồng lúa vàng óng, mầm xanh mướt trên khắp các sườn đồi, nhiều vùng trước đây chỉ tròng sắn, ngô giờ đã thành đồng lúa thẳng cánh cò bay.

Những mảnh đất từng nứt nẻ, cằn cỗi, giờ căng tràn nhựa sống, đất mịn màng, màu mỡ. Người dân bản Huồi Giăng, Xóp Thập, Mường Lống, Mường Xén bước ra ruộng, tay cuốc, tay cấy, ánh mắt sáng rực niềm vui. Họ vừa lao động vừa ngắm dòng nước chảy róc rách, tiếng nước như hòa với tiếng chim rừng, tiếng cười trẻ con, tạo thành bản nhạc của mùa màng và niềm hân hoan.

Nhà máy điện nhỏ nhưng sáng lên thị trấn Mường Xén, thấp sáng cả Ủy ban huyện, trạm y tế, trường học. Ánh sáng điện làm thay đổi nhịp sống dân bản. Đêm đêm, dưới ánh đèn huỳnh quang, trẻ con đọc sách, ê a học bài, tiếng học trò vang cả xóm. Những bà mẹ ngồi bên bếp, khẽ mỉm cười nhìn con:

– Giờ con cháu mình được học chữ đàng hoàng, không còn phải ngồi tối mịt như trước...

Quán nước đầu cầu, những người già nhâm nhi chén trà, ánh mắt trầm tư mà rạng rỡ:

– Cái điện này, là mồ hôi ông Pao và bà con mình đấy... Bao năm dầm mưa, gùi xi măng, mở kênh, đào mương... giờ mới thấy kết quả.

Công trình Huồi Giăng không chỉ là bê tông, là máy móc, là xi măng và cột điện. Nó là biểu tượng của ý chí vượt khó của cả vùng biên viễn, nơi những ngày gian nan, thiếu ăn, thiếu ngủ, rét cắt da, lũ cuốn mất cả đoạn kênh... nhưng Vừ Chông Pao vẫn có mặt, đứng giữa bùn lầy, xắn tay cùng dân bản đào kênh, đắp bờ. Ông khích lệ những thanh niên, động viên các cụ già, an ủi phụ nữ, tất cả đều dồn sức cho từng mét kênh, từng hố móng, từng đoạn mương.

Hình ảnh ông mặc áo chàm, đội nón cũ, lội bùn nước, bên cạnh các em thanh niên, đôi tay chai sạn, mồ hôi nhễ nhại nhưng ánh mắt rạng ngời niềm tin, đã trở thành tượng đài sống động trong lòng người dân Kỳ Sơn. Bao năm chống chọi với thiên tai, chống đói nghèo, giờ đây ánh sáng điện và dòng nước Huồi Giăng nuôi dưỡng cả đất lẫn người, mang lại mùa màng bội thu, học hành, sinh hoạt văn hóa, y tế, và hy vọng vào một tương lai ổn định, no ấm.

Dưới ánh điện, bà con tụ họp kể nhau nghe chuyện lao động, những đêm băng rét, những đợt mưa bão cuốn trôi đoạn kênh. Thanh niên nhắc đến những ngày nỗ lực phá núi mở đường, những chuyến xe chở xi măng đầu tiên leo lên bản cao. Tất cả hòa lẫn vào tiếng cười, tiếng hát dân tộc Thái, Mông, Khơ Mú. Dòng nước và ánh sáng, kết hợp với lao động hăng say, đã thổi hồn vào từng bản làng, thấp sáng khát vọng của cả huyện Kỳ Sơn.

Vừ Chông Pao đứng nhìn, lặng yên giữa dòng người rộn rã. Ông biết rằng công trình này không chỉ làm thay đổi vật chất, mà còn khơi dậy tinh thần, tạo tiền đề cho những năm tháng phát triển tiếp theo. Niềm vui hiện hữu trong từng nụ cười, từng ánh mắt, từng bàn tay dặt nhau ra ruộng, ra kênh, ra lớp học.

Dòng nước Huồi Giăng tưới mát đất, ánh sáng điện chiếu sáng tâm hồn – đó là minh chứng sống động cho công sức, lòng kiên trì và khát vọng của cả một cộng đồng. Người dân Mường Xén, từ già đến trẻ, từ cán bộ đến nông dân, đều cảm nhận sâu sắc: vượt khó, đoàn kết, lao động, là cách duy nhất để đưa Kỳ Sơn thoát nghèo, tiến tới hạnh phúc.

Và đêm ấy, dưới ánh điện đầu tiên, giữa dòng nước róc rách, tiếng cười trẻ con, tiếng hát dân ca và tiếng hò dô lao động vang lên khắp bản làng, Vừ Chông Pao mỉm cười lặng lẽ. Bao năm gian khổ, bao công trình nặng nhọc, giờ đều hòa thành

niềm vui chung của cả dân tộc Kỳ Sơn, mở ra một chương mới của âm no, ánh sáng, và niềm tin.

*

* *

Khi dòng điện đầu tiên về Mường Xén, cả thị trấn vẫn còn rộn rã trong niềm vui và ánh sáng. Nhiều người nghĩ, thế là đủ, công trình Huồi Giàng đã hoàn thành, mùa màng sẽ bội thu, trẻ con sẽ được học hành, bà con sẽ có điện để sinh hoạt. Nhưng Vũ Chông Pao không dừng lại ở đó.

Một buổi chiều sau khi công trường lặng người, ông trải tấm bản đồ huyện Kỳ Sơn trên bàn Ủy ban. Tay ông vạch từng tuyến đường, từng con suối, từng sườn núi, mắt dõi theo từng bản làng:

– Từ Huồi Giàng, sau này còn phải nối sang Na Loi, sang Xốp Thập, sang cả Mường Lống. Đường đã có, nước đã có, rồi nhà máy xay, nhà máy gỗ sẽ mọc lên. Phải biến tiềm năng thành hiện thực.

Ông biết rằng điện và nước chỉ là bước khởi đầu. Nếu không có đường giao thông, cơ sở chế biến nông sản, và các công trình phục vụ đời sống dân bản, ánh sáng và dòng nước cũng chỉ là vật chất vô hồn. Mục tiêu của ông là một huyện Kỳ Sơn no ấm, văn minh, nơi con em được học hành, bà con có đất màu mỡ và công ăn việc làm ổn định.

Dù ở cương vị Chủ tịch, Vũ Chông Pao vẫn giữ lối sống giản dị. Thỉnh thoảng, ông đi công trường bằng ngựa, ăn cơm nắm cùng công nhân, ngủ lán giữa gió núi. Bà con bản Huồi Giàng quen nhìn thấy ông đội nón cũ, áo chàm lấm bụi, cùng dân đào mương, xách xi măng, đắp bờ kênh. Hình ảnh ấy trở thành biểu tượng về sự đồng hành, gương mẫu, và gần gũi với người dân.

Trong mỗi cuộc họp, mỗi buổi khảo sát, lời ông dặn luôn vang bên tai cấp dưới:

– Xây đập là để dân no, không phải để khoe thành tích.

Ông nhắc lại nhiều lần, rằng công trình không chỉ là bê tông hay máy móc, mà là công cụ nuôi sống con người, nuôi dưỡng tương lai, và thắp lên niềm tin vào khả năng tự lập, lao động và đoàn kết của dân bản. Những cán bộ trẻ nghe lời dặn đó, ghi nhớ trong lòng, và lấy đó làm kim chỉ nam trong công tác: làm gì cũng phải hướng tới dân, hướng tới sự phát triển bền vững.

Khi ánh nắng chiều phủ lên sườn núi, phản chiếu dòng nước Huồi Giàng, ông đứng lặng một lúc, nhìn từng bản làng, từng mái nhà vừa thấp điện, và lặng thầm suy nghĩ về những năm tháng tiếp theo. Ông biết rằng không thể dừng lại, rằng Kỳ Sơn còn nhiều việc phải làm: mở rộng kênh mương, xây dựng trường học, trạm y tế, nhà máy chế biến nông sản, tạo cơ hội cho người dân nâng cao đời sống.

Niềm vui từ ánh sáng và dòng nước đã gieo trong ông niềm tin về tương lai, về một Kỳ Sơn không còn bị thiên tai, hạn hán hay khó khăn cản bước. Mỗi tuyến

đường mở ra, mỗi công trình hoàn thành là một bước tiến gần hơn tới một huyện biên giới no ấm, văn minh và phát triển.

Dưới ánh chiều hoàng hôn, Vừ Chông Pao nhắm mắt, hít một hơi dài, tự nhủ:

– Chúng ta đã đi một chặng dài. Chặng đường tiếp theo còn dài hơn, nhưng dân bản đã có ánh sáng, đã có dòng nước, và đã có niềm tin. Chỉ cần tiếp tục lao động, đoàn kết, kiên trì, Kỳ Sơn sẽ đổi thay.

Ông mở bản đồ lần cuối trong ngày hôm ấy, tay vạch thêm những tuyến đường tương lai, những khu vực cần phát triển, lòng đầy quyết tâm. Và trong ánh hoàng hôn rực rỡ, hình ảnh ông giữa bản đồ, giữa dòng nước và ánh sáng Huồi Giăng, như biểu tượng của tầm nhìn xa, lòng kiên trì và trách nhiệm với dân bản Kỳ Sơn, in sâu trong trái tim mọi người.

*

* *

Một đêm cuối đông năm 1982, công trình Huồi Giăng đã vận hành, dòng điện đã sáng, nhưng Vừ Chông Pao vẫn ngủ lại lán công trường, nơi mùi xi măng, bùn đất, và hơi nước hòa lẫn, nhắc ông về những tháng ngày gian khổ vừa qua. Gió thổi phàn phật qua các khe cửa sổ gỗ, mang theo hương núi rừng, mùi lá mục và hơi ẩm của thung lũng.

Ông ngồi tựa vào cột gỗ, ánh sáng từ nhà máy hắt ra thung lũng, những dòng điện nhỏ li ti sáng lấp lánh như dải lụa, chiếu lên mái nhà, kênh mương, và con đường vừa mở xong. Ông rít điếu thuốc, nhả khói mỏng, để mặc làn khói bay lơ lửng giữa màn đêm. Trong lòng ông, một niềm yên lặng nhưng sâu sắc, xen lẫn tự hào và suy tư:

– Đất này rồi sẽ khác. Con cháu mình sẽ không còn đeo gùi qua núi đồi bát muồi nữa.

Những năm tháng gian khó, những chuyến đi bộ, gùi xi măng, đào kênh giữa mưa bão, rét cắt da và bùn đất, nay đều in dấu trong từng hơi thở, từng nhịp tim của ông. Mọi khó khăn, mọi nỗ lực đều quy tụ lại trong cảnh tượng thung lũng sáng lên dưới ánh điện, nơi mà mọi người dân Kỳ Sơn đã cùng nhau lao động, cùng nhau hy vọng.

Trên bàn gỗ cũ, ông mở sổ nhật ký, cẩn thận viết từng dòng, như muốn lưu lại ý nghĩa và thông điệp của công trình cho con cháu mai sau:

"Công trình Huồi Giăng – không chỉ là thủy điện, thủy lợi. Đây là ngọn đuốc mở đường cho Kỳ Sơn bước vào thời kỳ mới. Dòng nước nuôi đất, ánh sáng nuôi người, niềm tin và lao động tạo nên tương lai. Bao năm gian khổ, mồ hôi và trí tuệ của đồng bào và cán bộ đã thấp sáng nơi này. Đây mới chỉ là bước đầu, nhưng là bước đầu đầy ý nghĩa."

Ngoài lán, gió đêm rít qua những thân tre, cây nứa, vỗ vào mái tôn. Tiếng côn trùng râm ran hòa cùng tiếng nước Huồi Giăng róc rách, tạo thành bản nhạc dịu dàng nhưng tràn sức sống. Ông ngồi nhìn những ánh đèn lấp lóa, nhắm mắt, tưởng tượng

những mùa màng bội thu, những con đường nối bản, trẻ con học hành đến nơi đến chốn, người dân no ấm, bà con hạnh phúc.

Trong đêm cuối cùng ở công trường Huồi Giăng, Vừ Chông Pao cảm nhận rằng công trình không chỉ thay đổi vật chất, mà còn thay đổi cả tinh thần, khơi dậy ý chí, niềm tin và khát vọng của một huyện biên giới từng chịu bao gian nan. Dòng điện nhỏ thấp sáng thị trấn, dòng nước chảy mát đất đai, tất cả hòa vào một bức tranh sống động về sự kiên trì, đoàn kết và khát vọng vươn lên của Kỳ Sơn.

Ông nhấp một ngụm nước còn sót lại trong bình, nhìn ra thung lũng yên tĩnh dưới ánh sáng vàng nhạt, rồi khẽ thở dài. Trong ánh sáng le lói, trong tiếng gió rì rào, ông thấy cả tương lai Kỳ Sơn trước mắt mình – tươi sáng, rộng mở, và tràn đầy hy vọng.

2. Đêm cuối đông 1981, sương núi Kỳ Sơn rơi dày như những dải chăn bạc quấn chặt các triền đồi, con đường đất ngoằn ngoèo chỉ lộ ra chỗ lấp loáng ánh trăng khuyết. Vừ Chông Pao ngồi trên chiếc xe com măng ca, bần lảm đến tận cửa, kính, người ông lạnh buốt nhưng mắt vẫn dõi theo từng ánh lửa thấp thoáng trong các bản. Ở đó, dân Mông, Khơ Mú, Tày Khăng, Thái... vẫn đun nồi sắn mốc, bốc hơi khói xanh, bên ngoài núi rừng im im mà nghèo đói như rễ cây sâu bám vào đất đá. Vừ Chông Pao nắm chặt tay nắm cửa xe, nghĩ về những tuyến đường chưa có, những con đường ông mới chỉ vạch bằng viên phấn trắng trên tấm bản đồ trải trong phòng họp huyện. Thủy lợi, thủy điện Huồi Giăng đã khởi thông nước, nhưng chỉ có đường mới đưa Kỳ Sơn thoát nghèo – câu ấy từ mấy mùa nay cứ như nhịp trống đập trong đầu ông.

Đầu xuân 1982, hội trường huyện ủy chật ních khói thuốc. Tấm bản đồ trải ra, mùi giấy cũ quyện cùng tiếng bàn tán. Chủ tịch Pao đứng dậy, tay cầm thước sắt, chỉ từng nét:

- Tuyến Xốp Nhị – Mường Lóng dài năm mươi cây số, Mường Xén – Huồi Giăng ba mươi hai, Huồi Bộ – Na Loi hai mươi bảy, Xốp Thập – Chiêu Lưu ba mươi tám. Tổng cộng một trăm bốn mươi bảy cây số, bắc mười hai cầu suối, phá hơn trăm nghìn mét khối đá, đào đắp gần triệu khối đất.

Có người lắc đầu:

- Huyện mình chỉ có hai chiếc máy ủi, một máy khoan đá, xăng dầu thì phải xin thêm từ tỉnh, làm sao kham nổi?

Chủ tịch Pao dẫn bàn:

- Máy hỏng ta sửa, ngoài máy ra ta còn hàng nghìn dân công. Trước đây ta đã gùi đạn, gùi gạo qua đèo nuôi bộ đội, nay mở đường cho con cháu, sao lại lùi?

Tháng ba, đoàn khảo sát ngựa thồ gạo, mìn, bản đồ, bạt ngủ rừng. Đêm đốt lửa bên suối, trăng lười liềm hắt sáng lên vách đá. Chủ tịch Pao trải bản đồ trên tấm chiếu cũ, gọi già cán bộ cốt cán, người có uy tín từ Xốp Nhị, Mường Lóng, Huồi Bộ... đến. Trưởng bản Xốp Nhị vượt chòm râu bạc:

- Đòi cha chỉ có lối trâu bò, đòi con phải có đường xe chạy. Dân góp công, góp tre, miễn con cháu đỡ khổ.

Chủ tịch Pao gật đầu:

- Các xã huy động toàn bộ lao động, người còn sức đi mở đường. Huyện hứa đường làm đến đâu, muối gạo theo đến đó.

Tuyến Xốp Nhị – Mường Lống khởi công đầu tiên. Đá xám như răng chó cắn vào lưỡi cuốc, lưỡi xẻng. Mìn nổ xé núi, khói mù trắng cả triền đèo. Có hôm dây cháy chậm ướt, dân công lội bùn thay từng sợi. Công nông chở một tấn đá, lên dốc sa lầy, bốn mươi người buộc dây rừng kéo cả đêm. Vừ Chông Pao áo chàm ướt sũng, ngồi xuống bưng bát cơm độn ngô:

- Làm đường là làm cho con cháu. Nay khó, mai dễ.

Một cô gái Mông mười bảy tuổi, tên Và Y Hia, gùi đá, tóc rối quấn khăn xanh, đưa cho Chủ tịch Pao ống nước, cười:

- Lấy chồng rồi cũng phải đi chợ, mà không có đường thì lợn chẳng bán, vải chẳng mua. Mở đường trước, lấy chồng sau.

Cả lán cười vang, Chủ tịch Pao cũng cười, thấy trong mắt cô lấp lánh một niềm tin mà không cần ai nhắc.

Tuyến Mường Xén – Huồi Giảng dài 10 km vắt qua bảy con suối, phải bắc cầu gỗ dài hai mươi tám mét. Dân bản chặt tre, vót nứa, lấy dây mây rừng làm cáp. Đêm lũ quét, cầu trôi, sáng Chủ tịch Pao lội suối, tay bám dây rừng, giọng khàn vì khói sương:

- Cầu trôi thì dựng lại, đường còn đó, người không được nản.

Tuyến Huồi Bộ – Na Loi 15 km lại đầy đá ong, rừng le ken đặc. Phải hạ hai trăm cây gỗ sến, tấu lót đường. Một già bản dắt con trâu ra:

- Trâu này kéo cày mười năm, giò kéo đá. Mai một đường xong, con cháu đi học không phải băng rừng nữa.

Những câu nói như thế lan từ lán này qua lán khác, thành động lực.

Tuyến Xốp Thập – Chiêu Lưu 13 km gian nan vì dốc dựng đứng, mìn không đủ, xăng phải chia từng can. Một kỹ sư trẻ tên Dương quấn băng tay vì dây tời quật, vẫn cười:

- Máu đổ hôm nay là nhựa đường mai sau.

Đêm, Chủ tịch Pao ngồi bên bếp củi ầm, bàn với mấy cán bộ huyện, xã:

- Tuyến này phải kê tà luy dương, làm rãnh thoát nước tránh sạt lở. Đừng tiếc công.

Bốn năm, hàng triệu ngày công dân góp, hàng triệu mét khối đất đá tay người đào, phá, hàng trăm con trâu, con ngựa gùi vật liệu. Trẻ con theo mẹ lên công trường, vừa nhặt củi vừa lấy nước. Có hôm bão, lán bay mất mái, thanh niên ôm nhau nằm

co. Có người sốt rét, môi tím, Chủ tịch Pao bế ra trạm xá, đắp chăn, gửi cả thuốc quý nhà mình.

Cuối 1985, con đường Xốp Nhị – Mường Lống thông tuyến. Chiếc com măng ca ì ạch, cờ đỏ bay dọc hai bên, trẻ con, người già reo: “Xe về bản rồi! Muối về bản rồi!”

Y Hia giờ đã hai mươi một tuổi, tóc dài, tay vẫn chai sần, ghé tai Chủ tịch Pao:

- Đường xong, chắc cháu lấy chồng được.

Pao cười, nếp nhăn sâu như khe núi.

Lễ cắt băng giản dị: tám vải đỏ cũ, cái kéo cùn, mâm gà luộc, chén rượu ngô. Khèn Mông thổi, trống Thái vang, già bản phát biểu: “Đường có rồi, mai phải giữ, giữ bằng cây trồng hai bên, bằng chân người đi mãi, đừng để nó thành đường ma.”

Pao nhìn ra, gió đêm không còn rít như dao cứa, mà như tiếng sáo gọi mùa xuân về. Bốn tuyến giờ nối máu thịt núi rừng: Xốp Nhị – Mường Lống năm mươi cây, Mường Xén – Huồi Giăng ba mươi hai, Huồi Bộ – Na Loi hai mươi bảy, Xốp Thập – Chiêu Lưu ba mươi tám. Mười hai cầu treo, mười bảy điểm sạt đã gia cố. Hạt muối, cân gạo, cuộn vải giờ theo xe về tận bản, chợ phiên đông, người Mông bớt đói, trẻ con đi học có dép, người già xuống huyện không phải qua bảy con suối.

Đêm ấy, Chủ tịch Pao trở về Na Loi, ngồi bên bếp than leo lét. Già bản Xông Chư ngót nghét 90 tuổi, bảo:

- Pao à, mai này có đường rồi, đừng để kẻ xấu chặn lại như ngày xưa.

Chủ tịch Pao gật, mắt nhìn ngọn lửa:

- Đường này là xương thịt của mình. Giữ đường là giữ người, giữ núi.

Suốt đêm, ông cùng già bản và đám thanh niên đốt lửa giữa khe đá, cùng uống chén rượu ngô, nghe tiếng khèn réo rắt trên đồi. Núi rừng vẫn lạnh, nhưng lòng người đã ấm.

*

* *

Mùa đông 1986, gió từ dãy Pu Xai thổi về Mường Xén, mang theo cái se sắt hun hút của đất núi. Đêm, sương trắng như khói quấn quanh mái nhà sàn, giọt sương đóng thành băng trên mấy tấm phên tre, tiếng chó sủa vọng xa, nghe lạnh đến lạ. Nhưng trong cái rét ấy, đã thấy thấp thoáng điều gì đổi khác. Người ta không còn dồn nhau ra cửa hàng mậu dịch, cầm sổ tem phiếu, xếp hàng chờ từng bơ gạo, cân đường. Cán bộ huyện về bản bảo: “Giờ khoán sản phẩm rồi, ai làm nấy hưởng, ruộng nương của dân, trâu bò của dân, lúa ngô cũng của dân.”

Tin ấy lan theo từng khe núi, len lỏi qua từng nếp nhà sàn. Ở Hữu Kiệm, Chiêu Lưu nhiều gia đình vừa được chia ruộng rử nhau cây thử giống lúa nước, học cách dẫn mương, đắp bờ. Bà con Mông ở Mường Lống, Na Ngoi, Nậm Cắn khơi lại nương cũ, trồng thêm ngô, lúa và dứa. Chợ phiên Mường Xén, Nậm Cắn, Mường

Lống, Huồi Tụ dạo ấy đông hơn, hàng hóa vẫn ít, nhưng đã thấy thêm con gà, con lợn, những bó măng khô.

Con đường từ Mường Xén lên Na Ngoi vẫn sinh lầy, mùa mưa bánh xe trâu lút đến nửa trục, nhưng bà con bắt đầu tin: chỉ cần siêng, rừng núi này không phụ. Mấy chàng trai Mông rủ nhau vào rừng lấy phong lan về bán, mấy cô gái Thái xúng xính váy hoa, mang gà, vịt, gạo nếp lên chợ đổi muối, đổi dầu hỏa. Lũ trẻ thôi cảnh đói dài ngày, bát cơm chan ít nước thịt lợn muối cũng thấy ấm bụng.

Đêm trăng, khèn Mông lại diu dặt bên nương ngô, khắp Thái lại ngân dài bên bếp lửa. Họ nhắc đến đổi mới với nụ cười chưa dám nở hết, như thể sợ gió núi đổi chiều. Có người bảo: “Biết đâu rồi cũng chỉ như hợp tác xã dạo trước?” Có người lại tin: “Lần này khác, dân làm dân được ăn, không ai chia hộ, chia khoán nữa.”

Ở huyện, cán bộ xoay xở từng việc: xin giống lúa từ miền xuôi, đưa bác sĩ về khám bệnh, mở lớp xóa mù chữ cho bà con. Mùa đông rét cắt da, nhưng những con chữ đầu tiên vẫn rì rào vang lên ở bản Chèng, Pu Lau, Hín Lấp... Đứa trẻ mười tuổi ngồi cạnh cụ già sáu mươi, cùng học viết tên mình bằng phấn trắng trên bảng gỗ.

Những khó khăn vẫn nhiều lắm: đói rét chưa hết, bệnh sốt rét còn rình rập, lợn gà vẫn chết vì dịch, trâu bò chưa đủ cày hết ruộng. Nhưng không khí đã khác. Một luồng sinh khí mới, lẫn trong mùi khói bếp và hương rừng, khiến người ta thôi nhìn nhau bằng ánh mắt cam chịu.

Chiếc Com-măng-ca màu rêu lắc lư như con trâu già, động cơ gầm gừ giữa làn sương dày đặc. Lữ ghì tay lái, cặp mắt lim dim tránh ổ voi, còn Vừ Chông Pao ngồi ghé sau, cổ quấn khăn len đã sờn, tay giữ chặt cặp tài liệu. Con đường đất đỏ từ Mường Xén vào Huồi Tụ vẫn lầy nhầy bùn đất, nhưng hai bên đường đã rộn ràng tiếng người chặt tre, tiếng búa nện vào gỗ – mùa sửa cầu đến sớm hơn mọi năm.

Một cụ già chống gậy đứng ven đường, nước mắt nhìn:

– Chủ tịch Pao lại xuống bản à?

Người đàn bà gù trên lưng nói như đáp câu của cụ già:

- Chủ tịch Pao ăn cơm nếp còn nhiều hơn cơm tẻ nhà nước.

Câu nói nghe đùa mà thật. Vừ Chông Pao đi nhiều, biết từng con dốc, từng khe đá, từng cây pơ mu bên bìa rừng. Chính ông cũng mang đến những lời đầu tiên về đổi mới, về chuyện dân được làm chủ, về chuyện không để rừng hóa thành trắng xóa nữa, mà phải gây lại, phải giữ lấy.

Xe đi ngang qua chợ Huồi Tụ, Lữ vừa đánh lái vừa nói:

– Đạo này, hàng hóa dưới xuôi đưa lên nhiều thứ hơn hẳn, chú Pao nhỉ. Hôm kia cháu qua chợ Na Ngoi, thấy có cả vải phin, có dầu hỏa, rồi trẻ con mua kẹo nhóp nhép...

Vừ Chông Pao khẽ gật đầu, ánh mắt không rời những mái nhà ẩn hiện trong sương. Từ năm 1969 làm Chủ tịch huyện đến giờ, ông đã đi không biết bao nhiêu chuyến, có chuyến cưỡi ngựa, có chuyến lội bộ cả ngày đêm. Nhưng chuyến này,

ông thấy bản làng đã khác: không có cảnh xếp hàng mậu dịch, ít tiếng thở dài vì tem phiếu, thay vào đó là những nương lúa mới bón phân, chuồng trâu được che chắn cẩn thận.

Xe dừng trước bản Huồi Lăn. Khói bếp bay quện cùng mùi lá mục ngai ngái. Già bản Mùa Chớ Lừ đang ngồi bên bếp, thấy Pao bước vào liền chống gậy đứng dậy:

– Chủ tịch về rồi à? Người ta đồn bỏ hết tem phiếu thật hả?

Vừ Chông Pao cười khẫn, vươn tay hơ lửa, cười:

– Ủ, bây giờ khác rồi, bỏ hợp tác rồi, ai làm nấy hưởng. Trồng thêm ngô thì được thêm ngô, nuôi lợn béo thì thịt nhà mình ăn trước.

Một thanh niên đeo dao quắm đứng bên vách chêm lời:

– Rồi mai kia lại bắt chia hết, thì làm nhiều cũng bằng không thôi.

Già bản Chớ Lừ xoa tay:

– Không như trước đâu, tao thấy người Thái ở Huồi Tụ bán được cả mấy tạ lúa, còn mua về mấy con bò đấy.

Mấy đứa trẻ lom khom bên cửa, mắt tròn xoe, vừa bóc ngô bung vừa nghe chuyện. Một cô gái vai khoác khăn hoa ghé qua, tay xách nải chuối, nói lạnh lạnh:

– Chợ phiên Mường Lống dạo này đông lắm, có cả xà phòng thơm nữa. Bán chuối được ít bạc, tết này chắc mua được bộ váy mới!

Vừ Chông Pao cười khẽ, nhưng không quên ngược nhìn ra khe núi đầy sương. Ông biết, đời mới không đến trong một đêm. Đói rét vẫn còn đó: nhiều bản chỉ đủ gạo ăn nửa tháng, còn lại phải trộn củ mài. Sốt rét vẫn hành, trâu bò còn gầy, trẻ con vẫn bỏ học đi nương. Nhưng khác chẳng, là giờ người ta hỏi nhau: “Năm tới trồng gì?” chứ không còn: “Năm nay chia mấy bơ gạo?”

Sáng hôm sau, xe lại lặc lè qua con dốc, rồi xuôi về chợ Mường Xén. Lữ kéo cửa kính xuống, chỉ cho chủ tịch thấy mấy sạp hàng mới: mấy tấm vải phin hoa, ít thuốc Lào, vài xấp vở học trò. Một bà mẹ trẻ dắt con ghé mua bút chì, quay ra thấy ông, gọi với:

– Chủ tịch Pao! Năm tới có cho xây thêm trường không? Bọn trẻ học chen chật lắm rồi!

Vừ Chông Pao chỉ xoa đầu đứa nhỏ, giọng trầm:

– Sẽ có thôi, nhưng phải cùng làm. Bản góp công, huyện góp gỗ, rồi trường mới mọc.

Chiều, xe ghé bản Huồi Lăn. Ánh đèn dầu leo lét trong lớp học xóa mù. Già bản ngồi cạnh đứa cháu mười tuổi, tập viết chữ “Lúa”. Mỗi nét phấn run run, trắng như sợi khói. Pao đứng ngoài cửa sổ, nghe tiếng đọc ê a mà lòng thấy ấm hơn cả lửa.

Lữ đứng cạnh, lắc đầu:

– Già mà còn học, mai mốt lại ký tên nhận đất cho bọn trẻ!

Pao cười, mắt nhìn lên dãy núi mờ xa:

– Học để biết tính toán, chứ không thì đời mới cũng chỉ là gió thoảng.

Đêm đó, xe không về thị trấn kịp, hai người ngủ lại bản. Cơm chỉ có ngô bung, muối vừng, thêm bát canh rau dớn. Nhưng khác những năm bao cấp, trên bếp còn treo một nồi mỡ lợn, góc nhà có con bê mới sinh. Chủ nhà kể:

– Trước đây, nuôi trâu nuôi bò cũng sợ, cứ sắp đến kỳ lại phải nộp hợp tác. Giờ giữ được, có khi năm sau bán được tiền mua xe máy.

Vừ Chông Pao chỉ cười, không nói. Đời mới vừa mở cửa, con đường còn dài. Nhưng trên những con dốc đá, những khe núi đầy sương, ông đã thấy thấp thoáng một mùa khác – mùa của người dân tự làm, tự hưởng, tự gánh lấy cuộc đời mình.

Sáng hôm sau, chiếc Com-măng-ca lại rướn mình qua đèo trở về huyện. Sương tan dần, lộ ra những nương ngô đang lên xanh, những bờ ruộng vừa be bờ. Tiếng gà gáy, tiếng trẻ con gọi nhau đi học, tiếng đẽo cột nhà mới... tất cả hòa vào nhau, như hơi thở mới trên miền biên viễn.

Tháng tư năm 1987, Kỳ Sơn vẫn còn hơi sương băng lạnh, gió mùa đông bắc chưa chịu rút hết khỏi các vạt núi đá vôi. Nhưng trong lòng người dân vùng cao rạo rục một tin vui: Vừ Chông Pao – người cán bộ đã quen mặt với từng bản, từng lối mòn, đã nhiều lần cưỡi ngựa vượt sông Nậm Non, Nậm Mộ, băng qua bao đỉnh núi, con đèo – nay được bầu làm Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An và Đại biểu Quốc hội khóa VIII (1987–1992). Tin ấy lan nhanh như gió từ Mường Xén về Na Ngoi, từ Huồi Tụ xuống Tây Sơn..., qua cả những nương lúa nương ngô còn đầy sỏi đá. Người Thái, người Mông, người Khơ Mú, cả dân Kinh ở thị trấn huyện cũng thì thầm với nhau: “Lần này, tiếng nói của bản làng ta sẽ lên tận nghị trường!”

Vừ Chông Pao nhận giấy thông báo trúng cử trong một buổi sáng mờ sương. Ánh nắng yếu ớt như muốn len qua kẽ lá rừng pơ mu, chiếu lên mái nhà sàn nơi ông đã từng trải bao đêm thức trắng cùng đồng bào bàn chuyện giữ đất, giữ làng. Trong khoảnh khắc ấy, lòng ông vừa ấm áp vừa nặng trĩu. Vinh dự lớn, nhưng gánh nặng cũng lớn không kém. Ông hiểu rõ, ở những bản xa tận đầu nguồn Nậm Non, Nậm Mộ, Nậm Kiên..., trẻ con vẫn đến lớp bằng lối mòn đầy bùn, nhiều đêm y tá bản phải thấp đèn dầu, lấy lá rừng làm thuốc cầm máu cho sản phụ. Mùa mưa, đường đất từ Mường Lống về thị trấn dài gần trăm cây số chỉ cần một cơn mưa rào là sạt lở, chia cắt như những dải lưng trời.

Kỳ Sơn những năm ấy vẫn nghèo. Cái nghèo hằn lên từng vạt nương, từng mái nhà tranh. Nhưng niềm tin vào Đảng, vào cách mạng thì vẫn sáng như đóm lửa trên cao nguyên. Vừ Chông Pao biết, mình không thể chỉ là người “đi họp cho có mặt”, mà phải biến tiếng nói của núi rừng này thành chính sách, thành dự án, thành con đường nhựa, cây cầu bê tông, trường học mái ngói đỏ tươi, trạm xá có bác sĩ.

Những ngày đầu nhận nhiệm vụ, Vừ Chông Pao lặng lẽ đi khắp bản làng. Ông đi xe, cưỡi ngựa tới Huồi Tụ, rồi sang Tây Sơn, qua cả Nậm Cắn, Hữu Lập... Ở đâu cũng như nhau: bà con nhìn ông bằng ánh mắt trông chờ, như nhìn đứa con trai đã khôn lớn nay về gánh việc lớn cho bản mường. Có cụ già ở tuổi 90 rụt rè nắm tay

ông:

– Pao à, may lên tận Quốc hội thì nhớ tiếng nói của tụi tao. Đường sá chi đó, xe không lên được, hàng hóa bán không ai mua, gạo muối đưa lên cũng khó.

Có chị phụ nữ trẻ bế con sơ sinh, gò má vẫn còn hằn vết xanh của bép củi:

– Bao giờ có trạm xá kiên cố, bác sĩ về ở hẳn, đỡ phải để dưới sàn, chứ cứ như ri mãi, con cái chết yểu lắm...

Những câu nói ấy theo Vừ Chông Pao vào từng phiên họp, vào cả những đêm dài nơi nhà khách ở thành Vinh hay Hà Nội. Ở nghị trường, ông mặc áo chàm, đầu đội khăn giản dị, lưng hơi còng vì năm tháng băng rừng, nhưng giọng nói vang và rần rỏi:

– Chúng tôi không xin nhiều, chỉ xin một con đường để người miền núi có thể đưa thóc, đưa ngô xuống chợ; xin một cây cầu để trẻ con không phải lội suối mùa mưa; xin một trạm xá có y tá trực 24 giờ để sản phụ không phải chết giữa rừng.

Có đại biểu miền xuôi nghe rồi vỗ tay. Có người còn ngạc nhiên: “Ông Pao nói chuyện cứ như nói chuyện nhà mình, chứ không phải diễn văn!” Nhưng chính cái mộc mạc ấy đã chạm đến trái tim nhiều người. Dần dần, các dự án nhỏ về hạ tầng bắt đầu được phê duyệt. Đầu tiên là tuyến đường Mường Xén – Mường Típ, rồi đường xuống Na Ngoi, mở rộng thêm mấy cầu gỗ ở bản Tà Cạ, Huồi Giàng. Pao mừng như trẻ được quà Tết, nhưng cũng thấy lo: đường có rồi, nếu không có người giữ, không có kinh phí duy tu, nó sẽ lại sạt như cũ.

Những chuyến đi về giữa Hà Nội – Nghệ An – Kỳ Sơn trở thành chuyện thường nhật. Ông không nhớ đã bao nhiêu lần qua phà Đô Lương, bao nhiêu đêm ngủ tạm trên xe khách chạy đường 7 đầy ổ gà. Mùa đông, rét cắt da, ông vẫn khoác tấm áo dạ bạc màu, tay ôm chặt cặp hồ sơ. Mùa hè, nắng chang chang, mồ hôi ướt đầm lưng, ông vẫn tranh thủ gập lãnh đạo tỉnh, các ban ngành:

– Chúng tôi chỉ mong một phần nhỏ vốn đầu tư thôi. Đường nhựa không cần đẹp như miền xuôi, chỉ cần xe tải vào được, để dân không phải gùi muối cả ngày đường...

Nhiều người quý Pao ở cái tính kiên trì. Không ồn ào, không kèn trống, ông bám việc đến cùng. Có lần, ông cùng đoàn khảo sát leo qua dốc Phà Đánh, trời mưa dầm, giày rách, bùn dính đầy ông quần. Đồng chí kỹ sư trẻ ngạc nhiên:

– Chú Pao, sao chú khổ thế mà vẫn cười?

– Vì tôi biết, con đường này mai một xong, con cháu mấy bản trên kia sẽ không phải băng rừng nữa.

Vinh dự đi kèm gánh nặng, Vừ Chông Pao hiểu rõ điều đó hơn ai hết. Ông từng nói với vợ trong một đêm thức trắng:

– Bà nó à, được làm đại biểu là vinh dự của đời tôi, nhưng cũng là cái gánh nặng lớn. Người miền núi mình không cần cái danh, họ cần thấy đường, thấy trường, thấy cầu.

Vợ ông lặng lẽ gặt đầu, rót chén nước chè xanh nóng hổi. Hương chè thơm ngai ngái như hơi thở của núi rừng. Ông nhấp một ngụm, thấy đắng nơi đầu lưỡi mà ngọt dần nơi cổ họng – cũng như cái nghiệp làm cán bộ: vất vả trước, nhưng ngọt ngào là khi thấy dân bớt khổ.

Mùa khô 1989, con đường Mường Xén – Mường Típ, rồi Mường Xén – Mường Lống chính thức trải nhựa. Lần đầu tiên, xe khách chạy thẳng một lèo từ huyện lên tận cửa khẩu Nậm Cắn không phải lo sạt lở. Ngày khánh thành, trời trong veo, gió đại ngàn như reo trên đỉnh Khe Kiền. Pao đứng lặng trên đèo, nhìn con đường mới uốn lượn như dải lụa vắt qua lưng núi. Những triền cỏ gianh khẽ lay động, những vạt lau trắng bay như mây. Tiếng trẻ con ríu rít gọi nhau dưới chân dốc, tiếng bò trâu leng keng về bãi cỏ chiều.

Ông hít một hơi thật sâu. Bao nhiêu năm bươn chải, những lần ngã lại lán công trường, những cuộc họp dài lê thê nơi nghị trường, giờ gom lại thành một cảm giác bình yên. Ông tự nhủ: đây mới chỉ là khởi đầu, nhưng là khởi đầu vững chãi. Con đường này sẽ nối Kỳ Sơn với miền xuôi, nối giấc mơ của bao thế hệ với thực tại.

Chiều muộn, ánh hoàng hôn đỏ rực sau dãy Pu Xai, gió thổi ràn rạt qua rừng thông non mới trồng ven đường. Ông đứng đó rất lâu, đôi mắt thăm sâu như bóng núi, lòng dâng lên một niềm tin lặng lẽ:

– Rồi đây, Kỳ Sơn sẽ không còn là vùng trắng trên bản đồ phát triển nữa.

Ông chỉnh lại chiếc khăn quàng cổ, tay khẽ vỗ vào thành cầu mới xây, nghe tiếng thép rắn chắc như nhịp tim mình. Con đường phía trước trải dài, hun hút dẫn về miền tương lai.

Phần Ba
DÁNG HÌNH PƠ MU

Chương 16:

1. Sương mù buổi sớm giăng mỏng trên những đỉnh núi của dãy Pù Xai như một tấm lụa khê phủ xuống miền biên ải Kỳ Sơn. Gió đầu năm lùa qua các khe núi, mang theo mùi đất ẩm ngai ngái, quyện lẫn hương khói bếp từ các bản Mông, bản Thái đang trở mình trong tiết xuân còn lung chùng. Con đường mòn nối từ Mường Xén lên Mường Lống, năm nào còn gập ghềnh đất đá, nay đã có những đoạn được trải sỏi, vá nhựa; thi thoảng tiếng động cơ xe hàng chở phân bón, muối, vải vóc vang vọng cả một góc núi, đánh thức mấy chú bò gặm cỏ ven đường.

Chợ phiên đầu năm họp bên đèo Huồi Tụ, hay trung tâm Mường Lống đã đông hơn mọi khi. Người gùi gạo xuống, kẻ gánh ngô lên; váy áo Mông đủ màu chen giữa áo xanh công nhân quốc doanh mới về. Đồng bào mua bán, trao đổi, nhưng trong ánh mắt vẫn còn vương chút lo lắng: giá cả vừa mới bắt đầu tự do hóa, hàng hóa phong phú hơn song chưa hẳn dễ mua; chỗ này một vựa ngô thừa ế, chỗ kia bao gạo vừa tới tay đã có thương lái hỏi mua đổ về đồng bằng.

Đất nước đã bước sang năm thứ năm của công cuộc đổi mới. Khắp nơi, khí thế cởi trói cho sản xuất, khuyến khích giao thương đang lan tới cả vùng biên, nhưng dấu vết của cơ chế cũ chưa kịp tan hẳn. Nghệ An cũng như cả nước đang gồng mình: nhà máy xí nghiệp quốc doanh chậm chuyển đổi, bộ máy quản lý còn lúng túng; vùng miền núi Kỳ Sơn càng rõ điều ấy hơn - kinh tế hàng hóa mới chớm manh nha, còn trong các bản người Mông, cây thuốc phiện vẫn lén lút trở hoa tím; phi và kẻ xấu thỉnh thoảng vẫn luồn rùng, thả tin đồn, đổ dành bà con trồng lại những thứ đã bị cấm.

Vừ Chông Pao, mái tóc đã ngã thêm sợi bạc, đứng trên con dốc nhìn dòng người qua lại, lòng nửa vui nửa lo. Niềm vui là thấy đường đã mở, chợ đã đông, trẻ con nô đùa bên những tấm bảng lớp học mới dựng; nỗi lo là bởi phía sau đỉnh núi kia, tiếng súng đã lặng nhưng bóng phi vẫn còn đó, những tập quán cũ vẫn còn níu chặt đôi chân nếp nghĩ của bà con.

Sáng nay, ông đọc lại kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong buổi làm việc với huyện: “Tăng cường vận động quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị vững chắc, chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ huyện khóa mới.” Tờ giấy mỏng, con dấu đỏ, lời lẽ dứt khoát - mà ông thấy nặng như đá. Mấy năm qua, ông cùng Bí thư Huyện ủy Cao Tiến Tấn đã đi hết bản này sang bản khác, vận động bà con bỏ trồng cây thuốc phiện, giữ rừng, giữ biên, ông chưa lúc nào thấy hết việc. Nay lại thêm gánh lo xây dựng huyện trong thời kỳ đổi mới, Vừ Chông Pao biết mình sẽ phải xuống bản nhiều hơn nữa, nói chuyện nhiều hơn nữa, thậm chí đi cùng bộ đội biên phòng, cùng công an từng đêm để người dân hiểu rằng thời kỳ mới không chỉ là con đường nhựa hay bao gạo trợ cấp, mà là cả một nếp sống đổi thay.

Ông ngồi xuống một tảng đá, rút chiếc khăn thổ cẩm lau giọt sương đọng trên trán. Xa xa, tiếng loa truyền thanh huyện vang lên: “... Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vừa được thông qua. Toàn dân đoàn

kết, phát huy nội lực, từng bước đưa kinh tế miền núi tiến kịp miền xuôi...” Ông nghe, và mừng tượng hình ảnh những năm tháng đã qua: khi bom đạn còn vùi xóm bản, khi cả huyện sống nhờ tem phiếu, khi hoa anh túc nở tím triền đồi. Giờ đây, đã có lớp trẻ trở về sau học nghề, có con đường nhựa uốn quanh chân núi, có lớp học dựng bằng tôn kẽm cho bọn nhỏ đọc chữ quốc ngữ. Nhưng bao nhiêu đó chưa đủ, nếu tệ nạn còn cấm rữ. Lời loa đã lẫn trong tiếng khèn đầu xuân, trong tiếng vó ngựa thò bên lưng đèo, khiến Vừ Chông Pao khẽ mỉm cười. Ông thấy mùa xuân này không chỉ của trời đất, mà còn của cả một giai đoạn mới - giai đoạn mà ông, già rồi nhưng vẫn phải góp sức.

Ông đứng dậy, phủ bụi áo chàm, hướng về Mường Xén. Chiều nay còn cuộc họp với anh em huyện ủy, rồi mai phải sang Mường Lống. Đường xa, núi cao, nhưng lòng đã định: “Đổi mới không thể chỉ dừng ở chợ phiên đông hay xe hàng chạy nhiều, đổi mới phải đến tận lòng người. Để người Mông, người Thái, người Khơ mú không còn sợ hãi, không còn đói nghèo, không còn giữ mãi thói quen cũ.”

Một cụ già gù đi ngang qua, dừng lại chào:

– Chủ tịch Pao à, sáng nay xuống huyện họp à?

Ông mỉm cười, gật đầu:

– Xuống để nghe và nói chuyện, cụ ạ. Năm mới rồi, phải lo cho bản mình bớt đói, bớt rét.

Cụ già lặng lẽ nhìn ông chủ tịch huyện tuổi cao những vẫn bám bản bám dân, nhìn con đường mới mở, rồi nhìn ra cánh rừng phía xa nơi từng nở đầy hoa tím, không nói gì thêm, chỉ khẽ thở dài.

Mặt trời dần nhô lên khỏi đỉnh Pu Khao, ánh sáng vàng nhạt rắc xuống những nếp nhà ướt sương. Tiếng khèn Mông đầu xuân vẳng từ phía Mường Lống, quyện với tiếng vó ngựa, tiếng còi xe, tạo nên một thứ nhạc hòa trộn giữa cũ và mới. Vừ Chông Pao siết chặt nắm tay. Trong lòng ông, vui có, lo có. Vui vì thấy đất trời Kỳ Sơn đã khác: không còn lặng lẽ, không còn ngủ quên; lo vì đổi mới chưa chắc đã thắng, nếu lòng người chưa mở, nếu kẻ xấu còn luôn lách.

Ông bước xuống bậc đá, cầm gậy trúc gõ nhịp, tự nhủ:

“Đổi mới không chỉ là con đường nhựa hay cái chợ đông. Đổi mới là cái bụng người Mông biết nói không với thuốc phiện, biết cho con đi học. Đổi mới là người Khơ mú thôi nghe phỉ rĩ tai, người Thái không còn giấu lương thực tiếp tế cho bọn xấu. Đổi mới phải vào tận tim, tận nếp sống, chứ không dừng ở khẩu hiệu.”

Chiều nay, sau cuộc họp huyện ủy, ông sẽ cùng bộ đội biên phòng bàn kế hoạch xuống bản. Đêm mai có thể lại ngủ trên sàn đất, ăn cơm muối vùng, đi từng nhà gõ cửa. Vừ Chông Pao ngẩng đầu, nhìn về phía Mường Xén, nơi con đường vừa trải nhựa lấp lánh nắng sớm. Đằng sau những vạt sương, ông thấy cả một chặng đường dài đang đợi phía trước.

Cuộc họp Huyện ủy buổi chiều hôm ấy diễn ra trong căn nhà hội trường huyện ủy ở trung tâm Mường Xén. Ngoài kia, nắng xuân đã chói chang, nhưng trong phòng

không khí căng và nghiêm. Bí thư Huyện ủy Cao Tiến Tấn ngồi giữa, dáng người gầy, khuôn mặt rám nắng sau những chuyến đi cơ sở, giọng nói rành rọt vang lên:

– Thừa các đồng chí, nhiệm kỳ 1986 – 1990 sắp khép lại. Chúng ta phải nhìn thẳng sự thật, nói đúng thực trạng. Bốn năm qua, Kỳ Sơn đã có bước chuyển mình. Đường sá được mở thêm 112 ki-lô-mét đường ô tô đến 12/21 xã, giáo dục tiến bộ vượt bậc, nhiều bản có trường học và lớp xóa mù. Cây ngô, cây sắn, cây dược liệu đã thay dần diện tích trồng thuốc phiện. Kinh tế hàng hóa bắt đầu manh nha ở các chợ vùng cao. Nhưng bên cạnh đó, còn nhiều khó khăn: tỷ lệ hộ đói nghèo vẫn cao, nạn di dịch cư tự do, tái trồng cây thuốc phiện chưa ngăn chặn triệt để, phi và bọn xấu vẫn lén lút hoạt động. Bộ máy cơ sở một số nơi còn yếu, cán bộ chưa sâu sát.

Không khí im lặng một thoáng. Rồi từng đồng chí ủy viên lần lượt phát biểu. Trưởng ban Tuyên giáo – Vi Hải Thành đứng lên, giọng trầm:

– Công tác tư tưởng trong đồng bào dân tộc Mông vẫn còn hạn chế, chúng ta chưa giữ chân đồng bào được, vẫn còn nạn di cư tự do sang Lào, khá nhiều người trong độ tuổi từ 35 trở lên tái mù chữ, đồng bào còn ngại đi học.

Trưởng công an huyện – Nguyễn Đức Dư thì nhấn mạnh:

– Điểm nổi bật nhất trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh là chúng ta đã xây dựng Nậm Cắn thành điểm sáng vững mạnh toàn diện. Nhưng tình hình an ninh các bản bên giới vẫn tiềm ẩn nhiều phức tạp Kẻ địch lợi dụng khó khăn của bà con để rỉ tai, mua chuộc. Nếu công tác dân vận không mạnh, thì an ninh còn bất ổn.

Khi các ý kiến đã ghi đầy sô, Bí thư Cao Tiến Tấn kết luận. Giọng ông chắc nịch:

– Chúng ta không bi quan. Kỳ Sơn vẫn là vùng biên ải giàu truyền thống cách mạng. Phải dựa vào dân, gắn bó với dân. Nhiệm kỳ tới, 1991 – 1996, Huyện ủy xác định ba trọng tâm: Thứ nhất, tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xóa hẳn cây thuốc phiện, đưa ngô lai, thảo quả, dược liệu vào nương. Thứ hai, xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh từ bản làng, kiện toàn đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ người dân tộc tại chỗ. Thứ ba, giữ vững an ninh biên giới, phối hợp chặt chẽ với bộ đội biên phòng, công an, đồng thời mở rộng giao thương, kết nối hàng hóa với miền xuôi và cả Lào.

Ông dừng lại, mắt nhìn khắp phòng:

– Chỉ tiêu cụ thể: đến năm 1996, giảm một nửa số hộ đói nghèo, tất cả bản đều có lớp học, chợ trung tâm Mường Lông và Huồi Tụ phải trở thành đầu mối trao đổi hàng hóa. Về công tác xây dựng Đảng, phấn đấu mỗi bản có ít nhất một đảng viên, chuẩn bị tốt để tổ chức Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVII thành công.

Bàn tay ông gõ nhẹ xuống mặt bàn gỗ:

– Đó là một số nhận định, và định hướng để các đồng chí trong Ban văn kiện lưu ý khi xây dựng dự thảo báo cáo chính trị. Nay tôi phân công các đồng chí Thường trực phụ trách công tác chuẩn bị như sau: Tôi, phụ trách công tác nhân sự, đồng chí Thanh Lâm – Phó Bí thư trực, chỉ đạo Đại hội các tổ chức cơ sở đảng, còn đồng chí Vừ Chôn Pao – Chủ tịch huyện phụ trách soạn thảo văn kiện đại hội. Các đồng chí

ủy viên Ban Thường vụ, Ban chấp hành sẽ được phân công vào các ban phục vụ đại hội.

Tiếng bút ghi sột soạt, ánh mắt mọi người đều nghiêm nghị. Ngoài kia, gió xuân thổi qua ô cửa hẹp, mang theo mùi đất ẩm và hương hoa rừng. Cuộc họp khép lại trong tiếng vỗ tay đồng thuận. Ai cũng hiểu, con đường phía trước đầy thách thức, nhưng cũng mở ra một niềm tin mới: Kỳ Sơn sẽ đổi thay, nếu toàn Đảng bộ biết đồng lòng, nếu cán bộ còn giữ được ngọn lửa trong tim mình.

2. Sương mai vẫn quấn lấy những mái lá rêu phong, len vào từng khe đá và khe suối nhỏ. Từ xa, màu tím u uẩn của hoa anh túc trải dài trên những sườn núi thoai thoải, ánh lên như những vệt máu giữa sương trắng, nhắc nhở về những năm tháng buồn của bản làng. Trên lối mòn dẫn vào bản, dấu chân in hằn trên đất ẩm còn ướt, chứng tích của những cuộc đi lên lút. Những đứa trẻ đi học sớm rón rén nép vào sau bụi tre, ánh mắt tròn xoe nhìn theo bóng người lạ. “Chúng lại đến lấy thuốc à...”, giọng nhỏ run run thì thầm. Cụ già ngồi dựa gốc cây, bàn tay run run cầm chiếc gùi, mắt hốt hác nhìn về phía nương thuốc phiện mà thở dài. Bao gia đình đã mất con, mất cháu vì bọn phi; hoa trắng mọc trên đất, nhưng nỗi đau vẫn vương trên mái nhà, trên bàn tay héo hon.

Vừ Chông Pao cùng đội công tác huyện – Biên phòng, Công an, Mặt trận Tổ quốc – dừng xe trước trụ sở xã, lặng lẽ men theo con đường mòn vào bản. Bản làng vẫn yên ắng, ẩn trong những mái lá vãi ánh mắt dò xét, nghi ngại.

Nhưng nghe tin Vừ Chông Pao trở về bản, nhiều người từ suối, từ nương, từ từng khe rừng ủa ra. Tiếng dép lê đập xuống đất đá, tiếng bước chân lách cách trên cỏ ẩm, hòa cùng tiếng chim rừng hót. Bà già, tay cầm gùi ngô, ánh mắt sáng rực như muốn níu lấy bóng dáng quen thuộc. Trẻ con bỏ học buổi sáng, chạy theo từng bước chân, đôi mắt ngây thơ nhưng rạng rỡ niềm tin. Ai cũng muốn nhìn thấy ông, muốn một lần được nghe giọng nói trầm ấm, đầy uy tín ấy.

Một thanh niên từ nương mía dừng lại, lấy tay che nắng, nhìn Vừ Chông Pao qua lớp sương mù sớm. Người già, lưng còng, đứng im giữa đất, nhưng đôi mắt ánh lên niềm vui và trân trọng. Tất cả dường như hòa vào cùng một nhịp thở, một dòng cảm xúc của bản làng sau bao ngày khổ cực, mất mát.

Vừ Chông Pao bước vào giữa đám đông. Không cần gạch đầu dòng hay lời lẽ giáo huấn, chỉ một cái nhìn, một nụ cười dịu dàng, đã khiến người Mông trong bản lặng đi, cảm nhận được tấm lòng và niềm tin của ông. Ông hít một hơi sâu, giọng trầm nhưng gần gũi, chậm rãi cất lời:

- Ngày xưa, đời đời kiếp kiếp, chúng ta trồng thuốc phiện... nhưng có ai giàu lên đâu? Nhìn quanh ta, nương mía, nương ngô, những gốc mơn non mơn... đất này đủ sức nuôi chúng ta, nuôi con cháu, nếu chúng ta biết thay đổi, biết chịu khó, biết đoàn kết...

Ông đi dọc theo các gia đình, đặt tay lên vai người già, vuốt tóc trẻ con, từng câu từng câu như dòng suối ấm len vào tim mọi người:

- Hãy thôi vũ khí, để chính mạng sống của mình được bảo vệ. Hãy thôi tàng trữ, mua bán thuốc phiện, để con cháu không lạc lối. Hãy thôi tham gia phi, để gia đình khỏi chia lìa. Đừng phá rừng nữa, đất mẹ cần chúng ta. Và hãy trồng những cây nuôi sống mình: mơ, mạn, ngô, khoai... thay cho cây thuốc phiện, để đời này không lặp lại đau thương của hôm qua.

Người già gật gù, mắt rung rung; trẻ con chăm chú, đôi bàn tay nhặt những quả non còn sót. Mỗi lời ông nói như những hạt mưa rơi vào lòng đất, thấm sâu và gieo niềm tin.

Cạnh đó, một số người vẫn nghi ngại, khẽ lắc đầu, ánh mắt dò xét.

- Ai mà tin được... – tiếng thì thầm len lỏi trong bóng tối nhà sàn. Một thanh niên cầm cuốc lên, nói nhỏ:

- Nhưng mấy năm nay, cây thuốc phiện đem lại chút tiền, bỏ sao được...

Vừ Chông Pao mỉm cười, bước đến bên anh, nhẹ giọng:

- Anh thử nhìn những đứa trẻ hôm nay. Tiền ấy anh có thể mua thức ăn ngay, nhưng mất mạng sống, mất gia đình, anh sẽ còn gì? Hãy nghĩ đến con em, nghĩ đến hôm nay và mai sau.

Ông đi từng nhà, ghé thăm từng cụ già, hỏi han từng hộ: những gia đình từng mất con vì bọn phi, những người trẻ từng bỏ học để trồng thuốc phiện. Vừ Chông Pao dẫn từng ví dụ cụ thể:

- Gia đình bà Y Mò năm trước mất con trai vì tham gia phi. Con của bà sẽ không còn tương lai. Nhưng năm nay, khi trồng mạn thay thuốc phiện, nhìn kìa, cây đã ra hoa, quả non xanh mơn mẫm...

Chậm rãi, ánh sáng chiều len vào mái lá, những đứa trẻ ríu rít chạy theo Vừ Chông Pao, mắt ngây thơ nhưng tinh anh. Chúng chỉ vào các nương thuốc phiện bị phá bỏ, rồi nhìn nương mơ, nương mạn mới trồng. Nụ cười nở trên môi Vừ Chông Pao, ông cúi xuống nhặt một cành mơ non, đưa cho đứa trẻ:

- Hãy chăm cây này như chăm bản thân mình, cây sẽ nuôi chúng ta và con em.

Dần dần, từng gia đình chấp nhận phá nương thuốc phiện, trồng cây ăn quả. Bà mẹ lưng còng mang gùi ra trình diện:

- Con ta đã nghe lời Vừ Chông Pao. Nương thuốc phiện sẽ phá, thay bằng mơ, mạn...

Tiếng cười vang lên khi quả mơ đầu mùa ló dạng, hương nắng hòa cùng mùi đất ẩm. Những đứa trẻ chạy tung tăng, bàn tay dính đất nhưng ánh mắt sáng ngời.

Y tá bản bận rộn đo huyết áp cho người già, băng bó những vết thương còn sót lại, chăm sóc trẻ nhỏ. Trạm xá trở nên nhộn nhịp, tiếng cười nói xen lẫn tiếng gió vi vu qua khe cửa. Vừ Chông Pao đứng ngoài sân, nhìn cảnh tượng ấy, lòng ông như trút bớt nặng nề. Bóng phi chưa hoàn toàn tan, nhưng ánh sáng hy vọng đã hiện hữu.

Rừng núi vẫn trầm mặc, nhưng những con đường mòn nay không còn bóng người lén lút, hoa trắng đã biến mất khỏi sườn đồi. Tiếng cười trẻ em, tiếng chim rừng và mùi đất ẩm hòa cùng mùi mơ non, mùi mật mới trổ, báo hiệu một chương mới, một tương lai được gieo hạt bằng niềm tin, quyết tâm và tình yêu bản làng.

Qua hàng tuần, các gia đình tiếp tục trình diện, giao nộp vũ khí, phá bỏ nương thuốc phiện. Vợ chồng Lâu Nhia Phông, còn trẻ mà tiêu biểu nhất - hai vợ chồng, ba đứa trẻ - cẩn thận nhổ từng cây thuốc phiện, đặt gọn vào chiếc gùi, mắt rung rung. Họ cùng nhau trồng mật, gắn hy vọng vào từng nhánh non. Vừ Chông Pao quan sát, nhẹ giọng nói với đồng chí đi cùng:

- Đây là lúc đồng bào hiểu rằng đổi thay không chỉ là lệnh, mà là niềm tin và hành động.

Trước khi chiến dịch, buổi sáng ở bản làng chỉ là cảnh tĩnh lặng, tiếng chó sủa lẻ loi, khói bếp bay lên từ vài mái nhà. Trẻ con nhiều đứa phải ở nhà hoặc trốn đi cùng bố mẹ nhổ thuốc phiện; nhiều thanh niên rơi vào tay bọn phi. Sau khi Vừ Chông Pao vận động, không khí khác hẳn: tiếng cười trẻ em trên đường đến trường, tiếng mẹ hát ru khi chăm sóc nương mật, đàn bò rủ nhau ra đồng ăn cỏ, người già ngồi bên bờ suối tỉ mỉ giặt đồ, trò chuyện về những câu chuyện ngày xưa. Mỗi mái nhà dường như thở phào, nhẹ nhõm, và hồn bản làng dần hồi sinh.

Đầu thu, nắng chiếu vàng trên sườn đồi, rọi qua từng tán lá mơ, mật mới trồng. Những chùm hoa đã nở rục rở, hương thơm lẫn vào mùi đất, mùi cỏ ẩm, làm lòng người ấm áp. Vừ Chông Pao đi dọc từng nương, bàn tay nhăn nheo vuốt nhẹ cành lá, miệng mỉm cười nhìn từng người dân chăm cây. Ông nói với vợ chồng Lâu Nhia Phông:

- Chăm cây như chăm bản thân mình, chăm nhau, thì cây sẽ nuôi sống chúng ta. Nhìn này, quả non xanh mơn mớn, báo hiệu mùa thu hoạch sẽ ngọt lành.

Bọn trẻ háo hức theo bố mẹ ra nương, nhặt những quả non rụng, cười reo vang. Tiếng cười của trẻ con hòa cùng tiếng chim rừng, tiếng gió vi vu qua khe núi, khiến cả bản làng như bừng sức sống. Người già tụ tập bên nhau, trò chuyện về những ngày hoa trắng còn mọc đầy đồi, về những năm tháng lo sợ bóng phi. “Ngày ấy, chưa ai dám bước chân lên nương, giờ nhìn đây, lòng mình nhẹ nhõm biết bao...” – cụ già kể cho những đứa cháu nghe, mắt ánh lên niềm tin.

Các buổi tối, trạm xá bản trở nên nhộn nhịp. Y tá bản đã mở thêm những lớp hướng dẫn vệ sinh, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em. Tiếng gõ bàn phím máy ghi sổ y tế, tiếng bút vẽ sơ đồ chăm sóc, hòa cùng tiếng gió xào xạc, khiến trạm xá trở thành trung tâm sống động, gắn bó giữa các gia đình.

*

* *

Lần đầu tiên sau nhiều năm, bản tổ chức một ngày hội nhỏ. Trên sân đất giữa bản, Vừ Chông Pao cùng bà con dựng cột cờ, bày lễ vật truyền thống: bánh dày trắng

mịn, gà luộc thơm, thịt lợn treo gác bếp, bát ngô bung nóng hôi. Mùi khói củi hòa cùng hương men rượu ngô, thơm nồng như gọi cả núi rừng về dự hội.

Tiếng khèn Mông réo rất, tiếng sáo diu dặt gọi thanh niên, thiếu nữ tụ lại. Các chàng trai uốn lưng, tay quay khèn, các cô gái váy xòe, áo chàm, tay cầm chiếc ô sắc màu nhịp nhịp theo điệu nhảy khèn. Mỗi bước chân xoay vòng, mỗi ánh nhìn lướt qua đều mang ý nghĩa đoàn kết, mong mùa màng tốt tươi, bản làng bình yên.

Vừ Chông Pao đứng lặng, nụ cười hiền khẽ nở trên môi: sau những năm tháng khổ cực, giờ đây bản làng đã rộn tiếng khèn, trẻ em có đường đến lớp, gia đình yên ấm, đất mẹ đang hồi sinh.

Mùa thu hoạch mơ và mận, người dân cùng nhau làm việc: hái quả, phân loại, ủ trong chum để làm mứt, ngâm rượu, hoặc đem ra chợ huyện bán. Những hộ gia đình từng trồng thuốc phiện giờ học cách làm vườn, làm đất, chăm sóc cây. Họ cười nói rôm rả, ánh mắt sáng lên niềm tự hào: từ bàn tay họ, đất đai đã trở lại, tương lai trở nên gần gũi và thực tế hơn bao giờ hết.

Vừ Chông Pao cùng đội công tác đi kiểm tra từng nương, trò chuyện với dân bản. Ông dùng chính kinh nghiệm của mình để hướng dẫn:

- Khi trồng mận, nhớ vun gốc, bón phân đúng cách. Khi cây lớn, cắt tỉa cành khéo, quả sẽ nhiều và ngọt. Thử áp dụng, đất mẹ sẽ đáp trả bằng mùa màng bội thu.

Những lời nói bình dị mà gần gũi ấy khiến người dân nghe mà thấm, không còn nghi ngại, mà tràn đầy niềm tin vào sự đổi thay.

Trẻ con cười reo, tay bản đất nhưng ánh mắt rạng rỡ; người lớn nở nụ cười, hồn bản làng hồi sinh theo từng nhịp cười, từng cành cây mới. Bóng phi đã lùi xa, hoa trắng biến mất; chỉ còn ánh sáng hy vọng, những hạt giống niềm tin, và sức sống bền bỉ của người Mông nơi núi rừng.

Các gia đình nhỏ, trước đây chia lìa vì phi và thuốc phiện, nay đã ngồi lại bên nhau. Bữa cơm chiều bên bếp lửa hồng, tiếng trẻ con cười nói, tiếng gà gáy xa xa, tiếng rì rào của núi rừng... tất cả tạo nên bức tranh sinh động của một bản làng vừa hồi sinh. Vừ Chông Pao đứng lặng trên sườn đồi, nhìn bản làng rực rỡ dưới nắng thu, lòng ông tràn ngập niềm vui: những hạt giống của quyết tâm, niềm tin và hành động đã được gieo, và mùa thu hoạch mơ, mận đầu tiên chính là thành quả đầu tiên của sự chuyển hóa ấy.

4. Tại Đại hội Đảng bộ huyện Kỳ Sơn nhiệm kỳ 1991–1995, Vừ Chông Pao thôi giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện để đảm nhận vai trò Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện. Người kế nhiệm vị trí của ông là đồng chí Moong Văn Nghệ.

Sau kỳ đại hội, ông tranh thủ ghé qua thăm nhà. Vừa về đến bản, ông liền đến thăm già bản Lầu Páo Chở – năm nay đã ngoài 90 tuổi, người vẫn nhanh nhẹn, minh mẫn. Già nắm tay Vừ Chông Pao, giọng sang sảng:

– Này Pao, sao không làm Chủ tịch nữa? Mày vẫn làm tốt mà, bà con vẫn muốn mày làm!

Pao cười hiền:

– Mình già rồi cụ ạ, phải để lớp trẻ lên. Họ có học, có sức, biết nhiều cái mới, làm sẽ tốt hơn. Mình còn sức thì lo việc khác, chứ ghì mãi sao được.

Già gật đầu:

– Thế cũng phải, miễn sao còn lo cho bản, cho rừng, cho người là được.

Những lời Páo Chở vừa nói khẽ gọi trong lòng Vừ Chông Pao những ngày đầu ông về nhận nhiệm vụ ở Hội đồng nhân dân huyện.

Ngày đầu tiên ngồi vào chiếc ghế Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, ông thấy lòng mình rối bời. Bao năm quen với công việc điều hành, trực tiếp chỉ đạo các phòng ban, trực tiếp xuống bản với dân, giờ bỗng chuyển sang vai trò mới – không cầm tay chỉ việc, mà giám sát, phản biện, định hướng – ông bản khoãn không biết nên bắt đầu từ đâu. Buổi họp đầu tiên với anh em thường trực Hội đồng, ông nghe nhiều khái niệm còn mới: “giám sát nghị quyết”, “chất vấn”, “cùng cô vai trò đại biểu”... những điều này trên sách vở thì dễ, nhưng đem ra bản, gắn vào đời sống bà con thì đâu có đơn giản. Ông ngồi lặng, nhìn tập tài liệu dày cộp, nghĩ thầm: “Liệu mình có gánh nổi không đây?”.

Một lần về dự học nghị quyết ở Tỉnh ủy, trong giờ nghỉ giải lao, ông ngồi một mình ngoài bậc thềm, mắt ngược nhìn lên hàng cây bên sân. Đúng lúc đó, anh Vi Tố Định – Phó Tư lệnh Bộ đội Biên phòng Nghệ An – bước tới, cười hiền:

– Sao, ông Pao, trông mặt cứ như mang cả núi lo toan thế?

Ông thở dài:

– Ủ, anh Định ạ, tôi quen việc điều hành rồi, giờ chuyển sang Hội đồng... Nói thật, nhiều khi cầm giấy mà không biết bắt đầu từ đâu. Hội đồng thì bảo là “giám sát, phản biện”, nhưng giám sát kiểu nào để Ủy ban nhân dân không chạnh lòng, để anh em vẫn đồng thuận, dân vẫn tin? Tôi cứ thấy lúng túng.

Anh Định ngồi xuống cạnh, châm điếu thuốc, rồi nghiêng đầu hỏi:

– Ông có biết cây pơ mu không?

Ông bật cười:

– Người vùng tôi sao lại không biết! Pơ mu càng già, tán lá càng rộng, bóng càng mát. Gỗ nó còn thơm, quý lắm.

Anh Định gật gù:

– Đây, ông thấy chưa. Con người cũng như cây pơ mu. Ông từng trải, đi bản nhiều, hiểu dân, hiểu cán bộ. Giờ không phải lúc chạy khắp nơi như trước nữa, mà là tỏa bóng, làm gương. Ông ở Hội đồng, lời ông nói ra, cái cách ông sống sẽ khiến lớp trẻ soi vào. Cây già tỏa bóng, người già làm gương – ấy là sức mạnh.

Anh ngừng một lát rồi nói tiếp:

– Ông có biết hòn đá mài không? Dao cùn mà đưa lên đá mài, kiên nhẫn chà kỹ, thì lưỡi dao sẽ sáng loáng, sắc bén. Hội đồng nhân dân cũng giống hòn đá mài. Không phải cầm dao đi chặt, đi bổ, mà là mài cho sắc, cho bền. Ông ở đây, với vai

trò Chủ tịch, chính là hòn đá mài giúp cho Ủy ban nhân dân huyện – lớp cán bộ trẻ – làm việc ngày càng sắc bén, vững mạnh.

Ông ngồi lặng. Lời anh Định giản dị mà sâu. Ông thấy như có làn sương mù trong lòng vừa tan đi. Đúng vậy, không nhất thiết phải cầm dao chặt tre mới là mạnh; đôi khi, chỉ cần làm hòn đá mài, cũng đủ để cả trăm lưỡi dao sáng lên.

Ông cười, gật gù:

– Cảm ơn anh Định. Tôi hiểu rồi. Làm người già phải như cây Pơ Mu, làm Hội đồng là làm hòn đá mài, đó cũng là một cách góp sức cho bản, cho rừng, cho người... chỉ khác cách thôi.

Anh Định cười, vỗ vai ông:

– Thế mới là Pao của Kỳ Sơn chứ!

Từ hôm ấy, ông thấy lòng mình nhẹ nhõm hơn, bước vào nhiệm vụ mới với một tâm thế khác: lặng lẽ mà bền bỉ, như cây pơ mu giữa đại ngàn.

Mùa thu năm 1994, trong một chuyến công tác xuống vùng biên, Pao nhìn thấy những triền đồi trọc, suối khô đá trắng. Ký ức dội về: thời trai trẻ, dẫn đội du kích băng rừng, chính những cây pơ mu đã che gió, chắn đạn, giữ đường lương thực, ngăn chân phi không co chúng vào bản.

Ông thở dài:

– Rừng mất, nước cạn, người rồi cũng khô.

Máy cán bộ đi cùng im lặng.

Gió đầu thu luôn qua những gốc cây trơ trọi, mang theo hơi đất khô khốc. Xa xa, sườn núi từng rợp bóng pơ mu giờ chỉ còn những vệt đất cháy nắng, mây vắt qua đỉnh Pu Xai như dải lụa xám. Vừ Chông Pao nhắm mắt giây lát, nghe tiếng suối cạn lộ đá kêu lách tách, như tiếng xương rừng già gãy vụn. Trong lòng ông nhói lên: *Nếu không trông lại, mai này gió sẽ cuốn cả hơi thở của núi đi mất.*

Trở về huyện, ông đề xuất ngay tại phiên họp HĐND:

– Tôi kiến nghị phải khôi phục rừng pơ mu. Không chỉ giữ đất, giữ nước, mà còn giữ lấy dáng hình người Kỳ Sơn – thẳng ngay, bền bỉ như thân cây ấy.

Cả phòng như sôi lên. Một đại biểu đứng bật dậy:

– Trồng cây đó để làm gì? Phải mấy chục năm mới lớn, dân đang thiếu đất sản xuất, lấy đâu ra đất?

Người khác gay gắt:

– Chúng ta đang dồn sức cho cây ngăn ngày, cây ăn quả. Trồng pơ mu là xa vời, tốn kém!

Có tiếng cười mỉa:

– Bác Pao ở Ủy ban bao năm, giờ sang Hội đồng lại bắt dân trồng rừng, liệu có thực tế không?

Không khí trầm lắng, ánh mắt đổ dồn về ông. Vừ Chông Pao ngồi thẳng, hai bàn tay đan vào nhau, giọng chậm mà vang:

– Tôi biết các anh lo cái trước mắt, nhưng cái trước mắt không cứu được cái mai sau. Pơ mu không cho quả ngọt một mùa, nhưng nó giữ đất không trôi, giữ suối không cạn, giữ cả mái nhà các anh khỏi bị lũ cuốn. Các anh tính xem: bao nhiêu bản đã phải sơ tán vì núi lở? Bao nhiêu ruộng bỏ vì đất bạc?

Cả hội trường im lặng. Một vị đại biểu gật đầu:

– Tôi đồng ý. Cây này là hồn núi, mất nó, Kỳ Sơn không còn đáng đứng.

Có người vẫn chân chừ:

– Nhưng vốn đâu, dân đâu?

Pao nhìn khắp phòng, ánh mắt sắc như lưỡi dao:

– Vốn có thể xin, dân có thể vận động. Nhưng nếu Hội đồng hôm nay không dám quyết, mai kia chỉ còn gốc rễ mục nát để nhìn.

Câu nói như lưỡi dao gõ mạnh lên bàn gỗ. Chủ tọa gõ búa lấy ý kiến. Cánh tay giơ lên dần dần, như ngọn lửa lan ra khắp phòng.

Pao khẽ thở ra, tay siết nhẹ cuốn sổ trước mặt: - Vậy là hạt đã gieo rồi...

Cuộc họp tan, mọi người ra về hết. Vừ Chông Pao đứng dậy, lặng lẽ đứng dậy. Ngoài cửa sổ, gió heo may luồn qua khung kính, mang theo mùi đất khô. Trong trí ông, dáng cây pơ mu lại vươn thẳng giữa mây núi, như chính người Kỳ Sơn: chịu đựng, kiên cường, không cúi đầu trước bão tố.

Ông quay người bước ra hiên, để mặc gió đầu thu lùa qua tà áo. Một năm sau, khi lá pơ mu lại bắt đầu vàng trên sườn núi, mùa thu 1995, Vừ Chông Pao chính thức rời ghế công vụ, trở về với nếp nhà cũ.

Gió heo may từ đỉnh Pu Xai bắt đầu tràn xuống các bản làng. Rừng pơ mu trên dãy Pu Xai vàng rộm, lớp lá già lia cành, xoay mình trong ánh chiều như những cánh bướm khổng lồ. Vừ Chông Pao ngồi bên hiên nhà sàn, đôi bàn tay khô gầy vuốt chén trà nghi ngút khói. Tiếng lũ trẻ nô đùa dưới sân, vắng vắng như tiếng chim chích chòe năm nào, thưở ông còn vác nỏ băng rừng. Trên vách nhà, chiếc áo Chủ tịch Mặt trận đã được treo lên cao, ngay ngắn như một lời chia tay với năm tháng lẩn lộn giữa phong ba.

Hơn năm mươi năm bầm bản, bầm rừng, bây giờ ông mới thấy cái cảm giác rảnh rang nơi lồng ngực: không còn những cuộc họp xuyên đêm, không còn những bản báo cáo dày cộp, không còn tiếng gọi khẩn cấp từ các đồn biên phòng xa tít. Ông nhấp một ngụm rượu ngô, men cay lan xuống cổ, làm ấm lại cả mùa thu se lạnh. Vàng trán hần những vết nhăn sâu như rãnh suối cạn, nhưng ánh mắt ông sáng lạ: sáng của một người đã trải qua tất cả, đã nếm đủ ngọt bùi cay đắng, và giờ đây bình thản nhìn núi rừng đổi mùa.

Ông nhớ lại những tháng ngày du kích thưở trai trẻ: những đêm vượt sông Nậm Mộ, gùi lương thực cho cách mạng; những buổi giảng công, cắm bẫy ở rừng

ơ mu; những lần máu anh em đổ xuống khe Cọ, dốc Pha Lầu. Rồi những năm tháng làm cán bộ, lúc là Bí thư, khi là Chủ tịch, khi lại là người đứng đầu Mặt trận: mỗi một chức danh không phải là quyền lực, mà là trách nhiệm nặng trĩu trên đôi vai.

Ông từng cùng bà con phá bỏ nương thuốc phiện, gây dựng những vườn mận, vườn đào; từng đưa giống trâu to, giống lúa nếp thơm về Na Ngoi, Mường Lống; từng dựng trường, mở lớp, tìm thầy giáo cắm bản, dựng cột mốc giữ biên cương. Mỗi con đường mở ra, mỗi cây cầu bắc qua khe suối đều có dấu chân ông cùng bà con gùi đá, vác gỗ.

Ông Pao ngược mắt nhìn về dãy núi mờ xa, nơi biên giới chỉ còn vạch trắng trên bản đồ nhưng bao đời đã chia rẽ biết bao người anh em. Ông nhớ như in những năm đói kém, mỗi bản tự co cụm một góc, Thái thì nghi ngại Khơ Mú, Khơ Mú thì sợ Mông, người Kinh lên lập hợp tác cũng bị dè chừng. Phải nhiều mùa gió bắc, nhiều lần ông gùi rượu cần, gùi thịt lợn cấp nách, đến từng nhà già làng, quây bên bếp lửa, nói chuyện bó đũa – mới dần tháo được nút thắt. Ông từng nói:

– Một chiếc đũa gãy, bó đũa không bao giờ gãy! Núi này chung, sông này chung, thì phận người cũng phải chung.

Từ đó, những đêm hội bản không còn ranh giới: tiếng trống Mông hòa tiếng khèn Thái, câu lăm Khơ Mú nói điệu ví người Kinh. Đó là niềm vui mà ông coi là lớn nhất: không phải con đường, không phải nhà cửa, mà là tấm lòng của bà con đã liền một khối.

Giờ đây, khi nghỉ hưu, ông không mong người ta nhớ đến mình bằng chức tước, mà chỉ mong thế hệ sau còn giữ được cái nếp ấy. “Đoàn kết là cây cầu, rừng là mái nhà” – ông từng ghi câu đó trên tấm bảng treo ở hội trường xã. Bao lần lũ về, cầu gãy, đường hỏng, nhưng cây cầu lòng người thì vẫn nguyên vẹn. Đó là thứ ông muốn trao lại, như trao một bó đũa chưa bao giờ gãy.

Gió từ sông Nậm Mộ thổi vào, mang theo hơi nước ngai ngái của lúa mùa chín rộ. Trên nương xa, khói lam chiều bay lên thành dải, như muốn quán lấy những vệt nắng cuối ngày. Ông chậm rãi nói với các con đang quay quàn bên mâm cơm:

– Rừng phải giữ, đất phải giữ, lòng người càng phải giữ. Núi này sông này nuôi ta, thì con cháu mình cũng phải trả ơn bằng cách làm cho nó xanh hơn, ấm hơn.

Các con ông chỉ gật đầu, không nói. Đám cháu chạy quanh sân, mang theo tiếng cười lan ra tận bờ tre cuối ngõ. Ông nghĩ: thế là mình yên tâm rồi. Một đời người, được thấy quê hương bình yên, trẻ con đến trường, bản làng có điện, có đường, đã là phúc lớn.

Hoàng hôn buông dần trên Pu Xai, ánh mặt trời rớt xuống dòng Nậm Mộ một vệt vàng óng. Vừ Chông Pao nhắc chén rượu lần nữa, chậm rãi đưa lên môi. Đêm nay, tiếng khèn lá từ bản Mường Ải chắc lại vang lên, như thuở đôi mươi ông từng đứng bên người con gái mặc váy thổ cẩm đỏ, tóc thơm mùi hoa mua. Thời gian đi xa, nhưng tiếng khèn, tiếng suối, màu rừng, vị rượu ngô – vẫn còn ở đây. Cũng như ông, từ nay nghỉ hưu, nhưng trái tim vẫn đập nhịp với từng mùa thay lá của núi rừng.

Ông gấp cuốn sổ cũ khi đã viết xong dòng chữ: “*Nguyện xin làm hòn đá mài, làm cây pơ mu giữa đại ngàn Kỳ Sơn*”.

Và dẫu không còn vác ba lô băng rừng như trước, ông vẫn giữ lời hẹn với đồng bào: tiếp tục làm chiếc cầu nối Mặt trận, lặng lẽ đi khắp các bản Kỳ Sơn, góp chút sức mình giữ rừng, giữ đất, giữ lòng người.

Chương 17:

1. Năm 1998, sau ba năm nghỉ hưu Vừ Chông Pao tiếp tục được bầu giữ chức Phó Chủ tịch MTTQVN tỉnh Nghệ An, phụ trách huyện Kỳ Sơn. Ông trở lại những con đường quen thuộc của huyện biên giới mà lòng đầy trăn trở. Trên chiếc xe chậm rãi bò dọc triền đồi, gió thổi từng lớp lá pơ mu khẽ rì rào, ông nhìn ra những nương ngô, nương lúa trải dài nhưng xen lẫn đâu đó là những khoảng đất trống, nơi rừng pơ mu từng xanh tốt, giờ chỉ còn lại những gốc khẳng khiu, rễ trơ trọi. Mỗi cảnh vật trước mắt đều như nhắc nhở ông về trách nhiệm sống còn của mình với người dân và thế hệ mai sau.

Ông dừng chân trên một đỉnh đồi, nơi ánh hoàng hôn nhuộm đỏ những triền núi xa xăm, mây hạ chầm chậm trôi. Tay ông chạm lên bầu trời như muốn giữ lại từng khoảnh khắc, từng nhịp thở của núi rừng. Trong lòng ông, nỗi đau xót trĩu lên khi nhớ lại những năm tháng cùng đội du kích chống phi, những buổi tuần tra giữa rừng pơ mu bạt ngàn, nơi ông cùng đồng đội dựng lán, canh gác, che chở cho người dân bản làng. Rừng pơ mu ngày ấy không chỉ là lá phổi xanh của bản làng mà còn là chứng nhân cho sự dũng cảm, sự hy sinh và niềm tin của cả một thế hệ.

Gió núi lạnh nhẹ thổi qua, cuốn theo mùi đất ẩm và mùi lá khô. Những nương lúa, nương ngô xanh tươi lay động dưới ánh chiều, như nhắc nhở ông rằng vẫn còn hy vọng. Trên những triền đồi trơ trọi, ông thấy cả tiềm năng và thách thức: đất rộng, trời cao, nhưng cần bàn tay con người chăm sóc, cần sự đồng lòng của dân bản. Những cánh rừng xanh thắm, những nương ngô, nương lúa, và triền đồi khô trọc xen kẽ, như một bức tranh vừa đẹp, vừa đầy nhức nhối, khắc sâu trong tâm trí ông một sứ mệnh: gieo mầm tương lai để đời sau không phải chứng kiến rừng cạn kiệt, đất bạc màu.

Ông ngẩng đầu nhìn bầu trời đang chuyển màu, ánh hoàng hôn hắt lên khuôn mặt già nua nhưng ánh mắt vẫn sáng rực niềm tin. Ông hít sâu, cảm nhận từng nhịp gió, từng nhịp đập của đất đồi, như đang hòa nhịp cùng trái tim ông.

Ông quay sang mấy anh cán bộ trẻ đi cùng:

– Nhìn rừng hôm nay mà nhớ rừng ngày trước... bao năm cùng đội du kích nấp trong rừng đánh phi. Từng gốc cây này đã chứng kiến mồ hôi, máu và nước mắt của chúng tôi. Giờ rừng cạn kiệt, đất bạc màu, dân bản chịu nhiều khó khăn... Chúng ta phải gieo mầm lại, từng cây, từng hạt, để đời sau không phải chịu cảnh này.

Những lời nói ấy vang lên giữa gió rừng, len lỏi qua từng nếp nhà, qua mái tóc bạc của các cụ già, qua ánh mắt háo hức của thanh niên bản làng. Ông biết rằng lời nói thôi chưa đủ; phải có hành động, phải cùng dân bản trực tiếp gieo trồng, chăm sóc.

Ông ngẩng đầu, nhìn những triền đồi trơ trọi, những nương ngô, nương lúa xanh tươi, những mảnh đất trống trơ trọi đá, nhắc nhở rằng rừng Kỳ Sơn giờ đây vẫn còn cơ hội để hồi sinh nếu con người biết trân trọng và đồng lòng. Gió núi thổi, mang

theo mùi lá khô, mùi đất rừng, mùi nắng chiều trên những nương lúa – tất cả đều như lời nhắc nhở rằng mỗi bước chân, mỗi quyết định hôm nay đều ảnh hưởng đến mai sau.

Ông trầm nhủ: “Nếu mình gieo mầm hôm nay, đời sau sẽ được hưởng. Mỗi hạt giống pơ mu, mỗi cây trồng là một hòn đá mài, mài bén niềm tin, trí tuệ và trách nhiệm cho thế hệ mai sau.” Ánh hoàng hôn hắt lên khuôn mặt già nua nhưng ánh mắt ông vẫn sáng rực niềm tin. Ông cảm nhận được sức nặng của thời gian, nhưng cũng thấy sức sống tiềm tàng trong đất đồi, trong lòng dân bản, trong những hạt mầm chưa mọc.

Ông vỗ vai anh cán bộ lâm nghiệp, giọng trầm mà dứt khoát:

– Chúng ta không chỉ trồng cây, mà gieo niềm tin và trách nhiệm. Hãy đi cùng dân, học dân, hiểu dân, để mỗi cây trồng hôm nay đều trở thành hạt giống tương lai.

Và chính trong thời khắc ấy, ông hiểu rằng trách nhiệm của một con người với đất, với rừng, với dân bản không chỉ là nhiệm vụ hành chính, mà là nghĩa vụ với lịch sử và thế hệ sau. Mỗi triền đồi trơ trọi, mỗi gốc cây pơ mu khẳng khiu đều là lời nhắc nhở, là cơ hội để ông gieo hạt giống cho tương lai, gieo niềm tin vào từng mái nhà, từng bàn tay, từng trái tim người dân Kỳ Sơn.

2. Khi Vừ Chông Pao trở về sau những chuyến khảo sát trên các triền đồi, ông không thể nào quên hình ảnh rừng pơ mu bị tàn phá. Những gốc cây khẳng khiu nằm lặng lẽ giữa đất trống, như những chứng nhân im lặng cho quá khứ, nhắc nhở con người về sự suy kiệt của thiên nhiên. Ông ngồi trong văn phòng nhỏ của cơ quan Mặt trận huyện, trước tấm bản đồ trải dài từng xã, từng bản, và nghĩ về những gì mình có thể làm để thay đổi vận mệnh của rừng, của dân.

Ông nhớ lại những năm tháng cùng đội du kích, từng bước chân qua rừng pơ mu, từng lần phải che chắn cho dân bản tránh những cuộc tấn công của phi. Những gốc cây ấy từng là nơi trú ẩn, từng là nhân chứng của sự hy sinh và kiên cường. Giờ đây, khi nhìn lại, ông hiểu rằng rừng không chỉ là tài nguyên, mà còn là ký ức, là trách nhiệm, là niềm tin cho mai sau.

Ý tưởng tái trồng pơ mu nảy ra trong lòng Vừ Chông Pao như một ngọn lửa bùng sáng. Ông gọi điện cho Bí thư Huyện ủy Lô Trung Thành về việc mở một cuộc họp chuyên đề bàn về tái trồng cây pơ mu. Từ đầu dây bên kia, Bí thư Thành trả lời: “Ý tưởng rất hay, nhưng để cháu trao đổi cùn anh em trong Ban Thường vụ đã bác nhé”. Một tuần, rồi hai tuần trôi qua, cuối cùn ông cũng nhận được giấy mời tham dự cuộc họp Ban Chấp hành mở rộng. Tại cuộc họp, bản thân ông không nói nhiều, ánh mắt ông đã truyền tải tất cả: quyết tâm, nghiêm túc và kiên định. Ông mở lời, giọng trầm mà dứt khoát:

- Năm 1994, khi tôi còn làm việc, Hội đồng nhân dân huyện đã thông qua Nghị quyết tái trồng cây pơ mu, nhưng hết nhiệm kỳ rồi mà dự án chưa triển khai là thế nào?

Chủ tịch UBND huyện – Mùa Nỏ Tu đứng dậy:

- Báo cáo bác Pao, chậm là do dự án của ta tỉnh chưa thông qua, chúng ta không bố trí được ngân sách.

Vừ Chông Pao nghiêm nghị:

- Chúng ta không thể ngồi chờ, phải bám tỉnh, phải xin làm việc đảng hoàng. Cây pơ mu là biểu tượng, là hồn cốt của người Kỳ Sơn. Chúng ta không thể nhìn nó cạn kiệt thêm nữa. Nếu chúng ta không hành động hôm nay, đời sau sẽ phải hứng chịu hậu quả. Tôi đề xuất lấy xã Tây Sơn làm thí điểm tái trồng pơ mu. Mỗi cây trồng hôm nay là hòn đá mài, mài bén niềm tin, trí tuệ và trách nhiệm cho thế hệ mai sau.

Các cán bộ trẻ nhìn nhau, cảm nhận được quyết tâm của ông. Một cán bộ trẻ hỏi:

- Nhưng bác Pao ạ, giả dụ chúng ta được thông qua được dự án, liệu dân bản có chấp nhận không, khi họ quen sống phụ thuộc vào khai thác rừng?

Ông nhếch môi cười nhẹ, ánh mắt sâu thẳm:

- Họ sẽ hiểu nếu chúng ta đi cùng họ, nếu chúng ta không chỉ ra lệnh mà cùng lao động, cùng gieo hạt, cùng chăm cây. Hạt giống phải thấm vào máu thịt họ, như máu của chúng ta đã thấm vào rừng trong những năm tháng chống phi.

Ông trần trở về từng gia đình, từng con đường mòn dẫn vào bản làng, từng ánh mắt trẻ con đang chạy nhảy trên nương. Trong lòng ông, quyết tâm ấy vừa là trách nhiệm, vừa là nghĩa vụ với lịch sử. Mỗi triền đồi, mỗi cây pơ mu được trồng hôm nay sẽ là minh chứng cho niềm tin vào con người, vào tương lai, vào sự gắn kết giữa thiên nhiên và dân bản.

Một ngày giữa tháng Chín năm 1998, trời Kỳ Sơn băng lạnh hơi sương, Vừ Chông Pao nhận tin dữ: bà Y Dênh – người bạn đời đã cùng ông chia ngọt sẻ bùi hơn nửa thế kỷ – trút hơi thở cuối cùng. Năm mươi một năm gắn bó, từ những ngày kháng chiến gian lao đến thời bình bộn bề, bà đã lặng lẽ đứng sau, vun vén gia đình để ông yên tâm với công việc nước. Giờ đây, căn nhà quen thuộc bỗng trống vắng lạ thường. Khói nhang băng lạnh, gió rừng thổi qua hiên, tiếng con suối dưới chân bản như ngân một khúc tiễn biệt.

Ông không để con cháu làm theo những tục rườm rà của người Mông xưa – những ngày khóc lóc, khua chiêng gọi hồn, để thi hài nằm lâu giữa nhà. Ông dặn:

- Mẹ các con vất vả cả đời rồi, để bà yên, một đêm thôi rồi đưa đi mai táng.

Sáng hôm sau, người làng, người bản đến tiễn, không kèn không trống, chỉ có tiếng gió rừng và những cánh hoa pơ mu rụng sớm như cúi đầu trước một kiếp nhân sinh.

Sau tang lễ, nhiều người khuyên ông nghỉ ngơi ít ngày. Nhưng Vừ Chông Pao vốn không quen an phận giữa những bức tường im lìm. Mắt ông đã mờ hơn trước, bước chân không còn nhanh như thuở nào, song ý chí lại sáng rõ lạ thường. Chiều hôm ấy, ông xếp lại bàn thờ còn nghi ngút khói, dặn con cháu:

- Cha đi đây, rừng Kỳ Sơn đang đợi.

Lên ngựa, ông lại ngược những con đường gập ghềnh dẫn vào Tây Sơn, Huồi Tụ, Nậm Càn... Những triền đồi trụi phơi mình trong nắng hanh. Nơi đâu cũng thấy gốc pơ mu cháy xém, mòn mỏi. Người dân thấy ông trở lại, ai cũng rung rung:

- Bác Pao gần bảy mươi mà chẳng chịu nghỉ ngơi.

Ông cười:

- Rừng chưa xanh, lòng tôi chưa yên.

Nỗi đau mất vợ như một vết dao âm ỉ, nhưng ông không để nó ghim chân mình. Trái lại, chính sự ra đi ấy càng thôi thúc ông phải làm điều gì đó có ý nghĩa lâu dài, để bù đắp cho những mất mát đã trải qua. Trong buổi gặp gỡ cán bộ xã Tây Sơn hôm ấy, ông đứng dậy, giọng trầm nhưng chắc:

– Mỗi cây pơ mu chúng ta dự định gieo hôm nay không chỉ để lấy bóng mát, lấy gỗ tốt, mà còn là nén hương gửi tới người đã khuất, là lời nhắn nhủ với con cháu sau này: chúng ta đã từng sai, nay phải sửa.

Lời ông khiến hội trường lặng đi. Một vài cán bộ trẻ lên nhìn nhau, thấy trong ánh mắt người già làng thoáng qua một tia đồng thuận. Họ chưa trông cây, nhưng ý tưởng đã được gieo.

Từ hôm đó, Vừ Chông Pao lại đi về các bản, tay cầm cuốn sổ, tay bắt mặt mừng với bà con. Ông lắng nghe nhiều hơn, nói ít hơn, nhưng mỗi câu nói đều có sức nặng: “Cây rừng không chỉ cho ta gỗ, nó cho ta cả nguồn sống.” Nỗi riêng được gói lại, để nhường chỗ cho một khát vọng lớn hơn – khát vọng nhìn thấy Kỳ Sơn một ngày kia xanh trở lại với những hàng pơ mu rì rào gió núi.

Không chỉ bản trong huyện, trong xã, một lần đi họp MTTQ tỉnh, ông xin gặp Thường trực Tỉnh ủy đề xuất lên tỉnh về dự án tái trồng cây pơ mu trên những đồi trọc của huyện Kỳ Sơn. Nghe ông trình bày. Tỉnh chấp nhận. Cuối năm đó, dự án tái trồng cây pơ mu ở huyện Kỳ Sơn được phê duyệt. Và xã Tây Sơn được chọn làm thí điểm.

Khi quyết định chọn xã Tây Sơn làm nơi thí điểm, Vừ Chông Pao biết rằng con đường phía trước sẽ không hề bằng phẳng. Ông gọi các đồng chí cán bộ huyện lại, trải tám bản đồ trước mặt, từng xã, từng bản được đánh dấu cẩn thận. Giọng ông quyết liệt:

– Tây Sơn có đất rộng, dân bản chịu khó, nhưng rừng cạn kiệt quá nhiều. Nếu chúng ta không bắt đầu từ đây, rừng sẽ không bao giờ hồi sinh. Mỗi cây pơ mu hôm nay, mỗi hạt giống gieo xuống là một hạt giống niềm tin, hun đúc ý chí, trách nhiệm, trí tuệ và lòng tận tụy cho dân bản, cho thế hệ sau.

Các cán bộ trẻ im lặng, ánh mắt dõi theo từng nét mặt ông. Một anh cán bộ bản đặt câu hỏi:

– Người dân ở đây chưa nghe nói đến trồng rừng bao giờ, liệu họ có nghe theo không?

Ông nhú mày, đôi mắt sáng rực:

– Muốn họ nghe, ta phải làm gương trước, già bản làm, trưởng bản làm, bí thư chi bộ làm, ắt họ làm theo.

Ngày đầu tiên đặt chân đến Tây Sơn, Vừ Chông Pao đi bộ qua từng bản. Ông không bước vội, từng bước chân hòa nhịp với nhịp thở của núi đồi. Ông đến nhà già làng Xông Bá Dì, người từng giúp đội du kích trẻ làm bẫy đá chống phi. Vừ Chông Pao quỳ xuống, nhặt một hạt pơ mu nhỏ đặt vào bàn tay chai sạn của cụ:

– Cụ Bá Dì, con trồng cây này hôm nay, chăm nó ngày mai, khi lớn, con cháu con mới được hưởng bóng mát và hương gỗ của nó. Như vậy mới là trách nhiệm với cha ông, với đất mẹ.

Cụ Xông Bá Dì nhìn ông, ánh mắt rung rung:

– Chú Pao à, chúng tôi nghe lời. Cụ và thanh niên bản sẽ cùng chú gieo hạt như năm xưa từng theo ông đi đánh phi.

Niềm tin bắt đầu nảy mầm. Ông tiếp tục đến từng nhà, gặp từng gia đình, từ già đến trẻ. Trẻ con mắt long lanh, tay cầm hạt giống, cụ già gật gù như hồi tưởng những năm tháng kháng chiến. Ông nói với họ:

– Trồng cây là gieo trách nhiệm, gieo niềm tin. Đòi mình trồng, đòi con chăm, đến đời cháu chắt mới được hưởng. Mỗi cây trồng hôm nay là cả tương lai xanh mát.

Những lời ấy vang lên giữa nương mía, nương ngô, triền đồi trơ trọi, trong tiếng gió rừng thổi qua từng tán lá. Người dân Tây Sơn bắt đầu hiểu rằng, không chỉ trồng cây, họ đang gieo mầm cho thế hệ mai sau, cho đất mẹ và cho chính niềm tin của mình.

Trong những ngày tiếp theo, ông cùng dân bản đào đất, uơm hạt, trồng cây. Hình ảnh ông còng lưng trên triền đồi, bàn tay bần đất đỏ, mồ hôi thấm áo, trở thành biểu tượng cho sự gắn bó giữa con người với đất rừng. Mỗi cây trồng là một hành động cụ thể, là lời hứa với tương lai. Ông luôn nhắc nhở:

– Hạt giống phải được yêu thương, chăm sóc như con của mình. Ai chăm sóc tốt, cây mới bén rễ, rừng mới xanh.

Các cán bộ trẻ đi theo ghi chép, học hỏi từng cử chỉ, từng lời nói của ông. Khi họ phân công nhau đi từng bản, hướng dẫn dân cách bảo vệ cây con khỏi thú rừng, ông nhắc:

– Tre già thì măng mọc, nhưng măng phải được diu. Hãy học cách đi cùng dân, học cách hiểu dân, để cây trồng hôm nay trở thành niềm tin và trách nhiệm cho thế hệ kế tiếp.

Một buổi chiều, ông đứng trên triền đồi, nhìn mảnh đất trống nơi những gốc pơ mu cũ vừa bị chặt. Gió núi thổi mạnh, mang theo mùi đất, mùi lá khô, mùi nắng chiều trên nương mía. Ông thở dài, đôi mắt sâu thẳm, trầm ngâm:

– Bao nhiêu năm qua, rừng là bạn, là chứng nhân, là niềm tin. Giờ phải làm sao để người dân hiểu rằng rừng còn xanh, còn sống là nhờ bàn tay mình và trách nhiệm của mình.

Ông gọi người bạn cùng đội du kích năm xưa - Vừ A Sính, một người có uy tín trong bản - người nổi tiếng chịu khó và thương rừng:

– A Sính à, hãy bảo con cháu đi tìm giống pơ mu và sa mu, ươm chúng ở vườn của mình. Đây là cơ hội, là trách nhiệm với rừng và dân bản.

A Sính gật đầu, mắt rung rung:

– Ta sẽ làm hết sức, Pao ạ. Bao năm thấy rừng bị chặt phá, ta đau xót lắm. Giờ có cơ hội hồi sinh, ta sẽ bảo chúng làm đến cùng.

Cả mùa thu trôi qua trên núi Tây Sơn trong tiếng cười, tiếng xới đất và tiếng hạt rơi. Người dân cùng ông ươm giống, nhặt hạt, đào hố, vun gốc. Trẻ con chạy nhảy, mắt sáng long lanh học cách chăm cây con. Các cụ già dạy cách giữ đất, xen trồng cây thuốc nam, để rừng thêm sinh động, đa dạng. Pao cảm nhận từng hơi thở của núi đồi, thấy niềm tin và trách nhiệm đang lớn lên trong lòng mọi người.

Một buổi chiều khác, ông gọi nhóm cán bộ trẻ lại, chỉ tay vào vườn cây:

– Nhìn này, mỗi cây con là một mầm sống để thử thách và hun đúc lòng người. Nếu chăm sóc cẩn thận, cây sẽ bén rễ, dân sẽ hiểu, và thế hệ sau sẽ biết trách nhiệm với đất mẹ. Hãy luôn sát cánh cùng dân, đừng rút lui, đừng bỏ mặc cây con.

Các cán bộ trẻ chăm chú, cảm nhận từng lời, từng cử chỉ. Họ thấy ở ông không chỉ là lãnh đạo, mà là người gieo niềm tin, người kết nối đất, rừng và con người, người dạy trách nhiệm bằng hành động thực tế.

Trước mắt ông, Kỳ Sơn rộng mở như một bức tranh sống: nương ngô, nương lúa xanh mướt trải dài trên triền đồi, gió núi vuốt ve từng lớp lá, ánh hoàng hôn nhuộm hồng mọi vật. Những bàn tay lem đất, những gương mặt rạng rỡ, và giữa tất cả, ông đứng lặng, mắt nhìn xa xăm, lòng tràn đầy quyết tâm và trách nhiệm với đất mẹ.

Ông nhìn mấy cán bộ trẻ – những cán bộ kế cận của thời kỳ mới:

– Đây không chỉ là dự án trồng cây các cháu ạ. Đây là dự án gieo mầm niềm tin, gieo hạt giống trách nhiệm, gieo sức sống cho tương lai. Ai cũng có phần, từ già đến trẻ, từ dân bản đến cán bộ, để đời sau được hưởng rừng xanh, đất tốt, và tinh thần trách nhiệm.

Tất cả đều im lặng, lắng nghe. Mỗi lời nói của ông như thấm sâu vào họ, gieo vào lòng từng người một quyết tâm âm thầm nhưng vững chãi, một khát vọng cống hiến, khiến họ nhận ra trách nhiệm mình đang gánh vác với núi rừng và dân bản.

Những ngày cuối tháng, khi các vườn cây nhỏ bắt đầu bén rễ, ông đứng giữa triền đồi, nhìn ánh nắng chiếu trên từng lá pơ mu non, đôi mắt rực sáng:

– Gian khó là lừa trui rèn, nhưng mình đã gieo hạt, đã mài bén niềm tin. Thế hệ sau sẽ thấy, sẽ hiểu, sẽ làm tiếp.

Ông biết rằng hành trình phía trước còn dài, nhưng quyết tâm trong ông không lay chuyển. Mỗi cây pơ mu mọc lên là một biểu tượng của sức mạnh và sự rèn luyện, mài bén niềm tin, trí tuệ và trách nhiệm cho dân bản, cho huyện Kỳ Sơn, cho đời sau.

Một lần Vừ Chông Pao cùng mấy cán bộ huyện, xã đi sâu vào từng bản nhỏ. Bản Pẹc, nơi triển đồi hẹp, nương ngô xanh rì nhưng rải rác các khoảng trống đất trống trọi, là nơi ông dừng chân lâu nhất. Những cụ già ngồi trên ghế gỗ kê tạm bên hiên nhà, ánh mắt vừa tò mò, vừa dò xét. Trẻ con chạy nhảy theo chân ông, tò mò về người đàn ông già mà dường như “cùng sống với núi rừng” này.

Ông mỉm cười, cúi xuống trò chuyện với già bản Lầu Tổng Khur:

– Già bản này, rừng xung quanh bản mình giờ chỉ còn vài gốc pơ mu già cỗi. Hôm nay, mình sẽ gieo hạt giống, để đời sau còn rừng. Già bản có đồng ý cùng trồng không?

Già bản Lầu Tổng Khur ngẩng đầu, đôi mắt rung rung:

– Thưa cán bộ Pao, ta cũng muốn rừng xanh, nhưng mấy đời rồi cây trồng khó sống, ai chịu nổi gian khó?

– Già bản yên tâm – ông đáp – gian khó sẽ mài chí chúng ta thêm sắc, thêm bền. Hạt giống hôm nay chính là mầm sống của ngày mai, của con cháu chúng ta. Mình sẽ cùng chăm, cùng dìu, từng bước.

Già bản Lầu Tổng Khur gật đầu, tay run run nắm lấy tay ông. Trẻ con chạy quanh, hứng thú quan sát ông hướng dẫn bà con cách ngâm hạt, chọn đất tốt, cách vun gốc, và tưới nước. Mọi thứ đều được ông diễn giải bằng ngôn ngữ gần gũi:

– Cây con như đứa trẻ, phải chăm từng chút, từng chút một. Không vội, không nóng nảy. Ai yêu nó, cây mới sống. Ai thờ ơ, cây sẽ chết.

Một cậu thanh niên trẻ có tên là Mùa Pá Chả, nghi ngại:

– Bác Pao à, trồng cây này mất nhiều năm, dân bản làm sao đủ kiên nhẫn?

Ông nhìn sâu vào mắt Chả:

– Đời ta không hưởng, nhưng đời con cháu của ta sẽ hưởng. Mỗi cây trồng hôm nay là trách nhiệm, là niềm tin, là tương lai của chúng ta. Dân bản mình từng chịu nhiều khó khăn, gian khổ rồi. Bây giờ, hãy cho con cháu một tương lai tươi sáng.

Buổi trưa, khi nắng vàng rọi qua tán lá khô, ông đi đến từng gia đình, cùng họ chuẩn bị hồ trồng. Người già xúc đất, trẻ con nhặt hạt, phụ nữ tưới nước. Ông nói:

– Mỗi cây, mỗi hạt hôm nay là cả niềm tin, là sức sống ngày mai. Nếu dân bản làm đúng, cây sẽ bén rễ, rừng sẽ xanh, đời sau hưởng lợi.

Ở bản Huồi Học, một gia đình còn giữ những nương thuốc phiện cũ, nghi ngại:

– Cán bộ Pao à, chúng tôi quen trồng cây thuốc phiện, có bán, có ăn. Nay ông bảo không trồng nó nữa mà trồng cây này, khi nào có ăn?

Vừ Chông Pao nhìn quanh, ánh mắt dừng ở các con trẻ, mỉm cười:

– Hãy nhìn lũ trẻ này, chúng phải có đất mẹ để sống, để học hành, để làm người. Cây hôm nay trồng, đòi chúng nó hưởng. Lợi ích không chỉ là tiền bạc, mà là sống xanh, sống lành, có đất mẹ để con cháu tự hào. Dân Mông mình cả đời trồng cây thuốc phiện, nhưng có ai giàu đâu, đói vẫn cứ đói đầy thôi.

Một cụ già trong nhà lên tiếng:

– Vậy chúng tôi ăn gì để trồng cây?

Ông nhìn vào trong nhà.

- Cái ăn một phần có nhà nước hỗ trợ, một phần lớn ở đôi tay đôi chân chúng của mình chứ, ngồi ở nhà làm sao có ăn. Phải nuôi lợn, nuôi gà, phải làm ruộng, làm vườn mới có cái ăn chứ.

- Thế phải làm gì để cây sống?

Vừ Chông Pao cầm lấy xẻng, chỉ cho họ từng chi tiết:

– Đào hố sâu vừa đủ, đất không nén quá, giữ ẩm, tưới nước đều, tránh thú rừng và lửa. Mỗi tuần kiểm tra một lần, chăm sóc như chăm con. Ai làm đúng, cây sẽ bén rễ.

Cả buổi chiều, ông không ngừng đi từ gia đình này sang gia đình khác. Mỗi lời nói, mỗi cử chỉ, mỗi ánh mắt ông đều thấm vào lòng dân bản. Từng bước, từng hạt, từng cây, niềm tin được gieo. Một cụ già thì thầm với con cháu:

– Xem ông Pao, lời nói là hành động, cây trồng là trách nhiệm. Ta phải làm theo.

Bây giờ, dân các bản ở Tây Sơn đã hăng hái hơn. Người già, người trẻ, ai cũng háo hức mang hạt giống, đất, nước ra triền đồi. Ông đứng mô đất cao của bản Nậm Hắng, quan sát, thỉnh thoảng cúi xuống hướng dẫn, chỉ ra lỗi kỹ thuật:

– Cây con này nghiêng quá, vun thêm đất. Hạt này chưa ngấm, phải ngấm để nảy mầm tốt.

Chị Thò Y Mị gạt mồ hôi trên trán, hỏi:

– Bác Pao ơi, nếu chúng cháu chăm sóc hết mùa mà cây vẫn chết thì sao?

Ông nắm lấy bàn tay Mị:

– Nếu cây chết, chúng ta sẽ học cách khác, trồng lại, không bỏ cuộc. Điều quan trọng là không từ bỏ niềm tin vào đất mẹ, trách nhiệm với con cháu, với tương lai.

Không khí lao động trên triền đồi trở nên sôi động: trẻ con chạy nhặt hạt, người già xúc đất, phụ nữ tưới nước, tiếng cười, tiếng nói hòa với tiếng gió rừng và

ánh hoàng hôn. Mọi người nhận ra công việc này không chỉ là trồng cây, mà là gieo hạt giống niềm tin, trách nhiệm, tình yêu với đất mẹ.

Đêm đến, khi dân bản nghỉ ngơi, Vừ Chông Pao ngồi bên ánh lửa, nhìn lên triền đồi còn trống. Ông nhắc nhở các cán bộ trẻ:

– Các cháu ạ, đồi còn trống, đôi chân còn phải bước, lưng còn đổ mồ hôi, đừng ngại gian khó. Hạt giống hôm nay, cây con ngày mai, rừng xanh sau này. Mình phải theo sát, dìu dắt từng bước, như những giọt nước thấm sâu tâm hồn dân bản.

Các cán bộ trẻ nhìn ông, học cách lắng nghe, học cách thuyết phục, học cách cùng dân lao động. Họ nhận ra: Vừ Chông Pao không chỉ là lãnh đạo, mà là người gieo niềm tin, dìu dắt, cùng sống với đất, với dân và luôn nghĩ đến tương lai.

Hết bản gần, Vừ Chông Pao lại cùng đội quân của mình tiến sâu vào bản xa nhất của xã Tây Sơn – bản Pù Quạc. Triền đồi nơi đây dốc hơn, nương ngô, nương lúa rải rác những khoảng đất trống, dấu vết khai thác rừng còn in hằn trên sườn núi. Người dân nghe tin ông đến, từ già đến trẻ, ai cũng ngồi im ở nhà. Chỉ có bí thư chi bộ và trưởng bản ra đón.

Bản Pù Quạc, nơi những nương thuốc phiện cũ vẫn sót lại, là thử thách lớn với Vừ Chông Pao và đoàn ông tác. Ông đi tới từng gia đình, dừng lại trước những nương bỏ hoang, nhìn nụ hoa trắng tím còn sót, và thở dài:

– Nhìn hoa thuốc phiện còn sót, lòng tôi trĩu nặng. Hạt giống này, nếu không chuyển đổi, con cháu chúng ta sẽ còn phải chịu khổ nữa.

Cụ già tên là Lý Mũa Chớ nhìn ông, vẻ nghi ngại:

– Nay Pao, trồng cây này lâu quá, làm sao dân bản chờ được?

Ông mỉm cười, giọng chắc:

– Kiên nhẫn là một phần trách nhiệm với bản, với đời con cháu. Hạt giống hôm nay của để dành cho con cháu mai sau. Nếu mình bỏ qua, mai một con cháu sẽ không còn rừng để sống. Ai yêu cây, chăm cây, là gieo mầm cho tương lai.

Ông không chỉ nói bằng lời, mà còn làm gương. Ông ngồi xuống, bày cách gom hạt, cùng dân phân loại hạt, chọn đất tốt, hướng dẫn cách ươm cây con. Từng bàn tay ông lấm đất đỏ, mồ hôi thấm áo, ánh mắt tràn niềm tin, từng hành động đều thể hiện tinh thần lao động, gắn bó với đất mẹ và dân bản.

Và Khua Đór còn trẻ, đứng cạnh, băn khoăn:

– Thưa bác Pao, nếu cây chết hết, dân bản sẽ nản lòng đấy...

Ông lại gần, vỗ nhẹ lên vai chàng trai:

– Nếu cây chết, chúng ta sẽ trồng lại. Nhưng trước khi chết phải biết vì sao cây chết. Vì sao cây của họ sống mà cây mình chết. Hết giống đã có huyện và xã lo. Quan trọng là không từ bỏ trách nhiệm với đất mẹ, với con cháu, với tương lai. Các cháu còn trẻ, tuổi trẻ phải có ước mơ, có hoài bão và phải hiểu, trồng cây là trách nhiệm, là cách để gieo niềm tin, là rèn luyện tính kiên nhẫn.

Mấy tháng sau, Vừ Chông Pao chia đội công tác thành hai nhóm, một nhóm ở lại Tây Sơn, còn ông cùng 2 cán bộ trẻ sang xã Huồi Tụ. Đến bản Trung tâm, ông dừng lại trước nhà anh Vừ Chả Chổng, cựu chiến binh, người từng chứng kiến rừng pơ mu bị tàn phá khốc liệt. Chả Chổng lo lắng:

– Bác Pao ơi, rừng này cạn kiệt, đất khô, cây khó sống, dân bản mình thiếu kinh nghiệm, làm sao trồng được?

Ông đặt tay lên vai Chả Chổng:

– Chúng ta đã vượt qua chiến tranh, gian khó sẽ không làm chúng ta lùi bước. Cây hôm nay mình trồng, đời sau sẽ hưởng. Hãy gieo niềm tin, chăm cây như chăm con. Tôi sẽ giúp anh từng bước.

Chả Chổng gật đầu, ánh mắt rực sáng quyết tâm. Cả gia đình anh bắt tay vào làm đất, ươm hạt, chăm cây con.

Ông đi kiểm tra từng hố trồng, hướng dẫn kỹ thuật:

– Hạt phải được phân loại, đất phải tơi xốp, cây con phải được che chắn khỏi nắng và thú rừng. Nhìn đây, cây con trồng xuống phải đứng thẳng, không nghiêng. Ai làm đúng, cây sẽ bén rễ nhanh.

Một đứa trẻ - cháu Chả Chổng chạy đến, cầm hạt trong tay:

– Ông Pao ơi, cháu muốn gieo hạt này vào đất, để cây lớn!

Vừ Chông Pao mỉm cười, cúi xuống, cầm tay cháu bé:

– Cháu ngoan lắm, mỗi cây pơ mu là hồn cốt của bản, của người Mông ta. Cháu hãy trồng và chăm sóc nó từng ngày, sau này cây lớn thành rừng, rừng này là của cháu.

Chỉ trong ít ngày, việc trồng cây pơ mu, sa mu từ nhà Chả Chổng đã lan ra cả bản Trung Tâm. Dân bản dần quen với việc trồng cây, nghỉ ngơi ban đầu biến thành hăng say. Người già không còn ngồi xem nữa, mà trực tiếp tham gia; trẻ con không chỉ nhặt hạt mà còn học cách vun đất, tưới nước. Ánh mắt họ rực sáng, bàn tay họ khéo léo, từng động tác đều thấm đẫm niềm tin và trách nhiệm.

Mỗi buổi tối, ông ngồi bên ánh lửa, nói với hai cán bộ trẻ:

– Hạt giống hôm nay sẽ lớn, rừng sẽ xanh, dân bản sẽ hiểu trách nhiệm, thế hệ sau sẽ tiếp bước. Gian khó là lửa rèn, hòn đá mài là hành động hôm nay.

Sau này, Vừ Chông Pao không chỉ tập trung vào việc trồng cây, mà còn dành thời gian hướng dẫn lớp trẻ, những người sẽ kế thừa sứ mệnh bảo vệ đất mẹ và rừng núi Kỳ Sơn. Ông trở về huyện, làm việc với Bí thư Huyện đoàn, vài ngày sau một cuộc họp đoàn thanh niên toàn huyện được tổ chức ở thị trấn Mường Xén. Ông đứng giữa những đoàn viên, thanh niên, ánh mắt nghiêm nhưng tràn niềm tin:

– Các cháu ạ, rừng Kỳ Sơn ta một thời nổi tiếng với loại cây pơ mu, sa mu. Rừng chắn đạn cho du kích, rừng cản bước chân phi không cho vào bản cướp của, giết đồng bào... Nay, rừng Kỳ Sơn đã cạn kiệt, những cây pơ mu xưa giờ không còn.

Trách nhiệm chúng ta là phải trả lại cho rừng màu xanh, trả lại cho rừng những cây pơ mu bị ngã. Rừng núi trông chờ các cháu, tương lai Kỳ Sơn trông chờ các cháu. Là thanh niên chúng ta phải có ước mơ, có hoài bão, có khát vọng cống hiến cho quê hương. Như tuổi mười lăm của bác đã cầm nỏ bắn phi để bảo vệ bản làng.

Cả hội trường hàng trăm mái tóc xanh, ai cũng im lặng. Đến khi ông nói:

- Cây pơ mu là biểu tượng tinh thần, phẩm hạnh là hồn cốt của người Kỳ Sơn ta. Các cháu có đi cùng ta trông lại cây pơ mu không? Các cháu có làm được không?

Tất cả đồng thanh:

- Có ạ!

- Nếu quyết tâm, các cháu phải về bản, phải bắt đầu ngay, trông cho nhà mình, trông cho bản mình. Phải vận động, thuyết phục gia đình, người thân và dân bản cùng làm. Khi dân bản còn nghi ngại, các cháu phải trò chuyện, nói họ hiểu, cặn kẽ, từng li, từng tí. Không vội vàng, không áp đặt, nhưng kiên định. Hạt giống hôm nay, trách nhiệm ngày mai, niềm tin cho đời sau.

Mùa hè năm đó, chiến dịch mùa hè xanh được triển khai. Vừ Chông Pao cùng một đội thanh niên tình nguyện lên Nặm Cẩn, nơi có những gia đình nghi ngại nhất. Vừ Chông Pao dạy các cháu cách trò chuyện, cách phân tích từng vấn đề: đất trồng, kỹ thuật chăm sóc, cách chống thú rừng và lửa, cách tạo hứng thú cho trẻ con và người già tham gia. Mỗi bước đều có hình ảnh minh họa thực tế, để thanh niên hiểu và làm theo.

Một hôm, Vừ Chông Pao đưa đội thanh niên đến bản xa nằm trên lưng núi. Nhìn bà con đang say sưa làm việc, người nhặt hạt, người xới đất ...ông nói với các cháu thanh niên:

- Nhìn họ nhặt hạt,耨 giống, gieo cây trông các cháu thấy không? Nếu mình biết tạo niềm hứng khởi, dân bản sẽ hăng hái. Niềm tin hôm nay là cây con, tương lai sẽ là rừng xanh.

Cả đội im lặng, lắng nghe, họ đã thấu trong tâm khảm người cán bộ già không chỉ là trông cây, mà là gieo niềm tin, giáo dục trách nhiệm, xây dựng lớp kế thừa gắn với dân bản và núi rừng.

Trên ngọn đồi cao, ông đứng lặng một lúc, ngắm nhìn vùng đất Nặm Cẩn đang sáng lên trong ánh nắng mới, những gốc pơ mu con xanh tươi. Trong lòng ông trào dâng niềm hy vọng: Những cán bộ trẻ, mầm xanh hôm nay là cây con, tương lai sẽ là rừng xanh, là sức sống của Kỳ Sơn.

Buổi tối, trong ánh lửa trại bập bùng, ông ngồi cùng các cháu thanh niên, kể lại những câu chuyện xưa, khi ông cùng đội du kích bảo vệ rừng pơ mu chống phi:

- Rừng này từng chứng kiến các bác chiến đấu, gian khổ và kiên cường. Bây giờ, rừng cần các cháu bảo vệ và gieo niềm tin. Các cháu phải học cách dìu dân bản, để đỡ chồi non bén rễ, để cây trồng hôm nay hóa cỏ thụ tỏa bóng, chở che thế hệ mai sau.

Các thanh niên lặng im, mỗi ánh mắt đều ánh lên quyết tâm. Mỗi lời của bác Pao như hơi ấm lửa đêm, thấm dần vào tim óc, để lớp cán bộ trẻ hiểu rằng giữ rừng cũng là giữ niềm tin và tương lai của chính mình.

Một chiều đầu đông năm 2002, gió heo may hun hút thổi qua những sườn đồi còn đang lên xanh lác đác những cây pơ mu non, Vừ Chông Pao nhận tin bà Y Trử – người vợ thứ hai, người bạn đời lặng lẽ ở bên ông suốt ba năm qua – trút hơi thở cuối cùng. Lần này, trái tim ông như có ai bóp nghẹt. Mới bốn năm trước, ông đã tiễn bà Y Dên về với đất. Nay, thêm một lần nữa, mái nhà lại trống trải, ngọn đèn lại lẻ loi trước gió.

Ông đứng lặng rất lâu bên cửa sổ phòng làm việc, nhìn ra con đường đất đỏ dẫn về bản cũ. Tay ông run run cầm lá thư báo tin, nét chữ con trai cả viết vội: “Bố về gấp, mẹ mất rồi!”. Nhưng ngoài kia, cả huyện đang trong cao điểm của dự án pơ mu – dự án mà chính ông đã khởi xướng, đã dồn hết tâm huyết để biến nó thành phong trào thực sự. Hàng trăm héc ta đất đã khai hoang, hạt giống đang xuống bầu, bà con đang chờ phân bổ cây. Chỉ cần ông vắng đi, công việc sẽ ngưng trệ, niềm tin dễ vụt tắt như đóm lửa trước gió mùa đông.

Ông ngồi suốt đêm hôm ấy, chỉ thắp một cây đèn dầu. Ngoài cửa sổ, sương phủ trắng sân, lá pơ mu rụng lả tả. Ông tự nhủ: “*Bà Y Trử, bà hiểu tôi mà. Chúng ta đều là người núi, quen gió sương, quen nương cái riêng cho cái chung. Bà đi thanh thản nhé, tôi chưa về được. Khi nào rừng xanh, tôi sẽ về thắp hương cho bà.*”

Tang lễ diễn ra giản dị, đúng như lời dặn của ông với các con: không khóc lóc rườm rà, không kéo dài những nghi thức cổ xưa. Bà nằm lại trên thiên đàng hướng ra dòng Nậm Mộ – nơi mùa lúa chín vàng mỗi độ gió heo may về.

Gần một tháng sau, công việc đã tạm ổn, những lô cây đầu tiên bén rễ, ông mới trở về. Trời cuối đông, sương như khói bếp quán quanh nghĩa địa bản. Ông một mình men theo lối mòn, tay ôm bó hương. Trước mộ vợ, ông cúi thật lâu, bàn tay gầy guộc vuốt lên phiến đá lạnh:

– Bà Y Trử à... tôi có lỗi với bà. Cả đời bà thiệt thòi, đến khi nằm xuống, chồng cũng không kịp về nắm tay. Nhưng tôi tin bà hiểu: rừng kia, những cây pơ mu kia, cũng là máu thịt của bà, của tôi, của tất cả chúng ta.

Gió rừng thổi lùa qua những hàng cây non, mang theo mùi nhựa pơ mu dịu dịu. Ông lặng lẽ thắp nén nhang, khấn thầm: “*Hãy cho tôi thêm sức, để hoàn tất việc này. Mai này, dưới những tán pơ mu, các con sẽ kể về bà, về tôi, về cả một thời chúng ta chắt chiu từng gốc cây cho đời sau.*”

Rồi ông lại quay xuống xã, mang theo nỗi riêng sâu thẳm, nhưng bước chân vẫn vững. Bởi trên vai ông, không chỉ là tang tóc một mái nhà, mà là kỳ vọng của cả núi rừng Kỳ Sơn.

Mùa hè năm 2004, theo diện mời của Trung ương, ông được về nghỉ dưỡng tại Đại Lải. Nắng sớm nơi hồ trong xanh ấy gọi cho ông nhớ những khe suối Kỳ Sơn. Thật bất ngờ, đúng dịp đó, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đến thăm trại nghỉ.

Hai người gặp lại nhau sau nhiều năm, mà vẫn giữ nguyên cái tình ấm áp từ

thuở còn là đại biểu Quốc hội khóa VIII. Tổng Bí thư siết chặt tay ông, nheo mắt cười:

– Anh Pao à, Kỳ Sơn mình nay ra sao rồi? Bà con các dân tộc sống ổn chứ?

Ông đáp, giọng chậm rãi mà đầy tự tin:

– Thừa Tổng Bí thư, bà con đã thôi trồng cây anh túc, chuyển sang ngô lúa, chăn nuôi. Rừng pơ mu chúng tôi cũng bén rễ rồi, xanh thêm từng ngày. Chỉ mong Trung ương vững tay, để dân vùng cao yên tâm bám bản, giữ đất, giữ rừng.

Nghe thế, Tổng Bí thư gật đầu, ánh mắt âm lạ:

– Tốt lắm! Xóa được cây thuốc phiện, trồng được pơ mu, ấy là giữ lấy sinh mệnh của núi rừng, cũng là giữ lấy tương lai. Tôi tin đồng bào Kỳ Sơn sẽ làm được.

– Tôi quý anh lắm! Nghỉ hưu rồi mà vẫn cứ gắn bó với việc chung, với đồng bào, vì tương lai của cả huyện. Cái tâm ấy thật hiếm và đáng trân trọng.

Cuộc trò chuyện ngắn ngủi mà chan chứa nghĩa tình. Kết thúc đợt nghỉ, Tổng Bí thư mời ông đến thăm riêng. Khi chia tay, Tổng Bí thư tặng ông một chiếc mũ dù của Cu Ba và chiếc đồng hồ đeo tay giản dị. Ông giữ chúng như giữ một lời nhắc nhở: rằng niềm tin của Đảng, của Tổng Bí thư, cũng chính là trách nhiệm của đời mình với núi rừng, với đồng bào. Ít lâu sau, từ Hà Nội gửi về Kỳ Sơn một món quà: chiếc xe ô tô mới cho huyện miền núi.

*

* *

Mười năm sau, từ những hạt giống đầu tiên mà Vừ Chông Pao cùng bà con Tây Sơn, Huồi Tụ, Nặm Cẩn và các bản làng lân cận ươm lên, các triền đồi Kỳ Sơn đã khoác trên mình một tấm áo xanh mượt mà. Hàng trăm héc ta pơ mu được tái trồng, từng cây từng cây, lớn lên, vươn mình đón nắng và gió núi. Mỗi gốc pơ mu non là một hạt giống niềm tin, một kết tinh của công sức, trách nhiệm và tình yêu với đất mẹ mà dân bản và Pao đã vun đắp.

Cuối năm 2005, tạ trụ sở xã Tây Sơn, ban chỉ đạo dự án tái trồng cây pơ mu tổ chức tổng kết giai đoạn 1. Vừ Chông Pao, đứng giữa đại diện các bản làng, cán bộ huyện và tỉnh, nghe từng con số, từng báo cáo hiện thực hóa thành kết quả sống động: Diện tích tái trồng mở rộng, độ che phủ rừng tăng lên đáng kể. Dân bản tham gia chăm sóc, bảo vệ rừng tích cực hơn, đời sống từng bước được cải thiện. Những cây con hôm nay sẽ trở thành rừng xanh của đời sau.

Một cụ già ở bản Huồi Giảng, mắt rung rung, nắm chặt tay Vừ Chông Pao:

– Nhờ chú Pao, dân bản chúng tôi mới hiểu rằng rừng này không chỉ là đất, là cây, mà còn là hồn của bản, là trách nhiệm với con cháu.

Ông gật đầu, ánh mắt tràn đầy xúc động và tự hào, nhưng cũng đầy trăn trở: những cây con mới mọc, rừng mới phục hồi, còn nhiều thử thách phía trước.

Ông nhắc nhở:

– Chúng ta vui mừng hôm nay, nhưng không được ngủ quên trên chiến thắng. Cây con phải được chăm sóc, bảo vệ nghiêm ngặt. Chỉ có sự kiên trì và đoàn kết mới giúp rừng lớn lên bền vững.

Niềm vui của dân bản càng nhân lên khi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt dự án giai đoạn 2, mở ra cơ hội trồng thêm hàng trăm héc ta pơ mu mới. Thanh niên Kỳ Sơn cười rộn rã, trẻ con reo hò chạy quanh vườn cây, còn người già đứng trên triền đồi, nhìn từng cây con vươn mình, lòng tràn niềm tin vào tương lai.

Vừ Chông Pao đứng một mình trên đồi, gió rừng thổi tung mái tóc bạc. Ông nhìn ra xa, những nương ngô, nương mía vẫn còn vài triền đồi trơ trọi, nhưng giờ đây, giữa những khoảng trống ấy, những cây pơ mu xanh non đang mọc lên, ẩn dụ cho những hạt giống niềm tin, trách nhiệm và tương lai mà ông đã gieo từ bao năm trước.

– Gian khó là lửa trui rèn, nhưng niềm tin, tình yêu với đất mẹ và trách nhiệm với đời sau sẽ khiến rừng xanh mãi, ông tự nhủ trong lòng.

Dân bản Tây Sơn, Nậm Cẩn và Huồi Tụ không chỉ coi Vừ Chông Pao là người dẫn dắt, mà còn là ngọn lửa hun đúc niềm tin, sự kiên trì, tinh thần trách nhiệm vào từng thế hệ trẻ. Mỗi gốc pơ mu, mỗi nụ mầm xanh là một câu chuyện sống, một lời nhắc nhở rằng mọi nỗ lực hôm nay sẽ tạo dựng tương lai cho con cháu mai sau.

Một ngày giữa năm 2010, huyện Kỳ Sơn tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện dự án tái trồng cây pơ mu. Tiếng cười, tiếng reo hò, tiếng hát hòa cùng hương đất, hương cây mới trồng, tất cả tạo thành một bức tranh sống động, vừa là kết quả của một công trình, vừa là bằng chứng sống cho triết lý và tâm huyết của Vừ Chông Pao. Ông mỉm cười nhìn từng người, từng cây, lòng tràn đầy niềm vui và hy vọng: mọi hạt giống đã được gieo, và đời sau sẽ hưởng thành quả ấy.

Ánh hoàng hôn cuối ngày tràn lên triền đồi Tây Sơn, nhuộm vàng từng gốc pơ mu, từng mái nhà, từng khuôn mặt dân bản. Ông đứng lặng, đôi mắt trầm mặc, lòng tràn ngập cảm xúc. Ông nhìn những cây con vừa được ương, những nụ mầm hé nở sau bao ngày tháng kiên trì, và thấy trong từng chiếc lá, từng nhánh non là hồn cốt của cả một dân tộc, là hy vọng của thế hệ mai sau.

Bên cạnh ông, anh kỹ sư nông nghiệp ghi chép cẩn thận, theo dõi từng bước sinh trưởng của cây. Vừ Chông Pao mỉm cười, nhắc nhở:

– Nhìn kìa, mỗi cây con không chỉ là cây, mà là hạt giống niềm tin. Chăm nó, chúng ta đang gieo niềm tin vào tương lai, vào trí tuệ và trách nhiệm của con cháu.

Một cơn gió nhẹ thổi qua, mang hương đất, mùi cỏ khô và chút hơi nước còn sót lại từ sương chiều. Dân bản tụ tập quanh các đứa trẻ, nhìn theo ông, bàn tán rì rầm về những gì họ vừa học được. Một cụ già ngồi dưới gốc pơ mu khẽ nói:

– Hồi trước, chúng ta chỉ nghĩ đến hôm nay, không để ý đến mai sau. Giờ nhờ ông Pao dẫn dắt, mới hiểu cây cối cũng cần được yêu thương như con cháu mình.

Ông lắng nghe, lòng trào dâng niềm hạnh phúc âm thầm. Trong mắt ông, dân bản không chỉ là người được vận động, mà họ đang trở thành đồng hành, là người cho ông cảm hứng, đó là nơi ông rèn dũa trách nhiệm, niềm tin, sự kiên trì, bản lĩnh và trí tuệ.

Những người nông dân như anh Vừ Chả Chổng ở Huồi Tụ - một người lính từng xông pha tận mạc, nghe lời ông mà lặn lội khắp nơi tìm giống pơ mu, sa mu về trồng. Ông thấy niềm kiêu hãnh hiện lên trong ánh mắt. Gần 3 ngàn cây xanh mướt, phủ kín triền đồi, là minh chứng sống động cho sự lan tỏa tư tưởng và tấm gương của ông. Trẻ con Tây Sơn, Huồi Tụ hăng hái nhặt hạt, ươm cây, người già giám sát, ai nấy đều chăm chú, trân trọng từng hạt giống.

Ông bước chậm, bàn tay đặt lên một gốc cây non, thăm thì:

– Đây không chỉ là cây, đây là hạt giống của trách nhiệm, niềm tin và tình yêu đất mẹ.

Anh kỹ sư trẻ lắng nghe và thấu hiểu, rồi tự hứa với lòng mình: “Đã lúc mình phải làm được, như bác Pao đã từng làm được, để di sản của bác còn mãi với đất mẹ Kỳ Sơn”

Gió rừng thổi qua, lá cây xào xạc như tiếng thì thầm của núi rừng. Ông lại nhớ lại những năm tháng đội du kích len lỏi giữa rừng pơ mu, từng gốc cây đã chứng kiến bao cuộc chiến, bao nhọc nhằn, bao nỗi đau và niềm hy vọng. Giờ đây, ông đứng giữa triền đồi xanh tốt, lòng dâng trào niềm an yên. Cây pơ mu sống, như chính ông đang gieo hạt giống sống mãi trong đời người dân Kỳ Sơn.

Ông nhìn xa, những nương ngô, nương lúa từng tro trọi giờ bắt đầu xanh mướt, xen kẽ là những cây mận, cây mơ vừa được trồng. Tiếng cười trẻ con vang lên khắp triền đồi khi chúng học cách chăm sóc cây, nhặt lá già, tưới nước. Người già nhìn con cháu chăm cây, ánh mắt rạng rỡ, niềm tin lan tỏa, và họ thì thầm với nhau: “Gian khó có thật, nhưng nhờ kiên trì, nhờ hòn đá mài này, mai sau sẽ khác.”

Ông ngồi xuống cạnh gốc cây, nhìn ánh mặt trời đỏ rực dần khuất sau dãy núi xa. Trong lòng ông, mọi gian khó là lửa trui rèn, mọi hạt giống đều sẽ bén rễ, vươn lên, sống bền bỉ cùng núi rừng và con người nơi biên giới. Ông nhớ lại lời mình từng dặn dân bản: trồng cây phải yêu cây như con mình, chăm cây phải kiên trì, và bảo vệ rừng là bảo vệ mạch sống của đời sống.

Anh kỹ sư trẻ ngồi bên cạnh, ghi chép, quan sát, học cách thuyết phục, giám sát và chăm sóc cây. Ông nhìn anh, lòng thấy ấm áp: “Tre già thì măng mọc, nhưng măng phải được diu. Mình là hòn đá mài, mài bén thế hệ mai sau.” Ông tự nhủ rằng mọi bước đi, mọi lời giảng giải, mọi buổi công tác cùng dân bản đều là cách gieo niềm tin, gieo trách nhiệm vào máu thịt con người Kỳ Sơn.

Những cơn gió chiều cuối ngày thổi qua, mang theo hương rừng, hương đất, tiếng trẻ con cười rộn rã, tiếng lá cây xào xạc... tất cả hòa thành một bản nhạc miền

núi sống động, giàu nhịp điệu. Triền đồi Tây Sơn xanh tốt, trẻ con học chăm cây, già làng giám sát, dân bản gắn bó với rừng. Mỗi hạt giống pơ mu là một hạt giống niềm tin, mỗi cành cây, mỗi chiếc lá non đều nhắc nhớ thế hệ mai sau rằng cây cối, đất đai và con người đều liên kết thành một vòng đời bền vững.

Chương 18:

1. Mùa thu năm ấy (8/2015), sương rơi trên đỉnh Pu Xai như hơi thở mỏng của đất trời. Những cơn gió đầu mùa luôn qua khe lá pơ mu, mang theo mùi nhựa rừng ngai ngái. Trong gian nhà lợp gỗ pơ mun đã bạc màu theo nắng gió, Vừ Chông Pao nằm tựa trên chiếc giường tre, chân đắp mỏng, mắt nhìn xa xăm qua ô cửa sổ. Đã mấy tháng nay, ông ốm dặt dẹo. Thỉnh thoảng, cơn sốt kéo đến, mồ hôi túa ra ướt cả gối. Thỉnh thoảng, chỉ một cơn gió lạnh cũng đủ làm ông ho sặc sụa cả đêm. Con cháu thay nhau túc trực, mang thuốc men, sắc nước lá, gọi thầy thuốc huyện về khám, nhưng sức người khó cưỡng lại quy luật của thời gian. Ông đã bước qua tuổi tám mươi, mà đời người, như cây pơ mu ngoài sân, có lúc xanh biếc đâm chồi, có lúc lá úa phải rụng về với đất.

Buổi sáng nào còn sức, ông lại gượng dậy, dựa vào đầu giường, lấy cuốn vở cũ và chiếc bút đã sờn ra từ hồi còn công tác. Bàn tay run run, nhưng nét chữ vẫn ngay ngắn, từng dòng viết hiện ra chậm rãi, như tiếng suối chảy qua khe đá. Ông viết cho con, cho cháu, cho những đứa chưa kịp trưởng thành. Không phải di chúc của cải – cả đời ông chưa từng tích của; không phải lời dặn dò phô trương – ông ghét phô trương; chỉ là những câu chữ giản dị về cách làm người: sống ngay thẳng, thương rừng, thương đất, đừng để ai kéo nhau về lại con đường thuốc phiện, đừng để bản mường chia rẽ như thuở nào.

“Của để lại cho các con là rừng. Rừng giữ nước, giữ đất, giữ cái bụng no. Của để lại cho các cháu là tình đoàn kết. Người Mông, người Thái, người Khơ Mú, người Kinh... phải như bó đũa, bẻ một chiếc thì dễ, bẻ cả bó thì không.”

Những dòng chữ như thế chất đầy mấy cuốn vở mỏng. Ông không biết ngày nào sẽ là ngày cuối cùng, nhưng ông viết, để khi hơi thở tắt, lời của mình vẫn còn trên trang giấy, để bọn trẻ đọc lại mà biết ông đã từng nghĩ gì.

Chiều xuống nhanh hơn mọi khi. Ánh nắng muộn đỏ qua giàn gác trước sân, nhuộm đỏ những trái tròn căng. Đám trẻ con chơi dưới giàn gác vẫn ríu rít, chẳng ai để ý người già trong nhà đang nhìn ra với ánh mắt xa xăm. Có lẽ, chính chúng – những đứa trẻ ấy – mới là lý do khiến ông cố gắng sống thêm ngày nào hay ngày đó. Để chúng lớn lên mà không còn biết thế nào là đói, thế nào là giặc phi về bản, thế nào là súng nổ bên nương ngô.

Đêm hôm ấy, sương xuống dày hơn. Từ ngoài sân, tiếng côn trùng ngân như khúc hát tiền mùa. Trong gian nhà sàn, bếp lửa đã vãn từ lâu, chỉ còn khói thơm nhẹ của củi ngiến âm ỉ. Vừ Chông Pao trở mình, tay nắm lấy mép chăn. Hơi lạnh luôn qua khe vách, làm ông tỉnh giấc giữa khuya.

– Bà Lầu Y Xí... – giọng ông khàn khàn – bà dậy chưa?

Người vợ nằm bên, vốn cũng đã quen những đêm trở mình của chồng, khẽ ngồi dậy, nhóm thêm lửa. Ánh lửa lập lòe soi khuôn mặt bà hằn bao nếp nhăn, nhưng ánh mắt vẫn hiền hậu như thuở mới về làm dâu nhà họ Vừ.

– Tôi đây. Ông thấy khó thở à?

Ông lắc đầu, tay run run chỉ ra ngoài cửa sổ:

– Không, tôi thấy nhẹ lắm. Nhẹ như lá rơi cuối mùa. Tôi mơ thấy mẹ Y Xia, thấy thằng Páo Lữ, thấy anh Bá Đà... cả bố Vả Tổng nữa. Họ gọi tôi, bảo đường bên kia có rừng mật đang nở, có con suối mát lắm. Bà có nghe thấy không?

Bà Y Xí nén tiếng thở dài. Bà biết những người già trong bản, khi thấy người thân đã khuất về gọi, ắt là ngày sắp đến. Nhưng giọng bà vẫn mềm, vẫn cố giữ hơi ấm của ngọn lửa gia đình:

– Ủ, họ nhớ ông nên về báo mộng đây thôi. Nhưng giờ chưa phải lúc đi đâu cả. Còn các con, còn ba tư đứa cháu nội ngoại, ông chưa gặp chúng đầy đủ kia mà. Mai thằng Pó Sinh nó hẹn về rồi, thằng Páo Dên nó đi họp huyện cũng sắp về rồi. Ông cố mà ăn chút cháo, uống chút nước gừng cho khỏe.

Vừ Chông Pao nắm lấy tay vợ. Bàn tay ấy, bao năm dệt vải, giã bột, nuôi con, giờ cũng đã lạnh như đá suối mùa đông. Ông nhìn sâu vào đôi mắt ấy, như muốn ghi nhớ lần cuối:

– Tôi biết rồi, bà ạ. Thân già như cây trên đồi, đã đến mùa thay lá. Nhưng tôi thương lũ nhỏ... Chúng nó còn ham làm ăn, còn chưa thuộc hết chuyện cũ. Tôi muốn gọi chúng lại, dặn một lần. Bà nhớ bảo chúng đừng để người lạ dụ về thuốc phiện, đừng để rừng mật như bên Nậm Chà thửu ấy. Rừng mật, nước cạn, người khổ cả đời.

Bà Y Xí gật đầu:

– Tôi nhớ. Nhưng ông còn sức thì còn dặn. Ông còn nói được, còn viết được, là còn để lại hồn vía cho bản làng.

Ngoài hiên, gió hun hút thổi, đưa tiếng lá khô xào xạc. Vừ Chông Pao nhắm mắt, môi mấp máy:

– Mẹ Y Xia... con sắp về. Páo Lữ, con trai của cha. Cha nhớ hôm cha đi, con nói “khi nào cha về”... Anh Bá Đà, ta còn hẹn nhau thi bắn nỏ mà chưa kịp. Bố Vả Tổng, người dạy ta bắn cung ngày xưa, giờ con đã già như bố rồi.

Bà Y Xí bóp nhẹ tay ông, giọng lắng xuống:

– Đừng nói chuyện đi đâu nữa. Người sống thì phải nhìn về người sống. Mai một, tôi với ông còn dắt nhau ra ngắm ruộng lúa chín. Nhìn đám trẻ xòe vòng quanh đồng lửa. Còn mùa xòe nào, còn tiếng khèn nào chưa nghe hết đâu.

Vừ Chông Pao bật cười khẽ, tiếng cười khô khốc như lá rừng cháy:

– Ủ, còn nhiều lắm... nhưng hơi thở tôi, hình như rút dần như con nước đầu nguồn. Bà đừng khóc. Nếu mai này tôi đi, bà nhớ kể cho chúng về cái thời ta đói là vẫn không bán rừng, cái thời cả bản dựng nhà bằng tre, gỗ nghiêng mà ấm như lửa đêm nay.

Ông quay mặt ra ngoài, qua ô cửa sổ đã mờ sương, nơi đỉnh Pu Xai đang quần tằm khăn trắng bạc. Có lẽ, nơi ấy đang vẫy gọi những linh hồn của núi rừng – những người đã khuất mà ông vừa gặp trong mơ.

Ông im lặng một lát, rồi bỗng gọi khẽ:

– Bà Y Xí này... Bà còn nhớ ngày đầu ta gặp nhau không?

Bà ngạc nhiên, quay sang:

– Sao lại không nhớ? Cũng gần chục năm rồi còn gì.

– Không... – Pao lắc đầu, ánh mắt đăm chiêu – phải là hơn chục năm chứ.

Hôm ấy, tôi nhớ là cuối tháng chín năm 2004, xe tôi hỏng giữa đường, trên đường đi công tác xuống Mường Lống về, qua Huồi Tụ thì xe hư, khi ấy đêm đã khuya. Mưa đổ trắng trời, rừng như khép lại. Tôi gõ cửa xin ngủ nhờ nhà bà. Lúc đó bà còn là Chủ tịch Hội phụ nữ xã, trẻ lắm, ít hơn tôi ba mươi bốn tuổi. Còn tôi thì... già góa vợ đã gần ba năm, con cái đã lớn, trong lòng trống trơn như cái kho lúa mùa đông.

Bà Y Xí bật cười khẽ:

– Ồ, cái hôm ấy gió rít qua khe, mà ông lại mang mỗi cái chăn mỏng. Tôi nhóm bếp, pha trà gừng. Rồi hai người cứ thế ngồi kể chuyện, từ chuyện nương rẫy, chuyện giặc phi, đến chuyện chăn trâu, nuôi ong... Nói mãi, nói mãi, đến sáng gà gáy.

Pao gật gù, khóe miệng mím cười:

– Ừ, đêm ấy tôi nhớ như in. Ánh lửa soi khuôn mặt bà đỏ như quả gấc chín. Tôi không nghĩ mình lại mở lòng thêm một lần nữa. Nhưng trời thương người già, cho tôi gặp bà. Bà đâu biết, sáng hôm sau tôi đi mà cứ ngoái lại mấy lần, sợ bà đổi ý.

– Thế ai đổi ý đâu! – Bà Y Xí giả vờ trách – ông còn nhớ không, tôi còn bận việc xã, ông lại già cứng đầu, cứ nói: “Bà về với tôi, ta cùng dựng lại cái nhà cũ. Có cơm ăn cơm, có cháo ăn cháo.” Tôi nghĩ, người như ông – từng lội qua bao nhiêu chiến dịch, từng vực cả bản dậy từ bùn lầy – thì nghèo cũng chẳng sao.

Ông bật cười, tiếng cười khàn như khói bếp:

– Ừ, rồi bà về thật. Cái lán cũ đầy gió thành nhà ấm. Đám con tôi lúc đầu cũng còn ngỡ ngàng, nhưng bà lo từng bát cơm, vá từng manh áo, chúng mới coi bà như mẹ. Lâu dần, bà thành trụ cột. Không có bà, chắc tôi không đi được đến giờ.

Bà khẽ thở dài:

– Ông già rồi mà còn nhắc chuyện ấy làm gì? Thôi, nhắm mắt ngủ đi. Sáng mai con cháu về đông đủ, ông kể lại cho chúng nghe, chứ tôi thì nghe mòn tai rồi.

Pao khẽ cười, bàn tay xương xẩu tìm lấy tay bà:

– Tôi chỉ sợ mai này mình đi, chẳng còn ai kể lại chuyện đêm ấy. Cái đêm mưa gió mà lại hóa duyên lành. Ở đời, có khi duyên muộn lại thành phúc dài, bà nhi?

Bà Y Xí không đáp, chỉ gật nhẹ. Ngoài kia, gió Pu Xai vẫn rì rào như gõ cửa. Trong gian nhà sàn, lửa đã lụi dần, nhưng hơi ấm của hai bàn tay vẫn đan chặt vào nhau.

2. Đêm 25 tháng 8 năm 2015, trời Kỳ Sơn trở gió. Tiếng côn trùng kêu rả rích bên bờ Nậm Mộ. Ông Pao gần như không ngủ được. Thân nhiệt xuống thấp, hơi thở khô khè. Con trai cả ngồi bên giường, đặt tay lên trán cha, thấy lạnh như sương. Con gái út chong đèn, hơ mấy lá thuốc, hy vọng cha đỡ đau. Nhưng ông biết, chuyến đi này không có đường quay lại. Ông nhắm mắt, nhưng không ngủ, ký ức ùa về như sóng. Những năm tháng tuổi hai mươi, mang súng vào rừng, dẫn đội du kích Mường Ải đánh phi. Những cuộc họp dưới ánh đèn dầu, bàn chuyện bỏ thuốc phiện, bàn chuyện dựng trường, mở chợ. Những cánh rừng pơ mu dốc ngược, bàn chân ông từng đặt qua không biết bao lần.

Gần sáng, ông tỉnh giấc. Ngoài kia, gà bản gáy rộ. Ánh bình minh vừa nhú trên sườn Pu Xai, lấp ló qua giàn gác, rọi vào gian nhà sàn mùi gỗ nghiêng cũ. Ông mở mắt, cất tiếng khàn nhưng rõ:

– Gọi hết các con lại đây... Cha muốn nói vài điều.

Tùng khuôn mặt hiện ra trong làn khói bếp: thằng cả, con thứ, đứa út... đứa nào mắt cũng hoe đỏ. Ông gượng nhắc cánh tay gầy, chỉ ra ngoài cửa sổ:

– Đêm qua, ta lại thấy Y Dên... bà ấy cười như mùa hoa ban đầu bản. Lâu rồi ta không mơ bà ấy, từ ngày bà mất. Rồi ta lại thấy cả Y Trử nữa – cái dáng nhỏ nhắn hay mang nước lên nương. Hai người ngồi bên suối, vẫy ta. Các con có biết không... ta lấy Y Dên đầu tiên, bà ấy sinh ra 8 đứa con, nhưng thằng Páo Lử, A Dứ mất khi chưa biết bắn nỏ. Khi bà đi, ta nghĩ đời thôi rồi. Rồi Y Trử đến, vá lại nhà cửa, chăm đàn nhỏ. Nay hai bà ấy về cùng một chỗ, bảo đã làm xong nhà mới, đang chờ cha về ở cùng... cha mừng chứ không sợ.

Đám con cháu im lặng, chỉ nghe tiếng thở dài của gió lọt qua vách. Ông khẽ nắm tay con trai cả:

– Người già mà... như chiếc cầu gỗ qua suối, mục rồi phải thay. Nhưng cầu mục rồi thì mới có chỗ cho cầu mới. Ta đi, nhưng các con phải nhớ: giữ rừng, giữ đất, giữ cái bụng no; đừng để bản Mường chia rẽ như thuở nào.

Mắt ông ánh lên tia sáng lạ – không phải ánh lửa, không phải sớm mai – mà là ánh của một người đã sẵn sàng rời bến.

Ông lại nói, giọng yếu dần:

– Cha mệt lắm rồi. Hứa với cha, giữ rừng cho bản, giữ tình cho người.

Ông nhìn qua khung cửa, như muốn thấy lần cuối màu vàng úa của lá pơ mu đầu thu. Một hơi thở dài, rồi lặng lẽ buông xuống.

Sáng 26 tháng 8 năm 2015, anh hùng Vũ Chông Pao hóa thân vào lòng đất mẹ Kỳ Sơn.

3. Tin ông mất lan nhanh khắp huyện. Người già chống gậy từ bản ra. Học trò cũ gùi gạo, xách gà về viếng. Đồng đội du kích năm xưa, người còn, người mất; người đến được, người chỉ gửi vòng hoa và mấy dòng chữ run rẩy: “Thương nhớ thủ lĩnh Mường Ải”. Đám tang không cờ quạt linh đình, chỉ có những bước chân thật chậm, tiếng khóc nghẹn của bà con, tiếng khèn lá ai đó thổi tiễn đưa. Họ không khóc vì mất một cán bộ, họ khóc vì mất một người đã cùng họ qua bao đau bể.

Bên giàn gấc, mấy đứa trẻ vẫn chơi. Một đứa hỏi:

– Ông ấy là ai mà nhiều người đến thế?

Đứa kia trả lời:

– Ông Pao. Ông già hay cho kẹo tao hồi bé.

Chúng không biết, ông từng là nỗi khiếp sợ của thổ phỉ, từng một thời “gió thổi đến đâu, tên Vũ Chông Pao đến đó”. Chúng càng không biết, có những đêm đông, ông mang chăn đến từng nhà, vận động bỏ thuốc phiện, có những mùa giáp hạt, ông bung bát cơm chia cho đứa trẻ đói.

Những ngày sau lễ tang, huyện lập một buổi tưởng niệm nhỏ. Không cờ hoa, không khẩu hiệu, cũng chẳng có diễn văn dài dòng – chỉ là gian nhà sàn cũ giữa thị trấn Mường Xén, nơi những người từng gắn bó với ông Pao tụ họp, nhấp chén trà nóng, khói thuốc quyện với hơi sương. Ai nấy đều mặc giản dị, mặt nghiêm nhưng mắt lấp lánh những ký ức chưa kịp tan.

Một cán bộ trẻ, giờ đã là Bí thư Đảng ủy xã, đứng lên đầu tiên. Anh đưa tay vuốt vành mũ:

– Lần đầu em gặp bác Pao, bác hỏi: “Cháu có biết bó đũa không?” Em cười bảo: “Nhà cháu vẫn ăn bằng đũa.” Bác bảo: “Không phải ăn, mà là sống. Một chiếc thì bẻ được, cả bó thì không. Người Kỳ Sơn cũng thế. Một bản tự sống thì nghèo, cả huyện cùng làm mới khá.” Lúc ấy em còn trẻ, nghĩ bác nói chuyện đời xưa, nhưng về sau mới hiểu: bác nói chuyện hôm nay, chuyện đời con cháu.

Tiếng gió thổi qua hiên, những ngọn pơ mu bên ngoài nghiêng mình, như cũng lắng nghe. Một già làng tóc bạc trắng, lưng còng nhưng mắt sáng, chống gậy đứng lên. Giọng ông khàn khàn:

– Hồi ấy, bản tôi còn trồng thuốc phiện. Người già bảo: “Không có nó, lấy gì mà ăn?” Ông Pao đến, không bắt, không dọa, không họp loa phường âm ỉ. Ông ngồi bên bếp, uống bát rượu, hút chung điếu thuốc, rồi nói: “Người Mông đời đời kiếp kiếp trồng thuốc phiện, nhưng trồng mãi không thấy ai giàu, chỉ thấy mất. Con trai chết, con gái đi nợ. Thôi bỏ.” Từ đó bản bỏ thật. Năm đầu khó, ông mang giống ngô, mang muối, còn cho trâu mượn cày. Giờ bản tôi trồng chè, trồng sa nhân, ai cũng nhớ ông.

Một người đàn ông trung niên, dáng khỏe, tay chai sần, lúng túng đứng dậy. Anh là lái xe của huyện suốt hơn hai mươi năm. Anh cười, mà nước mắt chảy:

– Có lần xe em hỏng ở dốc Năm Căn, tuyết phủ trắng trời. Em định gọi cứu hộ, nhưng điện thoại không có sóng. Ông Pao ngồi ghé sau, thấy thế, ông không trách, không la. Ông cởi áo khoác, chui xuống gầm xe, lấy đá chèn bánh, gửi từng bao gạo xuống cho dân bản dưới chân dốc, bảo: “Xe nằm đây, người không được nằm theo.” Hôm ấy, gió lạnh cắt da, ông ướt hết vai áo, nhưng sáng hôm sau lại tiếp tục đi. Em bảo: “Sao ông không nghỉ?” Ông cười: “Rừng không nghỉ, suối không nghỉ, mình nghỉ sao được.”

Một người đàn ông lưng còng, tóc đã bạc trắng, chông gậy, đi từ Na Ngoi ra, vai còn sẹo đạn, đeo tấm huân chương bạc màu trên ngực, đứng lên. Giọng ông run nhưng rắn:

– Tôi với Pao cùng một đội du kích Mường Ải. Trận Năm Hắc, đạn bay như mưa, tôi trúng một viên ngay vai, ngã xuống. Ông ấy không chạy, còn gửi tôi ra khỏi ổ phục kích, sau đó quay lại thu súng. Lúc ấy chúng tôi đói, ăn ngô non với măng, nhưng ông Pao vẫn cười, bảo: “Sống được là thắng. Núi còn, người còn.” Nếu hôm đó không có ông, chắc tôi không đứng đây kể chuyện.

Cả gian nhà lặng im.

Một phụ nữ mặc áo xanh công nhân, tóc điểm bạc, cầm cuốn sổ cũ. Bà từng làm cùng ông Pao thời vận động bỏ thuốc phiện, mở trường. Bà kể:

– Có năm, chúng tôi đi từng bản, người ta sợ chính sách mới, không cho ngủ nhờ. Ông Pao cười, ngồi ngoài hiên cả đêm, sáng dậy, tự tay bung bát cháo của họ. Lúc họ hỏi: “Sao không giận?” Ông bảo: “Bản nghèo vì sợ, không vì lười. Mình giúp họ bỏ sợ trước đã.” Nhờ thế, sau đó bản mở trường, giờ lũ trẻ biết chữ, có người làm cán bộ huyện.

Một cụ bà rụt rè bước lên, tay ôm cái gùi trống trơn:

– Năm đói, tôi có ba đứa con, không còn gạo. Ông Pao gửi về cho một túi muối, một con gà, một bao ngô giống. Tôi bảo: “Ông là ai mà cho?” Ông cười: “Tôi là người bản, cũng đói, nhưng bản này không ai được chết đói.” Nhờ ông, con tôi sống, giờ đứa út cũng có cháu bé rồi.

Cuối cùng, một thanh niên mặc áo sơ mi trắng, cổ đeo thẻ công chức, cúi đầu thật thấp. Giọng anh nghẹn:

– Tôi mồ côi cha mẹ từ nhỏ. Hồi mười tuổi, tôi đi chăn bò thuê, gặp ông Pao. Ông hỏi: “Muốn đi học không?” Tôi gật. Ông đưa về, cho ăn, cho chữ, cho cả đôi dép mới. Mười lăm năm, tôi học hết phổ thông, xuống Vinh học đại học. Ngày ra trường, ông viết thư: “Không cần về trả ơn, về dựng nhà, trồng rừng là được.” Hôm tôi về thăm, ông đã yếu, vẫn dặn: “Nhớ rừng. Rừng giữ nước, nước giữ người.”

Cả gian nhà im lặng. Máy người trẻ ngồi nghe, mắt nhìn xa ra rừng pơ mu. Ngoài kia, sương đã nhạt, nắng xiên qua hiên, khói hương mỏng như sợi chỉ. Người ta không ai bảo ai, đều đứng lên cúi đầu thật lâu trước di ảnh Vừ Chông Pao.

Giờ phút ấy, không phải tiếng trống, tiếng khèn, mà là tiếng lòng của cả bản.

Chiều hôm đó, khi mặt trời như viên ngọc đỏ lặn dần xuống triền núi phía Tây, cả bản như nín thở. Gió từ Nậm Mộ mang hơi lạnh đầu mùa, lùa qua những vạt lau bạc, những thân pơ mu ngàn tuổi khẽ rùng mình như báo hiệu một giờ khắc thiêng liêng. Trên con đường đất đỏ dẫn lên đồi cao, đoàn người nối nhau, đầu cúi thấp, chân bước đều mà nặng trĩu. Họ gù nhau đi, không hện mà thành dòng, như suối ngầm đêm mưa dồn hết về một phía: phía nơi người già ấy sẽ nằm xuống – nơi ông Vừ Chông Pao, cột mốc của cả vùng, sắp trở về với lòng đất mẹ.

Quan tài bằng gỗ nghiến, loại gỗ ông từng bảo “sống cùng rừng, chết cũng nhờ rừng”. Bốn người thanh niên khiêng quan tài, bước đi trên con đường đất đỏ quanh co dẫn lên đồi. Tiếng khèn Mông nào nùng xen lẫn tiếng trống, tiếng chiêng, từng hồi như nhịp tim của cả bản. Trên đồi, những cây pơ mu cao vút rì rào gió, lá rụng lả tả như những bàn tay tiễn đưa.

Bà Lầu Y Xí đi sau cùng, tay cầm bó hương, đầu quấn khăn trắng. Bà không khóc thành tiếng, chỉ thỉnh thoảng ngược nhìn lên trời:

– Ông đi rồi, rừng còn đấy, bản còn đấy, con cháu ông còn đấy... chỉ mong ông yên lòng.

Trẻ con đứng xếp hàng hai bên lối, những gương mặt chưa hiểu hết sự mất mát, chỉ thấy một đám đông lặng lẽ đi qua. Có đứa thì thào:

– Đây là ông Pao từng kể chuyện bó đũa đó hả mẹ?

Người mẹ gật đầu, mắt đỏ hoe:

– Phải, ông ấy bảo: “Của để lại cho bản là rừng, của để lại cho con là đoàn kết.”

Lên đến đỉnh đồi, đất đã đào sẵn, đỏ như máu đất mùa thu. Quan tài được hạ xuống chậm rãi, từng sợi dây thừng rít khe khẽ. Thầy mo đọc bài khấn tiễn đưa: nào là báo với tổ tiên, nào là xin thần núi thần sông giữ cho linh hồn ông thong dong qua đốc, nào là dặn pơ mu đừng rụng lá sớm.

Gió thổi qua, mang theo mùi nhựa rừng ngai ngái. Trên bầu trời, chim lượn thành vòng như cũng đưa tiễn. Những người đàn ông bản cầm xéng xúc từng nhát đất, rải lên nắp quan tài. Mỗi nhát như một tiếng gọi: Pao ơi, nằm lại đi, núi rừng này là nhà của ông.

Bà Y Xí tiến lên, đặt lên mộ một nhánh pơ mu non – cây ông từng ươm từ mười năm trước, giờ đã bén rễ.

– Ông bảo: “Pơ mu sống trăm năm mới thành bóng mát.” Thì ông đi trăm năm cũng không ai quên.

Đám tang không có tiếng khóc rên, chỉ có những tiếng thở dài nối nhau. Người già đứng tựa gậy, nhớ thời trai trẻ theo ông kháng phi. Thanh niên siết chặt tay nhau, nhớ những buổi ông dặn giữ rừng. Phụ nữ lau nước mắt, nhớ những lần ông gùi muối, gùi gạo giúp bản vượt qua mùa đói.

Khi nắm đất đã vun tròn, người ta dựng bên mộ một cây cột gỗ khắc tên: Vừ Chông Pao (1930–2015). Dưới tên là dòng chữ ông từng tự viết: *“Rừng giữ người, người giữ rừng.”*

Chiều xuống, sương từ Nậm Mộ lại trườn lên ngọn đồi. Cánh pơ mu rì rào như hát. Đám đông tản ra, chỉ còn lại vài bóng người cúi thấp trước mộ. Trong khoảng lặng ấy, dường như nghe thấy tiếng ông vang từ gió:

– Hãy sống ngay thẳng. Đừng để bản mệnh chia rẽ như thuở nào...

Bà Y Xí quay về, gùi rỗng sau lưng, nhưng lòng đầy áp kỷ niệm. Bà biết, từ nay mỗi độ thu về, mỗi khi gió qua đồi, tiếng pơ mu lại nhắc tên ông.

Ngọn đồi chìm dần vào màn sương bạc. Trên cao, cột gỗ lặng im, nhánh pơ mu non rung khẽ. Hướng chôn ấy, người bản nói, là hướng mặt trời lên: mỗi sớm, tia nắng đầu tiên sẽ chạm vào nắm đất này, sưởi cho giấc ngủ ông ấm mãi. Đêm xuống, sao trời tụ về trên đỉnh, như những đóm lửa giữ hồn ông bên bản.

Từ ấy, đồi pơ mu có thêm một cái tên: Đồi Ông Pao. Trẻ chăn bò chiều chiều vẫn lên, nghe gió kể chuyện người giữ bản, giữ rừng. Người đi rừng đêm mưa vẫn ghé, đặt củi khô bên gốc pơ mu, khấn một câu: *“Ông Pao ơi, che lửa cho con.”* Và mỗi mùa thu về, lá pơ mu lại rụng vàng như mưa, như nghìn bàn tay tiễn đưa ông thêm một lần nữa.

4. Những cuốn vở ông để lại được xếp ngay ngắn vào tủ gỗ nghiêng của gia đình. Trên gáy còn lằn mồ hôi tay, mùi khói bếp thoảng trong từng trang giấy úa màu. Bản chép lại một bản gửi lên huyện, nói rằng: *“Đây là tiếng người già để lại cho người ở lại.”* Không có dấu son, cũng chẳng có con dấu, chỉ mấy trang viết run run, nhưng từng nét như khắc xuống lòng đất đỏ.

Dòng đầu tiên giản dị như đời ông:

“Tôi sinh ra mùa thu, nay cũng mùa thu mà đi. Núi rừng này, đời này không của riêng ai. Ai cũng có một chỗ nằm, nhưng đất chỉ một lần chôn, rừng chỉ một lần mất. Các con, các cháu, nhớ giữ.”

Sau đó là mấy trang rời, như từng hơi thở cuối ông gắng nén lại. Ông không viết theo hàng lối văn chương, chữ trước chữ sau nhiều chỗ còn lộn xộn, nhưng ý thì rõ như nước đầu nguồn.

Ông dặn con cháu trước hết:

“Của để lại cho các con không phải vàng bạc, mà là cách sống. Đất này nuôi mình, thì đừng làm đất cạn. Rừng này giữ mình, thì đừng để rừng đau. Nhà nghèo không sợ, chỉ sợ lòng nghèo. Các con đi đâu, nhớ gốc. Lưng phải thẳng, mắt phải nhìn người, không nhìn xuống tay.”

Rồi ông nhắc cán bộ, đảng viên trong bản, trong xã:

“Tôi làm chủ tịch mấy chục năm, rồi nghỉ, rồi vẫn họp. Tôi không để chức trong tay, tôi để nó trên vai. Ai đeo thì phải biết nặng. Đừng để chức thành cái áo,

mặc vào thì bóng, cởi ra thì rách. Đẳng cử mình ra, dân cử mình ngồi, thì mỗi chữ ký phải nghĩ ba lần: nghĩ núi, nghĩ sông, nghĩ người.”

Rồi ông lại viết: *“Cán bộ ăn lương dân, phải nhớ. Không giữ rừng, dân đói. Không giữ lời, dân chán. Đừng lấy rừng chia nhau, đừng lấy đất đổi chức. Đời cán bộ không dài hơn đời cây dâu.”*

Đến lượt thanh niên, ông viết dài hơn, có lẽ vì thương họ nhiều:

“Các cháu ơi, tôi cũng từng hai mươi tuổi, từng đói cơm, khát chữ. Nay đường đã mở, trường đã xây, đừng để con chữ nằm không. Đi học không phải để bỏ bản, mà để bản còn người biết chữ, biết luật, biết giữ mình. Ai đi xa thì nhớ về, ai ở gần thì nhớ nâng nhau. Chơi điện thoại cũng được, nhưng tay còn biết cầm cuốc. Hát bài mới cũng được, nhưng tai còn nghe khèn, nghe chiêng. Không có cái gốc, cây không đứng được.”

“Các cháu khỏe, chân đi được xa, mắt nhìn được xa. Học lấy chữ, nhưng đừng quên nương. Nương nuôi miệng, chữ nuôi đầu. Cả hai đều thiếu, đói thôi.”

Ông còn để riêng một trang cho học sinh, sinh viên – những đứa ông từng gửi gạo cho ăn, từng chống gậy lên huyện xin học bổng:

“Học cho giỏi không phải để giàu, mà để đỡ nghèo cho bản. Có cái bằng, có cái chữ, thì về dạy lại. Thành phố sáng, nhưng không có sao bằng sao trên đồi. Đừng quên tiếng mình, đừng quên khói bếp, đừng quên người mẹ vá áo đêm đông. Bản cần người đi, nhưng cũng cần người về.”

Có đoạn, chữ nhòe, chắc tay ông run:

“Tôi không có nhà to, tôi chỉ có mấy sườn đồi đã giữ rừng. Tôi không có tiền nhiều, tôi chỉ có tiếng nói đã giữ người. Mai này tôi nằm xuống, đừng dựng bia lớn, đừng làm ma to. Chỉ cần cây pơ mu còn đứng, suối còn chảy, lúa còn vàng – thế là đủ.”

Bên lề vở, ông còn gạch mấy chữ:

“Ai phá rừng thì rừng khóc. Ai giữ rừng thì rừng nuôi.”

Câu ấy, cả bản chép đi chép lại, dán lên cửa nhà văn hóa, treo ở trường học.

Người huyện lên đọc, gật gù: *“Không phải chỉ là di chúc, mà là một thứ hương ước mới, của bản, cho bản.”*

Thanh niên nghe, lặng đi. Có đứa bảo: *“Già rồi mà viết như nói chuyện bên bếp lửa.”*

Cán bộ xã thở dài: *“Cái này để trong tủ không đủ, phải để trong bụng.”*

Vài hôm sau, người ta đem bản sao về các trường. Học sinh đọc trong giờ chào cờ. Có đứa vừa mới rời ghế cấp ba, đọc đến câu: *“Học để về, không phải học để đi luôn.”* mà nuốt nước mắt.

Sinh viên trên tỉnh gọi điện về: *“Thầy ơi, tụi con đọc rồi. Con đi xa, nhưng con vẫn còn bản.”*

Cán bộ huyện lấy đó làm tài liệu họp chi bộ. Họ không trích hết, chỉ đọc mấy câu: “*Chức không phải áo, chức là vai. Rừng không phải tiên, rừng là người.*”

Nhưng nghe xong, ai nấy đều gật.

Đến cả người già trong bản, chữ nghĩa không thạo, cũng nhắc nhau: “*Già Pao dạn rồi, đất chôn một lần, rừng mất một lần. Đừng để mất lần hai.*”

Những cuốn vở ấy, không có bìa đẹp, không có chỉ mực. Nhưng mỗi lần mở ra, mùi khói bếp, mùi đất, mùi nhựa pơ mu như còn vương. Mỗi chữ ông để lại, như cái gùi rỗng cho thế hệ sau tự lấp đầy. Và trong những ngày gió heo may thổi qua bản, người ta vẫn nghe trẻ đọc thuộc lòng câu ông viết, giọng trong veo vang giữa sương chiều.

Thời gian trôi. Những mùa gió mới lại về trên đỉnh Pu Xai. Giàn gác trước sân đã thay hai lần dây. Đám trẻ ngày nào giờ đã lớn, có đứa đi học xa, có đứa làm cán bộ bản. Họ không kể nhiều về ông, nhưng trong lễ hội, vẫn còn ai đó nhắc: “Ngày xưa, ông Pao trồng hàng cây pơ mu này đó.” Hay trong buổi họp bản, ai đó lại nhắc câu bó đũa. Thế là đủ.

Vừ Chông Pao ra đi, nhưng đại ngàn Kỳ Sơn vẫn xanh. Dòng Nậm Mộ vẫn chảy, mang theo phù sa, mang theo cả bóng dáng một người từng đi qua thời loạn lạc, từng dựng lại bản mường, từng giữ rừng cho cháu con.

Ông sinh vào mùa thu. Ông ra đi cũng mùa thu. Mà mùa thu thì năm nào cũng trở lại, như một lời hẹn của đất trời: có người đi, nhưng rừng ở lại; có lá rụng, nhưng mầm vẫn đâm lên□